

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

VẬT CHẤT TỐI CỦA NGÀI
III

ÔNG NHỎM HỒ PHẠCH

PHILIP PULLMAN



KIM ĐỒNG

NHA XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Trang Rose dịch

 **WingsBooks**

[ebook©vctvegroun]

Vật Chất Tối Của Ngàì - Tập 3 - Ổng Nhòm Hồ Phách

—★—

Tác giả: Philip Pullman

Người dịch: Trang Rose

Phát hành: WingsBooks

Nhà xuất bản Kim Đồng 2020

Hãy kể về sức mạnh của Người, hát về vẻ thanh nhã của Người,
Áo choàng là ánh sáng, màn che tỏa không trung;
Cỗ xe cuồng nộ ấy nơi mây giông thành hình,
Con đường cánh bão tố Người đi là bóng tối.

Robert Grant, trong *Thánh ca xưa và nay*.

Hỡi các vì sao,
chẳng phải do các người mà kẻ si tình khao khát
được thấy mặt người yêu? Chẳng phải sự hiểu biết
đầy thâm lặng của y
về nét mặt thuần khiết của nàng
tới từ những chòm sao thanh khiết?

Rainer Maria Rilke, *Khúc bi ca Duino thứ ba*

Trong *Tuyển tập thơ của Rainer Maria Rilke*

(Stephen Mitchell dịch từ tiếng Đức sang tiếng Anh)

Những dải hơi nước mịn màng phả ra từ các sinh vật sống.
Trời đêm se lạnh, nhẹ nhàng và tràn ngập thiên thần
Thình thịch nã xuống những vật sống. Các nhà máy đều sáng đèn,
Tiếng chuông hòa âm vang vọng mà chẳng ai nghe.
Chúng ta cuối cùng cũng được bên nhau,
dẫu cho muôn trùng xa cách.

John Ashbery, *Giáo sĩ*

Trong *Sông và núi*

Ổng nhòm hồ phách là phần thứ ba và cũng là phần cuối của bộ truyện VẬT CHẤT TỐI CỦA NGÀI, một câu chuyện ba tập khởi đầu ở *Bắc Cực Quang* rồi nối tiếp bằng *Con dao kì ảo*. Tập cuối di chuyển giữa vài vũ trụ khác nhau.

1

Kẻ say ngủ bị bỏ bùa mê

*Khi lũ thú săn mồi,
Từ hang tối sâu thẳm,
Nhìn cô hầu say giấc.*

William Blake

Trong một thung lũng rợp bóng đổ quỳên, sát với đường băng vĩnh cửu, nơi dòng sông mang màu trắng đục do nước từ băng tan tung bọt và nơi bờ cây cùng khổng tước bay giữa những rừng thông bạt ngàn, lấp ló một hang động bị che khuất gần hết bởi vách núi cheo leo phía trên và đám lá cứng đờ nặng nề tím tùm bên dưới.

Khu rừng tràn ngập âm thanh: dòng nước chảy giữa các khe đá, gió luồn qua đám lá kim trên những cành thông, côn trùng rả rích, thú có vú nhỏ sống trên cây gọi bạn, và chim chóc líu lo. Cứ chốc chốc, một đợt gió mạnh sẽ khiến các cành tuyết tùng hay linh sam cọ vào nhau rồi rền rĩ kêu như tiếng đàn cello.

Đó là một nơi ánh nắng chan hòa, không bao giờ ngừng lung linh; những tia sáng màu vàng chanh chói lọi đâm xuyên xuống nền rừng giữa những vệt và mảng râm màu xanh nâu; ánh sáng đó cũng không bao giờ chịu đứng yên, không bao giờ ổn định, do sương mù trôi dạt thường xuyên lơ lửng giữa những ngọn cây, lọc toàn bộ ánh nắng thành bảy sắc cầu vồng long lanh như ngọc trai và quét lên mọi quả thông một lớp nước ẩm khiến

chúng lấp lánh khi sương tan. Đôi khi, không khí ẩm trong những đám mây cô đọng lại thành các hạt bé tí như sương mù nửa mưa, chúng lơ lửng hạ xuống chứ không phải rơi, tạo ra tiếng lộp độp rất khẽ giữa hàng triệu chiếc lá nhọn.

Bên cạnh dòng sông có một lối đi nhỏ dẫn từ một ngôi làng - chỉ đông hơn một tổ hợp nhà ở của những người chăn gia súc chút ít - dưới chân thung lũng, đến một ngôi đền hầu như đã hoang tàn gần phía đầu của dòng nước, một nơi có những ngọn cờ lụa bạc phấp phất tung bay trong luồng gió không ngừng thổi tới từ rặng núi cao, nơi bánh lúa mạch và trà khô được các dân làng ngoan đạo cúng tế. Một hiệu ứng kì lạ của ánh sáng, băng giá và hơi nước bao lấy đỉnh thung lũng bằng những dải cầu vồng không bao giờ tan.

Hang động nằm phía trên lối đi một chút. Nhiều năm trước, một người sùng đạo đã sống ở đó, thiền định, nhịn ăn và cầu nguyện. Người ta tỏ lòng tôn kính với nơi này vì kí ức gắn với ông. Nó sâu khoảng mười mét, sần sùi: Hang ổ lí tưởng cho một con gấu hoặc một con sói, tuy vậy những sinh vật duy nhất sống trong đó nhiều năm trời lại là chim chóc và dơi.

Nhưng hình hài đang co quắp bên trong lối vào, đôi mắt đen láo liên quan sát mọi hướng, đôi tai thính nhạy vểnh lên, lại chẳng phải là chim hay dơi. Ánh nắng phả mạnh xuống bộ lông vàng óng ả của nó, đôi tay khi xoay một quả thông hết hướng này lại sang hướng kia, bẻ gãy từng nhánh bằng những ngón tay thoăn thoắt rồi cào lấy quả hạch ngọt lịm bên trong.

Đằng sau nó, ngay bên trong vạch nắng chiếu tới, Phu nhân Coulter đang đun nước trong một cái xoong nhỏ trên bếp dầu. Khi con linh thú khẽ rên lên cảnh báo, bà liền ngược nhìn.

Bước theo lối mòn trong rừng là một cô gái nhỏ trong làng. Phu nhân Coulter biết cô là ai: Đã vài ngày rồi Ama luôn mang đồ ăn tới cho bà. Lúc mới đến, Phu nhân Coulter đã lo lắng rằng bà là một người sùng đạo đang thực hiện thiền định và cầu nguyện, kèm theo lời thề không bao giờ nói chuyện với đàn ông. Ama là người duy nhất bà cho phép ghé qua.

Tuy nhiên lần này cô bé không đi một mình. Cha cô đi cùng, đứng đợi cách đó không xa, trong lúc Ama trèo lên hang động.

Ama tới cửa động rồi cúi chào.

“Cha cử con đến cùng với lời cầu nguyện cho thiện chí của bà,” cô bé lên tiếng.

“Chào cháu gái,” Phu nhân Coulter nói.

Cô bé đặt cái bọc quần trong vải cotton đã bạc màu mình đang ôm xuống chân của Phu nhân Coulter. Sau đó cô chìa ra một bó hoa nhỏ, khoảng một tá cỏ chân ngỗng được buộc lại bằng một dải cotton, rồi bắt đầu nói bằng giọng liền thoắt đầy căng thẳng. Phu nhân Coulter hiểu được chút ít thứ ngôn ngữ của những cư dân vùng núi này, nhưng không bao giờ để cho họ biết chút ít đó là ngần nào. Vì vậy bà mỉm cười ra hiệu cho cô mím môi lại, rồi quan sát linh thú của hai người. Con khỉ vàng đang chìa ra bàn tay đen đúa nhỏ xíu của mình, con linh thú bướm bướm của Ama liền rập rờn bay lại gần, gần nữa cho đến khi nó đậu lên ngón tay trở chai sạn.

Con khỉ từ tốn nâng nó lên tai mình, Phu nhân Coulter lập tức cảm thấy một luồng thấu hiểu nhỏ xíu tuôn vào tâm trí mình, khiến cho những lời của cô bé trở nên rõ ràng. Dân làng lấy làm mừng khi một nữ sĩ sùng đạo như bà tìm chỗ ẩn trú trong hang động, nhưng người ta đồn thổi rằng bà có người đi cùng, một người về mặt nào đó rất nguy hiểm và hùng mạnh.

Đó là điều khiến dân làng e sợ. Nhân vật còn lại này liệu là chủ nhân của Phu nhân Coulter, hay là bày tôi của bà ta? Liệu bà ta có ác ý gì không? Bà ta đến đây với mục đích gì? Họ có định ở lâu không? Ama truyền tải những câu hỏi này cùng với vô vàn mối lo ngại.

Một câu trả lời khác lạ nảy ra trong đầu Phu nhân Coulter khi sự thấu hiểu của con linh thú thấm vào bà. Bà có thể nói sự thật. Không phải tất cả, hẳn nhiên rồi, mà là một vài điều. Bà cảm thấy người khẽ run lên khoái trá trước ý tưởng đó, nhưng lại không để lộ ra trong giọng nói khi giải thích:

“Phải, có một người đang ở cùng với ta. Nhưng không có gì phải sợ cả. Đó là con gái ta, nó đang chịu một lời nguyện khiến nó say ngủ. Chúng ta

phải đến đây để trốn kẻ đã bỏ bùa con bé, trong lúc ta cố gắng chữa trị cho nó và bảo vệ nó khỏi nguy hiểm. Đến nhìn nó đi, nếu cháu muốn.”

Ama đã đi phần nào nhờ giọng nói nhẹ nhàng của Phu nhân Coulter, nhưng vẫn còn lo sợ một phần; nhắc đến kẻ bỏ bùa và lời nguyện lại càng khiến cô kinh hãi hơn. Nhưng con khỉ vàng lại đang ôm linh thú của cô hết mực dịu dàng, bên cạnh đó, bản thân cô cũng tò mò, vậy là cô theo chân Phu nhân Coulter vào trong động.

Cha cô bé ở con đường bên dưới bước tới trước một bước, con linh thú quạ của ông vung cánh lên vài lần, nhưng ông vẫn giữ nguyên vị trí.

Phu nhân Coulter thắp một ngọn nến vì ánh sáng đang yếu đi nhanh chóng, rồi dẫn Ama vào phía sau hang động. Đôi mắt của cô gái nhỏ long lanh trong bóng tối, hai bàn tay cô cùng cử động theo động tác lặp đi lặp lại của một ngón tay trên ngón cái, rồi lại một ngón tay trên ngón cái, để xua đi hiểm nguy hay khiến các linh hồn xấu xa bị rối loạn.

“Cháu thấy không?” Phu nhân Coulter nói. “Con bé không làm hại được ai đâu. Không có gì phải sợ hãi cả.”

Ama nhìn dáng người nằm trong túi ngủ. Đó là một cô bé có lẽ lớn hơn cô khoảng ba hay bốn tuổi gì đó. Mái tóc cô mang màu sắc mà Ama chưa từng thấy bao giờ - một màu vàng hung giống như bờm sư tử. Môi cô mím chặt lại với nhau, cô đang ngủ rất say, không có gì phải nghi ngờ, vì linh thú của cô đang nằm cuộn tròn và ngủ li bì bên cổ cô chủ. Nó mang hình dáng của một sinh vật giống như cây mangut, nhưng lại có màu vàng đỏ và nhỏ người hơn. Con khỉ vàng ân cần vuốt mượt lông giữa hai tai con linh thú đang say ngủ, và Ama thấy sinh vật cây mangut kia cựa quậy với vẻ không thoải mái rồi khẽ kêu lên một tiếng meo khàn đục. Linh thú của Ama, trong dạng chuột, nép sát vào cổ Ama trong lúc hoảng hốt nhòm qua tóc cô.

“Cháu có thể kể lại cho cha mình những gì đã thấy,” Phu nhân Coulter nói tiếp. “Chẳng có linh hồn ma quỷ nào cả. chỉ là con gái ta, say ngủ vì bùa chú, và đang được ta chăm sóc. Nhưng làm ơn, Ama ạ, hãy nói với cha cháu rằng việc này nhất quyết phải được giữ bí mật. Không ai khác ngoài hai người được biết Lyra đang ở đây. Nếu kẻ bỏ bùa biết được vị trí của con bé,

hắn sẽ lòng tìm rồi hủy diệt nó, cả ta nữa, và tất cả mọi thứ xung quanh. Nên là suy! Kể với cha cháu, nhưng không một ai khác nữa.”

Bà quỳ xuống bên cạnh Lyra, vuốt lọn tóc ướt ra khỏi gương mặt say ngủ và cúi thấp xuống để hôn lên má con gái mình. Rồi bà nhìn lên với đôi mắt buồn bã đầy tình thương và mỉm cười với Ama bằng một vẻ thương cảm mạnh mẽ đến nỗi cô gái nhỏ cảm thấy nước mắt đang ập lên che lấp tầm nhìn.

Phu nhân Coulter cầm tay Ama khi hai người quay trở lại lối vào hang động, họ thấy cha cô bé đang lo lắng nhìn lên từ phía dưới. Người phụ nữ chắp hai tay lại với nhau rồi cúi chào ông, ông đáp lại với vẻ nhẹ nhõm trong khi con gái mình, sau khi đã cúi chào cả Phu nhân Coulter lẫn người đang say ngủ vì bùa chú, quay đi rồi chạy thật nhanh xuống con dốc trong ánh chạng vạng. Cha và con cùng nhau cúi chào hang động một lần nữa rồi ra về, biến mất trong bóng tối của đám đống quỳên dày đặc.

Phu nhân Coulter quay lại với xoong nước trên bếp, lúc này đã gần sôi.

Bà cúi xuống nghiền một ít lá khô để cho vào đó, bỏ hai nhúm từ túi này, một từ túi kia, rồi thêm ba giọt của một thứ dầu màu vàng nhạt. Bà khuấy nhanh hỗn hợp đó, nhắm đếm trong đầu cho tới khi năm phút trôi qua. Sau đó bà bắc xoong xuống khỏi bếp và ngồi chờ chất lỏng nguội đi.

Xung quanh bà rải rác vài dụng cụ từ chỗ cắm trại bên hồ nước xanh biếc nơi Ngài Charles Latrom đã chết: một cái túi ngủ, một balô có quần áo để thay và đồ tắm rửa, vân vân. Ngoài ra còn có một hộp vải bạt lấp khung gỗ chắc chắn lót bông gạo, chứa đủ thứ thiết bị; và một khẩu súng lục đựng trong bao.

Nước sắc nhanh chóng nguội đi trong không khí loãng. Ngay khi nó hạ xuống nhiệt độ của máu, bà cẩn thận đổ vào một chiếc cốc kim loại có mở rồi mang ra khu phía sau của hang động. Con khỉ vàng thả rơi quả thông xuống để cùng đi với bà.

Phu nhân Coulter cẩn thận đặt cái cốc lên một hòn đá thấp rồi quỳ xuống bên cạnh Lyra đang ngủ. Con khỉ vàng thu người ngồi ở bên còn lại của bà, sẵn sàng tóm lấy Pantalaimon nếu nó tỉnh dậy.

Tóc của Lyra hơi ẩm, mắt cô động đậy phía sau mí mắt nhắm nghiền. Cô bắt đầu cựa quậy: Phu nhân Coulter đã cảm thấy lông mi của cô bé động đậy khi bà hôn cô, và biết rằng không bao lâu nữa Lyra sẽ tỉnh lại hoàn toàn.

Bà luồn một tay xuống dưới đầu cô bé, còn tay kia nhắc những lọn tóc ẩm ra khỏi trán cô. Môi Lyra hé mở, cô khẽ rên lên; Pantalaimon dịch lại gần ngực cô hơn một chút. Đôi mắt con khỉ vàng không hề rời khỏi linh thú của Lyra, những ngón tay nhỏ xíu đen đúa của nó giật giật nơi mép túi ngủ.

Một cái nhìn từ Phu nhân Coulter khiến nó liền thả ra rồi lùi lại khoảng một gang tay. Người phụ nữ nhẹ nhàng nhắc cô con gái lên, để vai cô rời khỏi mặt đất và đầu ngả ra. Lyra hít mạnh rồi mở hé mắt, chớp chớp một cách nặng nề.

“Roger,” cô lầm bầm. “Roger... cậu ở đâu... tớ không thấy được...”

“Suyt,” mẹ cô thì thầm, “suyt, con yêu, uống cái này đi.”

Giữ cái cốc bên miệng Lyra, bà nghiêng nó để một giọt chất lỏng làm ướt môi cô. Lưỡi của Lyra cảm thấy nó và liền cử động để liếm. Phu nhân Coulter nhỏ thêm một ít chất lỏng vào miệng cô, thật cẩn thận, để cho cô bé nuốt từng ngụm trước khi đổ thêm vào.

Quá trình này mất vài phút, nhưng cuối cùng cái cốc cũng sạch trơn, và Phu nhân Coulter lại đặt con gái xuống. Ngay khi đầu Lyra vừa chạm đất, Pantalaimon liền nhích lại quanh cổ cô. Bộ lông màu vàng đỏ của nó cũng ẩm ướt giống tóc cô. Chúng lại chìm sâu vào giấc ngủ.

Con khỉ vàng nhẹ nhàng chạy tới miệng hang động và ngồi xuống trở lại, quan sát lối đi. Phu nhân Coulter nhúng một mảnh vải flanen vào chậu nước lạnh rồi lau mặt cho Lyra, sau đó bà kéo khóa túi ngủ để lau rửa tay, cổ và vai cho cô bé, vì người Lyra đang nóng bừng. Rồi mẹ cô lấy một cái lược và nhẹ nhàng gỡ những mối rối trên tóc Lyra, vuốt nó lại khỏi trán, rẽ ngôi một cách gọn gàng.

Bà để mở túi ngủ để cô bé có thể hạ nhiệt, sau đó cởi cái bọc mà Ama mang đến: vài ổ bánh mì dẹt, một cái bánh làm từ trà ép, chút xôi bọc trong tấm lá lớn. Đã đến giờ nhóm lửa rồi. Gió lạnh ở vùng núi vào ban đêm dữ dội vô cùng. Làm theo đúng thứ tự, bà cạo một ít bụi nhùi khô, dựng đồng

lửa rồi đánh diêm. Đó là một điều khác cần phải nghĩ đến: diêm đã gần hết, cả dầu để đun bếp nữa; từ giờ bà sẽ phải giữ cho lửa cháy cả ngày và đêm.

Con linh thú của bà đang tỏ ra bất mãn. Nó không thích việc bà đang làm trong hang động này, nhưng khi cố gắng thể hiện sự lo ngại của mình, nó liền bị bà gạt đi. Con khỉ quay lưng lại, mọi đường nét trên cơ thể đều toát lên vẻ khinh bỉ khi nó búng vảy từ quả thông vào bóng tối. Bà chẳng buồn để tâm mà tiếp tục nhóm lửa một cách điềm tĩnh và khéo léo, rồi bà đặt xoong lên để đun chút nước uống trà.

Tuy vậy, sự hoài nghi của con khỉ cũng ảnh hưởng tới bà. Trong lúc bóp vụn thổi trà màu xám đen vào nồi nước, bà tự hỏi không hiểu bản thân nghĩ mình đang làm gì đây, liệu có phải mình đã phát điên rồi không, và cứ nghĩ đi nghĩ lại, điều gì sẽ xảy ra nếu Giáo hội phát hiện được chuyện này. Con khỉ vàng nói đúng. Bà không chỉ đang che giấu Lyra: Bà đang giấu đi chính đôi mắt của mình nữa.

Từ trong bóng tối anh bạn nhỏ tới, lòng tràn hi vọng cũng như sợ hãi, miệng không ngừng thì thầm:

“Lyra - Lyra - Lyra...”

Đằng sau cậu là những dáng hình khác, thậm chí còn mờ ảo hơn cậu, và im lặng hơn. Họ dường như thuộc cùng nhóm và cùng loại, nhưng họ không có mặt để thấy được hay có giọng nói phát ra; bản thân giọng cậu thì chẳng bao giờ to hơn một tiếng thì thầm, còn gương mặt cậu lại bị phủ bóng và nhòe đi như một thứ đã gần bị lãng quên.

“Lyra... Lyra...”

Họ đang ở đâu vậy?

Trên một vùng đồng bằng mênh mông nơi không một tia sáng phát ra từ bầu trời đen thẫm, nơi sương giăng mờ đường chân trời khắp bốn bề. Nền đất trơ trụi, bị đè bẹp bởi áp lực của hàng triệu bước chân, dấu cho những bàn chân đó còn nhẹ hơn lông hồng; vậy hẳn là thời gian đã ép bẹp nó, dấu cho thời gian tại nơi đây chẳng hề dịch chuyển; vậy hẳn là mọi thứ vẫn luôn như thế này. Đây là điểm tận cùng của mọi nơi và cuối cùng của mọi thế giới.

“Lyra...”

Tại sao họ lại ở đó?

Họ bị giam cầm. Có kẻ đã gây ra một tội ác, dù chẳng ai biết đó là gì, hoặc kẻ nào đã làm điều đó, hay uy quyền nào đã phán quyết.

Tại sao cậu bé lại liên tục gọi tên Lyra?

Hi vọng.

Họ là ai?

Những hồn ma.

Lyra không thể chạm vào họ dù cho có cố gắng đến thế nào đi nữa. Đôi tay lúng túng của cô cứ thế xuyên qua, nhưng cậu bé vẫn đứng đó khấn nài.

“Roger,” cô kêu lên, nhưng giọng cô phát ra chỉ là một tiếng thì thào, “ôi, Roger, cậu đang ở đâu? Nơi này là đâu vậy?”

Cậu bé đáp: “Đây là thế giới của người chết, Lyra ạ - tớ không biết phải làm gì cả - tớ không biết liệu mình có ở đây mãi mãi không, tớ không biết liệu mình đã làm điều gì xấu chẳng, vì tớ đã cố gắng ngoan ngoãn, nhưng tớ ghét nó, tớ sợ tất cả những điều này, tớ ghét nó...”

Rồi Lyra nói: “Tớ

2

Balthamos và Baruch

Rồi một linh hồn lướt qua trước mặt tôi;

khiến lông tóc trên da thịt tôi dựng đứng.

Sách Job

“Yên lặng,” Will kêu lên. “Yên lặng đi. Đừng làm phiền tôi.”

Lúc đó là ngay sau khi Lyra bị đưa đi, ngay sau khi Will xuống khỏi đỉnh núi, ngay sau khi cô phù thủy giết bố cậu. Will thắp chiếc đèn lồng nhỏ bằng thiếc lấy được từ túi đồ của bố mình với số diêm khô mà cậu tìm thấy cùng với nó, rồi chui vào hốc đá để mở balô của Lyra.

Cậu lần mò bên trong bằng bàn tay lạnh lặn và thấy chiếc Chân Kế nặng trĩu được bọc vải nhung. Cái máy lấp lánh dưới ánh sáng đèn lồng. Cậu giơ nó ra cho hai hình dáng đứng bên cạnh mình, những kẻ tự nhận là thiên thần.

“Các ông có đọc được cái này không?” Cậu hỏi.

“Không,” một giọng nói vang lên. “Đi với chúng ta. Cậu phải đi. Đến chỗ Ngài Asriel nào.”

“Ai sai các người bám theo bố tôi? Các ông nói ông ấy không biết mình bị bám đuôi. Nhưng ông ấy biết,” Will dữ dằn nói. “Bố bảo tôi chờ gặp các ông. Ông ấy biết nhiều hơn các ông nghĩ. Ai cử các ông đến?”

“Không ai cả. Chỉ có chúng ta thôi,” giọng nói lại vang tới. “Chúng ta muốn phục vụ Ngài Asriel. Còn người đàn ông đã chết, ông ta muốn cậu làm gì với con dao?”

Will buộc phải ngập ngừng.

“Bố bảo tôi phải đem nó đến cho Ngài Asriel,” cậu đáp.

“Vậy thì đi với chúng ta thôi.”

“Không. Cho tới khi tôi tìm được Lyra.”

Cậu bọc lại lớp vải nhung lên Chân Kế rồi cho nó vào balô của mình. Sau khi đã đeo chắc, cậu choàng chiếc áo nặng nề của bố lên người để chống mưa rồi khom mình tại chỗ, điềm tĩnh nhìn hai cái bóng.

“Các ông nói sự thật chứ?” Cậu hỏi.

“Phải.”

“Vậy các ông mạnh hơn con người, hay yếu hơn?”

“Yếu hơn. Các cậu có da thịt thật sự, còn chúng ta thì không. Dù vậy, cậu vẫn phải đi với chúng ta.”

“Không. Nếu tôi mạnh hơn, các ông sẽ phải nghe theo tôi. Hơn nữa, tôi còn có con dao. Vậy nên tôi có thể ra lệnh cho các ông: Giúp tôi tìm Lyra. Tôi không quan tâm sẽ mất bao nhiêu thời gian, tôi sẽ đi tìm cậu ấy trước rồi tới gặp Ngài Asriel.”

Hai hình dáng lặng thinh trong vài giây. Rồi họ lướt đi để trao đổi với nhau, dù cho Will không thể nghe thấy họ nói gì.

Cuối cùng họ quay trở lại, và cậu nghe thấy:

“Được rồi. Cậu đang phạm sai lầm, nhưng cậu không cho chúng ta lựa chọn. Chúng ta sẽ giúp cậu tìm đứa trẻ này.”

Will cố gắng nhìn xuyên qua màn đêm để thấy được họ rõ hơn, nhưng mưa khiến mắt cậu đầy ắp nước.

“Lại gần đây để tôi có thể thấy các ông,” cậu nói.

Họ tiến lại gần, nhưng dường như lại còn trở nên mờ mịt hơn.

“Liệu tôi có thấy các ông rõ hơn trong ánh sáng ban ngày không?”

“Không, còn kém hơn. chúng ta không phải cấp cao trong số các thiên thần.”

“Ồ, nếu tôi không thể thấy các ông thì những người khác cũng sẽ không thể, như vậy các ông có thể tránh bị phát hiện. Hãy đi xem các ông có thể tìm ra Lyra đã đi đâu không. Chắc chắn cậu ấy không thể đi xa được. Có một người phụ nữ - bà ta sẽ ở cùng với cậu ấy - người phụ nữ đã đưa cậu ấy đi. Đi tìm đi, rồi quay lại nói cho tôi biết các ông thấy được gì.”

Các thiên thần bay lên bầu không khí bão tố rồi biến mất. Một cảm giác u ám cùng cực đè nặng lên trái tim Will; cậu vẫn còn chút ít sức lực trước cuộc chiến với bố mình, nhưng giờ thì cậu sắp gục rồi. Việc duy nhất cậu muốn làm lúc này là nhắm đôi mắt nặng trĩu và đau nhức vì khóc này lại.

Cậu kéo áo choàng lên quá đầu, ôm chặt chiếc balô vào ngực, rồi thiếp đi chỉ trong giây lát.

“Không đâu cả,” một giọng nói cất lên.

Will nghe thấy nó ở tận sâu thẳm trong giấc ngủ và vật lộn để tỉnh dậy. Cuối cùng (mất gần một phút vì cậu đang hoàn toàn vô thức) cậu cũng mở được mắt ra trước ánh bình minh rực rỡ trước mặt.

“Các ông ở đâu thế?” Cậu lên tiếng.

“Bên cạnh cậu,” thiên thần đáp. “Hướng này.”

Mặt trời vừa ló rạng, các tảng đá cùng địa y và rêu trên đó tỏa sáng rực rỡ và lộng lẫy dưới ánh nắng sớm, nhưng cậu chẳng thể thấy bóng dáng nào cả.

“Ta đã nói chúng ta sẽ khó nhìn thấy hơn dưới ánh sáng ban ngày,” tiếng nói tiếp tục. “Cậu sẽ thấy chúng ta rõ nhất vào lúc ánh sáng mờ ảo, lúc hoàng hôn hoặc bình minh; sau đó là trong bóng tối; kém nhất là dưới ánh nắng. Bạn ta và ta đã tìm xa phía dưới ngọn núi, nhưng không thấy cả người phụ nữ lẫn đứa trẻ. Nhưng có một hồ nước xanh mà bà ta hẳn đã cắm trại. Có một người đàn ông đã chết ở đó, và một phù thủy bị Quỷ hút hồn ăn mất.”

“Một người chết? Ông ta trông như thế nào?”

“Ông ta vào tầm lục tuần. Mập mập, da căng mịn. Tóc xám bạc. Ăn vận sang trọng, và có dấu vết của một mùi nồng quanh mình.”

“Ngài Charles,” Will thốt lên. “Là ông ta. Chắc chắn Phu nhân Coulter đã giết ông ta. Chắc, ít ra thì đó cũng là điều tốt.”

“Bà ta để lại dấu vết. Bạn ta đã đi theo họ, anh ấy sẽ quay lại khi tìm ra vị trí của bà ta. Ta sẽ ở với cậu.”

Will đứng dậy nhìn quanh. Cơn bão đã làm sạch không khí, khiến buổi sáng thật trong lành và tươi mát, nhưng điều đó lại chỉ khiến khung cảnh xung quanh cậu càng trở nên đau buồn hơn; vì nằm gần đó là xác của vài phù thủy đã hộ tống cậu và Lyra tới cuộc gặp gỡ với bố mình. Một con quạ ăn xác thối có cái mỏ hung bạo đã tới rửa mặt của một trong số họ, Will còn có thể thấy một con chim lớn hơn đang lượn vòng phía trên, như thể đang lựa chọn bữa tiệc nào thịnh soạn nhất.

Will lần lượt kiểm tra từng cái xác một, nhưng không ai trong số đó là Serafina Pekkala, nữ hoàng của tộc phù thủy, người bạn đặc biệt của Lyra. Rồi cậu sức nhớ ra: Chẳng phải cô đã đột ngột bỏ đi vì một việc khác không lâu trước khi hoàng hôn xuống sao?

Vậy thì có thể cô vẫn còn sống. Ý nghĩ đó khiến cậu phấn chấn hơn, cậu rà soát đường chân trời để tìm một dấu hiệu nào đó của cô, nhưng chẳng thấy được gì ngoài không khí xanh biếc và đá nhọn ở mọi hướng đưa mắt.

“Ông đang ở đâu thế?” Cậu nói với thiên thần.

“Bên cạnh cậu,” giọng nói cất lên, “luôn là vậy.”

Will nhìn sang bên trái, nơi giọng nói phát ra, nhưng chẳng thấy gì cả.

“Vậy thì không ai có thể thấy được ông. Liệu có ai khác nghe được ông rõ như tôi không?”

“Không, nếu ta thì thầm,” thiên thần chanh chua nói.

“Tên ông là gì? Các ông có tên chứ?”

“Chúng ta có. Tên ta là Balthamos. Bạn của ta là Baruch.”

Will suy tính xem nên làm gì. Khi ta lựa chọn một cách trong số rất nhiều cách khác, tất cả những cách ta không chọn sẽ bị dập tắt như ngọn nến, như thể chúng chưa hề tồn tại. Vào lúc này, tất cả các lựa chọn của Will đều cùng đồng thời tồn tại. Nhưng để giữ cho tất cả cùng tồn tại có nghĩa là chẳng làm gì cả. Rốt cuộc thì cậu vẫn sẽ phải lựa chọn.

“Chúng ta sẽ xuống núi,” cậu nói. “Chúng ta sẽ tới chỗ cái hồ đó. Ở đó có thể có thứ tôi tận dụng được. Mà dù sao tôi cũng đang khát nước. Tôi sẽ đi theo lối mà mình nghĩ là đúng và ông có thể chỉ dẫn nếu tôi đi nhầm.”

Chỉ khi đã đi được vài phút xuống con dốc lởm chởm đá chẳng có lấy một lối đi này, Will mới nhận ra rằng bàn tay cậu không còn đau nữa. Thật ra cậu chưa từng nghĩ tới vết thương của mình kể từ khi tỉnh dậy.

Cậu dừng lại nhìn miếng vải xù xì mà bố đã quấn quanh vết thương sau cuộc vật lộn giữa họ. Nó đang trơn nhẵn vì thứ thuốc mỡ mà ông đã bôi lên, nhưng không hề có một dấu hiệu nào của máu rỉ; và sau khi đã bị chảy máu không ngừng kể từ lúc bị mất hai ngón tay, điều này dễ chịu đến mức cậu cảm thấy tim mình gần như đang đập rộn ràng vì vui sướng.

Cậu thử cử động các ngón tay. Quả vậy, các vết thương vẫn còn đau, nhưng mà là một kiểu đau khác: Không phải là sự nhức nhối sâu hoắm khiến sức lực cạn kiệt của ngày hôm trước, mà là một cảm giác âm ỉ, yếu ớt hơn. Cảm giác như nó đang lành lại vậy. Bố cậu đã làm điều đó. Bùa chú của các phù thủy đã thất bại, nhưng bố cậu đã chữa lành cho cậu.

Cậu phấn khởi tiến bước xuống dốc.

Mất ba tiếng đồng hồ và vài lời chỉ dẫn trước khi cậu tới một cái hồ nhỏ màu xanh biếc. Lúc đến được đó, hòng cậu đã khô khốc vì khát. Dưới ánh mặt trời thiêu đốt, chiếc áo choàng trở nên nặng trĩu và nóng bức; mặc dù sau khi cởi ra cậu lại nhớ sự bao bọc của nó, vì đôi tay và cái cổ trần của cậu đang bỏng rát. Cậu thả rơi áo choàng và balô rồi chạy vài mét cuối cùng về phía làn nước, để vực mặt xuống và nuốt từng ngụm nước lớn lạnh toát. Nước lạnh tới mức khiến răng và đầu cậu đau buốt.

Khi cơn khát đã dịu đi, cậu ngồi dậy rồi nhìn quanh. Ngày hôm trước cậu đã không có tâm trí nào để để ý tới mọi thứ, nhưng giờ cậu đã thấy rõ

hơn màu sắc mãnh liệt của mặt nước, và nghe thấy tiếng côn trùng rúc rích khắp xung quanh.

“Balthamos?”

“Vẫn luôn ở đây.”

“Người chết đâu rồi?”

“Đằng sau tảng đá cao phía bên phải cậu.”

“Có con Quỷ hút hồn nào quanh đây không?”

“Không, không có con nào cả.”

Will nhặt balô và áo choàng lên rồi men theo mép hồ, đi tới tảng đá mà Balthamos đã chỉ.

Phía sau tảng đá, một khu cắm trại nhỏ được dựng lên, với năm hay sáu căn lều và dấu tích của lửa nấu ăn. Will thận trọng đi xuống, phòng trường hợp ai đó vẫn còn sống hoặc đang ẩn trốn.

Nhưng sự tĩnh lặng tuyệt đối đến mức tiếng côn trùng rả rích chỉ lọt phớt trên bề mặt của nó. Đám lều nằm im lìm còn mặt nước lặng như tờ trong lúc những gợn sóng vẫn đang chậm rãi trôi đi từ nơi cậu uống nước. Một vệt màu xanh vụt chạy qua gần chân cậu khiến cậu hơi giật mình, nhưng đó chỉ là một con thằn lằn nhỏ xíu.

Những căn lều được làm từ vật liệu nguy trang, chỉ khiến chúng càng thêm nổi bật giữa những tảng đá đỏ xỉn màu. Cậu kiểm tra căn đầu tiên và thấy nó trống trơn. Căn thứ hai cũng vậy, nhưng trong căn thứ ba cậu tìm thấy vài thứ có giá trị: một bộ cà mèn bằng thiếc và một hộp diêm. Ngoài ra còn một dải gùi đồ đen ngòm vừa dài vừa dày dặn như cẳng tay của cậu. Ban đầu cậu nghĩ đó là một miếng da, nhưng trong ánh nắng, cậu thấy rõ rằng đó là thịt sấy khô.

Xét cho cùng thì cậu cũng có một con dao. Cậu cắt lấy một miếng mỏng, nếm thấy nó khá mềm và hơi mặn, nhưng được tẩm ướp rất ngon. Cậu cho miếng thịt và số diêm, cùng với bộ cà mèn vào balô rồi kiểm tra các căn lều còn lại, nhưng chúng rỗng không.

Cậu để dành căn lều lớn nhất đến phút cuối cùng.

“Đó có phải nơi có người đàn ông đã chết không?” Cậu nói vào không khí.

“Phải,” Balthamos nói. “Ông ta đã bị bỏ độc.”

Will cẩn trọng đi vòng tới cửa vào hướng ra hồ. Nằm sóng soài bên cạnh chiếc ghế vải bạt bị đổ nhào là cơ thể của người đàn ông được biết tới ở thế giới của Will dưới cái tên Ngài Charles Latrom, còn ở thế giới của Lyra là Ngài Boreal, người đã đánh cắp Chân Kế của cô, và sau đó cũng đã dẫn Will đến với con dao kì ảo. Ngài Charles từng là một kẻ hòa nhã, không trung thực và uy quyền, nhưng giờ thì ông ta đã chết rồi. Gương mặt ông ta méo mó một cách khó coi, khiến Will không muốn nhìn vào nó. Nhưng chỉ một cái lướt nhìn vào trong lều là đủ thấy có khối thứ để lấy trộm, vậy là cậu liền bước qua cái xác để nhìn kĩ hơn.

Bố cậu, người chiến sĩ, nhà thám hiểm, hẳn sẽ biết chính xác cần phải lấy cái gì. Will thì sẽ phải đoán. Cậu lấy chiếc kính lúp nhỏ trong cái hòm sắt, vì cậu có thể dùng nó để nhóm lửa và tiết kiệm được diêm; một cuộn dây bện cứng cáp; một bi đồng đựng nước bằng hợp kim, nhẹ hơn nhiều so với cái bình da dê mà cậu vẫn mang theo, cùng một cái cốc thiếc nhỏ; một cái ống nhòm nhỏ; một súc tiền xu vàng to bằng ngón tay cái của một người đàn ông, được bọc trong giấy; bộ dụng cụ cứu thương; viên lọc nước; một gói cà phê nhỏ; ba gói hoa quả sấy được hút chân không; một túi bánh quy yến mạch; sáu thanh bánh bạc hà Kendal; một gói móc câu cá và dây nylon; và cuối cùng, một cuốn sổ tay cùng vài chiếc bút chì, và một cái đèn pin nhỏ.

Cậu xếp tất cả vào balô của mình, cắt một miếng thịt nữa, làm đầy bụng và sau đó là bi đồng của mình bằng nước hồ, rồi nói với Balthamos:

“Ông có nghĩ là tôi cần thêm thứ gì không?”

“Cậu sẽ cần thêm chút ít phán đoán,” tiếng trả lời vọng tới. “Một thứ khả năng giúp cậu nhận biết được sự thông thái, khiến cậu tôn trọng và tuân theo nó.”

“Ông có thông thái không?”

“Hơn cậu nhiều.”

“À, ông biết đấy, cái đó thì tôi không đoán được. Ông là đàn ông à? Nghe ông nói thì có vẻ là đàn ông.”

“Baruch đã từng. Ta thì không. Giờ thì anh ấy là thiên thần.”

“VẬY...” Will dừng việc mình đang làm lại, đó là sắp xếp đồ trong balô sao cho những vật nặng nhất ở dưới cùng, rồi cố gắng nhìn vị thiên thần. Chẳng có gì ở đó để nhìn cả. “Vậy ra ông ấy đã từng là người,” cậu nói tiếp, “rồi sau đó... Người ta trở thành thiên thần khi họ chết đi à? Đó có phải điều sẽ xảy ra không?”

“Không phải lúc nào cũng thế. Không phải đại đa số các trường hợp... Rất hiếm.”

“Vậy ông ấy sống vào lúc nào?”

“Ít nhiều cũng phải bốn nghìn năm trước. Ta thì già hơn nhiều.”

“Ông ấy sống ở thế giới của tôi à? Hay là của Lyra? Hay thế giới này?”

“Ở thế giới của cậu. Nhưng có vô số thế giới tồn tại. Cậu biết điều đó mà.”

“Nhưng làm thế nào người ta trở thành thiên thần được?”

“Cái sự suy xét siêu hình này có ích gì chứ?”

“Tôi chỉ là muốn biết thôi.”

“Tốt hơn hết là tập trung vào nhiệm vụ của cậu đi. Cậu đã tước đoạt tài sản của kẻ đã chết này, cậu có tất cả những món đồ chơi mình cần để sống sót; giờ thì chúng ta đi tiếp được rồi chứ?”

“Khi tôi biết được cần phải đi hướng nào.”

“Dù chúng ta có đi hướng nào thì Baruch cũng sẽ tìm được.”

“Vậy thì ông ấy vẫn sẽ tìm được nếu chúng ta ở đây. Tôi có vài việc khác cần làm.”

Will ngồi xuống một vị trí mà cậu không nhìn thấy cái xác của Ngài Charles rồi ăn ba miếng bánh bạc hà Kendal. Cảm giác khoan khoái và mạnh mẽ mà cậu cảm thấy khi món ăn bắt đầu nuôi dưỡng cơ thể cậu thật tuyệt vời. Sau đó cậu lại ngắm nghía Chân Kế. Ba mươi sáu bức hình nhỏ xíu được vẽ trên ngà voi đều rõ ràng một cách tuyệt đối: chẳng có gì phải

ngghi ngờ về việc đây là một đứa bé, kia là một con rối, cái này là ổ bánh mì, vân vân. Chỉ có ý nghĩa của chúng là mờ mịt.

“Lyra đã đọc cái này kiểu gì vậy?” Cậu nói với Balthamos.

“Rất có khả năng là cô ta tự bịa ra. Những người sử dụng thứ thiết bị này đã phải nghiên cứu trong nhiều năm, nhưng kể cả thế thì họ cũng chỉ có thể hiểu được chúng nhờ sự giúp đỡ của rất nhiều sách tham khảo.”

“Cậu ấy không hề bịa ra. Cậu ấy đã đọc thật sự. Cậu ấy đã nói cho tôi biết những điều đáng ra không bao giờ có thể biết được.”

“Vậy thì điều đó đối với ta cũng bí ẩn không kém, ta đảm bảo với cậu,” thiên thần nói.

Khi đang quan sát Chân Kế, Will nhớ lại một điều mà Lyra đã nói về việc đọc nó: Điều gì đó về trạng thái tinh thần mà cô phải đạt được để khiến nó hoạt động. Trạng thái tinh thần ấy cũng đã giúp cậu cảm nhận được sự tinh tế của lưỡi dao bạc.

Cảm thấy tò mò, cậu rút con dao ra rồi cắt lấy một ô cửa sổ nhỏ phía trước chỗ mình ngồi. Qua đó cậu chẳng thấy gì ngoài bầu trời xanh biếc, nhưng ở bên dưới, xa tít tận bên dưới, là cảnh cây cối và ruộng vườn: Thế giới của chính cậu, chắc chắn là vậy.

Vậy là núi ở thế giới này không tương ứng với núi ở chỗ cậu. Cậu đóng cửa sổ lại, lần đầu tiên dùng tay trái. Thật sung sướng khi lại có thể sử dụng nó!

Rồi một ý tưởng đến với cậu đột ngột đến mức cảm giác chẳng khác gì một cú sốc điện.

Nếu có vô vàn các thế giới thì tại sao con dao lại chỉ mở ra những cánh cửa giữa thế giới này và thế giới của cậu?

Chắc chắn nó có thể cắt vào bất cứ thế giới nào.

Cậu lại giơ con dao lên, để cho tâm trí trôi theo lưỡi dao tới tận đầu mũi như Giacomo Paradisi đã dặn, cho tới khi ý thức của cậu len lỏi giữa từng nguyên tử, cậu cảm thấy được từng vết rạn và gợn sóng lăn tăn rất nhỏ trong không khí.

Thay vì cắt ngay khi cảm nhận được điểm dừng đầu tiên như vẫn thường làm, cậu để cho con dao đi tiếp hết điểm này đến điểm khác. Việc này giống như lần theo một hàng mũi đan trong lúc ấn nhẹ đến mức không làm hỏng mũi nào.

“Cậu đang làm gì vậy?” Tiếng nói trong không khí vang lên, lùi ngược cậu trở lại.

“Khám phá,” Will đáp. “Yên lặng và tránh ra đi. Ông mà tới gần cái này là sẽ bị cắt trúng đó, mà tôi không thấy được ông nên cũng không thể tránh được.”

Balthamos phát ra một tiếng kêu bất mãn bị kìm nén lại. Will lại giơ con dao ra, cảm nhận những điểm dừng và ngập ngừng nhỏ xíu. Cậu không ngờ là có nhiều đến vậy. Trong lúc cảm nhận chúng mà không cần phải cắt xuyên qua ngay lập tức, cậu thấy rằng mỗi điểm đều mang một tính chất khác nhau: chỗ này thì cứng và rõ ràng, chỗ kia lại mờ ảo; điểm thứ ba trơn trượt, còn điểm thứ tư lại mỏng manh dễ vỡ...

Nhưng trong tất cả số đó, có những chỗ cậu cảm thấy dễ dàng hơn những nơi khác, và vì đã biết trước đáp án, cậu cắt qua một điểm để kiểm tra chắc chắn: Lại là thế giới của chính cậu.

Cậu đóng ô cửa lại rồi dùng mũi dao lần tìm một vết rạch có tính chất khác. Cậu tìm thấy một cái đàn hồi và bền chắc, rồi để cho con dao lách dần qua.

Quả không sai! Thế giới mà cậu nhìn thấy qua ô cửa sổ này không phải là của cậu: mặt đất ở đây gần hơn, còn cảnh vật thì không phải là những cánh đồng và bờ giậu xanh rì mà là một sa mạc cuộn cuộn những đụn cát.

Cậu đóng nó lại rồi mở ra một cái khác: bầu không khí ngập khói bao trùm một thành phố công nghiệp, cùng dòng nhân công bị xích và ủ rũ đang lê bước vào nhà máy.

Cậu đóng thế giới đó lại rồi trở về với thực thể của mình. Cậu cảm thấy chóng mặt đôi chút. Lần đầu tiên cậu hiểu ra phần nào năng lực thật sự của con dao, cậu cẩn thận đặt nó lên hòn đá trước mặt mình.

“Cậu định ở đây cả ngày đó à?” Balthamos lên tiếng.

“Tôi đang nghĩ. Ta chỉ có thể di chuyển dễ dàng từ thế giới này sang thế giới khác khi mặt đất ở cùng vị trí. Có thể có những nơi như vậy, mà cũng có thể cần phải cắt qua rất nhiều lần mới lần tới được... Và ta sẽ phải biết được thế giới của chính mình có cảm giác như thế nào trên đầu mũi dao, nếu không ta có thể không bao giờ về được mà sẽ bị lạc mãi mãi.”

“Quả là vậy. Nhưng chúng ta có nên...”

“Ngoài ra còn phải biết thế giới nào có mặt đất ở cùng vị trí, nếu không thì có mở ra cũng chẳng ích gì,” Will nói, vừa với chính bản thân mình, vừa với thiên thần. “Nên là việc này không hề dễ như tôi đã nghĩ. Chúng tôi chỉ là gặp may ở Oxford và Cittagazze, có lẽ vậy. Nhưng tôi sẽ chỉ...”

Cậu lại nhặt con dao lên. Đồng thời với cảm giác rõ rệt và hiển nhiên mà cậu có khi chạm tới điểm mở ra thế giới của chính mình, còn có một kiểu cảm nhận khác mà cậu đã chạm vào nhiều hơn một lần: Một đặc tính cộng hưởng, giống như cảm giác nện vào một cái trống gỗ nặng nề, chỉ khác là hẳn nhiên giống như mọi cái khác, nó tới bằng chuyển động li ti nhất qua không gian trống trải.

Nó đây rồi. Cậu chuyển vị trí rồi lần tìm ở chỗ khác: Lại là nó kia.

Cậu cắt xuyên qua và thấy rằng mình đã đoán trúng. Cảm giác vang dội có nghĩa là mặt đất ở thế giới cậu vừa mở ra ở cùng vị trí với thế giới này. Cậu thấy mình đang nhìn vào một thảo nguyên trên cao rợp cỏ dưới một bầu trời u ám, nơi một đàn thú vật đang diêm nhiên gặm cỏ - những con thú cậu chưa từng thấy bao giờ - những sinh vật có kích cỡ của bò rừng bison, với sừng lớn, lông xanh lam bầm xồm và một cái bờm bằng lông cứng chạy dọc sống lưng.

Cậu bước qua. Con vật gần nhất nhìn lên vẻ lãnh đạm rồi lại quay lại với bãi cỏ. Cứ để cửa sổ mở, Will đứng trong đồng cỏ của thế giới khác, lần đầu mũi dao để tìm những vết rạn quen thuộc, và thử rạch chúng.

Phải, cậu có thể mở ra thế giới của mình từ nơi này, cậu cũng vẫn đang ở cao phía trên các trang trại và hàng rào cây; và phải, cậu có thể dễ dàng tìm thấy cảm giác vang vọng chắc chắn ám chỉ thế giới Cittagazze mà cậu vừa rời khỏi.

Cảm thấy hết sức nhẹ nhõm, Will trở về với khu cắm trại bên hồ rồi đóng mọi thứ lại. Giờ thì cậu có thể tìm được đường về nhà; giờ thì cậu sẽ không bị lạc nữa; giờ thì cậu có thể ẩn trốn khi cần thiết, và đi khắp nơi một cách an toàn.

Càng học hỏi được thêm nhiều kiến thức, cậu càng mạnh mẽ hơn. Cậu rút con dao vào bao đựng bên hông rồi quăng cái balô lên vai.

“Chà, giờ thì cậu sẵn sàng rồi chứ?” Giọng nói châm biếm vang lên.

“Rồi. Tôi sẽ giải thích nếu ông muốn, nhưng xem ra ông không có vẻ quan tâm lắm.”

“Ồ, tôi cho rằng bất cứ điều gì cậu làm cũng đều là một nguồn mê hoặc bất tận. Nhưng khỏi lo đến tôi. Cậu định nói gì với những người đang đến kia?”

Will nhìn quanh và giật mình. Ở xa phía dưới con đường mòn, rất rất xa, là một đoàn lữ khách cùng ngựa thồ, đang đều đặn leo lên về phía hồ. Họ vẫn chưa nhìn thấy cậu, nhưng nếu cậu ở nguyên tại chỗ, họ sẽ sớm phát hiện ra.

Will thu dọn chiếc áo choàng của bố mà cậu đang trải trên một tảng đá dưới ánh nắng. Cái áo lúc này trở nên nhẹ hơn rất nhiều khi đã khô. Cậu nhìn quanh: Chẳng có thứ gì khác mà cậu có thể mang đi cả.

“Đi tiếp thôi,” cậu nói.

Cậu muốn buộc lại băng gạc nữa, nhưng việc đó để sau cũng được. Cậu khởi hành dọc theo mép hồ, rời xa khỏi đoàn lữ hành, vị thiên thần theo sau, vô hình trong không khí sáng bừng.

Cùng ngày đó vào một lúc lâu sau, họ xuống khỏi rặng núi trơ trụi, bước vào một đoạn đường bộ phủ đầy cỏ và đỗ quyên lùn. Will đang khao khát muốn được nghỉ ngơi, và chẳng bao lâu sau cậu đã quyết định dừng lại.

Cậu gần như không nghe được gì mấy từ vị thiên thần. Cứ thỉnh thoảng Balthamos lại nói: “Không phải hướng đó,” hay: “Có một lối đi dễ hơn ở phía bên trái,” và cậu chấp nhận những lời khuyên đó; nhưng thật ra cậu

đang đi chỉ để mà đi, và để tránh xa khỏi đám lửa hành kia, bởi cho tới khi thiên thần còn lại mang thêm thông tin về, có lẽ cậu nên ở nguyên chỗ cũ.

Lúc này, khi mặt trời đã dần lặn, cậu nghĩ mình có thể thấy được người đồng hành kì lạ của mình. Đường viền của một người đàn ông dường như đang run rẩy trong ánh sáng, còn không khí bên trong đó thì đặc quánh hơn.

“Balthamos?” Cậu nói. “Tôi muốn tìm một dòng suối. Có cái nào gần đây không?”

“Có một con suối dưới nửa chừng con dốc này,” thiên thần đáp, “ngay trên đám cây kia.”

“Cảm ơn ông,” Will nói.

Cậu tìm thấy con suối và lao vào uống lấy uống để, rồi đổ đầy bi đông. Nhưng trước khi cậu đi tiếp xuống khu rừng nhỏ, một tiếng kêu vọng lại từ phía Balthamos. Will liền quay lại và thấy hình dáng của thiên thần vụt qua con dốc về phía - cái gì thế nhỉ? Vị thiên thần chỉ hiện ra như một vệt chuyển động lấp loáng, và Will có thể thấy ông ta rõ hơn nếu không nhìn thẳng vào đó; nhưng ông ta dường như đang dừng lại, lắng nghe, rồi lại lao người vào không khí để lướt thật nhanh về phía Will.

“Ở đây!” Ông kêu lên, chỉ riêng lần này giọng ông không hề có chút chê trách và mỉa mai nào. “Baruch đã đi hướng này! Và còn có một ô cửa sổ ấy, gần như không thấy được. Đi - đi nào. Đến đây.”

Will háo hức theo sau, hoàn toàn quên bằng cơn mệt mỏi. Khi tới gần, cậu nhìn thấy rằng ô cửa sổ mở ra một quang cảnh mờ ảo có vẻ như là một lãnh nguyên bằng phẳng hơn vùng núi thuộc thế giới của Cittagazze, và lạnh hơn, với bầu trời mây giăng kín. Cậu bước qua, Balthamos lập tức đi theo.

“Thế giới nào thế này?” Will hỏi.

“Thế giới của cô bé. Đây là nơi họ đã đi qua. Baruch đã đi trước để bám theo họ.”

“Làm sao ông biết được ông ta ở đâu? Ông đọc suy nghĩ của ông ta được à?”

“Đương nhiên là ta đọc được suy nghĩ của anh ấy. Dù cho anh ấy có đi đâu thì trái tim ta cũng theo cùng; chúng ta cảm nhận như một thể, dù cho vốn là hai.”

Will nhìn quanh. Chẳng có dấu hiệu gì về sự sống của con người, sự lạnh lẽo trong không khí đang tăng dần vào giây phút ánh nắng lịm đi.

“Tôi không muốn ngủ ở đây,” cậu nói. “Chúng ta sẽ ở qua đêm tại thế giới Ci’gazze rồi quay lại đây vào buổi sáng. Ít nhất thì ở đó cũng có rừng, và tôi có thể nhóm lửa. Với lại, bây giờ khi đã biết thế giới của cậu ấy có cảm giác như thế nào, tôi có thể tìm được nó nhờ con dao... À, Balthamos? Ông có thể biến thành hình dạng khác được không?”

“Sao ta lại muốn làm thế chứ?”

“Ở thế giới này, con người ai cũng có linh thú, nếu tôi cứ đi loanh quanh mà không có con nào bên cạnh thì họ sẽ nghi ngờ mất. Hồi đầu Lyra đã chết khiếp với tôi bởi điều đó. Vậy nên nếu chúng ta định đi lại trong thế giới của cậu ấy, ông sẽ phải giả vờ làm linh thú của tôi, và biến hình thành một loài động vật nào đó. Có thể là một con chim. Ít nhất khi đó ông cũng có thể bay.”

“Ôi, nghe mới ngán ngấm làm sao.”

“Nhưng ông có làm được không?”

“Ta có thể...”

“Vậy thì làm luôn đi. Cho tôi xem.”

Hình dạng của thiên thần dường như cô đặc lại rồi cuộn xoáy thành một cơn lốc nhỏ ở giữa không trung, rồi một con chim hoét sà xuống nền cỏ bên cạnh chân của Will.

“Bay lên vai tôi đi,” Will nói.

Con chim làm theo, rồi cất tiếng bằng giọng điệu chua chát quen thuộc của thiên thần:

“Ta sẽ chỉ làm điều này khi thật sự cần thiết. Quả là một sự sỉ nhục không thể diễn tả nổi.”

“Đáng tiếc ghê,” Will nói. “Bất cứ khi nào chúng ta thấy con người ở thế giới này, ông đều sẽ phải biến thành chim. Có làm âm lên hay tranh cãi cũng chẳng ích gì đâu. Cứ thế làm thôi.”

Con chim hoét bay khỏi vai cậu rồi biến mất giữa không trung, và vị thiên thần lại ở đó, vẻ mặt hờn dỗi trong ánh sáng nhá nhem. Trước khi cả hai bước qua ô cửa sổ, Will nhìn xung quanh, hít ngửi không khí, đo đạc thế giới nơi Lyra đang bị giam giữ.

“Bây giờ bạn của ông đang ở đâu?” Cậu hỏi.

“Đi theo người đàn bà về phía nam.”

“Vậy thì chúng ta cũng sẽ đi theo hướng đó, khi trời sáng.”

Ngày kế tiếp, Will đi mãi miết hàng giờ đồng hồ mà chẳng gặp ai. Phần lớn vùng đồng quê chỉ toàn những ngọn đồi thấp tề phủ một lớp cỏ khô giòn tũn. Cứ khi nào thấy mình đang ở trên cao một chút, cậu lại nhìn quanh tìm kiếm dấu hiệu sinh sống của con người, nhưng chẳng thấy gì cả. Sự biến đổi duy nhất trên vùng đất tro bụi bặm màu nâu xanh này là một vệt xanh lá thẫm ở phía xa. Cậu hướng tới đó vì Balthamos nói rằng nó là một khu rừng, còn có cả một con sông nữa. Nó đưa cậu tiến về phía nam. Khi mặt trời lên tới đỉnh, cậu cố gắng chộp mắt giữa vài bụi cây thấp nhưng thất bại; và khi màn đêm tới gần, chân cậu đã đau nhức, toàn thân rệu rã.

“Tiến triển chậm quá,” Balthamos cay nghiệt nói.

“Tôi không làm thế nào khác được,” Will nói. “Nếu ông không thể nói điều gì hữu ích thì tốt nhất đừng mở miệng.”

Vào lúc cậu tới được bìa rừng thì mặt trời đã xuống thấp, còn không khí lại nặng trĩu phấn hoa, nhiều đến mức khiến cậu hắt xì đến mấy phát, làm một con chim gần đó giật mình bay lên trong lúc kêu lên thảng thốt.

“Đó là sinh vật sống đầu tiên tôi thấy ngày hôm nay đó,” Will nói.

“Cậu định cắm trại ở đâu?” Balthamos hỏi.

Lúc này thiên thần cứ thỉnh thoảng lại hiện hình trong những cái bóng trải dài của đám cây. Will có thể đọc được trên biểu cảm của ông ta một vẻ

hồn dỗi.

Will nói: “Tôi sẽ phải dừng lại ở đâu đó quanh đây thôi. Ông có thể giúp tìm một chỗ thích hợp. Tôi nghe thấy tiếng suối chảy - đi xem ông có thể tìm thấy nó không.”

Vị thiên thần liền biến mất. Will lết tới, qua những bụi thạch nam lùn và mía đầm lầy, ước gì có một thứ giống lối đi để chân cậu lần theo, trong lúc e sợ nhìn ánh nắng: Cậu sẽ phải nhanh chóng chọn chỗ dừng chân, nếu không màn đêm sẽ buộc cậu phải dừng lại mà không có lựa chọn nào cả.

“Bên trái,” Balthamos nói từ cách đó tầm một sải tay. “Một dòng suối và một cái cây chết để làm củi. Lối này...”

Will đi theo giọng nói của thiên thần, chẳng bao lâu sau cậu đã thấy được nơi ông miêu tả. Một dòng suối cuộn cuộn tung bọt giữa những tảng đá phủ đầy rêu, rồi biến mất qua mép vào một khe nứt nhỏ, đen ngòm dưới bóng cây rủ. Bên cạnh đó, một bờ suối ngập cỏ trải rộng về phía những bụi rậm và tầng cây thấp.

Trước khi cho phép bản thân nghỉ ngơi, cậu đi xung quanh thu lượm gỗ. Không lâu sau cậu bắt gặp một vòng tròn bằng đá đã cháy đen thui trên nền cỏ, nơi có ai đó đã nhóm lửa từ rất lâu rồi. Cậu thu thập những cành con và cành lớn hơn rồi dùng con dao cắt chúng thành một độ dài hữu dụng trước khi thử châm lửa. Cậu không biết cách tốt nhất để tiến hành việc này nên đã lãng phí vài que diêm trước khi có thể làm cho lửa bén.

Vị thiên thần quan sát sự việc với vẻ như lòng kiên nhẫn sắp cạn kiệt.

Sau khi lửa đã bùng lên, Will ăn hai chiếc bánh quy yến mạch, chút thịt khô, vài phong bánh bạc hà Kendal, rồi nuốt trôi chúng bằng những ngụm nước lạnh toát. Balthamos ngồi gần đó trong im lặng, cuối cùng Will lên tiếng:

“Ông định nhìn tôi suốt đây à? Tôi có đi đâu đâu.”

“Ta đang đợi Baruch. Anh ấy sẽ sớm quay lại thôi, đến lúc đó ta có thể lờ cậu đi, nếu cậu muốn.”

“Ông có muốn ăn chút gì không?”

Balthamos hơi cự quậy: Ông ta đang bị cảm sốt.

“Ý tôi là, tôi không biết liệu các ông có ăn uống gì không,” Will nói, “nhưng nếu ông muốn dùng thứ gì đó thì cứ tự nhiên.”

“Cái đó là gì vậy...” Thiên thần nói về kén cá chọn canh, ám chỉ bánh bạc hà Kendal.

“Phần lớn là đường, tôi nghĩ vậy, và bạc hà. Đây.”

Will bẻ lấy một miếng rồi giơ ra. Balthamos nghiêng đầu hít ngửi. Rồi ông ta cầm nó lên, những ngón tay nhẹ bằng và mát lạnh chạm vào lòng bàn tay của Will.

“Chừng này có lẽ sẽ nuôi dưỡng được ta,” ông ta nói. “Một miếng là đủ rồi, cảm ơn cậu.”

Ông ta ngồi xuống rồi lặng lẽ nhắm nháp. Will nhận thấy rằng nếu nhìn vào đồng lửa, với thiên thần ở khóe mắt của mình, cậu sẽ thấy được ông ta rõ hơn rất nhiều.

“Baruch đang ở đâu thế?” Cậu hỏi. “Ông ấy có thể giao tiếp với ông không?”

“Ta cảm thấy rằng anh ấy đang ở rất gần. Anh ấy sẽ đến ngay thôi. Khi anh ấy trở lại, chúng ta có thể nói chuyện. Nói chuyện là cách tốt nhất.”

Chỉ mười phút sau, một tiếng vỗ cánh rất nhẹ vọng tới tai họ, khiến Balthamos hăm hở đứng bật dậy. Ngay sau đó, hai thiên thần đã ôm chầm lấy nhau, còn Will, nhìn vào đồng lửa, thấy được tình cảm họ dành cho nhau. Còn hơn cả cảm xúc quý mến, họ yêu nhau một cách nồng nhiệt.

Baruch ngồi xuống cạnh người đồng hành của mình, trong lúc Will cời lửa, khiến một đám mây khói trôi qua hai người bọn họ. Nó có tác dụng làm đậm đường nét cơ thể họ, nhờ vậy mà lần đầu tiên cậu thấy rõ được cả hai. Balthamos có thân hình mảnh dẻ; đôi cánh thuần dài thanh nhã gập lại phía sau vai, còn gương mặt thì mang một biểu hiện xen lẫn giữa vẻ cao ngạo và một mối thương cảm dịu dàng nhưng đầy mãnh liệt, như thể ông sẽ yêu thương tất cả thầy chỉ khi nào bản tính cho phép ông quên đi những khiếm khuyết của chúng. Nhưng ông không thấy chút khiếm khuyết nào ở Baruch

cả, điều đó là rõ ràng. Baruch trông có vẻ trẻ hơn, như Balthamos đã nói, tầm vóc to lớn hơn, đôi cánh của ông đồ sộ và có màu trắng như tuyết. Ông có tính cách đơn giản hơn; cái cách mà ông nhìn Balthamos đầy tôn kính giống như đang nhìn vào cội nguồn của mọi tri thức và niềm vui vậy. Will thấy mình bị lôi cuốn và xúc động trước tình yêu mà hai người dành cho nhau.

“Ông tìm ra được Lyra ở đâu chưa?” Cậu nói, nôn nóng muốn nghe tin.

“Rồi,” Baruch đáp. “Có một thung lũng vùng Himalaya ở trên cao, gần một dòng sông băng nơi ánh sáng bị băng tuyết chuyển hóa thành cầu vồng. Ta sẽ vẽ cho cậu một bản đồ lên nền đất để cậu không nhầm lẫn. Cô bé bị bắt giữ trong một hang động lẫn quất giữa rừng cây, bị người đàn bà giữ cho ngủ không tỉnh dậy được.”

“Ngủ à? Người phụ nữ đó có một mình thôi sao? Không có binh lính nào đi cùng à?”

“Một mình, phải. Đang ẩn trốn.”

“Lyra không bị thương chứ?”

“Không. Chỉ say ngủ, và chìm trong mơ. Để ta cho cậu thấy nơi họ ở.”

Bằng ngón tay nhột nhật, Baruch vạch một bản đồ trên nền đất tro bụi bên đồng lửa. Will lấy sổ tay ra và chép lại chính xác. Một dòng sông băng với dạng hình rắn lạ lùng, chảy xuống giữa ba đỉnh núi gần như giống hệt nhau.

“Giờ,” thiên thần nói, “ta sẽ lại gần hơn. Thung lũng có hang động đó trải dài xuống từ mé bên trái của dòng sông băng, và một con sông chứa nước từ băng tan chảy qua nó. Khởi đầu thung lũng là ở đây...”

Ông ta vẽ một bản đồ khác, Will cũng chép lại; rồi thêm cái thứ ba, mỗi lần lại tiến sát hơn, nhờ đó Will cảm thấy rằng cậu có thể tự tìm đường tới đó mà không gặp khó khăn gì - nếu như cậu vượt qua được bốn hay năm nghìn dặm giữa vùng lãnh nguyên và những dãy núi. Con dao rất hữu dụng khi dùng để cắt qua các thế giới, nhưng lại chẳng thể rút ngắn khoảng cách giữa chúng.

“Có một ngôi đền gần sông băng,” Baruch kết thúc bài giải thích, “treo những biểu ngữ đỏ bằng lụa bị gió quật tới tấp. Một cô gái nhỏ mang thức ăn đến hang động. Họ cho rằng người đàn bà kia là một vị thánh sẽ ban phước lành tới nếu họ chăm lo cho những nhu cầu của bà ta.”

“VẬY À,” Will nói. “Mà bà ta đang *trốn* sao... Đó là điểm tôi không lí giải nổi. Trốn khỏi Giáo hội à?”

“Có vẻ như vậy.”

Will cẩn thận gấp những tấm bản đồ lại rồi cất đi. Cậu đặt chiếc cốc thiếc lên mấy hòn đá bên rìa ngọn lửa để đun nước, và giờ thì cậu đang đổ bột cà phê vào, dùng một cái que để khuấy, rồi bọc bàn tay trong một tấm khăn trước khi cầm cốc lên để uống.

Một que củi cháy tàn sụp xuống trong đồng lửa; một con chim ăn đêm rúc lên gọi bầy.

Đột nhiên, chẳng hiểu vì sao Will có thể thấy được, cả hai thiên thần cùng ngược lên và nhìn về một hướng. Cậu dõi theo hướng họ nhìn, nhưng lại chẳng thấy gì. Cậu từng thấy con mèo của mình làm như vậy một lần: Ngẩng lên nhìn đầy cảnh giác trong lúc thiu thiu ngủ, quan sát thứ gì đó hay kẻ nào đó vô hình bước vào phòng và đi băng qua. Lần đó đã khiến lông tóc cậu dựng ngược lên, và lần này cũng vậy.

“Dập lửa đi,” Balthamos thì thào.

Will vục lấy ít đất bằng bàn tay lạnh lặn rồi tạt lên lửa. Ngay lập tức cơn giá lạnh ập vào tận xương tuỷ, khiến cậu run lên cầm cập. Cậu kéo áo choàng kín người rồi lại nhìn lên.

Giờ thì có thứ gì đó đã hiện hình: Phía trên những đám mây là một hình dạng đang tỏa sáng, và đó không phải là mặt trăng.

Cậu nghe thấy tiếng Baruch lầm bầm: “Cỗ chiến xa à? Có lẽ nào?”

“Đó là gì vậy?” Will thì thào.

Baruch ngả tới gần rồi thì thầm đáp lại: “Họ biết chúng ta ở đây rồi. Họ đã tìm thấy chúng ta. Will, lấy con dao của cậu rồi...”

Trước khi ông ta kịp nói hết câu, có thứ gì đó lao ra khỏi bầu trời và đâm sầm vào Balthamos. Chỉ trong tích tắc, Baruch đã nhảy bổ lên nó, còn Balthamos đang vùng vẫy để giải phóng đôi cánh của mình. Ba sinh thể vật lộn tới lui trong ánh sáng mờ mờ, chẳng khác nào những con ong vò vẽ khổng lồ bị mắc trong một mạng nhện vĩ đại. Họ không tạo ra bất cứ tiếng động nào, tất cả những gì Will có thể nghe thấy được là tiếng cành non gãy rờn và tiếng lá lạo xạo khi họ giao đấu.

Cậu không thể sử dụng con dao: Bọn họ đang di chuyển quá nhanh. Thay vào đó, cậu lấy cây đèn pin trong balô ra rồi bật lên.

Không ai trong số họ lường trước được điều đó. Kẻ tấn công giương vôi cánh lên, Balthamos vùng tay lên che mắt, chỉ có Baruch là đủ bình tĩnh để chống chịu. Nhưng giờ thì Will đã thấy được kẻ thù này là thứ gì: Một thiên thần khác, to lớn hơn và hùng mạnh hơn hai vị kia, bàn tay của Baruch đang bịt chặt trên miệng hắn.

“Will!” Balthamos kêu lên. “Con dao - cắt một đường ra...”

Cũng chính vào lúc đó, kẻ tấn công vùng thoát khỏi vòng tay của Baruch và gào lên:

“Ngài Nhiếp chính! Tôi tóm được chúng rồi!”

Giọng của hắn khiến đầu óc Will long lên, cậu chưa từng nghe thấy một tiếng hét nào như thế. Đáng ra chỉ trong thoáng chốc thiên thần đó đã có thể bay vọt lên không trung, nhưng Will thả cái đèn xuống và lao tới trước. Cậu đã giết một con quỷ vực, nhưng dùng con dao với một sinh vật có hình dạng giống cậu thì khó khăn hơn nhiều. Bất chấp, cậu ôm lấy đôi cánh đồ sộ đang đập loạn xạ rồi chém tới tấp vào đám lông vũ cho tới khi không khí ngập tràn những mẩu lông trắng xoay vòng. Ngay cả khi bộn bề những xúc cảm dữ dội, cậu vẫn nhớ tới lời của Balthamos: *Các cậu có da thịt thật sự, còn chúng ta thì không*. Con người mạnh hơn thiên thần, và điều đó không hề sai: Cậu đang dồn thiên thần đó xuống mặt đất.

Kẻ tấn công vẫn đang gào thét bằng thứ giọng đinh tai kia: *“Ngài Nhiếp chính! Tới chỗ tôi, tới chỗ tôi!”*

Will cố nhìn lên trời và thấy mây vằn vữa, cuộn xoáy, còn ánh sáng le lói kia - một thứ gì đó rất to lớn - đang dần trở nên chói chang hơn, như thể chính những đám mây đang bùng sáng và chứa chan năng lượng như những tia plasma vậy.

Balthamos hét lên: “Will - tránh ra rồi cắt xuyên qua đi, trước khi ông ta tới...”

Nhưng tên thiên thần còn lại đang quấy đạp dữ dội, giờ một bên cánh của hắn đã thoát ra còn hắn đang vùng dậy khỏi mặt đất. Will phải cố ghì chặt xuống nếu không sẽ để hắn thoát mất. Baruch lao tới giúp cậu, liên tục ấn đầu kẻ tấn công xuống.

“Không!” Balthamos lại gào lên. “Không! Không!”

Ông ta bổ nhào vào Will, lắc cánh tay, vai, bàn tay cậu, trong lúc kẻ tấn công cố gắng hét lên nhưng Baruch đã kịp bịt tay lên miệng hắn. Từ phía trên dồn tới một cơn chấn động rung chuyển trời đất, không khác gì một cái máy phát điện khổng lồ. Dù cho âm thanh phát ra trầm đến mức gần như không thể thấy được, nó vẫn đang lay động từng nguyên tử trong không khí và khiến tủy trong xương của Will nảy bật lên.

“Hắn ta đang tới...” Balthamos kêu lên, gần như đang thút thít khóc. Giờ thì một phần nỗi sợ của ông đã tác động tới Will. “Làm ơn, làm ơn đi, Will...”

Will ngược lên nhìn.

Mây đang tề dân, và qua khoảng hở đem ngòm, một dáng hình đang phóng xuống rất nhanh: Ban đầu còn nhỏ xíu, nhưng cứ một giây trôi qua, hình hài đó lại tiến đến gần hơn, trở nên to lớn và đường bệ hơn. Hắn đang lao thẳng tới chỗ họ, mang theo một ác tâm không thể nhầm lẫn được; Will chắc chắn rằng mình có thể thấy được cả đôi mắt của hắn.

“Will, cậu phải làm đi,” Baruch khẩn khoản kêu lên.

Will đứng dậy, định bụng nói: “Giữ chặt lấy hắn,” nhưng ngay khi những lời đó chạm tới tâm trí cậu, gã thiên thần lún xuống nền đất, tan ra rồi lan tỏa như sương mù, rồi hắn hoàn toàn biến mất. Will nhìn quanh, cảm thấy ngu ngốc và nôn nao.

“Có phải tôi đã giết hắn không?” Cậu run rẩy nói.

“Cậu buộc phải làm vậy,” Baruch đáp. “Nhưng giờ...”

“Tôi ghét chuyện này,” Will gay gắt nói, “thật sự, thật sự ghét cái sự giết chóc này! Bao giờ nó mới chấm dứt?”

“Chúng ta phải đi thôi,” Balthamos yếu ớt nói. “Nhanh lên, Will - nhanh lên - làm ơn...”

Cả hai đều đang sợ chết khiếp.

Will dùng đầu mũi dao lần tìm trong không khí: Thế giới nào cũng được, miễn là thoát khỏi đây. Cậu cắt thật nhanh rồi nhìn lên: Thiên thần từ trên bầu trời kia chỉ còn cách có vài giây, biểu cảm của hắn thật kinh hãi. Ngay cả từ khoảng cách đó, cả trong giây phút khẩn cấp đó, Will cũng cảm thấy toàn bộ sự tồn tại của mình đang bị rà soát và lùng sục bởi một kẻ tài trí to lớn, hung bạo và nhẫn tâm.

Còn hơn thế nữa, hắn có một cây giáo - hắn đang nâng nó lên, chuẩn bị ném...

Nhưng nhân lúc thiên thần đang bận kiểm tra tầm bay của mình, ngời thẳng trở lại rồi vung tay về sau để quăng vũ khí, Will theo sau Baruch và Balthamos qua ô cửa sổ rồi đóng nó lại. Khi những ngón tay của cậu ép tắc không khí cuối cùng lại với nhau, cậu cảm thấy không gian rung lên bần bật - nhưng nó đã tan biến, cậu an toàn rồi: Cây giáo hắn đã cắm xuyên qua người cậu nếu còn ở thế giới bên kia.

Họ đang ở trên một bãi biển đầy cát dưới ánh trăng vàng vạc sáng. Những cái cây giống như dương xỉ khổng lồ mọc sâu vào đất liền; những đụn cát lè tè trải dài hàng dặm quanh bờ biển. Không khí nóng nực và ẩm ướt.

“Đó là ai vậy?” Will hỏi, run rẩy đối mặt với hai thiên thần.

“Đó là Metatron,” Balthamos đáp. “Cậu đáng lẽ phải...”

“Metatron? Ai vậy? Tại sao hắn lại tấn công? Đừng có nói dối tôi đấy.”

“Chúng ta phải kể cho cậu ta,” Baruch nói với người đồng hành của mình. “Đáng ra anh phải làm từ trước rồi.”

“Phải, tôi nên làm vậy,” Balthamos đồng tình, “nhưng tôi đang giận cậu ta, lại lo lắng cho anh nữa.”

“Vậy thì nói cho tôi biết ngay đi,” Will nói. “Nhưng nhớ là có bảo tôi phải làm gì cũng vô tác dụng thôi - tôi không quan tâm đến mấy thứ đó, không hề. Chỉ có Lyra là quan trọng thôi, cả mẹ tôi nữa. Và đó,” cậu nói thêm với Balthamos, “là điểm cốt yếu của toàn bộ cái sự suy xét siêu hình này, như ông đã đặt tên cho nó.”

Baruch nói: “Ta nghĩ chúng ta nên kể lại cho cậu thông tin mà mình biết. Will, đây là lí do hai ta đã đi tìm cậu, và là lí do chúng ta phải đưa cậu đến với Ngài Asriel. chúng ta đã phát hiện ra một bí mật của thiên quốc - thế giới của Đấng Quyền Năng - và chúng ta phải chia sẻ điều đó với ông ấy. Chúng ta ở đây có an toàn không?” Ông nói thêm trong lúc nhìn quanh quất. “Không có đường thông nào chứ?”

“Đây là một thế giới khác. Một vũ trụ tách biệt.”

Thứ cát mà họ đang đứng trên rất mềm, còn sườn dốc của đụn cát gần đó thật mời gọi. Họ có thể phóng tầm mắt ra nhiều dặm dưới ánh trăng; họ hoàn toàn đơn độc.

“Vậy thì kể cho tôi nghe đi,” Will nói. “Kể cho tôi nghe về Metatron, và về điều bí mật đó nữa. Tại sao thiên thần kia lại gọi hắn là Nhiếp chính? Còn Đấng Quyền Năng là gì? Ông ta có phải Thượng Đế không?”

Cậu ngồi xuống. Hai thiên thần cũng ngồi xuống với cậu, hình dạng của họ dưới ánh trăng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Balthamos khề khàng nói: “Đấng Quyền Năng, Thượng Đế, Đấng Sáng Tạo, Thiên Chúa, Yahweh, El, Adonai, Đức Vua, Đức Cha, Đấng Tối Cao - tất cả đều là những cái tên ông ta tự đặt cho mình. Ông ta chưa bao giờ là đấng sáng tạo. Ông ta chỉ là một thiên thần giống như chúng ta - thiên thần đầu tiên, phải, kẻ hùng mạnh nhất, nhưng ông ta cũng được tạo thành từ Bụi giống như chúng ta, mà Bụi thì chỉ là một cái tên cho những gì xảy ra khi vật chất bắt đầu hiểu biết về bản thân nó. Vật chất yêu thương vật chất. Nó cố gắng tìm hiểu nhiều hơn về bản thân mình, và rồi Bụi hình thành. Những thiên thần đầu tiên cô đặc lại từ Bụi, và Đấng Quyền Năng ra đời trước tất

cả. Ông ta nói với những kẻ tới sau rằng chính ông ta đã tạo ra họ, nhưng đó là một lời dối trá. Một trong những người đến sau lại thông thái hơn ông ta, bà ấy đã tìm ra sự thật và bị ông ta trục xuất. Nhưng chúng ta vẫn phục vụ bà. Còn Đấng Quyền Năng vẫn đang thống trị thiên quốc, với Metatron làm Nhiếp chính.

“Nhưng còn điều đã khám phá ra tại Núi Mây Phủ, chúng ta không thể cho cậu biết điểm mấu chốt của nó. Chúng ta đã thề với nhau rằng người đầu tiên được nghe sẽ là Ngài Asriel.”

“Vậy thì cho tôi biết những gì các ông có thể nói đi. Đừng để tôi mù mờ không biết gì nữa.”

“Chúng ta đã tìm được đường vào Núi Mây Phủ,” Baruch nói, rồi lập tức tiếp thêm: “Thứ lỗi cho ta; chúng ta dùng những từ này thật quá dễ dãi. Đôi khi nó được gọi là Chiến xa. Nó không đứng yên một chỗ, cậu thấy đấy; nó dịch chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Dù nó có đi đâu thì cũng sẽ mang theo trung tâm của thiên quốc, thành quách của ông ta, cung điện của ông ta. Khi Đấng Quyền Năng còn trẻ, nó không bị mây bao bọc, nhưng thời gian trôi qua, ông ta thu thập chúng lại quanh mình ngày càng dày đặc. Đã hàng ngàn năm rồi chưa ai thấy được đỉnh của ngọn núi. Vì vậy hiện nay thành trì của ông ta được biết tới dưới cái tên Núi Mây Phủ.”

“Các ông đã tìm thấy gì ở đó?”

“Bản thân Đấng Quyền Năng ngụ tại một căn buồng ở trung tâm ngọn núi. Chúng ta không thể lại gần, dù cho đã thấy được ông ta. Quyền năng của ông ta...”

“Ông ta đã ủy thác phần lớn quyền năng của mình,” Balthamos chen ngang, “cho Metatron, như ta định nói. Cậu đã thấy hắc tròng thể nào rồi đấy. Chúng ta từng trốn thoát khỏi hắc, và giờ thì hắc đã lại phát hiện ra chúng ta, hơn nữa hắc còn thấy cả cậu và con dao. Ta đã nói...”

“Balthamos,” Baruch nhẹ nhàng nói, “đừng trách cứ Will. Chúng ta cần sự giúp đỡ của cậu ấy, chẳng thể nào trách cậu bé vì không biết điều đã khiến *chúng ta* mất bao nhiêu thời gian mới có thể tìm ra được.”

Balthamos quay mặt đi.

Will nói: “VẬY là các ông không định nói cho tôi biết cái bí mật đó phải không? Được thôi. Thay vào đó thì cho tôi biết điều này: Chuyện gì sẽ xảy ra khi ta chết đi?”

Balthamos quay lại nhìn trong kinh ngạc.

Baruch nói: “À, có một thế giới dành cho người chết. Nó ở đâu, và chuyện gì diễn ra ở đó, chẳng ai biết được. Nhờ có Balthamos, hồn phách của ta chưa từng phải tới đó; ta là thứ đã từng là hồn ma của Baruch. Thế giới của người chết đối với chúng ta chỉ là một màn đen sâu thẳm.”

“Đó là một trại giam,” Balthamos nói. “Đấng Quyền Năng lập nên nó vào thuở sơ khai. Sao cậu lại muốn biết? Rồi cậu sẽ thấy nó thôi.”

“Bố tôi vừa mới mất, đó là lí do. Nếu không bị giết thì ông ấy đã kể với tôi mọi điều mình biết rồi. Các ông nói đó là một thế giới - có phải ý các ông là một thế giới như cái này, một vũ trụ khác không?”

Balthamos nhìn sang Baruch, người đang nhún vai.

“VẬY chuyện gì xảy ra ở thế giới người chết?” Will tiếp tục.

“Cái đó không thể nói được,” Baruch đáp. “Mọi thứ về nó đều là bí mật. Kể cả các Giáo hội cũng không biết; người ta nói với các tín đồ của mình rằng họ sẽ sống trên Thiên đường, nhưng đó là một lời dối trá. Nếu họ thực sự biết...”

“VẬY là hồn phách của bố tôi đã tới đó.”

“Chắc chắn là vậy, và cả hằng hà sa số những người đã chết trước ông ấy nữa.”

Will cảm thấy trí tưởng tượng của mình run lên.

“Mà tại sao các ông không đi thẳng tới chỗ Ngài Asriel với cái bí mật khủng khiếp của mình, dù nó là cái gì đi nữa,” cậu nói, “thay vì tìm kiếm tôi?”

“Chúng ta không dám chắc,” Balthamos nói, “rằng ông ấy sẽ tin tưởng mình, trừ khi chúng ta mang tới cho ông ấy minh chứng cho thành ý của mình. Hai thiên thần cấp thấp, trong số tất cả những uy quyền mà ông ấy đang phải chống chọi lại - sao ông ấy lại phải coi trọng chúng ta chứ?”

Nhưng nếu chúng ta có thể mang tới con dao và người nắm giữ nó, ông ấy có thể sẽ lắng nghe. Con dao là một thứ vũ khí hùng mạnh, Ngài Asriel cũng sẽ vui mừng nếu có cậu về phe mình.”

“Ồ, tôi rất tiếc,” Will nói, “nhưng điều đó với tôi nghe nhu nhược lắm. Nếu có chút tin tưởng nào vào bí mật của mình, các ông sẽ chẳng cần một lí do bào chữa để gặp Ngài Asriel.”

“Còn một lí do nữa,” Baruch nói. “Chúng ta biết rằng mình sẽ bị Metatron truy đuổi, và muốn đảm bảo rằng con dao không bị rơi vào tay ông ta. Nếu có thể thuyết phục cậu tới gặp Ngài Asriel trước thì ít nhất...”

“Ồ không, chuyện đó sẽ không xảy ra đâu,” Will kêu lên. “Các ông đang khiến việc tìm thấy Lyra *khó khăn hơn* chứ chẳng dễ dàng đi tẹo nào. Cậu ấy là điều quan trọng nhất, thế mà các ông lại quên bẵng luôn. Tôi thì không. Sao các ông không tới chỗ Ngài Asriel và để cho tôi yên đi? Buộc ông ta phải lắng nghe. Các ông có thể bay đến đó nhanh hơn nhiều so với tôi có thể đi bộ. Mà dù có thế nào tôi cũng sẽ đi tìm Lyra trước. Cứ làm vậy đi. Đi đi. Để mặc tôi.”

“Nhưng cậu cần tôi,” Balthamos nói không khoan nhượng, “vì tôi có thể giả vờ làm linh thú của cậu, mà nếu không có thì cậu sẽ rất lộ liễu ở thế giới của Lyra.”

Will quá phần uất để thốt nên lời. Cậu đứng dậy và bước đi hai mươi bước trên nền cát mềm mịn rồi dừng lại, vì nhiệt độ và độ ẩm khiến cậu choáng váng.

Cậu quay lại và thấy hai thiên thần đang ghé sát vào nhau thì thầm, rồi họ bước tới chỗ cậu, khiêm nhường, lúng túng, nhưng cũng đầy kiêu hãnh.

Baruch lên tiếng: “Chúng ta xin lỗi. Ta sẽ tự mình tới gặp Ngài Asriel, cho ông ấy thông tin của mình, rồi yêu cầu ông ấy trợ giúp cậu tìm con gái của mình. Sẽ tốn hai ngày bay, nếu ta định hướng được chính xác.”

“Còn ta sẽ ở lại với cậu, Will ạ,” Balthamos nói.

“Ồ,” Will nói, “cảm ơn.”

Hai thiên thần ôm lấy nhau. Sau đó Baruch vòng tay ôm Will và hôn lên hai má cậu. Nụ hôn mang tới cảm giác nhẹ nhàng và mát lạnh, giống như bàn tay của Balthamos vậy.

“Nếu chúng tôi liên tục tiến về phía Lyra,” Will nói, “liệu ông có tìm ra chúng tôi không?”

“Ta sẽ không bao giờ để mất dấu Balthamos,” Baruch nói rồi lùi lại.

Rồi ông vọt lên không trung, lao nhanh vào bầu trời và biến mất giữa những vì tinh tú nằm rải rác. Balthamos dõi theo bóng hình Baruch với niềm khao khát tột cùng.

“Chúng ta sẽ ngủ lại đây hay đi tiếp?” Cuối cùng ông ta lên tiếng, quay lại phía Will.

“Ngủ lại đây,” Will đáp.

“Vậy thì ngủ đi, ta sẽ canh chừng hiểm nguy. Will, ta đã quá nóng nảy với cậu, ta đã sai rồi. Cậu đang phải gánh một trọng trách quá to lớn, và ta nên giúp đỡ chứ không phải trách cứ cậu. Từ giờ trở đi ta sẽ cố gắng tử tế hơn.”

Vậy là Will nằm xuống nền cát ấm áp. Đầu đó gần đấy, cậu nghĩ, thiên thần đang canh gác; nhưng điều đó cũng không khiến cậu khuây khỏa được nhiều.

sẽ đưa chúng ta ra khỏi đây, Roger ạ, hứa đấy. Will cũng đang đến nữa, tớ dám chắc!”

Cậu bé không hiểu. Cậu xòe đôi bàn tay nhợt nhạt rồi lắc đầu.

“Tớ không biết người đó là ai, cậu ta cũng sẽ không tới đây đâu,” cậu bé nói, “mà có tới thì cậu ta cũng chẳng biết tớ.”

“Cậu ấy đang đến tìm tớ,” cô bé nói, “rồi tớ và Will, ôi, tớ không biết bằng cách nào, Roger ạ, nhưng tớ thề là bọn tớ sẽ giúp cậu. Cậu đừng quên rằng còn những người khác cũng ủng hộ chúng ta. Có Serafina này, Iorek này, rồi

3

Động vật ăn xác thối

Xương cốt hiệp sĩ đã hóa cát bụi,

Thanh bảo kiếm cũng chẳng còn vẹn nguyên;

Ta tin, linh hồn ông đã về với cõi sáng.

S. T. Coleridge

Serafina Pekkala, nữ hoàng bộ tộc phù thủy Hồ Enara, nước nở khóc khi bay qua bầu trời mù mịt của vùng Cực Bắc. Cô khóc vì phần uất, kinh sợ và hối tiếc: phần uất trước người đàn bà mang tên Coulter, kẻ cô đã thề sẽ tự tay giết chết; kinh sợ điều sắp xảy đến với vùng đất thân thương của mình; còn hối hận... Cô sẽ đối mặt với hối hận sau.

Trong lúc đó, cô nhìn xuống những chỏm băng đang tan chảy, những khu rừng vùng trũng ngập nước, mặt biển dậy sóng, và cảm thấy chán nản.

Nhưng cô không dừng lại để ghé thăm quê nhà, hay để an ủi và động viên các chị em của mình. Thay vào đó, cô bay về phương bắc, xa, xa hơn nữa, vào trong sương mù và gió bão quanh Svalbard, vương quốc của gấu mặt giáp Iorek Byrnison.

Cô gần như không nhận ra nổi hòn đảo chính. Những dãy núi đen ngòm nằm trơ trọi, chỉ có một vài thung lũng ẩn sâu, quay lưng lại phía mặt trời là còn giữ lại được chút tuyết trong những góc phủ bóng của chúng; nhưng mà

mặt trời đang làm gì ở đây, vào thời gian này trong năm chứ? Thiên nhiên đã bị đảo lộn hết cả rồi.

Cô mất nguyên gần một ngày để tìm được vua gấu. Cô thấy nó giữa những tảng đá bên rìa phía bắc của hòn đảo, bơi nước rút theo sau một con moóc. Sẽ khó khăn hơn cho gấu để giết được con mồi ở dưới nước: Khi mặt đất được băng đá bao phủ và những loài động vật có vú lớn ở biển phải trèo lên để thở, lũ gấu sẽ có lợi thế nguy trang trong khi con mồi của chúng thì đã ra khỏi môi trường thuận lợi của mình. Đáng lẽ sự việc phải diễn ra như thế.

Nhưng Iorek Byrnison đang đói, nên thậm chí cả những cái ngà sắc nhọn của con moóc sung mãn kia cũng chẳng thể cản nổi nó. Serafina quan sát hai sinh vật giao chiến, biển bọt biển trắng xóa thành màu máu đỏ, và thấy Iorek lôi cái xác ra khỏi những ngọn sóng rồi lên một bãi đá rộng lớn. Quan sát chúng từ một khoảng cách tôn trọng là ba con cáo lông mao tả tơi, chờ đợi đến lượt mình thưởng thức bữa tiệc.

Sau khi vua gấu đã ăn xong, Serafina bay xuống nói chuyện với nó. Giờ là lúc cô phải đối mặt với nỗi hối hận của mình.

“Quốc vương Iorek Byrnison,” cô lên tiếng, “cho phép tôi nói chuyện với ông được chứ? Tôi hạ vũ khí xuống đây.”

Cô đặt cung và tên lên tảng đá ướt nằm giữa họ. Iorek thoáng nhìn về phía chúng, và cô biết rằng nếu gương mặt nó có thể biểu lộ chút cảm xúc nào thì đó sẽ là ngạc nhiên.

“Nói đi, Serafina Pekkala,” con gấu gầm lên. “Chúng ta chưa từng có mâu thuẫn, phải không nào?”

“Quốc vương Iorek, tôi đã phụ lòng Lee Scoresby, bạn của ông.”

Không hề có chút động tĩnh nào từ đôi mắt đen láy nhỏ xíu và cái mõm dính đầy máu của nó. Cô có thể nhìn thấy gió vờn lẫn tăn trên ngọn những sợi lông màu trắng kem dọc theo lưng con gấu. Nó không nói gì.

“Ông Scoresby đã chết rồi,” Serafina nói tiếp. “Trước khi chúng tôi chia tay, tôi đã đưa cho ông ấy một bông hoa để gọi tôi đến khi cần. Tôi nghe thấy ông ấy gọi và bay tới chỗ ông ấy, nhưng lại đến quá trễ. Ông ấy đã hi sinh khi chiến đấu với một lực lượng của Muscovy nhưng tôi không biết

điều gì đã đưa chúng tới đó, hay lí do ông ấy phải cầm chân chúng trong khi bản thân có thể dễ dàng trốn thoát. Quốc vương Iorek, sự hối hận đang giằng xé tôi.”

“Chuyện đó xảy ra ở đâu?” Iorek Byrnison hỏi.

“Tại một thế giới khác. Phải mất một lúc tôi mới thuật lại được hết.”

“Vậy thì bắt đầu đi.”

Cô phù thủy kể cho con gấu về việc Lee Scoresby đã lên đường thực hiện: Để tìm người đàn ông được biết tới dưới cái tên Stanislaus Grumman. Cô kể về việc ranh giới giữa các thế giới đã bị Ngài Asriel phá thủng ra sao, và về một vài hệ quả - ví dụ như băng tan. Cô kể về hành trình bay của phù thủy Ruta Skadi theo sau các thiên thần, và cố gắng miêu tả những sinh vật biết bay này với vua gấu giống như Ruta đã miêu tả họ cho cô: ánh sáng chiếu rọi trên thân thể, vẻ ngoài trong vắt như pha lê, vốn tri thức giàu có của họ.

Rồi cô tả lại những gì đã thấy khi đáp lại lời kêu gọi của Lee.

“Tôi đã phù phép lên cơ thể của ông ấy để ngăn nó mục rữa,” cô nói với con gấu. “Nó sẽ được bảo quản cho tới khi ông đến gặp ông ấy, nếu ông muốn làm điều đó. Nhưng điều này khiến tôi thật sự đau khổ. Tôi cảm thấy phiền muộn về mọi thứ, nhưng phần lớn là vì điều này.”

“Đứa bé đâu rồi?”

“Tôi để cô bé lại với các chị em của mình, vì tôi phải đáp lại lời kêu gọi của Lee.”

“Cũng ở trong thế giới đó à?”

“Phải, cũng thế giới đó.”

“Làm thế nào tôi có thể đi từ đây đến đó được?”

Cô giải thích. Iorek Byrnison lắng nghe một cách vô cảm, rồi nó nói: “Tôi sẽ tới chỗ Lee Scoresby. Sau đó tôi phải tiến về phía nam.”

“Phía nam ư?”

“Băng đang biến mất khỏi những vùng đất nơi đây. Tôi đã suy nghĩ về việc này suốt rồi, Serafina Pekkala ạ. Tôi đã thuê một con tàu.”

Ba con cáo nhỏ vẫn đang kiên nhẫn chờ đợi. Hai trong số chúng đang nằm xuống, đầu tì lên bàn chân, quan sát, còn con còn lại vẫn đang ngồi thẳng, dõi theo cuộc trò chuyện. Lũ cáo vùng Cực Bắc, vốn là động vật ăn xác thối, đã nhạy nhận được chút ít ngôn ngữ, nhưng do não bộ đã được định dạng quá rõ ràng, chúng chỉ có thể hiểu được những câu nói ở thời hiện tại. Đa phần những gì Iorek và Serafina nói chỉ là những âm thanh vô nghĩa với chúng. Hơn nữa, những gì chúng nói ra hầu hết đều là dối trá, cho nên nếu chúng có lặp lại những gì mình nghe được thì cũng chẳng sao: Không ai có thể lọc ra được phần nào là sự thật, dù cho đám quý vực nhẹ dạ thường tin phần lớn câu chuyện, và chẳng bao giờ biết rút kinh nghiệm từ những lần đã phải thất vọng. Loài gấu và các phù thủy thì đều đã quá quen với những cuộc đối thoại bị nhạy nhận đào bới của chúng, giống như chỗ thịt mà chúng sẽ dọn nốt.

“Còn cô, Serafina Pekkala?” Iorek nói tiếp. “Giờ cô sẽ làm gì?”

“Tôi sẽ đi tìm những người du mục,” cô đáp. “Tôi nghĩ sẽ cần đến họ.”

“Ngài Faa,” con gấu nói, “phải. Những đấu sĩ thiện chiến. Bảo trọng.”

Nó quay đi, dầm mình vào làn nước mà không tạo ra tiếng động nào, rồi bắt đầu quạt nước bơi đi một cách đều đặn và không mệt mỏi về phía thế giới mới.

Một thời gian sau, Iorek Byrnison bước qua những bụi cây thấp đã sạm đen và những tảng đá bị nhiệt bửa đôi bên rìa một khu rừng bị cháy. Mặt trời gay gắt rọi qua màn sương đầy khói, nhưng con gấu phớt lờ sức nóng ở đây cũng như nó phớt lờ thứ bụi than đang nhuộm đen bộ lông trắng muốt của mình và lũ ruồi nhế đang tìm kiếm vô ích da của kẻ nào đó để đốt.

Con gấu đã vượt qua một chặng đường dài. Có lúc trong cuộc hành trình của mình, nó đã biết mình bơi vào thế giới khác ấy. Nó nhận ra sự thay đổi về mùi vị của nước, cũng như nhiệt độ của không khí, nhưng không khí vẫn khá dễ thở, còn nước thì vẫn nâng đỡ cơ thể của nó, nên con gấu cứ bơi tiếp. Giờ thì biển đã lùi lại phía sau, và nó đã gần đến được nơi mà Serafina

Pekkala miêu tả. Iorek Byrnison nhìn quanh, đôi mắt đen ngược lên lớp đá lấp lánh ánh nắng trên vách núi đá vôi sừng sững trước mặt.

Nằm giữa bia rừng cháy sém và rặng núi, một con dốc lởm chởm đá cuội và đá vụn rải đầy những mảnh kim loại bị đốt rụi và xoắn vặn: rậm và thanh chống đã từng thuộc về một thứ máy móc phức tạp nào đó. Iorek Byrnison quan sát chúng dưới con mắt của một thợ rèn cũng như một chiến binh, nhưng chẳng có gì nó có thể tận dụng được trong số những mảnh vụn này. Nó vạch một đường lên thanh chống ít bị hư hại nhất bằng một cái móng vĩ đại của mình, khi cảm thấy sự mỏng manh trong chất lượng của thứ kim loại này, nó liền lập tức bỏ đi và lại rà soát bức tường núi đá.

Rồi nó nhìn thấy thứ mà mình đang tìm kiếm: một khe núi hẹp nằm giữa những bức tường đá nhọn hoắt, và một tảng đá thấp cỡ lớn tại lối vào.

Con gấu điềm tỉnh trèo về phía cái khe. Dưới bàn chân đồ sộ của nó, xương khô gãy rã rắc một cách ồn ào trong sự tĩnh lặng. Biết bao nhiêu người đã bỏ mạng tại đây, để rồi bị lũ sói đồng cỏ, kền kền và những sinh vật nhỏ hơn rĩa sạch thịt. Nhưng con gấu vĩ đại chẳng buồn đoái hoài mà vẫn cẩn thận leo lên về phía tảng đá. Nền đất dưới chân bờ bùng bực, trong khi nó thì nặng nề, nhiều lần đá vụn chuội đi dưới chân, khiến nó lại tụt xuống cùng với bụi đất và sỏi đá bay tung tóe. Nhưng khi vừa trượt xuống, nó lại bắt đầu trèo lên, không hề nao núng, kiên nhẫn, cho tới khi tới được chỗ tảng đá, nơi nền đất chắc chắn hơn.

Tảng đá đã bị lõm và sứt mẻ vì vết đạn. Mọi thứ cô phù thủy nói đều khớp. Và để xác nhận, một bông hoa nhỏ vùng Cực Bắc - hoa tai hùm màu tím - đang xòe cánh hết sức phi lí tại một vết nứt trên tảng đá, nơi cô phù thủy trồng nó làm tín hiệu.

Iorek Byrnison đi vòng lên phía cao hơn. Đó là một chỗ trú khá tốt với kẻ địch ở phía dưới, nhưng không đủ tốt; vì trong số những loạt đạn bắn phá khiến tảng đá sứt mẻ, có một vài viên đã tìm tới đúng mục tiêu, chúng dừng lại tại đó, trong cơ thể của người đàn ông đang nằm co cứng nơi bóng râm.

Thi thể ông vẫn toàn vẹn, không phải một bộ xương, vì cô phù thủy đã phù phép để giữ cho ông không bị thối rữa. Iorek có thể thấy gương mặt

người đồng chí cũ của mình nhăn nhúm lại vì cơn đau từ những vết thương, và thấy những cái lỗ tả tơi trên quần áo ông, nơi đạn cắm vào. Phép thuật của cô phù thủy không bao hàm lượng máu đã chảy ra, để cho côn trùng, nắng và gió phát tán đi hoàn toàn. Lee Scoresby trông không có vẻ gì là đang ngủ, cũng chẳng hề thanh thản; trông ông như thể đã hi sinh trong chiến trận; nhưng trông ông dường như cũng biết rằng trận chiến của mình đã thắng lợi.

Và bởi vì ông phi công người Texas là một trong số những con người rất ít ỏi mà Iorek quý trọng, con gấu đón nhận món quà cuối cùng của người đàn ông dành cho nó. Bằng những cử động vuốt khéo léo, nó rạch quần áo của người đã chết, phanh cơ thể bằng một nhát chém, rồi bắt đầu thỏa thuê đánh chén máu thịt người bạn cũ của mình. Đó là bữa ăn đầu tiên của nó trong nhiều ngày trời, nó đang rất đói.

Nhưng một mạng lưới những suy nghĩ phức tạp đang tự đan dệt nên trong tâm trí vua gấu, chứa đựng nhiều nhánh sợi hơn cả cơn đói và sự thỏa mãn. Ở đó có kí ức về cô gái nhỏ Lyra, người nó đã đặt tên là Silvertongue, cũng là người lần cuối cùng nó thấy là khi cô bé băng qua cây cầu phủ tuyết mỏng manh bắc ngang khe nứt trên hòn đảo Svalbard của chính mình. Rồi lại có sự khích động giữa các phù thủy, lời đồn về những hiệp ước, về các liên minh và chiến tranh; và còn có sự thật kì lạ hơn tất thảy về chính cái thế giới mới này, sự khẳng định của cô phù thủy rằng còn có nhiều những thế giới khác như vậy, và rằng số phận của chúng đều bằng cách nào đó phụ thuộc vào số phận của đứa bé.

Rồi lại cả việc băng tan chảy. Con gấu và thần dân của nó sống trên băng; băng chính là nhà của chúng; băng là thành trì nơi chúng ngụ. Kể từ khi có những nhiễu động lớn trên Cực Bắc, băng bắt đầu biến mất, và Iorek biết rằng nó phải tìm một pháo đài băng băng cho giống loài của mình, nếu không chúng sẽ bị diệt vong. Lee đã kể cho nó nghe rằng ở phía nam có những ngọn núi cao đến mức khí cầu của ông cũng chẳng thể bay qua nổi, đỉnh của chúng được băng tuyết bao phủ quanh năm suốt tháng. Khám phá những ngọn núi này là nhiệm vụ tiếp theo của nó.

Nhưng tạm thời, một thứ đơn giản hơn đang chiếm hữu trái tim của nó, một thứ sáng rực, cứng rắn và không thể lay chuyển: Báo thù. Lee Scoresby, người đã cứu Iorek khỏi hiểm nguy bằng khí cầu của mình và kề vai sát cánh chiến đấu với nó tại vùng Cực Bắc thuộc thế giới của nó, đã chết. Iorek sẽ báo thù cho ông. Xương thịt của con người tử tế này sẽ nuôi dưỡng nó, cũng như khiến nó không thể nghỉ ngơi cho tới khi máu đã chảy đủ nhiều để có thể xoa dịu trái tim mình.

Mặt trời đang lặn dần vào lúc Iorek dùng xong bữa, không khí cũng trở nên mát mẻ hơn. Sau khi thu thập những mảnh còn sót lại thành một đồng, con gấu dùng miệng nhấc bông hoa lên rồi thả vào chính giữa, giống như con người hay thích làm. Giờ thì bữa chú của cô phù thủy đã bị phá vỡ; phần còn lại của cơ thể Lee sẽ được dành cho bất cứ kẻ nào tới. Chẳng bao lâu nó sẽ nuôi dưỡng đủ loại sự sống khác nhau.

Rồi Iorek lên đường xuống con dốc để trở về phía biển, về hướng nam.

Lũ quỷ vực rất khoái thịt cáo, khi chúng có thể kiếm được. Những sinh vật nhỏ bé ấy rất gian xảo và khó mà bắt nổi, nhưng thịt của chúng thì lại mềm và có mùi nồng nặc.

Trước khi giết con cáo này, con quỷ vực để cho nó nói, rồi cười nhạo sự lảm nhảm ngu độn của nó.

“Gấu phải đi về phía nam! Thề đấy! Phù thủy đang phiền muộn! Sự thật! Thề! Hứa đấy!”

“Gấu đâu có đi về phía nam, đồ nói dối bẩn thỉu!”

“Thật mà! Vua gấu phải đi về phía nam! Cho người xem con moóc - ngon béo ngọt...”

“Vua gấu đi về phía nam?”

“Còn sinh vật bay có được kho báu! Sinh vật bay - thiên thần - kho báu trong suốt như pha lê!”

“Sinh vật bay - như quỷ vực ấy à? Kho báu?”

“Giống như ánh sáng, không phải như quỷ vực. Lộng lẫy! Trong trẻo!
Còn phù thủy phiền muộn - phù thủy hối tiếc - Scoresby chết...”

“Chết? Gã lái khí cầu chết rồi?” Tiếng cười của con quỷ vực vang vọng khắp những vách đá khô khốc.

“Phù thủy giết hắn - Scoresby chết, vua gấu đi về phía nam...”

“Scoresby chết! Ha, ha, Scoresby chết rồi!”

Con quỷ vực vạt rời đầu con cáo rồi giành giật bộ lông với đám anh em của nó.

họ sẽ tới, chắc chắn thế!”

“Nhưng cậu đang ở đâu vậy Lyra?”

Cô bé không thể trả lời câu hỏi đó. “Tớ nghĩ mình đang mơ, Roger ạ,” là tất cả những gì cô có thể vắt óc nghĩ ra được.

Phía sau Roger, cô có thể thấy nhiều con ma khác, hàng tá, hàng trăm con, đầu chúng chụm lại với nhau, nhòm tới thật sát và lắng nghe từng lời một.

“Còn người đàn bà đó?” Roger hỏi. “Hi vọng là bà ta chưa chết. Hi vọng bà ta sẽ sống lâu nhất có thể. Vì nếu bà ta xuống đây, chẳng có chỗ nào để trốn cả, bà ta sẽ tóm được chúng ta mãi mãi. Đó là điểm tốt duy nhất tớ có thể thấy được ở việc chết đi, rằng bà ta thì không. Mặc dù tớ biết một ngày nào đó rồi bà ta cũng chết...”

Lyra hốt hoảng.

“Tớ nghĩ mình đang mơ, tớ không biết bà ta ở đâu cả!” Cô bé nói. “Bà ta ở đâu đó quanh đây, nhưng tớ không thể

4

Ama và bầu dơi

Nàng nằm đó như đang bông đùa

Sự sống đã vụt thoát khỏi cơ thể

Định bụng rồi sẽ quay về

Nhưng nào có nhanh đến thế

Emily Dickinson

Ama, con gái của người chăn gia súc, mang theo hình ảnh của cô bé đang say ngủ trong kí ức của mình: Cô không thể ngừng nghĩ về cô bé. Cô không hề mảy may nghi ngờ sự thật về những gì Phu nhân Coulter đã nói với mình. Thầy phù thủy có tồn tại, vượt xa cả sự hoài nghi, họ rất có khả năng sẽ bỏ bùa mê, và cũng rất có khả năng là một người mẹ sẽ chăm lo cho con gái của mình theo cái cách vừa hung bạo vừa ân cần đó. Ama thể hiện sự ngưỡng mộ đến mức gần như là tôn sùng với người phụ nữ xinh đẹp trong hang động và cô con gái bị bỏ bùa của bà ta.

Trong khả năng của mình, cô thường xuyên lui tới thung lũng nhỏ để chạy việc vặt cho người phụ nữ hay chỉ đơn thuần để nói huyền thiên và lắng nghe, vì người phụ nữ có những câu chuyện tuyệt vời để kể. Hết lần này đến lần khác, cô đều hi vọng được thoáng nhìn thấy người đang say ngủ, nhưng nó chỉ xảy ra đúng một lần, và cô đành chấp nhận rằng có lẽ việc đó sẽ không bao giờ được phép xảy ra nữa.

Vậy là trong suốt thời gian vắt sữa cừu, chải rồi xe len, hay nghiền lúa mạch để làm bánh mì, cô cứ miên man nghĩ về thứ bùa phép đã được ếm, và về lí do vì sao lại xảy ra việc đó. Phu nhân Coulter chưa bao giờ nói với cô, nên cô cứ thế mà mặc sức tưởng tượng.

Một ngày nọ, cô lấy vài ổ bánh mì dẹt phết mật ong rồi vượt qua hành trình dài ba giờ đồng hồ dọc theo con đường mòn tới Cho-Lung-Se, nơi một tu viện tọa lạc. Nhờ tài nịnh nọt khéo léo và tính nhẫn nại, cùng với việc hối lộ người gác cửa vài cái bánh mì mật ong, cô bé đã được phép yết kiến vị lương y vĩ đại Pagdzin *tulku*^[1], người vừa mới năm trước đã chặn đứng đợt bùng phát của cơn sốt trắng, và là một người vô cùng thông thái.

Ama bước vào căn phòng nhỏ của người đàn ông vĩ đại, cúi chào thật thấp rồi dâng tặng chiếc bánh mật ong còn lại với tất cả sự khiêm nhường của mình. Con linh thú dơi của vị thầy tu sà xuống rồi vun vút lao quanh người cô, khiến linh thú Kulang của cô sợ chết khiếp, nó phải bò vào trốn trong tóc cô bé, nhưng Ama vẫn cố gắng giữ yên lặng và đứng im cho tới khi Pagdzin *tulku* lên tiếng.

“Sao, bé con? Nhanh nào, nhanh nào,” ông nói, bộ râu xám dài của ông vung vẩy theo từng con chữ.

Trong ánh sáng tờ mờ, bộ râu và đôi mắt sáng rực của ông là hầu hết những gì cô có thể thấy được. Con dơi đậu lên một thanh xà phía trên đầu ông, cuối cùng cũng chịu yên vị mà treo người. Thấy vậy, cô bé cất tiếng: “Xin ngài, Pagdzin *tulku*, con muốn có được sự thông thái. Con muốn biết cách tạo ra phép thuật và bùa chú. Ngài có thể dạy con được không ạ?”

“Không,” ông đáp.

Cô đã đoán trước được điều này. “Vậy thì, ngài có thể cho con biết chỉ một phương thuốc được không ạ?” Cô khúm núm hỏi.

“Có thể. Nhưng ta sẽ không cho con biết nó là gì đâu. Ta có thể cho con thuốc, nhưng không phải là tiết lộ bí mật.”

“Được ạ, cảm ơn ngài, thật là may mắn quá,” cô bé nói, cúi người vài lần.

“Bệnh gì vậy, ai bị mắc thế?” Ông già hỏi.

“Đó là một thứ bệnh ngủ ạ,” Ama giải thích. “Con trai người họ hàng của cha con bị mắc.”

Cô biết mình đang cực kì khôn khéo khi thay đổi giới tính của người mắc bệnh, phòng trường hợp vị lương y có nghe nói tới người phụ nữ sống trong hang động.

“Cậu bé này bao nhiêu tuổi?”

“Lớn hơn con ba tuổi ạ, thừa Pagdzin *tulku*,” cô đoán, “nên cậu ấy mười hai tuổi. Cậu ấy cứ ngủ miệt mài không dậy nổi.”

“Tại sao cha mẹ nó vẫn chưa đến gặp ta? Tại sao họ lại cử con đến?”

“Vì họ sống ở tận phía bên kia làng của con, họ lại rất nghèo nữa, Pagdzin *tulku* ạ. Con chỉ mới nghe nói về bệnh tình của người họ hàng vào ngày hôm qua nên đã lập tức đến tìm lời khuyên của ngài.”

“Ta cần phải gặp bệnh nhân và khám cho cậu ta thật cẩn thận, rồi kiểm tra về vị trí các hành tinh vào giờ mà cậu ta ngủ nữa. Những việc này không thể làm vội làm vàng được.”

“Không có thứ thuốc nào mà ngài có thể cho con cầm về được ạ?”

Con linh thú dơi thả mình khỏi xà nhà, lờ đờ đập cánh bay sang một bên rồi đáp xuống nền nhà, lặng lẽ lao đi lao lại qua căn phòng, nhanh đến nỗi Ama không nhìn theo nổi; nhưng đôi mắt sáng của vị lương y lại thấy được chính xác nó đã đi đâu. Sau khi nó lại một lần nữa treo ngược người trên xà nhà và gấp đôi cánh đen ngòm lại quanh mình, ông già liền đứng dậy, đi hết từ giá này sang giá khác, lọ này sang lọ kia, hộp này qua hộp nọ, chỗ này múc một thìa đầy bột, chỗ kia thêm một nhúm thảo dược, theo tuần tự mà con linh thú đã ghé qua.

Ông dốc toàn bộ số nguyên liệu vào cái cối rồi nghiền chúng với nhau, vừa nghiền vừa lẩm nhẩm một câu thần chú. Sau đó ông lấy chày gỗ nhẹ lên vành tròn của cái cối để loại nốt những hạt còn dính lại, rồi lấy một cái cọ và mực để viết vài chữ cái lên một tấm giấy. Khi mực đã khô, ông đổ tất cả số bột lên dòng chữ rồi nhanh nhẹn gấp tờ giấy lại thành một gói nhỏ hình vuông.

“Để cho họ quét loại bột này vào lỗ mũi của đứa bé đang ngủ, từng chút một, lúc nó hít vào,” ông nói với cô bé, “và cậu ta sẽ tỉnh lại. Việc này phải được thực hiện cực kì cẩn trọng. Cho quá nhiều cùng một lúc sẽ khiến nó bị sặc. Dùng loại cọ mềm nhất ấy.”

“Tạ ơn ngài, Pagdzin *tulku*,” Ama nói rồi nhận lấy cái gói và cho nó vào túi áo lớp trong cùng. “Giá mà con có một cái bánh mì mật ong nữa để dâng lên ngài.”

“Một là đủ rồi,” vị lương y nói. “Giờ thì đi đi. Lần tới mà đến, nhớ kể cho ta toàn bộ sự thật, chứ không phải chỉ một phần của nó.”

Câu nói đó khiến cô bé cực kì lúng túng, cô cúi chào thật thấp để che đi nỗi hổ thẹn. Cô hi vọng mình đã không để lộ quá nhiều.

Chiều hôm sau cô bé chạy vội đến thung lũng ngay khi có thể, mang theo ít cơm ngọt bọc trong một chiếc lá hình trái tim. Cô đang cực kì háo hức muốn kể với người phụ nữ việc mình đã làm, muốn đưa cho bà thang thuốc để được bà khen ngợi và cảm ơn, và trên tất cả là niềm háo hức khi đứa bé bị bỏ bùa ngủ sẽ tỉnh dậy và nói chuyện với cô. Chúng có thể làm bạn!

Nhưng khi rẽ qua một khúc quanh trên con đường mòn và nhìn lên, cô không thấy con khỉ lông vàng nào, cũng chẳng có người phụ nữ kiên trì ngồi nơi cửa động. Nơi đó trống không. Cô bé lao qua vài mét cuối cùng, lo sợ rằng họ đã bỏ đi mãi mãi - nhưng kia là chiếc ghế mà người phụ nữ đã dùng để ngồi, bộ dụng cụ nấu ăn và tất cả những thứ khác.

Ama nhìn vào bóng tối phía sâu trong hang động, tìm đập thành thịch. Rõ ràng là người đang ngủ vẫn chưa tỉnh lại: Trong cảnh tranh tối tranh sáng, Ama có thể nhận ra hình dạng của chiếc túi ngủ, mảng màu nhạt hơn là tóc của cô gái, và vòng cung màu trắng của con linh thú đang ngủ.

Cô rón rén đi vào gần hơn một chút. Không nghi ngờ gì nữa - họ đã ra ngoài và để lại cô bé bị bỏ bùa một mình.

Một suy nghĩ ập đến với Ama như một nốt nhạc ngân vang: *Thử tưởng tượng* nếu cô đánh thức được cô bé trước khi người phụ nữ quay lại...

Nhưng cô gần như chẳng có thời gian để cảm nhận sự phấn khích từ ý tưởng đó trước khi nghe thấy tiếng động trên con đường bên ngoài. Cả người run lên vì cảm giác tội lỗi, cô bé và con linh thú của mình lao ra phía sau một mòm đá bên rìa hang động. Đáng ra cô không được ở đây. Cô đang rình mò. Việc này thật sai trái.

Và giờ thì con khỉ vàng đang ngồi xổm phía trong lối vào, hít hà rồi quay đầu hết bên này lại sang bên kia. Ama thấy nó nhe hàm răng sắc nhọn ra, khiến con linh thú hiện đang trong dạng chuột vùi mình vào quần áo cô, run như cây sậy.

“Gì vậy?” Giọng người phụ nữ vang lên, nói với con khỉ, rồi hang động tối sầm đi khi bóng bà hiện ra nơi ngưỡng cửa. “Đứa con gái đã ở đây à? Phải rồi - có đồ ăn nó để lại này. Nhưng đáng ra nó không nên vào. Chúng ta phải sắp xếp một chỗ trên con đường để nó đặt thức ăn lại.”

Không hề liếc nhìn người đang ngủ lấy một cái, người phụ nữ cúi xuống cời lửa, rồi bắc một xoong nước lên đun trong lúc linh thú của bà ngồi khom người gần đó, canh chừng lối đi. Cứ thỉnh thoảng nó lại đứng dậy nhìn quanh quất khắp động, còn Ama ngồi chật cứng và bí bức trong chỗ trốn nhỏ hẹp của mình, mong muốn cháy bỏng rằng ước gì mình chờ bên ngoài mà không vào trong. Cô sẽ bị mắc kẹt ở đây bao lâu nữa đây?

Người phụ nữ đang hòa lẫn một ít thảo dược và bột vào nồi nước sôi. Ama có thể ngửi thấy mùi đắng ngắt bốc ra cùng với hơi nước. Đột nhiên một âm thanh phát ra từ phía sâu trong động: Cô gái đang lăm bằm và cựa quậy. Ama quay đầu lại: Cô có thể thấy người bị bỏ bùa ngủ đang cử động, quay bên này, vật bên kia, hất một cánh tay lên che mắt. Cô bé đang tỉnh dậy!

Nhưng người phụ nữ thì không hề để tâm tới!

Bà ta chắc chắn đã nghe thấy, vì bà khẽ ngẩng lên nhìn, nhưng ngay sau đó lại quay lại với xoong thảo dược đang sôi. Bà rót nước xắc vào cái cốc có mỏ rồi để lắng, chỉ khi đó bà mới chuyển toàn bộ sự chú ý về phía cô gái đang tỉnh dần.

Dù chẳng hiểu nổi một từ, Ama cũng lắng nghe với sự ngạc nhiên và ngờ vực ngày càng tăng:

“Suýt, con yêu,” người phụ nữ nói. “Đừng lo lắng. Con bình an rồi.”

“Roger...” Cô bé lăm bằm trong cơn ngái ngủ. “Serafina! Roger đi đâu mất rồi... Cậu ấy đâu rồi?”

“Không có ai ở đây ngoài chúng ta đâu,” mẹ cô khẽ ngân nga bằng một giọng du dương. “Nâng người dậy để mẹ lau rửa cho con nào... Ngồi dậy nào, tình yêu của ta...”

Ama quan sát cô gái vừa rên rỉ, chật vật để tỉnh lại, vừa cố đẩy mẹ mình ra xa; còn người phụ nữ thì nhúng một miếng bọt biển vào bát nước rồi lau mặt và người cho con gái mình trước khi vỗ vỗ cho khô.

Vào lúc cô gái gần tỉnh hẳn, người phụ nữ phải làm mọi việc vội vàng hơn.

“Serafina đâu rồi? Cả Will nữa? Cứu với, cứu với! Tôi không muốn ngủ - Không, không! Tôi không ngủ đâu! Không!”

Người phụ nữ đang cầm cái cốc mở trong bàn tay cứng như thép của mình, tay còn lại đang cố nâng đầu Lyra lên.

“Yên nào, con yêu - bình tĩnh - suýt - uống trà của con đi...”

Nhưng cô gái bất ngờ hất tay, suýt làm đổ cốc nước, rồi hét toáng lên:

“Để cho tôi yên! Tôi muốn đi! Để tôi đi! Will, Will, cứu tớ với - ôi, cứu tớ...”

Người phụ nữ tóm chặt lấy tóc rồi kéo ngược đầu cô lại trong lúc ấn cái cốc vào miệng cô.

“Tôi không uống! Bà mà dám chạm vào tôi là Iorek sẽ ngắt đầu bà đấy! Ôi, Iorek, ông ở đâu rồi? Iorek Byrnison! Cứu tôi với, Iorek! Tôi không uống - không...”

Rồi, chỉ một lời từ người phụ nữ, con khi vàng liền nhảy bổ lên linh thú của Lyra, tóm chặt lấy nó bằng những ngón tay đen đúa và cứng ngắt. Con linh thú thoăn thoắt chuyển hết dạng này sang dạng khác, nhanh hơn bất cứ

linh thú nào mà Ama từng nhìn thấy: mèo - rắn - chuột - cáo - chim - sói - báo cheetah - thần lằn - chồn nâu...

Nhưng con khi không hề nói tay; và rồi Pantalaimon biến thành một con nhím.

Con khi rít lên rồi thả ra. Ba ống lông dài đang cắm ngập vào bàn tay nó. Phu nhân Coulter gấn lên rồi dùng bàn tay đang rảnh tát thật lực vào mặt Lyra, một cú bạt trời giáng khiến cô nằm vật ra; trước khi Lyra có thể định thần lại, cái cốc có mỏ đã kề bên miệng và cô phải nuốt hoặc sẽ bị sặc.

Ama ước gì mình có thể bị được tai lại: Những tiếng nuốt ừng ực, gào khóc, ho khan, nước nỡ, van nài, nôn oẹ thật quá mức chịu đựng. Nhưng dần dần những âm thanh đó cũng lặng đi, chỉ còn lại một hai tiếng thút thít run rẩy phát ra từ cô bé, lúc này đang một lần nữa chìm vào giấc ngủ - một giấc ngủ bị bỏ bùa? Giấc ngủ bị đầu độc! Giấc ngủ bị lừa đảo, đánh thuốc! Ama thấy một dải vật thể màu trắng ở họng của cô gái khi linh thú của cô gắng sức biến hình thành một sinh vật mình dài ngoằn nghèo, lông trắng như tuyết, đôi mắt đen lấp lánh và chót đuôi màu đen, rồi nằm xuống dọc theo cổ cô.

Người phụ nữ đang cất tiếng hát khe khẽ, ngân nga những ca khúc cho trẻ sơ sinh, vuốt tóc khỏi lông mày của cô bé, vỗ nhẹ cho gương mặt nóng bừng của cô se lại, ậm ừ những giai điệu mà đến cả Ama cũng đoán được rằng bà ta không biết lời, vì tất cả những gì bà có thể hát là một chuỗi những âm tiết vô nghĩa, la-la-la, ba-ba-bu-bu, giọng nói ngọt ngào của bà tạo thành những âm thanh lấp bắp.

Cuối cùng việc đó cũng ngừng lại, và rồi người phụ nữ làm một việc kì lạ: Bà ta lấy một cái kéo rồi cắt tóc cho cô bé, giữ đầu cô quay hết sang hướng này lại đến hướng kia để thấy được rõ nhất. Bà lấy một lọn tóc vàng sậm rồi đặt nó vào mặt dây chuyền bằng vàng đeo ở cổ. Ama có thể đoán ra lí do: Bà ta định dùng nó để tạo thêm bùa phép. Nhưng người phụ nữ đó lại đưa nó lên môi trước tiên... Chà, chuyện này thật kì quặc.

Con khi vàng rút những sợi lông nhím cuối cùng còn sót lại ra rồi nói gì đó với người phụ nữ, bà ta liền với lên tóm lấy một con dơi đang ngủ từ trần

hang động. Cái thứ nhỏ xíu màu đen ấy đập cánh phần phật rồi ré lên với âm thanh mảnh như đầu kim, đâm xuyên từ tai này sang tai kia của Ama. Sau đó cô bé thấy người phụ nữ chuyển con dơi cho linh thú của mình, rồi thấy con khỉ kéo một trong những cái cánh đen ra mãi cho đến khi nó kêu đánh rắc một cái và gãy rời ra, lủng lẳng trên một sợi gân trắng. Suốt lúc đó, con dơi đang chết dần cứ thế gào thét, còn đồng bọn của nó thì bay loạn xạ xung quanh trong đau đớn và rối bời. Rắc - rắc - tách - âm thanh phát ra khi con khỉ vàng kéo rời từng cái căng một của sinh vật bé nhỏ, còn người phụ nữ thì nằm ử rử trên chiếc túi ngủ cạnh đồng lửa, chậm rãi nhắm nháp một thanh chocolat.

Thời gian trôi đi. Ánh nắng nhạt dần và trăng dâng lên cao, người phụ nữ và con linh thú của bà đã say ngủ.

Cả người cứng đờ và đau rần, Ama bò ra khỏi chỗ trốn rồi rón rén đi qua những người đang ngủ, không phát ra một tiếng động nào cho tới khi đã đi được nửa đường xuống lối mòn.

Nỗi sợ đã cho cô động lực, cô chạy men theo con đường nhỏ, con linh thú lặng lẽ bay bên cạnh trong dạng cú. Không khí trong lành lạnh toát, chuyển động không ngừng của những ngọn cây, vẻ rực rỡ của những áng mây nhuộm màu ánh trăng trên nền trời tối thẫm và hàng triệu vì sao đều đang giúp cô bình tĩnh lại đôi chút.

Cô bé dừng lại khi nhìn thấy đám nhà xây bằng đá lô nhô phía xa, con linh thú liền đậu lên tay chủ.

“Bà ta nói dối!” Ama kêu lên. “Bà ta đã *nói dối* chúng ta! Chúng ta có thể làm gì đây, Kulang? Nói với Dada được không? Chúng ta có thể *làm* gì?”

“Đừng nói,” con linh thú nói. “Chỉ phiền thêm thôi. Chúng ta đã có thuốc rồi. Chúng ta có thể đánh thức cậu ấy dậy. Chúng ta có thể đến đó khi người đàn bà lại đi vắng, rồi đánh thức và đưa cậu ấy đi.”

Ý nghĩ đó khiến nỗi kinh sợ bao trùm lên cả hai đứa. Nhưng nó đã được nói ra, hơn nữa cái gói giấy nhỏ vẫn đang nằm an toàn trong túi của Ama, và chúng biết phải dùng nó như thế nào.

tỉnh dậy được, tớ không thấy được bà ta - tớ nghĩ bà ta đang ở gần - bà ta đã làm tớ đau...”

“Ôi, Lyra, đừng hoảng sợ chứ! Đến cả cậu mà cũng sợ hãi thì tớ sẽ phát điên mất...”

Chúng cố gắng ghì chặt lấy nhau, nhưng tay chúng lại cứ thế xuyên qua không khí trống rỗng. Lyra cố gắng truyền đạt những gì mình muốn nói, thì thào thật sát vào gương mặt nhỏ bé nhợt nhạt của cậu trong bóng tối:

“Tớ chỉ đang cố gắng tỉnh dậy - tớ rất sợ phải ngủ cả đời rồi cứ thế mà chết đi – tớ muốn tỉnh dậy trước đây! Tớ không quan tâm dù cho đó chỉ là một tiếng đồng hồ, miễn là tớ được sống và tỉnh táo hoàn toàn - tớ thậm chí còn không biết chuyện này có thực không nữa - nhưng tớ sẽ giúp cậu, Roger ạ! Tớ thề sẽ làm điều đấy!”

“Nhưng nếu cậu đang mơ, Lyra ạ, có thể cậu sẽ không tin vào nó khi tỉnh dậy. Đó là điều tớ sẽ làm, tớ sẽ cho rằng đó chẳng qua chỉ là một giấc mơ.”

“Không!” Cô bé dữ dội kêu lên, rồi

5

Tòa tháp đá kim cương

Với mục tiêu đầy tham vọng

Chống lại ngôi vị và nền quân chủ của Chúa

Khơi dậy cuộc chiến vô thần trên thiên đường

và chiến trận hùng vĩ.

John Milton

Hồ chứa lưu huỳnh nóng chảy trải rộng suốt chiều dài của một hẻm núi mênh mông, bốc thứ hơi nước nồng nặc mùi theo những đợt bùng lên đột ngột, chặn đường tới chỗ đáng người có cánh đang đứng đơn độc bên bờ của nó.

Nếu y bay lên trời, quân do thám của địch, những kẻ đã phát hiện ra nhưng lại để mất dấu y, sẽ lập tức nhìn thấy ngay; nhưng nếu cứ ở dưới mặt đất, sẽ mất quá nhiều thời gian để vượt qua được cái hố độc hại này, và tin tức của y có thể sẽ đến quá muộn.

Y sẽ phải chọn phần liều lĩnh hơn. Y đợi cho tới khi một đám mây khói hôi thối bùng lên khỏi bề mặt vàng vọt rồi lao lên, ẩn trong lớp khói dày đặc.

Bốn đôi mắt tại những vị trí khác nhau trên bầu trời cùng nhìn thấy khoảnh khắc ngăn ngui đó, lập tức bốn đôi cánh đồng loạt đập trong thứ không khí ám khói nặng mùi, phóng những kẻ theo dõi về phía đám mây.

Vậy là khởi đầu một cuộc săn lùng nơi kẻ bám đuôi không thể thấy con mồi, còn con mồi thì chẳng nhìn thấy gì cả. Kẻ đầu tiên thoát ra khỏi đám mây ở phía bên kia hồ sẽ chiếm được lợi thế, và điều đó có thể có nghĩa là sống sót, hoặc có thể là hạ sát thành công.

Thật không may cho người bay đơn độc, y thấy được không khí thoáng đãng sau một trong những kẻ bám đuôi vài giây. Ngay lập tức họ nhào vào nhau, kéo theo những dòng hơi nước, cả hai đều bị choáng váng vì thứ hơi khói ghê tởm. Ban đầu con mồi chiếm thế thượng phong, nhưng rồi kẻ săn đuôi còn lại cũng thoát ra khỏi đám mây. Trong trận vật lộn dữ dội và cuồng loạn, cả ba quần quai trong không khí như những đốm tàn lửa, dâng lên, hạ xuống rồi lại dâng lên, chỉ để cuối cùng lại rơi xuống giữa những tảng đá ở đầu bên kia. Hai kẻ săn đuôi còn lại thì không bao giờ thoát khỏi đám mây.

Tại đầu phía tây của một rặng núi lởm chởm như răng cưa, trên một đỉnh núi nhìn bao quát toàn cảnh cánh đồng phía dưới và các thung lũng phía sau, một pháo đài bằng đá bazan trông như mọc ra từ quả núi, như thể một ngọn núi lửa nào đó đã đẩy nó lên cả triệu năm trước.

Trong những hang động mêm mông nằm dưới những bức tường dựng đứng, đồ dự trữ thuộc đủ mọi thể loại được cất giữ và đánh mác; trong các kho vũ khí và kho đạn dược, những cỗ máy chiến tranh được định cỡ, lên đạn và kiểm tra; trong các xưởng chế tạo dưới chân núi, hỏa lực từ núi lửa nuôi dưỡng các lò rèn khổng lồ nơi phốt pho và titan được nấu chảy rồi kết lại thành các hợp kim chưa từng được biết tới hay được sử dụng trước đó.

Trên mặt lộ ra nhiều nhất của pháo đài, tại một điểm chìm sâu trong bóng tối của một cột trụ, nơi những bức tường hùng vĩ dựng lên gần như thẳng đứng từ các dòng dung nham cổ xưa, là một cánh cổng nhỏ, một lối hậu nơi người lính gác canh giữ ngày đêm, thách thức bất cứ ai tìm cách thâm nhập.

Trong lúc phiên trực đổi ca tại các thành lũy phía trên, người lính gác giậm chân vài lần rồi đập đôi tay đeo găng của mình lên bắp tay để làm ấm cơ thể, vì lúc này đang là thời khắc lạnh lẽo nhất của buổi đêm, mà ánh đèn

dầu nhỏ xíu trong giá đỡ bên cạnh ông thì chẳng tỏa ra chút nhiệt nào. Người thay phiên cho ông sẽ đến sau mười phút nữa, ông mong mỗi được thưởng thức cốc chocolate nóng hổi, lá thuốc, và trên hết là cái giường êm ái của mình.

Ông không thể ngờ lại có tiếng nện thình thình lên cánh cửa nhỏ vào lúc này.

Tuy nhiên, ông cũng rất cảnh giác nên đã mở lỗ nhòm, cùng lúc đó vặn mở van để dầu chảy qua ngọn đèn chong tại trụ tường phía bên ngoài. Trong ánh sáng rực rỡ nó phả ra, ông thấy ba dáng người đội mũ trùm mang theo giữa họ một người thứ tư có hình dạng mờ ảo khó nhìn, người đó có vẻ đang bị bệnh, hoặc bị thương.

Người đứng đầu kéo mũ trùm ra. Đó là một người mà ông lính gác biết mặt, nhưng ông ta vẫn đọc mật khẩu rồi nói: “Chúng tôi tìm thấy ông ta ở hồ lưu huỳnh. Thấy nói tên là Baruch. Ông ta có tin khẩn cho Ngài Asriel.”

Người lính gác tháo then cài cửa, con linh thú chó sục của ông run lên khi ba bóng người khó nhọc khiêng cái gánh nặng của mình qua lối vào chật hẹp. Con linh thú bất giác hú lên một tiếng khe khẽ rồi lại vội vàng im bật, khi người lính nhìn thấy rằng bóng hình đang được khiêng là một thiên thần, bị thương: Một thiên thần cấp thấp với quyền năng hạn hẹp, nhưng dù gì vẫn là một thiên thần.

“Đặt ông ta trong phòng canh gác đi,” người lính nói với họ, và trong lúc họ làm vậy, ông quay tay cầm của chuông điện thoại rồi báo cáo chuyện đang xảy ra cho sĩ quan trực.

Trên tầng thành lũy cao nhất của pháo đài là một ngọn tháp bằng đá kim cương: Chỉ một đợt cầu thang duy nhất dẫn tới tổ hợp phòng có cửa sổ nhìn ra đủ bốn hướng bắc, nam, đông và tây. Căn phòng lớn nhất được trang bị một cái bàn, nhiều ghế và rương đựng bản đồ, phòng kia là một cái giường dã ngoại. Một phòng tắm nhỏ hoàn thiện tổ hợp này.

Ngài Asriel ngồi trong tòa tháp đá kim cương, đối diện với đội trưởng trình sát của mình qua một đồng giấy tờ rải tung tóe. Một chiếc đèn dầu treo

lơ lửng phía trên cái bàn, cùng một lò chứa than đang cháy trong cái giá lạnh đến tê tái của buổi đêm. Phía trong cánh cửa, một con điều hâu nhỏ màu lam đang đậu trên thanh rèm.

Vị đội trưởng trinh thám được gọi là Ngài Roke. Về ngoài của ông ta thật ấn tượng: Ông ta cao không quá một gan bàn tay của Ngài Asriel, mảnh dẻ như một con chuồn chuồn, nhưng các đội trưởng khác của Ngài Asriel lại tỏ ra cực kì tôn trọng ông, vì ông có ngòi độc trong những cái cựa ở gót của mình.

Thói quen của ông ta là ngồi lên bàn, còn phong cách là dùng miệng lưỡi hiểm độc và ngạo mạn từ chối mọi thiện chí không đến từ thái độ nhã nhặn nhất. Ông ta và những người Gallivespia đồng bào của mình có rất ít những phẩm chất của một kẻ do thám tài tình, đương nhiên là ngoại trừ kích cỡ nhỏ bé khác thường của mình: Họ kiêu hãnh và dễ giận hờn đến nỗi nếu có cùng kích thước cơ thể như Ngài Asriel, họ sẽ chẳng thể nào giữ nổi sự kín đáo.

“Phải,” ông ta nói, chất giọng trong và đanh, đôi mắt lấp lánh như những giọt mực, “con ông, Ngài Asriel của tôi ạ: Tôi biết về cô bé. Rõ ràng là tôi biết nhiều hơn ông.”

Ngài Asriel nhìn thẳng vào ông ta, và người đàn ông tí hon lập tức nhận ra rằng mình đã lợi dụng thái độ lịch sự của vị chỉ huy: Áp lực từ cú lườm của Ngài Asriel động vào ông ta như một cái búng tay, khiến ông mất thăng bằng và phải đưa tay ra chống lên cốc rượu của Ngài Asriel. Một lúc sau, nét mặt của Ngài Asriel trở nên ôn hòa và đức độ hơn, giống như nét mặt mà con gái ông có thể thể hiện, từ đó trở đi Ngài Roke đã phải thận trọng hơn.

“Không có gì phải nghi ngờ cả, Ngài Roke ạ,” Ngài Asriel nói. “Nhưng vì những lí do mà ta không hiểu nổi, con bé lại là tâm điểm chú ý của Giáo hội, và ta cần phải biết vì sao. Người ta đang nói gì về nó?”

“Nội bộ Huấn Quyền đang nhan nhản đủ lời suy đoán; một nhánh thì nói điều này, nhánh khác lại điều tra thứ khác, mỗi bên đều đang cố gắng giữ bí mật về những phát hiện của mình. Hai nhánh tích cực nhất là Tòa án

Công giáo Kỉ luật và Đoàn Hoạt động của Chúa Thánh Linh, và,” Ngài Roke nói, “tôi có mặt thám ở cả hai bên.”

“Vậy có phải ông đã cải biến một thành viên của Đoàn không?” Ngài Asriel hỏi. “Xin chúc mừng ông. Họ vốn vững vàng đến mức không gì lay chuyển nổi.”

“Mặt thám của tôi trong Đoàn là Công nương Salmakia,” Ngài Roke đáp, “một đặc vụ lão luyện. Bà ấy đã tiếp cận con linh thú chuột của một linh mục trong lúc họ đang say ngủ. Đặc vụ của tôi giả thuyết rằng người đàn ông đó đã thực hành một nghi lễ bị cấm với ý đồ gọi lên sự hiện diện của Thông Tuệ. Đúng vào lúc cấp thiết đó, Công nương Salmakia xuất hiện trước mặt hắn. Bây giờ tên linh mục cứ nghĩ rằng hắn có thể giao tiếp với Thông Tuệ bất cứ khi nào mình muốn, rằng bà ta có dạng một người Gallivespia và sống trong tủ sách của hắn.”

Ngài Asriel mỉm cười và nói: “Vậy bà ấy đã tìm hiểu được gì?”

“Đoàn cho rằng con gái của ông là đứa trẻ quan trọng nhất từng xuất hiện. Họ nghĩ rằng không lâu nữa một biến động lớn sẽ xảy đến, và rằng số phận của vạn vật sẽ tùy thuộc vào việc con bé ứng xử như thế nào vào thời điểm đó. Còn về Tòa án Công giáo Kỉ luật, hiện tại họ đang tiến hành điều tra, cùng với các nhân chứng từ Bolvangar và những nơi khác. Hiệp sĩ Tialys, mặt thám của tôi ở Tòa án đang liên lạc với tôi hằng ngày bằng máy cộng hưởng đá nam châm, ông ta cũng thông báo cho tôi những gì họ khám phá được. Tóm lại, tôi muốn nói rằng Đoàn Hoạt động của Chúa Thánh Linh chẳng mấy chốc sẽ tìm ra vị trí của đứa trẻ, nhưng họ sẽ không làm gì cả. Sẽ mất thêm chút ít thời gian cho Tòa án Công giáo, nhưng khi tìm ra, họ sẽ hành động quyết đoán và ngay lập tức.”

“Hãy cho tôi biết ngay khi ông nghe ngóng được thêm.”

Ngài Roke cúi chào rồi búng ngón tay, lập tức con điều hâu nhỏ màu lam đang đậu trên thanh rầm bên cạnh cửa sổ cánh rời lượn về phía bàn. Trên người nó có dây cương, yên, và bàn đạp để cưỡi. Trong thoáng chốc, Ngài Roke đã nhảy vọt lên lưng nó, rồi cả hai bay ra khỏi ô cửa sổ mà Ngài Asriel đang giữ mở.

Ông để mở cửa thêm một lúc bất chấp không khí giá buốt ủa vào, rồi tựa lên ghế ngồi bên cửa sổ, vân vê đôi tai của con linh thú báo tuyết.

“Con bé đến gặp ta ở Svalbard và ta đã chẳng bận tâm đến nó,” ông nói. “Người nhớ cú choáng váng đó đấy... Ta cần một vật hi sinh, mà đứa trẻ đầu tiên đến lại là con gái của chính mình... Nhưng khi nhận ra có một đứa trẻ khác đi cùng con bé, có nghĩa là nó an toàn, ta thấy nhẹ nhõm hẳn. Đó liệu có phải là một sai lầm tai hại không? Sau đó ta không nghĩ đến nó nữa, không một chút nào, thế mà nó lại là nhân vật quan trọng, Stelmara ạ!”

“Thử nghĩ cụ thể xem nào,” con linh thú đáp. “Nó có thể làm gì?”

“*Làm à - không nhiều. Nó biết điều gì chẳng?*”

“Nó có thể đọc Chân Kế; nó có thể tiếp cận tri thức.”

“Cái đó thì có gì đặc biệt đâu. Những người khác cũng có mà. Mà nó đang ở chỗ quái quỷ nào được nhỉ?”

Có tiếng gõ cửa vang lên phía sau, khiến ông lập tức quay lại.

“Thưa ngài,” người sĩ quan vừa bước vào lên tiếng, “một thiên thần vừa tới cổng phía tây - bị thương - ông ta nhất quyết đòi nói chuyện với ngài.”

Và ngay phút sau, Baruch đã nằm trên chiếc giường cảm trại được mang tới phòng chính. Một hộ lí chữa bệnh đã được gọi tới, nhưng rõ ràng là hi vọng cho vị thiên thần rất mỏng manh: Ông ta bị thương rất nghiêm trọng, cánh nát tả tơi còn đôi mắt đã mờ đục.

Ngài Asriel ngồi lại gần rồi ném một nắm thảo dược lên đồng than trong lò. Giống như Will đã phát hiện ra công dụng của khói từ đồng lửa của mình, nó giúp định hình cơ thể thiên thần nên ông có thể nhìn thấy rõ hơn.

“Vậy,” ông nói, “ông tới tìm tôi để nói chuyện gì vậy?”

“Ba việc. Làm ơn hãy để tôi nói hết trước khi ông lên tiếng. Tên tôi là Baruch. Người đồng hành Balthamos và tôi thuộc phe chống đối, vì vậy ngọn cờ kêu gọi của ông đã thu hút chúng tôi ngay khi nó được giương lên. Nhưng chúng tôi muốn mang tới cho ông một thứ đáng giá, vì uy lực của chúng tôi rất nhỏ bé, và cách đây không lâu chúng tôi đã tìm được đường

vào trung tâm của Núi Mây Phủ, thành trì của Đấng Quyền Năng trên thiên quốc. Tại đó chúng tôi biết được...”

Thiên thần phải ngừng lại một lúc để thở trong đám khói từ chỗ thảo được, việc đó dường như cũng khiến ông bình tĩnh hơn. Ông nói tiếp:

“Chúng tôi biết được sự thật về Đấng Quyền Năng. Chúng tôi biết rằng ông ta đã lui về một căn phòng bằng pha lê ở tít sâu phía trong Núi Mây Phủ, và rằng ông ta không còn lo những công việc thường nhật của thiên quốc nữa. Thay vào đó ông ta lại suy tính những bí ẩn thâm sâu hơn. Kẻ trị vì thay cho ông ta là một thiên thần có tên Metatron. Tôi có lí do để biết rõ thiên thần đó, dù rằng khi tôi biết hẳn...”

Giọng Baruch lịm đi. Đôi mắt Ngài Asriel đang rực cháy, nhưng ông cố giữ miệng để chờ Baruch nói tiếp.

“Metatron rất kiêu hãnh,” Baruch nói tiếp sau khi đã lấy lại được chút sức lực, “tham vọng của ông ta là vô tận. Bốn nghìn năm trước, Đấng Quyền Năng chọn hẳn làm Nhiếp chính của mình, và họ đã cùng nhau lên kế hoạch. Kế hoạch mới của họ chính là điều tôi và người bạn đồng hành đã khám phá ra. Đấng Quyền Năng cho rằng những sinh vật có ý thức thuộc mọi giống loài đều đã trở nên độc lập một cách nguy hiểm, vì vậy Metatron sẽ tích cực can thiệp nhiều hơn vào các vấn đề của con người. Hẳn tính bí mật đưa Đấng Quyền Năng ra khỏi Núi Mây Phủ, tới một thành trì vĩnh cửu ở nơi khác, rồi biến ngọn núi thành một cỗ máy chiến tranh. Hẳn cho rằng Giáo hội ở mọi thế giới đều đã thối nát và suy yếu, họ đang quá sẵn lòng muốn thỏa hiệp... Hẳn muốn thành lập một ban thẩm tra thường trực ở tất cả các thế giới, được điều hành trực tiếp từ thiên quốc. Và chiến dịch đầu tiên của hẳn sẽ là hủy diệt nền cộng hòa của ông...”

Cả hai đều đang run lên, cả thiên thần và người đàn ông, nhưng một người là do sức khỏe suy yếu, còn người kia lại là phấn khích.

Baruch dồn hết sức lực còn sót lại rồi nói tiếp:

“Đây là điều thứ hai. Có một con dao có thể cắt ra lối thông giữa các thế giới, cũng như mọi thứ trong đó. Quyền năng của nó là vô hạn, nhưng

chỉ khi nằm trong tay của người biết cách sử dụng. Và người đó là một cậu bé...”

Một lần nữa, thiên thần lại phải ngừng lại để hồi sức. Ông đang hoảng sợ; ông cảm nhận được rằng mình đang lịm dần đi. Ngài Asriel có thể thấy thiên thần đang nỗ lực đến mức nào để giữ tỉnh táo, ông ngồi căng thẳng, ghì chặt lấy tay vịn của ghế cho tới khi Baruch có sức để nói tiếp.

“Bây giờ bạn đồng hành của tôi đang ở cùng với cậu bé. Chúng tôi muốn đưa nó tới thẳng chỗ ông, nhưng nó từ chối, vì... Đây là điều thứ ba tôi phải nói với ông: Cậu bé và con gái ông là bạn. Nó không đồng ý đến gặp ông cho tới khi tìm ra cô bé. Cô bé đang...”

“Cậu bé đó là ai?”

“Nó là con trai của vị pháp sư. Stanislaus Grumman.”

Ngài Asriel sửng sốt đến nỗi bất giác đứng bật dậy, khiến khói cuộn xoáy quanh người thiên thần.

“Grumman có *con trai* sao?” Ông kêu lên.

“Grumman không sinh ra tại thế giới của ông. Mà tên thật của ông ta cũng không phải Grumman. Tôi và bạn đồng hành của mình bị mong muốn tìm thấy con dao của ông ta thu hút. Chúng tôi đã bám theo ông ta, biết rằng ông ta sẽ dẫn mình tới chỗ con dao và người nắm giữ nó, với dự định đưa người nắm giữ đến với ông. Nhưng cậu bé từ chối...”

Lại một lần nữa Baruch phải ngừng lại. Ngài Asriel lại ngồi xuống, tự nguyện rửa sự nôn nóng của mình, rồi rải thêm chút thảo dược lên đồng lửa. Linh thú của ông nằm bên cạnh, đuôi chậm rãi quét ngang mặt sàn bằng gỗ sồi, đôi mắt vàng lấp lánh của nó chưa từng rời khỏi gương mặt hằn sâu nỗi đau đớn của thiên thần. Baruch chậm chậm hít lấy vài hơi, còn Ngài Asriel thì cố gắng giữ im lặng. Tiếng dây thừng đập bồm bộp trên cột cờ phía cao là âm thanh duy nhất.

“Xin ông cứ từ tốn,” Ngài Asriel ân cần nói. “Ông có biết con gái của tôi ở đâu không?”

“Himalaya... ở thế giới của cô bé,” Baruch thì thào. “Những ngọn núi hùng vĩ. Một hang động gần một thung lũng tràn ngập cầu vồng...”

“Quả là một quãng đường dài trong cả hai thế giới. Ông bay nhanh thật.”

“Đó là món quà duy nhất mà tôi có,” Baruch nói, “nếu không tính tới tình yêu của Balthamos, người mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa.”

“Nếu ông tìm thấy con bé dễ dàng đến vậy...”

“Thì bất cứ thiên thần nào khác cũng có thể làm được.”

Ngài Asriel vớ lấy một tập bản đồ thế giới khổng lồ từ rương đựng bản đồ rồi mở nó ra đánh xoạch một cái, tìm kiếm những trang vẽ núi Himalaya.

“Ông có thể nói rõ được không?” Ông nói. “Ông có thể chỉ cho tôi vị trí chính xác không?”

“Với con dao...” Baruch cố gắng cất tiếng nói, và Ngài Asriel nhận ra rằng ông ta đã đang mê sảng: “Với con dao, cậu bé có thể ra vào bất cứ thế giới nào mình muốn... Will là tên của cậu bé. Nhưng họ đang gặp nguy hiểm, nó và Balthamos... Metatron biết chúng tôi đang nắm giữ bí mật của hắn. Chúng bám đuổi chúng tôi... Chúng bắt được tôi một mình ở ranh giới với thế giới của ông... Tôi là em trai hắn... Đó là cách chúng tôi tìm được đường tới chỗ hắn trong Núi Mây Phủ. Metatron đã từng là Enoch, con trai của Jared, con trai của Mahalalel... Enoch có rất nhiều vợ. Hắn là người ham mê xác thịt... Người anh Enoch đã đuổi tôi đi, vì tôi... Ôi, Balthamos yêu dấu của ta...”

“Đứa con gái đang ở đâu?”

“Phải. Phải. Một hang động... mẹ của cô bé... thung lũng ngập tràn gió và cầu vồng.... những ngọn cờ tả tơi trên ngôi đền...”

Thiên thần rướn người lên để nhìn tấm bản đồ.

Đúng lúc đó con linh thú báo tuyết đứng vụt dậy rồi lao ra phía cửa ra vào, nhưng đã quá muộn: Người hộ lí vừa gõ cửa đã không buồn chờ mà mở ngay cửa ra. Đó là cách mọi việc diễn ra ở đây; chẳng phải lỗi của ai cả; nhưng khi thấy biểu hiện trên gương mặt của người lính khi ông ta nhìn qua

phía ông, Ngài Asriel liền quay lại và thấy Baruch đang run rẩy, gồng người cố gắng giữ vững hình dạng đầy thương tích của mình. Nỗ lực đó đã là quá sức. Gió lùa từ cánh cửa mở đã đẩy một luồng không khí cuộn xoáy ngang qua giường, khiến những hạt cấu tạo nên hình dạng của thiên thần, vốn đã đang dần rời ra do sức lực suy kiệt của ông, bay lên thành một vòng xoáy hỗn loạn, rồi cứ thế tan biến.

“Balthamos!” Một tiếng thì thầm trong không khí vắng vắng vọng lại.

Ngài Asriel đặt tay lên cổ con linh thú; nó cảm thấy ông đang run rẩy nên bèn an ủi ông. Ông quay về phía người hộ lí.

“Thưa ngài, xin ngài...”

“Không phải lỗi của ông. Gửi lời khen của ta đến Quốc vương Ogunwe. Ta sẽ rất mừng nếu ông ấy và các chỉ huy khác của ta có thể đến đây ngay lập tức. Ta cũng muốn ông Basilides tham dự, cùng với Chân Kế. Cuối cùng, ta muốn Hạm đội Xa thăng^[2] được vũ trang và cung cấp nhiên liệu, đồng thời lập tức khởi hành một chiếc zeppelin chở dầu hướng về phía tây nam. Ta sẽ gửi thêm các mệnh lệnh khác khi bay.”

Người hộ lí cúi chào, rồi bằng một cái liếc nhìn thật nhanh, đầy bứt rứt về phía chiếc giường trống không, ông bước ra và đóng cửa lại.

Ngài Asriel gõ gõ lên bàn bằng chiếc compa đồng, rồi băng qua phòng để mở cửa sổ hướng nam. Phía sâu bên dưới, những đám lửa cháy không ngừng nghỉ phản ánh sáng và khói bốc từ nó vào bầu không khí tối sẫm. Ngay cả khi ở trên cao đến vậy, tiếng búa nện vẫn có thể được nghe thấy trong tiếng gió quất.

“Nói chung chúng ta cũng đã biết được nhiều điều rồi nhỉ, Stelmaria,” ông khẽ nói.

“Nhưng không đủ.”

Một tiếng gõ cửa nữa vang lên, rồi Chân Kế gia bước vào. Đó là một người đàn ông gầy gò, da tái nhợt, đang ở tầm đầu trung tuần; tên ông ta là Teukros Basilides, linh thú của ông là một con chim sơn ca.

“Ông Basilides, chào ông,” Ngài Asriel nói. “Đây là vấn đề của chúng ta, vì vậy ta muốn ông gạt mọi thứ khác sang bên trong lúc lo liệu việc này...”

Ông thuật lại với người đàn ông về điều mà Baruch đã nói, rồi cho ông ta xem tập bản đồ.

“Xác định rõ vị trí hang động đó,” ông nói. “Cho ta tọa độ chính xác nhất mà ông có thể tìm được. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất mà ông từng thực hiện. Nếu được, nhờ ông làm ngay lập tức.”

giậm chân mạnh đến mức đến cả trong giấc mơ cô cũng thấy đau. “Cậu đâu có tin là tớ sẽ làm thế, Roger, nên đừng có nói thế. Tớ sẽ tỉnh dậy và sẽ không quên, vậy đấy.”

Cô nhìn quanh, nhưng tất cả những gì cô có thể thấy là những đôi mắt mở thô lỗ và những gương mặt tuyệt vọng, những gương mặt nhợt nhạt, tối sầm, cả trẻ lẫn già, tất cả những kẻ đã chết đang dồn đống lại thật sát, im lặng và sầu não.

Gương mặt Roger thì lại khác. Đó là biểu cảm duy nhất chứa đựng hi vọng.

Cô bé nói: “Tại sao trông cậu lại như thế? Sao cậu không tỏ ra khổ sở như họ? Sao cậu không thấy tuyệt vọng?”

Cậu bé liền đáp: “Bởi vì

6

Xá tội trước

Di vật, tràng hạt,

Đặc xá, ban phước, xá tội, sắc lệnh,

Cuộc chơi của những cơn gió

John Milton

“Giờ, Đan sĩ Pavel,” Thẩm tra viên của Tòa án Công giáo Kỉ luật nói: “Ta muốn ông nhớ lại chính xác, nếu có thể, những lời ông đã nghe ả phù thủy nói trên tàu.”

Qua ánh sáng mờ ảo của buổi chiều tà, mười hai thành viên của Tòa án nhìn vị linh mục đứng trên bục làm chứng, nhân chứng cuối cùng của họ. Ông ta là vị tu sĩ có dáng dấp của một học giả, người có linh thú mang dạng một con ếch. Tòa án đã lắng nghe chứng cứ về trường hợp này suốt tám ngày liền, trên tòa tháp cao tại Học viện Thánh Jerome cổ kính.

“Tôi không thể nhớ lại chính xác từng lời của phù thủy,” Đan sĩ Pavel mệt mỏi nói. “Tôi chưa từng bao giờ thấy cảnh tra tấn, như đã khai tại tòa vào ngày hôm qua, và việc đó khiến tôi cảm thấy choáng váng và nôn nao. Vì vậy *chính xác* cô ta đã nói gì thì tôi không thể thuật lại, nhưng tôi nhớ ý nghĩa lời nói đó. Phù thủy nói rằng các tộc phía bắc đã nhận ra đứa trẻ Lyra là chủ thể của lời tiên tri mà họ đã biết từ lâu. Số phận của nó là nắm giữ quyền năng tạo ra lựa chọn mang tính quyết định, tương lai của tất cả mọi

thế giới đều phụ thuộc vào đó. Hơn nữa, có một cái tên dẫn tới một trường hợp tương tự, một cái tên sẽ khiến Giáo hội căm ghét và sợ hãi cô bé.”

“Phù thủy đó đã tiết lộ về cái tên chưa?”

“Chưa. Trước khi có thể nói ra, một phù thủy khác dùng thần chú vô hình đã kịp giết cô ta rồi trốn thoát.”

“Nếu là vậy, người đàn bà tên Coulter hẳn chưa nghe nói tới cái tên?”

“Đúng thế.”

“Và Phu nhân Coulter đã bỏ đi ngay sau đó?”

“Chính vậy.”

“Ông đã khám phá ra điều gì sau đó?”

“Tôi biết được rằng đứa trẻ đó đã đi vào một thế giới khác thông qua khe nứt mà Ngài Asriel tạo ra, và rằng nó đã có được sự giúp đỡ của một cậu bé, người sở hữu, hoặc có quyền sử dụng, một con dao chứa đựng những năng lực phi thường,” Đan sĩ Pavel trả lời. Rồi ông ta hắng giọng đầy căng thẳng và nói tiếp: “Tôi có thể hoàn toàn được tự do phát biểu tại phiên tòa này chứ?”

“Tự do tuyệt đối, Đan sĩ Pavel ạ,” giọng nói lạnh lạnh, chói tai của vị Chủ tịch vang lên. “Ông sẽ không bị trừng phạt vì kể cho chúng tôi những điều bản thân ông được nghe lại. Xin hãy tiếp tục.”

Được trấn an, ông linh mục nói tiếp:

“Con dao thuộc quyền sở hữu của cậu bé này có thể tạo ra lỗi thông giữa các thế giới. Ngoài ra, nó còn mang một năng lực vĩ đại hơn thế nữa - xin ngài, tôi xin nhắc lại, tôi rất lo ngại cho điều mình sắp nói... Nó có khả năng hạ sát những thiên thần thượng đẳng nhất, và cả nhân vật đứng trên họ nữa. Không có gì con dao này không thể phá hủy.”

Ông ta đang đổ mồ hôi đầm đìa và run rẩy, con linh thú ếch của ông rơi khỏi mép bực làm chứng xuống sàn trong cơn kích động. Đan sĩ Pavel thở hắt ra vì đau đớn rồi vội bồng nó lên, cho nó uống nước trong chiếc cốc đặt trước mặt mình.

“Ông có hỏi kĩ thêm về cô bé không?” Thẩm tra viên hỏi. “Ông đã tìm ra cái tên mà phù thủy nhắc đến chưa?”

“Tôi đã tìm được rồi. Một lần nữa, tôi khẩn cầu sự đảm bảo của tòa rằng...”

“Ta đảm bảo,” Chủ tịch ngắt lời. “Đừng sợ. Ông không phải dân dị giáo. Hãy báo cáo lại những gì mình biết, đừng để phí thời gian nữa.”

“Ngàn lần xin ngài thứ lỗi. Vậy thì, đứa trẻ mang vị trí của Eve, vợ của Adam, người mẹ của tất cả chúng ta, nguyên căn của mọi tội lỗi.”

Những người tốc kí ghi chép lại mọi lời nói là các sơ thuộc dòng tu Thánh Philomel, thề sẽ giữ im lặng; nhưng trước những lời của Đan sĩ Pavel, một tiếng thở hắt bị kìm nén phát ra từ một trong số họ, và những bàn tay náo loạn đưa lên khi họ làm dấu thánh giá trên người. Đan sĩ Pavel giật thót mình, rồi nói tiếp:

“Xin hãy nhớ rằng, Chân Kế không dự báo tương lai; nó nói: ‘Nếu những việc này xảy ra thì hậu quả sẽ là...’ vân vân. Nó nói rằng nếu việc xảy đến là đứa trẻ bị cám dỗ, giống như Eve, thì có khả năng là nó sẽ sa ngã. Hậu quả xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến mọi thứ. Nếu sự cám dỗ này xảy ra, và nếu đứa trẻ chịu thua nó, Bụi và tội lỗi sẽ chiến thắng.”

Cả phòng xét xử chìm vào im lặng. Qua những ô cửa sổ kính màu ghép lớn, ánh nắng vàng vọt chứa đựng trong những tia sáng chiếu xiên của nó ngàn vạn hạt vàng lấp lánh, nhưng đó là bụi, chứ không phải Bụi; dù cho có nhiều hơn một thành viên trong hội đồng xét xử lại thấy trong chúng hình ảnh của thứ Bụi vô hình đang bám lên mọi con người, dấu họ có tuân thủ luật pháp một cách chín chu đến đâu.

“Cuối cùng, Đan sĩ Pavel,” Thẩm tra viên nói, “hãy nói cho chúng tôi ông biết những gì về nơi ở của đứa trẻ hiện nay.”

“Nó đang nằm trong tay Phu nhân Coulter,” Đan sĩ Pavel đáp. “Họ đang ở Himalaya. Hiện tại thì đó là tất cả những gì tôi có thể nói. Tôi sẽ lập tức đi hỏi vị trí cụ thể hơn, và ngay khi có được thông tin, tôi sẽ báo lại với toà; nhưng...”

Ông ngừng bật lại, người co quắp vì sợ sệt, bàn tay run rẩy nâng cốc nước lên môi.

“Sao hả, Đan sĩ Pavel?” Cha MacPhail lên tiếng. “Đừng giấu giếm gì cả.”

“Tôi tin rằng, thưa Cha Chủ tịch, Đoàn Hoạt động của chúa Thánh Linh biết về việc này rõ hơn là tôi.”

Giọng của Đan sĩ Pavel yếu ớt đến mức nó gần như chỉ là một tiếng thì thào.

“Vậy sao?” Viên Chủ tịch nói, đôi mắt ông dường như lóe lên vì giận dữ.

Con linh thú của Đan sĩ Pavel khẽ rên lên một tiếng ếch kêu. Vị linh mục biết về sự ganh đua giữa những nhánh khác nhau của Huấn Quyền, và hiểu rằng sẽ rất nguy hiểm nếu bị kẹt giữa hai làn đạn công kích; nhưng việc giấu giếm những gì mình biết sẽ còn nguy hiểm hơn.

“Tôi tin rằng,” ông nói tiếp trong cơn run lẩy bẩy, “họ đang tiến gần hơn nhiều đến việc tìm ra vị trí chính xác của đứa bé. Họ có những nguồn thông tin khác mà tôi không được phép biết tới.”

“Đúng vậy,” Thẩm tra viên nói. “Vậy Chân Kế nói với ông về điều này à?”

“Vâng.”

“Được rồi. Đan sĩ Pavel, ông sẽ làm tốt việc tiếp tục hướng điều tra đó. Bất cứ điều gì cần trợ giúp trong công việc của linh mục hay quốc vụ khanh, ông đều được toàn quyền ra lệnh. Xin hãy lui xuống.”

Đan sĩ Pavel cúi chào, cùng với con linh thú ếch trên vai, ông thu thập giấy tờ rời rời khỏi phòng xét xử. Các sơ khum những ngón tay của mình lại.

Cha MacPhail gõ bút chì lên chiếc trường kỉ bằng gỗ sồi đặt trước mặt.

“Sơ Agnes, Sơ Monica,” ông nói, “hai sơ có thể đi được rồi. Hãy để bản ghi chép lên bàn làm việc của ta vào cuối ngày.”

Hai bà sơ cúi đầu chào rồi rời đi.

“Các quý ngài,” vị Chủ tịch nói, vì đó là cách xưng hô trong Tòa án Công giáo, “hãy ngừng buổi họp ở đây.”

Mười hai thành viên, từ người lớn tuổi nhất (Cha Makepwe già cỗi, mắt đã nhòa) tới người trẻ nhất (Cha Gomez nhợt nhạt, run rẩy vì cuồng tín), thu thập giấy tờ rồi đi theo vị Chủ tịch tới phòng hội đồng, nơi họ có thể đối mặt với nhau qua một chiếc bàn và trao đổi cực kì riêng tư.

Vị Chủ tịch đương nhiệm của Tòa án Công giáo là một người Scot có tên Hugh MacPhail. Ông ta trúng cử từ khi còn rất trẻ: Chủ tịch sẽ làm việc cả đời, mà ông mới chỉ ngoài tứ tuần, nên người ta mong đợi rằng Cha MacPhail sẽ định hình số phận của Tòa án Công giáo, từ đó tiến tới toàn thể Giáo hội, trong nhiều năm sắp tới. Đó là một người đàn ông có nét mặt u tối, cao lớn bệ vệ, với mái tóc bạc xám cứng quèo và lộn xộn, ông hẳn đã phát phì nếu không nhờ kỉ luật hà khắc tự áp đặt lên bản thân: Ông chỉ uống nước, ăn duy nhất bánh mì và hoa quả, mỗi ngày đều tập thể dục một tiếng dưới sự giám sát của một huấn luyện viên cho các tuyển thủ vô địch. Kết quả là ông ta gầy hốc hác, nhăn nheo và luôn tỏ ra bồn chồn không yên. Linh thú của ông ta là một con thằn lằn.

Khi tất cả đã yên vị, Cha MacPhail cất tiếng:

“Vậy thì đây là tình trạng hiện nay. Xem ra có vài điểm chúng ta cần lưu ý.”

“Đầu tiên là về Ngài Asriel. Một phù thủy thân thiết với Giáo hội báo cáo rằng ông ta đang tập hợp một đội quân khổng lồ, bao gồm cả các lực lượng có thể là thiên thần. Theo như phù thủy đó biết, ông ta có dã tâm với Giáo hội, và cả với Đảng Quyền Năng nữa.

“Thứ hai, Ủy Ban Hiến tể. Chúng đang thiết lập chương trình nghiên cứu tại Bolvangar, và bằng việc cấp vốn cho các hoạt động của Phu nhân Coulter, có khả năng là chúng đang hi vọng sẽ thay thế Tòa án Công giáo Kỉ luật để trở thành cánh tay đắc lực và hiệu quả của Nhà thờ Thánh, chúng ta đã bị vượt mặt rồi, các quý ngài ạ. Chúng đang hành động một cách nhẫn tâm và khéo léo. Chúng ta đáng bị trừng phạt vì đã sao nhãng để cho chuyện

đó xảy ra. Một lúc nữa ta sẽ quay lại nói đến việc chúng ta có thể xử lý việc này như thế nào.

“Thứ ba, thằng bé trong lời khai của Đan sĩ Pavel, với con dao có thể làm những việc phi thường. Rõ ràng là chúng ta phải tìm nó và chiếm được con dao càng sớm càng tốt.

“Thứ tư, Bụi. Ta đã tiến hành những bước để tìm hiểu xem Ủy ban Hiến tế đã khám phá được gì về nó. Một trong những nhà thần học thực nghiệm làm việc tại Bolvangar đã bị thuyết phục phải nói với chúng ta chính xác họ đã phát hiện được gì. Chiều nay ta sẽ nói chuyện với ông ta ở tầng dưới.”

Một hoặc hai linh mục ngó ngoáy người một cách lo lắng, vì “tầng dưới” ám chỉ những căn hầm bên dưới tòa nhà: Những căn phòng lát gạch trắng có gắn các điểm cho dòng mạch, cách âm và thoát nước tốt.

“Dù sao thì, dù có tìm hiểu được gì về Bụi,” Chủ tịch nói tiếp, “chúng ta vẫn phải luôn luôn lưu tâm đến mục đích của mình. Ủy ban Hiến tế muốn lí giải những ảnh hưởng của Bụi: Chúng ta phải triệt tiêu nó hoàn toàn. Không được kém hơn. Nếu để triệt tiêu Bụi mà phải hủy diệt cả Ủy ban Hiến tế, Học viện Giám mục, mọi cơ quan mà Nhà thờ Thánh dùng để thực thi công việc của Đấng Quyền Năng - chúng ta vẫn sẽ làm. Rất có thể, các quý ngài ạ, rằng chính Nhà thờ Thánh được thiết lập nên để thực hiện nhiệm vụ này và để bị tiêu diệt khi đang thực hiện nó. Nhưng thà là một thế giới không có nhà thờ, không có Bụi, còn hơn một thế giới mà ngày nào chúng ta cũng phải vật lộn dưới gánh nặng ghê tởm của tội lỗi. Tốt hơn hết là một thế giới đã được thanh lọc tất cả những thứ đó!”

Cha Gomez mắt sáng rực nhiệt tình gật đầu.

“Và cuối cùng,” Cha MacPhail nói, “đứa trẻ. Vẫn chỉ là một đứa trẻ, ta cho là vậy. Nhân vật Eve này là kẻ sẽ bị cám dỗ, và nếu bị tiền lệ dẫn lối, sẽ sa ngã, đó cũng là kẻ mà khi sa ngã sẽ lôi theo tất cả chúng ta vào cảnh điêu tàn. Các quý ngài, trong tất cả những cách thức để đối phó với vấn đề mà con bé gây ra cho chúng ta, tôi sẽ đề xuất phương cách căn bản nhất, và tôi tự tin sẽ được sự đồng thuận của quý vị.

“Tôi đề nghị cử một người đi tìm và giết nó trước khi nó *có thể bị* cảm dỗ.”

“Cha Chủ tịch,” Cha Gomez lập tức lên tiếng, “kể từ khi trưởng thành, ngày nào tôi cũng thực hành sám hối trước khi gây tội. Tôi đã nghiên cứu, tôi đã rèn luyện...”

Vị Chủ tịch giơ tay lên. Sám hối và xá tội trước là những học thuyết được nghiên cứu và phát triển bởi Tòa án Công giáo, nhưng không được biết đến rộng rãi trong Giáo hội. Chúng bao gồm việc ăn năn hối cải vì một tội lỗi chưa được thực hiện, sự ăn năn mạnh mẽ và nhiệt thành đi kèm với hình phạt bằng roi, để tích dần công trạng dự trữ. Khi sự sám hối đạt tới mức thích hợp cho một tội lỗi cụ thể, người sám hối sẽ được xá tội trước, dù cho anh ta có thể sẽ chẳng bao giờ bị buộc phải phạm vào tội lỗi đó cả. Ví dụ như thỉnh thoảng việc giết người cũng là cần thiết, và sẽ đỡ phiền phức hơn rất nhiều cho sát thủ nếu hắn có thể cứ đường đường chính chính mà làm.

“Ta nhớ ông rồi,” cha MacPhail ôn tồn nói. “Ta có được sự đồng thuận của Tòa chứ? Có. Khi Cha Gomez đi, cùng với sự chúc phúc của chúng ta, ông ấy sẽ hoàn toàn đơn độc, không thể với tới hay gọi về được. Dù cho có chuyện gì xảy ra với tất cả những điều khác, ông ấy vẫn sẽ tiến bước như mũi tên của Chúa, thẳng tới chỗ đưa trẻ, và hạ thủ nó. Ông ấy sẽ tàng hình; sẽ ập tới vào ban đêm, giống như thiên thần đã đánh tan quân Assyria; ông ấy sẽ lặng lẽ tuyệt đối. Giá mà có một Cha Gomez trong Vườn Địa Đàng thì số phận của tất cả chúng ta có phải đã tốt đẹp hơn rất nhiều rồi không! Chúng ta sẽ chẳng bao giờ phải rời khỏi thiên đường.”

Vị linh mục trẻ gần như khóc nức lên vì hân diện. Tòa án gửi lời chúc phúc đến ông ta.

Và trong góc tối nhất của trần nhà, ẩn trốn giữa những thanh xà sẫm màu bằng gỗ sồi, một người đàn ông không lớn hơn một gan bàn tay đang ngồi đó. Gót chân ông ta có gấn cựa, ông ta đã nghe được từng lời họ nói.

Trong khu hầm, người đàn ông tới từ Bolvangar mặc mỗi một chiếc áo sơmi trắng đã nhuộm bẩn và một cái quần lỏng cạp mà chẳng hề có thắt lưng,

đứng dưới bóng đèn trần, một tay tóm lấy quần còn một tay giữ con linh thú thỏ của mình. Trước mặt ông ta, đang ngồi trong chiếc ghế duy nhất, là Cha MacPhail.

“Tiến sĩ Cooper,” Chủ tịch lên tiếng, “mời ngồi xuống.”

Trong hầm chẳng có đồ đạc gì ngoài cái ghế, chiếc giường gỗ, và một cái xô. Giọng nói của Chủ tịch vang vọng một cách khó chịu từ lớp gạch lát trắng xếp trên tường và trần nhà.

Tiến sĩ Cooper ngồi lên giường. Ông ta không thể rời mắt khỏi vị Chủ tịch hốc hác có mái tóc hoa râm. Ông liếc đôi môi khô khốc, chờ đợi xem chuyện bực mình gì sắp xảy ra.

“Vậy là ông đã suýt thành công trong việc cắt đứa trẻ khỏi linh thú của nó?” Cha MacPhail hỏi.

Tiến sĩ Cooper run rẩy đáp: “Chúng tôi cho rằng chờ đợi cũng không ích gì, vì thí nghiệm đó chẳng nào cũng sẽ phải tiến hành, vậy nên chúng tôi đã cho đứa bé vào khoang thí nghiệm, nhưng đúng lúc đó chính Phu nhân Coulter lại can thiệp và đem đứa trẻ về khu nhà của mình.”

Con linh thú thỏ mở đôi mắt to tròn của mình ra rồi sợ sệt nhìn Chủ tịch, sau đó nó lại nhắm lại và giấu mặt đi.

“Vất vả cho ông quá,” Cha MacPhail nói.

“Toàn bộ chương trình này đều quá sức khó khăn,” Tiến sĩ Cooper vội vàng đồng tình.

“Ta ngạc nhiên là ông lại không tìm đến sự trợ giúp của Tòa án Công giáo, chúng ta có nguồn lực lớn ở đây.”

“Chúng tôi - tôi - chúng tôi hiểu rằng chương trình này được cho phép bởi... Đó là vấn đề của Ủy ban Hiến tế, nhưng chúng tôi được thông báo rằng nó cũng được sự chấp thuận của Tòa án Công giáo Kỉ luật. Nếu không chúng tôi sẽ không bao giờ tham gia vào. Không bao giờ!”

“Không, đương nhiên là không rồi. Giờ thì nói đến việc khác. Ông có biết chút gì,” Cha MacPhail chuyển sang mục đích thực sự khiến ông tới thăm khu hầm, “về chủ đề nghiên cứu của Ngài Asriel không? Về thứ có thể

là ngọn nguồn của năng lượng khổng lồ mà ông ta giải phóng ra ở Svalbard?”

Tiến sĩ Cooper nuốt nước bọt. Trong sự im lặng cùng cực, một giọt mồ hôi của ông rơi từ cằm xuống nền nhà bê tông, và cả hai cùng nghe thấy nó rõ mồn một.

“À...” Ông bắt đầu: “có một người trong nhóm của chúng tôi đã quan sát thấy rằng có năng lượng được giải phóng trong quá trình cắt đứt. Để điều khiển được năng lượng ấy sẽ cần đến những nguồn lực cực lớn, nhưng cũng giống như một vụ nổ nguyên tử được kích hoạt bởi những chất gây nổ thông thường, việc này có thể được thực hiện bằng cách tập trung một dòng mạch công suất lớn... Tuy nhiên, ông ta không được coi trọng. Tôi không quan tâm gì đến những ý tưởng của ông ta cả,” ông sốt sắng nói thêm, “vì biết rằng nếu không được cho phép, chúng cũng chỉ là một thứ dị giáo.”

“Rất sáng suốt. Vậy người đồng nghiệp đó bây giờ đang ở đâu?”

“Ông ta là một trong những người đã chết trong cuộc tấn công.” Chủ tịch mỉm cười. Biểu cảm đó tử tế đến nỗi linh thú của Tiến sĩ Cooper run bắn lên rồi ngất lịm trong lòng ông ta.

“Dừng khí, Tiến sĩ Cooper ạ,” Cha MacPhail nói. “Chúng ta cần ông mạnh mẽ và dũng cảm! Ta có một nhiệm vụ lớn cần hoàn thành, một cuộc chiến vĩ đại cần tiến hành. Ông phải giành được sự tha thứ của Đảng Quyền Năng bằng cách hợp tác hoàn toàn với chúng ta, bằng cách không giấu giếm điều gì, kể cả những suy đoán ngông cuồng, kể cả những tin đồn nhảm. Giờ ta muốn ông dành toàn bộ sự chú ý tới những gì người đồng nghiệp nói mà ông còn nhớ được. Ông ta có tiến hành thí nghiệm nào không? Có để lại ghi chép gì không? Có thổ lộ gì với ai khác không? Ông ta đã dùng loại thiết bị gì? Nghĩ về *mọi thứ*, Tiến sĩ Cooper ạ. Ông sẽ được cung cấp giấy bút và toàn bộ thời gian cần thiết.

“Với lại, căn phòng này không được thoải mái lắm. Chúng ta sẽ chuyển ông tới một nơi thích hợp hơn. Ví dụ như ông có yêu cầu gì về đồ đạc không? Ông thích viết trên bàn thường hay bàn làm việc? Ông có muốn một

cái máy đánh chữ không? Hay có lẽ ông thích đọc cho một người viết tốc kí chép lại hơn?

“Cứ nói với các lính canh, rồi ông sẽ có mọi thứ mình muốn. Nhưng vào mọi lúc, Tiến sĩ Cooper ạ, ta muốn ông nghĩ về người đồng nghiệp của mình và lí luận của ông ta. Nhiệm vụ trọng đại của ông là phải nhớ lại, và nếu cần thiết là phải khám phá lại, những gì ông ta biết. Khi đã biết được mình cần trang thiết bị gì, ông cũng sẽ có chúng. Đây là một nhiệm vụ lớn, Tiến sĩ Cooper ạ! Ông thật may mắn vì đã được tin tưởng giao phó! Hãy cảm tạ Đấng Quyền Năng.”

“Vâng, thưa Cha Chủ tịch! Tôi rất biết ơn ngài!”

Vừa tóm chặt lấy cái đai quần lỏng, nhà triết học vừa đứng dậy cúi chào lia lịa mà gần như không nhận ra, khi Chủ tịch của Tòa án Công giáo Kỉ luật rời khỏi hầm nhốt ông ta.

Chiều tối hôm đó, Hiệp sĩ Tialys, mật thám người Gallivespia, băng qua những con hẻm và góc ngách của thành phố Geneva để gặp mặt đồng nghiệp của mình, Công nương Salmakia. Đó là một hành trình hiểm nghèo với cả hai bọn họ: Nó cũng nguy hiểm với bất cứ ai hay bất cứ thứ gì thách thức họ, nhưng chắc chắn là đầy rẫy hiểm họa đối với những người Gallivespia nhỏ bé. Nhiều hơn một con mèo đi lang thang đã phải nhận án tử trước cửa sổ của họ, nhưng mới chỉ một tuần trước, vị hiệp sĩ đã gần như mất một cánh tay cho bộ răng của một con chó ghê; may nhờ có hành động lanh lẹ của công nương mà ông được cứu thoát.

Họ gặp nhau tại địa điểm thứ bảy trong số những nơi họ được định sẵn, giữa đám rể của một cây tiêu huyền trong một quảng trường nhỏ tồi tàn, để trao đổi thông tin. Đầu mối liên lạc của Công nương Salmakia trong Đoàn đã cho bà biết rằng trước đó vào buổi chiều, họ nhận được một lời mời thân mật từ Chủ tịch Tòa án Công giáo, mời họ tới thảo luận về những vấn đề đôi bên cùng quan tâm.

“Làm việc rất nhanh chóng,” hiệp sĩ nhận xét. “Nhưng đảm bảo cả trăm lần là ông ta không nói cho họ biết về kẻ ám sát của mình.”

Ông nói với công nương về kế hoạch giết Lyra. Bà không hề tỏ ra ngạc nhiên.

“Đó là việc làm hợp lý,” bà nói. “Những con người rất sáng suốt. Tialys, ông có cho rằng chúng ta có bao giờ gặp được đứa bé này không?”

“Tôi không biết, nhưng tôi muốn gặp nó. Bảo trọng, Salmakia. Hẹn ngày mai ở đài phun nước.”

Điều không được nói ra đằng sau cuộc trao đổi chóng vánh đó là thứ duy nhất họ không bao giờ nhắc đến: rằng cuộc sống của họ ngắn ngủi hơn nhiều so với cuộc đời của con người. Dân Gallivespia sống được tới chín hoặc mười năm, hiếm khi lâu hơn, mà Tialys và Salmakia đều đã đến năm thứ tám. Họ không sợ tuổi già; đồng bào của họ chết đi vào lúc sung mãn và tràn trề khí lực nhất, một cách đột ngột, tuổi thơ của họ cũng rất ngắn ngủi; nhưng so với họ, cuộc đời của một đứa trẻ như Lyra lại trải dài đến tương lai giống như cuộc đời của các phù thủy kéo dài hơn Lyra rất nhiều.

Vị hiệp sĩ trở lại Học viện Thánh Jerome và bắt đầu soạn thảo thông điệp mà ông muốn gửi tới Ngài Roke trên chiếc máy cộng hưởng đá nam châm.

Nhưng trong lúc ông đang gặp mặt nói chuyện với Salmakia, vị Chủ tịch đã triệu tập Cha Gomez. Tại phòng làm việc của ông, họ cùng nhau cầu nguyện trong một tiếng đồng hồ, rồi Cha MacPhail ban cho vị linh mục trẻ sự xá tội trước, khiến cho việc ông ta giết Lyra không còn là tội giết người nữa. Gương mặt Cha Gomez như bừng sáng; sự vững tin chảy trong huyết quản dường như đã khiến đôi mắt ông sáng rực lên.

Họ thảo luận những chuẩn bị cần thiết, tiền bạc, vân vân; rồi Chủ tịch nói: “Một khi đã rời khỏi đây, Cha Gomez ạ, ông sẽ bị cắt đứt hoàn toàn, mãi mãi, với mọi sự trợ giúp mà chúng ta có thể cung cấp. Ông có thể sẽ không bao giờ quay về; sẽ không bao giờ nghe được thông tin gì từ phía chúng ta. Ta không thể cho ông lời khuyên nào tốt hơn thế này: *Đừng* tìm kiếm đứa trẻ. Việc đó sẽ khiến ông bị bại lộ. Thay vào đó hãy tìm kẻ cám dỗ. Bám theo kẻ cám dỗ, và bà ta sẽ dẫn ông tới chỗ đứa trẻ.”

“Bà ta sao?” Cha Gomez kinh ngạc thốt lên.

“Phải, *bà ta*,” Cha MacPhail đáp. “Chúng ta đã biết được gần đó nhờ Chân Kế. Thế giới mà từ đó kẻ cám dỗ tới là một thế giới kì lạ. Ông sẽ thấy nhiều thứ khiến ông bất ngờ và kinh ngạc, Cha Gomez ạ. Đừng để sự kì quặc của chúng khiến ông sao nhãng khỏi sứ mệnh thiêng liêng mà mình cần hoàn thành. Ta tin tưởng,” ông tử tế nói thêm, “vào sức mạnh lòng tin *của ông*. Người đàn bà này đang di chuyển, được dẫn dắt bởi những thế lực xấu xa, tới nơi mà có thể rốt cuộc bà ta cũng sẽ gặp đứa trẻ vào đúng lúc để cám dỗ nó. Điều đó hẳn nhiên là nếu chúng ta không thành công trong việc di dời đứa con gái khỏi vị trí hiện tại của nó. Đó vẫn là kế hoạch tiên quyết của chúng ta. Cha Gomez, ông là người đảm bảo sau cùng rằng nếu kế hoạch đó có thất bại, các thế lực ma quỷ cũng sẽ không chiếm được ưu thế.”

Cha Gomez gật đầu. Linh thú của ông ta, một con bọ cánh cứng lớn, lưng xanh ngọc lấp lánh, bật tanh tách cặp cánh trước của mình.

Chủ tịch mở một ngăn kéo rồi đưa cho vị linh mục trẻ một tập giấy tờ được gấp gọn.

“Đây là tất cả những gì chúng ta biết về người đàn bà đó,” ông giải thích. “Thế giới của bà ta, và nơi cuối cùng người ta thấy bà ta. Đọc thật kĩ nhé, Luis thân mến, ta cầu phúc cho chuyến đi của ông.”

Ông ta chưa từng dùng tới tên riêng của vị linh mục. Cha Gomez cảm thấy những giọt nước mắt vui sướng đang ứa ra khi ông hôn từ biệt Chủ tịch.

cậu là Lyra.”

Khi đó cô bé mới nhận ra điều đó có nghĩa gì. Cô cảm thấy choáng váng, ngay cả trong giấc mơ; cô thấy một gánh nặng khủng khiếp đang đè trên vai. Và để khiến nó càng trở nên nặng nề hơn, cơn buồn ngủ lại ập đến, và gương mặt của Roger lùi dần vào bóng đêm.

“Ừ, tớ... tớ biết... Có đủ kiểu người ở phe chúng ta, giống như Tiến sĩ Malone... Cậu có biết là có một Oxford khác không, Roger, giống hệt như của chúng ta? À, bà ấy... Tớ tìm thấy bà ấy ở... Bà ấy sẽ giúp... Nhưng chỉ có một người duy nhất thực sự...”

Lúc này việc nhìn thấy cậu nhóc đã gần như trở nên vô vọng, những suy nghĩ của cô đang bị dàn trải và vẫn vương khắp nơi như lũ cừu lang thang trên đồng.

“Nhưng chúng ta có thể tin tưởng cậu ấy, Roger ạ, tớ thề đấy,” cô nói với nỗ lực cuối cùng,

7

Mary, đơn độc

Bông hồng

Cuối cùng như đang nhảy múa, hàng cây oai vệ vườn

Những cành dài trĩu trĩu trái thơm

John Milton

Gần như cùng một lúc, chính kẻ cám dỗ mà Cha Gomez đã lên đường lần theo lại đang bị cám dỗ.

“Cảm ơn, không, không, tôi chỉ cần vậy thôi, không hơn, thật đấy, cảm ơn các vị,” Tiến sĩ Mary Malone nói với cặp đôi lớn tuổi trong khu rừng olive khi họ cố nhét cho bà nhiều đồ ăn hơn số lượng bà có thể mang theo.

Họ sống ở đây, biệt lập và không có con cái, họ đã rất sợ hãi đám Quỷ hút hồn mình nhìn thấy giữa đám cây màu xám bạc; nhưng khi Mary Malone tiến vào con đường cùng với chiếc balô của mình, lũ Quỷ đã sợ hãi mà trôi biến đi mất. Cặp đôi già đã chào đón Mary vào căn nhà trang trại nhỏ phủ kín cây nho leo của mình, liên tiếp thiết đãi bà bằng rượu, pho mát, bánh mì và olive, còn giờ thì lại không muốn để cho bà đi.

“Tôi phải đi tiếp,” Mary nhắc lại, “cảm ơn, các vị thật tốt bụng - tôi không mang nổi đâu - ồ, được rồi, một miếng pho mát nhỏ nữa thôi - cảm ơn...”

Rõ ràng là họ coi bà như tấm bùa hộ mệnh chống lại Quỷ hút hồn vậy. Bà ước gì mình thật sự như thế. Trong tuần lễ ở thế giới của Cittàgazze, bà đã chứng kiến đủ cảnh hoang tàn, đủ những người lớn bị Quỷ hút hồn ăn và những đứa trẻ điên cuồng bới tìm thực phẩm, để thấy kinh hãi những con ma cà rồng nhẹ như không khí này. Tất cả những gì bà biết là chúng trôi giạt đi khi bà tới gần; nhưng bà không thể ở lại với tất cả mọi người theo mong muốn của họ được, vì bà cần phải đi tiếp.

Bà tìm chỗ cho miếng pho mát sữa dê nhỏ cuối cùng được bọc trong lá nho, mỉm cười và lại cúi chào, rồi uống lấy ngụm cuối cùng từ con suối đang sủi bọt giữa những tảng đá xám màu. Sau đó bà bắt chước hai cụ già, khẽ đập hai bàn tay lại với nhau, và quả quyết quay người bước đi.

Bề ngoài trông bà quyết tâm hơn là trong lòng cảm thấy. Lần giao tiếp cuối cùng với những thực thể mà bà gọi là hạt Bóng còn Lyra gọi với cái tên Bụi là trên màn hình máy vi tính của bà, sau đó bà đã nghe theo lời chỉ dẫn của chúng mà phá hủy nó đi. Giờ thì bà đang bối rối không biết phải làm gì. Chúng đã bảo bà đi qua lối thông tại Oxford mà bà sống, Oxford thuộc thế giới của Will, bà làm theo và thấy mình choáng váng, run rẩy vì kinh ngạc trong cái thế giới khác kì lạ này. Trên hết, nhiệm vụ duy nhất của bà là tìm đứa con trai và đứa con gái, rồi đóng vai con răn, dù điều đó có nghĩa gì đi nữa.

Vậy là bà dẫn bước, thăm dò và kiểm tra, chẳng tìm thấy gì. Nhưng giờ, bà nghĩ, khi rẽ vào lối đi nhỏ dẫn ra khỏi vườn olive, bà sẽ phải đi tìm sự chỉ dẫn.

Khi đã đi đủ xa khỏi khu trang trại nhỏ để chắc chắn rằng mình sẽ không bị làm phiền, bà ngồi xuống dưới bóng những cây thông rồi mở balô ra. Phía dưới đáy, bọc trong khăn lụa, là cuốn sách bà đã giữ trong suốt hai mươi năm: Đó là một cuốn chú giải về thuật bói toán của người Trung Quốc - Kinh Dịch.

Bà mang nó theo mình vì hai lí do. Một là do tình cảm: Ông của bà đã cho bà cuốn sách, và bà đã sử dụng nó nhiều lần thời còn là học sinh. Lí do còn lại là khi Lyra lần đầu tiên tìm tới phòng thí nghiệm của Mary, cô bé đã

hỏi: “Đó là cái gì vậy?” rồi chỉ vào tấm áp phích trên cánh cửa in biểu tượng của Kinh Dịch; không lâu sau đó, khi giải mã được chiếc máy vi tính một cách ngoạn mục, Lyra đã hiểu được (cô bé tự nhận) rằng Bụi có nhiều cách khác để nói chuyện với con người, mà một trong số đó là cách dùng các biểu tượng này của người Trung Quốc.

Vì vậy trong lúc mau chóng sắp đồ để rời khỏi thế giới của mình, Mary Malone đã mang theo mình cuốn *Sách của Thay đổi*, như tên nó được gọi, cùng với những thân cỏ thi nhỏ mà bà dùng để đọc. Giờ đã tới lúc sử dụng chúng.

Bà trải tấm lụa lên nền đất rồi bắt đầu quá trình chia và đếm, chia và đếm rồi đặt sang một bên, việc mà bà thường xuyên làm khi còn là một thiếu nữ ham học hỏi và đầy nhiệt huyết, nhưng kể từ đó trở đi thì gần như chẳng bao giờ. Bà suýt nữa đã quên cách làm, nhưng chẳng mấy chốc đã tìm lại được nghi thức, cùng với nó là cảm giác về sự chú ý đầy tập trung và điềm tĩnh đóng vai trò cực kì quan trọng trong việc giao tiếp với Bóng.

Cuối cùng bà có được những con số ám chỉ hình lục giác mà bà đã nhận được, một nhóm sáu đường đứt quãng hoặc không, rồi tra tìm ý nghĩa. Đây là phần khó khăn, vì cuốn sách viết theo một phong cách rất bí ẩn.

Bà đọc:

Quay về phía đỉnh

Để dự trữ lương thực

Mang tới vận may.

Thăm dò xung quanh bằng đôi mắt tinh tường

Như con hổ với lòng tham vô độ.

Nghe có vẻ đầy khuyến khích. Bà đọc tiếp, bám theo lời chú giải qua những mê lộ nó đang dẫn bà đi, cho tới khi đến: *Giữ yên là ngọn núi; đó là một lối đi hẻo lánh; có nghĩa là những viên đá nhỏ, những cánh cửa và lối thông.*

Bà phải đoán. Việc nhắc đến những “lối thông” gợi nhớ tới ô cửa sổ kì bí trong không trung mà bà đã dùng để vào thế giới này; còn những từ đầu tiên dường như bảo bà nên đi lên cao.

Vừa bối rối vừa được khích lệ, bà cất cuốn sách và những cành cỏ thì rời tiến bước đi lên.

Bốn tiếng sau, bà cảm thấy người nóng rực và mệt mỏi. Mặt trời đã xuống thấp trên đường chân trời. Lối đi gập ghềnh mà bà bám theo đang mất dần, càng ngày bà càng phải leo trong khó nhọc giữa đám đá tảng và đá cuội lổn nhổn. Phía bên trái, con dốc đổ nhào xuống quang cảnh của vườn olive và chanh, của những ruộng nho chẳng được chăm sóc và các cối xay gió bỏ hoang, mờ ảo hiện lên trong ánh chiều tà. Phía bên phải, một sườn núi rải rác đá nhỏ và sỏi nghiêng lên một vách núi đá vôi vỡ vụn.

Bà uể oải kéo balô lên rồi đặt chân xuống phiến đá phẳng tiếp theo - nhưng trước cả khi chuyển trọng lực lên đó, bà dừng khựng lại. Ánh sáng đang bắt được một thứ gì đó rất lạ lùng, bà lấy tay che mắt khỏi luồng sáng chói lòa phản chiếu từ sườn núi và cố gắng tìm lại nó.

Kia rồi: Giống như một tấm kính treo lơ lửng trong không khí, nhưng lại là loại kính không có hình ảnh phản chiếu bắt mắt nào trong đó: chỉ là một mảng vuông khác biệt. Nó khiến bà nhớ lại những gì Kinh Dịch đã nói: *một lối đi hẻo lánh, những viên đá nhỏ, những cánh cửa và lối thông*.

Đó là một ô cửa sổ giống như cái ở Đại lộ Sunderland. Bà chỉ thấy được nó nhờ ánh sáng: Nếu mặt trời lên cao hơn chút nữa, có lẽ ô cửa sẽ không lộ diện.

Bà tiến lại gần mảng không khí nhỏ với sự hiếu kì rực cháy, vì bà đã không có thời gian quan sát cái đầu tiên do phải cao chạy xa bay càng nhanh càng tốt. Nhưng giờ thì bà có thể kiểm tra kĩ càng cái này, chạm vào viên, đi vòng quanh để thấy nó trở nên vô hình từ phía bên kia như thế nào, ghi nhớ sự khác biệt hoàn toàn giữa *cái này* và *cái đó*, và thấy tâm trí mình gần như bùng nổ vì bị kích thích bởi khả năng xảy ra những việc như thế này.

Người nắm giữ con dao tạo ra ô cửa này, vào khoảng thời kì của Cách mạng Hoa Kỳ, đã quá bất cẩn khi không đóng nó lại, nhưng ít nhất thì ông ta cũng đã cắt qua một điểm rất tương đồng với thế giới ở phía bên này: Bên cạnh một bề mặt đá. Nhưng đá ở phía bên kia không giống ở đây, không phải là đá vôi mà là granite, và khi bước vào thế giới mới này, Mary thấy mình không phải ở dưới chân một vách núi sừng sững mà gần như đang trên đỉnh một gò đất thấp nhìn xuống một vùng đồng bằng rộng lớn.

Ở đây cũng đang là chiều tối, bà ngồi xuống hít thở không khí, cho đôi chân nghỉ ngơi và tận hưởng kì quan đó mà không phải vội vàng.

Ánh nắng vàng ruộm trải rộng khắp, một vùng đồng cỏ hay trảng thảo nguyên chạy dài đến vô tận, không giống bất cứ thứ gì mà bà đã thấy tại thế giới của mình. Thứ nhất, mặc dù phần lớn vùng đất được bao phủ bởi cỏ thấp mang vô vàn sắc độ từ vàng sẫm, nâu, xanh lá, đất son, vàng, vàng mật, rập rờn rất nhẹ theo cái cách mà ánh nắng chiều trải dài làm bật lên rất rõ, đồng cỏ dường như lại được xâu chuỗi bằng thứ gì đó giống như những dòng sông đá có bề mặt xám sáng.

Thứ hai, đây đó trên vùng đồng bằng là các khóm cây cao nhất mà Mary từng nhìn thấy. Một lần khi tham dự hội thảo vật lí năng lượng cao tại California, bà đã dành thời gian nhìn ngắm những cây tùng bách gỗ đỏ khổng lồ và cảm thấy choáng ngợp: Nhưng dù có là giống gì thì những cái cây này hẳn sẽ vượt đám tùng bách ít nhất một nửa chiều cao. Chúng có tán lá dày đặc mang màu xanh thẫm, những thân cây đồ sộ hắt ánh đỏ vàng ươm trong nắng chiều rực rỡ.

Và cuối cùng, những bầy động vật, quá xa để có thể nhìn rõ, đang nhẩn nha gặm cỏ trên thảo nguyên. Cử động của chúng có thứ gì đó rất kì lạ mà bà không thể hiểu nổi.

Bà đang thực sự kiệt sức, lại khát và đói. Tuy vậy, đâu đó quanh đây, bà nghe thấy tiếng róc rách đầy mời gọi của một dòng suối, và ngay phút sau bà đã tìm ra nó: chỉ là dòng nước trong rỉ ra từ một khe nứt bám đầy rêu, và một dòng suối nhỏ chảy xuống con dốc. Bà làm một hơi thật dài đầy khoan

khoái, rồi đổ đầy các chai mang theo. Sau đó bà bắt đầu tìm chỗ nghỉ ngơi thoải mái, vì màn đêm đang vội vàng ập xuống.

Tựa vào vách đá, quần mình trong túi ngủ, bà ăn một ít bánh mì khô và pho mát dê, rồi chìm sâu vào giấc nồng.

Mary tỉnh dậy với nắng sớm chiếu rọi cả khuôn mặt. Không khí tươi mát, sương sớm đọng thành những hạt bé li ti trên mái tóc và túi ngủ của bà. Bà nằm thêm vài phút, chìm ngập trong sự tươi mới, cảm giác như mình là con người đầu tiên từng tồn tại.

Bà ngồi dậy, ngáp, vươn người, rùng mình, rồi tắm rửa trong làn nước suối lạnh toát trước khi ăn vài quả sung sấy khô rồi đánh giá xung quanh.

Đằng sau gò đất của bà, mặt đất dốc thoải dần xuống rồi lại dâng lên; khung cảnh bốn bề hiện lên trước mắt, trải khắp vùng đồng cỏ bát ngát. Những cái bóng đổ dài của cây cối giờ đang ngả về phía bà, bà có thể thấy từng đàn chim đang lượn vòng phía trước, quá nhỏ trên vòm cây xanh sừng sững đến mức trông chúng chỉ như những hạt bụi li ti.

Bà lại chất đồ vào balô rồi tiến bước xuống thảo nguyên đầy ngập cỏ thô, hướng tới khóm cây gần nhất cách đó khoảng bốn hay năm dặm.

Cỏ mọc ngập tới đầu gối, len lỏi giữa chúng là những bụi cây thấp, không cao quá mắt cá chân của bà, thuộc giống gì đó như cây bách xù; ngoài ra còn có các loại hoa như hoa anh túc, hoa mao lương, hoa thanh cúc, khiến cho quang cảnh mang những sắc độ nhẹ nhàng mờ ảo; rồi bà nhìn thấy một con ong cỡ lớn, phải to bằng đốt trên cùng của ngón tay cái, đang ghé thăm một đầu hoa màu xanh, khiến nó oằn xuống và đung đưa. Nhưng khi con ong lúi ra khỏi những cánh hoa và trở lại không trung, bà thấy rằng nó hoàn toàn không phải là côn trùng, vì một lúc sau nó bay tới tay bà rồi đậu xuống một ngón tay, thọc cái mỏ dài như cây kim vào da bà với vẻ duyên dáng không gì sánh bằng, rồi sau đó lại cất cánh bay đi khi không tìm thấy chút mật nào. Đó là một con chim ruồi nhỏ xíu, đôi cánh màu đồng của nó vẫy nhanh quá mức để có thể thấy được.

Mọi nhà sinh vật học trên trái đất này sẽ phải ghen tị với bà đến mức nào nếu họ thấy được điều mà bà đang chứng kiến!

Bà tiếp tục lên đường và thấy mình đang tiến lại gần một đàn sinh vật gặm cỏ đã nhìn thấy tối hôm trước, những con vật có cử động khiến bà kinh ngạc mà chẳng hiểu vì sao. Chúng có kích cỡ khoảng bằng loài hươu hoặc linh dương, với màu sắc tương tự, nhưng điều khiến bà dừng khựng lại mà dụi mắt là cách sắp xếp chân của chúng. Những cái chân mọc theo kết cấu kim cương: hai ở trung tâm, một ở phía trước, và một ở dưới đuôi, khiến những con vật này di chuyển theo một cử động lắc lư kì quặc. Mary thêm muốn được kiểm tra bộ xương và xem cấu trúc của chúng hoạt động thế nào.

Về phần mình, những sinh vật gặm cỏ này nhìn bà với cặp mắt hồ hững và ôn hòa, không hề tỏ ra hoảng sợ. Bà hẳn sẽ rất thích thú được lại gần và từ tốn quan sát chúng, nhưng nhiệt độ ngày càng nóng lên, khiến cho bóng râm của những thân cây khổng lồ trông thật mời gọi; mà đằng nào thì cũng còn cả đồng thời gian.

Chẳng bao lâu sau bà đã thấy mình bước chân ra khỏi thảm cỏ, lên một trong những con sông đá mà bà đã nhìn thấy từ trên ngọn đồi: Lại một thứ khác để lấy làm ngạc nhiên.

Có thể nó đã có thời là một kiểu dòng chảy dung nham gì đó. Lớp màu bên dưới thẳm lại gần như đen, nhưng bề mặt thì nhạt hơn, như thể đã bị ép nghiền hoặc bào mòn vậy. Nó mịn chẳng kém gì một con đường được xây cẩn thận tại thế giới của Mary, rõ ràng là dễ đi hơn trên cỏ.

Bà đi theo con sông, nó chảy theo một vòng cung rộng về phía đám cây. Càng lại gần, kích cỡ đồ sộ của những thân cây càng khiến bà sửng sốt, bà nhầm tính rằng chúng phải to bằng căn nhà bà đã sống, và cao - cao như... Bà thậm chí chẳng thể đoán nổi nữa.

Khi tới được thân cây đầu tiên, bà đặt cả hai tay lên lớp vỏ hần sần màu đỏ vàng. Những lớp gân lá màu nâu dài bằng cả bàn chân bà phủ đầy mặt đất cao đến mắt cá, mềm mại và thơm nức khi đặt chân lên. Không lâu sau bà đã bị một đám mây những vật thể bay giống ruồi nhướn bao vây, cùng đó là một đàn chim ruồi nhỏ xíu, một con bướm vàng với dải cánh rộng bằng

bàn tay, và quá nhiều thứ bò lổm ngổm đến phát khiếp. Không khí tràn ngập những tiếng vo ve, ù ù và lạo xạo.

Bà bước đi dưới thềm của lùm cây, cảm giác thật giống với đi trong một nhà thờ lớn: cũng vẫn là sự tĩnh lặng đó, vẫn là cảm giác kết cấu kiến trúc hướng lên cao, và cảm xúc thán phục của chính bà.

Chuyến tản bộ ở đó tốn nhiều thời gian hơn bà nghĩ. Ngày đang chuyển về giữa trưa, vì những tia sáng chiếu qua vòm cây đã gần như thẳng đứng. Đờ đẫn vì ngái ngủ, Mary ngạc nhiên tự hỏi tại sao lũ động vật gặm cỏ kia không trú xuống dưới bóng cây vào lúc nóng nực nhất trong ngày này.

Nhưng không bao lâu sau bà đã hiểu ra.

Cảm thấy quá nóng để có thể đi xa hơn, bà nằm xuống nghỉ giữa đám rế của một trong những thân cây khổng lồ, đầu tựa lên balô, và chìm vào giấc ngủ miên man.

Bà vừa chợp mắt được tầm hai mươi phút, còn chưa thực sự ngủ, thì đột nhiên ở ngay sát đó nổ ra một tiếng động vang dội làm rung chuyển mặt đất.

Rồi lại một tiếng nữa. Hoảng hốt, Mary ngồi bật dậy rồi cố gắng định thần. Bà thấy cách đó tầm một mét một chuyển động biến thành một vật thể hình tròn, lăn trên mặt đất, ngừng lại rồi đổ vật ra.

Rồi ở cách đó xa hơn, một vật khác rơi xuống; bà thấy cái thứ vĩ đại đó lao xuống, nhìn nó đâm sầm vào nhánh rế to như cột đình của thân cây gần nhất rồi lăn đi mất.

Ý nghĩ một trong những thứ đó sẽ rơi vào người mình đủ khiến bà vớ lấy cái balô và chạy hoàn toàn ra khỏi lùm cây. Cái thứ gì vậy? Vò hạt à?

Vừa cẩn thận quan sát phía trên, bà vừa liếc mình trở lại dưới vòm cây để xem xét vật thể bị rơi gần nhất. Bà dựng nó dậy rồi lăn nó ra khỏi lùm cây, sau đó đặt nằm nó lên thảm cỏ để kiểm tra kỹ lưỡng hơn.

Vật thể này tròn một cách hoàn hảo, dày bằng chiều rộng bàn tay của bà. Ở trung tâm có một chỗ lõm, nơi nó hẳn là đã gắn với thân cây. Nó không nặng nhưng cực kì cứng, được phủ lông tơ dọc theo chu vi, bà có thể

dễ dàng miết tay quanh nó theo một hướng nhưng lại không thể theo hướng còn lại. Bà thử ấn dao lên bề mặt, nhưng chẳng có lấy một vết xước nào hiện ra.

Những ngón tay bà dường như mịn màng hơn. Bà ngửi thấy một mùi hương rất nhẹ ở đó, ẩn dưới mùi của bụi đất. Bà lại nhìn cái vỏ hạt. Ở chính giữa có một thứ gì đó ánh lên lấp lánh, khi chạm vào bà cảm thấy nó trượt đi dễ dàng dưới những ngón tay của mình. Cái vỏ hạt đang rỉ ra một loại dầu nào đó.

Mary đặt vật đó xuống rồi nghĩ về cái cách mà thế giới này tiến hóa.

Nếu phỏng đoán của bà về các vũ trụ này là đúng, và chúng là hiện tượng đa thế giới mà lý thuyết lượng tử đã dự đoán, thì một vài trong số chúng sẽ tách rời khỏi thế giới của bà sớm hơn nhiều so với các thế giới khác. Và rõ ràng là ở thế giới này, tiến hóa đã ưu đãi những loài cây không lồ và sinh vật cỡ lớn với khung xương dạng kim cương.

Bà đang bắt đầu thấy chân trời khoa học của mình hạn hẹp đến thế nào. Không thực vật học, không địa lý học, không sinh vật học theo bất cứ dạng nào - thật là ngu dốt chẳng khác nào một đứa trẻ sơ sinh.

Đúng lúc đó bà nghe thấy một tiếng âm âm rền như sấm, rất khó để định vị cho đến khi bà thấy một đám mây bụi chạy dọc theo một trong các con đường - về phía rừng cây, về phía bà. Nó đang ở cách đó một dặm, nhưng di chuyển không hề chậm chạp chút nào, đột nhiên bà cảm thấy sợ hãi.

Bà chạy vội trở lại lùm cây. Khi thấy một khoảng trống hẹp giữa hai nhánh rễ đồ sộ, bà ép mình vào đó, nhòm qua cái cột đình lừng lừng bên cạnh mình về phía đám mây bụi đang kéo tới.

Điều đang chứng kiến khiến đầu óc bà quay cuồng. Ban đầu trông nó như một băng đua xe máy. Rồi bà lại nghĩ đó là một đàn động vật *gắn bánh xe*. Nhưng việc đó không thể xảy ra được. Chẳng có động vật nào lại gắn bánh xe hết. Bà chưa từng thấy điều đó. Nhưng bà lại đang nhìn thấy đây.

Chúng có số lượng khoảng một tá, kích cỡ gần tương đương với những sinh vật gặm cỏ, nhưng gầy hơn và có màu xám, đầu mọc sừng, vòi ngắn

như vôi vôi. Chúng cũng có kết cấu dạng kim cương như lũ ăn cỏ, nhưng bằng cách nào đó chúng đã tiến hóa, trên hai chân đơn phía trước và sau, một bánh xe.

Nhưng trong tự nhiên thì làm gì có bánh xe, trí não của bà vẫn khăng khăng; không thể nào; cần một trục có đệm tách rời hoàn toàn bởi bộ phận quay, chuyện này không thể xảy ra, vô lí...

Rồi, khi chúng dừng lại ở cách đó chưa đầy năm mươi mét, bụi cũng đã lắng xuống. Bà đột nhiên xâu chuỗi được mọi thứ, và điều đó khiến bà không thể ngăn nổi mình cười phá lên và khẽ ho vì vui sướng.

Những cái bánh xe chính là vỏ hạt. Tròn vành vạnh, cực kì cứng, lại nhẹ - chúng chẳng thể được thiết kế tốt hơn. Những sinh vật này móc một cái móng của chân trước và chân sau vào chính giữa cái vỏ, rồi dùng hai chân bên hông đập xuống mặt đất để đẩy đi. Trong lúc đang kinh ngạc trước điều này, bà cũng cảm thấy đôi phần lo lắng, vì sừng của chúng trông có vẻ sắc kinh khủng. Thậm chí ở khoảng cách này bà cũng có thể thấy trí thông minh và sự hiếu kì trong ánh nhìn của chúng.

Chúng đang tìm kiếm bà.

Một trong số chúng đã phát hiện thấy cái vỏ hạt mà bà đem ra khỏi lùm cây, nó liền lăn bánh ra khỏi đường về phía cái vỏ. Khi tới nơi, con vật dùng vôi tựa vào viền và nâng cái vỏ lên rồi lăn về phía đám bạn đồng hành của mình.

Chúng túm tụm lại quanh cái vỏ rồi nhẹ nhàng chạm vào nó bằng những cái vôi khỏe mạnh, dẻo dai. Bà thấy mình đang dịch những âm thanh lú lút, lách cách và huýt sáo mà chúng đang tạo ra thành biểu hiện của sự không tán thành. Có kẻ nào đó đã làm xáo trộn nơi này: Không thể chấp nhận được.

Rồi bà nghĩ: Mình tới đây là có mục đích, dù hiện giờ vẫn chưa hiểu rõ về nó. Dừng cảm lên nào. Chủ động đi.

Nghĩ vậy bà liền đứng dậy gọi, đầy lúng túng:

“Ở đây này. Tôi đang ở đây này. Tôi đã kiểm tra vỏ hạt của các bạn. Tôi xin lỗi. Đừng làm hại tôi.”

Ngay lập tức, những cái đầu quay ngoắt lại nhìn bà, vòi giơ ra, những đôi mắt lấp lánh hướng về phía trước. Tai của bọn chúng đều đã dựng cả lên.

Bà bước ra khỏi chỗ trốn giữa đám rế rồi đối mặt trực tiếp với chúng. Bà giơ tay ra, nhận thấy rằng một cử chỉ như vậy có thể sẽ là vô nghĩa với những sinh vật không có tay. Tuy nhiên, đó là tất cả những gì bà có thể làm. Sau khi nhặt balô lên, bà đi qua bãi cỏ rồi bước lên con đường.

Khi ở gần - cách chưa đầy năm bước - bà có thể thấy rõ hơn nhiều về vẻ ngoài của những con vật, nhưng sự chú ý của bà lại dồn vào một thứ gì đó sống động và hiểu biết trong ánh nhìn của chúng, một loại trí thông minh. Những sinh vật này khác biệt với đám thú gặm cỏ gần đó giống như con người khác biệt với con bò vậy.

Mary chỉ vào bản thân rồi nói: “Mary.”

Con gần nhất vươn vòi tới trước. Bà tiến gần lại, để nó chạm vào ngực mình, nơi bà đã chỉ vào, rồi bà nghe thấy giọng mình vọng ngược lại từ cổ họng của con vật: “Merry.”

“Các bạn là gì vậy?” Bà hỏi, và con vật trả lời: “Capalazivay?”

Điều duy nhất bà có thể làm là đáp lại. “Tôi là con người,” bà nói.

“Tula konngoi,” con vật nói, rồi một điều còn kì quặc hơn xảy ra: Chúng đồng loạt cười ầm lên.

Mắt chúng nheo lại, vòi vung vẩy, đầu hất lên - từ họng chúng phát ra âm thanh không thể nhầm lẫn của sự vui vẻ. Bà không ngăn được mình mà cũng phá lên cười theo.

Rồi một con khác bước tới và dùng vòi chạm vào bàn tay bà. Mary đưa luôn bàn tay còn lại ra cho cái chạm dò dẫm, mềm mại, phủ lông cứng của con vật.

“À,” bà nói, “bạn ngửi thấy mùi dầu từ cái vỏ hạt...”

“Bohat,” con vật kêu lên.

“Nếu các bạn có thể phát ra những âm thanh trong tiếng nói của tôi, một ngày nào đó chúng ta có thể giao tiếp. Dù có chúa mới biết là bằng cách nào. Mary,” bà nói, lại chỉ vào bản thân.

Chẳng có gì xảy ra. Chúng vẫn đứng đó nhìn. Bà lặp lại: “Mary.”

Con gần nhất lấy vôi chạm vào ngực của chính mình rồi lên tiếng. Từ đó có ba âm tiết hay là hai vậy? Con vật lại nói, lần này thì Mary phải cố hết sức để bắt chước tiếng đó cho giống: “Mulefa,” bà ngập ngừng nói.

Những con khác lặp lại “Mulefa” bằng giọng của bà, cười đùa, thậm chí còn tỏ ra đang trêu chọc sinh vật vừa phát ngôn. “Mulefa!” Chúng lại kêu lên, như thể đó là một trò đùa hay ho lắm vậy.

“Chà, nếu có thể cười thì chắc là các bạn sẽ không ăn thịt tôi đâu nhỉ,” Mary nói. Từ thời khắc đó trở đi, giữa bà và chúng hình thành một sự thoải mái và thân thiện, bà không còn cảm thấy lo ngại nữa.

Bản thân đám động vật cũng thả lỏng hơn: Chúng có việc phải làm, chúng không phải đang lang thang không mục đích. Mary thấy rằng một trong số chúng có thặng yên hoặc buộc hàng trên lưng, hai con khác nâng cái vỏ hạt lên đó, buộc dây để cố định lại bằng những cử động khéo léo và phức tạp của vôi. Khi đứng yên, chúng giữ thăng bằng nhờ hai chân bên, còn khi di chuyển, chúng xoay cả chân trước và sau để lái. Cử động của chúng đầy duyên dáng và mạnh mẽ.

Một trong số chúng lăn bánh về phía lề đường rồi vờn vôi lên rỗng thật lớn. Đàn thú gặm cỏ lập tức ngẩng lên nhìn rồi bắt đầu phi nước kiệu về phía chúng. Khi tới nơi, lũ thú ăn cỏ kiên nhẫn đứng bên rìa, để cho những sinh vật gặm bánh từ từ đi qua, kiểm tra, sờ mó, đếm đạc.

Rồi Mary thấy một con vờn vôi xuống dưới một con thú gặm cỏ rồi vắt sữa của nó; sau đó con vật gặm bánh lăn về phía bà, khéo léo vờn vôi lên miệng của Mary.

Ban đầu bà tỏ ra lưỡng lự, nhưng khi thấy vẻ trông chờ trong mắt của con vật, bà lại tiến tới và hé môi ra. Con vật ép một chút sữa loãng ngọt lịm vào miệng bà, nhìn bà nuốt, rồi lại cho bà uống thêm, thêm nữa. Cử chỉ đó thông minh và dịu dàng đến mức Mary mạnh dạn vòng tay ôm lấy đầu con vật và hôn lên đó, ngửi thấy mùi lớp da bụi bặm nóng bừng, cảm nhận những khúc xương cứng nằm bên dưới và sức mạnh cơ bắp của cái vôi.

Ngay sau đó, con đầu đàn khẽ rống lên, đám thú gặm cỏ liền bỏ đi. Bầy *mulefa* cũng đang chuẩn bị khởi hành. Bà cảm thấy vui mừng vì chúng đã chào đón mình, nhưng lại thấy buồn vì chúng sắp đi. Thế nhưng những sinh vật này lại khiến bà ngạc nhiên.

Một trong số chúng đang hạ thấp người, quỳ xuống mặt đường, rồi dùng vòi ra hiệu cho bà, những con khác cũng ra dấu mời gọi... Không nghi ngờ gì nữa: Chúng đang đề nghị được chở bà, được đưa bà đi cùng.

Một con khác nhặt lấy balô của bà rồi buộc nó lên yên của con thứ ba. Mary lúng túng leo lên lưng của con đang quỳ, tự hỏi không biết nên đặt chân chỗ nào - ở phía trước con vật hay phía sau? Mà bà có thể tóm vào cái gì nhỉ?

Nhưng trước khi bà kịp hiểu ra, con vật đã đứng dậy, và cả đàn bắt đầu di chuyển dọc theo đường cao tốc, với Mary ở giữa chúng.

“bởi vì cậu ấy là Will.”

8

Vodka

Ta là kẻ lạ mặt lạc vào xứ người.

Exodus

Balthamos cảm nhận được cái chết của Baruch ngay vào thời khắc nó xảy ra. Ông ta khóc rồi lao vút lên bầu không khí buổi đêm trên vùng lãnh nguyên, đập cánh phần phật và xả nỗi đau đớn thống khổ vào những đám mây; phải mất một lúc ông mới bình tâm lại để quay về với Will, người đã hoàn toàn tỉnh giấc, tay cầm sẵn dao, mắt nhòm vào bóng đêm ẩm ướt và lạnh lẽo. Họ đã trở lại thế giới của Lyra.

“Gì vậy?” Will hỏi khi vị thiên thần run rẩy hiện ra bên cạnh. “Có nguy hiểm à? Ra phía sau tôi...”

“Baruch chết rồi,” Balthamos gào lên, “Baruch yêu dấu của ta đã chết...”

“Khi nào? Ở đâu?”

Nhưng Balthamos không biết; ông chỉ biết được rằng một nửa con tim mình đã chết. Ông không thể đứng yên: Ông lại bay lên, sục sạo khắp bầu trời như để tìm kiếm Baruch trong đám mây này hay kia, kêu gọi, gào khóc, lại kêu gọi; rồi khi bị cảm giác tội lỗi khuấy phục, ông bay xuống giục Will đi trốn và giữ yên lặng, hứa sẽ canh chừng cho cậu không ngừng nghỉ; nhưng rồi áp lực từ nỗi thương tiếc đè bẹp ông, ông nhớ lại mọi khoảnh khắc ân cần và dũng cảm mà Baruch thể hiện, có đến hàng nghìn lần như

thế, mà ông thì chẳng hề quên một lần nào; ông hét lên rằng một tấm lòng từ bi đến vậy sẽ không bao giờ bị dập tắt, rồi ông lại phóng lên trời, lòng sục bốn phương tám hướng, liêu lĩnh, hoang đại và đau đớn, nguyên rửa cả không khí, cả mây trời, cả trăng sao.

Cuối cùng Will nói: “Balthamos, lại đây.”

Thiên thần tới theo lệnh của cậu, cảm thấy bất lực. Trong sự u ám của cái lạnh cắt da cắt thịt trên vùng lãnh nguyên, cậu bé đang run lấy bầy dưới tấm áo choàng nói với ông: “Ông phải cố gắng giữ yên lặng đi. Ông biết rằng ngoài kia có những thứ sẽ tấn công nếu chúng nghe thấy tiếng động. Tôi có thể bảo vệ ông bằng con dao nếu ông ở gần, nhưng nếu chúng tấn công ông ở trên đó, tôi sẽ không thể giúp được. Mà nếu cả ông cũng chết thì tôi cũng toi mất. Balthamos, tôi cần ông dẫn đường tới chỗ Lyra. Làm ơn đừng quên điều đó. Baruch rất mạnh mẽ - ông cũng phải mạnh mẽ lên. Hãy giống như ông ấy vì tôi.”

Đầu tiên Balthamos không nói gì, nhưng sau đó ông lên tiếng: “Phải. Phải, đương nhiên là ta phải như vậy rồi. Giờ thì cậu đi ngủ đi, Will, ta sẽ đứng canh, ta sẽ không phụ lòng cậu đâu.”

Will tin tưởng thiên thần; cậu buộc phải vậy. Chẳng bao lâu sau cậu đã lại chìm vào giấc ngủ.

Khi cậu tỉnh dậy, ướt nhẹp vì sương đêm và lạnh tới tận xương tuỷ, thiên thần vẫn đang đứng cạnh đó. Vầng dương chỉ vừa mới ló, nhuộm lên ngọn những cây sậy và đám thực vật đầm lầy một màu vàng óng ả.

Trước khi Will kịp cử động, Balthamos đã lên tiếng: “Ta đã quyết định việc mình cần phải làm. Ta sẽ ở bên cậu suốt ngày suốt đêm, ta sẽ làm điều đó một cách vui vẻ và sẵn lòng, vì Baruch. Ta sẽ dẫn cậu tới chỗ Lyra, nếu có thể, rồi dẫn cả hai đến với Ngài Asriel. Ta đã sống nhiều ngàn năm, trừ khi bị giết nếu không ta sẽ còn sống thêm nhiều ngàn năm nữa; nhưng ta chưa từng gặp một ai lại khiến mình háng hái muốn làm điều thiện, hay muốn trở nên tốt bụng, như Baruch đã làm. Ta đã thất bại rất nhiều, nhưng lần nào lòng hào hiệp của anh ấy cũng cứu vớt ta. Giờ điều đó không còn

nữa, ta sẽ phải cố gắng tiếp tục mà không có nó. Có lẽ thỉnh thoảng sẽ thất bại, nhưng dù gì ta vẫn sẽ cố gắng.”

“Vậy thì Baruch sẽ tự hào về ông lắm,” Will run rẩy nói.

“Giờ ta sẽ bay tới trước để xem chúng ta đang ở đâu, được chứ?”

“Vâng,” Will đáp, “hãy bay cao lên, rồi cho tôi biết mặt đất phía xa trước mặt trông như thế nào. Cứ đi bộ ở cái vùng đất lầy này thì sẽ tốn cả đời mất.”

Balthamos lao lên không trung. Ông vẫn chưa nói với Will mọi điều khiến mình bất an, vì ông đang cố gắng hết sức và không làm cậu lo lắng; nhưng ông biết rằng thiên thần Metatron, viên Nhiếp chính, kẻ mà họ đã thoát khỏi trong gang tấc, hẳn đã hắt sào gương mặt của Will trong tâm trí mình. Không chỉ riêng khuôn mặt, mà tất cả mọi thứ về cậu mà thiên thần có thể thấy, bao gồm những phần mà bản thân Will không ý thức được, ví dụ như khía cạnh bản tính mà Lyra gọi là linh thú của cậu. Lúc này Will đang gặp nguy hiểm cực kì lớn từ Metatron. Một lúc nào đó Balthamos sẽ phải nói cho cậu biết, nhưng chưa phải bây giờ. Việc này quá khó.

Suy nghĩ rằng đi bộ sẽ nhanh ấm người hơn là thu lượm chất đốt rồi đợi lửa bén, Will quăng balô lên vai, quần áo choàng quanh mọi thứ, rồi khởi hành về phía nam. Có một lối đi, bùn lầy, lồi lõm, đầy ổ gà ổ voi, có nghĩa là thỉnh thoảng cũng có người đi qua đường này; nhưng đường chân trời thẳng tắp ở mọi hướng đều còn quá xa, khiến cậu cảm thấy mình gần như chẳng tiến thêm được chút nào.

Một lúc sau, khi trời đã sáng hơn, giọng nói của Balthamos vang lên bên cạnh cậu.

“Còn khoảng nửa ngày đường phía trước nữa, có một dòng sông rộng và một thị trấn, nơi đấy có một bến tàu để neo thuyền bè. Ta đã bay lên đủ cao để thấy rằng con sông chạy dài thẳng hướng bắc nam. Nếu lên được một chuyến tàu, cậu có thể di chuyển nhanh hơn rất nhiều.”

“Được đấy,” Will nói vẻ sôi sục. “Vậy con đường này có dẫn đến thị trấn không?”

“Nó đi xuyên qua một ngôi làng, với một nhà thờ, các trang trại và vườn cây ăn quả, rồi dẫn tới thị trấn.”

“Không biết họ nói ngôn ngữ gì nhỉ. Hi vọng họ sẽ không nhốt tôi lại nếu tôi không nói được tiếng của họ.”

“Là linh thú của cậu,” Balthamos nói, “ta sẽ dịch cho cậu. Ta đã học đủ loại ngôn ngữ loài người; chắc chắn ta sẽ hiểu được thứ mà họ nói ở đất nước này.”

Will đi tiếp. Hành trình khó nhọc này mới nhàm chán và uế oải làm sao, nhưng ít nhất thì cậu cũng đang tiến lên, ít nhất thì mỗi bước cũng đều đưa cậu lại gần hơn với Lyra.

Ngôi làng là một nơi tồi tàn: một đồng hồ lớn những tòa nhà bằng gỗ, với những bãi cỏ thả tuần lộc, và lũ chó sủa inh ỏi khi cậu đến gần. Khói luồn ra từ các ống khói bằng thiếc rồi lơ lửng sà xuống những mái nhà lợp ván. Mặt đất lầy lội khiến chân cậu lết đi chậm chạp, rõ ràng là mới xảy ra lụt lội gần đây: tường vẫn còn in dấu bùn cao đến nửa cánh cửa, các thanh xà gỗ gãy rời và những tấm tôn cán sóng treo lơ lửng cho thấy những nơi chuồng gia súc, hiên nhà và nhà phụ đã bị cuốn trôi.

Nhưng đó không phải là đặc điểm kì lạ nhất của nơi này. Ban đầu cậu cứ tưởng mình đang bị mất thăng bằng; thậm chí cậu còn vấp chân vài lần; vì các tòa nhà đều lệch khỏi trục thẳng đứng khoảng hai hay ba độ, tất cả đều ngả về một phía. Mái vòm của nhà thờ nhỏ có vết rạn nứt rất tồi tệ. Đã xảy ra động đất sao?

Lũ chó đang sủa một cách cuồng loạn, nhưng lại chẳng dám tới gần. Trong vai trò linh thú, Balthamos đang ở dạng một con chó lớn trắng như tuyết với đôi mắt đen láy, bộ lông dày, cái đuôi xoắn tít, ông gầm gừ dữ tợn tới mức lũ chó thật phải giữ khoảng cách. Con nào con nấy đều gầy gộc và dơ dáy, vài con tuần lộc mà cậu có thể thấy được đều có vết ghẻ và tỏ ra thờ ơ.

Will dừng lại ở trung tâm của ngôi làng nhỏ và nhìn xung quanh, không biết nên đi đâu. Trong lúc cậu đứng đó, vài ba người đàn ông hiện ra phía trước rồi đứng nhìn cậu chăm chăm. Họ là những người đầu tiên cậu thấy

trong thế giới của Lyra. Họ mặc những chiếc áo khoác trông có vẻ nặng nề, những đôi ủng bám đầy bùn, mũ lông, trông họ không có vẻ gì thân thiện cả.

Con chó trắng biến thành một con chim sẻ rồi bay lên vai Will. Chẳng ai buồn chớp mắt trước sự kiện đó: Mỗi người đều có một con linh thú, Will thấy như vậy, phần lớn là chó, và đó là cách mọi thứ diễn ra ở thế giới này. Trên vai cậu, Balthamos thì thầm: “Đi tiếp đi. Đừng nhìn vào mắt họ. Cúi đầu xuống. Việc đó thể hiện thái độ tôn trọng.”

Will tiếp tục đi. Cậu có thể khiến mình trở nên kín đáo; đó là tài năng lớn nhất của cậu. Vào lúc cậu tới được chỗ họ, những người đàn ông đã không còn hứng thú với cậu nữa rồi. Nhưng đúng lúc đó cánh cửa của dinh thự đồ sộ nhất con phố mở ra cùng với một tiếng gọi gì đó rất lớn.

Balthamos nói khẽ: “Linh mục đấy. Cậu sẽ phải lễ phép với ông ta. Quay lại chào đi.”

Will làm theo. Vị linh mục là một người đàn ông to lớn, râu bạc xám, mặc chiếc áo thầy tu màu đen, với một con linh thú quạ đậu trên vai. Đôi mắt láo liên của ông ta nhìn khắp mặt và người Will, ghi nhận mọi đặc điểm. Ông ta ra hiệu.

Will bước tới ngưỡng cửa rồi lại cúi chào.

Vị linh mục nói gì đó, Balthamos liền thì thào: “Ông ta hỏi cậu từ đâu tới. Cứ nói gì cậu thích.”

“Con nói tiếng Anh,” Will nói chậm rãi và rõ ràng. “Con không biết ngôn ngữ nào khác cả.”

“À, tiếng Anh!” Vị linh mục thốt lên đầy hân hoan cũng bằng thứ tiếng đó. “Anh bạn trẻ thân mến! Chào mừng con đến làng của chúng ta, ngôi làng Kholodnoye nhỏ bé không-còn-đứng- thẳng của chúng ta! Tên con là gì, và con đang đi đâu vậy?”

“Tên con là Will, con đang đi về phía nam. Con bị lạc mất gia đình nên đang cố gắng tìm lại họ.”

“Vậy thì con phải vào trong nghỉ ngơi một chút đi,” linh mục nói rồi quàng một cánh tay nặng trĩu quanh vai Will, kéo cậu đi qua ngưỡng cửa

vào.

Con linh thú quạ của người đàn ông thể hiện hứng thú sâu sắc với Balthamos. Nhưng thiên thần cũng chẳng phải dạng vừa: Ông biến thành một con chuột rồi tuồn vào áo của Will như thể đang ngượng ngùng vậy.

Vị linh mục dẫn cậu vào một phòng khách sức mùi thuốc lá, nơi có ấm trà samovar bằng gang lạng lẽ bốc hơi trên một chiếc bàn phụ.

“Tên con là gì?” Linh mục hỏi. “Nói lại cho ta nghe nào.”

“Will Parry ạ. Nhưng con không biết phải gọi Cha là gì.”

“Otyets Semyon,” linh mục đáp, xoa xoa cánh tay của Will trong lúc dẫn cậu tới ghế ngồi. “Otyets có nghĩa là Cha. Ta là linh mục của Nhà thờ Thánh. Tên của ta là Semyon, còn tên cha ta là Boris, nên ta là Semyon Borisovitch. Tên cha con là gì?”

“John Parry ạ.”

“John là Ivan. Vậy con là Will Ivanovitch, còn ta là Cha xứ Semyon Borisovitch. Con từ đâu tới, Will Ivanovitch, và con sẽ đi đâu?”

“Con đang bị lạc,” Will đáp. “Con đang đi cùng cả gia đình về phía nam. Bố con là một người lính, nhưng ông ấy đang thám hiểm vùng Cực Bắc. Thế rồi có chuyện xảy ra và chúng con bị lạc nhau. Vậy nên con đi về phía nam vì biết rằng đó là nơi cả nhà sẽ đến.”

Linh mục dang rộng tay rồi nói: “Một người lính à? Một nhà thám hiểm tới từ Anh Quốc? Đã hàng thế kỉ rồi chẳng có ai thú vị đến vậy đặt chân lên những con đường bản thủ của Kholodnoye cả. Nhưng vào thời kì biến động này thì biết đâu ông ấy lại chẳng xuất hiện vào ngày mai chứ? Bản thân con là một vị khách được hoan nghênh, Will Ivanovitch ạ. Con phải ở lại nhà của ta qua đêm, chúng ta sẽ nói chuyện và dùng bữa cùng nhau. Lydia Alexandrovna!” Ông gọi.

Một người phụ nữ lớn tuổi lạng lẽ bước vào. Ông ta nói với bà bằng tiếng Nga, bà gật đầu, cầm lấy một cái tách rồi đổ đầy trà nóng từ chiếc ấm samovar vào. Bà đem tách trà đến cho Will, cùng với một đĩa nhỏ đựng mứt và một chiếc thìa bạc.

“Cảm ơn bà,” Will nói.

“Món mứt là để làm ngọt trà,” vị linh mục nói. “Lydia Alexandrovna chế biến từ việt quất đó.”

Kết quả là nước trà uống vừa đắng vừa ghê, nhưng dù sao thì Will vẫn uống. Vị linh mục không ngừng rướn về trước để nhìn cậu kĩ hơn, sờ tay cậu để xem cậu có bị lạnh không, rồi xoa đầu gối cậu. Để làm ông phân tâm, Will hỏi tại sao các tòa nhà trong thành phố lại bị nghiêng.

“Đã có biến động trong lòng đất,” linh mục đáp. “Điều đó đã được tiên đoán đầy đủ trong Sách Khải Huyền của Thánh John. Các dòng sông chảy ngược... Con sông lớn cách đây không xa đã từng chảy về phía bắc vào Bắc Băng Dương. Từ tận những rặng núi ở vùng Trung Á, nó chảy về phía bắc đã hàng nghìn, hàng nghìn năm rồi, kể từ khi Đấng Quyền Năng của Chúa, Đức Cha Tối Cao kiến tạo nên trái đất. Nhưng khi mặt đất rung chuyển, sương mù và lụt lội kéo tới, mọi thứ đều đã thay đổi, rồi con sông lớn chảy về phía nam trong khoảng một tuần hoặc hơn trước khi lại chuyển hướng về phía bắc. Thế giới đang bị đảo lộn. Con đã ở đâu khi cuộc biến động lớn xảy ra?”

“Ở cách đây rất xa ạ,” Will nói. “Con không hề biết chuyện xảy ra. Khi sương mù tan, con đã lạc mất gia đình và giờ con cũng không biết mình đang ở đâu. Cha đã nói cho con biết tên của nơi này nhưng nó ở đâu vậy? Chúng ta đang ở đâu?”

“Đem cho ta cuốn sách to ở giá bên dưới cùng kia,” Semyon Borisovitch nói. “Ta sẽ cho con xem.”

Vị linh mục kéo ghế lại gần bàn rồi liếm ngón tay trước khi lật những trang sách trong cuốn tuyển tập bản đồ khổng lồ.

“Đây,” ông nói rồi chỉ một ngón tay cái bắn vào một điểm nằm giữa vùng Siberia, cách rất xa dãy núi Ural về phía đông. Con sông gần đó chảy như vị linh mục đã nói, từ phần phía bắc của những dãy núi ở Tây Tạng lên đến tận Cực Bắc. Cậu nhìn thật kĩ dãy Himalaya nhưng chẳng thể thấy gì tương tự như bản đồ mà Baruch đã vẽ.

Semyon Borisovitch cứ thế nói liên hồi, dồn dập hỏi Will những chi tiết về cuộc sống của cậu, về gia đình cậu, quê hương cậu, và là một kẻ giả vờ lão luyện, Will trả lời không thiếu một câu nào. Ngay sau đó bà quản gia bưng vào súp Borscht và bánh mì đen. Sau khi linh mục đọc xong lời cầu nguyện dài dằng dặc, cuối cùng họ cũng dùng bữa.

“VẬY, chúng ta sẽ giết thời gian thế nào đây nhỉ, Will Ivanovitch?” Semyon Borisovitch hỏi. “Chúng ta sẽ chơi bài, hay con muốn nói chuyện hơn?”

Ông rót thêm một li trà từ ấm samovar, Will nhận lấy nó một cách nghi ngại.

“Con không biết chơi bài,” cậu nói, “con rất bất an về việc lên đường đi tiếp. Ví dụ như nếu con đi đến sông, Cha có nghĩ con có thể kiếm được chỗ trên một chiếc tàu chạy hơi nước để tiến về phía nam không?”

Gương mặt to bè của vị linh mục tối sầm lại, ông xoay cổ tay làm dấu thánh giá một cách đầy tao nhã.

“CÓ MỘT VẤN ĐỀ TRONG THỊ TRẤN,” ông giải thích. “Lydia Alexandrovna có một người chị đã đến đây nói với bà rằng có một con thuyền chở gấu lội ngược dòng sông. Lũ gấu mặc giáp. Chúng tới từ Cực Bắc. Con không thấy gấu mặc giáp lúc còn ở phương bắc sao?”

Vị linh mục đang nghi ngờ. Balthamos thì thầm thật khẽ để chỉ có Will nghe được: “Cẩn thận đấy.” Will lập tức hiểu ra vì sao ông lại nói vậy: Trái tim cậu bắt đầu đập thình thịch khi Semyon Borisovitch nhắc đến lũ gấu, vì những gì mà Lyra đã nói với cậu về chúng. Cậu phải cố gắng kìm nén cảm xúc lại.

Cậu đáp: “Chúng con ở cách Svalbard rất xa, còn lũ gấu thì quá bận rộn với việc riêng của mình.”

“Phải, ta cũng nghe nói như vậy,” linh mục nói khiến Will nhẹ nhõm hẳn. “Nhưng giờ chúng đang rời khỏi quê hương của mình để tiến về phía nam. Chúng có một con thuyền, nhưng người dân thị trấn sẽ không cho chúng nạp nhiên liệu. Họ e sợ lũ gấu. Mà cũng nên như thế - chúng là những đứa con của quỷ dữ. Tất cả mọi thứ xuất phát từ phương bắc đều là ác quỷ.

Giống như đám phù thủy - con gái của tội lỗi! Giáo hội đáng ra phải diệt sạch chúng từ nhiều năm trước rồi. Lũ phù thủy - đừng có dính dáng gì đến chúng, Will Ivanovitch ạ, con nghe ta nói chứ? Con biết chúng sẽ làm gì khi con đến tuổi không? Chúng sẽ tìm cách quyến rũ con. Chúng sẽ dùng mọi thủ đoạn lừa dối, xảo quyệt, mềm mỏng mà mình có, cơ thể chúng, làn da mềm mại của chúng, giọng nói ngọt ngào của chúng, chúng sẽ lấy đi mầm giống của con - con biết ý ta là gì rồi đấy - chúng sẽ vắt kiệt con và khiến con trống rỗng! Chúng sẽ lấy đi tương lai của con, những đứa con sắp sinh của con, làm cho con trắng tay. Chúng cần phải bị giết hết, tất cả.”

Vị linh mục với sang cái giá bên cạnh ghế của mình để lấy xuống một cái chai và hai chiếc li nhỏ.

“Giờ ta sẽ mời con uống một chút, Will Ivanovitch ạ,” ông nói. “Con còn bé nên chưa uống nhiều. Nhưng con đang lớn, và cần phải biết vài thứ, như vị của rượu vodka chẳng hạn. Lydia Alexandrovna thu hoạch số quả mọng này vào năm ngoái, sau đó ta đã chưng cất rượu, và cái chai này chính là thành phẩm, nơi duy nhất mà Otyets Semyon Borisovitch và Lydia Alexandrovna nằm bên nhau!”

Ông ta cười phá lên rồi mở nút chai, đổ đầy từng li đến tận mép. Cái kiểu hội thoại này khiến Will thấy ghê tởm. Cậu phải làm gì bây giờ? Làm sao cậu có thể từ chối uống mà không bị bất lịch sự nhỉ?

“Otyets Semyon,” cậu nói trong lúc đứng dậy, “Cha thật tử tế, ước gì con có thể lưu lại lâu hơn để thưởng thức rượu của Cha và nghe Cha nói chuyện, vì những điều cha đang nói đều rất hấp dẫn. Có điều xin Cha hiểu rằng con đang rất buồn vì việc gia đình mình, và cực kì mong muốn được tìm lại họ, vì vậy con nghĩ mình nên đi tiếp, mặc dù con cũng muốn ở lại không kém.”

Vị linh mục bĩu môi dưới lớp râu dày cộp và cau mày; nhưng rồi ông nhún vai nói: “Chà, nếu con phải đi thì cứ đi. Nhưng trước đó, con phải uống phần vodka của mình đã. Đứng lên cùng ta nào! Cầm lấy cốc rồi uống một hơi như thế này này!”

Ông hất ngược cốc rượu, nuốt hết ngay trong một hớp, rồi lôi cơ thể đồ sộ của mình đứng dậy thật sát với Will. Giữa những ngón tay mập mạp bần thiêu của ông ta, chiếc li trông thật bé nhỏ; nhưng nó đang đầy ắp thứ rượu mạnh trong suốt. Will có thể ngửi thấy mùi rất nồng của thứ đồ uống, mùi mồ hôi chua lôm và mùi đồ ăn dính trên lớp áo thầy tu. Chưa uống mà cậu đã thấy muốn nôn rồi.

“Uống đi nào, Will Ivanovitch!” Linh mục kêu lên với sự vui vẻ đầy đe dọa.

Will nâng li lên rồi không ngần ngại nuốt gọn thứ chất lỏng nóng như lửa, trơn như dầu chỉ trong một hớp. Giờ cậu sẽ phải ra sức chống chọi để không buồn nôn.

Nhưng vẫn còn một thử thách nữa. Semyon Borisovitch ngả về trước từ chiều cao đáng nể của mình rồi tóm lấy cả hai vai Will.

“Con trai của ta,” ông ta nói rồi nhắm mắt lại và bắt đầu ngâm nga một lời cầu nguyện hay một đoạn Thánh thi. Hơi thuốc lá, rượu và mồ hôi bốc lên sức nức từ người ông ta, và ông ta ở gần đến mức bộ râu rậm rạp đang dùng đưa lên xuống cọ cả vào mặt Will. Will phải nín thở.

Đôi tay của linh mục vòng qua đằng sau vai Will, và rồi Semyon Borisovitch ôm chặt lấy cậu, hôn lên má cậu, phải, trái, rồi lại phải. Will cảm thấy Balthamos đang cắm những cái vuốt nhỏ xíu vào vai mình, nhưng cậu vẫn đứng yên. Đầu cậu đang quay cuồng, bụng dạ cồn cào, nhưng cậu không hề nhúc nhích.

Cuối cùng thì việc đó cũng kết thúc, vị linh mục lùi lại rồi đẩy cậu đi.

“Đi đi,” ông ta nói, “đi về phía nam, Will Ivanovitch ạ. Đi đi.”

Will thu lượm áo khoác và balô rồi cố gắng đi thật thẳng khi rời khỏi dinh thự của linh mục và bước trên con đường dẫn ra khỏi ngôi làng.

Cậu bước đi trong hai tiếng đồng hồ, cảm thấy cơn nôn nao dần dần dịu lại, nhường chỗ cho cảm giác đau đầu âm ỉ, nhức nhối. Đến một lúc, Balthamos bắt cậu dừng lại, ông đặt hai bàn tay mát lạnh của mình lên cổ và trán Will,

giúp cơn đau dịu đi đôi phần; nhưng Will đã tự hứa với bản thân rằng mình sẽ không bao giờ uống vodka nữa.

Đến chiều muộn hôm đó, con đường mở rộng ra rồi thoát khỏi đám lau sậy, nhờ vậy Will thấy được thị trấn trước mặt, và đằng sau nó một miền nước rộng mênh mông chẳng khác nào biển cả.

Dù vẫn còn ở xa, Will có thể thấy rằng ở đó đang có rắc rối. Những cụm khói bốc lên từ đằng sau các mái nhà, nối tiếp bởi một tiếng súng nổ ào ào sau đó vài giây.

“Balthamos,” cậu nói, “ông sẽ phải trở lại làm linh thú thôi. Cứ ở gần tôi và đề phòng nguy hiểm đó.”

Cậu tiến vào vùng ngoại vi của thị trấn nhỏ tồi tàn, nơi những tòa nhà còn nghiêng ngả một cách đáng sợ hơn ngôi làng trước đó, và là nơi lút lội để lại vết bùn trên tường cao hơn cả đầu Will. Rìa ngoài thị trấn đã bị bỏ hoang, nhưng khi cậu tiến về phía con sông, những âm thanh hò hét, gào thét, tiếng đùng đoàng của súng trường trở nên âm ỉ hơn.

Và cuối cùng thì cũng đến chỗ có người: người đang nhìn từ những ô cửa sổ trên tầng, người lo lắng rướn cổ quanh những góc tòa nhà để nhìn về phía cầu tàu, nơi những ngón tay sắt thép của cần cầu, cần trục và cột buồm của những chiếc tàu thủy lớn dựng lên qua cả các mái nhà.

Một vụ nổ làm rung chuyển các bức tường, khiến kính từ một ô cửa sổ gần đó rơi ra lả tả. Người dân lùi lại rồi lại nhìn quanh, sau đó những tiếng gào thét lại bùng lên trong không khí mù mịt khói.

Will tới được góc phố rồi nhìn dọc theo cầu tàu. Khi khói bụi đã tan đi chút ít, cậu thấy một con tàu rí rít đang ở cách xa bờ, giữ nguyên vị trí giữa dòng nước chảy, và trên bến tàu một đám người được trang bị súng trường hoặc súng lục đang vây quanh một khẩu đại bác mà khi cậu nhìn lại nổ thêm một phát nữa. Tia lửa lóe lên, khẩu đại bác giật lùi lại, và ngay sát con tàu là tiếng nước bắn tóe dữ dội.

Will lấy tay che mắt. Trên tàu có bóng người, nhưng - cậu dụi mắt, dù bản thân đã đoán trước được: Chúng lại chẳng phải con người. Đó là những sinh vật khổng lồ làm bằng kim loại, hoặc những sinh vật mặc áo giáp hạng

nặng. Trên boong trước của con tàu, một bông hoa lửa sáng rực đột ngột nở bùng lên, khiến dân chúng gào thét hoảng hốt. Ngọn lửa bốc vọt lên không trung, dâng cao và tiến lại gần, tóe ra những tia sáng và khói, rồi sụp xuống cùng tiếng lửa bắn tóe ra ngay cạnh khẩu súng. Đám đàn ông hét lên rồi tản ra, có kẻ bị thiêu phải chạy về phía mép nước rồi nhảy tùm xuống, để rồi bị dòng chảy cuốn đi khuất khỏi tầm mắt.

Will thấy một người đàn ông đứng gần đó trông có vẻ giống một giáo viên, cậu liền hỏi:

“Ông có nói tiếng Anh không?”

“Có, có, có chứ...”

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Lũ gấu, chúng đang tấn công, chúng tôi đang cố gắng chiến đấu chống lại chúng, nhưng chẳng dễ dàng chút nào, chúng tôi chỉ có duy nhất một khẩu súng, mà...”

Vật ném lửa trên tàu lại ném một cục hắc ín đang rực cháy khác, lần này thì nó đáp xuống còn sát với khẩu súng hơn. Ba vụ nổ lớn xảy ra gần như ngay sau đó chứng tỏ nó đã rơi trúng chỗ để đạn dược. Các pháo thủ vội nhảy tránh ra xa, để mặc nòng súng chúi xuống thấp.

“A,” người đàn ông rên lên, “không ổn rồi, họ không thể bắn...”

Viên chỉ huy quay đầu tàu rồi lái về phía bờ. Nhiều người hét lên vì sợ hãi và tuyệt vọng, đặc biệt là khi một quả cầu lửa khổng lồ nữa bùng lên trên boong trước, vài người có súng bắn một hai phát rồi quay lưng bỏ chạy; nhưng lần này lũ gấu không ném lửa nữa, không lâu sau con tàu chạy nghiêng về phía bên, máy nổ bình bịch cố gắng chống lại dòng chảy.

Hai thủy thủ (con người, không phải gấu) nhảy xuống để quần dây quanh cọc. Thấy vậy dân thị trấn liền rút lên và gào thét đầy phẫn nộ trước lũ phản bội loài người này. Hai thủy thủ chẳng buồn đếm xỉa mà cứ thế chạy tới hạ ván cầu xuống.

Rồi sau đó khi họ quay lại để trở về tàu, một phát súng nổ ra ở đâu đó cạnh Will, làm một trong hai người ngã xuống. Linh thú của anh ta - một

con mòng biển - tan biến như thể sự tồn tại của nó không khác gì một ngọn nến vừa bị thổi tắt.

Phản ứng từ lũ gấu là một cơn cuồng nộ thuần túy. Ngay lập tức máy ném lửa được châm trở lại rồi xoay vòng để hướng về phía bờ, khối lửa được bắn lên trời rồi đổ ào xuống thành hàng trăm giọt bắn tung tóe trên các mái nhà. Sau đó tại đỉnh cao nhất của thang nổi lên tàu xuất hiện một con gấu lớn hơn tất cả những con khác, một sự hiện diện của sức mạnh sắt thép, làn đạn vừa xối xuống người nó kêu lên lạch tạch, bồm bộp đầy vô dụng, chẳng làm lõm nổi một milimét trên bộ giáp đồ sộ của nó.

Will nói với người đàn ông đứng bên cạnh mình: “Sao họ lại tấn công thị trấn vậy?”

“Chúng muốn có nhiên liệu. Nhưng chúng tôi không giao dịch với lũ gấu. Giờ chúng đang rời khỏi vương quốc của mình và dong thuyền ngược dòng sông, ai mà biết chúng sẽ làm gì chứ? Vậy nên chúng tôi phải chống lại chúng. Lũ cướp biển - quân trộm cắp...”

Con gấu khổng lồ đã xuống khỏi thang nổi, túm tụm phía sau nó là vài con khác, chúng nặng đến nỗi khiến con tàu nghiêng cả đi; Will thấy những người đàn ông trên bến tàu đã quay trở lại bên khẩu đại bác và đang nạp đạn vào khóa nòng.

Một ý tưởng nảy ra, cậu liền chạy lên bãi đất bên rìa bến cảng, thẳng vào khoảng trống giữa các pháo thủ và con gấu.

“Dừng lại!” Cậu hét lên. “Dừng việc đánh nhau lại. Hãy để tôi nói chuyện với con gấu!”

Không khí đột ngột trầm xuống, tất cả mọi người đứng im, kinh ngạc trước hành động điên rồ này. Bản thân con gấu, dù đang dồn sức chuẩn bị lao vào đám pháo thủ cũng không rời khỏi vị trí, nhưng từng đường nét trên cơ thể nó đều run lên đầy cuồng bạo. Những cái móng vĩ đại của nó cắm sâu vào nền đất, đôi mắt đen lóe lên giận dữ dưới chiếc mũ giáp sắt.

“Người là ai? Người muốn gì?” Nó rống lên bằng tiếng Anh, vì nghe thấy Will dùng ngôn ngữ đó.

Người dân nhìn nhau đầy hoang mang, những người biết tiếng dịch lại cho những kẻ khác.

“Ta sẽ đấu với người, một chọi một,” Will hét lên, “nếu người chịu thua thì cuộc chiến sẽ phải chấm dứt.”

Con gấu không nhúc nhích. Về phần người dân thì ngay khi hiểu ra Will đang nói gì, họ liền hò hét, giễu cợt, huýt sáo và phá lên cười nhạo báng. Nhưng điều đó không kéo dài lâu, vì Will đã quay lại đối mặt với đám đông, đôi mắt lạnh băng, cố gắng nén giận, cậu đứng im tuyệt đối cho đến khi tiếng cười ngừng lại. Cậu có thể cảm thấy con chim hoét Balthamos đang run rẩy trên vai mình.

Khi đám người đã im lặng, cậu gọi lớn: “Nếu tôi khiến cho con gấu phải chịu thua, các người phải đồng ý bán nhiên liệu cho họ. Như vậy họ sẽ tiếp tục hành trình và để các người yên. Các người phải đồng ý. Nếu không họ sẽ hủy diệt tất cả các người.”

Cậu biết rằng con gấu vĩ đại đang ở phía sau chỉ cách mình vài mét, nhưng cậu không bỏ chạy; cậu quan sát dân thị trấn trao đổi, khoa tay múa chân, tranh cãi, rồi một phút sau có tiếng nói vang lên: “Cậu bé! Bắt con gấu đồng ý đi!”

Will quay lại. Cậu nuốt nước miếng, lấy một hơi thật sâu rồi gọi:

“Gấu! Người phải đồng ý. Nếu người chịu thua, cuộc chiến phải kết thúc, người có thể mua nhiên liệu và bình an đi lên sông.”

“Không được,” con gấu rống lên. “Thật xấu hổ khi phải đấu với người. Người yếu ớt chẳng khác gì một con hào bị mất vỏ cả. Ta không thể đấu với người được.”

“Ta đồng ý,” Will nói, toàn bộ sự chú ý của cậu lúc này đang dồn vào sinh vật đồ sộ đầy hung bạo trước mặt mình. “Một cuộc chiến hoàn toàn không cân sức. Người thì giáp sắt kín người còn ta lại chẳng có gì. Chỉ một cái lướt tay của người là đầu ta có thể rụng rồi. Vậy thì làm cho công bằng hơn đi. Đưa ta một mảnh giáp của người, mảnh nào tùy người chọn. Mũ giáp chẳng hạn. Như thế chúng ta sẽ cân xứng hơn, và có đánh với ta cũng không phải điều gì đáng xấu hổ.”

Với một tiếng gầm gừ thể hiện sự căm ghét, giận dữ, khinh miệt, con gấu vươn một cái móng vĩ đại lên rồi gỡ sợi xích cố định mũ giáp của mình.

Giờ thì cả bên cảng đều đã nín bật. Không ai nói năng - không ai cử động. Họ hiểu được rằng một việc chưa từng thấy trước đây đang diễn ra, nhưng họ lại không thể đoán được việc đó là gì. Âm thanh duy nhất hiện giờ là tiếng nước sông vỗ vào đồng cọc gỗ, tiếng nổ bình bịch của động cơ tàu, và tiếng kêu không ngớt của lũ mòng biển phía trên đầu; rồi sau đó là tiếng xoảng đình tai khi con gấu lỏng cái mũ giáp về phía chân của Will.

Will đặt balô xuống rồi nâng cái mũ đứng thẳng dậy. Sức cậu chỉ vừa đủ để nhắc nó lên. Cái mũ chỉ là một tấm sắt duy nhất, đen đúa và lồi lõm, với lỗ mắt ở trên đỉnh và một sợi xích cực lớn ở phía dưới. Nó dài bằng cẳng tay của Will, và dày cỡ ngón cái của cậu.

“Vậy ra đây là giáp của người à,” cậu nói. “Chà, với ta thì trông nó có vẻ không được chắc chắn lắm. Không biết ta có tin tưởng nó được không. Để xem nào.”

Nói rồi cậu liền lấy con dao ra từ trong balô, tì một cạnh vào phần trước của mũ rồi xẻ rời một góc ra như thể đang cắt bơ.

“Biết ngay mà,” cậu nói rồi lại cắt thêm một miếng, một miếng nữa, chia nhỏ vật thể khổng lồ thành một đồng các mảnh vụn chỉ trong chưa đầy một phút. Cậu đứng dậy giơ ra một nắm.

“Giáp của người đấy,” cậu nói rồi thả tay, các mảnh vụn rơi loảng xoảng xuống số còn lại đang nằm dưới chân cậu, “còn đây là dao của ta. Vì mũ giáp của người vô dụng với ta nên ta phải chiến đấu mà không có nó thôi. Sẵn sàng chưa, gấu? Ta cho rằng chúng ta khá là cân bằng đấy. Đẳng nào thì ta cũng có thể cắt rời đầu người chỉ bằng một nhát dao mà.”

Tĩnh lặng tuyệt đối. Đôi mắt đen của con gấu lóe lên như dầu hắc ín, Will cảm thấy một giọt mồ hôi chảy xuống trên cột sống của mình.

Rồi cái đầu của con gấu cử động. Nó lắc đầu rồi lùi lại một bước.

“Vũ khí đó quá mạnh,” nó nói. “Ta không đấu lại được. Nhóc, người thắng rồi.”

Will biết rằng chỉ một giây sau là người dân sẽ hoan hô, hò hét và huýt sáo, nên trước khi con gấu kịp nói hết từ “thắng rồi”, Will đã quay lại và hô lên để giữ trật tự:

“Giờ các người phải làm theo giao kèo. Chăm sóc những người bị thương và bắt đầu sửa sang lại các tòa nhà đi. Sau đó để cho con tàu buộc neo và nạp thêm nhiên liệu.”

Cậu biết rằng sẽ cần vài phút để dịch lại những câu nói đó và để cho thông điệp lan ra đám dân thị trấn đang đứng xem, và cậu cũng biết sự chậm trễ đó sẽ ngăn chặn việc bùng nổ cảm xúc nhẹ nhõm và tức giận của họ, giống như một mạng lưới các bãi cát cản trở và ngắt đứt dòng chảy của một con sông. Con gấu quan sát và thấy việc cậu đang làm, vì sao cậu lại làm vậy, nó hiểu còn rõ hơn chính bản thân Will về điều cậu vừa đạt được.

Will rút con dao trở lại balô, sau đó cậu và con gấu một lần nữa trao đổi ánh nhìn, nhưng lần này là với cảm xúc khác. Họ tiến lại gần, phía sau họ, lũ gấu bắt đầu tháo dỡ máy ném lửa; hai con tàu còn lại cũng dần dần tấp vào bãi đất cảng.

Trên bờ, vài người bắt đầu tản ra, nhưng một số khác lại đang tụ tập lại để nhìn Will, tò mò về cậu bé và sức mạnh mà cậu ta có để ra lệnh cho con gấu. Đã đến lúc Will phải trở nên kín đáo, vì vậy cậu liền thi triển pháp thuật đã làm chệch hướng mọi sự hiếu kì khỏi mẹ mình và giữ cho cả hai an toàn trong nhiều năm. Đương nhiên đó chẳng phải là pháp thuật gì, chỉ đơn giản là do cách cư xử. Cậu khiến mình trầm lặng hơn, mắt lơ đãng và chậm chạp, vậy là chỉ trong chưa đầy một phút cậu đã trở nên ít thú vị, ít hấp dẫn hơn hẳn với mọi người. Mọi người nhanh chóng ngán ngẫm với đứa bé dần dần này, quên lãng nó và dần bỏ đi.

Nhưng sự chú ý của con gấu thì lại không giống như của con người, nó có thể thấy được chuyện gì đang diễn ra, và nó biết rằng đó lại là một năng lực phi thường khác mà Will sở hữu. Con gấu bước lại gần rồi khẽ nói bằng một giọng rên rỉ trầm như động cơ tàu thủy vậy.

“Tên cậu là gì?” Nó nói.

“Will Parry. Ông có thể chế tạo một cái mũ giáp khác không?”

“Được. Cậu đang tìm kiếm gì thế?”

“Các ông sẽ đi lên phía thượng nguồn. Tôi muốn đi cùng các ông. Tôi đang đi về phía núi và đây là cách nhanh nhất. Ông sẽ đưa tôi theo chứ?”

“Được. Ta muốn xem con dao đó.”

“Tôi sẽ chỉ cho con gấu mà tôi có thể tin tưởng xem. Tôi có nghe nói về một con gấu đáng tin cậy. Ông ta là vua của loài gấu, một người bạn tốt của cô bé mà tôi đang đi lên núi để tìm. Tên cậu ấy là Lyra Silvertongue. Và con gấu được gọi là Iorek Byrnison.”

“Ta là Iorek Byrnison,” con gấu nói.

“Tôi biết,” Will đáp.

Con tàu đang được nạp nhiên liệu; đám xe tải được kéo lên dọc theo mạn tàu và nghiêng sang một bên để than rơi ầm ầm xuống máng trượt dẫn xuống khoang, khiến bụi đen bốc lên cao quá đầu. Không bị phát hiện bởi những người dân thị trấn đang bận rộn quét kính và mặc cả giá nhiên liệu, Will đi theo vua gấu lên thang nổi rồi leo lên tàu.

9

Lên thượng nguồn

Bóng tối phủ lên tâm trí đã tan

Như khi sang trưa

Một đám Mây mà Mặt Trời hùng vĩ bao trọn

Emily Dickinson

“Cho ta xem con dao,” Iorek Byrnison nói. “Ta hiểu về kim loại. Không có thứ gì làm từ sắt thép lại là bí ẩn với một con gấu. Nhưng ta chưa từng thấy con dao nào như của cậu, và sẽ rất vui nếu được nhìn nó kĩ hơn.”

Will và vua gấu đang đứng trên boong trước của con tàu hơi nước chạy trên sông, dưới những tia nắng ấm áp của mặt trời đang lặn. Con tàu đang tiến nhanh về phía thượng nguồn. Trên tàu có dư dả nhiên liệu, thực phẩm mà Will có thể ăn, cậu và Iorek Byrnison đang đánh giá nhau lần thứ hai. Lần đầu tiên đã được thực hiện xong.

Will đưa con dao về phía Iorek, chuôi đi trước, con gấu liền nhẹ nhàng cầm lấy nó. Móng vuốt ngón cái của nó đối diện với vuốt bốn ngón còn lại, giúp nó cầm nắm đồ vật khéo léo không kém gì con người. Nó đang xoay con dao theo đủ hướng, đưa con dao lại gần mắt, giơ ra để bắt lấy ánh sáng, thử cạnh - cái cạnh bằng thép - lên một miếng sắt vụn.

“Đây là cạnh cậu đã dùng để cắt giáp của ta ra,” nó nói. “Cạnh còn lại rất kì lạ. Ta không thể đoán được nó là gì, nó có thể làm gì, nó được chế tạo

như thế nào. Nhưng ta muốn tìm hiểu nó. Làm sao cậu sở hữu được nó vậy?”

Will kể lại với con gấu phần lớn những chuyện đã xảy ra, chỉ chừa lại phần liên quan đến mình cậu: mẹ cậu, người đàn ông cậu đã giết, bố cậu.

“Cậu đã chiến đấu giành lấy cái này, và mất hai ngón tay à?” Con gấu hỏi. “Cho ta xem vết thương nào.”

Will chìa bàn tay ra. Nhờ có thuốc mỡ của bố mình, bề mặt sần sùi đang lành lại nhanh chóng, nhưng chúng vẫn còn rất mềm. Con gấu hít ngửi vết thương.

“Rêu cầm máu,” nó nói. “Và một thứ gì đó khác mà ta không nhận dạng được. Ai cho cậu thứ này vậy?”

“Một người đàn ông, người đã bảo cho tôi biết phải làm gì với con dao. Sau đó ông ấy chết mất rồi. Ông ấy có chút thuốc mỡ trong một cái hộp bằng sừng, nó chữa lành vết thương cho tôi. Các phù thủy đã thử nhưng phép thuật của họ không hiệu nghiệm.”

“Ông ta bảo cậu làm gì với con dao?” Iorek Byrnison hỏi trong lúc cẩn thận trả nó lại cho Will.

“Dùng nó trong cuộc chiến, ở phe Ngài Asriel,” Will đáp. “Nhưng trước tiên tôi phải giải cứu cho Lyra Silvertongue đã.”

“Vậy thì chúng ta sẽ giúp,” con gấu nói, khiến trái tim Will đập rộn ràng vì vui mừng.

Trong vài ngày tiếp theo Will đã tìm hiểu được tại sao đám gấu lại giống thuyền về phía Trung Á, một nơi quá xa với quê hương của chúng.

Kể từ trận thảm họa xé toạc các thế giới, toàn bộ băng ở vùng Cực Bắc đang bắt đầu tan, tạo ra những dòng chảy mới và kì quặc trong lòng nước. Vì gấu sống dựa vào băng và vào những sinh vật sống trong vùng biển lạnh, chúng có thể thấy rằng chẳng mấy chốc mình sẽ chết đói nếu cứ ở nguyên chỗ đó; là những kẻ lí trí, chúng đã quyết định mình phải phản ứng như thế nào. Chúng phải di cư đến nơi có băng tuyết dồi dào: Chúng sẽ tới những

dãy núi cao nhất, tới rặng núi chạm tới trời, cách xa nửa vòng trái đất nhưng không thể bị lay chuyển, vĩnh cửu, ngập chìm trong tuyết. Từ những con gấu của biển cả, chúng sẽ trở thành gấu của núi cao, cho tới khi thế giới bình lặng trở lại, dù có tốn bao nhiêu thời gian đi nữa.

“Vậy không phải các ông gây chiến à?” Will hỏi.

“Kẻ thù cũ của chúng ta đã biến mất cùng với lũ hải cẩu và moóc. Nếu gặp những kẻ thù mới, chúng ta sẽ biết phải chiến đấu như thế nào.”

“Tôi cứ tưởng là sắp nổ ra một cuộc chiến sẽ gây ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Nếu vậy thì ông sẽ chiến đấu cho phe nào?”

“Phe có lợi cho loài gấu. Chứ còn phe nào nữa? Nhưng ta có chút yêu mến dành cho vài người không phải là gấu. Một là người đàn ông lái khí cầu. Ông ấy chết rồi. Một người khác là phù thủy Serafina Pekkala. Thứ ba là đứa trẻ Lyra Silvertongue. Vậy nên trước tiên, ta sẽ làm bất cứ điều gì để phục vụ loài gấu, sau đó là bất cứ điều gì phục vụ đứa trẻ, hoặc cô phù thủy, hoặc trả thù được cho người đồng đội quá cố Lee Scoresby. Đó là lí do vì sao ta sẽ giúp cậu giải cứu Lyra Silvertongue khỏi tay mụ đàn bà ghê tởm Coulter.”

Con gấu kể với Will về việc nó và một vài thần dân đã bơi đến cửa sông, dùng vàng trả cho hợp đồng thuê con tàu này, rồi thuê thủy thủ đoàn, biến sự cạn khô của vùng Cực Bắc thành lợi thế của mình bằng cách để cho con sông đưa mình vào sâu trong đất liền nhất có thể như thế nào - và vì nó bắt nguồn từ những ngọn đồi thấp ở phía bắc ngay dưới chân dãy núi mà họ tìm kiếm, cũng vì Lyra đang bị giam cầm ở đó, mọi chuyện cho đến giờ lại hóa ra là khá thuận lợi.

Cứ như thế thời gian trôi qua.

Vào ban ngày Will gà gật trên boong, nghỉ ngơi, hồi sức, vì từng phần cơ thể của cậu đều đã kiệt quệ. Cậu ngắm nhìn cảnh vật bắt đầu thay đổi, thảo nguyên nhấp nhô nhường chỗ cho những quả đồi phủ cỏ thấp, rồi sau đó là vùng đất cao hơn, điểm xuyết bởi vài hẻm núi hay thác nước lớn; con tàu vẫn phả hơi, đều đều tiến về phía nam.

Cậu nói chuyện với thuyền trưởng và các thủy thủ, chỉ vì phép lịch sự, nhưng do không có sự thoải mái tức thì với người lạ của Lyra, cậu thấy thật khó mà nghĩ ra được thứ gì để nói; mà đằng nào thì người ta cũng không hứng thú với cậu lắm. Đây chỉ là một công việc, họ sẽ bỏ đi khi kết thúc mà không thèm nhìn lại, hơn nữa họ cũng không khoái lũ gấu lắm, dù cho chúng có nhiều vàng đi nữa. Will là một kẻ ngoại quốc, chừng nào cậu vẫn trả tiền cho đồ ăn của mình thì họ không quan tâm lắm đến việc cậu làm gì. Ngoài ra còn có con linh thú kì quặc của cậu, nó như thể là linh thú của phù thủy vậy: đôi lúc nó ở đó, nhưng đôi lúc dường như lại biến mất. Vốn sẵn tính mê tín dị đoan, giống như rất nhiều thủy thủ, họ sẵn lòng bỏ mặc cậu một mình.

Về phần mình, Balthamos cũng giữ im lặng. Đôi khi nỗi sầu khổ của ông lại trỗi dậy mạnh mẽ đến mức không thể chịu nổi, buộc ông phải rời khỏi tàu để bay lên thật cao giữa những đám mây, tìm kiếm dù chỉ một mảnh sáng hay chút mùi vị của không khí, một vì sao sa hay một đỉnh băng nhọn có thể gợi lại những trải nghiệm bên Baruch. Khi ông nói chuyện, vào buổi đêm trong bóng tối của căn buồng nhỏ mà Will dùng để ngủ, đó chỉ là để thông báo về việc họ đã đi được bao xa, hang động và thung lũng còn ở phía trước chừng nào. Có lẽ ông cho rằng Will không mấy thông cảm với mình, mặc dù nếu tìm kiếm, ông sẽ nhận được rất nhiều. Càng ngày ông càng trở nên cộc cằn và lịch sự đến cứng nhắc, nhưng không bao giờ tỏ ra mỉa mai; ít nhất thì ông cũng giữ lời hứa đó.

Còn về Iorek, nó mê mẩn kiểm tra con dao. Con gấu nhìn ngắm con dao hàng giờ đồng hồ, thử cả hai cạnh, bẻ cong nó, giơ nó lên ánh sáng, dùng lưỡi chạm vào nó, hít ngửi nó, thậm chí còn lắng nghe âm thanh mà không khí tạo ra khi nó lướt trên bề mặt. Will không lo ngại gì về con dao, vì rõ ràng Iorek là người thợ tài năng nhất; mà cũng không lo cho chính bản thân Iorek, vì cử động của đôi bàn tay vĩ đại kia đầy khéo léo.

Cuối cùng Iorek tới chỗ Will và nói: “Cái cạnh còn lại này. Nó làm những điều mà cậu chưa kể cho ta nghe. Là gì vậy, nó hoạt động như thế nào?”

“Tôi không thể cho ông xem ở đây được,” Will đáp, “vì con tàu đang di chuyển. Ngay khi chúng ta dừng lại, tôi sẽ cho ông xem.”

“Ta có thể nghĩ ra nó,” con gấu nói, “nhưng lại chẳng hiểu được mình đang nghĩ gì. Đây là thứ kì lạ nhất mà ta từng được thấy.”

Rồi nó trả con dao lại cho Will, đôi mắt đen sâu thẳm của con gấu phóng một cái nhìn chăm chăm thật lâu, rất khó dò và khiến người ta bối rối.

Con sông lúc này đã đổi màu, vì nó đang giao với phần còn lại của đợt nước lũ đầu tiên quét xuống từ vùng Cực Bắc. Cơ chế động đã gây ảnh hưởng khác nhau tới những vùng khác nhau trên trái đất, Will nhận thấy như vậy; hết làng này đến làng khác ngập chìm trong nước tới tận nóc, hàng trăm người bị tước đoạt tài sản cố gắng cứu lại những gì có thể bằng thuyền mái chèo và xuồng. Mặt đất ở đây hẳn đã sụt xuống một ít, vì con sông phình rộng ra và chảy chậm lại, thật khó để thuyền trưởng có thể bám theo được lộ trình thực sự của mình trong những dòng chảy rộng lớn và đục ngầu này. Không khí ở đây nóng nực hơn, mặt trời cũng dâng cao hơn, khiến lũ gấu thấy khó mà giữ mát được; vài con trong số chúng bơi bên cạnh khi con tàu hơi nước tiến lên, nhăm nháp vị nước của quê hương tại vùng đất xa lạ này.

Nhưng rốt cuộc con sông cũng thu hẹp lại và sâu hơn, không bao lâu sau, trước mặt họ bắt đầu dâng lên những ngọn núi của cao nguyên Trung Á hùng vĩ. Will thấy một đường viền màu trắng trên đường chân trời vào một ngày nọ, cậu nhìn nó dần dần lớn lên, tự chia tách thành những đỉnh nhọn riêng biệt và những hẻm núi nằm giữa chúng, cao lớn tới mức có cảm giác như chúng đang ở rất gần - chỉ vài dặm - nhưng chúng vẫn còn rất xa; chỉ đơn giản là dãy núi đó quá mênh mông, và cứ mỗi giờ lại tiến tới gần hơn, dường như chúng cao lên đến không thể tưởng tượng được.

Hầu hết lũ gấu đều chưa từng thấy núi bao giờ, ngoại trừ những vách vực tại hòn đảo Svalbard của mình. Tất cả nín lặng ngược nhìn thành lũy khổng lồ vẫn còn đang ở rất xa.

“Chúng ta sẽ săn gì ở đó vậy, Iorek Byrnison?” Một con lên tiếng. “Trên núi có hải cẩu không? Chúng ta sẽ sống thế nào đây?”

“Ở đó có tuyết và băng,” là câu trả lời của quốc vương. “Chúng ta sẽ cảm thấy thoải mái thôi. Động vật hoang dã ở đó cũng rất phong phú. Cuộc sống của chúng ta sẽ đổi khác trong một thời gian. Nhưng chúng ta sẽ sống sót, rồi khi mọi thứ trở lại với tình trạng vốn có, Cực Bắc lại đóng băng, chúng ta sẽ vẫn còn sống để trở về chiếm lại nó. Nếu cứ ở lại đó, chúng ta sẽ chết đói mất. Hãy sẵn sàng đối mặt với những kì lạ và các cách thức mới mẻ, bầy gấu của ta ạ.”

Cuối cùng con tàu hơi nước cũng không thể tiến thêm được nữa, vì đến điểm này lòng sông đã hẹp lại và nông hơn. Thuyền trưởng dừng tàu tại đáy một thung lũng, nơi thông thường đáng ra đã được phủ đầy cỏ và hoa vùng miền núi, nơi con sông uốn lượn trên nền sỏi; nhưng thung lũng giờ đây đã biến thành hồ, và thuyền trưởng nhất quyết nói rằng ông không dám vượt qua nó, vì nếu đi xa hơn điểm này độ sâu có thể sẽ không đủ cho sông tàu, kể cả với cơn lũ khổng lồ đổ xuống từ phía bắc.

Vậy là họ tấp vào mép của thung lũng, nơi đất đá trời lên hình thành một thứ dạng như đê chắn sóng, và lên bờ.

“Chúng ta đang ở đâu đây?” Will hỏi vị thuyền trưởng có vốn tiếng Anh hạn hẹp.

Thuyền trưởng tìm thấy một tấm bản đồ cũ nát, ông chọc tẩu thuốc vào đó rồi nói: “Cái thung lũng này, chúng ta bây giờ. Cậu lấy, đi đi.”

“Cảm ơn ông rất nhiều,” Will nói rồi tự hỏi liệu mình có phải đề nghị trả tiền không; nhưng thuyền trưởng đã quay đi để giám sát việc dỡ hàng.

Không lâu sau, toàn bộ khoảng ba mươi con gấu và tất cả số giáp của chúng đã đáp xuống bờ sông chật hẹp. Thuyền trưởng hét lên một tiếng ra lệnh, con tàu bắt đầu quay đi đầy nặng nề trước áp lực của dòng chảy, nó tiến ra đến giữa dòng rồi hú một tiếng còi vang vọng rất lâu quanh thung lũng.

Will ngồi đọc bản đồ trên một tảng đá. Nếu cậu đoán đúng thì thung lũng nơi Lyra bị giam giữ, theo như thiên thần nói, nằm ở đâu đó về phía đông và nam, con đường thuận lợi nhất để tới đó dẫn qua một hẻm núi được gọi là Sungchen.

“Hồi bấy gấu, hãy nhớ lấy nơi này,” Iorek Byrnison nói với thần dân của mình. “Khi nào đến thời điểm có thể quay về Cực Bắc, chúng ta sẽ tụ tập lại ở đây. Giờ thì hãy đi đường của các người đi, săn bắt, ăn uống, và sống. Đừng có gây chiến. Chúng ta không đến đây để đánh nhau. Nếu có nguy cơ chiến tranh, ta sẽ triệu tập mọi người.”

Loài gấu là những sinh vật đơn độc trong phần lớn thời gian, chúng chỉ tập trung lại vào thời khắc chiến tranh hay có việc khẩn cấp. Giờ đây khi đang ở rìa một vùng đất ngập tuyết, con nào cũng nôn nóng muốn chạy đi để tự mình khám phá.

“Đến đây nào, Will,” Iorek Byrnison nói, “chúng ta đi tìm Lyra thôi.”

Will nhắc balô lên và họ lên đường.

Chuyến đi bộ ở đoạn đầu cuộc hành trình khá dễ chịu. Mặt trời tỏa nắng ấm áp, những đám thông và đỗ quyên đã gánh đỡ cho họ phần tồi tệ nhất của hơi nóng, còn không khí thì tươi mát và trong trẻo. Mặt đất dù lởm chởm sỏi đá nhưng những tảng đá đều phủ dày rêu và lá kim của thông, còn con dốc mà họ đang leo cũng chỉ thoải thoải. Will thấy mình khá hứng thú với việc rèn luyện này. Những ngày ở trên tàu, bị buộc phải nghỉ ngơi, đã bồi đắp lại sức lực cho cậu. Khi gặp Iorek, cậu đang đốt cháy nốt chút sức lực cuối cùng. Cậu không biết điều đó, nhưng con gấu thì có.

Ngay khi chỉ còn một mình, Will liền cho Iorek xem cạnh còn lại của con dao hoạt động như thế nào. Cậu mở ra một thế giới nơi một khu rừng mưa nhiệt đới đang bốc hơi và nhỏ giọt, và là nơi hơi nước trĩu nặng mùi hương lơ lửng trôi, hòa lẫn vào bầu không khí loãng của miền núi. Iorek chăm chú nhìn, dùng tay chạm vào viền ô cửa sổ, hít ngửi nó, rồi bước qua để vào bầu không khí nóng nực, ẩm ướt và lặng lẽ nhìn xung quanh. Những tiếng khỉ rú rít, chim chóc gọi bầy, côn trùng rả rích, ếch kêu oàng oạc và tiếng nhỏ tong tong liên miên của hơi ẩm cô đọng đối với Will thật quá ồn ào khi nghe từ phía bên ngoài.

Sau đó Iorek quay trở về rồi quan sát Will đóng cửa, nó lại đòi được xem con dao, nhòm sát vào bên lưỡi bạc đến mức Will lo mắt nó sẽ bị cửa

phải mất. Nó xem xét con dao một lúc lâu rồi trả lại mà không nhận xét thêm gì ngoại trừ: “Ta đã đoán đúng: Ta không thể đấu lại thứ này được.”

Họ lại đi tiếp, trao đổi rất ít, nhưng điều đó khiến cả hai thấy dễ chịu. Iorek Byrnison bắt được một con linh dương gazelle và ăn gần hết, để lại phần thịt mềm cho Will nấu. Rồi họ tới một ngôi làng, trong lúc Iorek đợi trong rừng, Will đổi một trong những đồng vàng của mình để lấy vài miếng bánh mì thô bết, ít hoa quả khô, và một đôi ủng da bò Tây Tạng cùng chiếc áo gilê làm từ một loại da cừu, vì trời dần lạnh hơn vào ban đêm.

Cậu cũng hỏi được về thung lũng của cầu vồng. Balthamos giúp bằng cách mang dạng một con quạ, giống linh thú của người đàn ông mà Will đang nói chuyện; vị thiên thần giúp quá trình thấu hiểu giữa họ dễ dàng hơn, và Will nhận được lời chỉ dẫn rất hữu ích và rõ ràng.

Lại thêm một chuyến đi bộ ba ngày nữa. Dù sao thì họ cũng sắp tới rồi.

Và cả những kẻ khác cũng vậy.

Lực lượng của Ngài Asriel, hạm đội xa thăng và khí cầu zeppelin chở dầu nhiên liệu, đã tới được lối thông giữa các thế giới: Lỗ thủng giữa bầu trời phía trên Svalbard. Dù còn một chặng đường rất xa, họ vẫn bay không ngừng nghỉ trừ trường hợp thực sự cần bảo dưỡng, trong khi đó vị chỉ huy, Quốc vương Phi châu Ogunwe, giữ liên lạc hai lần một ngày với pháo đài đá bazan. Ông có một thợ điều khiển đá nam châm người Gallivespia trên chiếc xa thăng của mình, thông qua người thợ đó, ông có thể tìm hiểu nhanh chóng không kém gì Ngài Asriel về chuyện đang xảy ra ở những nơi khác.

Những tin tức vừa đến thật khiến người ta rối trí. Công nương Salmakia, người gián điệp bé nhỏ, đã quan sát từ trong bóng tối khi hai cánh tay quyền lực của Giáo hội, Tòa án Công giáo Kỉ luật và Đoàn Hoạt động của Chúa Thánh Linh đồng ý gạt bỏ những khác biệt để cùng góp chung kiến thức. Đoàn Hoạt động có Chân Kế gia nhanh nhẹn và tài giỏi hơn Đan sĩ Pavel, nhờ có ông ta, giờ Tòa án Công giáo Kỉ luật đã biết được chính xác nơi ở của Lyra, và hơn thế nữa: Họ cũng biết rằng Ngài Asriel đã cử một đội quân đến giải cứu cô bé. Không phí một giây, Tòa án trưng dụng ngay một

phi đội khí cầu zeppelin, rồi cùng ngày đó một tiểu đoàn Vệ binh Thụy Sĩ bắt đầu đổ quân lên những chiếc zeppelin đang đứng đợi trong bầu không khí tĩnh lặng bên cạnh hồ Geneva.

Vậy là mỗi bên đều ý thức được rằng bên kia cũng đang hướng tới hang động trong núi. Cả hai cũng biết rằng ai tới đó trước sẽ có lợi thế, nhưng không nhiều lắm: Xa thăng của Ngài Asriel bay nhanh hơn zeppelin của Tòa án Công giáo, nhưng họ phải bay xa hơn, lại bị hạn chế bởi tốc độ của chính chiếc zeppelin chở dầu của mình.

Ngoài ra còn một việc khác cần phải suy xét: Kẻ nào chiếm được Lyra trước sẽ phải chiến đấu với lực lượng còn lại để tìm đường thoát ra. Sẽ dễ dàng hơn cho Tòa án Công giáo, vì họ không cần phải quan tâm đến việc đưa Lyra đi một cách an toàn. Họ đang bay tới đó để giết cô bé.

Chiếc zeppelin chở Chủ tịch Tòa án Công giáo cũng đang chở những hành khách khác mà ông ta không hề hay biết. Hiệp sĩ Tialys đã nhận được một tin nhắn trên máy cộng hưởng đá nam châm của mình, ra lệnh cho ông và Công nương Salmakia phải trốn lên tàu. Khi những chiếc zeppelin đến thung lũng, ông và công nương phải độc lập đi trước và tới hang động nơi Lyra bị giam giữ, bảo vệ cô bé hết sức có thể cho tới khi đội quân của Quốc vương Ogunwe đến giải cứu. Sự an toàn của cô bé phải được đặt trên mọi vấn đề khác.

Việc lên lên khí cầu zeppelin là rất mạo hiểm đối với những mật thám này, đặc biệt là do những thiết bị mà họ phải mang theo. Ngoài chiếc máy cộng hưởng đá nam châm, những vật dụng quan trọng nhất là một cặp ấu trùng và thức ăn của chúng. Khi lũ côn trùng trưởng thành phá kén chui ra, chúng trông sẽ giống chuồn chuồn hơn bất cứ thứ gì khác, nhưng chúng không hề giống bất cứ loại chuồn chuồn nào mà con người ở thế giới của Will, hay của Lyra, từng nhìn thấy. Một ví dụ là nó lớn hơn rất nhiều. Người Gallivespia gây giống những sinh vật này rất cẩn thận, mỗi bộ tộc lại có những loài côn trùng khác với các tộc khác. Tộc của Hiệp sĩ Tialys nhân giống những con chuồn chuồn sọc đỏ và vàng dũng mãnh với tính háu ăn dữ

dội và tàn bạo, trong khi thứ mà Công nương Salmakia đang nuôi dưỡng lại là một sinh vật mảnh dẻ, bay nhanh với cơ thể màu xanh ánh điện và năng lực phát sáng trong bóng tối.

Mỗi mật thám đều được trang bị một lượng ấu trùng như thế này, bằng cách cho ăn cẩn thận một lượng dầu và mật ong được điều chỉnh, chúng có thể kiểm chế mức độ linh hoạt, hoặc được đẩy nhanh đến giai đoạn trưởng thành. Tialys và Salmakia có ba mươi sáu tiếng, phụ thuộc vào gió, để cho nở những ấu trùng này; vì đó là thời gian bay, mà họ lại cần lũ côn trùng xuất kén trước khi đám zeppelin đáp xuống.

Hiệp sĩ và đồng nghiệp của mình tìm thấy một khoảng không bị che khuất phía sau một vách ngăn, họ cố gắng giữ cho mình an toàn nhất có thể trong lúc con tàu được chất hàng và nạp nhiên liệu; và rồi động cơ bắt đầu gầm lên, làm rung chuyển toàn bộ cấu trúc nhẹ bằng này trong lúc các nhân viên mặt đất tản ra và tám chiếc zeppelin bay vào bầu trời đêm.

Người của họ hẳn sẽ cho rằng sự so sánh này là một sự xúc phạm khủng khiếp, nhưng ít nhất thì họ cũng có thể giấu mình không kém gì lũ chuột. Từ chỗ trốn của mình, những người Gallivespia có thể nghe lỏm được khá nhiều, đều đặn hằng giờ họ liên lạc với Ngài Roke, người đang ở trên xa thăng của Quốc vương Ogunwe.

Nhưng có một điều mà họ không thể tìm hiểu thêm được chút nào trên chiếc zeppelin, vì Chủ tịch không hề nhắc đến nó: Đó là vấn đề về vụ ám sát, Cha Gomez, kẻ đã được tha thứ trước cho tội ác mà mình sắp phạm phải nếu Tòa án Công giáo không hoàn thành được nhiệm vụ của mình, Cha Gomez đang ở nơi khác, và không có ai theo dấu ông ta cả.

10

Những chiếc bánh xe

Từ trên biển hiện ra đám mây nhỏ, tựa như bàn tay người.

Sách Các Vua, Quyển 1

“Vâng,” con bé tóc đỏ nói, trong khu vườn của sông bạc bị bỏ hoang. “Chúng con có thấy bà ta, cả con và Paolo đều thấy. Bà ta đi qua đây nhiều ngày trước.”

Cha Gomez nói: “Các con có nhớ trông bà ta như thế nào không?”

“Nhìn bà ta nóng nực lắm,” thằng nhóc nói. “Mặt đầm đìa mồ hôi, thật đấy.”

“Trông bà ta khoảng bao nhiêu tuổi?”

“Khoảng...” Đứa con gái nói trong lúc ngẫm nghĩ, “con đoán chắc là bốn mươi hay năm mươi gì đấy. Chúng con không nhìn gần. Có thể là ba mươi, chắc thế. Nhưng nhìn bà ta nóng lắm, như Paolo nói, bà ta mang một cái balô to, to hơn của Cha nhiều, to như *thế này này...*”

Paolo vừa thì thầm gì đó với con bé vừa nheo mắt lại để nhìn vị linh mục. Mặt trời đang chiếu sáng rực trên mặt ông ta.

“Phải rồi,” con bé nôn nóng nói, “chị biết rồi. Lũ Quỷ hút hồn,” nó quay lại nói với Cha Gomez, “bà ta không hề sợ Quỷ hút hồn. Bà ta cứ thế đi qua thành phố mà chẳng buồn lo sợ gì cả. Con chưa từng thấy một người trưởng thành nào như vậy cả, thật đấy. Thậm chí trông bà ta còn như thế

không biết gì về chúng. Giống như cha đó,” con bé nói thêm trong lúc nhìn ông ta với ánh mắt thách thức.

“Có rất nhiều điều mà ta không biết,” Cha Gomez hòa nhã đáp. Thăng nhóc lại kéo tay áo của con bé và thì thầm.

“Paolo nói là,” con bé nói với vị linh mục, “nó nghĩ Cha sẽ lấy lại được con dao.”

Cha Gomez cảm thấy da gà trên người mình đang nổi lên. Ông nhớ lại lời khai của Đan sĩ Pavel trong cuộc thẩm tra tại Tòa án Công giáo: Đây hẳn phải là con dao mà ông ta nhắc tới.

“Nếu có thể,” ông nói, “ta sẽ làm. Con dao đến từ đây đúng không?”

“Từ Torre degli Angeli,” đứa con gái nói rồi chỉ vào ngọn tháp bằng đá to bè vượt lên trên những mái nhà màu nâu đỏ. Tòa tháp lấp lánh dưới ánh nắng chói chang của buổi trưa. “Còn thằng bé cướp mất con dao, nó đã giết anh Tullio của chúng con. Lũ Quỷ hút hồn đã tóm được anh ấy, thật đấy. Cha muốn giết thằng bé đó, không sao hết. Còn đứa con gái - nó là đồ nói dối, nó cũng tồi tệ chẳng kém gì thằng kia.”

“Còn có một đứa con gái nữa sao?” Linh mục nói, cố gắng không tỏ ra quá hào hứng.

“Đồ cặn bã dối trá,” đứa bé tóc đỏ nhổ nước bọt. “Chúng con suýt nữa thì giết được cả hai đứa rồi, nhưng đúng lúc đó có một đám phụ nữ kéo đến, những kẻ biết bay...”

“Phù thủy,” Paolo nói.

“Phù thủy, nên chúng con không đấu lại được. Họ mang chúng đi, đứa con gái và thằng con trai. Chúng con không biết họ đi đâu. Nhưng người phụ nữ kia thì đến sau. Chúng con nghĩ *bà ta* có khi lại mang theo một loại dao gì đấy, để xua bọn Quỷ hút hồn đi, thật đấy. Có khi cả *Cha* cũng có nữa,” nó nói thêm, hất cằm lên nhìn ông ta không chút e dè.

“Ta không có con dao nào cả,” Cha Gomez nói. “Nhưng ta mang theo một nhiệm vụ linh thiêng. Có lẽ đó là thứ đang bảo vệ ta khỏi lũ Quỷ hút hồn này.”

“Vâng,” đứa con gái nói, “có lẽ vậy. Nói chung là, nếu Cha muốn tìm bà ta thì cứ đi về phía nam, về phía những ngọn núi. Chúng con không biết ở đâu cả. Nhưng cha cứ hỏi bất cứ ai, họ sẽ biết ngay nếu bà ta đi qua, vì chẳng có ai giống như bà ta ở Ci’gazze cả, trước giờ đều không có. Tìm bà ta dễ lắm.”

“Cảm ơn con, Angelica,” linh mục nói. “Cầu phúc cho các con của ta.”

Ông ta đeo balô lên vai, rời khỏi khu vườn, rồi tiến bước qua những con phố lặng lẽ nóng nực, lòng đầy thỏa mãn.

...

Sau ba ngày đồng hành cùng những sinh vật gắn bánh xe, Mary Malone biết thêm được phần nào về chúng, còn chúng thì hiểu được rất nhiều về bà.

Vào buổi sáng đầu tiên ấy, chúng chở bà đi trong khoảng một giờ gì đó dọc theo xa lộ đá bazan tới một khu định cư bên sông, hành trình đó thật chẳng dễ chịu chút nào; bà không có gì để bám vào, mà lưng của con vật thì lại cứng, chúng lao đi với một tốc độ khiến bà hoảng hồn, nhưng tiếng bánh xe của chúng phi rầm rầm trên mặt đường cứng và tiếng gõ lộp cộp của hai chân chạy thẳng đủ khiến bà phấn khởi mà quên đi cảm giác khó chịu.

Trên chặng đường cưỡi những sinh vật này, bà đã ý thức được nhiều hơn về sinh lí của chúng. Giống như lũ gặm cỏ, khung xương của chúng có dạng kim cương, mỗi góc mọc ra một cái cẳng. Vào một lúc nào đó trong quá khứ xa xôi, một nhánh của các sinh vật tổ tiên hẳn đã phát triển cấu trúc này và nhận thấy rằng nó rất hiệu quả, giống như những thế hệ của đám sinh vật bò trườn cách đây rất lâu ở thế giới của Mary đã phát triển xương sống ở chính giữa cơ thể.

Xa lộ đá bazan chạy thoải dần xuống thấp, một lúc sau thì dốc hơn, nhờ vậy đám động vật có thể lăn bánh thoải mái. Chúng co hai chân bên lên rồi bẻ hướng bằng cách ngả về bên này hoặc bên kia, phóng đi với vận tốc khiến Mary chết khiếp; dù cho bà cũng phải thừa nhận rằng con vật mà mình đang cưỡi không hề khiến bà cảm thấy tí chút nguy hiểm nào. Giá mà có thứ gì đó để bám vào thì hẳn bà đã thích thú lắm.

Dưới chân con dốc dài cả dặm là một rừng cây khổng lồ, và gần đó là một con sông uốn khúc trên mặt đất bằng phẳng phủ đầy cỏ xanh. Xa xa, Mary thấy lấp loáng một thứ gì đó giống như một miền nước rộng lớn, nhưng bà không nhìn nó lâu, vì đám động vật đang tiến về khu đất định cư bên bờ sông, mà bà thì đang sôi sục vì tò mò muốn nhìn thấy nó.

Có khoảng hai hay ba chục căn chòi, nhóm đại khái thành một vòng tròn, làm bằng - bà phải lấy tay che ánh nắng để nhìn - những cái rầm gỗ được phủ một loại hỗn hợp như phen trát đất trên tường và rạ trên mái nhà. Những sinh vật gần bánh khác đang làm việc: có con thì sửa mái nhà, con khác kéo lưới lên khỏi sông, con lại đem cây bụi đến nhóm lửa.

Hóa ra chúng cũng có ngôn ngữ, có lửa, và có cả xã hội nữa. Cùng lúc đó bà nhận ra một sự điều chỉnh trong trí óc mình, khi từ *sinh vật* trở thành từ *dân tộc*. Những bản thể này không phải cùng giống loài với bà, nhưng họ là một *dân tộc*, bà tự nhủ; không phải là *họ*, họ là *chúng ta*.

Giờ thì họ đang ở khá gần rồi. Khi nhận thấy có thứ gì đang tới, vài cư dân trong làng ngẩng lên nhìn rồi gọi nhau ra xem. Đoàn đi trên đường chậm dần rồi dừng hẳn lại, Mary vất vả trèo xuống, biết rằng sớm muộn gì mình cũng sẽ đau nhức cả người.

“Cảm ơn,” bà nói với... cái gì nhỉ? Con ngựa của mình? Cái xe của mình? Cả hai ý tưởng này đều sai một cách ngớ ngẩn trước vật thể hòa nhã đứng bên cạnh bà. Bà quyết định chọn từ “bạn”.

Nó giương vôi lên bắt chước từ ngữ của bà:

“Caon,” nó nói, rồi cả bọn lại phá lên cười vui vẻ.

Bà lấy balô từ một con khác (caon! caon!) rồi cùng với họ bước khỏi lớp bazan để lên nền đất được nén chặt của ngôi làng.

Lúc đó sự mê mải của bà mới thật sự bắt đầu.

Trong ít ngày tiếp theo bà đã học được nhiều tới mức cảm thấy mình như trở lại làm một đứa trẻ, bị trường học khiến cho bối rối. Còn hơn thế nữa, dân tộc gần bánh dường như cũng kinh ngạc về bà không kém. Như bàn tay bà

chẳng hạn. Họ không thấy chán với nó: những cái vòi mềm mại của họ mân mê từng khớp nối, lần tìm ngón cái, các đốt ngón và móng tay, nhẹ nhàng gập chúng lại, họ sừng sốt nhìn khi bà cầm balô lên, đưa thức ăn lên miệng, gỡ, chải tóc, tắm rửa.

Đổi lại, họ để cho bà chạm vào vòi của mình. Chúng vô cùng mềm dẻo linh hoạt, dài khoảng bằng cánh tay bà, dày hơn ở chỗ gắn với đầu, và đủ khỏe để bóp nát sọ của bà, bà đoán vậy. Những mẫu lỗ ra như hai ngón tay ở chót vòi có khả năng tạo lực khủng khiếp nhưng cũng có thể cực kì nhẹ nhàng; những người này dường như có khả năng biến đổi chất liệu da từ bên trong, trên những điểm tương đương với đầu ngón tay, từ một lớp nhung mềm mại sang sự vững chắc như gỗ. Nhờ vậy, họ có thể dùng chúng cả cho một nhiệm vụ tinh tế như vắt sữa động vật ăn cỏ hay cho công việc nặng nhọc như bẻ và gọt giữa cành cây.

Từng chút một, Mary nhận ra rằng vòi của họ còn góp phần vào việc giao tiếp nữa. Chuyển động của cái vòi sẽ làm thay đổi ý nghĩa của một âm thanh, nên từ nghe như tiếng “chu” có nghĩa là nước khi đi kèm với một cái hất vòi từ trái sang phải, “mưa” khi đỉnh vòi cuộn lên, “nổi buồn” khi nó cuộn vòng xuống, và “cỏ non” khi nó búng nhanh sang trái. Ngay khi nhận ra điều này, Mary liền bắt chước theo, cố gắng hết sức để cử động tay theo cùng một cách đó, và khi đám sinh vật nhận ra rằng bà đang bắt đầu nói chuyện với mình, niềm vui khiến họ trở nên thật rạng rỡ.

Khi đã bắt đầu nói chuyện (hầu hết là bằng tiếng của họ, mặc dù bà cũng dạy được cho họ vài từ tiếng Anh: Họ có thể nói “caon”, “cỏ”, “cây”, “trời”, “sông”, và phát âm tên của bà nữa, dù hơi khó khăn một chút) họ tiến triển vô cùng nhanh chóng. Từ họ dùng để mô tả dân tộc mình là *mulefa*, nhưng một cá nhân thì lại là *zalif*. Mary cho rằng có sự khác biệt giữa hai âm *zalif* giống đực và *zalif* giống cái nhưng nó quá tinh vi để có thể nhận ra được. Bà bắt đầu ghi lại tất cả những điều đó và biên soạn thành một cuốn từ điển.

Nhưng trước khi để cho bản thân trở nên quá mê mải, bà lấy cuốn sách bìa mềm rách nát và những nhánh cỏ thi ra, rồi hỏi Kinh Dịch: Tôi có nên ở

đây làm việc này không, hay là nên đi đâu đó khác và tiếp tục tìm kiếm?

Câu trả lời là: *Cứ ở yên, để cho cảm giác bồn chồn tan biến; vượt qua sự xáo động, ta có thể lĩnh hội những quy luật vĩ đại.*

Nó nói tiếp: *Giống như một ngọn núi giữ yên trong cốt lõi, vì vậy một người thông thái sẽ không cho phép ý chí của mình vướng khỏi hoàn cảnh hiện tại.*

Lời khuyên không thể rõ ràng hơn. Bà cất những nhánh cỏ đi rồi gấp sách lại, chỉ khi đó bà mới nhận ra mình đã thu hút một vòng tròn những sinh vật đang đứng quan sát xung quanh.

Một trong số đó nói: *Câu hỏi? Cho phép? Tò mò ghê.*

Bà đáp: *Nhìn này.*

Rất khéo léo, họ cử động những cái vòi, sắp xếp các nhánh cỏ theo cách mà bà đã đếm chúng, hay lật những trang của cuốn sách. Một điều khiến họ kinh ngạc là khả năng làm hai việc của bàn tay bà: Bởi sự thật là cùng một lúc bà có thể vừa cầm sách, vừa lật trang. Họ thích thú quan sát bà đan những ngón tay lại với nhau, chơi trò chơi thuở nhỏ “Đây là nhà thờ, còn đây là tháp chuông^[3]”, hay thực hiện động tác liên tục chạm ngón cái vào ngón trỏ đối diện, chính là động tác mà Ama sử dụng, cũng đúng vào lúc đó tại thế giới của Lyra, như một thứ bùa xua đuổi những linh hồn ác độc.

Sau khi đã kiểm tra những nhánh cỏ thi và cuốn sách, họ cẩn thận gấp lớp vải lên trên rồi cho chúng cùng với cuốn sách vào balô của bà. Bà rất mừng và an tâm nhờ thông điệp đến từ Trung Hoa cổ đại, vì nó có nghĩa là việc mà bà đang muốn làm nhất vào thời điểm này lại chính xác là điều bà nên làm.

Vậy là bà quyết định sẽ tìm hiểu thêm về những người mulefa này, trong lòng mừng rỡ khôn tả.

Bà biết được rằng có hai giới tính, và rằng họ sống thành đôi một vợ một chồng. Con cháu của họ có một tuổi thơ dài: ít nhất là mười năm, lớn lên rất chậm, theo như những gì bà có thể dịch lại từ lời giải thích của họ. Ở khu định cư này có năm trẻ con, một đã gần trưởng thành còn số khác thì ở khoảng giữa. Do có kích thước nhỏ hơn khi chưa trưởng thành nên số ấy

không thể mang theo những cái bánh xe từ vỏ hạt cây. Trẻ con sẽ phải di chuyển giống như lũ động vật ăn cỏ, với cả bốn chân trên mặt đất, nhưng với năng lượng và tính thích phiêu lưu của mình (nhảy cẫng lên người Mary rồi lại ngượng ngừng bỏ đi, cố gắng trèo lên thân cây, ì oạp lội trong vùng nước nông, vùn vùn) họ lại tỏ ra khá vụng về, như thể không ở trong đúng môi trường sống của mình vậy. Ngược lại, tốc độ, sức mạnh và vẻ duyên dáng của họ khi trưởng thành lại khiến người ta sửng sờ, và Mary có thể thấy một đứa trẻ đang lớn khao khát nhường nào đến cái ngày mà những cái bánh xe có thể gần vừa. Một ngày nọ, bà quan sát đứa trẻ lớn nhất lặn lẽ vào cái kho cất giữ vỏ hạt, và cố gắng nhét vuốt trước của nó vào lỗ hổng ở trung tâm; nhưng khi cố gắng đứng dậy nó lập tức ngã vật ra, móng bị mắc lại, tiếng động đó đã khiến một người lớn chú ý. Đứa trẻ vùng vẫy cố thoát ra, kêu rít lên vì hoảng sợ, khiến Mary không thể ngăn mình phá lên cười trước cảnh tượng đó, trước cảnh vị phụ huynh đang tức tối và đứa trẻ đang xấu hổ, kẻ đã thoát được ra vào phút cuối cùng rồi chạy vụt đi.

Những cái bánh xe vỏ hạt rõ ràng là thứ cực kì quan trọng, không lâu sau Mary đã bắt đầu thấy được chúng đáng quý đến chừng nào.

Đầu tiên là dân mulefa dành rất nhiều thời gian để bảo trì số bánh xe của mình. Bằng cách khéo léo nâng lên và xoay móng, họ có thể lấy nó ra khỏi lỗ cắm, rồi sau đó họ có thể dùng vòi kiểm tra toàn bộ cái bánh, lau rửa vành, kiểm tra các vết nứt. Móng của họ cực kì khoẻ: Đó là một cái cựa bằng sừng hay xương được cắm một góc chuẩn vào chân, hơi cong lên để phần cao nhất ở giữa chịu sức nặng khi nó tựa vào phần bên trong của cái lỗ. Một ngày nọ, Mary quan sát một zalif kiểm tra cái lỗ trong bánh xe trước của mình, chạm vào chỗ này chỗ kia, nâng mũi lên không trung rồi lại hạ xuống như đang thử mùi.

Mary nhớ đến thứ đầu bà đã thấy trên những ngón tay của mình khi kiểm tra cái vỏ hạt đầu tiên. Với sự cho phép của zalif đó, bà nhìn móng của cô ta và thấy bề mặt của cái bánh xe mịn và trơn hơn bất cứ thứ gì bà từng chạm vào ở thế giới của mình. Những ngón tay bà cứ tuột đi, không thể giữ nguyên trên bề mặt. Toàn bộ cái móng dường như thấm đẫm thứ dầu thoang

thoảng hương thơm. Sau khi đã quan sát một số lượng dân làng lấy mẫu, thử, kiểm tra tình trạng bánh xe và móng của mình, bà bắt đầu tự hỏi không hiểu cái nào xảy ra trước: Bánh xe hay móng? Người lái hay cây?

Mặc dù đương nhiên là vẫn còn một yếu tố thứ ba nữa, và đó là địa chất học. Các sinh vật chỉ có thể dùng bánh xe tại một thế giới cung cấp cho họ những xa lộ tự nhiên. Hẳn phải có một đặc điểm nào đó trong thành phần khoáng chất của những dòng dung nham này khiến chúng chảy thành những đường như ruy băng trên vùng đồng cỏ xavan rộng lớn, lại bền trước mưa gió và nứt gãy đến vậy. Dần dần Mary bắt đầu hiểu được cách mà mọi thứ liên kết với nhau, và toàn bộ những thứ này xem ra đều được người mulefa quản lí. Họ biết vị trí của mọi bầy động vật ăn cỏ, mọi cánh rừng cây bánh xe, mọi bụi cỏ ngọt, và họ biết mọi cá nhân trong bầy, mọi cái cây riêng biệt, họ thảo luận về mức độ hạnh phúc và số phận của mình. Có dịp bà đã thấy người mulefa lọc một bầy động vật ăn cỏ, chọn ra vài cá thể rồi tách chúng ra khỏi số còn lại, để rồi giết chúng bằng cách bẻ gãy cổ chúng nhờ một cú vặn từ cái vòi đầy uy lực. Không có gì bị lãng phí cả. Vừa giữ những mảnh đá dẹt sắc như dao cạo bằng vòi, người mulefa vừa lột da và moi ruột của những con vật này chỉ trong vài phút. Sau đó quá trình mổ xẻ đầy điêu luyện bắt đầu, tách riêng những phần bỏ đi, thịt mềm và các khớp nối cứng, gọt bỏ mỡ, cắt sừng và móng guốc. Mọi việc diễn ra hiệu quả đến mức khi quan sát, Mary cảm thấy hài lòng như mỗi khi thấy một việc gì đó được làm tốt.

Chẳng bao lâu sau những dải thịt đã được phơi lên để làm khô dưới ánh nắng, số khác thì được bọc trong muối và quấn lá cây; lớp da được cạo sạch mỡ, để sử dụng sau, rồi ngâm trong những hồ nước chứa đầy vỏ cây sồi để thuộc. Đứa trẻ lớn nhất đang chơi đùa với bộ sừng, giả vờ làm thú ăn cỏ, khiến những đứa khác phá lên cười. Tối hôm đó thịt tươi được dọn ra, và Mary ăn uống thỏa thuê.

Cũng tương tự như vậy, người mulefa biết ở đâu có cá ngon nhất, và biết chính xác phải đặt lưới vào lúc nào, ở đâu. Vì muốn kiếm việc gì đó mình có thể làm, Mary tới chỗ những người đan lưới và đề nghị được giúp đỡ. Khi thấy cách họ làm việc, không phải một mình mà là theo từng đôi,

cùng nhau dùng vôi để thắt một cái nút, bà nhận ra họ đã kinh ngạc đến thế nào trước đôi bàn tay của bà, vì hẳn nhiên là bà có thể tự mình thắt nút. Ban đầu bà nghĩ rằng điều này là một lợi thế đối với mình - bà không cần ai khác; nhưng rồi bà nhận ra điều ấy đã chia cắt mình khỏi những người khác như thế nào. Có lẽ con người ai cũng vậy. Vậy là kể từ đó, bà chỉ dùng một tay để thắt các sợi dây, chia sẻ công việc với một zalif nữ, người đã trở thành người bạn đặc biệt của bà, những ngón tay và vôi cùng nhau di chuyển vào và ra.

Nhưng trong tất cả các sinh vật sống mà những người gán bánh quản lí, đám cây vỏ hạt là thứ mà họ quan tâm chăm sóc nhất.

Trong khu vực có sáu khu rừng được nhóm này quản lí. Ở xa hơn còn có những khu rừng khác, nhưng chúng thuộc trách nhiệm của các nhóm khác. Mỗi ngày một đội sẽ đi ra kiểm tra tình trạng sức khỏe của những thân cây khổng lồ này, và để thu lượm bất cứ vỏ hạt nào bị rơi xuống. Lợi ích về phía người mulefa thì đã rõ; nhưng những cái cây này thì được lợi gì từ việc trao đổi này? Đến một ngày bà đã biết được. Trong lúc bà đang đi cùng cả nhóm, đột nhiên có một tiếng *rắc* rất lớn vang lên, tất cả liền dừng lại và vây lấy một cá nhân đang bị vỡ bánh xe. Mỗi nhóm đều mang theo một hay hai bánh xe dự trữ, nhờ vậy zalif bị vỡ bánh đã sớm được thay thế; nhưng bản thân bánh xe bị vỡ lại được bọc rất cẩn thận bằng vải rồi mang trở về khu định cư.

Ở đó họ nạy mở nó và lấy toàn bộ số hạt bên trong ra - những cái hạt hình trái xoan dẹt và nhạt màu, to bằng móng tay út của Mary - sau đó cẩn thận kiểm tra từng cái một. Họ giải thích rằng những cái vỏ hạt cần được đập thường xuyên trên mặt đường cứng nếu muốn nứt ra được, ngoài ra hạt cũng rất khó nảy nầm. Nếu không có sự chăm sóc của người mulefa, loài cây này sẽ bị diệt vong. Mỗi loài lại phụ thuộc vào loài khác, hơn thế nữa, chính điều này khiến điều này trở nên khả thi. Khó có thể hiểu được, nhưng dường như họ đang nói rằng chất dầu đó là trung tâm của những suy nghĩ và cảm xúc của họ; rằng trẻ con không có sự thông thái của người lớn

vì chúng không thể dùng bánh xe, và vì vậy không thể hấp thu chút dầu nào qua móng.

Và đó là khi Mary bắt đầu thấy được mối liên hệ giữa người mulefa và câu hỏi đã choán lấy tâm trí bà trong suốt vài năm qua.

Nhưng trước khi bà có thể kiểm tra sâu hơn (những cuộc đối thoại với người mulefa đều dài dòng và phức tạp, vì họ thích thẩm định, giải thích và minh họa lí lẽ của mình bằng hàng chục ví dụ, cứ như thể họ không bao giờ quên điều gì, và mọi thứ họ từng biết đến đều lập tức sẵn sàng để tham khảo vậy) khu định cư đã bị tấn công.

Mary là người đầu tiên nhìn thấy những kẻ tấn công tới, dù bà không biết chúng là gì.

Sự việc xảy ra vào giữa buổi chiều, khi bà đang giúp sửa mái một căn chòi. Người mulefa chỉ xây nhà một tầng, vì họ không có khả năng leo trèo; nhưng Mary thì rất vui được trèo lên cao khỏi mặt đất, bà lại có thể đặt rơm rạ và buộc chúng vào đúng chỗ bằng hai bàn tay, sau khi họ đã cho bà xem kĩ thuật của mình, nhanh hơn nhiều so với họ.

Vậy là khi đang được buộc vào rui của một mái nhà, bắt lấy những bó sậy được ném lên cho mình, và tận hưởng làn gió mát từ mặt nước đang làm dịu đi cái nóng của mặt trời, mắt bà bị thu hút bởi một luồng sáng màu trắng lóe lên.

Nó tới từ một thứ lấp lánh ở đằng xa mà bà nghĩ là mặt biển. Bà lấy tay che mắt, và thấy một - hai - nhiều hơn nữa - một hạm đội những con tàu cánh buồm cao lớn màu trắng, hiện ra từ bầu không khí loang loáng vì hơi nóng, vẫn còn ở xa nhưng đang tiến lại phía cửa sông bằng một vẻ thanh nhã trong câm lặng.

Mary! Zalif ở phía dưới gọi. Bà đang thấy gì vậy?

Bà không biết từ vựng của buồm, hay tàu, nên bà nói *cao, trắng, nhiều*.

Ngay lập tức zalif ấy kêu lên báo động, khiến tất cả mọi người trong tầm nghe dừng công việc lại và phóng thật nhanh đến trung tâm của khu

định cư, gọi đám trẻ ra. Chỉ trong vòng một phút toàn bộ người mulefa đã sẵn sàng bỏ chạy.

Atal, bạn của bà, gọi: *Mary! Mary! Đến đây! Tualapi! Tualapi!*

Mọi chuyện diễn ra nhanh chóng tới mức Mary gần như không kịp cử động. Vào lúc này những con thuyền buồm đã vào tới sông, dễ dàng lao ngược dòng mà tiến tới. Sự rèn luyện của các thủy thủ gây ấn tượng với Mary: họ trở buồm trong thoáng chốc, những cánh buồm chuyển động cùng nhau như một đàn chim sáo đá, tất cả đồng loạt đổi hướng. Những cánh buồm mảnh mai, trắng như tuyết đang cong lên, trùng xuống rồi lại căng phồng trông thật lộng lẫy...

Ít nhất cũng phải có đến bốn mươi con tàu, chúng đang leo lên dòng sông nhanh hơn là bà nghĩ. Nhưng bà không thấy thủy thủ nào trên tàu, rồi bà nhận ra rằng chúng hoàn toàn không phải là tàu: Chúng là những con chim khổng lồ, còn các cánh buồm là cánh của chúng, một cái ở trên đầu và một cái phía cuối, được dựng thẳng lên, cong lại gọn gàng nhờ sức lực cơ bắp của chính chúng.

Nhưng bà chẳng có thời gian ngần ngừ để mà nghiên cứu, vì chúng đã tới bờ và đang leo lên. Chúng có cổ giống thiên nga và mỏ dài như cẳng tay của bà vậy. Cánh của chúng dài gấp đôi chiều cao của bà, và - giờ thì bà đang hoảng hốt, vừa ngoái lại nhìn qua vai vừa chạy - chúng có đôi chân cực kì khoẻ: Chẳng trách chúng bơi trên nước nhanh được đến thế.

Bà chạy thật lực theo sau những người mulefa đang gọi tên mình trong lúc túa ra khỏi khu định cư để lên đường cái. Bà tới được chỗ họ vừa kịp lúc: Người bạn Atal của bà đang đứng đợi, ngay khi Mary trèo lên lưng, cô liền lao ra đường, phóng thật nhanh lên dốc để đuổi theo các bạn mình.

Lũ chim không thể chạy nhanh trên mặt đất nên đã sớm từ bỏ cuộc rượt đuổi và quay trở lại khu định cư.

Chúng xé toang các kho thực phẩm, gặm gừ, rền rĩ, hất những cái mỏ khổng lồ đầy tàn bạo lên cao khi nuốt gọn số thịt sấy cùng toàn bộ hoa quả và thóc lúa dự trữ. Mọi thứ ăn được đều bay biến chỉ trong chưa đầy một phút.

Sau đó lũ tualapi tìm được kho chứa bánh xe và định đập vỡ những cái vỏ hạt khổng lồ, nhưng việc đó quá sức với chúng. Mary cảm thấy xung quanh mình, những người bạn đang căng thẳng và hoảng sợ khi họ đứng nhìn từ đỉnh một ngọn đồi thấp và thấy hết vỏ này đến vỏ kia bị lắng xuống mặt đất, đá, nạo bởi móng của những cái chân đồ sộ, nhưng hẳn nhiên là chừng đó chẳng làm tổn hại gì đến chỗ vỏ hạt. Điều khiến người mulefa lo lắng là vài cái vỏ đã bị đẩy và huých về phía mặt nước, nơi chúng nặng nề trôi xuống về phía biển.

Rồi những con chim trắng tuyết vĩ đại bắt đầu phá hủy tất cả mọi thứ chúng thấy bằng những cú đập chân tàn bạo và những động tác đâm, đập, lắc, xé. Đám mulefa đứng quanh bà đang rì rầm, gần như rên lên vì đau đớn.

Tôi giúp, Mary nói. Chúng ta làm lại.

Nhưng những con vật xấu xa vẫn chưa chịu thôi; giương đôi cánh xinh đẹp lên cao, chúng ngồi xõm giữa đồng đồ nát và xả sạch ruột. Mùi hôi thối bốc theo gió lên trên con dốc; những đồng và hồ phân xanh - đen - nâu - trắng nằm giữa những xà nhà gãy vụn, rơm rạ rải rác. Rồi, với dáng vẻ nghênh ngang khệnh khạng do cử động vụng về trên cạn, lũ chim quay trở về mặt nước và lái xuống hạ lưu về phía biển.

Chỉ khi cái cánh trắng cuối cùng biến mất trong ánh sáng lờ mờ của trời chiều, những người mulefa mới lại đổ xuống xa lộ. Đau buồn và tức giận bao trùm lấy họ, nhưng cái chính là họ cực kì lo lắng về kho chứa vỏ hạt.

Trong số mười lăm cái vỏ đã ở đó, giờ chỉ còn có hai. Số còn lại đã bị đẩy xuống nước và biến mất dạng. Nhưng ở khúc uốn tiếp theo của con sông có một bờ cát, Mary nghĩ mình có thể thấy được một cái bánh xe đang mắc lại ở đó; vậy là trước sự sững sốt và lo lắng của đám người mulefa, bà cởi quần áo, quần một đoạn dây thừng quanh eo rồi bơi về phía nó. Trên bờ cát, bà tìm thấy không chỉ một mà là năm cái bánh xe quý giá, bà luồn dây qua phần giữa đã được làm mềm của chúng rồi nặng nề bơi về, kéo theo chúng phía sau.

Những người mulefa tỏ ra biết ơn sâu sắc. Bản thân họ chưa từng bước xuống nước mà chỉ bắt cá từ trên bờ trong lúc cẩn thận không làm ướt chân

và bánh xe. Mary cảm thấy rằng cuối cùng mình cũng đã làm được điều gì đó có ích cho họ.

Tối hôm đó, sau một bữa ăn đạm bạc chỉ có rễ cây ngọt, họ giải thích với bà lí do vì sao mình lại lo lắng cho đám bánh xe đến vậy. Đã từng có thời số lượng vỏ hạt rất phong phú, khi đó thế giới thật dồi dào và tràn ngập sự sống, người mulefa sống với niềm hạnh phúc bất diệt cùng những cái cây của họ. Nhưng cách đây nhiều năm đã có một việc tồi tệ xảy ra; một phần đức hạnh đã biến mất khỏi thế giới; vì bất chấp mọi nỗ lực, mọi tình yêu thương và quan tâm chú ý mà người mulefa dành cho chúng, những cái cây vỏ bánh xe vẫn cứ chết dần chết mòn.

11

Những con chuồn chuồn

Sự thật được nói với dụng ý xấu

Đánh bại mọi lời dối trá có thể nghĩ ra.

William Blake

Ama trèo lên lối mòn dẫn tới hang động, bánh mì và sữa đựng trong chiếc túi đeo sau lưng, trái tim cô vẫn vơ một cảm giác khó xử. Làm cách nào có thể đến gần cô bé đang ngủ được đây?

Cô tới tảng đá nơi người phụ nữ đã dặn mình để lại đồ ăn ở đó rồi đặt đồ xuống. Nhưng cô không đi thẳng về nhà mà trèo vào sâu hơn một chút, đi quá hang động, qua rặng đồ quỳên dày đặc, rồi lên cao hơn nữa cho tới chỗ cây cối trở nên thưa thớt và cầu vồng bắt đầu xuất hiện.

Tại đó cô bé và linh thú của mình chơi một trò chơi: Chúng trèo lên trên bãi đá cạn, quanh những thác nước nhỏ màu trắng xanh, qua những xoáy nước và qua đám bọt tung nhuộm màu quang phổ, cho tới khi tóc cô, mí mắt của cô, và lông con linh thú sọc được hàng triệu hạt trần châu tí hon kết từ hơi ẩm dính khắp nơi. Mục tiêu của trò chơi là lên tới được đỉnh mà không chúi mắt, dù có bị cám dỗ đến thế nào đi nữa. Chẳng bao lâu sau, ánh nắng lấp lánh đã chia tách thành đỏ, vàng, lục, lam, và đủ mọi sắc độ nằm giữa, nhưng cô không được phép dụi mắt để nhìn rõ hơn cho đến khi lên được tới đỉnh, nếu không sẽ bị thua cuộc.

Con linh thú Kulang của cô nhảy lên tảng đá ở rìa thác nước nhỏ nằm trên cùng, và cô bé biết rằng nó sẽ quay lại ngay lập tức để đảm bảo rằng cô không gạt nước đọng ra khỏi lông mi - thế nhưng nó lại không làm.

Thay vì vậy nó lại bám chặt vào chỗ đó, mắt nhìn đăm đăm về phía trước.

Ama dụi mắt, vì cuộc chơi đã bị hủy bỏ do sự ngạc nhiên mà linh thú của cô đang cảm nhận thấy. Khi rướn người lên để nhìn qua gờ đá, cô bé há hốc mồm và đứng chết lặng, vì thứ đang nhìn xuống cô là gương mặt của một sinh vật cô chưa từng thấy bao giờ: một con gấu, nhưng to lớn khủng khiếp, kinh hãi, gấp bốn lần kích thước của loài gấu nâu sống trong rừng, lại có màu trắng ngà với cái mũi đen và đôi mắt đen, các móng vuốt dài như dao găm. Nó chỉ đứng cách đó có một sải tay. Cô bé có thể thấy rõ từng sợi lông trên đầu con gấu.

“Ai đó?” Tiếng con trai vang lên. Mặc dù Ama không thể hiểu được ngôn ngữ đó, cô vẫn dễ dàng đoán được ý nghĩa của nó.

Một lúc sau thằng bé xuất hiện bên cạnh con gấu: vẻ mặt dữ dằn, mắt cau có và cằm dô ra. Còn cái thứ dạng chim bên cạnh nó có phải là linh thú không? Nhưng đó quả là một con chim kì lạ: chẳng giống loài nào cô bé từng thấy trước đây. Nó bay đến chỗ Kulang rồi nói ngắn gọn: *Bạn bè. Chúng tôi không làm hại các bạn đâu.*

Con gấu trắng vĩ đại không hề nhúc nhích.

“Lên đi,” thằng bé nói, và lại một lần nữa con linh thú giải nghĩa câu đó cho cô.

Vừa nhìn con gấu với sự kinh ngạc có phần mê tín, Ama trèo lên bên cạnh dòng thác nhỏ rồi ngượng ngùng đứng trên lớp đá. Kulang biến thành bướm bướm rồi đậu trên má cô bé một lúc, nhưng rồi nó rời khỏi đó để rập rờn bay quanh con linh thú đang ngồi im trên bàn tay của thằng bé kia.

“Will,” thằng bé nói, chỉ vào bản thân, và cô đáp lại: “Ama.” Giờ thì cô có thể nhìn rõ cậu, cô cảm thấy sợ hãi trước cậu bé gần như còn hơn cả con gấu: Cậu có một vết thương tồi tệ: hai ngón tay đã bị đứt mất. Cô cảm thấy choáng váng khi nhìn thấy nó.

Con gấu quay đi về phía dòng suối trắng đục rồi dầm mình vào làn nước như thế để làm mát bản thân. Linh thú của cậu bé bay lên không trung rồi cùng Kulang bay lượn giữa những dải cầu vồng, dần dần chúng bắt đầu hiểu được nhau.

Mà hóa ra điều họ đang tìm kiếm lại không phải gì ngoài một hang động với một cô bé đang say ngủ!

Những từ ngữ lấp bắp tuôn ra trong câu trả lời của cô bé: “Em biết nó ở đâu! Chị ấy đang bị một người phụ nữ tự nhận là mẹ ép ngủ, nhưng làm gì có người mẹ nào tàn nhẫn như thế, đúng không? Bà ta bắt chị ấy uống thứ gì đó để tiếp tục ngủ, nhưng em có thảo dược giúp chị ấy tỉnh dậy, chỉ cần có thể đến được chỗ chị ấy!”

Will chỉ có thể lắc đầu chờ cho Balthamos dịch lại. Việc đó tốn mất hơn một phút.

“Iorek,” cậu gọi, con gấu liền ục ịch di chuyển dọc theo nền suối trong lúc liếm láp bộ răng, vì nó vừa mới nuốt gọn một con cá. “Iorek,” Will nói, “cô bé này nói rằng mình biết Lyra đang ở đâu. Tôi sẽ đi cùng xem sao, trong lúc đó ông hãy ở đây canh chừng nhé.”

Iorek Byrnison, vững chãi đứng trong dòng suối, lặng lẽ gặt đầu. Will giấu balô đi rồi buộc chắc con dao trước khi trèo xuống qua những dải cầu vồng cùng với Ama. Cậu phải chùi mắt và nhòm qua ánh sáng chói lòa để xem chỗ nào đủ an toàn để đặt chân, sương mù lạnh giá ngập tràn trong không khí.

Khi xuống đến dưới chân những con thác, Ama nói rằng chúng phải đi cẩn thận và không phát ra tiếng động nào. Will theo sau cô bé xuống dưới con dốc, giữa các tảng đá phủ đầy rêu và những thân cây thông vĩ đại lìa chia đầu mẩu nơi những hạt nắng lấm tấm nhún nhảy theo một vũ điệu màu xanh rực rỡ, và hàng ngàn vạn con côn trùng nhỏ xíu ca hát râm ran. Cứ thế chúng đi xuống thấp, thấp hơn nữa, vậy mà mặt trời vẫn theo chân vào tới tận sâu cùng trong thung lũng, trong lúc phía trước mặt những cành cây không ngừng đưa trên bầu trời quang đãng.

Rồi Ama dừng lại. Will nép mình vào phía sau một thân tuyết tùng đồ sộ, quan sát vị trí mà cô bé đang chỉ. Qua một mảng chằng chịt cành lá, cậu nhìn thấy sườn một vách núi mọc lên ở bên phải, và trên cao nửa chừng...

“Phu nhân Coulter,” cậu thì thào, tim đập thình thịch.

Người phụ nữ hiện ra từ đằng sau tảng đá, đang giữ một cành cây dày lá trước khi thả rơi nó và phúi tay. Bà ta đang quét sàn à? Tay áo xắn lên, còn tóc được vấn cao bằng một chiếc khăn choàng. Will chẳng bao giờ có thể tưởng tượng được bà ta trông lại có thể đảm đang đến thế.

Nhưng rồi một vệt màu vàng lóe lên, và con khi xấu xa đó xuất hiện, nhảy lên vai bà. Như thể đang nghi ngờ một điều gì đó, họ nhìn khắp xung quanh, và đột nhiên Phu nhân Coulter trông không còn đảm đang nữa.

Ama đang thì thào về khẩn cấp: Cô bé sợ con linh thú khi vàng; nó thích giật lìa cánh của lũ dơi trong lúc chúng vẫn còn sống.

“Có ai khác ở cùng với bà ta không?” Will hỏi. “Không có lính canh hay gì đó à?”

Ama không biết. Cô bé chưa từng thấy lính canh, nhưng mọi người có nhắc đến những gã đàn ông kì quặc và đáng sợ, có khi là ma cũng nên, được nhìn thấy trên sườn núi vào buổi đêm... Nhưng trên núi thì lúc nào chẳng có ma, mọi người đều biết vậy. Nên có khi chúng chẳng liên quan gì đến người phụ nữ cả.

Chà, Will nghĩ, nếu Lyra đang ở trong động mà Phu nhân Coulter không chịu rời đi thì mình sẽ phải đến chào hỏi thôi vậy.

Cậu hỏi: “Cái thứ thuốc mà em có này là gì vậy? Cần phải làm gì với nó để đánh thức cậu ấy dậy?”

Ama giải thích.

“Vậy bây giờ nó đang ở đâu?”

Ở nhà, cô bé đáp. Đã được giấu kĩ.

“Được rồi. Cứ đợi ở đây đừng lại gần. Khi gặp bà ta, em không được nói là biết anh. Em chưa từng thấy anh hay con gấu. Lần tiếp theo em mang thức ăn cho bà ta là bao giờ?”

Nửa tiếng trước khi mặt trời lặn, linh thú của Ama đáp.

“Lúc đó hãy mang theo thuốc đến,” Will nói. “Anh sẽ gặp lại em ở đây.”

Cô bé lo lắng nhìn cậu bước đi trên lối mòn. Chắc chắn cậu bé không tin điều cô vừa nói về con linh thú khi, nếu không cậu đã chẳng liều lĩnh bước đi như vậy lên hang động.

Thật ra Will cảm thấy rất bồn chồn. Mọi giác quan của cậu dường như đều được tăng cường, vì vậy cậu để ý thấy những con côn trùng nhỏ nhất lơ lửng trong những tia nắng, tiếng từng chiếc lá xào xạc và chuyển động của mây trời phía trên cao, dù cho mắt cậu chưa từng rời khỏi miệng hang.

“Balthamos,” cậu thì thầm, con linh thú thiên thần liền bay lên vai cậu trong dạng một con chim nhỏ có đôi mắt sáng và đôi cánh màu đỏ. “Đừng rời khỏi tôi nhé, và nhớ quan sát con khi kia.”

“Vậy thì nhìn sang bên phải đi,” Balthamos nói cụt lùn.

Will nhìn thấy một mảng sáng lấp lánh màu vàng ở cửa động có mặt mũi đầy đủ, nó đang nhìn họ. Họ chỉ còn cách đó không đầy hai mươi bước. Cậu đứng im, con khi vàng liền quay đầu nhìn vào trong động, nói gì đó, rồi quay lại.

Will lần tìm chuôi dao rồi bước tiếp.

Khi cậu lên tới động, người phụ nữ đã ở đó chờ sẵn.

Bà ta đang ngồi thư thả trong chiếc ghế nhỏ bằng vải bạt, một cuốn sách đặt trong lòng, điềm tĩnh nhìn cậu bé. Bà mặc đồ du hành bằng vải kaki, nhưng do được may đo vừa vặn, lại cộng với dáng người thanh nhã của bà, nên trông bộ đồ như thể một loại thời trang cao cấp nhất của cao cấp vậy. Còn cành hoa nhỏ màu đỏ tươi mà bà đính trên ngực áo trông chẳng khác nào thứ đá quý thanh nhã nhất. Mái tóc bà lấp lánh, đôi mắt đen long lanh, còn đôi chân trần rực lên ánh vàng dưới nắng sớm.

Bà mỉm cười. Suýt nữa thì Will cũng cười đáp lại, vì cậu không quen với sự ngọt ngào và dịu dàng mà một người phụ nữ có thể truyền vào một nụ cười, nó khiến cậu rối trí.

“Cháu là Will,” bà cất tiếng bằng một giọng trầm khiến người ta mê mẩn.

“Làm sao bà biết tên tôi?” Cậu dữ dằn nói.

“Lyra đã nhắc đến nó trong giấc ngủ.”

“Cậu ấy đâu?”

“Vẫn an toàn.”

“Tôi muốn gặp cậu ấy.”

“Vậy thì vào đây,” bà ta nói rồi đứng dậy, thả cuốn sách lên trên ghế.

Lần đầu tiên kể từ lúc có sự hiện diện của bà, Will quay sang nhìn con linh thú khi. Nó có bộ lông dài bóng mượt, mỗi sợi dường như đều được làm từ vàng nguyên chất, cao cấp hơn nhiều so với vàng của con người, còn khuôn mặt nhỏ nhắn và đôi tay của nó thì có màu đen. Lần trước Will đã thấy gương mặt đó, méo mó vì cảm hờn, vào buổi tối khi cậu và Lyra trộm lại chiếc Chân Kế từ Ngài Charles Latrom trong dinh thự ở Oxford. Con khi đã định dùng răng giằng xé cậu cho tới khi Will chém tới lui bằng con dao của mình, buộc con linh thú phải lùi lại để cậu có thể đóng ô cửa sổ và tách biệt ở một thế giới khác. Will nghĩ rằng chẳng có gì trên trái đất có thể khiến cậu quay lưng lại với con khi vào lúc này.

Nhưng Balthamos trong dạng chim đang theo dõi rất chăm chú, Will bèn cẩn thận bước lên nền động rồi đi theo Phu nhân Coulter tới chỗ đáng người nhỏ bé đang nằm bất động trong bóng tối.

Cô bé đang ở đó, người bạn thân thiết nhất của cậu, say trong giấc nồng. Trông cô mới nhỏ bé làm sao! Cậu kinh ngạc khi nhận ra một Lyra khi thức đầy uy lực và nhiệt huyết lại có thể mang vẻ dịu dàng mềm mỏng đến vậy khi ngủ. Nơi cổ cô bé, Pantalaimon đang nằm trong dạng chồn nâu, bộ lông lóng lánh. Mái tóc ẩm của Lyra phủ xuống trên trán.

Cậu quỳ xuống bên cạnh cô rồi gạt tóc đi. Mặt cô bé nóng bừng. Từ khóe mắt Will thấy con khi vàng đang thu mình lấy đà, cậu liền đặt tay lên con dao; nhưng Phu nhân Coulter lắc đầu rất khẽ, và con khi thả lỏng người.

Dù không thể hiện ra nhưng Will đang ghi nhớ sơ đồ chính xác của hang động: hình dạng và kích cỡ của từng tảng đá, độ dốc của mặt sàn, độ cao chính xác của trần động phía bên trên cô gái đang ngủ. Cậu sẽ cần phải tìm đường đi qua trong bóng tối, và đây là cơ hội duy nhất cậu có thể thấy được nó trước.

“VẬY cháu thấy đấy, con bé vẫn an toàn,” Phu nhân Coulter nói.

“Tại sao bà lại giữ cậu ấy ở đây? Và tại sao bà không để cho cậu ấy tỉnh dậy?”

“Ngồi xuống đã nào.”

Bà ta không lấy ghế mà ngồi xuống cùng cậu trên những tảng đá phủ rêu ở cửa vào động. Nghe giọng bà thật tử tế, đôi mắt vương vấn sự thông thái đượm buồn, khiến Will lại càng thêm ngờ vực. Cậu cảm thấy như mỗi lời bà ta nói đều là dối trá, mỗi hành động đều che giấu một mối đe dọa, và mỗi nụ cười đều là một mặt nạ giả tạo. Mà bản thân cậu cũng phải đánh lừa bà ta: Cậu sẽ phải khiến bà ta nghĩ rằng mình vô hại. Nhưng cậu đã đánh lừa thành công mọi giáo viên, mọi sĩ quan cảnh sát, mọi nhân viên công tác xã hội và mọi người hàng xóm từng tỏ ra quan tâm đến cậu và ngôi nhà của cậu; cả cuộc đời cậu đã chuẩn bị sẵn cho điều này.

Được rồi, cậu nghĩ. Tôi có thể xử lí được bà.

“Cháu có muốn uống gì đó không?” Phu nhân Coulter nói. “Ta cũng sẽ uống một chút... Khá an toàn đấy. Xem này.”

Bà cắt một thứ quả nhẵn nheo màu nâu rồi ép chất nước dùng đục vào hai cái cốc. Bà nhấp một cốc rồi đưa cái còn lại cho Will, cậu cũng uống và thấy nó thật tươi mát, ngọt lịm.

“Làm sao cháu tìm được đường đến đây?” Bà ta hỏi.

“Theo dấu bà cũng không khó lắm.”

“Rõ ràng rồi. Cháu có Chân Kế của Lyra không?”

“Có,” cậu đáp, rồi để cho bà ta tự suy luận xem liệu cậu có đọc được nó hay không.

“Và ta cũng được biết rằng cháu có một con dao.”

“Ngài Charles đã nói với bà, đúng không?”

“Ngài Charles? À - Carlo, hẳn rồi. Phải, ông ấy đã nói. Nghe thật hấp dẫn. Ta có thể xem được không?”

“Không, hẳn nhiên là không được rồi,” cậu nói. “Tại sao bà lại giữ Lyra ở đây?”

“Bởi vì ta yêu con bé,” bà đáp. “Ta là mẹ của nó. Nó đang gặp một mối nguy hiểm kinh hoàng, mà ta thì sẽ không để cho bất cứ chuyện gì xảy ra với nó.”

“Nguy hiểm từ cái gì cơ?” Will hỏi.

“À...” Bà nói rồi đặt cái cốc xuống đất, người ngả về phía trước khiến tóc ở cả hai bên mặt xòa xuống. Khi ngồi thẳng trở lại, bà ta dùng cả hai tay vén nó về phía sau tai, và Will ngửi thấy mùi hương từ loại nước hoa mà bà đang dùng quện với hương thơm tươi mát từ cơ thể bà, cậu cảm thấy bối rối.

Nếu Phu nhân Coulter có nhận thấy phản ứng của cậu thì bà ta cũng không biểu hiện gì. Bà nói tiếp: “Nghe này, Will, ta không biết cháu đã gặp con gái ta như thế nào, ta cũng không biết cháu đã biết những gì, và ta chắc chắn cũng không biết liệu mình có thể tin tưởng cháu không; nhưng cũng tương tự như vậy, ta đã mệt mỏi vì phải nói dối lắm rồi. Nên sự thật là đây.

“Ta phát hiện ra rằng con gái mình đang gặp nguy hiểm từ chính những người mà mình từng phục vụ - từ Giáo hội. Thằng thẩn mà nói, ta nghĩ họ muốn giết con bé. Vì vậy ta thấy mình bị đặt vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, cháu thấy đấy: Tuân theo Giáo hội, hay là cứu lấy con gái mình. Ta còn là một bầy tôi trung thành của Giáo hội nữa. Không có ai hăng hái hơn ta; ta đã dâng hiến cả cuộc đời mình cho nó; ta đã phục vụ nó đầy nhiệt thành.

“Nhưng ta còn có đứa con gái này...”

“Ta biết mình đã không chăm sóc nó tử tế khi còn nhỏ. Nó đã bị cướp khỏi vòng tay ta và được những kẻ xa lạ nuôi nấng. Có lẽ điều đó đã khiến nó khó có thể tin tưởng ta được. Nhưng khi nó đang lớn lên, ta đã nhìn thấy mối nguy hiểm mà nó vướng phải, cho đến giờ ta đã ba lần cố gắng cứu thoát nó. Ta đã phải hóa thành một kẻ phản bội và lẩn trốn ở nơi khi ho cò gáy này. Ta cứ nghĩ mình đã an toàn, nhưng giờ lại biết được rằng cháu có

thể tìm thấy chúng ta dễ dàng đến vậy - cháu có thể thấy đấy, điều đó khiến ta lo lắng. Giáo hội cũng sẽ không bị bỏ xa đâu. Họ muốn giết con bé, Will ạ. Họ sẽ không để cho nó sống sót đâu.”

“Tại sao chứ? Tại sao họ lại ghét cậu ấy nhiều đến thế?”

“Vì những điều họ nghĩ con bé sẽ làm. Ta không biết đó là gì; giá mà ta biết được, vì khi đó ta có thể bảo đảm an toàn cho nó hơn nữa. Nhưng tất cả những gì ta biết là họ ghét con bé, và họ không hề khoan dung, không chút nào.”

Bà ngả về phía trước rồi nói bằng một giọng khẩn cấp, khê khàng và kín đáo.

“Tại sao ta lại nói với cháu những điều này?” Bà nói tiếp. “Liệu ta có thể tin tưởng được cháu không? Ta nghĩ mình buộc phải làm vậy. Ta không thể trốn thoát được nữa rồi, không còn nơi nào để đi cả. Và nếu cháu là bạn của Lyra, cháu cũng có thể là bạn của ta nữa. Mà ta thì thật sự cần bạn, ta cần được giúp đỡ. Giờ tất cả đều đang chống lại ta. Giáo hội sẽ trừ khử ta, cả Lyra nữa, nếu họ tìm ra chúng ta. Ta đang đơn độc, Will ạ, chỉ có mình ta trong một hang động cùng với con gái mình, trong khi mọi thế lực thuộc mọi thế giới đang cố gắng lần theo dấu vết của hai ta. Còn cháu lại ở đây dường như để chứng tỏ việc tìm chúng ta dễ dàng đến thế nào. Cháu định làm gì, hả Will? Cháu muốn gì?”

“Tại sao bà lại bắt cậu ấy ngủ suốt như thế?” Cậu nói, ngang bướng lảng tránh những câu hỏi của bà.

“Bởi vì chuyện gì sẽ xảy ra nếu ta để cho nó tỉnh lại chứ? Nó sẽ bỏ chạy ngay lập tức. Và như thế nó sẽ không sống sót nổi năm ngày đâu.”

“Nhưng tại sao bà không giải thích điều đó với cậu ấy và cho cậu ấy lựa chọn?”

“Cháu nghĩ nó sẽ lắng nghe à? cháu nghĩ kể cả nó có lắng nghe thì cũng sẽ tin ta sao? Nó không tin tưởng ta. Nó ghét ta, Will ạ. Cháu phải biết điều đó. Nó khinh bỉ ta. Ta, ôi... Ta không biết phải nói thế nào nữa... Ta yêu nó đến mức đã từ bỏ mọi thứ mình có - một sự nghiệp rạng rỡ, hạnh phúc lớn lao, địa vị và giàu sang - mọi thứ, để tới cái hang động trong núi

này rồi sống nhờ bánh mì khô và trái cây chua, chỉ để giữ mạng sống cho con gái mình. Và nếu để làm điều đó, ta phải khiến nó ngủ liên tục thì ta cũng sẽ làm vậy. Nhưng ta *phải* giúp nó sống sót. Mẹ cháu không làm điều tương tự với cháu sao?”

Will điếng người vì kinh ngạc và cảm phẫn trước việc Phu nhân Coulter dám lôi mẹ cậu ra để củng cố luận điểm của mình. Rồi cơn sốc đầu tiên lại trở nên rắc rối hơn bởi suy nghĩ rằng mẹ cậu rốt cuộc cũng chưa từng bảo vệ cậu; chỉ toàn là cậu phải bảo vệ bà. Liệu có phải Phu nhân Coulter yêu thương Lyra nhiều hơn Elaine Parry yêu thương cậu không? Nhưng điều đó không công bằng: Mẹ cậu không được khỏe mà.

Hoặc là Phu nhân Coulter không biết đến cảm xúc sôi sục mà những từ ngữ đơn giản của mình đã kích động; hoặc là bà ta khôn ngoan đến tàn ác. Đôi mắt xinh đẹp của bà dịu dàng nhìn Will đỏ lựng lên và ngó ngoáy đầy khó chịu; trong một thoáng, trông Phu nhân Coulter kì bí không khác gì con gái mình.

“Nhưng *cháu* định làm gì?” Bà hỏi.

“À, giờ thì tôi đã thấy Lyra rồi,” Will nói, “cậu ấy vẫn còn sống, điều này đã rõ, và an toàn nữa, chắc vậy. Đó là tất cả những gì tôi định làm. Giờ đã hoàn thành rồi nên tôi có thể đi giúp Ngài Asriel như đã dự tính.”

Câu trả lời có làm bà ta ngạc nhiên đôi chút, nhưng bà đã kiềm chế được.

“Ý cháu không phải là - ta cứ nghĩ cháu sẽ giúp chúng ta,” bà nói với vẻ khá điềm tĩnh, không nài xin mà là chất vấn. “Với con dao. Ta đã thấy việc cháu làm tại nhà của Ngài Charles, cháu có thể giúp chúng ta được an toàn, đúng không? Cháu có thể giúp chúng ta trốn thoát?”

“Tôi phải đi đây,” Will nói rồi đứng dậy.

Bà chìa tay ra. Một nụ cười buồn bã, một cái nhún vai và một cái gật đầu như thế để dành cho đối thủ lão luyện đã đi một nước hay trên bàn cờ vậy: Đó là điều mà cơ thể bà diễn đạt. Cậu thấy mình trở nên thích thú với người phụ nữ này, vì bà ta dũng cảm, và vì bà ta dường như là một phiên

bản Lyra phức tạp hơn, phong phú hơn và sâu sắc hơn. Cậu không thể ngăn bản thân mình thích bà ta.

Vậy là cậu bắt tay bà, nhận thấy rằng nó rất vững chãi, mát lạnh và mềm mại. Bà quay sang phía con khỉ vàng vẫn đang ngồi bên cạnh mình suốt thời gian qua, họ trao đổi một ánh nhìn mà Will chẳng thể giải nghĩa nổi.

Rồi bà quay lại với một nụ cười.

“Tạm biệt,” cậu nói, bà cũng lặng lẽ đáp lại: “Tạm biệt, Will.”

Cậu rời khỏi hang động. Biết rằng ánh mắt bà ta vẫn đang dõi theo, cậu không hề ngoái lại một lần nào. Chẳng thấy Ama đâu cả. Cậu bước trở lại con đường mà mình đã tới, bám theo lối mòn cho đến khi nghe thấy tiếng thác chảy ở phía trước.

“Bà ta nói dối,” cậu nói với Iorek Byrnison sau đó ba mươi phút. “Đương nhiên là bà ta nói dối rồi. Kể cả có khiến sự việc tồi tệ đi với bản thân thì bà ta vẫn sẽ dối trá, vì bà ta yêu thích cái việc đó đến mức không ngừng nổi.”

“Vậy thì kế hoạch của cậu là gì?” Con gấu hỏi, nó đang nằm phơi mình dưới ánh nắng, bụng ụp xuống một mảng tuyết giữa những tảng đá.

Will cứ đi lên đi xuống, tự hỏi không biết mình có thể dùng cái mẹo đã thành công ở Headington được hay không: Dùng con dao để vào một thế giới khác rồi đi tới một điểm ngay sát nơi Lyra nằm, cắt trở lại thế giới này, kéo cô bé vào nơi an toàn rồi đóng nó lại. Đó là điều hiển nhiên cần phải làm, tại sao cậu lại lưỡng lự chứ?

Balthamos thì biết. Trong dạng thiên thần vốn có, lấp lánh như không khí biến dạng vì hơi nóng dưới ánh mặt trời, ông ta nói: “Cậu thật đại dột vì đã tới chỗ bà ta. Giờ tất cả những gì cậu muốn làm là gặp lại bà ta.”

Iorek gầm lên một tiếng trầm trầm khe khẽ. Ban đầu Will cứ tưởng nó đang cảnh cáo Balthamos, nhưng rồi trong cơn sốc vì xấu hổ, cậu nhận ra rằng con gấu cũng đồng tình với vị thiên thần. Cho đến tận giờ, cả hai không

chú tâm đến nhau nhiều; cách sống của họ quá khác nhau; nhưng rõ ràng là về vấn đề này thì họ có cùng chung suy nghĩ.

Will cau có tỏ vẻ giận dữ, nhưng điều đó là thật. Phu nhân Coulter đã làm cậu mê mẩn. Mọi suy nghĩ của cậu đều hướng về bà ta: khi nghĩ tới Lyra, cậu tự hỏi không biết cô bé sẽ giống mẹ mình đến mức nào khi lớn lên; nếu nghĩ về Giáo hội, cậu lại thắc mắc có bao nhiêu linh mục và giáo chủ đã bị bà bỏ tù; nếu nghĩ đến người cha đã mất của mình, cậu lại muốn biết liệu ông sẽ ghê tởm hay ngưỡng mộ bà ta; còn nếu nghĩ về người mẹ của mình...

Cậu cảm thấy tim mình quặn lại. Cậu rời khỏi con gấu rồi đứng trên một mỏm đá mà từ đó có thể phóng tầm mắt ra khắp thung lũng. Trong bầu không khí lạnh lẽo và trong trẻo, cậu có thể nghe thấy xa xa có tiếng ai đó chặt củi phập phập, cậu có thể nghe thấy tiếng chuông sắt lơ mơ quanh cổ một con cừu, cậu có thể nghe thấy tiếng những ngọn cây xào xạc ở tít xa bên dưới. Những khe nứt nhỏ nhất trên dãy núi phía đường chân trời hiện lên rõ ràng và sắc nét trước mắt cậu, cũng như đám kền kền đang lượn vòng trên một sinh vật sắp chết nào đó cách xa nhiều dặm.

Không nghi ngờ gì nữa: Balthamos nói đúng. Người phụ nữ kia đã bỏ tù cậu. Thật dễ chịu và đầy cảm dỗ khi nghĩ tới đôi mắt xinh đẹp và giọng nói ngọt ngào đó, khi nhớ lại cái cách mà bà đưa tay lên vuốt lại mái tóc óng ánh ấy...

Nhờ một nỗ lực, cậu tỉnh táo trở lại và nghe thấy một âm thanh khác: một tiếng ù ù xa xăm.

Cậu quay qua các hướng để định vị và phát hiện ra nó ở phía bắc, chính là hướng mà cậu và Iorek đã đến.

“Zeppelin,” giọng con gấu vang lên khiến Will giật mình, vì cậu không hề nghe thấy con vật vĩ đại đó tiến lại gần. Iorek đứng bên cạnh cậu, cùng nhìn về một hướng, rồi nó đứng thẳng dậy, cao đúng gấp đôi Will, mắt nhìn đăm đăm.

“ Bao nhiêu?”

“Tám cái,” Iorek nói sau một phút, và rồi Will cũng thấy chúng: những đốm nhỏ xếp thành một hàng.

“Ông có thể đoán được mất bao lâu để chúng tới đây không?” Will hỏi.

“Chúng sẽ tới được đây sau khi trời tối không lâu đâu.”

“Vậy thì chúng ta sẽ không có nhiều bóng tối lắm. Tiếc thật.”

“Kế hoạch của cậu là gì?”

“Mở một lối thông, đưa Lyra qua đó để đến một thế giới khác, rồi đóng nó lại trước khi bà mẹ bám theo. Đưa con gái có thuốc để đánh thức Lyra dậy, nhưng nó không giải thích rõ ràng lắm về cách sử dụng, nên nó cũng sẽ phải vào trong động. Mặc dù tôi không muốn gây nguy hiểm cho nó. Có lẽ ông có thể đánh lạc hướng Phu nhân Coulter khi chúng tôi làm việc đó.”

Con gấu cắn nhả rồi nhắm mắt lại. Will nhìn quanh tìm thiên thần và thấy hình bóng của ông ta hiện lên trong những giọt sương dưới ánh chiều tà.

“Balthamos,” cậu nói, “giờ tôi sẽ quay lại khu rừng, tìm một chỗ an toàn để mở lối thông đầu tiên. Tôi cần ông canh chừng và cho tôi biết lúc nào bà ta tới gần - bà ta hoặc cái con linh thú đó của bà ta.”

Balthamos gật đầu rồi giương cánh giữ bỏ nước đọng. Ông bay vút vào bầu không khí lạnh lẽo rồi lượn ra phía trên thung lũng trong lúc Will bắt đầu tìm kiếm một thế giới mà Lyra có thể được an toàn.

Trong căn phòng đôi đang kêu cọt kẹt, bình bịch của chiếc zeppelin dẫn đầu đoàn, những con chuồn chuồn đang nở. Công nương Salmakia cúi xuống cái kén đang nứt dần của con côn trùng màu xanh ánh điện, gỡ những cái cánh màng ẩm ướt ra, cẩn thận đảm bảo rằng khuôn mặt mình sẽ là thứ đầu tiên in dấu trên cặp mắt kép muôn mặt, xoa dịu những dây thần kinh đang căng lên, thì thầm tên của con vật rục rờ này với nó, dạy cho nó biết nó là ai.

Trong vài phút nữa, Hiệp sĩ Tialys cũng sẽ làm điều tương tự với con chuồn chuồn của ông. Nhưng giờ, ông đang gửi đi một bức điện bằng máy

cộng hưởng đá nam châm, toàn bộ tâm trí của ông dồn vào chuyển động của cái cần và những ngón tay của mình.

Ông truyền đi:

“Gửi Ngài Roke:

“Dự kiến còn ba tiếng nữa trước giờ chúng tôi đến thung lũng. Tòa án Công giáo Kỉ luật định cử một biệt đội đến hang động ngay khi hạ cánh.

“Biệt đội sẽ được chia thành hai đơn vị. Đơn vị thứ nhất sẽ xông vào động chiến đấu rồi giết đứa trẻ, cắt đầu nó để chứng tỏ nó đã chết. Nếu có thể họ sẽ bắt cả người phụ nữ nữa, tuy rằng nếu việc đó là bất khả thi, họ sẽ giết bà ta.

“Đơn vị thứ hai là để bắt sống thằng bé.

“Phần lực lượng còn lại sẽ giao chiến với đội xa thăng của Quốc vương Ogunwe. Họ dự tính rằng đội xa thăng sẽ đến ngay sau những chiếc zeppelin. Theo như mệnh lệnh của ngài, Công nương Salmakia và tôi sẽ mau chóng rời khỏi chiếc zeppelin và bay thẳng tới hang động, chúng tôi sẽ cố gắng bảo vệ cô bé khỏi đơn vị đầu tiên và cầm chân chúng cho tới khi quân tiếp viện tới.

“Chúng tôi chờ phản hồi của ngài.”

Câu trả lời đến gần như ngay lập tức.

“Gửi Hiệp sĩ Tialys:

“Nhờ những thông tin hữu ích từ báo cáo của ông, chúng ta sẽ thay đổi kế hoạch.

“Để ngăn kẻ địch giết đứa trẻ, là kết cục tồi tệ nhất có thể, ông và Công nương Salmakia sẽ hợp tác với cậu bé. Chừng nào còn con dao, nó vẫn còn nắm thế chủ động, vậy nên nếu nó mở ra một thế giới khác và đưa cô bé vào đó thì cứ để cho nó làm, rồi bám theo chúng. Phải luôn luôn ở sát bên chúng.”

Hiệp sĩ Tialys trả lời:

“Gửi Ngài Roke:

“Thông điệp của ngài đã được lắng nghe và thấu hiểu. Công nương và tôi sẽ lập tức lên đường.”

Viên mật thám nhỏ đóng chiếc máy cộng hưởng lại rồi thu thập dụng cụ của mình.

“Tialys,” một tiếng thì thầm vọng tới từ bóng tối, “nó đang nở. Ông nên tới ngay.”

Ông nhảy lên thanh chống nơi con chuồn chuồn của mình đang vung vẫy thoát ra rồi nhẹ nhàng gỡ nó khỏi cái kén rách. Vừa vuốt ve cái đầu khổng lồ dữ tợn, ông vừa nâng đôi râu nặng nề vẫn còn ẩm và cong lại, rồi để con vật nếm mùi vị làn da của mình cho tới khi nó hoàn toàn dưới quyền chỉ huy của ông.

Salmakia đang đeo cho con chuồn chuồn của mình bộ cương mà đi đâu bà cũng mang theo: các dây cương bằng tơ nhện, bàn đạp bằng titan, yên bằng da chim ruồi. Bộ cương gần như không có chút trọng lượng nào. Tialys cũng làm vậy với con chuồn chuồn của mình, nối dây quanh cơ thể con côn trùng, siết chặt, điều chỉnh. Nó sẽ đeo bộ cương này cho tới khi chết.

Sau đó, ông nhanh chóng quàng túi đồ lên vai rồi xé một vệt trên lớp vải quét dầu của chiếc zeppelin. Bên cạnh ông, công nương đã leo lên con chuồn chuồn của mình, giờ thì bà đang thúc nó bay qua cái khe hẹp để vào luồng gió đang quất mạnh bên ngoài. Đôi cánh dài mỏng manh run lên khi nó ép mình chui qua, nhưng rồi niềm hân hoan được bay lượn choán lấy con vật và nó liền lao vào cơn gió. Vài giây sau, Tialys nhập hội với bà trong luồng không khí bão táp, con chuồn chuồn của ông cũng đang háo hức được đầu lại ánh chạng vạng đương vội vã tới dần.

Hai người bọn họ phóng lên trong luồng khí băng giá, mất một lúc để xác định phương hướng, rồi khởi hành về phía thung lũng.

12

Gãy

Trong lúc chạy trốn, mắt y vẫn liếc nhìn trở lại

Như thế nỗi sợ vẫn đang đuổi bám phía sau.

Edmund Spenser

Khi bóng tối ập xuống, đây là cách mà mọi thứ hiện ra.

Trong tòa tháp đá kim cương của mình, Ngài Asriel đang đi tới đi lui. Sự chú ý của ông dồn cả vào bóng dáng nhỏ bé bên cạnh chiếc máy cộng hưởng đá nam châm, tất cả các báo cáo khác đều bị gạt đi, mọi phần của tâm trí ông đều hướng vào tin tức truyền đến khối đá vuông nhỏ nhắn đặt dưới ánh đèn bàn.

Quốc vương Ogunwe ngồi trong buồng riêng trên xa thăng của mình, gấp rút vạch ra một kế hoạch để chống lại dã tâm của Tòa án Công giáo mà ông vừa mới biết được nhờ người Gallivespia trong chiếc phi cơ của chính mình. Viên hoa tiêu đang nguệch ngoạc vẽ ra vài hình thù trên một mẫu giấy vụn rồi đưa cho phi công. Điều cốt yếu là tốc độ: việc đưa quân của mình xuống mặt đất trước sẽ tạo nên mọi sự khác biệt. Xa thăng bay nhanh hơn zeppelin, nhưng họ vẫn còn ở khá xa phía sau.

Trên những chiếc zeppelin của Tòa án Công giáo, đội Vệ binh Thụy Sĩ đang chăm chút cho tư trang vật dụng của mình. Cung nỏ của họ là vũ khí chết người trong phạm vi gần năm trăm mét, và một cung thủ có thể lấp và phóng mười lăm mũi tên trong một phút. Phần sườn xoắn, làm từ chất sừng,

tạo cho mũi tên một lực xoáy và khiến thứ vũ khí này chuẩn xác không kém gì súng trường. Và hẳn nhiên, nó còn không tạo ra tiếng động nữa, điều này có thể là một lợi thế cực lớn.

Phu nhân Coulter nằm thao thức nơi cửa động. Con khi vàng đang bức bối không yên: Lũ dơi đã rời khỏi động khi bóng tối ập đến, chẳng còn gì cho nó hành hạ nữa. Nó lờn vờn bên túi ngủ của Phu nhân Coulter, dùng một ngón tay nhỏ cứng quèo cọ cọ vào đám đom đóm đang lập lòe đậu trên thành động, phản ánh sáng của chúng lên mặt đá.

Lyra nằm đó, người nóng bừng và vẫn bứt rứt như trước, chỉ khác là cô đã chìm sâu, thật sâu vào giấc ngủ, bị khóa chặt trong sự lãng quên bởi liều thuốc mà bà mẹ đã ép cô uống trước đó chỉ một giờ. Có một giấc mơ cứ bám riết lấy cô từ rất lâu rồi, và giờ nó lại trở lại, khiến những tiếng khóc thút thít vì thương xót và giận dữ cùng sự quyết tâm rất Lyra làm lồng ngực và cổ họng cô rung lên bần bật, khiến Pantalaimon nghiêng hàm răng chôn sâu của mình trong thương cảm.

Cách đó không xa, dưới hàng cây bị gió quạt tơi tả trên lối mòn trong rừng, Will và Ama đang tiến về phía hang động. Will đã cố gắng giải thích với Ama việc mình định làm, nhưng con linh thú của cô bé không hiểu được chút gì, rồi khi cậu cắt một ô cửa sổ và cho cô xem, cô đã kinh hãi đến mức suýt ngất xỉu. Cậu phải đi thật bình tĩnh và nói thật nhỏ để giữ cô ở bên cạnh, vì cô bé từ chối để cậu lấy thứ bột kia khỏi mình, hay thậm chí là cho cậu biết cách sử dụng nó. Cuối cùng cậu phải nói đơn giản: “Giữ thật yên lặng và đi theo anh,” rồi hi vọng cô bé sẽ làm theo.

Iorek, trong bộ giáp của mình, ở đâu đó quanh đây, đang chờ đợi để kìm chân đám binh lính từ những chiếc zeppelin để cho Will có đủ thời gian hành động. Điều mà không một ai trong chúng biết là việc lực lượng của Ngài Asriel cũng đang áp sát: Thi thoảng gió lại đẩy tới tai của Iorek tiếng lách cách xa xăm, nhưng trong khi biết rõ tiếng động cơ zeppelin kêu như thế nào, con gấu lại chưa từng nghe thấy tiếng xa thăng nên chẳng thể thu được thông tin gì từ đó.

Balthamos có lẽ đã có thể nói cho họ biết, nhưng ông ta lại đang khiến Will lo lắng. Giờ khi họ đã tìm thấy Lyra, vị thiên thần lại bắt đầu chìm vào nỗi sầu khổ của mình: Ông ta trở nên im lặng, lơ đãng, và ủ rũ. Và điều đó cũng khiến việc trao đổi với Ama trở nên khó khăn hơn.

Khi họ dừng lại trên con đường, Will nói vọng lên không trung: “Balthamos? Ông có đó không?”

“Có,” thiên thần đáp bằng một giọng đều đều.

“Balthamos, hãy ở lại với tôi. Ở sát bên tôi và cảnh báo cho tôi về những hiểm họa. Tôi cần ông.”

“Ta đâu đã bỏ rơi cậu,” thiên thần đáp.

Will cố gắng đến mấy thì cũng chỉ khiến ông ta phản ứng được đến vậy.

Cao tí trên tầng trung lưu lộng gió, Tialys và Salmakia đang chao liệng trên khu thung lũng, cố gắng nhìn xuống phía hang động. Lũ chuồn chuồn sẽ làm theo đúng như những gì họ yêu cầu, nhưng cơ thể của chúng không dễ dàng thích ứng với cái lạnh, hơn nữa chúng còn đang bị quật tới tấp trong luồng gió dữ dội. Hai người chỉ đạo cho chúng hạ độ cao xuống ẩn náu giữa những tán cây, rồi chuyển từ cành này sang cành kia, xác định phương hướng trong bóng tối dần ập xuống.

Trong ánh trăng bị gió lay động, Will và Ama bò lên tới điểm gần nhất mà chúng có thể tiếp cận mà vẫn ngoài tầm nhìn từ cửa động. Nơi đây tình cờ lại nằm phía sau một bụi cây rậm rạp ngay bên ngoài lối mòn, ở đó cậu cắt mở một ô cửa sổ trong không khí.

Thế giới duy nhất mà cậu có thể tìm thấy có cùng cấu tạo địa hình là một nơi trống trải lờm chờm đá, nơi mặt trăng chiếu rọi từ bầu trời ngập tràn sao sáng lên mặt đất bị tẩy trắng như xương, nơi lũ côn trùng tí hon bò qua bò lại, kêu lên ken két, rinh rích trong khoảng không mênh mông tĩnh lặng.

Ama đi qua theo cậu, các ngón tay điên cuồng khua khoắng để bảo vệ bản thân khỏi những thứ ma quỷ hắc đang ám lấy cái nơi ghê sợ này; còn

linh thú của cô bé thích nghi ngay lập tức, biến thành thằn lằn rồi nhanh nhẩu chạy vụt đi trên những mỏm đá.

Will nhìn thấy một vấn đề. Ánh trăng rực rỡ trên những tảng đá màu xương ở nơi này sẽ sáng như đèn lồng ngay khi cậu mở ô cửa sổ vào động của Phu nhân Coulter. Cậu sẽ phải mở ra thật nhanh, kéo Lyra qua, rồi đóng lại ngay lập tức. Chúng có thể đánh thức cô bé dậy ở thế giới này, như vậy sẽ an toàn hơn.

Cậu dừng lại trên con dốc sáng lòa rồi nói với Ama: “Chúng ta phải thật nhanh chóng và hoàn toàn im lặng. Không một tiếng động, thậm chí không cả thì thầm nữa.”

Cô bé hiểu, dù đang rất sợ hãi. Gói bột nhỏ đang ở trong ngực áo cô: Cô đã kiểm tra nó đến cả chục lần, và cùng với con linh thú diễn tập công việc này thường xuyên đến mức cô bé dám chắc chúng có thể thực hiện được trong bóng tối hoàn toàn.

Chúng tiếp tục trèo lên những tảng đá trắng nhợt, Will cẩn thận đo khoảng cách cho tới khi ước lượng được rằng chúng đã vào hẻm trong động.

Lúc đó cậu lấy con dao ra rồi cắt lấy một ô cửa nhỏ nhất có thể để nhìn qua, không lớn hơn vòng tròn mà cậu tạo ra được từ ngón cái và ngón trỏ.

Cậu vội vàng dí mắt vào đó để ngăn ánh trăng lọt vào, rồi nhìn qua. Tất cả đều ở đây: Cậu đã tính toán rất chuẩn. Cậu có thể thấy cửa động ở phía trước, những tảng đá đen ngòm hiện trên bầu trời đêm; cậu có thể thấy bóng dáng của Phu nhân Coulter, đang say ngủ, cùng với con khỉ vàng ở bên cạnh; cậu thậm chí còn thấy được đuôi của con khỉ đang lơ dềnh duỗi ra trên chiếc túi ngủ.

Sau khi đổi góc và nhìn kĩ hơn, cậu thấy tảng đá mà Lyra đang nằm phía sau. Dù vậy, cậu không thấy cô bé đâu. Cậu đến gần quá rồi sao? Cậu đóng cửa sổ đó lại, lùi một hoặc hai bước, rồi lại mở ra.

Cô bé không có ở đó.

“Nghe này,” cậu nói với Ama và linh thú của cô bé, “người đàn bà đó đã di chuyển cậu ấy, anh không thấy cậu ấy đâu cả. Anh sẽ phải đi qua để nhìn quanh động tìm cậu ấy, rồi sẽ cắt qua đây ngay sau khi xong việc. Nên

em phải lùi lại đi - tránh ra để anh không chẳng may cắt vào em khi quay trở lại. Nếu anh bị kẹt vì lí do gì đó, em quay lại chờ bên ô cửa sổ chúng ta đã vào nhé.”

“Cả hai chúng ta đều nên đi qua,” Ama nói, “vì em biết cách đánh thức chị ấy mà anh thì không, em lại biết rõ hang động hơn anh nữa.”

Gương mặt cô tỏ vẻ buồn bã, đôi môi mím lại, nắm tay nghiến chặt. Con linh thú thẩn lẩn của cô phòng cái khoang cổ xếp nếp lên rồi chậm chậm nâng nó quanh cổ.

Will đáp: “Ôi, thôi được rồi. Nhưng chúng ta sẽ đi qua thật nhanh và trong im lặng hoàn toàn, em sẽ làm đúng theo những gì anh nói, ngay lập tức, hiểu chưa?”

Cô bé gật đầu rồi lại vỗ vào túi một lần nữa để kiểm tra bọc thuốc.

Will tạo một lối thông nhỏ, ở thấp phía dưới, nhìn qua, nhanh chóng mở rộng nó rồi chui qua bằng tay và đầu gối chỉ trong chớp nhoáng. Ama bám sát phía sau, rồi ô cửa sổ được mở ra hoàn toàn trong chưa đầy mười giây.

Chúng thu mình trên sàn động phía sau một tảng đá lớn, bên cạnh là Balthamos dưới dạng chim, phải mất một lúc mắt chúng mới điều tiết được từ khung cảnh rực rỡ ngập ánh trắng của thế giới bên kia. Ở trong động tối hơn rất nhiều, âm thanh cũng rộn ràng hơn hẳn: chủ yếu là tiếng gió luân qua các thân cây, nhưng ẩn sau đấy còn một âm thanh nữa. Đó là tiếng gầm của động cơ zeppelin, nó không còn ở quá xa.

Với con dao cầm sẵn trên bàn tay phải, Will cẩn thận lấy thăng bằng rồi nhìn quanh.

Ama cũng đang làm như vậy, còn con linh thú có đôi mắt cú của cô đang nhòm hết bên này đến bên kia; nhưng Lyra không có ở đầu bên này của hang động. Rõ ràng là như vậy.

Will ngẩng đầu lên khỏi tảng đá rồi chăm chú nhìn xuống phía cửa động trong một lúc lâu, Phu nhân Coulter và linh thú của bà đang nằm say sưa ngủ.

Và rồi tim cậu se lại. Đang nằm đó là Lyra, đuổi người trong giấc ngủ sâu, ngay bên cạnh Phu nhân Coulter. Những đường nét của họ hòa vào nhau trong bóng tối; thảo nào mà cậu đã không phát hiện ra cô.

Will chạm vào tay của Ama và chỉ.

“Chúng ta sẽ phải làm rất cẩn thận,” cậu thì thầm.

Có chuyện gì đó đang xảy ra bên ngoài. Tiếng gầm của những chiếc zeppelin giờ đã lấn át cả tiếng gió lửa, các luồng sáng cũng đang quét khắp nơi, rọi xuống qua các cành cây từ phía trên cao. Chúng phải đưa Lyra ra càng nhanh càng tốt, và điều đó có nghĩa là *ngay bây giờ* phải lao xuống dưới đó trước khi Phu nhân Coulter tỉnh dậy, cắt qua, kéo cô bé vào nơi an toàn rồi đóng lại.

Cậu thì thầm điều đó với Ama. Cô bé gật đầu.

Rồi, đúng lúc cậu chuẩn bị di chuyển, Phu nhân Coulter tỉnh dậy.

Bà cựa quậy rồi nói gì đó, ngay lập tức con khỉ vàng bật đứng dậy. Will có thể thấy bóng của nó ở cửa động, người thu lại, chăm chú nhìn, và rồi chính Phu nhân Coulter cũng ngồi dậy, tay che lấy mắt trước ánh sáng bên ngoài.

Bàn tay trái của Will tóm chặt lấy cổ tay của Ama. Phu nhân Coulter đứng dậy, quần áo đã chỉnh tề, dáng vẻ uyển chuyển, nhanh nhẹn, hoàn toàn không giống như vừa mới ngủ dậy. Có lẽ suốt thời gian qua bà vẫn thức. Bà và con khỉ vàng đang cúi người bên trong cửa động, quan sát và lắng nghe, trong lúc ánh sáng từ đội zeppelin xoay từ bên này sang bên kia trên những ngọn cây còn các động cơ thì gầm rú, lại thêm tiếng hét, tiếng đàn ông cảnh báo hay ra mệnh lệnh, nói rõ rằng họ cần phải di chuyển nhanh chóng, thật nhanh chóng.

Will siết chặt lấy cổ tay Ama rồi lao về phía trước, vừa cúi người chạy thật nhanh vừa để ý mặt đất để không bị vấp ngã.

Rồi cậu đã ở bên Lyra, cô bé vẫn đang ngủ say sưa với Pantalaimon cuộn tròn quanh cổ; Will liền giơ con dao lên và cẩn thận cảm nhận, chỉ một giây sau đã có thể có một lối thông để kéo Lyra đến nơi an toàn...

Nhưng cậu lại nhìn lên. Cậu nhìn Phu nhân Coulter. Bà ta đã lặng lẽ quay lại, ánh sáng chói lọi từ trên bầu trời phản chiếu lên vách động ẩm ướt, chiếu sáng gương mặt bà, và trong một thoáng nó hoàn toàn không còn là gương mặt bà nữa; nó trở thành gương mặt người mẹ của chính cậu, đang trách mắng cậu, khiến cậu nao núng vì đau buồn; rồi khi đẩy con dao, tâm trí cậu rời khỏi điểm tập trung, với một cú vặn mạnh và dứt, con dao rơi xuống nền đất, tan thành thành từng mảnh.

Con dao gãy mất rồi.

Giờ thì cậu không thể cắt đường thoát nữa.

Cậu nói với Ama: “Đánh thức cậu ấy dậy. Làm ngay đi.”

Rồi cậu đứng dậy, sẵn sàng chiến đấu. Cậu sẽ bóp cổ con khi đó trước. Cả người cậu đang căng ra chờ đón cú vồ của nó, cậu nhận ra mình vẫn đang cầm chuôi dao trên tay: ít nhất cậu cũng có thể dùng nó để đánh con khi.

Nhưng chẳng có sự tấn công nào cả từ phía con khi vàng hay từ Phu nhân Coulter. Bà ta chỉ đơn thuần di chuyển một chút để ánh sáng từ bên ngoài làm lộ khẩu súng lục trên tay. Do làm vậy, bà đã để lọt một chút ánh sáng chiếu lên hành động của Ama: cô bé đang rắc bột lên môi trên của Lyra, quan sát Lyra hít vào rồi giúp chỗ bột chui vào mũi cô bằng cách dùng đuôi con linh thú của mình như một cái chổi.

Will nghe thấy những âm thanh bên ngoài đang thay đổi: Lúc này bên cạnh tiếng gầm rống của đám zeppelin còn có một nốt khác. Âm thanh này nghe rất quen, như thể xâm nhập tới từ thế giới của chính cậu vậy. Và rồi cậu nhận ra tiếng phành phạch của cánh quạt trực thăng. Thêm một cái nữa, rồi lại một cái nữa, càng ngày càng có nhiều luồng sáng quét ngang qua những thân cây lay động không ngừng bên ngoài, trong vô vàn những mảng sáng xanh rực rỡ bị hắt tung khắp bốn bề.

Phu nhân Coulter quay đi trong một thoáng khi âm thanh mới đến tai mình, nhưng khoảng thời gian đó quá ngắn để Will có thể nhảy tới giành lấy

khẩu súng. Còn về con linh thú khi, nó nhìn Will chăm chăm không hề chớp mắt, người co lại sẵn sàng lao tới.

Lyra đang cử động và lăm nhăm nói. Will cúi xuống siết chặt tay cô bé, còn con linh thú kia thì huých Pantalaimon, nâng cái đầu nặng nề của nó lên, thì thầm với nó.

Bên ngoài vang lên một tiếng hét, một người đàn ông rơi xuống từ trên trời và đáp đất bằng một tiếng va đập kinh khủng, cách cửa động không đầy năm mét. Phu nhân Coulter không hề nao núng; bà ta lãnh đạm nhìn hắn rồi quay lại phía Will. Không lâu sau, một tiếng súng trường lại vang lên ở phía trên, rồi ngay giây tiếp theo một cơn bão bắn phá nổ ra, cả bầu trời đầy ngập những vụ nổ, tiếng lửa cháy tanh tách, tiếng súng nổ ì oàng.

Lyra đang vật lộn để tỉnh táo lại, cô bé hớp lấy không khí, thở dài, rên rỉ, vực người dậy chỉ để rồi lại vật xuống một cách yếu ớt, còn Pantalaimon thì đang ngáp, vươn mình, táp lấy con linh thú kia, vụng về đổ sụp sang một bên do cơ bắp không hoạt động nổi.

Về phần Will, cậu đang cực kì cẩn thận dò tìm những mảnh dao gãy trên nền hang động. Không có thời gian để thắc mắc sao chuyện đó lại xảy ra, hay liệu có thể sửa được nó không; nhưng cậu là người nắm giữ con dao, cậu phải thu thập lại nó một cách an toàn. Mỗi khi tìm thấy một mảnh, cậu lại cẩn thận nhắc lên, từng dây thần kinh trong cơ thể đều ý thức được về những ngón tay bị cắt lìa của mình, rồi thả vào trong bao đựng. Cậu có thể nhìn thấy các mảnh vỡ khá dễ dàng nhờ ánh sáng từ bên ngoài phản chiếu lên lớp kim loại: có bảy mảnh tất cả, mảnh nhỏ nhất chính là mũi dao. Cậu nhặt hết lên rồi quay lại, cố gắng tìm hiểu về trận chiến bên ngoài.

Đâu đó phía trên những ngọn cây, đám zeppelin đang lượn lờ, người từ đó đang trượt xuống những sợi dây thừng, nhưng gió khiến phi công khó mà giữ cho chiếc phi cơ đứng yên được. Trong lúc đó, những chiếc xa thăng đầu tiên đã đến phía trên vách đá. Khoảng không chỉ đủ cho chúng đáp xuống từng cái một, và rồi các tay súng trường người Phi châu sẽ phải trèo xuống trên mặt đá. Một trong số họ đã bị bắn hạ bởi một phát súng ăn may từ những chiếc zeppelin đang đung đưa trên trời.

Vào lúc này, cả hai bên đều đã cho đổ bộ vài đội quân. Một số đã bị giết ở khoảng giữa trời và đất; một số khác bị thương, đang nằm trên vách đá hay giữa những thân cây. Nhưng chưa có đội quân nào tới được hang động, và quyền lực ở đó vẫn nằm trong tay Phu nhân Coulter.

Will nói át lấy tiếng ồn:

“Bà định làm gì?”

“Giám giữ mấy đứa.”

“Hả, làm con tin á? Bọn chúng đếm xỉa đến việc đó làm gì chứ? Đằng nào chúng chẳng muốn giết tất cả chúng ta.”

“Một bên thì như vậy, chắc chắn rồi,” bà nói, “nhưng ta không dám chắc về bên còn lại. Chúng ta phải hi vọng những người Phi châu sẽ thắng.”

Nghe giọng bà có vẻ vui. Trong ánh sáng chói lòa phả vào từ bên ngoài, Will thấy gương mặt bà đầy tràn niềm vui, sức sống và năng lượng.

“Bà đã làm gãy con dao rồi,” cậu nói.

“Không phải ta. Ta muốn nó nguyên vẹn để chúng ta có thể trốn thoát, cháu mới là người làm gãy nó.”

Giọng Lyra vọng tới một cách khẩn cấp: “Will?” Cô thì thầm. “Có phải Will không?”

“Lyra!” Cậu bé thốt lên rồi vội quỳ xuống bên cạnh cô. Ama đang giúp cô bé ngồi dậy.

“Chuyện gì vậy?” Lyra hỏi. “Chúng ta đang ở đâu đây? Ôi, Will, tớ đã mơ thấy giấc mơ này...”

“Chúng ta đang ở trong một hang động. Đừng cử động nhanh quá, cậu sẽ bị chóng mặt đấy. Cẩn thận nào. Lấy lại sức lực của mình đã. Cậu đã ngủ rất nhiều ngày rồi.”

Mắt cô bé vẫn còn nặng trĩu, cô lại đang bị những cơn ngáp sâu hành hạ, nhưng cô muốn tỉnh dậy ghê gớm. Cậu bé giúp cô đứng dậy, quàng tay cô lên vai mình và đỡ lấy phần lớn sức nặng của cô. Ama rụt rè quan sát, vì giờ đây khi đã tỉnh dậy, cô gái kì lạ kia lại khiến Ama thấy căng thẳng. Will

hít lấy mùi hương từ cơ thể đang ngái ngủ của Lyra một cách thỏa mãn và vui sướng: Cậu ấy đang ở đây, cậu ấy là thật.

Chúng ngồi trên một tảng đá. Lyra cầm tay cậu và dụi mắt.

“Chuyện gì đang xảy ra vậy, Will?” Cô bé thì thầm.

“Cô bé Ama này có thứ bột khiến cậu tỉnh lại,” cậu nói rất khẽ, Lyra liền quay sang cô bé, bây giờ mới nhìn thấy cô, rồi đặt tay mình lên vai của Ama để cảm ơn. “Tớ đã đến sớm nhất có thể,” Will nói tiếp, “nhưng có vài binh lính khác cũng làm như vậy. Tớ không biết chúng là ai. Chúng ta sẽ thoát ra ngay khi có thể.”

Bên ngoài, tiếng ồn và sự hỗn loạn đã lên đến đỉnh điểm; một trong những chiếc xa thăng đã ăn trọn loạt liên thanh từ khẩu súng máy trên một chiếc zeppelin trong lúc các tay súng đang nhảy xuống đỉnh vách núi, rồi cháy bùng lên, không chỉ giết chết toàn bộ phi hành đoàn mà còn ngăn không cho những chiếc xa thăng khác đáp xuống.

Trong lúc đó, một chiếc zeppelin khác đã tìm thấy một khoảng không quang đãng ở dưới xa phía dưới thung lũng, những cung thủ bắn nỏ đổ bộ xuống từ đó lúc này đang chạy lên lối mòn để tăng viện cho các binh sĩ đang hành động. Từ cửa động, Phu nhân Coulter cố gắng theo dõi sát sao nhất có thể, giờ bà đã nâng khẩu súng lục lên, đỡ lấy nó bằng cả hai tay, và ngắm thật cẩn thận trước khi bắn. Will nhìn thấy ánh sáng lóe ra từ họng súng, nhưng không nghe thấy gì do những tiếng nổ và bắn phá bên ngoài.

Nếu bà ta lặp lại điều đó, cậu nghĩ, mình sẽ lao tới quật ngã bà ta. Nghĩ vậy cậu liền quay lại thì thầm điều đó với Balthamos, nhưng lại chẳng thấy thiên thần ở gần. Thay vào đó, Will tuyệt vọng nhìn thấy rằng ông ta đang ngồi co rúm lại bên thành động, đã trở lại hình dạng thiên thần, đang run rẩy và khóc thút thít.

“Balthamos!” Will khấn khoản. “Thôi nào, chúng không thể làm đau ông đâu! Ông phải giúp chúng tôi mà! Ông có thể chiến đấu - ông biết điều đó - ông không phải một tên hèn nhát - chúng tôi cần ông...”

Nhưng trước khi thiên thần có thể trả lời, một việc khác đã xảy đến.

Phu nhân Coulter hét lên rồi với xuống mắt cá chân mình, cùng lúc đó con khi vàng chớp lấy thứ gì đó giữa không trung, nó gừ lên một tiếng đầy hân hoan.

Một giọng nói - một giọng phụ nữ - nhưng lại *rất nhỏ* - phát ra từ cái thứ nằm trong tay con khi:

“Tialys! Tialys!”

Đó là một phụ nữ tí hon, không lớn hơn bàn tay của Lyra. Con khi đang giăng một cánh tay của bà ta ra khiến bà ta hét lên đau đớn. Ama biết rằng nó sẽ không chịu dừng lại cho đến khi ngắt đứt được cánh tay ra, nhưng Will đã nhảy tới phía trước khi thấy khẩu súng rơi khỏi tay Phu nhân Coulter.

Cậu bắt được khẩu súng - nhưng rồi khi thấy Phu nhân Coulter ngã xuống bất động, Will mới nhận ra một sự bế tắc kì lạ.

Cả con khi vàng và Phu nhân Coulter đều đang hoàn toàn bất động. Gương mặt bà ta méo mó vì đau đớn và giận dữ, nhưng bà lại không dám cử động, vì đứng trên vai bà là một người đàn ông tí hon đang ấn gót chân vào cổ bà, hai bàn tay quăn lấy tóc bà; còn Will, trong nỗi kinh ngạc, nhìn thấy trên gót chân đó là một cái cựa bằng sừng sáng loáng. Cậu liền hiểu ra thứ gì đã khiến bà phải hét lên lúc trước. Ông ta hẳn đã chích vào mắt cá chân bà.

Nhưng người đàn ông tí hon không thể làm đau Phu nhân Coulter hơn được nữa, do mối nguy hiểm mà cộng sự của ông đang gặp phải trong bàn tay của con khi; con khi cũng không thể làm hại *bà*, phòng trường hợp người đàn ông tí hon chọc cái cựa chứa nọc độc của mình vào động mạch cổ của Phu nhân Coulter. Không ai trong số họ có thể cử động.

Vừa hít thở sâu và nuốt mạnh nước miếng để kiềm chế cơn đau, Phu nhân Coulter đưa đôi mắt ngấn lệ của mình sang nhìn Will và điềm tĩnh nói: “Chà, cậu Will, cậu nghĩ bây giờ chúng ta nên làm gì?”

13

Tialys và Salmakia

Đêm khuya khắc nghiệt

Trên hoang mạc sáng

Hãy để trăng lên

Khi ta nhắm mắt.

William Blake

Vừa cầm khẩu súng nặng trĩu, Will vừa gạt tay sang bên, hất con khi vàng ra khỏi chỗ ngồi khiến nó choáng váng. Phu nhân Coulter rên lên còn con khi vàng thì nới lỏng tay đủ để cho người phụ nữ tí hon vùng thoát ra.

Vào giây phút bà nhảy lên những tảng đá, người đàn ông cũng bật ra khỏi Phu nhân Coulter, cả hai đều di chuyển lanh lẹ như những con châu chấu. Ba đứa trẻ không có thời gian để ngạc nhiên. Người đàn ông đang lo lắng: Ông nhẹ nhàng sờ nắn vai và cánh tay của người bạn đồng hành rồi ôm bà một cái thật nhanh trước khi lên tiếng gọi Will.

“Này! Cậu bé!” Ông nói, giọng ông ta mặc dù có âm lượng nhỏ nhưng lại trầm sâu như giọng một người trưởng thành. “Cậu có con dao không?”

“Đương nhiên là tôi có,” Will nói. Nếu họ không biết nó đã bị gãy thì cậu cũng sẽ không nói cho họ hay.

“Cậu và cô bé phải đi theo chúng tôi. Đứa trẻ còn lại là ai thế?”

“Ama, dân làng,” Will đáp.

“Bảo nó quay về đi. Đi nào, trước khi đám Thụy Sĩ đến.”

Will không hề do dự. Dù cho hai người này có ý định gì thì cậu và Lyra cũng vẫn có thể trốn thoát qua ô cửa sổ đã mở sẵn phía sau bụi rậm trên con đường phía trước.

Vậy là cậu giúp cô bé đứng dậy rồi tò mò nhìn hai thân hình nhỏ bé nhảy lên - cái gì? Chim à? Không phải, là chuồn chuồn, dài gần bằng cẳng tay của cậu, chúng đang đợi sẵn trong bóng tối. Chúng lao về phía cửa động, nơi Phu nhân Coulter đang nằm. Bà ta đang hơi choáng vì đau và uể oải do cú chích của hiệp sĩ, nhưng khi chúng đi qua, bà ta liền với tay và hét lên:

“Lyra! Lyra, con gái của ta, con yêu của ta! Lyra, đừng đi! Đừng đi!”

Lyra đau đớn nhìn xuống bà; nhưng rồi cô bé bước qua người mẹ của mình và gỡ vòng tay yếu ớt của bà ra khỏi mắt cá chân. Người phụ nữ lúc này bật khóc nức nở; Will thấy nước mắt lấp lánh trên hai má bà.

Nép mình ngay bên cạnh cửa động, ba đứa trẻ đợi cho tới khi có một khoảng dừng ngắn giữa những đợt bắn, rồi chạy theo những con chuồn chuồn khi chúng lao xuống lối đi. Ánh sáng đã thay đổi: ngoài ánh sáng mạch lạnh lẽo từ đèn pha của những chiếc zeppelin còn có một màu cam của lửa đang nhảy nhót.

Will lập tức quay lại nhìn. Trong ánh sáng chói lòa, gương mặt Phu nhân Coulter hiện lên như một chiếc mặt nạ đầy cảm xúc bi kịch, con linh thú bám chặt lấy bà một cách thảm thương trong khi bà quỳ gối, chìa hai cánh tay ra và khóc:

“Lyra! Lyra tình yêu của ta! Báu vật của lòng ta, con gái bé bỏng, con gái duy nhất của ta! Ôi Lyra, Lyra, đừng đi, đừng bỏ ta lại! Con gái yêu mến của ta - con đang xé nát cõi lòng ta...”

Chính bản thân Lyra cũng bị một tiếng nức nở thật lớn và dữ dội khiến cả người rung lên, vì xét cho cùng Phu nhân Coulter cũng là người mẹ duy nhất cô từng có, và Will nhìn thấy hai dòng thác nước mắt tuôn xuống trên má cô.

Nhưng cậu buộc phải nhẫn tâm. Cậu kéo tay Lyra. Khi mặt thám cưỡi chuồn chuồn bay sát về phía đầu cậu, giục bọn trẻ phải nhanh chân lên, cậu

dẫn cô vừa chạy vừa cúi thấp người xuống lối mòn, rời xa khỏi hang động. Trong bàn tay trái lại đang chảy máu vì cú giáng lên người con khỉ của Will là khẩu súng lục của Phu nhân Coulter.

“Lên đỉnh vách núi đi,” mật thám cười chuồn chuồn nói, “và đầu hàng quân Phi châu. Họ là hi vọng tốt nhất của các cậu đó.”

Will không nói gì để đề phòng những cái cựa sắc lẹm kia, dù cho cậu không hề có chút ý định nghe theo dù là nhỏ nhất. Chỉ có một nơi duy nhất cậu đang hướng tới, đó là ô cửa sổ phía sau bụi rậm; vì vậy cậu cứ thế chạy thật nhanh trong lúc cúi gằm đầu, Lyra và Ama bám theo sau.

“Dừng lại!”

Có một người đàn ông, ba người, đang đứng chặn lối đi phía trước - mặc đồng phục - những người da trắng cầm nỏ cùng với lũ linh thú chó lai sói gầm gừ - đội Vệ binh Thụy Sĩ.

“Iorek!” Will lập tức hét lên. “Iorek Byrnison!” Cậu có thể nghe thấy tiếng con gấu đập phá và gầm rống cách đó không xa, cùng tiếng hò hét, kêu gào của những binh sĩ không may gặp phải nó.

Nhưng có một nhân vật khác không hiểu từ đâu lao đến giúp chúng: Balthamos, trong hình dạng mờ ảo tuyệt vọng, quăng mình vào giữa đám trẻ và các binh sĩ. Đám đàn ông lùi lại, kinh ngạc, khi bóng ma lập lờ hiện ra phía trước mặt.

Nhưng họ đều là những chiến binh được tôi luyện, chỉ một lát sau linh thú của họ đã lao bổ vào vị thiên thần, bộ răng man rợ lóe lên trắng ớn trong ánh sáng u ám - điều đó khiến Balthamos do dự: Ông ta hét lên trong sợ hãi, tui hốt và co rúm lại. Rồi ông vụt bay lên, đôi cánh đập điên cuồng. Will tuyệt vọng nhìn bóng dáng người dẫn đường và cũng là người bạn của mình vút lên cao rồi biến mất giữa những ngọn cây.

Lyra đang theo dõi toàn bộ sự việc với đôi mắt vẫn còn bàng hoàng. Chỉ trong vòng hai hay ba giây nhưng ngần đó là đủ cho quân Thụy Sĩ tập hợp lại, và giờ thì viên chỉ huy đã giương nỏ lên. Will không còn lựa chọn nào khác: cậu giơ cao khẩu súng, kẹp chặt bàn tay phải vào để rồi bóp cò, cú

nổ chấn động tới tận xương tủy cậu, nhưng viên đạn đã tìm thấy trái tim của người đàn ông kia.

Người lính ngã vật ra như thể vừa bị một con ngựa đá. Ngay tức khắc, hai mật thám tí hon liền xông vào hai người còn lại, từ trên lưng chuồn chuồn nhảy lên những nạn nhân của mình trước khi Will kịp chớp mắt. Người phụ nữ tìm được cần cổ, người đàn ông là cổ tay, mỗi người đều thực hiện một cú đâm ngược rất lẹ bằng gót chân mình. Bằng một cú thở hắt đầy đau đớn, hai người Thụy Sĩ lăn ra chết, linh thú của họ tan biến khi đang truở.

Will nhảy qua hai cái xác, Lyra đi cùng với cậu, gắng sức chạy hết cỡ cùng với Pantalaimon trong dạng mèo rừng bám sát gót. *Ama đâu rồi?* Will nghĩ, rồi thấy cô bé cùng lúc đó đang lắt léo chạy xuống theo một lối đi khác. Giờ thì cô bé sẽ được an toàn, cậu nghĩ, và một giây sau cậu nhìn thấy ánh sáng mờ mờ từ ô cửa sổ nằm ẩn sâu phía sau những bụi cây. Cậu tóm lấy tay Lyra rồi kéo cô về phía nó. Mặt chúng bị cào xước, quần áo rách toạc, cổ chân bẻ ngoặt đi trên rễ cây và đá sỏi. Nhưng chúng đã tìm thấy ô cửa sổ và vội vã lao qua vào thế giới bên kia, lên nền đá trắng như xương dưới ánh trắng chói lòa, nơi chỉ có tiếng côn trùng rả rích phá vỡ sự im lặng mênh mang.

Việc đầu tiên Will làm là ôm bụng nôn thốc nôn tháo, hỗn hển trong nỗi kinh hoàng tột độ. Đến giờ cậu đã giết hai người rồi, đó là còn chưa kể đến người thanh niên trong Tòa tháp của các Thiên thần... Will *không muốn* điều này. Cơ thể cậu ghê tởm điều mà bản năng đã buộc cậu phải làm, và kết quả là một thứ bùa ngải khô khốc, chua loét và đau đớn khiến cậu phải quỳ gối và nôn ọe cho tới khi cả dạ dày và trái tim đều trống rỗng.

Lyra đứng gần đó chỉ có thể bất lực quan sát trong lúc bùng Pan, đu đưa nó trong lòng.

Cuối cùng Will cũng hồi phục lại một chút và nhìn quanh. Ngay lập tức cậu nhận thấy rằng không chỉ có mình chúng ở thế giới này, vì còn có cả hai mật thám tí hon với những túi đồ đặt trên mặt đất gần đó nữa. Những con chuồn chuồn của họ đang là đà bay trên nền đá sỏi, vừa bay vừa tợp bướm

đêm. Người đàn ông đang xoa bóp vai cho người phụ nữ, cả hai bọn họ đều nhìn lũ trẻ với vẻ nghiêm khắc. Đôi mắt họ sáng rực còn những đường nét cơ thể rõ rệt đến mức không có gì phải nghi ngờ về cảm xúc của họ, và Will biết rằng dù có là ai đi nữa, họ cũng là một cặp đáng gờm.

Cậu nói với Lyra: “Chân Kế đang ở trong balô của tớ, đó.”

“Ôi, Will - tớ đã rất hi vọng cậu sẽ tìm thấy nó - chuyện gì đã xảy ra vậy? Cậu tìm thấy bố chưa? Trong *giấc mơ* của tớ, Will ạ - thật không thể tin tưởng nổi, việc chúng ta phải làm, ôi, tớ không dám nghĩ về nó nữa... Nó vẫn *an toàn*! Cậu đã vượt qua cả chặng đường dài để mang nó đến với tớ nguyên vẹn...”

Những từ ngữ vội vàng tuôn ra một cách khẩn thiết đến mức bản thân cô cũng không kì vọng vào câu trả lời nào. Cô bé lật đi lật lại chiếc Chân Kế, những ngón tay cô vuốt ve lớp vàng nặng trĩu, mặt pha lê phẳng mịn và những núm xoay mà chúng đã biết quá rõ.

Will nghĩ: *Nó sẽ cho chúng ta biết cách sửa con dao!*

Nhưng trước tiên cậu nói: “Cậu ổn chứ? Cậu có đói hay khát không?”

“Tớ không biết nữa... có. Nhưng không quá nhiều. Dù sao thì...”

“Chúng ta nên tránh xa khỏi cái cửa sổ này,” Will nói, “phòng trường hợp người ta tìm được nó và đi qua.”

“Ừ, phải,” cô bé đáp, rồi chúng leo lên dốc, Will đeo balô của mình còn Lyra thì sung sướng mang chiếc túi nhỏ mà cô dùng để đựng Chân Kế. Từ khóe mắt, Will có thể thấy hai mặt thám tử hon vẫn đang theo sau, nhưng họ giữ khoảng cách và không hề tỏ ra đe dọa.

Bên trên đỉnh của gò đất có một vĩa đá tạo ra một chỗ trú ẩn hẹp, hai đứa trẻ ngồi xuống bên dưới sau khi đã kiểm tra kĩ lưỡng xem có rắn hay không, rồi chia sẻ với nhau ít hoa quả khô và nước từ bi đông của Will.

Will khẽ nói: “Con dao gãy rồi. Tớ không biết chuyện đó xảy ra như thế nào. Phu nhân Coulter đã làm gì đó, hay nói gì đó, khiến tớ nghĩ tới mẹ mình và điều đấy khiến cho con dao bị vụn, hoặc bị mắc, hay - tớ không biết chuyện gì đã xảy ra nữa. Nhưng cho tới khi nó được sửa thì chúng ta sẽ bị

kết. Tớ không muốn hai người tí hon kia biết, vì chừng nào họ còn nghĩ là tớ có thể sử dụng nó, tớ vẫn có ưu thế. Tớ nghĩ cậu có thể hỏi Chân Kế, có lẽ vậy, và...”

“Được!” Cô bé lập tức nói. “Được chứ, tớ sẽ làm.”

Trong một loáng cô bé đã lấy chiếc máy bằng vàng ra rồi dịch người vào ánh trăng để có thể nhìn rõ mặt la bàn. Sau khi gạt tóc ra sau tai, giống như Will đã nhìn thấy mẹ cô làm, cô bé bắt đầu vặn núm xoay theo cái cách cũ quen thuộc ấy, trong lúc Pantalaimon, dưới dạng chuột, ngồi trên đầu gối cô. Nhưng việc đó không dễ như cô tưởng; có lẽ ánh trăng đã làm cho cô nhầm lẫn. Cô phải xoay vài lần rồi chớp chớp mắt thì những biểu tượng mới hiện lên rõ ràng, và khi đó cô lại nắm được nó.

Cô bé vừa mới bắt đầu thì đã há hốc miệng vì phần khích. Cô ngược nhìn Will với đôi mắt sáng lấp lánh trong lúc cây kim xoay. Nhưng nó vẫn chưa chỉ dẫn xong, cô quay lại nhìn, chau mày, cho tới khi cái máy đứng yên.

Cô cất nó đi rồi nói: “Iorek? Ông ấy có ở gần đây không, Will? Tớ nghĩ tớ đã nghe thấy cậu gọi ông ấy, nhưng rồi tớ lại cho rằng mình chỉ đang thăm ước điều đó thôi. Ông ấy *thật sự* ở gần đây chứ?”

“Ừ. Ông ấy sửa được con dao à? Đó là điều Chân Kế đã nói sao?”

“Ồ, ông ấy có thể làm bất cứ việc gì với kim loại, Will ạ! Không chỉ áo giáp đâu - ông ấy còn có thể chế tạo ra những thứ nhỏ bé tinh xảo nữa...” Cô bé kể cho cậu nghe về cái hộp thiếc nhỏ mà Iorek đã làm cho cô để nhốt con bọ gián điệp vào. “Nhưng ông ấy đâu rồi?”

“Gần đây. Ông ấy hẳn đã đến lúc tớ gọi, nhưng lúc đó rõ ràng là ông ấy đang chiến đấu... Còn Balthamos! Ôi, ông ấy hẳn là sợ hãi lắm...”

“Ai cơ?”

Cậu giải thích ngắn gọn, cảm thấy hai má ửng lên vì nỗi tủi hổ mà vị thiên thần chắc hẳn đang cảm thấy.

“Nhưng tớ sẽ kể với cậu thêm về ông ấy sau,” cậu nói. “Kì lạ lắm... Ông ấy đã cho tớ biết rất nhiều việc, và tớ nghĩ mình cũng hiểu được

chúng...” Cậu đưa tay vuốt tóc rồi dụi mắt.

“Cậu phải kể với tớ *mọi việc*,” cô bé kiên quyết nói. “Mọi việc cậu đã làm kể từ khi bà ấy bắt được tớ. Ôi, Will, không phải cậu vẫn chảy máu đó chứ? Bàn tay tội nghiệp của cậu...”

“Không. Bố tớ đã chữa lành cho tớ rồi. Chỉ là tớ làm hở vết thương khi đánh con khi vàng, nhưng giờ đỡ rồi. Bố đã cho tớ một ít thuốc mỡ mà ông làm...”

“Cậu *tìm thấy* bố mình rồi à?”

“Phải, trên núi, đêm hôm đó...”

Cậu để cô bé lau vết thương cho mình rồi đắp chút thuốc mỡ mới từ chiếc hộp nhỏ bằng sừng trong lúc kể cho cô nghe vài chuyện đã xảy ra: cuộc chiến với kẻ lạ mặt, sự sáng tỏ đến với cả hai chỉ một giây trước khi mũi tên của cô phù thủy bắn trúng đích, cuộc gặp gỡ với các thiên thần, hành trình tới hang động và cuộc gặp gỡ với Iorek.

“Tất cả những chuyện đó xảy ra trong khi tớ thì ngủ tít,” cô bé kinh ngạc. “Cậu có biết không, tớ nghĩ là bà ấy rất tử tế với mình, Will ạ - tớ *nghĩ* bà ấy thực sự thế - tớ không nghĩ có bao giờ bà ấy lại muốn làm hại tớ... Bà ấy đã làm những việc tồi tệ như vậy, nhưng...”

Cô bé dụi mắt.

“À, nhưng *giấc mơ* của tớ, Will ạ - tớ không thể diễn tả được nó kì quặc đến thế nào! Nó giống như khi tớ đọc Chân Kế, toàn bộ những sự thông suốt và thấu hiểu tiến sâu tới mức không nhìn thấy đáy, nhưng lại sáng tỏ tới tận cùng.

“Nó... Còn nhớ tớ đã kể với cậu về người bạn Roger của tớ, về việc Những Kẻ háu ăn đã bắt được cậu ấy, sau đó tớ cố cứu cậu ấy nhưng lại phạm sai lầm và Ngài Asriel đã giết cậu ấy không?”

“Ồm, tớ đã thấy cậu ấy. Tớ gặp lại cậu ấy trong giấc mơ, chỉ có điều là cậu ấy đã chết, cậu ấy là một bóng ma, cậu ấy kiểu như đang ra hiệu cho tớ, gọi tớ, nhưng tớ không thể nghe được. Cậu ấy không muốn tớ *chết*, không phải vậy. Cậu ấy muốn nói chuyện với tớ.

“Và... Chính tớ đã dẫn cậu ấy tới đó, tới Svalbard, nơi cậu ấy bị giết, cậu ấy chết là do lỗi của tớ. Rồi tớ nhớ lại thời chúng tớ thường chơi đùa ở Học viện Jordan, Roger và tớ, trên mái nhà, qua khắp cả thị trấn, trong các khu chợ, bên bờ sông và xuống tới Claybeds... Tớ và Roger với tất cả những đứa khác... Tớ đã tới Bolvangar để đưa cậu ấy về nhà an toàn, nhưng tớ chỉ khiến cho mọi việc tồi tệ hơn, nếu tớ không nói lời xin lỗi thì không ổn chút nào, chỉ là sự phí phạm thời gian khủng khiếp. Tớ phải làm việc đó, Will ạ, cậu thấy đấy. Tớ phải tới vùng đất của người chết và tìm cậu ấy rồi... rồi nói xin lỗi. Tớ không quan tâm chuyện gì sẽ xảy ra sau đó. Rồi chúng ta có thể... Tớ có thể... Sau đó thì sao cũng được.”

Will nói: “Cái nơi người chết ở. Nó có phải một thế giới giống như nơi này, giống như của tớ hay của cậu hay của những người khác không? Có phải một thế giới mà tớ có thể đến được nhờ con dao không?”

Cô quay sang nhìn cậu, giật mình bởi ý tưởng đó.

“Cậu có thể hỏi,” cậu nói tiếp. “Làm luôn đi. Hỏi xem nó ở đâu, và chúng ta làm thế nào để tới đó.”

Cô cúi xuống chiếc Chân Kế, lại phải dụi mắt và nhòm vào thật sát, rồi những ngón tay của cô lạnh lẽo di chuyển, chỉ một phút sau, cô đã có câu trả lời.

“Được,” cô nói, “nhưng đó là một nơi lạ thường, Will ạ... *Thực sự* lạ thường... Chúng ta làm được thật không? Chúng ta liệu có tới được vùng đất của người chết thật không? Nhưng - phần nào của chúng ta sẽ làm điều đó? Bởi vì linh thú sẽ tan biến khi chúng ta chết đi - tớ đã chứng kiến rồi - còn cơ thể của chúng ta, thì, chỉ nằm trong mộ mà thôi rửa thôi, không phải sao?”

“Vậy thì chắc chắn phải có một phần thứ ba. Một phần khác biệt.”

“Cậu biết không,” cô nói, giọng đầy phấn khích, “tớ nghĩ điều đó chắc là đúng đấy! Bởi vì tớ có thể nghĩ về cơ thể của mình và có thể nghĩ về linh thú của mình - vì vậy *hắn* phải có một phần khác, để làm cái công việc suy nghĩ đó!”

“Phải. Và đó là hồn ma.”

Mắt Lyra sáng rực lên. Cô bé nói: “Có khi chúng ta có thể đưa hồn ma của Roger ra. Có khi chúng ta có thể cứu cậu ấy.”

“Có lẽ vậy. Chúng ta có thể thử.”

“Phải, chúng ta sẽ làm điều đó!” Cô lập tức nói. “Chúng ta sẽ cùng đi! Đó chính xác là việc chúng ta sẽ làm!”

Nhưng nếu không sửa được con dao, Will nghĩ, chúng sẽ hoàn toàn chẳng làm được gì hết.

Ngay khi đầu óc đã tỉnh táo lại và bụng cũng đỡ đau, cậu ngồi dậy gọi các mật thám tí hon lại. Họ đang bận rộn với một cái máy nhỏ bé nào đó ở gần đấy.

“Các vị là ai?” Cậu hỏi. “Các vị thuộc phe nào?”

Người đàn ông kết thúc việc mình đang làm rồi đóng một cái hộp gỗ lại, trông nó giống như hộp đựng đàn violin không dài hơn một quả óc chó. Người phụ nữ lên tiếng trước.

“Chúng tôi là những người Gallivespia,” bà đáp. “Tôi là Công nương Salmakia, còn bạn đồng hành của tôi là Hiệp sĩ Tialys. Chúng tôi là mật thám cho Ngài Asriel.”

Bà đang đứng trên một tảng đá cách Will và Lyra chừng ba hay bốn bước chân, rõ nét và sáng bừng dưới ánh trăng. Giọng nói nhỏ xíu của bà trầm và trong trẻo một cách hoàn hảo, biểu hiện đầy tự tin. Bà mặc bộ váy rộng làm từ một chất liệu bạc nào đó và chiếc áo không tay màu xanh lục, hai bàn chân có cựa của bà để trần, giống như người đàn ông còn lại. Trang phục của ông ta cũng có màu tương tự, nhưng ống tay áo của ông dài còn cái quần rộng kéo đến nửa bắp chân. Cả hai bọn họ trông đều mạnh mẽ, tài giỏi, tàn nhẫn và kiêu hãnh.

“Các vị đến từ thế giới nào vậy?” Lyra hỏi. “Tôi chưa bao giờ thấy người nào như các vị.”

“Thế giới của chúng tôi cũng có những vấn đề giống như thế giới của cô,” Tialys nói. “Chúng tôi là những kẻ ngoại đạo. Lãnh đạo của chúng tôi,

Ngài Roke, nghe nói đến cuộc nổi dậy của Ngài Asriel, và đã hứa cử chúng tôi đến hỗ trợ.”

“Vậy các vị muốn làm gì tôi?”

“Đưa cô đến chỗ cha mình,” Công nương Salmakia nói. “Ngài Asriel đã cử một lực lượng dưới trướng của Quốc vương Ogunwe để giải cứu cho cô và cậu bé, rồi đưa cả hai đến pháo đài của mình. Chúng tôi ở đây để giúp đỡ.”

“À, nhưng giả sử tôi không muốn tới chỗ cha mình thì sao? Giả sử tôi không tin ông ấy?”

“Tôi rất tiếc phải nghe thấy điều đó,” bà nói, “nhưng đó là mệnh lệnh của chúng tôi: Phải đưa cô tới chỗ ông ấy.”

Lyra không thể kiềm chế nổi: Cô phá lên cười lớn trước ý niệm về việc những con người tí hon này sẽ ép cô làm bất cứ điều gì. Nhưng đó là một sai lầm. Người phụ nữ đột ngột di chuyển và tóm lấy Pantalaimon, kẹp chặt cơ thể chuột của nó rồi chạm một đầu cựa vào chân nó. Lyra thở gấp: Cú sốc đó giống hệt như khi đám người ở Bolvangar tóm được con linh thú. Không ai được phép chạm vào linh thú của người khác - như thế là phạm luật.

Nhưng rồi cô nhìn thấy Will đã nhanh tay tóm được người đàn ông bằng bàn tay phải của mình, siết thật chặt quanh hai chân để ông ta không thể dùng được cựa, rồi giơ lên cao.

“Lại vào thế bí rồi,” vị công nương điềm tĩnh nói. “Đặt hiệp sĩ xuống đi, cậu nhóc.”

“Thả linh thú của Lyra ra trước đã,” Will nói. “Tôi không có tâm trạng nào để tranh cãi đâu.”

Lyra rùng mình lạnh người khi thấy rằng Will hoàn toàn sẵn sàng đập đầu người Gallivespia vào đá. Và cả hai người tí hon đều biết điều đó.

Salmakia nhấc cựa ra khỏi chân của Pantalaimon, nó lập tức vùng thoát ra rồi biến thành một con mèo rừng, miệng rít lên dữ tợn, lông dựng đứng, đuôi quất tới tấp. Bộ răng nhe ra của nó chỉ cách mặt vị công nương một khoảng bằng chiều rộng bàn tay, nhưng bà lại nhìn nó với vẻ hoàn toàn bình

tĩnh. Một lúc sau nó quay đi rồi lao vào lòng Lyra, trong dạng chồn ermine, và Will cẩn thận đặt Tialys xuống lại tảng đá bên cạnh bạn đồng hành của mình.

“Cô nên tỏ ra biết tôn trọng hơn,” hiệp sĩ nói với Lyra. “Cô là một đứa trẻ xấu xược, thiếu chín chắn, tối nay vài người đàn ông dũng cảm đã hi sinh để cho cô được an toàn đấy. Vậy nên tốt hơn hết là cô tỏ ra lễ độ đi.”

“Vâng,” cô bé khúm núm đáp. “Tôi xin lỗi, tôi sẽ làm vậy. Thật đấy.”

“Còn cậu...” Ông ta nói tiếp trong lúc quay về phía Will.

Nhưng Will đã ngắt lời: “Còn tôi, tôi sẽ không để mình bị nói bằng cái giọng như thế đâu, nên đừng có cố. Tôn trọng cần đến từ cả hai phía. Giờ thì nghe cho rõ này. Các người không phải chỉ huy ở đây mà là chúng tôi. Nếu các người muốn ở lại giúp thì phải làm như chúng tôi bảo. Còn không thì về với Ngài Asriel ngay đi. Không có tranh cãi gì về việc này hết.”

Lyra có thể thấy hai người kia căng lên vì giận dữ, nhưng Tialys đang nhìn bàn tay đặt trên bao đựng dao ở thắt lưng của Will, và cô biết ông ta nghĩ rằng chừng nào Will còn có con dao, cậu vẫn mạnh hơn họ. Vậy thì bằng mọi cách phải không cho họ biết rằng nó đã bị gãy.

“Hiểu rồi,” hiệp sĩ nói. “Chúng tôi sẽ giúp cậu, vì đó là nhiệm vụ chúng tôi đã được giao. Nhưng cậu phải nói cho chúng tôi biết mình định làm gì.”

“Được thôi,” Will đáp. “Tôi sẽ cho ông biết. Chúng tôi sẽ trở lại thế giới của Lyra ngay sau khi được nghỉ ngơi, và chúng tôi sẽ đi tìm một người bạn của mình, một con gấu. Ông ấy không ở xa đâu.”

“Con gấu mặc giáp ấy à? Hiểu rồi,” Salmakia nói. “Chúng tôi đã thấy ông ta chiến đấu. Chúng tôi sẽ giúp các cậu làm việc đó. Nhưng sau đó các cậu phải đi cùng chúng tôi tới chỗ Ngài Asriel.”

“Vâng,” Lyra đáp, nói dối một cách nghiêm túc, “à vâng, lúc đó chúng tôi chắc chắn sẽ làm vậy.”

Lúc này Pantalaimon đã bình tĩnh lại, và trở nên tò mò. Cô bé để cho nó trèo lên vai mình và biến hình. Nó hóa thành một con chuồn chuồn, to

không kém gì hai con đang bay là đà trong không khí khi họ nói chuyện, rồi bay vụt tới nhập bọn với chúng.

“Thứ chất độc đó,” Lyra quay lại phía những người Gallivespia và nói, “ý tôi là thứ trong cửa của các vị, nó có nguy hiểm chết người không? Vì các vị đã chích mẹ của tôi, Phu nhân Coulter, đúng không nào? Bà ấy liệu có chết không?”

“Đó chỉ là một cú chích nhẹ thôi,” Tialys đáp. “Một liều trọn vẹn sẽ giết chết bà ta, phải, nhưng một vết cào nhỏ sẽ chỉ khiến bà ta trở nên yếu ớt và uể oải trong nửa ngày gì đó thôi.”

Cộng thêm cơn đau đến điên dại nữa, ông ta biết nhưng không nói với cô bé điều đó.

“Tôi cần phải nói chuyện riêng với Lyra,” Will nói. “Chúng tôi sẽ chỉ đi một phút thôi.”

“Với con dao đó,” hiệp sĩ nói, “cậu có thể cắt từ thế giới này thông sang thế giới khác, không phải sao?”

“Ông không tin tôi à?”

“Không.”

“Được rồi, vậy thì tôi sẽ để nó lại đây. Nếu không có nó thì tôi sẽ không sử dụng được.”

Cậu mở khóa bao đựng rồi đặt nó lên nền đá, sau đó cậu và Lyra bước đi và ngồi xuống một chỗ mà chúng có thể nhìn thấy hai người Gallivespia. Tialys đang chăm chú nhìn chuôi dao, nhưng không hề động vào nó.

“Chúng ta chỉ cần phải chịu đựng bọn họ thôi,” Will nói. “Ngay khi con dao được sửa xong, chúng ta sẽ chạy trốn.”

“Họ quá *nhANH*, Will ạ,” cô nói. “Họ cũng sẽ không quan tâm, họ sẽ giết cậu.”

“Tớ chỉ hi vọng Iorek có thể sửa được nó. Tớ đã không nhận ra chúng ta cần nó đến nhường nào.”

“Ông ấy sẽ làm được,” cô bé tự tin đáp.

Cô đang quan sát Pantalaimon là là bay rồi lao vút qua không khí, chớp lấy những con bướm đêm nhỏ xíu giống như những con chuồn chuồn còn lại. Nó không thể bay xa được như chúng, nhưng không hề kém phần nhanh nhẹn, thậm chí còn tỏ ra hoạt bát hơn nữa. Cô bé nâng bàn tay lên để nó đậu trên đó, đôi cánh dài trong suốt rung rinh.

“Cậu có nghĩ chúng ta có thể tin tưởng họ lúc đi ngủ không?” Will hỏi.

“Có. Bọn họ dữ tợn nhưng tớ nghĩ họ trung thực.”

Hai đứa trẻ trở lại bên tảng đá, Will nói với những người Gallivespia: “Bây giờ tôi sẽ đi ngủ. Chúng ta sẽ tiếp tục lên đường khi trời sáng.”

Hiệp sĩ gật đầu. Will lập tức cuộn tròn người lại rồi ngủ thiếp đi.

Lyra ngồi xuống bên cạnh cậu, với Pantalaimon trong dạng mèo, tỏa hơi ấm trong lòng cô. Will thật may mắn làm sao khi lúc này cô bé đã tỉnh lại để chăm lo cho cậu! Cậu thực sự là một kẻ bạo gan, và cô ngưỡng mộ điều đó không tả xiết; nhưng cậu không giỏi nói dối, phản bội và lừa lọc, trong khi tất cả những thứ đó lại đến với cô một cách tự nhiên như việc hít thở vậy. Khi nghĩ về điều đó cô bé cảm thấy ấm áp và đầy đức hạnh, vì cô làm điều đó cho Will chứ không hề là cho bản thân mình.

Cô đã định xem Chân Kế một lần nữa, nhưng trước sự ngạc nhiên hết đoi của chính bản thân, cô thấy mình mệt rã rời như thế suốt thời gian qua đã phải thức chứ không phải là bất tỉnh. Cô liền nằm xuống cạnh đó rồi nhắm mắt lại, chỉ chớp mắt một tí thôi, cô tự nhủ như vậy trước khi thiếp đi.

14

Biết đó là gì

Lao động không có niềm vui là nền tảng.

Lao động không có đau khổ là nền tảng.

Đau khổ không có lao động là nền tảng.

Niềm vui không có lao động là nền tảng.

John Ruskin

Will và Lyra ngủ xuyên đêm, chúng chỉ tỉnh lại khi mặt trời rọi lên mí mắt.

Trên thực tế, chúng tỉnh dậy chỉ cách nhau vài giây, cả hai cùng có một suy nghĩ: Nhưng khi chúng nhìn ra xung quanh, Hiệp sĩ Tialys vẫn đang điềm tỉnh canh gác ở gần đó.

“Lực lượng của Tòa án Công giáo đã rút lui rồi,” ông nói với chúng. “Phu nhân Coulter đang ở trong tay Quốc vương Ogunwe, họ đang trên đường tới chỗ Ngài Asriel.”

“Làm sao ông biết?” Will nói trong lúc khó nhọc ngồi dậy, người cứng đờ. “Ông đã quay lại đó bằng ô cửa sổ à?”

“Không. Chúng tôi trao đổi qua máy cộng hưởng đá nam châm. Tôi đã báo cáo lại cuộc trò chuyện của chúng ta,” Tialys nói với Lyra, “cho chỉ huy của tôi là Ngài Roke, ông ấy đã đồng ý là chúng tôi nên đi cùng hai cô cậu tới chỗ con gấu, và rằng sau khi gặp được nó, hai người sẽ đi cùng chúng

tôi. Vì vậy chúng tôi là đồng minh, và chúng tôi sẽ giúp đỡ hai người nhiều nhất có thể.”

“Tốt,” Will nói. “Vậy thì hãy cùng ăn thôi. Các vị dùng đồ ăn của chúng tôi chứ?”

“Cảm ơn cậu, vâng,” công nương nói.

Will lấy ra vài miếng đào sấy cuối cùng và ổ bánh mì lúa mạch đen bẹp dí, cũ mèm, đó là tất cả những gì còn sót lại, rồi chia cho tất cả mọi người, dù đương nhiên là hai mật thám không ăn nhiều.

“Còn về nước, có vẻ như tại thế giới này không có chút nào ở quanh đây cả,” Will nói. “Chúng ta sẽ phải đợi đến khi quay trở về rồi mới có thể được uống.”

“Vậy thì chúng ta nên làm thế sớm đi,” Lyra nói.

Tuy vậy, việc đầu tiên cô làm là lấy Chân Kế ra. Không giống như đêm hôm trước, cô có thể thấy nó rất rõ, nhưng những ngón tay cô lại chậm chạp và dờ dẫm sau giấc ngủ dài. Cô hỏi liệu có còn hiểm họa nào trong thung lũng không. Câu trả lời là không, toàn bộ lính tráng đã đi hết, còn dân làng thì đang ở trong nhà của mình; vậy là họ chuẩn bị lên đường.

Ô cửa sổ trông thật kì lạ trong bầu không khí chói lòa của sa mạc, mở hướng về phía bụi cây phủ bóng tối sẫm, một khoảng thực vật xanh rậm rạp hình vuông lơ lửng trong không khí như một bức tranh vẽ. Hai người Gallivespia muốn nhìn nó, và sững sờ khi thấy cái cách mà nó chỉ đơn giản là không tồn tại khi nhìn từ phía sau, nhưng lại vụt hiện ra khi họ vòng sang bên cạnh.

“Tôi sẽ phải đóng nó lại khi chúng ta đã đi qua,” Will nói.

Lyra cố thử kẹp các cạnh vào với nhau, nhưng những ngón tay cô hoàn toàn không thể tìm được nó; các mật thám cũng thế, bất chấp đôi bàn tay tinh tế của họ. Chỉ mình Will là có thể cảm nhận được chính xác vị trí của các cạnh, và cậu làm việc đó rất gọn gàng và nhanh chóng.

“Có bao nhiêu thế giới mà cậu có thể vào được bằng con dao này?” Tialys hỏi.

“Có bao nhiêu thế giới thì tôi vào được bấy nhiêu cái,” Will đáp. “Chẳng ai có đủ thời gian tìm hiểu điều đó đâu.”

Cậu quàng balô lên rồi dẫn đường theo lối mòn trong rừng. Lũ chuồn chuồn thích thú tận hưởng không khí ẩm ướt tươi mát, chúng lao đi như những cái kim qua các chùm tia nắng. Chuyển động của đám cây phía trên đã bớt dữ dội hơn, không khí mát lạnh và tĩnh lặng; do vậy mà quang cảnh một chiếc xa thăng vờ nát bị vặn xoắn treo lơ lửng giữa những cành cây, với cơ thể người phi công Phi châu bị mắc trong chiếc đai an toàn, thò nửa người ra khỏi cửa, càng trở nên kinh hoàng hơn. Không kém phần sừng sốt là tàn tích bị cháy thành tro của chiếc zeppelin phía trên cao hơn một chút - những vật vãi đen như bồ hóng, các thanh chống và hệ thống ống dẫn đen xì, kính vỡ tan tành, rồi đến những cái xác: ba người đàn ông bị đốt cháy sém, chân tay vẹo vọ, vươn lên như thể vẫn đang dọa sẽ lao tới tấn công.

Mà đó mới chỉ là những người đã ngã xuống ở gần lối mòn. Còn có nhiều thi thể và đồng đồ nát khác tại vách núi phía trên và giữa những hàng cây ở sâu phía dưới. Hoảng hốt và nín lặng, hai đứa trẻ bước qua cảnh tàn sát trong lúc các mật thám cười chuồn chuồn nhìn quanh với vẻ lãnh đạm do đã quá quen với chiến đấu, ghi nhớ lại trận chiến đã diễn ra như thế nào và ai bị thiệt hại nhiều nhất.

Khi họ lên tới đỉnh thung lũng, nơi cây cối trở nên thưa thớt và những thác nước cầu vòng bắt đầu hiện ra, họ dừng lại để uống thật đã thú nước lạnh như băng.

“Hi vọng là bé gái kia vẫn ổn,” Will nói. “Chúng ta sẽ không bao giờ có thể cứu thoát cậu nếu cô bé không đánh thức cậu dậy. Nó đã tới chỗ một người đàn ông mộ đạo chỉ để lấy thứ bột đó.”

“Cô bé ổn cả,” Lyra nói, “vì tớ đã hỏi Chân Kế rồi, tối hôm qua. Có điều nó nghĩ chúng ta là quỷ dữ đó. Nó sợ chúng ta. Có khi nó lại ước giá mà mình chưa từng dính dáng đến vụ này, nhưng dù sao thì nó vẫn an toàn.”

Chúng trèo lên tới sát những thác nước rồi đổ đầy bi đông của Will trước khi lao qua vùng cao nguyên về phía đỉnh núi, nơi Chân Kế nói với Lyra rằng Iorek đã đến.

Sau đó là một ngày dài đi bộ mòn mỏi: không có vấn đề gì với Will, nhưng lại là một sự tra tấn đối với Lyra, do hai chân cô đã yếu mềm đi sau giấc ngủ dài. Nhưng cô thà cắn lưỡi còn hơn phải thú nhận rằng mình đang mệt: vừa mím môi lết đi, vừa run rẩy, cô bé cố gắng theo kịp Will mà không nói gì. Chỉ khi hai đứa ngồi xuống vào buổi trưa, cô mới cho phép bản thân phát ra một tiếng rên rỉ, và chỉ khi Will đã đi khỏi để tự làm khuây khỏa bản thân.

Công nương Salmakia nói: “Nghỉ ngơi đi. Cảm thấy mệt đâu phải là điều gì đáng xấu hổ.”

“Nhưng tôi không muốn khiến Will thất vọng! Tôi không muốn cậu ấy nghĩ rằng mình yếu ớt và đang cầm chân cậu ấy.”

“Cậu ta không bao giờ nghĩ vậy đâu.”

“Bà làm sao biết được,” Lyra xác xược nói. “Bà biết về cậu ấy đâu có nhiều hơn biết về tôi.”

“Chỉ cần nghe là tôi biết thế nào là láo xược rồi,” công nương điềm tĩnh nói. “Giờ thì nghe theo lời tôi và nghỉ ngơi đi. Giữ sức để mà còn đi bộ tiếp.”

Lyra cảm thấy muốn chống đối, nhưng những cái cựa sáng lấp lánh của vị công nương hiện ra rõ rệt dưới ánh nắng nên cô không nói gì cả.

Hiệp sĩ, người bạn đồng hành của bà, đang mở hộp đựng chiếc máy cộng hưởng đá nam châm, và rồi, để cho tính tò mò lấn át cả cơn bức bối, Lyra chăm chú nhìn xem ông ta làm gì. Thiết bị đó trông giống như một cái bút chì cỡ ngắn làm từ loại đá đen xám mờ đục, đặt trên một cái giá bằng gỗ. Hiệp sĩ lướt một cây vĩ nhỏ xíu giống như vĩ kéo của violin trên phần cuối viên đá trong lúc ấn những ngón tay lên nhiều điểm khác nhau dọc trên bề mặt. Những vị trí đó không được đánh dấu nên trông ông như đang chạm vào chúng một cách ngẫu nhiên, nhưng từ biểu hiện mãnh liệt và những cử động trôi chảy, chính xác của ông, Lyra biết rằng đó là một quá trình đòi hỏi sự khéo léo rất khắt khe giống như việc cô đọc Chân Kế vậy.

Vài phút sau, vị hiệp sĩ cất cây vĩ đi rồi cầm một cặp ống nghe lên, phần loa đàm thoại không lớn hơn móng tay út của Lyra, rồi úp thật khít một

đầu sợi dây quanh một cái mẫu ở cuối viên đá, dẫn đầu còn lại tới một cái mẫu khác ở đầu bên kia rồi ụp nó lên đó. Bằng cách điều chỉnh hai cái mẫu và sức căng của sợi dây giữa chúng, ông ta có thể nghe thấy một cách rõ ràng lời phản hồi cho thông điệp của mình.

“Cái đó hoạt động như thế nào vậy?” Cô bé nói khi ông đã làm xong.

Tialys nhìn cô bé như để đánh giá xem cô có thật sự hứng thú hay không, rồi sau đó nói: “Các nhà khoa học ở thế giới của cô, cô gọi họ là gì ấy nhỉ, các nhà thần học thực nghiệm, sẽ biết về một thứ được gọi là rối lượng tử. Nó có nghĩa là hai hạt vật chất có thể tồn tại mà chỉ có những đặc tính chung, sao cho bất cứ chuyện gì xảy ra với một hạt cũng sẽ xảy ra với hạt còn lại vào cùng một thời điểm, dẫu cho chúng có cách xa nhau đến thế nào đi nữa. Ở thế giới của chúng tôi có phương pháp lấy một viên đá nam châm thông thường rồi mắc nối tất cả các hạt của nó vào với nhau, sau đó tách làm đôi sao cho hai phần cộng hưởng lẫn nhau. Bản sao của viên này đang ở chỗ Ngài Roke, chỉ huy của chúng tôi. Khi tôi dùng vĩ thao tác với viên đá này, viên còn lại sẽ sản sinh ra những âm thanh giống y hệt, và chúng tôi giao tiếp được nhờ vậy.”

Ông cất tất cả đi rồi nói gì đó với công nương. Bà cùng với ông rời khỏi đó một chút, họ nói chuyện khẽ đến mức Lyra không thể nghe nổi, dù cho Pantalaimon đã biến thành một con cú rồi quay đôi tai lớn của nó về hướng họ.

Đúng lúc đó Will quay lại và cả bọn lại lên đường, chậm rãi hơn khi ngày dần trôi qua, lối đi dần dốc hơn và đường băng tuyết đang tiến lại gần. Họ dừng lại nghỉ thêm một lần nữa trên đỉnh của một thung lũng đầy đá sỏi, vì đến cả Will cũng thấy được rằng Lyra sắp gục rồi: Cô bé đang lết đi tập tễnh, mặt xám xịt lại.

“Cho tớ xem bàn chân cậu nào,” cậu nói với cô, “nếu chúng bị phỏng rộp, tớ sẽ bôi chút thuốc mỡ lên.”

Chúng bị rộp khá tồi tệ, nên cô đã để cậu bé xoa thuốc mỡ từ rêu cầm máu lên trong khi bản thân thì nhắm nghiền mắt và nghiền chặt răng lại.

Trong lúc đó, hiệp sĩ đang rất bận rộn, sau vài phút ông cất viên đá nam châm đi rồi nói: “Tôi đã thông báo với Ngài Roke về vị trí của chúng ta, họ sẽ cử một chiếc xa thăng tới đưa chúng ta đi ngay khi các cô cậu đã nói chuyện với người bạn của mình.”

Will gật đầu. Lyra không tỏ ra bận tâm. Ngay sau đó cô uể oải ngồi dậy, kéo tất lên và đi giày vào, rồi họ lại lên đường.

Một giờ đồng hồ nữa trôi qua, phần lớn thung lũng đã chìm vào trong bóng tối. Will đang tự hỏi không biết có nên tìm một chỗ trú nào đó trước khi màn đêm phủ bóng hay không, thì Lyra kêu lên một tiếng đầy nhẹ nhõm và vui mừng.

“Iorek! Iorek!”

Cô bé đã nhìn thấy con gấu trước Will. Vua gấu vẫn còn ở cách đó khá xa, bộ lông màu trắng của nó chìm lẫn vào mảng tuyết phía sau, nhưng khi giọng Lyra vọng tới, nó liền quay đầu lại, hếch mũi lên hít hà, rồi lao xuống sườn núi về phía chúng.

Phớt lờ Will, con gấu để cho Lyra ghì chặt lấy cổ rồi vùi mặt vào bộ lông của mình, nó gầm gừ bằng một giọng trầm đến mức Will có thể cảm nhận thấy qua hai bàn chân; nhưng Lyra lại thấy dễ chịu, chẳng mấy chốc cô bé đã quên bằng đi những vết phồng rộp và sự mệt mỏi.

“Ôi, Iorek thân mến, được gặp ông mừng quá! Tôi không bao giờ nghĩ lại có thể được gặp lại ông - sau lần đó ở Svalbard - và tất cả những chuyện đã xảy ra - ông Scoresby vẫn an toàn chứ? Vương quốc của ông thế nào rồi? Ông ở đây một mình thôi à?”

Các mật thám tí hon đã biến mất; dù sao đi nữa, dường như lúc này chỉ còn lại ba người bọn họ trên sườn núi đang tối dần, cậu bé, cô bé và con gấu trắng vĩ đại. Như thể chưa từng mong muốn được ở bất kì nơi nào khác, Lyra leo lên khi Iorek đưa lưng ra rồi cười trên đó một cách tự hào và vui sướng khi người bạn thân thiết chở cô qua quãng đường còn lại tới hang động của nó.

Do đang chìm sâu trong suy nghĩ, Will không nghe thấy những gì Lyra nói với Iorek, dù cậu có nghe thấy một tiếng kêu hoảng hốt vào một thời

điểm nào đó, rồi nghe thấy cô nói:

“Ông Scoresby - ôi không! Ôi, thật là quá tàn nhẫn! Chết *thật* rồi ư? Ông chắc chứ, Iorek?”

“Cô phù thủy nói với tôi rằng ông ấy đã lên đường tìm một người đàn ông có tên Grumman,” con gấu nói.

Giờ thì Will đã chăm chú lắng nghe hơn, vì Baruch và Balthamos có kể với cậu đôi chút về chuyện này.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy? Ai giết ông ấy?” Lyra hỏi, giọng run rẩy.

“Ông ấy đã hi sinh trong lúc chiến đấu. Ông ấy đã cầm chân cả một đoàn người Muscovy trong lúc người đàn ông kia trốn thoát. Tôi đã tìm thấy xác của ông ấy. Ông ấy đã hi sinh một cách quả cảm. Tôi sẽ trả thù cho ông ấy.”

Lyra đang khóc nức nở, trong khi Will thì không biết phải nói gì, vì chính bố cậu đã khiến cho người đàn ông không quen biết này phải chết để bảo vệ; cả Lyra và con gấu đều quen biết và yêu mến Lee Scoresby, nhưng cậu thì không.

Chẳng bao lâu sau, Iorek rẽ sang một bên rồi tiến tới lối vào một hang động tối thui trên nền tuyết trắng. Will không biết các mật thám đang ở đâu, nhưng cậu biết chắc chắn rằng họ đang ở gần đó. Cậu muốn nói nhỏ với Lyra vài điều, nhưng sẽ không làm vậy cho tới khi thấy được những người Gallivespia và biết rằng mình không bị nghe lén.

Cậu đặt balô xuống cửa động rồi uể oải ngồi xuống. Bên cạnh đó, con gấu đang nhóm lửa, còn Lyra thì quan sát một cách tò mò dù cho cô vẫn đang rất đau buồn. Iorek cầm một hòn đá nhỏ, một dạng như quặng sắt, trong bàn tay trái của mình rồi đập nó không quá ba hay bốn lần lên một hòn đá tương tự nằm trên sàn. Mỗi lần các tàn lửa đều tóe ra và bắn chính xác vào nơi Iorek đã hướng chúng tới: vào một đồng cảnh con bị bẻ vụn và cỏ khô. Chẳng mấy chốc chỗ cảnh con đã cháy rực lên, rồi Iorek điềm tĩnh đặt vào đó một khúc cây, thêm một khúc nữa, rồi lại một khúc nữa, cho tới khi ngọn lửa bùng lên mạnh mẽ.

Hai đứa trẻ rất hoan nghênh ngọn lửa, vì không khí lúc này đã trở nên cực kì lạnh lẽo, nhưng sau đó còn có một thứ tuyệt vời hơn: một cái đuôi của con gù có lẽ là dê. Đương nhiên là Iorek ăn thịt sống, nhưng nó đã xiên súc thịt này lên một cái que nhọn rồi đặt lên lửa để nướng cho hai đứa trẻ.

“Săn bắt trên những ngọn núi này có dễ dàng không, Iorek?” Cô hỏi.

“Không. Người dân của tôi không thể sống ở đây được. Tôi đã sai lầm, nhưng may là nhờ thế mà tôi tìm được cô. Kế hoạch của cô giờ thế nào?”

Will nhìn quanh hang động. Họ đang ngồi sát đồng lửa, ánh lửa hắt những tia sáng màu vàng và cam ấm áp lên bộ lông của vua gấu. Will không thấy dấu hiệu nào của các mật thám, nhưng không có lựa chọn nào khác: Cậu phải hỏi thôi.

“Quốc vương Iorek,” cậu lên tiếng, “con dao của tôi bị gãy rồi...” Và rồi cậu nhìn qua phía con gấu và nói: “Không, khoan đã.” Cậu chỉ về phía vách tường. “Nếu các người đang lắng nghe,” cậu nói to hơn, “thì đường đường chính chính ra đây mà nghe. Đừng có do thám chúng tôi.”

Lyra và Iorek Byrnison quay lại để xem cậu đang nói chuyện với ai. Người đàn ông tí hon bước ra khỏi bóng tối rồi điềm nhiên ngồi trong ánh sáng, trên một gờ tường cao hơn đầu của bọn trẻ. Iorek gầm ghe.

“Ông vẫn chưa xin Iorek Byrnison cho phép vào động của ông ấy,” Will nói. “Trong khi ông ấy là quốc vương, còn ông chỉ là một mật thám. Ông nên tỏ ra tôn trọng hơn.”

Lyra thích thú khi nghe cậu nói vậy. Cô bé khoái chí nhìn Will, và thấy vẻ mặt cậu thật dữ tợn và đầy khinh miệt.

Nhưng biểu hiện của hiệp sĩ khi ông nhìn Will là vẻ không hài lòng.

“Chúng tôi đã rất chân thành với cậu,” ông nói. “Thật nhục nhã khi lừa gạt chúng tôi.”

Will đứng bật dậy. Linh thú của cậu, Lyra nghĩ, hẳn sẽ có dạng một con sư tử cái, cô bé liền co rúm người lại trước cơn thịnh nộ mà cô tưởng tượng con vật khổng lồ sẽ toát ra.

“Nếu chúng tôi có lừa ông thì điều đó cũng là cần thiết,” cậu nói. “Liệu các ông có đồng ý đến đây nếu biết được rằng con dao đã gãy không? Đương nhiên là không rồi. Ông hẳn đã dùng nọc độc của mình để khiến chúng tôi bất tỉnh, rồi gọi cứu viện để bắt cóc chúng tôi đem đến cho Ngài Asriel. Vì vậy chúng tôi buộc phải đánh lừa ông, Tialys ạ, ông chỉ cần phải chịu đựng điều đó thôi.”

Iorek Byrnison hỏi: “Ai đây?”

“Mật thám,” Will đáp. “Do Ngài Asriel cử đến. Hôm qua họ đã giúp chúng tôi trốn thoát, nhưng nếu về phe chúng ta, họ đáng ra không nên ẩn nấp để mà nghe lỏm. Mà nếu làm vậy thì họ không có quyền nói đến sự nhục nhã.”

Cái nhìn trừng trừng của viên mật thám hung tợn đến mức trông ông ta sẵn sàng lao vào cả Iorek chứ chưa nói gì đến cậu bé Will chỉ có tay không; nhưng Tialys là người đã sai, và ông ta biết điều đó. Tất cả những gì ông có thể làm là cúi đầu xin lỗi.

“Đức vua,” ông nói với Iorek, khiến ông ta lập tức găm gù.

Đôi mắt của hiệp sĩ lóe lên ánh nhìn căm hận về phía Will, vẻ thách thức và cảnh cáo về phía Lyra, cùng với một sự tôn kính lạnh lùng và cảnh giác đối với Iorek. Những đường nét rõ rệt của ông càng khiến cho tất cả những biểu hiện này trở nên sinh động và rực rỡ, như thể một chùm sáng đang chiếu lên người ông vậy. Bên cạnh ông, Công nương Salmakia đang hiện ra từ trong bóng tối, hoàn toàn lơ hai đứa trẻ đi, bà khẽ nhún đầu gối cúi chào con gấu.

“Xin thứ tội cho chúng tôi,” bà nói với Iorek. “Thói quen ẩn nấu quả là khó mà bỏ được, hơn nữa người bạn đồng hành Hiệp sĩ Tialys và tôi, Công nương Salmakia, đã ở trong lòng địch quá lâu, đến nỗi chỉ hoàn toàn do thói quen, chúng tôi đã quên mất việc phải chào hỏi ngài đảng hoàng. Chúng tôi đi cùng hai cô cậu này để đảm bảo rằng họ sẽ an toàn đến được với vòng tay chăm sóc của Ngài Asriel. Chúng tôi không có mục đích nào khác, và chắc chắn là không có ý định gì gây tổn hại đến ngài, thưa Quốc vương Iorek Byrnison.”

Nếu Iorek có tự hỏi liệu những sinh vật bé nhỏ đến vậy có thể làm hại được gì đến mình thì nó cũng không thể hiện ra chút nào; không chỉ là vì biểu hiện của nó vốn đã khó dò, mà nó cũng có phép lịch sự, hơn nữa vị công nương lại đang nói chuyện rất tử tế.

“Đến bên ngọn lửa đi,” nó nói. “Có rất nhiều đồ ăn nếu các vị đang đói. Will, cậu bắt đầu nói về con dao đi.”

“Vâng,” Will đáp, “tôi cứ nghĩ chuyện đó không bao giờ có thể xảy ra được, nhưng nó đã gãy mất rồi. Chân Kế nói với Lyra rằng ông có thể sửa được nó. Tôi đã định nhờ vả một cách lịch sự hơn, nhưng tôi nói luôn nhé: Ông có thể sửa được không, Iorek?”

“Cho tôi xem nào.”

Will lắc vỏ bao để tất cả các mảnh rơi ra rồi đặt chúng lên nền đá, cẩn thận đẩy chúng đi cho tới khi tất cả được đặt vào đúng chỗ và cậu có thể thấy được rằng các mảnh đều đang ở đó. Lyra giơ một cành cây đang cháy lên. Trong ánh sáng của nó, Iorek cúi xuống sát để nhìn thật kỹ từng mảnh một, nhẹ nhàng chạm vào chúng bằng bộ móng đồ sộ rồi nâng lên để xoay hết bên này đến bên kia, thậm chí định vết nứt. Will kinh ngạc trước sự khéo léo của những cái móng đen vĩ đại kia.

Rồi Iorek ngồi dậy trở lại, đầu vươn cao lên, chìm vào bóng tối phía trên.

“Được,” nó nói, trả lời chính xác câu hỏi và không có gì hơn.

Biết ý của con gấu, Lyra nói: “À, nhưng ông sẽ sửa nó chứ, Iorek? Ông không thể tin được nó quan trọng đến thế nào đâu - nếu không thể sửa được nó, chúng tôi sẽ gặp rắc rối khủng khiếp, mà không chỉ riêng chúng tôi...”

“Tôi không thích con dao đó,” Iorek nói. “Tôi sợ điều mà nó có thể làm được. Tôi chưa bao giờ biết tới một thứ gì nguy hiểm đến thế. Những cỗ máy chiến đấu chết người nhất cũng chỉ là đồ chơi vật vãnh so với con dao này; tác hại mà nó có thể gây ra là vô cùng. Sẽ tốt hơn rất rất nhiều nếu nó chưa từng được chế tạo ra.”

“Nhưng với nó...” Will kêu lên.

Iorek không để cho cậu nói hết câu mà tiếp tục: “Với nó, cậu có thể làm những việc kì lạ. Điều mà cậu không biết là những gì con dao tự làm theo ý nó. Ý định của cậu có thể là tốt, nhưng bản thân con dao cũng có ý muốn riêng của mình.”

“Làm sao như thế được?” Will nói.

“Ý định của công cụ là những gì mà nó thực hiện. Một cái búa sẽ đập, mỏ cạp sẽ giữ chắc, đòn bẩy thì sẽ nâng, chúng là mục đích mà mình được tạo ra. Nhưng đôi khi một công cụ có thể có những tác dụng khác mà ta không biết. Đôi khi trong lúc thực hiện ý định của mình, *cậu* cũng làm điều con dao mong muốn mà không hay biết. Cậu có thể thấy cái cạnh sắc nhất của con dao đó không?”

“Không,” Will nói, vì đó là sự thật: Cạnh dao thu hẹp lại tới một độ mảnh tinh vi đến mức mắt thường không thể lần tới được.

“Vậy thì làm sao cậu có thể biết được tất cả mọi thứ mà nó làm chứ?”

“Tôi không thể. Nhưng tôi vẫn phải sử dụng nó, và làm những gì mình có thể để giúp cho những điều tốt xảy ra. Nếu không làm gì cả, tôi sẽ còn tồi tệ hơn cả đồ vô dụng. Tôi sẽ cảm thấy rất tội lỗi.”

Lyra đang theo dõi sát sao cuộc đối thoại, khi thấy Iorek vẫn không sẵn lòng giúp, cô liền lên tiếng:

“Iorek, ông *biết* lũ người ở Bolvangar xấu xa đến thế nào rồi đó. Nếu chúng ta không thể thắng, bọn chúng sẽ có thể tiếp tục tiến hành những việc kiểu như thế mãi mãi. Hơn nữa, nếu chúng ta không có con dao thì chính chúng có thể sẽ chiếm được nó. Chúng ta không hề biết về nó khi tôi mới gặp ông, Iorek ạ, mà cũng không ai biết cả, nhưng giờ khi đã biết rồi, chúng ta *phải* tự mình sử dụng nó - chúng ta không thể *không* làm vậy được. Như thế là nhu nhược, và còn là sai lầm nữa, chẳng khác nào là đưa cho chúng và nói đây này, dùng đi, chúng tôi không cản đâu. Đúng là chúng ta không biết những gì nó làm, nhưng tôi có thể hỏi Chân Kế mà, không phải sao? Như vậy chúng ta sẽ biết. Và chúng ta có thể nghĩ về nó một cách đàng hoàng thay vì cứ đoán mò và sợ sệt.”

Will không muốn nhắc tới lí do cấp thiết nhất của mình: Nếu con dao không được sửa chữa, cậu sẽ không bao giờ về nhà được nữa, không bao giờ gặp lại mẹ mình; bà sẽ không bao giờ biết được chuyện gì đã xảy ra; bà sẽ nghĩ rằng cậu đã bỏ rơi bà như bố cậu đã làm. Con dao đã trở thành nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự ruồng bỏ của cả hai bọn họ. Cậu *phải* dùng nó để quay trở về với mẹ, nếu không sẽ không bao giờ tha thứ được cho bản thân mình.

Iorek Byrnison không nói không rằng trong một lúc lâu mà chỉ quay đầu nhìn ra ngoài bóng đêm. Sau đó nó chậm rãi đứng dậy rồi bệ vệ bước ra phía cửa động, ngược mắt nhìn lên những vì tinh tú: Một số trong đó giống như những vì sao mà nó biết trên Phương Bắc, nhưng số còn lại thì thật xa lạ.

Đằng sau con gấu, Lyra xoay miếng thịt bên trên ngọn lửa, còn Will thì đang kiểm tra những vết thương của mình xem chúng sắp lành hay chưa. Tialys và Salmakia lặng lẽ ngồi trên gờ tường của mình.

Rồi Iorek quay người lại.

“Được rồi, tôi sẽ làm với một điều kiện,” con gấu nói. “Dù cho tôi có cảm giác đó là một sai lầm. Dân tộc tôi không có thần thánh, không có ma quỷ hay linh thú gì cả. Chúng tôi sống rồi chết, cứ như vậy thôi. Những vấn đề của con người chẳng mang lại điều gì cho chúng tôi ngoài đau khổ và phiền nhiễu, nhưng chúng tôi có ngôn ngữ, chúng tôi gây chiến và sử dụng công cụ; có lẽ chúng tôi nên chọn lấy phe của mình. Nhưng hiểu biết đầy đủ thì sẽ tốt hơn là nửa vời. Lyra, đọc cái máy của cô đi. Hãy biết mình đang yêu cầu điều gì. Nếu sau đó cô vẫn muốn như vậy thì tôi sẽ sửa con dao.”

Ngay lập tức Lyra lấy Chân Kế ra rồi nhích lại gần ngọn lửa để có thể thấy được mặt cái máy. Ánh sáng bập bùng không liên tục khiến cho việc đọc trở nên khó khăn, hay có lẽ khói đang làm cô mờ mắt, nên cô mất nhiều thời gian hơn bình thường để đọc nó. Khi cô bé chớp mắt, thở dài và thoát ra khỏi trạng thái nhập định, gương mặt cô đầy phiền muộn.

“Tôi không hề biết nó lại rắc rối đến vậy,” cô nói. “Nó nói về rất nhiều điều. Tôi cho là mình đã hiểu rõ rồi. Tôi *nghĩ* vậy. Đầu tiên nó nhắc đến sự

cân bằng. Nó nói con dao có thể gây hại hoặc có thể làm điều tốt, nhưng rất mỏng manh, một dạng cân bằng rất dễ bị phá vỡ, đến mức một suy nghĩ hay ước muốn mờ nhạt nhất cũng có thể lật nó nghiêng theo hướng này hay hướng kia... Và nó có nghĩa là *cậu*, Will ạ, nghĩa là những gì cậu mong ước hay suy nghĩ, chỉ có điều nó không nói một suy nghĩ như thế nào thì là tốt hoặc xấu.

“Sau đó... nó nói được,” cô nói, đôi mắt lóe lên nhìn hai mật thám. “Nó nói được, cứ làm đi, sửa con dao đi.”

Iorek điềm tĩnh nhìn cô bé, rồi gật đầu một cái.

Tialys và Salmakia trèo xuống để nhìn kỹ hơn, rồi Lyra nói: “Ông có cần thêm nhiên liệu không, Iorek? Tôi và Will có thể đi lấy thêm một ít, chắc chắn đấy.”

Will hiểu ý cô bé: Khi rời xa khỏi những mật thám, chúng có thể nói chuyện.

Iorek nói: “Bên dưới mỏm núi đầu tiên trên lối mòn có một bụi rậm với gỗ nhựa. Cứ mang thứ đó về nhiều nhất có thể.”

Cô bé lập tức bật dậy, Will đi cùng với cô.

Mặt trăng đang tỏa sáng rực rỡ, con đường mòn chẳng chịt những vết chân chồng chéo lên nhau trên nền tuyết, không khí lạnh cửa da cửa thịt. Cả hai đứa trẻ đều cảm thấy phấn khởi, tràn trề hi vọng và sung sức. Chúng không nói chuyện cho tới khi đã đi thật xa khỏi hang động.

“Nó còn nói gì nữa?” Will hỏi.

“Nó nói vài thứ mà tớ không hiểu được lúc đó và đến giờ vẫn chưa hiểu nổi. Nó nói con dao sẽ là án tử của Bụi, nhưng rồi nó lại nói đó là cách duy nhất giữ cho Bụi sống sót. Tớ không lí giải được, Will ạ. Nhưng cái máy nhắc lại rằng nó rất nguy hiểm, cứ nhắc đi nhắc lại mãi. Nó nói nếu chúng ta - cậu biết đấy - điều tớ đã nghĩ...”

“Nếu chúng ta tới thế giới của người chết...”

“Ừ - nếu chúng ta làm vậy - nó nói rằng chúng ta có thể sẽ không bao giờ trở về, Will ạ. Chúng ta có thể sẽ không sống sót nổi.”

Cậu bé không nói gì, lúc này chúng đã bước đi bình tĩnh hơn, chú ý tìm bụi cây mà Iorek đã nhắc đến, và bị ý nghĩ về điều mà mình có thể sắp dẫn thân vào làm cho nín lặng.

“Có điều là chúng ta vẫn phải làm thôi,” cậu nói, “không đúng sao?”

“Tớ không biết nữa.”

“Ý tớ là giờ thì chúng ta *biết* rồi đó. Cậu phải nói chuyện với Roger, còn tớ phải nói chuyện với bố mình. Chúng ta phải làm thôi.”

“Tớ sợ lắm,” cô bé nói.

Và cậu biết rằng cô chưa từng thừa nhận điều đó với bất kì ai khác.

“Nó có nói chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta *không* làm không?” Cậu hỏi.

“Chỉ toàn là trống rỗng thôi, chỉ là hư không. Tớ thật sự không hiểu nổi nó, Will ạ. Nhưng tớ *nghĩ* ý nó là kể cả việc đó có nguy hiểm thì chúng ta vẫn cần phải cố gắng cứu lấy Roger. Nhưng nó sẽ không giống với khi tớ cứu cậu ấy khỏi Bolvangar; lúc đó tớ không biết mình đang làm gì, thật đấy, tớ chỉ cứ thế mà lên đường, và đã gặp may. Ý tớ là lúc đó có rất nhiều những người khác đến giúp đỡ, như dân du mục và các phù thủy. Nhưng nơi mà chúng ta phải đến sẽ không có bất cứ sự trợ giúp nào. Tớ có thể thấy... Trong giấc mơ của mình tớ đã thấy... Nơi đó thật... Nó còn tồi tệ hơn cả Bolvangar. Đó là lí do tớ sợ hãi.”

“Điều mà *tớ lo sợ*,” Will nói sau đó một lúc, hoàn toàn không nhìn vào cô bé, “là bị kẹt ở đâu đó và không bao giờ được gặp lại mẹ mình nữa.”

Không hiểu từ đâu, một kí ức ủa đến với cậu: Cậu còn rất bé, đó là trước khi những vấn đề của mẹ cậu bắt đầu, và cậu đang bị ốm. Suốt cả đêm, có vẻ như vậy, mẹ đã ngồi trên giường cậu trong bóng tối, ngâm nga những bài đồng dao cho trẻ nhỏ, kể chuyện cho cậu nghe, và chừng nào giọng nói thân thương của bà vẫn còn ở đó thì cậu vẫn sẽ biết rằng mình đang được an toàn. Giờ thì cậu không thể bỏ mặc bà được. Không thể nào! Cậu sẽ chăm sóc mẹ suốt cả cuộc đời mình nếu bà cần điều đó.

Như thế biết được điều cậu đang nghĩ, Lyra ấm áp nói:

“Phải, đúng như vậy, điều đó sẽ thật khủng khiếp... Cậu biết đấy, với mẹ mình, tớ chưa bao giờ nhận ra... Tớ cứ một thân một mình mà lớn lên, thật đấy; tớ không nhớ nổi có bất cứ ai từng ôm ấp hay âu yếm mình, trong suốt cuộc đời mà tớ có thể nhớ được chỉ có mình tớ và Pan... Tớ không nhớ được là cô Lonsdale đã từng đối xử với mình như thế; cô ấy là bảo mẫu ở Học viện Jordan, tất cả những gì cô ấy làm là đảm bảo rằng tớ luôn sạch sẽ, đó là tất cả những gì cô ấy nghĩ đến, à còn cả các phép tắc nữa... Nhưng trong hang động đó, Will ạ, tớ thật sự đã cảm thấy - ôi thật là kì lạ, tớ biết bà ấy đã làm những điều tồi tệ, nhưng tớ thật sự nhận thấy rằng bà ấy yêu thương mình và chăm sóc mình tận tình... Hẳn là bà ấy đã nghĩ tớ sắp chết rồi khi mà cứ ngủ miết như thế - tớ đoán mình hẳn đã bị mắc thứ bệnh gì đó - nhưng bà ấy không ngừng chăm lo cho tớ. Tớ còn nhớ một hay hai lần tỉnh dậy và thấy bà đang ôm mình trong vòng tay... Tớ có nhớ điều đó, chắc chắn đấy... Đó là điều tớ sẽ làm ở vị trí của bà ấy nếu tớ có một đứa con.”

Hóa ra cô bé không hề biết lí do vì sao mình cứ ngủ suốt thời gian đó. Cậu có nên kể với cô và phản bội lại kí ức đấy, dù cho nó có là nhầm lẫn? Không, đương nhiên là cậu không nên.

“Có phải bụi cây đó không?” Lyra hỏi.

Ánh trăng đủ rực rỡ để soi rọi từng chiếc lá một. Will bẻ lấy một cành non, và mùi nhựa thông vương lại rất nồng trên những ngón tay cậu.

“Chúng ta sẽ không nói bất cứ điều gì cho mấy mật thám tí hon đó,” cô bé nói thêm.

Chúng nhặt lấy đầy một vòng tay từ bụi cây rồi đem trở về hang động.

15

Rèn

Tôi bước đi giữa những đồng lửa địa ngục,

vui mừng với sự hân hoan của Thần

William Blake

Vào lúc đó, những người Gallivespia đang trao đổi về con dao. Sau khi đã thỏa thuận một hòa ước đáng ngờ với Iorek Byrnison, họ trèo trở lại gờ tường để tránh mặt. Trong tiếng lách tách của lưỡi lửa đang dần dâng lên cùng tiếng lửa cháy ầm ì choán ngập không khí, Tialys nói: “Chúng ta không bao giờ được rời khỏi cậu ta. Ngay sau khi con dao được sửa, chúng ta sẽ phải bám sát hơn cả một cái bóng.”

“Thằng bé quá cảnh giác. Nó rà soát khắp nơi để tìm chúng ta,” Salmakia nói. “Đưa con gái thì dễ tin hơn. Tôi nghĩ chúng ta có thể chiếm được lòng nó. Nó ngây thơ và rất dễ yêu thương. Chúng ta có thể tác động tới nó. Tôi nghĩ chúng ta nên làm điều đó, Tialys ạ.”

“Nhưng thằng bé có con dao. Nó mới là đứa có thể sử dụng được thứ đó.”

“Nó sẽ không đi đâu mà không có con bé đâu.”

“Nhưng nếu thằng bé có con dao thì con bé sẽ phải đi theo nó. Hơn nữa tôi nghĩ rằng ngay sau khi con dao trở lại nguyên vẹn, chúng sẽ dùng nó để lẩn vào một thế giới khác hòng chạy thoát khỏi chúng ta. Bà có thấy cái cách

mà thằng bé khiến đứa con gái ngừng bật khi nó định nói thêm điều gì đó không? Chúng có một chủ đích bí mật nào đó, và điều đó rất khác với điều mà chúng ta muốn chúng làm.”

“Cứ để xem thế nào. Nhưng ông nói đúng, Tialys ạ, tôi nghĩ vậy. Bằng mọi giá chúng ta sẽ phải bám sát lấy thằng bé.”

Cả hai đều nhìn với đôi chút hoài nghi khi Iorek Byrnison rải các dụng cụ ra trong xưởng rèn vừa được ứng biến mà thành. Những người thợ to lớn trong các nhà máy quân sự đặt dưới pháo đài của Ngài Asriel, với những cái lò cao và máy cán kim loại, lò rèn mạch và máy ép chạy sức nước, hẳn sẽ cười vào đồng lửa không được che chắn gì, cây búa bằng đá, và cái đe làm từ một mảnh giáp của Iorek. Dù sao thì con gấu cũng đã đánh giá được mức độ của nhiệm vụ này, và qua những chuyển động đầy dứt khoát của nó, các mật thám tí hon bắt đầu thấy được những phẩm chất khiến họ ngừng bật không dám coi thường nữa.

Khi Lyra và Will bước vào cùng với bụi cây, Iorek hướng dẫn chúng đặt các cành cây thật cẩn thận lên đồng lửa. Nó nhìn từng cành một, lật sang hết bên này lại tới bên kia, sau đó bảo Will và Lyra đặt theo góc này góc nọ, hoặc bẻ ra thành từng đoạn rồi xếp riêng biệt vào bên mép. Kết cục là một ngọn lửa cháy dữ dội phi thường, với toàn bộ năng lượng tập trung về một phía.

Vào lúc này nhiệt độ trong hang đã trở nên nóng hừng hực. Iorek tiếp tục chất củi vào lửa, khiến bọn trẻ phải làm thêm hai chuyển nữa xuống dưới lối đi để đảm bảo rằng có đủ nhiên liệu cho toàn bộ quá trình.

Sau đó con gấu lật một hòn đá nhỏ trên sàn lên rồi bảo Lyra tìm thêm vài hòn đá cùng loại như thế. Nó nói rằng những hòn đá đó khi bị nung lên sẽ thải ra một loại khí bao bọc lấy lưỡi dao và giữ cho không khí không lọt vào trong, vì nếu thứ kim loại nóng đỏ tiếp xúc với không khí, nó sẽ hấp thu phần nào và do đó bị suy yếu đi.

Lyra bắt đầu tìm kiếm. Nhờ sự trợ giúp từ đôi mắt cú của Pantalaimon, cô đã sớm thu thập được một chục hoặc hơn những hòn đá như thế. Iorek nói cho cô cách thức và vị trí đặt chúng, rồi chỉ cho cô chính xác loại gió lò

mà cô cần tạo ra bằng một cành cây dày lá, để đảm bảo khí gas được thổi một cách đều đặn lên vật thao tác.

Will được giao nhiệm vụ trông coi ngọn lửa. Iorek dành vài phút để hướng dẫn cậu và đảm bảo rằng cậu hiểu được những nguyên lí cần dùng đến. Phần lớn là phụ thuộc vào việc đặt để một cách chính xác, mà Iorek thì không thể cứ lần nào cũng dừng lại mà chỉnh cho cậu được: Will phải hiểu, và rồi cậu sẽ làm được đúng.

Hơn nữa, cậu không được kì vọng rằng con dao sẽ trông y hệt như cũ sau khi sửa xong. Nó sẽ ngắn hơn vì mỗi mẫu dao sẽ phải đẽ lên mẫu khác một chút để chúng có thể được rèn nối lại với nhau; bề mặt sẽ bị oxy hóa đôi chút dù có khí gas từ những viên đá đi nữa, vì vậy phần nào màu sắc óng ánh của nó sẽ bị mất đi; còn chuôi dao thì chắc chắn sẽ bị cháy xém rồi. Nhưng lưỡi dao sẽ vẫn bén như thế, và nó sẽ lại hoạt động bình thường.

Vậy là Will quan sát khi các lưỡi lửa bùng lên giữa những cành nhựa non. Với đôi mắt ầng ậc nước và đôi tay sạm đen, cậu điều chỉnh từng cành cây tươi cho tới khi nhiệt độ được tập trung theo ý của Iorek.

Trong lúc đó bản thân Iorek thì mài và nện một hòn đá cỡ một nắm tay, phải sau khi đã loại bỏ vài viên nó mới tìm được một viên có khối lượng thích hợp. Bằng những cú nện trời giáng, nó tạo hình rồi làm nhẵn viên đá, mùi thuốc nổ cordite từ những tảng đá bị vỡ hòa quện vào làn khói trong lỗ mũi của hai mật thám đang quan sát từ trên cao. Đến cả Pantalaimon cũng tích cực hỗ trợ, nó biến thành một con quạ để có thể đập cánh giúp cho lửa cháy nhanh hơn.

Cái búa cuối cùng cũng được tạo hình hợp ý Iorek, nó liền đặt hai mảnh đầu tiên của con dao kì ảo vào giữa đồng củi đang cháy rừng rực ở chính giữa ngọn lửa, rồi bảo Lyra bắt đầu quạt nhẹ nhàng cho khí gas từ đá phủ lên chúng. Con gấu quan sát, khuôn mặt trắng dài của nó tái nhợt đi trong ánh sáng chói lòa. Will thấy bề mặt của lớp kim loại bắt đầu ửng đỏ lên, rồi chuyển sang vàng và trắng.

Iorek đang theo dõi sát sao, bàn tay nó giơ lên sẵn sàng để chop ra những mảnh dao. Ít lâu sau, lớp kim loại lại thay đổi, bề mặt trở nên sáng

bóng lấp lánh, còn những tia lửa bắn ra từ đó trông chẳng khác gì pháo hoa.

Rồi Iorek di chuyển. Bàn tay phải của nó xọc vào gấp lấy miếng đầu tiên, rồi đến miếng còn lại, giữ chúng giữa điểm chót của những cái móng khổng lồ rồi đặt lên một tấm sắt chính là tấm giáp lưng của con gấu. Will có thể ngửi thấy mùi những cái móng bị đốt cháy, nhưng Iorek không bận tâm gì đến điều đó. Di chuyển với tốc độ thần kì, con gấu điều chỉnh góc độ sao cho hai miếng chồng lên nhau, sau đó nó giơ bàn tay trái lên cao và nện xuống bằng cái búa đá.

Dưới cú nện trời giáng, đầu mũi dao nảy bật lên trên nền đá. Will đang nghĩ rằng toàn bộ cuộc đời còn lại của cậu tùy thuộc vào những gì xảy ra trong cái miếng kim loại hình tam giác bé xíu đó, cái mũi dao lần tìm ra khe hở bên trong các nguyên tử. Tất cả các tế bào thần kinh của cậu run lên, cảm nhận thấy từng chuyển động rung rinh của từng lưỡi lửa và sự nổi lỏng của từng nguyên tử trong lưới kim loại. Trước khi việc này bắt đầu, cậu vẫn cho rằng chỉ có một lò luyện nguyên cơ với những công cụ và thiết bị hàng đầu mới có thể thao tác trên lưỡi dao đó; nhưng giờ thì cậu đã thấy rằng đây là những công cụ tân tiến nhất, và rằng tài nghệ của Iorek đã dựng nên một lò luyện đỉnh cao nhất có thể có được.

Iorek rống lên át tiếng đập chan chát: “Giữ chặt lấy nó trong đầu đi! Cậu cũng phải rèn nó đấy! Cậu góp phần trong nhiệm vụ này cũng không kém gì tôi đâu!”

Will cảm thấy toàn bộ cơ thể mình rung lên bần bật dưới những cú nện của cái búa đá trong nắm tay của con gấu. Mảnh thứ hai của lưỡi dao cũng đang được nung nóng, cành cây dày lá của Lyra đẩy luồng khí nóng tới bao trọn lấy hai mảnh dao trên đường thối của mình và ngăn không cho không khí ăn mòn sắt xâm nhập. Will ý thức được tất cả, cảm thấy các nguyên tử kim loại đang liên kết với nhau qua vết gãy, hình thành lại những tinh thể mới, tự củng cố và xếp ngay ngắn trong mạng lưới vô hình khi mỗi nôi liên lại.

“Lưỡi dao!” Iorek gầm lên. “Giữ lưỡi dao thẳng vào!”

Ý con gấu là *trong đầu cậu*, Will lập tức làm theo, cảm nhận vết gãy tinh vi và rồi sự dễ chịu rất nhỏ khi hai mép xếp thẳng một cách hoàn hảo. Rồi khi mối nối đó được hoàn thành, Iorek chuyển sang mảnh tiếp theo.

“Hòn đá mới,” con gấu gọi Lyra, cô liền đẩy hòn đá đầu tiên sang một bên và đặt hòn thứ hai vào chỗ để nung.

Will kiểm tra nhiên liệu rồi bẻ đôi một cành cây để điều hướng ngọn lửa dễ dàng hơn, trong khi đó Iorek lại bắt đầu thao tác với cái búa. Will cảm thấy một tầng lớp phức tạp mới được bổ sung vào nhiệm vụ của mình, vì cậu phải giữ cho mảnh dao mới trong một mối tương quan chính xác với cả hai mảnh trước đó, và cậu hiểu rằng chỉ bằng cách thực hiện điều đó một cách chuẩn xác, cậu mới giúp Iorek sửa nó được.

Cứ như vậy công việc tiếp tục. Cậu không biết nó kéo dài bao lâu; về phần mình, Lyra thấy hai cánh tay đau nhức, mắt nhòa đi vì nước, da nóng đỏ, toàn bộ xương khớp nhức nhối vì mệt mỏi; thế nhưng cô vẫn đặt từng viên đá đúng như Iorek đã dặn, còn Pantalaimon dù đang rã rời vẫn giơ cánh lên sẵn sàng và đập chúng phía trên ngọn lửa.

Khi làm tới mối nối cuối cùng, đầu Will đã ong lên, cậu bị kiệt sức bởi nỗ lực vận dụng trí óc đến mức gần như không nhắc nối cành cây tiếp theo lên để cho vào lửa. Cậu phải thấu hiểu mọi mối liên kết, nếu không con dao sẽ không gắn liền lại với nhau; khi tới phần phức tạp nhất, mảnh cuối cùng, thứ sẽ cố định lưỡi dao sắp hoàn thành lên phần nhỏ còn sót lại trên chuôi cầm - nếu cậu không thể giữ nó trong trạng thái hoàn toàn tĩnh táo với tất cả các mảnh khác, con dao sẽ cứ thế mà rụng rời ra như thể Iorek chưa từng làm gì cả.

Con gấu cũng ý thức được điều đó, nên đã dừng lại trước khi bắt đầu nung nóng mảnh cuối cùng. Nó nhìn sang Will, Will chẳng thể nhìn thấy gì trong đôi mắt con gấu, không cảm xúc, chỉ là một màu đen rực rỡ vô cùng vô tận. Dù vậy cậu vẫn hiểu: Đây là công việc, và nó rất khó khăn, nhưng tất cả bọn họ đều ngang hàng nhau trong việc này.

Như vậy là đủ với Will, cậu quay lại phía ngọn lửa, đẩy sức tưởng tượng của mình về đầu bị gãy của nửa cuối con dao rồi dồn hết sức cho phần

cuối cùng, cam go nhất của nhiệm vụ.

Vậy là con dao được rèn giữa cậu, Iorek và Lyra. Cậu không biết mỗi nổi cuối cùng sẽ tổn mất bao lâu, nhưng khi Iorek nện xuống cú quyết định, còn Will cảm nhận được sự lắng đọng rất nhỏ cuối cùng khi các nguyên tử liên kết lại qua vết nứt, cậu liền sụp xuống nền hang động và để mặc cho sự kiệt quệ xâm chiếm lấy mình. Lyra ở cạnh đó cũng cùng chung tình trạng, đôi mắt cô đờ đẫn, viền đỏ ngầu lên, tóc đầy bồ hóng và khói bám; bản thân Iorek thì đang đứng gục đầu xuống, bộ lông bị xém mất vài chỗ, những vết muội than đen ngòm bám trên lớp lông dày màu trắng sữa.

Tialys và Salmakia đang thay nhau ngủ, luôn luôn có một người tỉnh táo. Lúc này bà đang thức còn ông đang ngủ, nhưng khi lưỡi dao nguội đi, từ đỏ chuyển sang xám rồi cuối cùng thành màu bạc, và khi Will với lấy chuôi cầm, bà đặt một tay lên vai người cộng sự của mình để đánh thức ông dậy. Ông ta bật tỉnh ngay lập tức.

Nhưng Will không chạm vào con dao: Cậu giữ lòng bàn tay ở gần đó, nhiệt độ vẫn còn quá cao để chạm vào. Hai mật thám thư giãn trên cái giá bằng đá trong lúc Iorek nói với Will:

“Đi ra ngoài nào.”

Rồi ông nói với Lyra: “Cô ở đây nhé, đừng động vào con dao đấy.”

Lyra ngồi sát vào cái đe, nơi con dao đang nằm hạ nhiệt, rồi Iorek dặn cô chất thêm củi vào, không để cho lửa tắt: vẫn còn một thao tác cuối cùng nữa cần làm.

Will đi theo con gấu khổng lồ ra ngoài sườn núi tối thui. Vừa thoát khỏi hỏa ngục hùng hực trong động thì cái lạnh thấu xương lập tức ập đến.

“Người ta đáng ra không nên tạo ra con dao đó,” Iorek nói sau khi họ đã đi xa được một đoạn. “Có lẽ đáng ra tôi không nên sửa nó. Tôi đang rất phiền não, mà trước đây tôi chưa từng cảm thấy như vậy, chưa từng nghi ngờ điều gì. Giờ thì đầu tôi đầy những nghi hoặc. Nghi hoặc là thứ của con người chứ không phải của loài gấu. Nếu tôi đang hóa thành người thì phải có thứ gì đó không đúng, thứ gì đó rất tồi tệ. Và chính tôi đã khiến nó trở nên tồi tệ hơn.”

“Nhưng khi con gấu đầu tiên chế tạo ra mảnh giáp đầu tiên, chẳng phải nó cũng tồi tệ theo cùng một cách này sao?”

Iorek lặng thinh. Cả hai bước tiếp cho tới khi họ tới một đồng tuyết lớn, Iorek đâm mình vào đó rồi lăn hết bên này lại sang bên kia, khiến những đợt tuyết bắn tung lên không gian tối đen, trông như thể bản thân con gấu được làm từ tuyết, nó chính là hiện thân của toàn bộ tuyết trắng trên thế giới này vậy.

Sau khi đã vầy chán, nó lăn lại rồi đứng lên, lắc người thật lực. Sau đó, khi thấy Will vẫn đang chờ đợi một câu trả lời cho câu hỏi của mình, nó nói:

“Phải, tôi nghĩ cũng có thể là như vậy. Nhưng trước con gấu mặc giáp đầu tiên đó thì không có ai khác cả. Chúng tôi không biết gì trước đó hết. Đó là khi tục lệ bắt đầu. Chúng tôi biết các tục lệ của mình, chúng bền vững và chắc chắn, chúng tôi vẫn tuân theo chúng mà không thay đổi gì. Bản chất loài gấu trở nên yếu ớt khi không có tục lệ, giống như da thịt của gấu sẽ không được bảo vệ nếu không có giáp sắt.

“Nhưng tôi nghĩ mình đã vượt ra ngoài bản tính của loài gấu khi sửa con dao này. Tôi nghĩ mình đã ngu ngốc chẳng khác gì Iofur Raknison. Thời gian sẽ trả lời. Nhưng tôi thấy rất mong lung và hoài nghi. Giờ cậu phải nói cho tôi biết: Tại sao con dao lại bị gãy?”

Will xoa cái đầu đang đau nhức của mình bằng cả hai tay.

“Người phụ nữ đó nhìn tôi và tôi đã nghĩ bà ta có gương mặt của mẹ mình,” cậu nói, cố gắng hồi tưởng lại trải nghiệm đó một cách chân thật nhất có thể. “Rồi con dao chạm phải một thứ gì đó mà nó không thể cắt nổi, và bởi vì tâm trí tôi lại vừa đẩy nó qua vừa lôi nó lại vào cùng một lúc nên nó đã bị gãy. Tôi nghĩ vậy. Người phụ nữ đó biết mình đang làm gì, tôi đảm bảo đấy. Bà ta rất khôn ngoan.”

“Khi nói về con dao, cậu cũng nói về mẹ và bố mình nữa.”

“Thật à? Phải... Tôi nghĩ là vậy.”

“Cậu tính làm gì với nó?”

“Tôi không biết nữa.”

Đột nhiên Iorek bổ nhào vào Will rồi dùng bàn tay trái bạt thật mạnh vào cậu: mạnh đến mức khiến Will ngã vào đông tuyết, gần như bất tỉnh, rồi lộn tưng phèo rất nhiều vòng cho tới khi cậu dừng lại dưới con dốc cách đó một đoạn, đầu ong lên.

Iorek chậm rãi bước xuống nơi Will đang chật vật đứng dậy rồi nói: “Trả lời thành thật đi.”

Will đã rất muốn nói: “Ông còn lâu mới làm được thế nếu tôi có con dao trong tay.” Nhưng cậu biết rằng Iorek biết điều đó, và biết rằng cậu biết điều đó, hơn nữa nói như vậy thật thô lỗ và ngu ngốc; nhưng dù sao cậu cũng cực kì muốn nói ra.

Cậu giữ miệng cho tới khi đứng được thẳng dậy, đối diện trực tiếp với Iorek.

“Tôi đã nói là tôi không biết,” cậu nói, cố gắng hết sức để giữ cho giọng mình bình tĩnh, “vì tôi vẫn chưa xem xét kĩ càng về việc mà mình định làm. Về ý nghĩa của nó. Nó khiến tôi sợ hãi. Nó cũng khiến Lyra sợ nữa. Nhưng dù sao thì tôi cũng đã đồng ý ngay khi nghe điều cậu ấy nói.”

“Đó là gì vậy?”

“Chúng tôi muốn đi tới vùng đất của người chết để nói chuyện với linh hồn người bạn Roger của Lyra, người đã bị giết tại Svalbard. Và nếu thực sự có một thế giới của người chết thì bố của tôi cũng sẽ ở đó. Nếu chúng tôi có thể nói chuyện với các hồn ma, tôi cũng muốn nói chuyện với ông ấy.

“Nhưng tôi đang bị phân chia, bị cắt rời, vì tôi cũng muốn trở về chăm sóc mẹ mình, bởi vì tôi *có thể*. Mà cũng bởi vì bố tôi và thiên thần Balthamos đã nói rằng tôi nên tới chỗ Ngài Asriel và giao con dao cho ông ta, tôi cũng nghĩ có lẽ họ nói đúng...”

“Thiên thần bỏ chạy rồi,” con gấu nói.

“Ông ấy không phải là một chiến binh. Ông ấy đã làm nhiều nhất có thể, rồi sau đó không thể cố thêm được nữa. Ông ấy không phải là người duy nhất run sợ; tôi cũng sợ nữa. Vì vậy tôi phải suy nghĩ thấu đáo. Có lẽ đôi khi chúng ta không làm điều đúng bởi vì điều sai lầm trông có vẻ nguy hiểm hơn, mà chúng ta lại không muốn tỏ ra sợ sệt nên đã cứ thế làm điều sai lầm

chỉ bởi vì nó nguy hiểm, chúng ta quan tâm đến việc không tỏ ra sợ sệt hơn là phán đoán đúng. Việc này rất khó khăn. Đó là lí do tôi không trả lời ông.”

“Ra vậy” con gấu nói.

Họ đứng im lặng trong một lúc cảm tưởng như rất lâu, đặc biệt là với Will, người gần như không có gì bảo vệ khỏi cái lạnh giá buốt. Nhưng Iorek vẫn chưa nói xong, còn Will thì vẫn còn yếu và choáng váng sau cú tát, cậu vẫn chưa tin tưởng đôi chân của mình lắm, nên họ đứng nguyên tại chỗ.

“Tôi đã tự thỏa hiệp theo rất nhiều cách,” vua gấu nói. “Có thể rằng do giúp đỡ cậu, tôi đã đem sự hủy diệt không thể cứu vãn đến cho vương quốc của mình. Cũng có thể là không phải mà dù thế nào thì sự hủy diệt đó cũng sẽ đến; có lẽ tôi đã ngăn cản được nó. Vì vậy tôi đang rất phiền não vì phải làm những việc chẳng hề giống gấu, phải suy đoán và hoài nghi như một con người.

“Tôi sẽ nói cho cậu một điều. Cậu đã biết sẵn rồi, nhưng lại không muốn thừa nhận, vậy nên tôi mới phải nói thẳng với cậu để cậu không mắc sai lầm. Nếu muốn thành công trong nhiệm vụ này, cậu buộc phải ngừng nghĩ đến mẹ mình. Cậu phải gạt bà ấy sang một bên. Nếu tâm trí của cậu bị chia cắt, con dao sẽ gãy.

“Giờ tôi sẽ nói lời từ biệt với Lyra. Cậu phải đợi trong hang động; hai mật thám đó sẽ không để cậu rời khỏi tầm nhìn của họ đâu, mà tôi thì không muốn họ lắng nghe khi đang nói chuyện với cô bé.”

Will không tìm được lời nào để nói, dù cho lồng ngực và cổ họng cậu lại chan chứa nỗi niềm. Cậu nói: “Cảm ơn ông, Iorek Byrnison,” nhưng đó là tất cả những gì cậu thốt ra được.

Cậu cùng với Iorek leo lên dốc về phía hang động, nơi ánh lửa vẫn đang tỏa sáng ấm áp trong màn đêm mênh mông vây hãm.

Tại đó Iorek thực hiện bước cuối cùng trong việc sửa lại con dao kì ảo. Nó đặt con dao giữa những viên than cháy rực nhất cho đến khi lưỡi dao sáng lên, rồi Will và Lyra thấy cả trăm sắc màu cuộn xoắn trong lòng lớp kim loại ám khói. Khi nhận định rằng thời điểm đã đến, Iorek bảo Will cầm lấy con dao rồi xọc thẳng vào lớp tuyết đang chất đông bên ngoài.

Chuôi dao bằng gỗ hồng mộc đã bị cháy xém, nhưng Will quần bàn tay mình trong vài lớp gập của một cái áo rồi làm như Iorek bảo. Trong tiếng rít và ánh sáng rực rỡ của hơi nước tỏa ra, cậu cảm thấy các nguyên tử cuối cùng cũng gắn chặt lại với nhau, và cậu biết rằng con dao đã lại sắc bén như xưa, mũi dao lại trở nên nhọn vô cùng.

Nhưng trông con dao đúng là không còn như trước. Nó ngắn hơn, kém thanh nhã hơn rất nhiều, ngoài ra còn có một lớp bạc mờ xỉn phủ lên mỗi nôi. Con dao giờ trông thật xấu xí; nhìn đúng như bản chất của nó: bị thương.

Khi con dao đã đủ nguội, cậu cất nó vào balô rồi ngồi xuống, mặc kệ những mật thám, đợi Lyra trở về.

Iorek đã đưa cô bé lên vị trí cao hơn một chút trên con dốc, tới một điểm ngoài tầm nhìn của hang động, ở đó nó để cho cô ngồi lọt trong vòng tay bảo vệ vĩ đại của mình, cùng với Pantalaimon trong dạng chuột rúc vào ngực cô. Iorek cúi đầu xuống rồi sục mõm vào đôi tay đen sạm và ám khói của cô bé. Không nói không rằng, nó bắt đầu liếm sạch chúng; lưỡi nó thật dễ chịu trên những vết bỏng, và cô cảm thấy mình chưa từng bao giờ được an toàn đến thế.

Nhưng khi tay cô đã sạch bồ hóng và bụi bẩn, Iorek lên tiếng. Cô cảm thấy giọng của nó chấn động trên lưng mình.

“Lyra Silvertongue, kế hoạch tới thăm người chết này là sao vậy?”

“Nó đến với tôi trong một giấc mơ, Iorek ạ. Tôi đã thấy hồn ma của Roger, và tôi biết cậu ấy đang gọi mình... Ông nhớ Roger chứ; à, sau khi chúng tôi chia tay ông, cậu ấy đã bị giết, đó là lỗi của tôi, ít nhất thì tôi cũng cảm thấy như vậy. Vì thế tôi nghĩ mình nên kết thúc điều mình đã bắt đầu, vậy thôi: Tôi nên đi nói lời xin lỗi, và nếu có thể, tôi nên cứu cậu ấy khỏi đó. Nếu Will có thể mở một con đường đến thế giới của người chết thì chúng tôi phải làm điều đó.”

“Có thể không đồng nghĩa với buộc phải.”

“Nhưng nếu vừa phải làm, lại vừa có thể, thì không có lí do gì để chống chế cả.”

“Trong lúc còn đang sống thì việc của cô là với người sống.”

“Không, Iorek ạ,” cô bé nhẹ nhàng nói, “việc của chúng tôi là giữ lời hứa dù cho chúng có khó khăn đến mấy. Ông biết không, dù không nói ra nhưng tôi sợ chết khiếp đi được. Tôi ước giá mà mình chưa từng thấy giấc mơ đó, và tôi ước giá mà Will chưa từng nghĩ tới việc sử dụng con dao để tới đó. Nhưng chúng tôi đã làm vậy và giờ thì không thể thoát ra nữa rồi.”

Cảm thấy Pantalaimon đang run rẩy, Lyra vuốt ve nó bằng đôi tay đau nhức của mình.

“Nhưng chúng tôi không biết làm cách nào để tới đó,” cô nói tiếp. “Chúng tôi sẽ không biết được điều gì cho tới khi làm thử. Ông định làm gì, hả Iorek?”

“Tôi sẽ quay về Phương Bắc cùng với người dân của mình. Chúng tôi không thể sống trên núi được. Đến cả tuyết cũng khác biệt. Tôi cứ nghĩ chúng tôi có thể sống ở đây, nhưng chúng tôi sẽ sống dễ dàng hơn trên biển, kể cả nó có ấm đi chăng nữa. Để học được điều đó cũng đáng. Hơn nữa, tôi nghĩ chúng tôi sẽ trở nên cần thiết. Tôi có thể cảm thấy chiến tranh, Lyra Silvertongue ạ; tôi có thể ngửi thấy, có thể nghe thấy nó. Tôi đã nói chuyện với Serafina Pekkala trước khi đi đến đây, cô ấy nói sẽ đến chỗ Ngài Faa và những người du mục. Nếu chiến tranh nổ ra, người ta sẽ cần đến chúng tôi.”

Lyra ngồi dậy, phấn khởi khi nghe thấy tên của những người bạn cũ. Nhưng Iorek vẫn chưa nói hết. Nó tiếp tục:

“Nếu cô không thể tìm được đường ra khỏi thế giới của người chết, chúng ta sẽ không gặp lại nữa, vì tôi không có linh hồn. Cơ thể tôi sẽ lưu lại trên trái đất và rồi trở thành một phần của nó. Nhưng nếu cả cô và tôi đều sống sót, cô sẽ luôn là một vị khách danh dự và được chào đón ở Svalbard; cả Will cũng vậy. Cậu bé đã kể cho cô nghe về chuyện xảy ra khi chúng tôi gặp nhau chưa?”

“Chưa,” Lyra nói, “ngoại trừ nó diễn ra ở bên một con sông.”

“Cậu ta đã dối đầu với tôi. Tôi cứ nghĩ không kẻ nào có thể làm được điều đó, nhưng cậu bé đang lớn này lại quá táo bạo đối với tôi, và quá khôn ngoan. Tôi không hài lòng vì cố phải làm theo kế hoạch đặt ra, nhưng sẽ

không có ai khiến tôi tin tưởng để đi cùng cô trừ cậu bé đó. Hai người rất thích hợp với nhau. Lên đường cẩn thận nhé, Lyra Silvertongue, người bạn yêu quý.”

Cô bé vội lên ôm lấy cổ con gấu và vùi mặt vào bộ lông của nó, không nói nổi nên lời.

Một phút sau nó nhẹ nhàng đứng dậy gỡ tay cô bé ra, rồi quay đi và lặng lẽ bước vào màn đêm. Lyra nghĩ rằng hình bóng của con gấu gần như biến mất ngay tức khắc trong màu sắc nhợt nhạt của mặt đất tuyết phủ, nhưng cũng có thể là do mắt cô đang đầy ắp nước.

Khi nghe thấy tiếng bước chân của Lyra trên lối mòn, Will nhìn sang hai mặt thám và nói: “Đừng có cử động. Nhìn này - con dao đang ở đây - tôi không dùng đến nó đâu. Ở lại đây đi.”

Cậu bước ra ngoài và thấy Lyra đang đứng im, nước mắt khóc, cùng với Pantalaimon trong dạng sói ngẩng mặt lên nền trời đen. Cô bé gần như không phát ra tiếng động nào. Nguồn sáng duy nhất tới từ ánh phản chiếu yếu ớt trên gờ tuyết quanh tàn tích của đồng lửa, bản thân nó phản chiếu lên đôi má ửng của cô bé, rồi những giọt nước mắt của cô lại tìm thấy bóng hình mình trong đôi mắt của Will, cứ như vậy những hạt photon này đan kết cả hai lại trong một mạng lưới thâm lặng.

“Tớ yêu mến ông ấy lắm, Will ạ!” Cuối cùng cô cũng run rẩy thốt lên được. “Ông ấy trông *già* quá! Trông ông ấy vừa đói vừa già và đau buồn... Có phải bây giờ mọi việc đều dồn lên chúng ta không, Will? Giờ chúng ta không thể dựa dẫm vào ai khác, không phải sao... Chỉ có mỗi hai ta. Nhưng chúng ta vẫn chưa đủ lớn. Chúng ta vẫn còn nhỏ... Vẫn còn *quá* nhỏ... Nếu ông Scoresby tội nghiệp đã chết còn Iorek thì già cỗi... Tất cả sẽ dồn lên chúng ta, những việc cần phải hoàn thành.”

“Chúng ta có thể làm mà,” cậu nói. “Tớ sẽ không bàn lùi nữa đâu. Chúng ta làm được. Nhưng giờ thì chúng ta phải đi ngủ đã. Mà nếu chúng ta ở lại thế giới này, mấy cái thứ xa thẳng kia có thể sẽ kéo tới, cái đám mà các mặt thám kia gọi đến... Bây giờ tớ sẽ cắt xuyên và chúng ta sẽ tìm một thế

giới khác để nghỉ ngơi. Nếu hai mật thám kia đi cùng thì không hay chút nào, chúng ta sẽ phải tổng khứ họ đi thêm một lần nữa.”

“Ừ,” cô bé nói, sục sục rồi quẹt mu bàn tay ngang qua mũi, dụi mắt bằng cả hai lòng bàn tay. “Làm vậy đi. Cậu chắc con dao sẽ hoạt động được chứ? Cậu đã kiểm tra rồi à?”

“Tớ biết nó sẽ làm được.”

Có Pantalaimon trong dạng hổ để ngăn cản các mật thám, chúng hi vọng, Will và Lyra quay trở lại lấy đồ đạc của mình.

“Hai người định làm gì?” Salmakia hỏi.

“Vào một thế giới khác,” Will nói trong lúc lấy con dao ra. Nó có cảm giác như đã hoàn toàn lạnh lặn; cậu không hề nhận ra mình đã yêu quý nó đến nhường nào.

“Nhưng hai người phải đợi đoàn xa thăng của Ngài Asriel,” Tialys nói, giọng đanh lại.

“Chúng tôi không làm vậy đâu,” Will nói. “Nếu dám đến gần con dao, tôi sẽ giết các người. Nếu cần thiết thì cứ đi qua cùng với chúng tôi, nhưng các người không bắt chúng tôi phải ở lại được đâu. Chúng tôi đi đây.”

“Cậu nói dối!”

“Không,” Lyra nói, “là tôi đã nói dối. Will thì không. Các người đã không nghĩ tới điều đó.”

“Nhưng hai người định đi đâu?”

Will không trả lời. Cậu lần tìm phía trước trong khoảng không lờ mờ rồi cắt lấy một lối thông.

Salmakia nói: “Đây là một sai lầm. Cậu nên nhận ra điều đó và nghe lời chúng tôi. Cậu không nghĩ...”

“Có đấy,” Will nói, “chúng tôi đã suy nghĩ rất kĩ, chúng tôi sẽ kể cho các người nghe điều mình đã nghĩ vào ngày mai. Các người có thể đến nơi chúng tôi tới hoặc có thể trở về với Ngài Asriel.”

Ô cửa sổ mở ra thế giới mà cậu đã chạy trốn cùng với Baruch và Balthamos, là nơi mà cậu đã ngủ một cách an toàn: bãi biển ấm áp trải dài

vô tận với những thân cây như dương xỉ đằng sau những cồn cát. Cậu nói:

“Đây - chúng ta sẽ ngủ ở đây - chỗ này được đấy.”

Cậu để cho họ đi qua rồi đóng lại ngay lập tức. Trong lúc cậu và Lyra nằm xuống, hoàn toàn kiệt sức, Công nương Salmakia canh chừng còn vị hiệp sĩ thì mở chiếc máy cộng hưởng đá nam châm ra và bắt đầu gửi một thông điệp vào màn đêm.

16

Phi cơ ý lực

Từ mái nhà vòm

Mặt dây bằng Ma thuật huyền ảo xếp thành nhiều dãy

Những ngọn đèn Sao xa và Đèn chòì canh sáng chói

Được cấp Dầu mỡ và Nhựa đường sản sinh quang năng

John Milton

“*Con* của ta! *Con gái* của ta! Nó đâu rồi? Các người đã làm gì? Lyra của ta - thà các người xé nát tim gan ta ra - nó đã đang an toàn bên ta, *an toàn*, giờ thì nó đâu mất rồi?”

Tiếng kêu khóc của Phu nhân Coulter vang dội khắp căn phòng nhỏ trên đỉnh ngọn tháp đá kim cương. Bà đang bị trói vào một cái ghế, tóc tai rối bời, quần áo rách rưới, đôi mắt điên dại; con linh thú khỉ của bà đang vùng vẫy, quấy đạp trên sàn trong mớ xích bằng bạc.

Ngài Asriel ngồi gần đó, nguệch ngoạc viết lên một mẫu giấy, không buồn bận tâm. Một người lính liên lạc đứng cạnh ông, lo lắng liếc nhìn người phụ nữ. Khi Ngài Asriel trao cho mẫu giấy, ông ta liền cúi chào rồi vội vã đi ra, con linh thú chó sục bám sát gót, đuôi cụp hẳn xuống.

Ngài Asriel quay sang Phu nhân Coulter.

“Lyra à? Nói thật, ta chẳng quan tâm,” ông nói, giọng ông trầm và khàn. “Cái con bé tệ hại đó đáng ra nên ở nơi nó được đặt và làm việc nó

được sai. Ta không thể tốn thêm thời gian hay tiềm lực cho nó được; nếu nó từ chối được giúp đỡ thì cứ để nó xử lý hậu quả.”

“Anh không có ý đó, Asriel, nếu không anh đã chẳng...”

“Ta nói thật từng lời một đấy. Những rối loạn mà nó gây ra hoàn toàn không cân xứng chút nào với công lao của nó. Một đứa con gái Anh tầm thường, không được thông minh cho lắm...”

“Nó thông minh mà!” Phu nhân Coulter nói.

“Được rồi; lanh lợi nhưng không hiểu biết; bốc đồng, không trung thực, tham lam...”

“Dùng cảm, hào phóng, tình cảm.”

“Một đứa trẻ hoàn toàn bình thường, chẳng có gì đặc biệt...”

“Hoàn toàn bình thường? Lyra ấy à? Nó là đứa có một không hai. Thử nghĩ về những gì nó đã làm xem. Cứ ghét nó nếu anh muốn, Asriel ạ, nhưng đừng có tỏ vẻ kẻ cả với con gái của mình. Nó vẫn đang an toàn bên em, cho tới khi...”

“Em nói đúng,” ông nói rồi đứng dậy. “Nó *rất* đặc biệt. Vì đã khiến em trở nên nhu mì và mềm yếu - quả là chuyện hiếm có. Nó đã rút hết nọc độc của em rồi, Marisa ạ. Nó đã bẻ gãy răng của em. Ngọn lửa của em đã bị cơn mưa bụi của lòng hiếu thảo ủy mị khiến cho nguội lạnh. Ai mà dám nghĩ tới chuyện đó cơ chứ? Thuộc hạ tàn nhẫn của Giáo hội, kẻ điên loạn ngược đãi trẻ em, nhà sáng chế những cỗ máy găm guốc nhằm cắt chúng ra làm đôi và tìm kiếm trong những bản thể nhỏ bé hoảng sợ của chúng bất cứ bằng chứng nào của *tội lỗi* - rồi một con bé hỗn xược, ngu dốt, ăn nói thô tục với những cái móng tay bẩn thỉu đến, và em cứ thế cục cục kêu rồi phủ lông lên che chở cho nó như gà mái mẹ vậy. Quả thật ta cũng phải thừa nhận rằng đứa bé hăn phải có một thiên bẩm mà bản thân ta chưa từng chứng kiến. Nhưng nếu tất cả những gì nó làm là biến em thành một bà mẹ mê mẩn thì đó là một tài năng nghèo nàn, tẻ nhạt và vớ vẩn. Còn giờ thì em cũng nên im lặng đi. Ta đã yêu cầu các chỉ huy trưởng của mình tới họp bàn khẩn cấp, nếu em không thể kiểm soát được tiếng ồn của mình thì ta sẽ nhét giẻ vào mồm đấy.”

Phu nhân Coulter hóa ra lại giống con gái mình hơn cả bà biết. Câu trả lời của bà cho điều này là nhổ vào mặt Ngài Asriel. Ông ta điềm tỉnh lau đi rồi nói: “Một cái giẻ cũng sẽ kết thúc cái kiểu cư xử đó.”

“Ồ, cứ sửa lại nếu em nói sai, Asriel ạ,” bà nói, “kẻ phô bày tù nhân của mình cho các sĩ quan cấp dưới trong tình trạng bị trói vào ghế rõ ràng là một hoàng tử lịch thiệp rồi. Cởi trói cho em, hoặc em sẽ ép anh phải nhét giẻ vào miệng em.”

“Như em muốn,” ông nói rồi lấy một chiếc khăn lụa ra từ ngăn kéo; nhưng trước khi ông có thể buộc nó quanh miệng bà, bà vội lắc đầu.

“Không, không,” bà kêu lên, “Asriel, đừng, làm ơn, đừng khiến em phải chịu nhục nhã.”

Những giọt nước mắt căm giận ứa ra từ đôi mắt bà.

“Được rồi, ta sẽ cởi trói cho em, nhưng nó thì vẫn sẽ ở nguyên trong xích,” ông ta nói rồi thả chiếc khăn vào ngăn kéo trước khi cắt dây trói bà bằng một con dao gập.

Bà xoa cổ tay, đứng dậy, vươn vai, và chỉ khi đó bà mới nhận ra tình trạng quần áo và đầu tóc mình. Trông bà thật hốc hác và nhợt nhạt; lượng nọc độc cuối cùng của người Gallivespia vẫn còn lưu lại trong cơ thể, khiến cho các khớp của bà đau đớn khổ sở, nhưng bà sẽ không để lộ cho ông ta thấy điều đó.

Ngài Asriel nói: “Em có thể tắm rửa trong đó,” ám chỉ một căn phòng nhỏ không lớn hơn một cái tủ quần áo là bao.

Bà ẵm con linh thú đang bị xích của mình lên rồi đi qua để sửa sang cho gọn gàng hơn. Con khỉ giương đôi mắt hiểm ác lờm Ngài Asriel qua vai bà.

Người lính liên lạc bước vào để thông báo:

“Đức ngài Quốc vương Ogunwe và Ngài Roke.”

Viên chỉ huy người Phi châu và Gallivespia bước vào: Quốc vương Ogunwe trong bộ quân phục tươm tất, với một vết thương trên thái dương

vừa mới được băng bó, còn Ngài Roke cười trên con điều hâu màu xanh của mình lao vút về phía chiếc bàn.

Ngài Asriel nồng hậu chào đón họ rồi mời rượu. Con chim để cho người cười mình bước xuống rồi bay về phía thanh rầm chia gần cửa ra vào trong lúc người lính liên lạc thông báo vị thứ ba trong số những chỉ huy tối cao của Ngài Asriel, một thiên thần với cái tên Xaphania. Bà ta có thứ bậc cao hơn hẳn so với Baruch và Balthamos, có thể nhìn thấy được nhờ một thứ ánh sáng lung linh, lay động dường như rọi tới từ một nơi xa xăm.

Vào lúc này Phu nhân Coulter đã xuất hiện, trông gọn gàng hơn nhiều, và cả ba vị chỉ huy đều cúi chào bà. Nếu bà có ngạc nhiên trước vẻ ngoài của họ thì cũng không tỏ ra ngoài mặt chút nào, bà chỉ nghiêng đầu rồi hiền hòa ngồi xuống, tay ôm lấy con khi đang bị trói chặt.

Không để phí thời gian, Ngài Asriel liền nói: “Hãy kể cho ta sự việc đã xảy ra đi, Quốc vương Ogunwe.”

Người Phi châu, với vẻ uy quyền và giọng nói trầm, lên tiếng: “Chúng tôi đã giết mười bảy tên Vệ binh Thụy Sĩ và phá hủy hai chiếc zeppelin, bị thiệt hại năm người và một xa thăng. Đứa con gái và thăng bé đã trốn thoát. Chúng tôi đã bắt được Quý bà Coulter, bất chấp sự chống trả kiên cường của bà, và đưa bà đến đây. Tôi hi vọng bà ấy cảm thấy mình được đối xử lịch sự.”

“Tôi khá hài lòng với cách ông đối đãi tôi, thưa ông,” bà nói, cùng với một chút nhún rất nhẹ lên từ *ông*.

“Số xa thăng còn lại có bị hư hại gì không? Có ai bị thương không?” Ngài Asriel hỏi.

“Có vài hư hại và vài người bị thương, nhưng đều không đáng kể.”

“Tốt. Cảm ơn ông, Quốc vương; lực lượng của ông làm rất tốt. Ngài Roke, ông đã nghe ngóng được gì rồi?”

Người Gallivespia đáp: “Các mật thám của tôi đang đi cùng thăng bé và đưa con gái tại một thế giới khác. Cả hai đứa trẻ đều an toàn và khỏe mạnh, dù cho đứa con gái đã bị bắt uống thuốc ngủ trong nhiều ngày trời. Thăng bé làm hư con dao của mình trong chuỗi sự kiện xảy ra tại hang động:

Do một tai nạn nào đó, con dao đã bị gãy thành nhiều mảnh. Nhưng giờ thì nó đã nguyên vẹn trở lại nhờ một sinh vật đến từ phía bắc thuộc thế giới của ngài, Ngài Asriel ạ, một con gấu khổng lồ, rất thành thạo nghề rèn. Ngay sau khi con dao được sửa, thằng bé cắt lối thông vào một thế giới khác, nơi chúng đang ở hiện tại. Các mật thám của tôi đương nhiên là đang ở cùng với chúng, nhưng có một khó khăn: Chừng nào thằng bé còn giữ con dao thì nó không thể bị bắt ép làm bất cứ điều gì; nhưng nếu họ giết nó khi đang ngủ thì con dao sẽ trở nên vô dụng với chúng ta. Tạm thời, Hiệp sĩ Tialys và Công nương Salmakia sẽ đi cùng chúng đến bất cứ nơi nào chúng tới, vậy nên ít nhất chúng ta cũng có thể theo dấu được chúng. Có vẻ như chúng đang có một kế hoạch trong đầu; có thuyết phục đến mấy thì chúng cũng không chịu đến đây. Hai người của tôi sẽ không để mất dấu chúng đâu.”

“Chúng có được an toàn ở cái thế giới mới mà chúng đang ở không?” Ngài Asriel hỏi.

“Chúng đang ở trên bãi biển gần một khu rừng dương xỉ. Không có dấu hiệu gì của sự sống động vật ở gần đó. Trong lúc chúng ta nói chuyện, cả hai đứa trẻ đều đang ngủ; tôi vừa nói chuyện với Hiệp sĩ Tialys chưa đầy năm phút trước.”

“Cảm ơn ông,” Ngài Asriel nói. “Giờ khi cả hai đặc vụ của ông đều đang đi theo bọn trẻ, hẳn nhiên là chúng ta không còn tai mắt nào trong Huấn Quyền nữa. Chúng ta sẽ phải dựa vào Chân Kế thôi. Ít nhất...”

Rồi, trước sự ngạc nhiên của họ, Phu nhân Coulter lên tiếng.

“Tôi không biết về những nhánh khác,” bà nói, “nhưng trong phạm vi liên quan đến Tòa án Công giáo thì Chân Kế gia mà họ nhờ cậy là Đan sĩ Pavel Rasek. Ông ta là một người rất cẩn thận, chỉ có điều là chậm chạp thôi. Phải vài tiếng nữa họ mới biết được Lyra đang ở đâu.”

Ngài Asriel nói: “Cảm ơn em, Marisa. Em có biết gì về kế hoạch tiếp theo của Lyra và thằng bé này không?”

“Không,” bà đáp. “em không biết gì cả. Em đã nói chuyện với thằng bé, có vẻ như nó là một đứa trẻ cứng đầu, một đứa quá quen với việc giữ bí mật.

Em không thể đoán nổi nó sẽ làm gì. Còn về Lyra, để hiểu được nó gần như vô vọng.”

“Thưa ông,” Quốc vương Ogunwe nói, “liệu chúng tôi có thể biết quý bà đây có phải là một thành viên của hội đồng chỉ huy này không? Nếu có thì nhiệm vụ của bà ấy là gì? Còn không thì không phải bà ấy nên được đưa đi chỗ khác sao?”

“Bà ấy là tù binh của chúng ta và là khách của ta. Do nguyên là một đặc vụ xuất sắc của Giáo hội, bà ấy có thể có những thông tin hữu ích.”

“Liệu bà ấy có sẵn sàng tiết lộ điều gì không? Hay là cần phải bị tra khảo?” Ngài Roke hỏi, vừa nói vừa nhìn thẳng vào bà.

Phu nhân Coulter phá lên cười.

“Tôi cứ nghĩ các chỉ huy của Ngài Asriel sẽ hiểu biết nhiều hơn là hi vọng vào sự thật được tiết lộ nhờ tra tấn chứ,” bà nói.

Ngài Asriel không thể không thích thú trước sự giả tạo không hề che giấu của bà.

“Ta đảm bảo tư cách của Phu nhân Coulter,” ông nói. “Bà ấy biết điều gì sẽ xảy ra nếu phản bội chúng ta; dù bà ấy sẽ không có cơ hội đó đâu. Tuy nhiên, nếu có ai trong các ông cảm thấy nghi ngờ thì cứ nói luôn ra, đừng sợ.”

“Tôi,” Quốc vương Ogunwe nói, “nhưng tôi nghi ngờ ông chứ không phải bà ấy.”

“Tại sao?” Ngài Asriel hỏi.

“Nếu bị bà ấy quyến rũ, ông sẽ không kháng cự. Bắt bà ấy là đúng, nhưng mời bà ấy vào hội đồng này là sai lầm. Cứ đối xử thật lịch sự, cung cấp những tiện nghi tốt nhất cho bà ấy, nhưng hãy để bà ấy ở chỗ khác, và tránh xa bà ấy ra.”

“Chà, tôi đã mời ông phát biểu,” Ngài Asriel nói, “nên tôi phải chấp nhận sự khiển trách của ông. Tôi coi trọng sự hiện diện của ông hơn của bà ấy, thưa Quốc vương. Tôi sẽ đưa bà ấy ra ngoài.”

Ông với lấy cái chuông, nhưng trước khi kịp rung thì Phu nhân Coulter đã lên tiếng.

“Làm ơn,” bà khẩn khoản nói, “nghe tôi nói trước đã. Tôi có thể giúp. Tôi là người thân cận nhất với trái tim của Huân Quyền hơn bất cứ ai mà các vị có khả năng tìm thấy. Tôi biết cách mà họ suy nghĩ, tôi có thể đoán họ sẽ làm gì. Các vị tự hỏi vì sao lại phải tin tưởng tôi, điều gì đã khiến tôi rời bỏ họ ư? Rất đơn giản: Họ định sẽ giết con gái tôi. Họ không dám để nó sống. Vào khoảnh khắc tôi phát hiện ra nó là ai - nó là thứ gì - giới phù thủy đã tiên đoán gì về nó - tôi biết rằng mình phải rời khỏi Giáo hội; tôi biết rằng mình là kẻ thù của họ, và họ là kẻ thù của tôi; tôi không biết *các vị* là gì, và tôi là gì đối với các vị - đó là một điều bí ẩn; nhưng tôi biết rằng mình phải đặt bản thân chống lại Giáo hội, chống lại mọi thứ họ tin tưởng, và nếu cần thiết, chống lại cả chính Đấng Quyền Năng. Tôi...”

Bà dừng lại. Tất cả các chỉ huy đều đang chăm chú lắng nghe. Giờ thì bà chuyển sang nhìn thẳng vào Ngài Asriel và dường như chỉ nói riêng với ông, giọng bà hạ xuống, nồng nàn, đôi mắt sáng lấp lánh.

“Em đã là một người mẹ tồi tệ nhất thế gian. Em đã để cho con của chính mình bị đưa đi khi nó mới chỉ là một đứa trẻ sơ sinh nhỏ xíu, bởi vì em không quan tâm đến nó; em chỉ quan tâm đến sự thăng tiến của bản thân. Em đã không nghĩ về nó trong nhiều năm trời, mà nếu có thì chỉ là để hối tiếc về nỗi hổ thẹn mà sự ra đời của nó gây ra.

“Nhưng khi Giáo hội bắt đầu tỏ ra hứng thú tới Bụi và lũ trẻ con, một điều gì đó đã được khơi lên trong tim, và em nhớ ra rằng mình là một người mẹ còn Lyra là... con của em.

“Và vì có một mối đe dọa nên em đã cứu nó khỏi điều đó. Cho đến giờ đã có ba lần em phải vào cuộc để kéo nó ra khỏi hiểm họa. Lần đầu là khi Ủy ban Hiến tế bắt đầu công việc của mình: Em đã tới Học viện Jordan và đưa nó tới sống cùng mình ở London, nơi em có thể giữ cho nó an toàn khỏi Ủy ban... hoặc là em đã hi vọng thế. Nhưng nó đã bỏ chạy.

“Lần thứ hai là ở Bolvangar, khi em tìm thấy nó vừa kịp lúc, bên dưới - bên dưới con dao của... Tim em đã gần như ngừng đập... Đó là điều mà họ

- chúng em - điều mà em đã làm với những đứa trẻ khác, nhưng khi đó là con của em... Ôi, anh không thể hiểu được nỗi kinh hoàng vào khoảnh khắc đó đâu, hi vọng anh sẽ không bao giờ phải chịu đựng điều em đã gặp phải lúc đó... Nhưng em đã cứu thoát được nó; em đã đưa nó ra; em đã cứu nó lần thứ hai.

“Nhưng kể cả khi làm vậy, em vẫn cảm thấy mình là một phần của Giáo hội, một người bày tội, một bày tội trung thành, ngoan đạo và tận tâm, bởi vì lúc đó em đang thực hiện nhiệm vụ của Đảng Quyền Năng.

“Rồi em biết tới lời tiên tri của các phù thủy. Không bao lâu nữa, bằng cách nào đó, Lyra sẽ bị cám dỗ, giống như Eve đã từng - đó là điều họ nói. Sự cám dỗ này sẽ xảy ra dưới dạng nào thì em không biết, nhưng xét cho cùng thì con bé cũng đang lớn lên. Không khó để có thể tưởng tượng được. Và giờ khi Giáo hội cũng đã biết điều đó, họ sẽ giết con bé. Nếu tất cả đều phụ thuộc vào nó thì liệu họ có thể mạo hiểm để cho nó sống không? Liệu họ có dám đánh liều đặt cược rằng nó sẽ từ chối sự cám dỗ này, dù cho đấy có là gì đi nữa không?

“Không, họ nhất định sẽ giết nó. Nếu có thể, họ sẽ trở lại Vườn Địa Đàng để giết Eve trước khi *cô ta* bị cám dỗ. Giết chóc không phải là điều gì khó khăn đối với họ; bản thân Calvin đã ra lệnh hạ sát lũ trẻ; họ sẽ giết nó với sự long trọng, nghi lễ, những lời cầu nguyện, than khóc và những bài thánh ca, nhưng họ sẽ giết nó. Nếu rơi vào tay họ, con bé sẽ chết.

“Vậy nên khi nghe điều ả phù thủy nói, em đã cứu con gái mình lần thứ ba. Em đã đưa nó tới nơi có thể giữ cho nó an toàn, và dự định lưu lại đó.”

“Bà đã đánh thuốc con bé,” Quốc vương Ogunwe nói. “Bà đã giữ cho nó ở trạng thái bất tỉnh.”

“Tôi buộc phải làm thế,” Phu nhân Coulter nói, “vì nó ghét tôi,” đến đây thì giọng của bà, vốn đang ngập tràn cảm xúc nhưng vẫn trong tầm kiểm soát, đột ngột òa ra thành một tiếng thốn thức, run rẩy khi bà nói tiếp: “Nó kinh sợ và ghét bỏ tôi, nó hẳn đã bỏ chạy khi nhìn thấy tôi giống như một con chim bỏ trốn khi thấy mèo nếu tôi không đánh thuốc để nó ngủ quên đi. Các vị có biết cảm giác của một người mẹ khi phải làm vậy không? Nhưng

đó là cách duy nhất để giữ cho nó an toàn! Suốt cả thời gian đó trong động... say ngủ, mắt nó nhắm nghiền, cơ thể bất động, linh thú cuộn tròn bên cổ... Ôi, tôi cảm thấy một tình yêu, một sự dịu dàng, một thứ thật sâu sắc... Con của tôi, lần đầu tiên tôi có thể làm những điều đó cho nó, đưa con bé bỏng... Tôi tắm rửa cho nó, cho nó ăn, giữ cho nó an toàn và ấm áp, tôi đảm bảo cho cơ thể nó được nuôi dưỡng trong khi ngủ... Tôi nằm bên nó mỗi đêm, ẵm nó trong vòng tay mình, tôi khóc vào mái tóc nó, hôn lên đôi mắt đang ngủ của nó, con gái bé bỏng của tôi...”

Bà không hề thấy xấu hổ. Bà nói thật khẽ, không hề lớn tiếng diễn thuyết; và khi một tiếng thốn thức khiến người bà giật lên, nó cũng bị bóp nghẹt lại thành một tiếng nấc, như thể bà đang cố dìm những cảm xúc của mình xuống vì phép lịch sự. Điều đó lại khiến cho những lời nói dối trắng trợn của bà càng trở nên hiệu quả, Ngài Asriel ghê tởm nghĩ; bà ta dối trá từ tận trong xương tủy.

Bà hướng những lời lẽ của mình chủ yếu về phía Quốc vương Ogunwe, dù cho không hề tỏ ra cố tình, và Ngài Asriel cũng nhận thấy điều đó. Không chỉ vì quốc vương là kẻ buộc tội chính, mà ông còn là một con người, không giống như thiên thần hay Ngài Roke, bà biết cách lợi dụng ông ta.

Mặc dù vậy, trên thực tế mật thám người Gallivespia mới là kẻ chịu ấn tượng mạnh mẽ nhất từ bà. Ngài Roke cảm nhận được bản chất của bà rất gần với một con bọ cạp mà ông từng chạm trán, ông ý thức rất rõ về sức mạnh của nọc độc mà mình có thể nhận biết được bên dưới chất giọng dịu dàng của bà ta. Tốt hơn hết là nên giữ cho lũ bò cạp ở nơi ta có thể thấy được chúng, ông nghĩ.

Vì vậy ông ủng hộ Quốc vương Ogunwe khi ông này đổi ý và tranh luận rằng bà nên ở lại, khiến Ngài Asriel cảm thấy như mình vừa bị đánh vào mạn sườn: Vì giờ ông muốn bà đi chỗ khác, nhưng bản thân lại đã đồng ý nghe theo nguyện vọng từ các chỉ huy của mình.

Phu nhân Coulter nhìn ông với một biểu hiện quan tâm đầy dịu dàng và tiết hạnh. Ông đoán chắc rằng chẳng ai có thể thấy vẻ đắc thắng ranh mãnh

lóa lên ở tận sâu cùng trong đôi mắt tuyệt đẹp của bà.

“VẬY thì cứ ở lại,” ông nói. “Nhưng em đã nói đủ rồi. Giờ thì yên lặng đi. Ta muốn cân nhắc đề xuất xây dựng một đồn đóng quân trên biên giới phía nam. Các vị đã xem bản báo cáo rồi: Nó có thực hiện được không? Có đáng trông đợi không? Tiếp đến ta muốn kiểm tra kho vũ khí. Sau đó ta muốn nghe Xaphania nói về việc phân bổ các lực lượng thiên thần. Đầu tiên là về đồn đóng quân. Quốc vương Ogunwe?”

Vị lãnh đạo người Phi châu bắt đầu. Họ trao đổi trong một lúc, Phu nhân Coulter bị ấn tượng bởi kiến thức xác đáng của họ về lực lượng phòng vệ của Giáo hội và sự đánh giá rõ ràng về sức mạnh của các lãnh đạo trong đó.

Nhưng giờ khi Tialys và Salmakia đang ở với lũ trẻ, và Ngài Asriel không còn một mật thám nào trong Huấn Quyền, kiến thức của họ sẽ mau chóng trở nên lỗi thời một cách nguy hiểm. Một ý tưởng nảy ra trong đầu Phu nhân Coulter, bà và con linh thú khi liền trao đổi một cái liếc nhìn có cảm giác như một tia mạch cực lớn; nhưng bà không nói gì mà chỉ vuốt ve bộ lông vàng óng ả của con khi trong lúc lắng nghe các vị chỉ huy.

Rồi Ngài Asriel nói: “Đủ rồi. Đó là vấn đề chúng ta sẽ giải quyết sau. Giờ đến kho vũ khí. Phi cơ ý lực đã sẵn sàng để kiểm tra. Chúng ta sẽ đi xem sao.”

Ông lấy một chiếc chìa khóa bạc từ trong túi rồi mở khóa dây xích quanh chân và tay con khi vàng, cẩn thận không để chạm tay vào dù chỉ là một đầu sợi lông vàng.

Ngài Roke leo lên con điều hâu của mình rồi theo sau những người còn lại trong lúc Ngài Asriel bắt đầu bước xuống cầu thang của tòa tháp rồi đi ra bờ tường thành gần lỗ châu mai.

Một cơn gió lạnh thổi tới đập vào mí mắt họ, con điều hâu màu xanh thẫm chao liệng trên một luồng gió mạnh, lượn vòng và gào thét trong bầu không khí bão táp. Quốc vương Ogunwe kéo áo khoác quanh người rồi đặt bàn tay lên đầu con linh thú báo cheetah của mình.

Phu nhân Coulter nhún nhường nói với vị thiên thần:

“Xin thứ lỗi thưa quý bà: Tên bà là Xaphania?”

“Phải,” thiên thần đáp.

Vẻ ngoài của thiên thần này gây ấn tượng với Phu nhân Coulter không khác gì những người bạn của bà đã gây ấn tượng với Ruta Skadi khi cô phù thủy thấy họ trên trời: Cơ thể bà không phải đang tỏa sáng, mà là được rọi chiếu lên, dù cho chẳng có nguồn ánh sáng nào cả. Bà mang vóc dáng cao ráo, ở trần, có cánh, gương mặt hằn nếp già cỗi hơn bất cứ sinh vật sống nào mà Phu nhân Coulter từng nhìn thấy.

“Bà có phải là một trong những thiên thần đã nổi dậy từ cách đây rất lâu không?”

“Phải. Kể từ đó ta đã lang thang giữa rất nhiều thế giới. Giờ thì ta đã nguyện trung thành với Ngài Asriel, bởi vì ta thấy được trong việc làm táo bạo của ông ấy niềm hi vọng lớn nhất để cuối cùng cũng hủy diệt được tên bạo chúa kia.”

“Nhưng nếu các vị thất bại thì sao?”

“Thì tất cả chúng ta sẽ bị diệt vong, và sự tàn ác sẽ vĩnh viễn ngự trị.”

Họ vừa nói vừa đi theo những dải bước vội vã của Ngài Asriel dọc trên bức tường thành gió quật, tới một cầu thang đồ sộ dẫn xuống sâu tới mức ánh sáng từ các đế nền tỏa rộng trên tường cũng chẳng thể soi tỏ phần đáy. Con điều hâu xanh lao qua họ và nhào xuống dưới sâu, sâu mãi trong ánh sáng mờ mờ, cứ mỗi lần nó vụt qua một nguồn sáng, bộ lông lại lóe lên cho tới khi nó chỉ còn là một tia lửa nhỏ xíu, rồi chẳng còn gì sót lại.

Vị thiên thần vừa tiến lên đi cạnh Ngài Asriel, còn Phu nhân Coulter thấy mình đã lùi xuống bên vị vua Phi châu.

“Xin hãy thứ lỗi cho sự ngu dốt của tôi, thưa ông,” bà nói, “nhưng tôi chưa từng nhìn thấy hay nghe nói về một ai giống như người đàn ông trên con điều hâu xanh cho tới khi trận chiến trong động hôm qua xảy ra... Ông ta từ đâu tới vậy? Ông có thể kể cho tôi nghe về dân tộc của ông ấy không? Tôi không đời nào dám xúc phạm ông ấy, nhưng nếu nói mà không biết tí gì về ông ấy thì rất có thể tôi sẽ vô tình trở nên vô lễ.”

“Bà hỏi là rất phải,” Quốc vương Ogunwe nói. “Dân tộc của ông ấy rất kiêu hãnh. Thế giới của họ phát triển không giống chúng ta; ở đó có hai dạng người có ý thức là con người và người Gallivespia. Con người hầu hết đều là bầy tôi của Đấng Quyền Năng, từ thời kì sơ khai nhất mà người ta có thể nhớ được, họ đã luôn muốn triệt tiêu những người tí hon. Họ cho rằng những người này là ma quỷ. Vì vậy những người Gallivespia vẫn không thể hoàn toàn tin tưởng những kẻ có cùng kích cỡ với chúng ta. Nhưng họ là những chiến binh dũng mãnh và kiêu hãnh, những kẻ thù chết người, và là những mật thám quý giá.”

“Người dân của ông ấy đều cùng phe với các vị, hay là họ cũng phân chia giống như con người vậy?”

“Có một vài người ở phe kẻ địch, nhưng phần lớn họ đều thuộc phe chúng ta.”

“Còn các thiên thần thì sao? Ông biết đấy, cho tới gần đây tôi vẫn cứ nghĩ thiên thần chỉ là chuyện bịa từ thời Trung Cổ; họ chỉ là nhân vật tưởng tượng... Thật là bối rối khi thấy chính mình lại đi nói chuyện với một thiên thần, phải không nào... Có bao nhiêu thiên thần đang ở phe Ngài Asriel vậy?”

“Phu nhân Coulter,” quốc vương nói, “những câu hỏi này chính là những thứ mà một tên do thám muốn tìm hiểu đó.”

“Vậy thì tôi hẳn phải là một tên do thám tinh vi lắm mới dám hỏi ông thẳng thừng như thế này,” bà trả lời. “Tôi là một tù binh, thưa ông. Kể cả có một nơi an toàn để chạy trốn thì tôi cũng không thể thoát ra được. Từ giờ tôi là một kẻ vô hại, tôi xin hứa với ông điều đó.”

“Nếu bà nói vậy thì tôi cũng rất vui lòng tin tưởng,” quốc vương nói. “Thiên thần khó hiểu hơn bất cứ con người nào. Đầu tiên, họ không phải đều thuộc cùng một giống loài; một số có sức mạnh lớn hơn những kẻ khác; giữa họ tồn tại những khối liên minh phức tạp, và những mối thù từ thời xa xưa mà chúng ta biết đến rất ít. Kể từ khi hình thành, Đấng Quyền Năng vẫn luôn đàn áp họ.”

Bà dừng khựng lại, thực sự bị sốc. Vị quốc vương Phi châu dừng lại bên cạnh, nghĩ rằng bà không được khoẻ, mà quả thực ánh sáng hừng hực từ đế nền phía trên đang hắt những cái bóng ma quái lên gương mặt bà.

“Ông nói điều đó thật thản nhiên,” bà nói, “như thể nó là điều tôi cũng nên biết vậy, nhưng... Làm sao có thể thế được? Đấng Quyền Năng đã tạo nên các thế giới, không phải sao? Ngài tồn tại trước tất thảy. Làm sao ngài có thể *hình thành* được?”

“Đây là kiến thức của các thiên thần,” Ogunwe đáp. “Nó đã khiến vài người trong chúng tôi choáng váng khi biết được rằng Đấng Quyền Năng lại không phải là đấng sáng tạo. Có thể đã có một đấng sáng tạo mà cũng có thể không: Chúng tôi không biết. Tất cả những gì chúng tôi biết là vào một thời điểm nào đó, Đấng Quyền Năng đã lên nắm quyền, và kể từ đó các thiên thần đã nổi dậy phản kháng, cả con người cũng đấu tranh chống lại ông ta. Đây là cuộc nổi dậy cuối cùng. Chưa có bao giờ mà con người và thiên thần, cùng các sinh vật từ mọi thế giới, lại cùng về một phe. Đây là lực lượng hùng mạnh nhất từng được tập hợp. Nhưng nó cũng có thể là vẫn chưa đủ. Rồi chúng ta sẽ thấy.”

“Nhưng Ngài Asriel có dự tính gì? Thế giới này là gì vậy, và tại sao ông ấy lại đến đây?”

“Ông ấy đưa chúng tôi tới đây vì thế giới này trống không. Chính xác là không có sự sống có ý thức. Chúng tôi không phải là thực dân, Phu nhân Coulter ạ. Chúng tôi không tới để xâm chiếm mà là để xây dựng.”

“Vậy ông ấy có định tấn công thiên quốc không?”

Ogunwe bình thản nhìn bà.

“Chúng tôi không định xâm phạm vào vương quốc đó,” ông đáp, “nhưng nếu họ xâm lược chúng tôi, họ nên sẵn sàng chiến đấu, bởi vì chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Phu nhân Coulter, tôi là một quốc vương, nhưng nhiệm vụ đáng tự hào nhất của tôi chính là gia nhập cùng Ngài Asriel để thiết lập một thế giới không tồn tại bất cứ vương quốc nào. Không vua, không giám mục, không thầy tu. Thiên quốc được biết tới dưới cái tên đó kể từ khi Đấng Quyền Năng lần đầu tiên đặt bản thân lên trên toàn bộ số thiên

thần còn lại. Chúng tôi thì không muốn điều đó chút nào. Thế giới này rất khác biệt. Chúng tôi dự định sẽ trở thành những công dân tự do của nền cộng hòa thiên đường.”

Phu nhân Coulter muốn nói thêm, muốn hỏi cả chục câu đang chờ nơi đầu lưỡi, nhưng vị quốc vương đã tiến lên, không muốn để chỉ huy của mình chờ đợi, và bà phải đi theo.

Cầu thang đưa xuống sâu đến mức vào lúc nó dẫn tới một tầng bằng phẳng, bầu trời phía sau họ nơi đầu cầu thang đã gần như biến mất. Còn lâu trước khi đi được nửa đường, bà đã gần như hụt hơi, nhưng bà không hề kêu ca phàn nàn gì mà cứ tiếp tục đi xuống cho tới khi nó mở thông tới một căn sảnh đồ sộ, được thắp sáng bởi những viên pha lê lấp lánh trên các cột trụ chống đỡ mái nhà. Thang, giá gỗ, rầm và cầu ván bắc ngang qua vùng tối mờ phía trên, với những hình dáng nhỏ xíu di chuyển tới lui một cách đầy quả quyết.

Ngài Asriel đang nói chuyện với các chỉ huy của mình khi Phu nhân Coulter tới nơi. Không buồn đợi để bà nghỉ ngơi, ông liền tiếp tục băng qua căn sảnh vĩ đại, nơi mà cứ thỉnh thoảng một bóng hình lanh lợi sẽ lướt qua không khí hay đáp xuống mặt sàn để trao đổi vài từ gãy gọn cụt lủn với ông. Không khí đặc quánh và ấm áp. Phu nhân Coulter để ý thấy rằng, có thể đoán được là vì phép lịch sự đối với Ngài Roke, mọi cột trụ đều có một rầm chia trống trơn cao cỡ đầu người để con điều hâu của ông có thể đậu vào đó và cho phép ông người Gallivespia tham gia vào cuộc thảo luận.

Nhưng họ không lưu lại trong đại sảnh lâu. Ở đầu bên kia, người phục vụ đã kéo mở một cánh cửa đôi nặng nề để họ đi qua, lên tới sân ga của một đường ray xe lửa. Đứng đợi ở đó là một toa tàu nhỏ đang đóng, được kéo bởi đầu máy chạy mạch.

Người kĩ sư cúi chào, con linh thú khi nâu lập tức lùi ra sau hai chân ông khi nhìn thấy con khi vàng. Ngài Asriel nói ngắn gọn với người đàn ông rồi dẫn những người khác vào toa tàu, nơi cũng giống như căn sảnh, nó được chiếu sáng bởi những viên pha lê lóng lánh, đính những rầm chia bằng bạc vào những tấm ván bằng gỗ dát ngựa bóng như gương.

Ngay khi Ngài Asriel vào cùng cả đoàn, con tàu bắt đầu chuyển bánh, lướt đi một cách êm dịu từ sân ga vào tới một đường hầm rồi nhanh chóng tăng tốc. Chỉ có âm thanh của bánh xe trên đường ray trơn nhẵn mới giúp họ đoán được vận tốc mình đang đi.

“Chúng ta đang đi đâu đây?” Phu nhân Coulter hỏi.

“Tới kho vũ khí,” Ngài Asriel đáp cụt lùn rồi quay đi để thủ thi với vị thiên thần.

Phu nhân Coulter nói với Ngài Roke: “Quý ông, có phải các mật thám của ông luôn được cử đi theo cặp không?”

“Sao bà lại hỏi vậy?”

“Chỉ đơn thuần là tò mò thôi. Tôi và linh thú của mình rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan khi chúng tôi gặp họ gần đây trong hang động đó, và tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy họ chiến đấu tài tình đến thế nào.”

“Tại sao lại *ngạc nhiên*? Bà không cho rằng những người có cớ như chúng tôi có thể là những chiến binh cừ khôi sao?”

Phu nhân nhìn ông ta với vẻ thờ ơ, ý thức được sự hung tợn trong lòng kiêu hãnh của ông.

“Không,” bà nói. “Tôi cứ nghĩ chúng tôi sẽ hạ gục các ông dễ dàng, nhưng các ông lại gần như đánh bại chúng tôi. Tôi rất vui được thừa nhận sai lầm của mình. Nhưng có phải các ông luôn chiến đấu theo cặp không?”

“*Các bà* là một cặp, không phải sao, bà và linh thú của bà ấy? Bà muốn chúng tôi nhượng bộ lợi thế đó sao?” Ông nói, nhìn bà chòng chọc với vẻ đầy ngạo mạn, đôi mắt sáng rực ngay cả trong ánh sáng rất nhẹ từ những khối pha lê, thách thức bà dám hỏi thêm.

Bà nhún nhún nhìn xuống và không nói gì nữa.

Vài phút trôi qua, Phu nhân Coulter cảm thấy đoàn tàu đang đưa họ đi xuống, vào sâu hơn trong lòng núi. Bà không thể đoán được họ đã đi xa chừng nào, nhưng khi ít nhất mười lăm phút đã qua, đoàn tàu bắt đầu chậm lại; rồi lập tức họ tiến tới một sân ga nơi ánh sáng đèn mạch trông thật rực rỡ sau bóng tối trong đường hầm.

Ngài Asriel mở cửa, cả đoàn bước ra bầu không khí nóng nực và đầy ngột lừ huỳnh đến mức Phu nhân Coulter phải há miệng thở gấp. Không gian rung lên bởi tiếng nện của những chiếc búa đồ sộ và tiếng rít lạnh lạnh của sắt trên đá.

Một người phục vụ kéo mở cánh cửa dẫn ra khỏi sân ga, ngay lập tức tiếng ồn tăng lên gấp đôi và hơi nóng quét qua họ như một cơn sóng xô. Một luồng sáng chói lòa thiêu đốt khiến họ phải đưa tay che mắt; chỉ mình Xaphania là dường như không hề bị ảnh hưởng bởi sự công kích dữ dội của âm thanh, ánh sáng và nhiệt độ cao. Khi các giác quan đã được điều chỉnh, Phu nhân Coulter nhìn xung quanh, ánh mắt tràn đầy sự hiếu kì.

Bà đã từng thấy các xưởng rèn, xưởng gia công đồ sắt, nhà máy chế tạo ở thế giới của mình: cơ sở đồ sộ nhất cũng chỉ như một lò rèn phường bên cạnh nơi này. Những cái búa to bằng tòa nhà được nâng vút lên tới trần ở tít trên cao rồi lẳng xuống để làm phẳng những thanh sắt cỡ thân cây, đập chúng dẹp lép chỉ trong tích tắc với một cú động khiến cả ngọn núi chao đảo; từ một lỗ thông trên bức tường đá, một dòng sông kim loại chứa lưu huỳnh nóng chảy tuôn ra cho tới khi nó bị cắt ngang bởi cánh cổng bằng đá kim cương, rồi dòng chất lỏng sôi sục chói lòa cuộn cuộn xô qua những ống dẫn, cửa cống, lên trên những con đập để vào từng dãy khuôn nối tiếp nhau, nó dừng lại và hạ nhiệt trong một đám mây khói độc hại; những cỗ máy xé và cuộn khổng lồ cắt, gấp, rồi ép những tấm thép dày vài tấc cứ như chúng chỉ là những tờ giấy ăn, và rồi những cái búa khủng khiếp kia lại đập bệt nó ra, sắp từng lớp kim loại lên nhau với một mãnh lực vĩ đại khiến các lớp tách biệt trở thành một lớp chắc chắn hơn, cứ thế liên tục, liên tục.

Nếu Iorek Byrnison có thể thấy được kho vũ khí này, có lẽ nó sẽ phải thừa nhận rằng những con người này có hiểu biết chút ít về việc thao tác với kim loại. Phu nhân Coulter thì chỉ có thể đứng nhìn trong kinh ngạc. Không thể nói ra để được thấu hiểu, mà cũng chẳng có ai thử làm điều đó. Giờ thì Ngài Asriel đang ra hiệu cho nhóm nhỏ này đi cùng ông dọc theo một lối đi kêu cọt kẹt, lơ lửng phía trên một căn hầm còn lớn hơn thế bên dưới, nơi các

thợ mỏ hì hục làm việc với nào cuốc, nào xẻng để bửa những khối kim loại sáng loáng từ tảng đá mẹ.

Họ băng qua lối đi rồi xuống một hành lang dài lờm chờm sỏi đá, nơi những khối thạch nhũ rủ xuống, lấp lánh các màu sắc lạ lùng, và nơi tiếng đập chát, mài giũa và búa nện dịu dần. Phu nhân Coulter có thể cảm nhận làn gió thanh mát phả lên gương mặt nóng bừng của mình. Những khối pha lê cho họ ánh sáng không được đặt trên các đế nền hay bọc trong các cột chống tỏa sáng, mà nằm rải rác khắp nơi trên sàn nhà. Không còn những ngọn đuốc tỏa sáng chói lọi để bổ sung hơi nóng, dần dần đoàn người bắt đầu cảm thấy lạnh trở lại; rồi đúng lúc đó họ bước ra, một cách khá đột ngột, vào bầu không khí của đêm thâu.

Họ đang ở nơi mà một phần của ngọn núi đã bị xẻ mất, tạo ra một khoảng không rộng mở không khác gì một thao trường. Xa hơn phía trước, họ có thể thấy những cánh cửa sắt khổng lồ được rọi sáng mờ mờ trong sườn núi, cái đóng cái mở; và từ một trong những khung cửa vĩ đại, người ta đang kéo một thứ gì đó được phủ vải dầu.

“Đó là gì vậy?” Phu nhân Coulter hỏi vị vua Phi châu, ông liền trả lời:

“Phi cơ ý lực đấy.”

Phu nhân Coulter không hiểu nổi cụm từ có thể mang ý nghĩa gì, bà quan sát với sự tò mò tột độ khi họ chuẩn bị bỏ lớp vải dầu ra.

Bà đứng sát vào Quốc vương Ogunwe như tìm chỗ che chở rồi nói: “Nó hoạt động như thế nào vậy? Nó làm được gì?”

“Chúng ta sắp được thấy rồi,” vị vua trả lời.

Cỗ máy trông giống như một dạng máy khoan phức tạp, hoặc buồng lái của một chiếc xe tăng, hay cabin của một cần trục khổng lồ. Nó có một mái che bằng kính bên trên một chỗ ngồi với ít nhất là một tá cần gạt và tay cầm xếp hàng phía trước mặt. Cỗ máy đứng trên sáu chân, mỗi cái lại được lắp và gắn vào thân theo một góc khác nhau, khiến cho nó trông vừa mạnh mẽ vừa vụng về; chính thân của cỗ máy cũng là một tập hợp rất nhiều đường ống dẫn, xi lanh, piston, cáp xoắn, chuyển mạch, van và thước tiêu chuẩn.

Thật khó có thể nói được đâu là kết cấu còn đâu không phải, vì nó chỉ được chiếu sáng từ đằng sau, phần lớn cỗ máy bị giấu trong bóng tối ảm đạm.

Ngài Roke trên con điều hâu của mình đã lượn thẳng tới đó, bay vòng phía trên, rà soát cỗ máy từ đủ mọi hướng. Ngài Asriel và thiên thần đang thảo luận căng thẳng với các kĩ sư. Các công nhân đang trèo xuống từ chính chiếc phi cơ, một người mang theo kẹp tài liệu, người khác mang một cuộn dây cáp dài.

Phu nhân Coulter thềm thường nhìn chiếc phi cơ, ghi nhớ từng bộ phận, tìm hiểu sự phức tạp của nó. Trong lúc bà quan sát, Ngài Asriel đu người lên chỗ ngồi; thắt chặt bộ cương bằng da quanh eo và vai của mình rồi đội chiếc mũ bảo hiểm chắc chắn lên đầu. Con linh thú báo tuyết của ông nhảy lên theo chủ, ông liền quay sang điều chỉnh thứ gì đó bên cạnh nó. Viên kĩ sư gọi với lên, Ngài Asriel trả lời, rồi các công nhân rút lui về phía cửa.

Chiếc phi cơ ý lực chuyển động, mặc dù Phu nhân Coulter không dám chắc bằng cách nào. Nó gần như đã rung lên, nhưng lại vẫn đang đứng yên ở đó, thẳng băng với thứ năng lượng kì lạ trên sáu cái chân côn trùng kia. Đúng lúc bà nhìn, chiếc phi cơ lại cử động, và rồi bà thấy được chuyện gì đang xảy ra: nhiều phần khác nhau của cỗ máy đang xoay vòng, quay sang bên này lại đến bên kia, rà soát bầu trời đen ngòm phía trước mặt. Ngài Asriel ngồi bện rộn đầy cần gạt này, kiểm tra đĩa số nọ, chỉnh bộ điều khiển kia; và rồi đột nhiên chiếc phi cơ ý lực biến mất.

Bằng cách nào đó, nó đã bay vọt lên không trung. Giờ thì nó đang lượn lơ phía trên đầu họ, cao ở tầm ngọn cây, chậm chậm quay về bên trái. Không hề có tiếng động cơ, chẳng có dấu hiệu nào cho thấy cách mà nó chống lại trọng lực cả. Nó chỉ đơn giản là cứ lơ lửng trong không khí như vậy.

“Nghe kìa,” Quốc vương Ogunwe nói. “Về hướng nam.”

Bà quay đầu, căng tai lên nghe ngóng. Có tiếng một luồng gió rên rĩ quanh sườn núi, những tiếng búa nện trầm sâu từ những cú nén mà bà cảm nhận qua gan bàn chân, rồi còn những giọng nói phát ra từ ô cửa sáng đèn, nhưng trước một tín hiệu nào đó, các giọng nói ngừng bật và ánh đèn phụt

tắt. Trong không gian tĩnh lặng, Phu nhân Coulter có thể nghe thấy, rất yếu ớt, âm thanh phật-phật-phật của động cơ xa thăng trên những đợt gió cồn.

“Họ là ai vậy?” Bà khẽ hỏi.

“Mỗi nhử,” vị quốc vương đáp. “Các phi công của tôi, bay với nhiệm vụ nhử cho địch đuổi theo. Xem đi.”

Bà căng mắt ra, cố gắng nhìn thấy bất cứ thứ gì trong màn đêm dày đặc lấp tấm vài ngôi sao. Phía trên cao, chiếc phi cơ ý lực lơ lửng một cách kiên định như được neo và gài chắc vào không trung; chẳng luồng gió mạnh nào gây ra được chút tác động lên nó. Không có ánh sáng phát ra từ buồng lái, nên rất khó có thể thấy được, và hình bóng của Ngài Asriel đã hoàn toàn biến mất khỏi tầm mắt.

Rồi bà chợt nhìn thấy một đám sáng dưới thấp phía chân trời, đúng lúc tiếng động cơ trở nên đủ lớn để nghe thấy một cách đều đặn. Sáu chiếc xa thăng, bay vội vã, một trong số chúng dường như đang gặp vấn đề, do có khói kéo thành vệt phía sau, và nó bay thấp hơn những chiếc khác. Chúng đang hướng tới ngọn núi, nhưng theo một lộ trình sẽ dẫn chúng vượt qua ngọn núi để bay xa hơn.

Bám đuổi sát phía sau là một tập hợp tạp nham đủ loại vật thể bay. Để đoán ra được chúng là gì không hề dễ dàng, nhưng Phu nhân Coulter đã thấy một chiếc xa thăng kì quặc với dáng vẻ nặng nề, hai phi cơ cánh thẳng, một con chim vĩ đại nhẹ nhàng lượn vun vút, mang theo hai người lái được vũ trang, cùng với ba hay bốn thiên thần.

“Một đội đột kích,” Quốc vương Ogunwe giải thích.

Chúng đang áp sát đám xa thăng. Rồi một dải sáng lóe lên từ một trong hai chiếc phi cơ cánh thẳng, nối tiếp sau đó một hoặc hai giây là một âm thanh, một tiếng nổ trầm. Nhưng viên đạn không bao giờ tới được mục tiêu, chiếc xa thăng gặp sự cố, vì cùng vào thời khắc mà họ thấy dải sáng, trước khi nghe thấy tiếng nổ, những người quan sát trên ngọn núi nhìn thấy một tia sáng lóe lên từ chiếc phi cơ ý lực, và viên đạn nổ tung giữa không trung.

Phu nhân Coulter không có nhiều thời gian để nắm bắt được chuỗi ánh sáng và âm thanh xảy ra gần như liên tiếp nhau trước khi cuộc chiến nổ ra.

Việc theo dõi cũng chẳng dễ dàng chút nào, bởi bầu trời quá tối còn cử động của các vật thể bay lại quá nhanh; nhưng một loạt tia chớp lóe lên gần như trong câm lặng soi rọi sườn núi, kèm theo những tiếng rít cộc lốc như hơi nước phụt ra. Bằng cách nào đó, mỗi tia chớp lại đánh trúng một kẻ tấn công khác nhau: phi cơ bắt lửa hoặc nổ tung, con chim khổng lồ thét lên một tiếng như tiếng xé toạc một tấm màn cao bằng cả ngọn núi rồi đâm bổ xuống rải đá tít xa bên dưới; còn về các thiên thần, từng người trong số họ chỉ đơn giản là tan biến trong luồng không khí lấp lánh, ngàn vạn những hạt vật chất lung linh và lóng lánh, mờ dần đi cho tới khi phụt tắt như pháo hoa tàn.

Rồi sau đó chỉ còn lại câm lặng. Gió cuốn đi âm thanh của những chiếc xa thăng mỗi nhử, lúc này đã biến mất sau sườn núi, không người quan sát nào thốt lên lời. Lửa phía xa bên dưới sáng rực lên phần bụng của chiếc phi cơ ý lực, bằng cách nào đó vẫn đang lơ lửng trong không khí và lúc này đang chậm chậm xoay như để quan sát xung quanh. Đột ngột kích bị tiêu diệt triệt để tới mức Phu nhân Coulter, người đã chứng kiến quá nhiều thứ để mà bị bất ngờ, lại vẫn bị sốc bởi điều này. Khi bà nhìn lên chiếc phi cơ ý lực, dường như nó đang tỏa sáng lờ mờ hoặc tự đẩy bật bản thân ra khỏi vị trí, và rồi nó ở đó, lại đứng vững chãi trên mặt đất.

Quốc vương Ogunwe vội vã bước tới trước, cũng như những chỉ huy và kĩ sư khác, những người đã mở tung các cánh cửa và để cho ánh sáng tràn ngập trên vùng tập huấn. Phu nhân Coulter đứng nguyên tại chỗ, bối rối trước sự vận hành của chiếc phi cơ ý lực.

“Tại sao ông ta lại cho chúng ta xem nó?” Con linh thú của bà khẽ nói.

“Chắc chắn là ông ấy không biết được suy nghĩ của chúng ta đâu,” bà trả lời với giọng y hệt.

Họ đang nghĩ tới thời điểm ở trong tòa tháp đá kim cương, khi cái ý tưởng như tia lửa mạch lóe lên giữa họ. Họ đã nghĩ tới việc đưa ra một lời đề nghị cho Ngài Asriel: Đề xuất sẽ đến Tòa án Công giáo Kỉ luật để làm mật thám cho ông. Bà biết mọi đòn bẩy quyền lực; bà có thể thao túng tất cả bọn họ. Ban đầu sẽ rất khó để thuyết phục họ về thiện ý của mình, nhưng bà có thể làm được. Và giờ đây khi các mật thám Gallivespia đã rời khỏi đó để

đi cùng với Will và Lyra, hẳn là Asriel chẳng thể cưỡng lại một đề nghị như vậy.

Nhưng giờ, khi họ nhìn cái cỗ máy biết bay kì lạ kia, một ý tưởng khác dội đến mạnh mẽ hơn bội phần, khiến bà hân hoan ôm lấy con khi vàng.

“Asriel,” bà cất tiếng gọi đầy ngây thơ, “em có thể xem cỗ máy hoạt động như thế nào được không?”

Ông nhìn xuống, vẻ mặt rối bời và nôn nóng, nhưng cũng đầy thỏa mãn hứng khởi. Ông rất hài lòng về chiếc phi cơ ý lực: Bà biết ông sẽ không thể cưỡng lại ý muốn khoe khoang nó.

Quốc vương Ogunwe đứng sang một bên, Ngài Asriel với xuống rồi kéo bà lên khoang lái. Ông giúp bà ngồi vào ghế rồi quan sát trong lúc bà nhìn quanh bộ điều khiển.

“Nó hoạt động như thế nào vậy? Thứ gì cung cấp lực cho nó?” Bà hỏi.

“Ý lực của người điều khiển,” ông đáp. “Nên mới có cái tên đó. Nếu em định tiến về phía trước, nó sẽ tiến về phía trước.”

“Đó đâu phải câu trả lời. Thôi nào, nói cho em nghe đi. Đây là loại động cơ gì vậy? Nó bay như thế nào? Em không thể thấy bất cứ thứ gì tuân theo khí động lực cả. Nhưng bộ điều khiển này... từ bên trong, nó gần giống một chiếc xa thăng vậy.”

Ông thấy rằng thật khó để mà không nói với bà; và vì bà đang chịu sự kiểm soát của mình nên ông đã nói. Ông chìa ra một sợi cáp ở cuối là một cái chuôi bọc da, in đầy dấu răng sâu hoắm từ con linh thú của ông.

“Linh thú của em,” ông giải thích, “phải giữ cái tay cầm này - bằng răng hoặc tay, cái đó không quan trọng. Còn em thì phải đội cái mũ đó. Có một dòng mạch chạy giữa chúng và một tụ mạch để khuếch đại nó - à, nó phức tạp hơn như thế, nhưng để cỗ máy này bay lên thì đơn giản lắm. Chúng ta cài đặt bảng điều khiển như của xa thăng chỉ để trông cho quen thuộc thôi, nhưng suy cho cùng thì cũng chẳng cần điều khiển gì cả. Đương nhiên, chỉ những ai có linh thú mới có thể làm cho nó cất cánh được.”

“Ra vậy,” bà nói.

Rồi bà đẩy thật mạnh để ông rơi ra khỏi cỗ máy.

Cùng giây phút đó, bà đội mũ lên đầu, còn con khi vàng vồ lấy cái tay cầm bằng da. Bà với lấy bộ điều chỉnh mà trong một chiếc xa thẳng sẽ làm nghiêng cánh máy bay, rồi gạt cần về phía trước, ngay lập tức chiếc phi cơ ý lực lao lên không trung.

Nhưng bà vẫn chưa hoàn toàn đánh giá đúng được nó. Chiếc phi cơ đứng im trong một lúc, hơi nghiêng đi, trước khi bà tìm thấy bộ điều khiển để đưa nó về phía trước. Trong vài giây ngắn ngủi đó, Ngài Asriel đã làm ba việc. Ông bật đứng dậy; ông giơ tay ra để ngăn Quốc vương Ogunwe ra lệnh cho các binh sĩ nổ súng vào chiếc phi cơ ý lực; và ông nói: “Ngài Roke, phiền ông làm ơn đi cùng bà ấy.”

Mật thám người Gallivespia lập tức thúc con điều hâu xanh của mình vọt lên, con chim bay thẳng tới cánh cửa buồng lái vẫn đang mở. Những người quan sát bên dưới có thể nhìn thấy đầu người phụ nữ đang nhìn quanh quất, cả con khi vàng cũng vậy, nhưng họ cũng thấy được rằng cả hai đều không nhận ra hình dáng nhỏ bé của Ngài Roke nhảy từ con điều hâu của mình vào khoang lái phía sau họ.

Một lúc sau, chiếc phi cơ ý lực bắt đầu di chuyển, con điều hâu vòng bay đi rồi lướt xuống cổ tay của Ngài Asriel. Không lâu hơn hai giây sau, chiếc phi cơ đã dần biến mất khỏi tầm mắt trong bầu không khí ẩm ướt, lốm đốm sao.

Ngài Asriel quan sát với vẻ vừa ngưỡng mộ vừa rầu rĩ.

“Chà, Quốc vương ạ, ông nói đúng thật,” ông nói, “đáng ra ngay từ đầu tôi nên nghe lời ông. Bà ấy là mẹ của Lyra; đáng ra tôi nên đoán trước được điều này.”

“Ông không định đuổi theo bà ta à?” Quốc vương Ogunwe hỏi.

“Gì cơ, để phá hủy một chiếc phi cơ hoàn toàn tốt ấy à? Chắc chắn là không rồi.”

“Ông nghĩ bà ta sẽ đi đâu? Tìm kiếm đứa bé à?”

“Ban đầu thì không. Bà ấy không biết phải tìm con bé ở đâu. Tôi biết chính xác bà ấy sẽ làm gì: Bà ấy sẽ tới Tòa án Công giáo, giao cho họ chiếc phi cơ ý lực như một bằng chứng về thiện ý của mình, rồi sau đó sẽ do thám họ. Bà ấy sẽ do thám họ cho chúng ta. Bà ấy đã từng thử mọi trò hai mang khác rồi: Đó sẽ là một kinh nghiệm mới mẻ. Và ngay khi tìm ra nơi ở của con bé, bà ấy sẽ đến đó, còn chúng ta sẽ bám theo.

“Vậy khi nào Ngài Roke sẽ cho bà ấy biết rằng mình đang đi cùng?”

“Ồ, tôi nghĩ ông ấy sẽ giữ bất ngờ cho điều đó, ông không nghĩ vậy sao?”

Họ phá lên cười rồi quay trở vào khu xưởng, nơi một mẫu phi cơ ý lực mới hơn, tân tiến hơn đang chờ được kiểm tra.

Dầu và sơn mài

Trong các giống loài mà Đức Chúa Trời đã tạo ra,

rắn là loài xảo quyết hơn tất thảy.

Sách Sáng Thế

Mary Malone đang chế tạo một cái gương.

Không phải là để tự mãn vẻ ngoài của bản thân, vì bà gần như không có thứ đó, mà là vì bà muốn kiểm tra một ý tưởng đang có. Bà muốn thử bắt lấy Bóng, do không có các thiết bị trong phòng thí nghiệm của mình nên bà phải ứng biến từ những vật liệu có sẵn. Kỹ thuật của người mulefa gần như không có tác dụng gì với kim loại. Họ làm được những điều phi thường với đá, gỗ, dây thừng, vỏ ốc và sừng, nhưng những thứ kim loại mà họ sở hữu đều được đập phẳng từ quặng đồng tự nhiên và các kim loại khác mà họ tìm thấy trong lớp cát trên bờ sông. Họ không bao giờ dùng chúng để chế tạo công cụ mà chỉ để trang trí. Lấy ví dụ, các cặp đôi người mulefa khi bước vào hôn nhân sẽ trao đổi những sợi dây bằng đồng sáng, chúng được uốn quanh gốc một trong những cái sừng của họ với ý nghĩa cũng gần giống như chiếc nhẫn cưới.

Vậy nên con dao xếp Thụy Sĩ, tài sản đáng giá nhất của Mary, khiến cho họ mê mẩn.

Một ngày nọ, người bạn zalif tên Atal của bà kêu lên đầy kinh ngạc khi Mary gỡ vỏ bọc của con dao để cho cô thấy tất cả các phần rời cố gắng giải

thích rõ nhất có thể bằng thứ ngôn ngữ hạn chế của mình về tác dụng của chúng. Một trong các phụ tùng là chiếc kính lúp thu nhỏ mà bà dùng để đốt một mẫu vẽ lên một cành cây khô, và nó chính là thứ đã khiến bà bắt đầu nghĩ về Bóng.

Vào lúc đó họ đang câu cá, nhưng nước sông khá nông còn cá thì hẳn là đã đi đâu mất, nên họ để cho cái lưới nằm vắt ngang qua mặt nước rồi ngồi lên bờ sông ngập cổ để nói chuyện, cho tới khi Mary nhìn thấy cành cây khô có bề mặt trắng nhẵn nhụi. Bà đốt một mẫu vẽ - một bông cúc giản đơn - lên mặt gỗ, khiến Atal thích thú; nhưng khi dải khói mỏng nhẹ dâng lên từ vị trí mà ánh mặt trời tích tụ chạm vào lớp gỗ, Mary nghĩ: Nếu thứ này hóa thạch và được một nhà khoa học thuộc mười triệu năm sau tìm được, người đó vẫn có thể tìm thấy Bóng quanh đó, vì mình đã thao tác lên nó.

Bà bị cuốn vào một mộng tưởng ngập tràn ánh nắng cho tới khi Atal cất tiếng hỏi:

Bà đang mơ màng gì vậy?

Mary cố gắng giải thích về công việc của mình, về nghiên cứu, về phòng thí nghiệm, sự khám phá ra các hạt Bóng, phát hiện vĩ đại về việc chúng có ý thức, và thấy rằng cả câu chuyện lại đang giữ chặt lấy mình, khiến bà khao khát được trở về giữa các thiết bị thân quen.

Bà không ngờ Atal lại có thể theo kịp được lời giải thích của mình, phần vì khả năng ngôn ngữ không hoàn hảo của bản thân bà, nhưng cũng một phần bởi những người *mulefa* dường như rất thực tế, tư tưởng ăn sâu vào thế giới hằng ngày của vật lí, mà phần lớn những thứ bà đang nói lại mang tính toán học; nhưng Atal đã khiến bà ngạc nhiên khi nói: *Vâng - chúng tôi biết ý bà là gì - chúng tôi gọi nó...* và rồi cô dùng một từ nghe như từ mà họ chỉ *ánh sáng*.

Mary hỏi: *Ánh sáng ấy à?* và Atal trả lời: *Không phải ánh sáng, nhưng...* rồi phát âm từ đó chậm rãi hơn để Mary nắm được, giải thích rằng: *Giống như ánh sáng trên mặt nước khi nó tạo ra những gợn sóng nhỏ, vào lúc hoàng hôn, ánh sáng tỏa ra thành những đốm lấp lánh, chúng tôi gọi nó như vậy, nhưng đó chỉ là một mô phỏng thôi.*

Mô phỏng là thuật ngữ họ dùng để chỉ phép ẩn dụ, Mary đã biết điều đó.

Vì vậy bà nói: Nó không thật sự là ánh sáng, nhưng có thể thấy được và trông nó như ánh sáng phản chiếu trên mặt nước vào lúc hoàng hôn?

Atal đáp: Phải. Tất cả các mulefa đều có thứ này. Bà cũng có nữa. Đó là cách mà chúng tôi biết được rằng bà cũng giống chúng tôi chứ không phải như đám động vật ăn cỏ, những sinh vật không có nó. Mặc dù nhìn thì thật kì dị và khủng khiếp nhưng bà cũng giống chúng tôi, vì bà có - và cái từ mà Mary không thể nghe đủ rõ để đoán nổi lại xuất hiện: Một từ gì đó giống như sraf, hoặc là sarf, đi kèm với một cú hất vôi sang bên trái.

Mary đang rất phấn khích. Bà phải giữ cho mình đủ bình tĩnh để tìm ra từ ngữ thích hợp.

Các vị biết gì về nó? Nó tới từ đâu vậy?

Từ chúng tôi, và từ dầu, là câu trả lời của Atal, và Mary hiểu rằng cô ám chỉ thứ dầu trong những cái bánh xe vỏ hạt khổng lồ.

Từ các vị sao?

Khi chúng tôi trưởng thành. Nhưng nếu không có những cái cây thì nó sẽ lại biến mất thôi. Nhờ có những cái bánh xe và dầu, nó lưu lại trong chúng tôi.

Khi chúng tôi trưởng thành... Một lần nữa Mary lại phải giữ cho bản thân không trở nên thiếu mạch lạc. Một trong những điều mà bà bắt đầu nghi ngờ về Bóng là trẻ con và người lớn phản ứng với chúng khác nhau, hoặc thu hút những loại hoạt động khác nhau của Bóng. Chẳng phải Lyra đã nói rằng các nhà khoa học ở thế giới của cô bé đã khám phá ra một điều tương tự như thế về Bụi, cái tên mà họ dùng để chỉ Bóng sao? Giờ thì nó lại xuất hiện ở đây rồi.

Nó còn liên quan đến điều mà các hạt Bóng đã nói với bà trên màn hình máy tính ngay trước khi bà rời khỏi thế giới của mình: Dù cho có là gì đi nữa, thì câu hỏi này cũng có liên hệ tới sự thay đổi to lớn trong lịch sử nhân loại được biểu tượng hóa trong câu chuyện về Adam và Eve; với sự Xúi giục, sự Sa ngã, Tội Tổ Tông. Trong cuộc nghiên cứu các hộp sọ hóa thạch

của mình, cộng sự Oliver Payne của bà đã phát hiện ra rằng vào khoảng ba mươi nghìn năm trước, một sự gia tăng đột biến đã xảy ra trong số lượng các hạt Bông liên kết với di vật của con người. Có điều gì đó đã xảy ra khi ấy, một sự phát triển trong tiến hóa, khiến cho bộ não loài người trở thành một kênh lí tưởng để tăng cường những tác động của chúng.

Bà nói với Atal:

Người mulefa đã tồn tại được bao lâu rồi?

Atal trả lời:

Ba mươi ba nghìn năm.

Lần này cô có thể đọc được biểu cảm của Mary, hoặc chí ít cũng là những biểu cảm rõ rệt nhất, cô phá lên cười trước cái cách mà Mary để rơi cả hàm. Giọng cười của họ đầy phóng khoáng, hân hoan và dễ lây lan đến mức thông thường Mary sẽ tham gia cùng, nhưng giờ bà vẫn giữ thái độ nghiêm nghị, sừng sốt và nói:

Làm sao cô có thể biết chính xác đến vậy? Các vị có ghi lại lịch sử của tất cả những năm đó sao ?

Ồ, có chứ, Atal đáp. Kể từ khi có sraf, chúng tôi đã có kí ức và sự tỉnh táo. Trước đó chúng tôi không biết gì hết.

Điều gì đã xảy ra để các vị có được sraf vậy?

Chúng tôi đã khám phá ra cách dùng bánh xe. Một ngày nọ, một sinh vật vô danh phát hiện ra một cái vỏ hạt và bắt đầu chơi đùa, khi chơi cô ấy...

Cô ấy sao?

Cô ấy, phải. Trước đó cô ấy không có tên. Cô ấy nhìn thấy một con rắn cuộn mình qua cái lỗ trên vỏ hạt, con rắn nói...

Con rắn nói chuyện với cô ấy sao?

Không! không! Đó chỉ là mô phỏng thôi. Câu chuyện kể rằng con rắn đã nói: Người biết những gì? Người nhớ những gì? Người nhìn thấy được gì phía trước? Và cô ấy trả lời: Chẳng có gì, chẳng có gì, chẳng có gì. Vậy là con rắn nói: Đặt bàn chân của người qua cái lỗ trong vỏ hạt mà ta đang

chơi đùa, rồi người sẽ trở nên thông thái. Vậy là cô ấy đặt một bàn chân vào nơi con rắn vừa chui ra. Dầu thấm vào bàn chân khiến cô ấy nhìn rõ hơn bao giờ hết, và thứ đầu tiên mà cô ấy nhìn thấy là sraf. Nó kì lạ và dễ chịu tới mức khiến cô lập tức muốn chia sẻ với tất cả người thân của mình. Vậy là cô ấy và bạn đời của mình lấy những cái đầu tiên, rồi họ phát hiện ra rằng họ biết mình là ai, họ biết rằng mình là mulefa chứ không phải thú ăn cỏ. Họ đặt tên cho nhau. Họ gọi bản thân là mulefa. Họ đặt tên cho cây mang vỏ hạt, cùng tất cả các sinh vật và cây cối.

Bởi vì họ khác biệt, Mary nói.

Phải, đúng thế. Con cái của họ cũng vậy, bởi vì khi có thêm nhiều vỏ hạt rơi xuống, họ đã chỉ cho con cháu của mình cách sử dụng. Khi đám trẻ đủ trưởng thành, họ cũng bắt đầu sản sinh ra sraf, rồi khi họ lớn đủ để cưỡi lên những cái bánh xe, sraf quay trở lại cùng với dầu và ở bên họ. Vậy là họ thấy rằng mình cần phải trồng thêm nhiều cây vỏ hạt vì chất dầu trong đó, nhưng những cái vỏ lại quá cứng nên chúng rất hiếm khi nảy mầm được. Rồi người mulefa đầu tiên nhận ra rằng họ phải giúp đỡ những cái cây, bằng cách cưỡi lên những cái bánh và làm vỡ chúng, cứ thế mulefa và loài cây vỏ hạt vẫn luôn sống bên nhau.

Mary trực tiếp lí giải được một phần tư những gì Atal nói, nhưng nhờ hỏi han và phán đoán, bà đã hiểu ra phần còn lại khá chính xác; khả năng ngôn ngữ của bà cứ thế liên tục được tăng cường. Thế nhưng, bà càng học hỏi nhiều thì sự việc lại càng trở nên khó khăn, vì cứ khi tìm ra được một điều mới thì nó lại khơi gợi ra cả nửa tá nghi vấn, mỗi cái dẫn sang một hướng khác nhau.

Nhưng bà dồn tâm trí vào chủ đề về sraf, bởi vì đó là vấn đề lớn nhất; và đó cũng là lí do vì sao bà nghĩ tới tấm gương.

Chính sự so sánh sraf với ánh sáng lấp lánh trên mặt nước đã gợi nên điều đó. Ánh phản chiếu như tia sáng bật ra khỏi mặt biển được phân cực: Rất có thể là những hạt Bóng, khi chúng hoạt động dưới dạng sóng giống như ánh sáng, cũng có khả năng bị phân cực.

Tôi không thể nhìn thấy sraf giống như các vị, bà nói, nhưng tôi muốn chế tạo một tấm gương từ sơn nhựa cây, vì tôi nghĩ nó có thể sẽ giúp tôi nhìn thấy sraf.

Atal rất hào hứng với ý tưởng này, họ lập tức kéo lưới lên và bắt đầu thu thập những gì Mary cần. Như một dấu hiệu may mắn, trong tấm lưới xuất hiện ba con cá tươi ngon.

Sơn nhựa cây là sản phẩm từ một loại cây khác, nhỏ hơn nhiều, được người mulefa trồng cho mục đích lấy nhựa. Bằng cách đun nóng nhựa cây rồi hòa tan nó trong thứ còn mà họ chế xuất từ nước hoa quả được chưng cất, người mulefa đã tạo ra một chất giống như sữa về tính nhất quán và có màu hổ phách nhẹ nhàng mà họ dùng như véc-ni. Họ sẽ quét tới hai mươi lớp sơn lên một bề mặt gỗ hay vỏ hoặc mai, để cho từng lớp lưu hóa dưới một tấm vải ướt trước khi quét lớp tiếp theo, cứ như vậy dần dần tạo nên một bề mặt vô cùng cứng cáp và sáng bóng. Thông thường họ sẽ làm đục nó bằng nhiều loại oxit khác nhau, nhưng đôi khi họ để cho nó trong suốt, và đó chính là thứ khiến Mary hứng thú: Bởi vì thứ sơn màu hổ phách trong suốt có cùng đặc tính lạ lùng với loại khoáng chất được biết tới dưới cái tên Iceland Spar^[4]. Nó tẽ đôi các tia sáng nên khi nhìn qua, người ta thấy tới hai hình ảnh.

Bà không biết chắc mình muốn làm gì, ngoài việc hiểu rằng nếu mê món đồ đủ lâu mà không sốt ruột hay quở trách bản thân, bà sẽ tìm ra. Bà nhớ lại khi mình trích dẫn những ngôn từ của nhà thơ Keats cho Lyra, và việc Lyra lập tức hiểu ra rằng đó là trạng thái tinh thần của riêng cô khi cô đọc chiếc Chân Kế - là thứ mà lúc này Mary sẽ phải tìm ra.

Vậy là bà bắt đầu bằng cách tự tìm lấy một phiến gỗ tương đối phẳng giống như gỗ thông rồi mài bề mặt của nó bằng một viên sa thạch (có công mài sắt có ngày nên kim) cho tới khi nó đạt độ phẳng nhất mà bà có thể mài. Đó là phương thức mà người mulefa sử dụng, và khá hiệu quả, chỉ cần bỏ thời gian và công sức.

Tiếp đó bà ghé thăm rừng cây sơn mài cùng với Atal sau khi đã tỉ mỉ giải thích điều mình định làm và xin phép được lấy một ít nhựa cây. Người

mulefa vui vẻ chấp thuận, nhưng họ quá bận rộn để có thể quan tâm tới việc đó. Nhờ sự giúp đỡ của Atal, bà đã rút ra được một ít chất nhựa cây dinh dính, sau đó là quá trình dài đẳng đẳng bao gồm đun, hòa tan, rồi lại đun cho tới khi chất véc-ni sẵn sàng được sử dụng.

Người mulefa dùng những miếng làm bằng sợi bông từ một loại cây khác để thấm vào đó, rồi theo lời chỉ dẫn của một nghệ nhân, bà hì hục sơn hết lớp này đến lớp khác lên tấm gương của mình, dù rằng chẳng thấy khác biệt gì sau mỗi lần vì lớp sơn quá mỏng, nhưng bà vẫn cứ để chúng được lưu hóa một cách thông thả và rồi dần dần nhận ra rằng độ dày đang được tăng lên.

Bà sơn lên đó hơn bốn mươi lớp - bà không đếm nổi nữa - nhưng đến khi hết nhả toàn bộ sơn, bề mặt đã có độ dày ít nhất là năm milimét.

Sau lớp sơn cuối cùng thì đến việc đánh bóng: nguyên một ngày nhẹ nhàng chà xát bề mặt bằng những chuyển động vòng tròn trơn tru, cho tới khi đôi tay bà đau nhức, đầu nhói lên và bà không thể chống chịu với công việc chân tay này trên chút nào nữa.

Rồi bà ngủ thiếp đi.

Buổi sáng hôm sau, cả nhóm đến làm việc tại một bãi cây nhỏ trồng thứ mà họ gọi là gỗ nút, kiểm tra xem các chồi non có phát triển theo như cách chúng được trồng hay không, quấn chặt những khoảng đan xen để các cành đã phát triển có thể được định hình hoàn chỉnh. Họ đánh giá cao sự giúp đỡ của Mary trong công việc này, vì bà có thể ép mình qua những khoảng hở hẹp mà người mulefa không thể qua, và dùng đôi tay khéo léo để thao tác trong những khoảng không chật chội hơn.

Chỉ sau khi công việc đó được hoàn thành và mọi người trở về khu định cư, Mary mới có thể bắt đầu thí nghiệm - hay nói chính xác hơn là chơi đùa, vì bà vẫn chưa có một khái niệm rõ ràng nào về việc mình đang làm.

Ban đầu bà thử sử dụng tấm bảng sơn mài đơn thuần như một tấm gương, nhưng do mặt sau không được dát bạc nên tất cả những gì bà có thể thấy là một hình phản chiếu kép mờ mờ trên lớp gỗ.

Rồi bà cho rằng thứ mình thực sự cần là lớp sơn mài không có gỗ, nhưng ý tưởng làm một tấm mới lại khiến bà nao núng; mà dù sao đi nữa, nếu không có thứ gì đỡ đàng sau thì làm sao bà khiến cho nó phẳng được?

Một ý tưởng khác là cứ thế cắt lớp gỗ đi, chỉ để lại phần sơn. Việc đó cũng tiêu tốn thời gian, nhưng ít nhất thì bà cũng có con dao xếp Thụy Sĩ. Vậy là bà bắt tay vào việc, tách nó ra từ mép một cách cực kì nhẹ nhàng, cẩn thận hết mức có thể để không cào xước lớp sơn từ phía sau, nhưng cuối cùng cũng loại bỏ được phần lớn tấm gỗ thông, để lại một bãi chiến trường đầy gỗ vụn nát dính chặt vào ô véc-ni cứng và trong suốt.

Bà tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu nhúng nó vào nước. Liệu sơn mài có mềm đi khi bị ướt không? *Không*, người thầy dạy nghề của bà nói, *nó sẽ vẫn luôn cứng như vậy, nhưng sao không làm như thế này nhỉ?* - nói rồi ông cho bà xem một thứ chất lỏng được trữ trong một cái bát bằng đá, nó có thể ăn thủng bất cứ loại gỗ nào chỉ trong vài giờ đồng hồ. Mary cảm thấy bề ngoài và mùi của thứ chất lỏng ấy rất giống axit.

Nó gần như sẽ không làm hại gì đến lớp sơn, ông nói, mà nếu có bất cứ hư hỏng gì thì bà cũng sẽ dễ dàng sửa được thôi. Kế hoạch của bà khiến ông thích thú, ông giúp bà nhẹ nhàng chà chất axit lên mặt gỗ, kể cho bà nghe cách họ chiết xuất nó nhờ mài, hòa tan rồi chưng cất một loại khoáng chất mà họ tìm thấy bên mép của vài cái hồ mà bà chưa từng ghé qua. Dần dần lớp gỗ trở nên mềm rồi rời ra, chỉ còn lại một tấm sơn mài màu nâu vàng trong vắt, cỡ khoảng một trang giấy trong một cuốn sách bìa mềm.

Bà đánh bóng phần mặt dưới cũng kì công như mặt trên, cho tới khi cả hai phẳng phiu và nhẵn nhụi như một tấm gương cao cấp nhất.

Và khi bà nhìn qua nó...

Chẳng có gì đặc biệt. Bóng phản chiếu rất rõ nét, nhưng là một hình kếp, hình bên phải khá gần với hình bên trái và ở phía trên khoảng mười lăm độ.

Bà tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra khi nhìn qua hai tấm đặt chồng lên nhau.

Vậy là bà lại lấy con dao xếp Thụy Sĩ ra rồi thử rạch một đường ngang qua tấm sơn để có thể cắt nó làm đôi. Bằng cách miết đi miết lại và giữ cho

con dao luôn sắc nhờ mài lên một hòn đá nhẵn, bà đã rạch được một đường đủ sâu để có thể đánh liều bẻ đôi nó ra. Bà đặt một cái que mỏng dưới đường rạch rồi ấn thật lực xuống lớp sơn, theo cách mà bà đã thấy một người thợ lắp kính cắt thủy tinh, và bà đã thành công: Giờ thì bà có hai tấm sơn.

Bà đặt chồng chúng lên nhau rồi nhìn qua. Màu hồ phách trở nên đặc hơn, giống như một tấm lọc ảnh, nó làm bật lên một số màu và dim một số khác xuống, đem đến cho phong cảnh một sắc thái có đôi chút khác biệt. Điều kì quặc là hình ảnh kép đã biến mất, và mọi thứ lại trở về với đơn hình; nhưng chẳng có dấu hiệu nào của Bóng cả.

Bà vừa tách hai tấm ra khỏi nhau vừa quan sát cái cách mà dáng vẻ của mọi vật thay đổi khi làm như vậy. Khi chúng cách nhau khoảng một gang tay, một điều kì lạ xảy ra: Sắc hồ phách đã biến mất, mọi thứ dường như đang mang màu sắc thông thường của chúng, nhưng tươi tắn và rực rỡ hơn.

Đúng lúc đó Atal tới xem bà đang làm gì.

Giờ bà đã thấy được sraf chưa? Cô hỏi.

Chưa, nhưng tôi có thể thấy những thứ khác, Mary nói rồi cố gắng chỉ cho cô xem.

Atal tỏ ra quan tâm, nhưng là do phép lịch sự chứ không phải vì cảm giác khám phá đang khiến Mary phấn chấn, chẳng mấy chốc zalif này đã chán ngán việc nhìn qua những miếng sơn mài nhỏ xíu nên bèn nằm xuống cỏ để bảo trì những cái bánh xe của mình. Đôi khi những người mulefa sẽ chuốt móng cho nhau, chỉ đơn thuần như một phép xã giao, và có đôi lần Atal đã nhờ Mary chăm sóc cho móng của cô. Đổi lại Mary để cho Atal chải tóc cho mình, tận hưởng cảm giác cái vôi mềm mại nâng tóc lên rồi để nó rơi xuống, vuốt ve và xoa bóp da đầu của mình.

Nhận thấy rằng Atal đang muốn làm điều đó, bà đặt hai miếng sơn mài xuống rồi lướt bàn tay lên những cái móng trơn mượt đến đáng kinh ngạc của Atal, bề mặt nhẵn bóng hơn cả chất nhựa Teflon tựa trên vành dưới của lỗ trung tâm và đóng vai trò như một vật chịu lực khi bánh xe quay. Những đường viền khớp với nhau một cách chính xác, hẳn nhiên rồi, và khi Mary

miết tay quanh phần bên trong của cái bánh xe, bà không hề cảm thấy một sự khác biệt nào về kết cấu: Cứ như thể người mulefa và vỏ hạt thật ra là cùng một loài nhưng bằng một phép thần diệu có thể tự tháo rời rồi lại sát nhập được với nhau.

Atal cảm thấy dễ chịu, nhờ vào sự tiếp xúc này, cả Mary cũng vậy. Người bạn của bà vẫn còn trẻ và chưa chồng, trong nhóm người này lại không có cá thể nam trẻ tuổi nào cả, nên cô sẽ phải lấy một zalif ngoài nhóm; nhưng việc tiếp xúc không hề dễ dàng, đôi khi Mary còn nghĩ rằng Atal đang lo lắng cho tương lai của mình. Vì vậy bà không hề thấy phiền khi dành thời gian cho cô. Còn giờ thì bà đang rất vui được lau sạch những cái lỗ bánh xe khỏi bụi bẩn và cáu ghét tích tụ trên đó, rồi nhẹ nhàng tra dầu thơm lên bộ móng của bạn mình trong lúc chiếc vòi của Atal nâng mái tóc của bà lên rồi vuốt thẳng nó.

Khi đã được chăm sóc kĩ càng, Atal đặt mình lên những chiếc bánh xe rồi đi giúp làm bữa tối. Mary quay trở lại với những tấm sơn mài. Gần như ngay lập tức bà đã có một khám phá mới.

Bà giữ cho hai tấm cách nhau một gang tay để chúng thể hiện hình ảnh tươi sáng và rõ nét mà bà thấy lúc trước, nhưng một điều khác lại xảy ra.

Trong lúc nhìn qua, bà thấy một đám hạt vàng lấp lánh bao lấy hình dạng của Atal. chúng chỉ hiện ra trên một phần nhỏ của lớp sơn mài, đến khi đó Mary mới nhận ra lí do: Vào lúc đó bà đã chạm lên mặt sơn bằng những ngón tay dính đầy dầu của mình.

“Atal!” Bà gọi. “Nhanh lên! Quay lại đây!”

Atal quay người rồi lăn bánh trở lại.

“Cho tôi lấy một chút dầu nữa,” Mary nói, “chỉ vừa đủ để quét lên lớp sơn thôi.”

Atal sẵn lòng để bà miết những ngón tay vòng quanh các lỗ bánh xe một lần nữa, rồi tò mò quan sát Mary phết lên một trong hai tấm sơn mài một lớp màng chứa thứ hợp chất trong suốt ngọt ngào này.

Rồi bà ép hai tấm lại với nhau và xoay tròn để tản đều chất dầu, sau đó lại giữ chúng cách nhau một gang bàn tay.

Khi bà nhìn qua, mọi thứ đã biến đổi. Bà có thể nhìn thấy Bóng. Nếu có mặt tại Phòng nghỉ của Học viện Jordan khi Ngài Asriel chiếu những bức ảnh mà ông tráng bằng loại nhũ tương đặc biệt, bà hẳn sẽ nhận ra hiệu ứng này. Bất cứ nơi đâu nhìn vào, bà cũng thấy vàng óng ánh, hết như Atal đã miêu tả: Những hạt ánh sáng lấp lánh, lơ lửng trôi, đôi khi lại di chuyển thành một dòng có mục đích. Giữa tất cả những thứ đó là thế giới mà bà có thể nhìn thấy bằng đôi mắt trần, những ngọn cỏ, dòng sông, cây cối; nhưng cứ khi nào thấy một sinh vật có ý thức, một trong những người mulefa, ánh sáng lại trở nên dày đặc hơn và chuyển động sôi nổi hơn. Nó không hề làm mờ đi hình dạng của họ; có chăng chỉ khiến họ trở nên rõ nét hơn.

Tôi không hề biết nó lại đẹp đến thế, Mary nói với Atal.

Chao ôi, đương nhiên rồi, người bạn của bà trả lời. Thật kì lạ khi nghĩ rằng bà không thể thấy nó. Hãy nhìn đứa bé kia kìa...

Cô chỉ vào một trong những đứa trẻ đang chơi đùa giữa bãi cỏ thân dài, vụng về nhảy đuổi theo đám châu chấu, đột nhiên đứng lại để xem xét một cái lá, ngã lăn ra, bò dậy để rồi lao đi kể cho mẹ nó nghe điều gì đó, rồi lại bị phân tâm bởi một cái que nhỏ, cố gắng nhặt nó lên, thấy kiến bò vào vòi của mình và hét lên đầy khích động... Có một màn sương vàng phủ lấy nó, cũng giống như quanh các căn chòi, lưới đánh cá, đồng lửa chiều tà: mạnh mẽ hơn của những thứ ấy, dù không nhiều. Nhưng không giống như chúng, màn sương vàng của đứa trẻ đầy những dòng chuyển động cuộn xoáy nhỏ xíu của ý định, cứ xoắn lại, tách ra rồi trôi đi vờ vẩn, để rồi tan biến khi những hạt mới được sinh ra.

Mặt khác, quanh mẹ nó, những hạt vàng lóng lánh tỏ ra mạnh mẽ hơn nhiều, những dòng dịch chuyển của chúng cũng ổn định và có uy lực hơn. Bà ấy đang chuẩn bị đồ ăn, rải bột lên một phiến đá phẳng, tạo ra loại bánh mì mỏng như chapath^[5] hay tortilla^[6], cùng lúc đó vẫn để mắt đến đứa con. Những hạt Bóng, hay sraf hoặc Bụi đang tưới tẩm lên bà trông như chính hình ảnh của trách nhiệm và sự chăm sóc đầy kinh nghiệm.

Vậy là rốt cuộc bà cũng thấy được, Atal nói. Giờ thì bà phải đi với tôi.

Mary bối rối nhìn người bạn của mình. Giọng điệu của Atal rất lạ: Cứ như thể cô đang nói *Cuối cùng thì bà cũng sẵn sàng; chúng tôi cứ chờ mãi; giờ mọi thứ sẽ phải thay đổi.*

Những người khác bắt đầu xuất hiện, từ trên đỉnh đồi, trong nhà, dọc theo triền sông: Các thành viên của nhóm, nhưng có cả những người lạ nữa, những người mulefa lạ mặt đối với bà, những người đang nhìn đầy hiếu kỳ về nơi bà đứng. Những chiếc bánh xe của họ lăn trên nền đất nèn cứng tạo ra một thứ âm thanh trầm và đều đặn.

Tôi phải đi đâu cơ? Mary hỏi. Sao tất cả bọn họ lại đến đây thế?

Đừng lo, Atal đáp, đi với tôi, chúng tôi sẽ không làm hại bà đâu.

Cuộc họp này dường như đã được dự kiến từ rất lâu, vì tất cả đều biết phải đi đâu và phải đoán trước điều gì. Bên rìa của ngôi lảnh có một ụ đất thấp mang hình dạng tròn trịa và được nèn đất cứng, những bờ dốc thoải chạy xuống mỗi đầu, và đám đông - Mary ước lượng ít nhất là khoảng năm mươi người - đang di chuyển về phía đó. Khói bếp lơ lửng trong bầu không khí chiều muộn, vàng dương lặn dần trải thứ vàng mơ mộng của riêng mình lên vạn vật; Mary nhận ra mùi ngô nướng, và cả thứ mùi ấm áp của chính những người mulefa - phần là mùi dầu, phần là da thịt ấm áp, một thứ hương ngọt ngào gợi nhớ đến loài ngựa.

Atal hỏi bà tiến về ụ đất.

Mary hỏi: *Chuyện gì thế này? Cho tôi biết đi!*

Không, không... Không phải tôi. Sattamax sẽ nói...

Mary không biết cái tên Sattamax, zalif mà Atal ám chỉ cũng là một người lạ với bà. Ông ta già cỗi hơn bất cứ người mulefa nào bà từng gặp: Tại gốc vùi của ông có vài sợi lông trắng lơ thơ, ông ta di chuyển một cách khó nhọc như thể bị viêm khớp. Tất cả những người khác đều đi lại rất cẩn thận quanh ông. Khi Mary liếc nhìn trộm qua tấm kính sơn mài, bà có thể thấy vì sao: Đám mây Bóng của vị zalif già dồi dào và phức tạp đến mức khiến bản thân Mary thấy nể trọng, dù cho bà biết rất ít về ý nghĩa của điều đó.

Khi Sattamax sẵn sàng phát biểu, phần còn lại của đám đông trở nên im bật. Mary đứng lại gần với ụ đất, với Atal bên cạnh để làm bà yên lòng; nhưng bà có thể cảm nhận được tất cả những ánh mắt đang đổ dồn lên mình, và thấy bản thân như là một nữ sinh mới nhập học vậy.

Sattamax bắt đầu nói. Tiếng của ông ta trầm trầm, chất giọng dày dặn và phong phú, những cử chỉ bằng vôi chậm rãi và duyên dáng.

Tất cả chúng ta tề tựu tại đây để chào mừng người lạ Mary. Những vị đã biết đến bà có lí do để cảm thấy biết ơn vì những hành động của bà kể từ khi gia nhập với chúng ta. Chúng ta đã chờ cho tới khi bà lĩnh hội được đôi chút ngôn ngữ của mình. Với sự giúp đỡ của rất nhiều người, nhưng đặc biệt là của zalif Atal, người lạ Mary giờ đã có thể hiểu được chúng ta.

Nhưng vẫn còn một điều khác mà bà phải hiểu được, và đó là sraf. Bà đã biết về nó, nhưng lại không thể thấy được như chúng ta, cho tới khi bà tạo ra một dụng cụ để nhìn qua.

Và giờ khi thành công, bà đã sẵn sàng để học hỏi thêm về việc mình phải làm để giúp chúng ta.

Mary, đến đây với tôi.

Bà cảm thấy choáng váng, thẹn thùng, lúng túng, nhưng vẫn làm theo điều cần làm và bước lên đứng cạnh vị zalif già. Bà nghĩ tốt hơn hết mình nên lên tiếng nên đã nói:

Tất cả các vị đã cho tôi cảm giác được làm một người bạn. Các vị thật tử tế và mến khách. Tôi tới từ một thế giới có cuộc sống rất khác biệt, nhưng vài người trong số chúng tôi có nhận thức được về sraf, giống như các vị, và tôi rất biết ơn sự giúp đỡ của các vị để làm nên tấm gương này, nhờ nó mà tôi có thể nhìn thấy được. Nếu có bất kì cách nào giúp đỡ được các vị, tôi sẽ rất sẵn lòng thực hiện.

Không những tỏ ra ngượng ngịu hơn khi nói chuyện với Atal, bà còn lo mình không thể hiện được rõ những điều muốn nói. Thật khó để biết được phải quay mặt đi đâu khi phải vừa khoa tay múa chân vừa nói, nhưng có vẻ như họ vẫn hiểu.

Sattamax nói: Thật tốt khi được nghe bà nói. Hi vọng bà sẽ giúp được chúng tôi. Nếu không, tôi không biết chúng tôi sẽ phải sống sót như thế nào. Lũ tualapi sẽ giết tất cả chúng tôi mất. Số lượng của chúng đang vượt trội hơn bao giờ hết, cứ mỗi năm lại một tăng lên. Có vấn đề gì đó đang xảy ra với thế giới này. Gần như suốt ba mươi ba nghìn năm kể từ khi loài mulefa xuất hiện, chúng tôi vẫn luôn chăm sóc trái đất. Mọi thứ đều ở thế cân bằng. Cây cối xum xuê, động vật ăn cỏ khỏe mạnh, kể cả thỉnh thoảng khi lũ tualapi tới, số lượng của chúng tôi và của chúng vẫn duy trì không thay đổi.

Nhưng ba trăm năm trước, đám cây bắt đầu đổ bệnh. Chúng tôi lo lắng theo dõi chúng, chăm sóc chúng cẩn thận, nhưng vẫn thấy chúng sản xuất ra ít vỏ hạt hơn, rụng lá dù chưa đến mùa, một số còn chết ngay lập tức, trường hợp này chưa từng được biết tới trước đây. Dù có lục tung toàn bộ kí ức, chúng tôi cũng chẳng thể tìm ra nổi một nguyên nhân cho sự việc này.

Rõ ràng là việc đó diễn ra chậm chạp, nhưng nhịp điệu cuộc sống của chúng tôi cũng thế. Chúng tôi đã không biết điều này cho tới khi bà đến. Chúng tôi đã thấy bướm bướm và chim muông, nhưng chúng không có sraf. Bà thì có, dù trông bà thật kì lạ; nhưng bà lại rất lanh lẹ và mau chóng, giống như chim, như bướm vậy. Bà nhận ra rằng cần phải có một thứ gì đó để giúp mình nhìn được sraf và ngay lập tức, bằng những vật liệu mà chúng tôi đã biết tới hàng nghìn năm nay, bà kết hợp lại thành một thiết bị để thực hiện việc đó. Bên cạnh chúng tôi, bà suy nghĩ và hành động với tốc độ của loài chim. Mọi việc dường như là vậy, và đó cũng là cách chúng tôi biết được rằng nhịp điệu của mình có vẻ thật chậm chạp so với bà.

Nhưng sự thực đó là niềm hi vọng của chúng tôi. Bà có thể thấy những thứ mà chúng tôi không thấy được, bà có thể thấy những mối gắn kết, những khả năng và lựa chọn vốn vô hình đối với chúng tôi, cũng giống như sraf đã từng vô hình với bà. Trong khi bản thân không thấy được cách nào để sống sót, chúng tôi hi vọng rằng bà có thể. Chúng tôi hi vọng rằng bà sẽ nhanh chóng tìm đến được nguyên do gây nên bệnh tật của đám cây và tìm ra cách chữa trị; chúng tôi hi vọng bà sẽ phát kiến ra một phương cách đối phó với lũ tualapi đông đảo và hùng mạnh.

Và chúng tôi hi vọng bà sẽ sớm thực hiện được việc đó, nếu không tất cả chúng tôi sẽ chết mất.

Từ trong đám đông phát ra một tiếng rì rầm tán thành và ủng hộ. Tất cả đều đang nhìn về phía Mary, hơn bao giờ hết bà cảm thấy hết như mình là học sinh mới ở ngôi trường đang đặt kì vọng cao vào mình. Đồng thời bà cũng cảm thấy như được tăng bốc một cách lạ lùng: Ý nghĩ về bản thân lanh lẹ và mau chóng như loài chim thật mới mẻ và khoan khoái, vì bà luôn cho rằng mình là một kẻ lì lợm và nặng nề. Nhưng cùng với nó là cảm giác rằng nếu thấy bà như thế thì họ đã hiểu sai hoàn toàn rồi; họ chẳng hiểu gì cả; bà chẳng thể nào đáp ứng được niềm hi vọng mãnh liệt của họ đâu.

Nhưng cũng tương tự như vậy, bà hiểu rằng mình phải làm. Họ đang đợi.

Sattamax, bà nói, mulefa, các vị đã đặt niềm tin vào tôi nên tôi sẽ làm hết sức mình. Các vị luôn tử tế với tôi, cuộc sống của các vị thật vui tươi, rạng rỡ, nên tôi sẽ rất cố gắng để giúp đỡ. Bây giờ khi đã thấy được sraf, tôi hiểu ra được việc mình đang làm là gì. Cảm ơn đã tin tưởng tôi.

Họ gật đầu, rì rầm rồi dùng vôi vuốt ve bà khi bà bước xuống. Điều vừa mới đồng ý sẽ làm khiến bà hoảng sợ.

Đúng vào thời điểm đó tại thế giới của Cittàgazze, tên linh mục - kẻ ám sát Cha Gomez đang leo lên một con đường mòn gỗ ghề nằm trong núi, giữa những thân cây olive oằn cong. Ánh chạng vạng chiếu xiên qua những tán lá dát bạc, bầu không khí nô nức tiếng dế và ve kêu râm ran.

Phía trước mặt, hẳn có thể thấy một căn nhà trại nhỏ ẩn náu giữa những thân cây leo, nơi một chú dê đang kêu lên be be và một dòng suối len lách xuống qua những tảng đá xám màu. Có một ông cụ đang làm việc bên cạnh căn nhà và một bà lão đang dẫn con dê về phía chiếc ghế đầu và cái chậu.

Tại ngôi làng xa xa phía sau, người ta đã kể cho hẳn rằng người đàn bà mà hẳn đang theo dấu đã đi qua lối này, và rằng bà ta có nhắc tới chuyện leo vào trong núi; có lẽ cặp đôi lớn tuổi này đã thấy bà ta. Ít nhất thì ở đó cũng

có thể có pho mát và olive để mua, nước suối để uống. Cha Gomez đã khá quen với cuộc sống thanh đạm, mà thời gian thì vẫn còn nhiều.

Khu ngoại ô của người chết

Ôi giả như điều đó là khả thi

Ta nên tổ chức hội ý hai ngày với kẻ đã chết

John Webster

Lyra tỉnh giấc trước cả khi bình minh lên, với Pantalaimon nằm run cầm cập trên ngực. Cô bé đứng dậy đi loanh quanh để làm ấm người trong lúc thứ ánh sáng nhợt nhạt dần thấm đẫm bầu trời. Cô bé chưa từng thấy sự im lặng nào tuyệt đối đến thế, kể cả trên vùng Cực Bắc dày tuyết phủ; chẳng có lấy một ngọn gió, còn biển cả thì tĩnh lặng tới mức không có cả những gợn sóng nhỏ nhất xô lên cát; cả thế giới dường như chững lại giữa một cái hít vào và một hơi thở ra.

Will vẫn đang cuộn tròn người ngủ ngon lành, đầu tì lên balô để bảo vệ con dao. Cái áo choàng đã tuột khỏi vai cậu, cô bé nhét nó lại vào quanh người cậu, giả vờ như mình đang cẩn thận không để chạm vào con linh thú, như thể nó có dạng một con mèo cũng đang cuộn tròn như cậu. *Nó hẳn phải đang ở đâu đó quanh đây*, cô bé nghĩ.

Ấm theo Pantalaimon vẫn đang ngái ngủ, cô bé rời khỏi Will rồi ngồi xuống một sườn dốc trên đụn cát cách đó không xa, để giọng của chúng không đánh thức cậu bé.

“Mấy cái người tí hon đó,” Pantalaimon nói.

“Tớ không thích họ,” Lyra quả quyết nói. “Tớ nghĩ chúng ta nên thoát khỏi họ càng sớm càng tốt. Tớ đoán nếu chúng ta bẫy họ trong một tấm lưới hay gì đó, Will có thể cắt xuyên qua rồi đóng lại, và thế là xong, chúng ta sẽ được tự do.”

“Chúng ta làm gì có lưới,” con linh thú nói, “hay cái gì đó chứ. Dù sao thì tớ cũng nghĩ là họ khôn ngoan hơn thế. Giờ ông ta đang quan sát chúng ta đấy.”

Vào lúc nói điều đó, Pantalaimon đang ở trong dạng điều hâu, nhờ vậy mắt nó tinh tường hơn mắt cô. Màn đêm phủ kín bầu trời cứ mỗi phút lại chuyển dần sang một sắc xanh nhẹ nhàng thanh thoát, rồi khi cô bé phóng tầm mắt qua đụn cát, đường viền đầu tiên của vầng thái dương vừa nhú lên khỏi rìa mặt biển, khiến cô chói lòa mắt. Do đang ngồi trên sườn dốc của đụn cát, ánh sáng đến chỗ cô vài giây trước khi chạm tới bờ biển, cô bé ngấm nhìn nó tràn xuống quanh mình rồi tuôn về phía Will; rồi cô nhìn thấy dáng hình cao bằng một bàn tay của Hiệp sĩ Tialys, đứng bên đầu Will, rõ rệt, tỉnh táo, và đang quan sát chúng.

“Vấn đề là,” Lyra nói, “họ không thể khiến chúng ta làm theo điều họ muốn. Họ phải đi theo chúng ta. Tớ dám cá là họ ngán lắm rồi.”

“Nếu họ kiểm soát được chúng ta,” Pan nói, ám chỉ nó và Lyra, “và sẵn sàng đâm nọc vào chúng ta, Will sẽ *phải* làm theo những gì họ nói.”

Lyra ngấm nghĩ về điều đó. Cô bé còn nhớ rất rõ tiếng thét kinh hoàng vì đau đớn của Phu nhân Coulter, những cơn co giật khiến mắt bà trợn ngược, cảnh tượng ghê sợ khi con khỉ vàng nhều dãi lúc chất độc ngấm vào mạch máu của bà... Mà đó chỉ là một vết xước, giống như gần đây mẹ cô được nhắc nhớ lại tại một nơi khác. Will sẽ *phải* nhượng bộ và thực hiện điều họ muốn.

“Nhưng cứ giả sử họ cho rằng cậu ấy sẽ không làm đi,” cô bé nói, “giả sử họ nghĩ cậu ấy máu lạnh đến mức sẵn sàng nhìn chúng ta chết xem. Có khi cậu ấy nên khiến họ nghĩ vậy, nếu được.”

Cô bé có mang theo chiếc Chân Kế bên mình, và lúc này trời đã đủ sáng để nhìn, cô bé lấy chiếc máy thân thương ra rồi đặt nó lên mảnh vải

nhưng đen trong lòng mình. Dần dần cô chìm vào trạng thái miên man nơi rất nhiều lớp ý nghĩa trở nên rõ ràng đối với cô, cũng là nơi cô có thể cảm nhận những mạng lưới phức tạp của sự liên kết giữa tất cả các lớp. Khi những ngón tay tìm thấy các biểu tượng, trí não cô tìm thấy những từ ngữ: Làm sao tổng khứ được các mật thám đi?

Lúc đó cây kim dài bắt đầu xoay hướng này, ngoặt hướng kia, cô bé chưa từng thấy nó di chuyển nhanh đến thế - trên thực tế là nhanh đến mức lần đầu tiên nó khiến cô lo sợ mình sẽ bỏ qua một số lần xoay hay dừng nào đó; nhưng một phần nhận thức của cô đang nhầm đếm, ngay lập tức cô nhìn ra ý nghĩa mà chuyển động muốn ám chỉ.

Nó nói với cô: *Đừng làm vậy, vì sự sống của các bạn phụ thuộc vào họ.*

Quả là một điều đáng ngạc nhiên, nhưng không vui vẻ chút nào. Tuy vậy, cô bé vẫn tiếp tục hỏi: *Làm sao chúng tôi tới được vùng đất của người chết?*

Câu trả lời là: *Đi xuống. Theo chân con dao. Tiến về phía trước. Theo chân con dao.*

Cuối cùng cô ngập ngừng hỏi, với đôi chút ngượng ngùng: *Đây có phải là việc nên làm không?*

Có, Chân kể lập tức trả lời. Có.

Cô bé thở dài, thoát ra khỏi sự nhập định, cô vén tóc ra sau tai, cảm nhận luồng hơi ấm đầu tiên của mặt trời trên gương mặt và đôi vai mình. Thế giới lúc này cũng đã có tiếng động: Côn trùng đang kêu râm ran, một ngọn gió thoảng rất khẽ đang xào xạc luồn qua những thân cỏ khô mọc cao trên đụn cát.

Cô cất Chân Kể đi rồi thơ thần trở lại bên Will, cùng với Pantalaimon trong dạng sư tử, cố gắng khiến bản thân trở nên to nhất có thể, hi vọng có thể dọa dẫm được những người Gallivespia.

Người đàn ông đang sử dụng cỗ máy đá nam châm của mình, khi ông ta xong việc, Lyra nói:

“Ông vừa nói chuyện với Ngài Asriel à?”

“Với đại diện của ngài ấy,” Tialys đáp.

“Chúng tôi không đi đâu.”

“Đó là điều tôi đã nói với ông ấy.”

“Ông ta nói gì?”

“Cái đó là dành cho ta chứ không phải cô.”

“Được thôi,” cô bé nói. “Có phải ông và công nương đó đã kết hôn không?”

“Không. Chúng tôi là cộng sự.”

“Ông có con cái không?”

“Không.”

Tialys tiếp tục gói ghém để cất chiếc máy cộng hưởng đá nam châm đi. Trong lúc ấy, Công nương Salmakia gần đó đã tỉnh giấc, bà ngồi dậy đầy duyên dáng và chậm rãi tại cái hốc nhỏ mà bà tạo ra trong lớp cát mềm. Hai con chuồn chuồn vẫn đang say ngủ, được cột lại bằng những sợi dây mảnh như mạng nhện, đôi cánh ướt đẫm sương mai.

“Ở thế giới của ông có người cỡ lớn không, hay ai cũng nhỏ như các ông?” Lyra hỏi.

“Chúng tôi biết cách xử trí với người khổng lồ,” Tialys đáp, không tỏ ra nhiệt tình lắm, rồi bỏ đi nói thầm với vị công nương. Họ nói quá khẽ để Lyra có thể nghe thấy được, nhưng cô bé thích thú ngắm họ uống những giọt sương từ cỏ marram để khiến người tỉnh táo. Nước hần là rất khác biệt đối với họ, cô thầm nghĩ với Pantalaimon: Cứ tưởng tượng những giọt nước cỡ nắm tay của cậu đi! Khó mà nuốt trôi lắm cho xem; chúng sẽ có lớp màng đàn hồi kiểu giống như một quả bóng bay vậy.

Vào lúc này Will cũng đang tỉnh dần, vẻ đầy mệt mỏi. Việc đầu tiên cậu làm là tìm kiếm những người Gallivespia, họ cũng lập tức nhìn đáp lại, tập trung hoàn toàn vào cậu.

Cậu quay đi và thấy Lyra.

“Tớ muốn trao đổi một chuyện,” cô bé nói. “Qua đây đi, tránh xa khỏi...”

“Nếu muốn tránh xa chúng tôi,” giọng nói lạnh lạnh của Tialys vang lên, “hai người phải để lại con dao. Nếu không để lại con dao thì cả hai phải nói chuyện với nhau tại đây.”

“Chúng tôi không thể có chút riêng tư được sao?” Lyra cảm phẫn nói. “Chúng tôi không muốn mấy người nghe lỏm điều mình nói!”

“Thì cứ đi đi, nhưng nhớ để lại con dao.”

Đằng nào thì cũng chẳng có ai ở gần đó, mà chắc chắn là những người Gallivespia sẽ không thể dùng được nó. Will lục lọi trong balô để tìm bi đông nước và một ít bánh quy. Vừa đưa một cái cho Lyra, cậu vừa cùng cô bé leo lên sườn của đụn cát.

“Tớ đã hỏi Chân Kế rồi,” cô nói với bạn mình, “nó nói chúng ta không nên thử trốn thoát khỏi mấy người tí hon, vì họ sẽ cứu mạng chúng ta. Vậy nên có lẽ chúng ta mắc kẹt với họ rồi.”

“Cậu đã nói với họ việc bọn mình định làm chưa?”

“Chưa! Mà tớ cũng sẽ không nói đâu. Chỉ tổ họ đi kể với Ngài Asriel bằng cái thanh biết nói đó rồi ông ấy sẽ đến đây ngăn cản chúng ta - nên chúng ta cứ thế mà đi thôi, và không nhắc đến việc đó trước mặt bọn họ.”

“Nhưng họ là mật thám mà,” Will chỉ ra. “Chắc hẳn họ phải rất giỏi việc nghe lỏm và ẩn náu. Nên có lẽ chúng ta tuyệt nhiên không nên nhắc đến nó nữa. Chúng ta biết nơi mình sẽ đi. Nên cứ thế đi mà không nhắc đến nó, như thế họ sẽ phải chấp nhận mà đi theo thôi.”

“Giờ thì họ không thể nghe được chúng ta đâu. Họ ở xa quá mà. Will, tớ cũng đã hỏi cách đến được đó nữa. Nó nói cứ theo chân con dao, chỉ vậy thôi.”

“Nghe có vẻ dễ dàng nhỉ,” cậu nhận xét. “Nhưng tớ dám cá là không hề đâu. Cậu có biết Iorek đã nói gì với tớ không?”

“Không. Ông ấy nói - khi tớ đến để từ biệt - ông ấy nói sẽ rất khó khăn cho cậu, nhưng ông ấy cho rằng cậu có thể làm được, dù không hề nói tại sao...”

“Con dao bị gãy vì tớ đã nghĩ đến mẹ của mình,” cậu giải thích. “Vì vậy tớ phải gạt bà ấy ra khỏi tâm trí. Nhưng... Cũng giống như khi ai đó bảo cậu đừng nghĩ đến một con cá sấu, cậu sẽ nghĩ đến nó mà không cách nào ngăn nổi...”

“Chà, đêm qua cậu cắt xuyên không gian ồ mà,” cô bé nói.

“Phải, vì lúc đó tớ mệt quá rồi, tớ nghĩ vậy. Mà rồi ta sẽ biết thôi. Cứ theo chân con dao thôi à?”

“Nó chỉ nói có vậy.”

“Vậy thì nên đi luôn thôi. Mỗi tội là không còn nhiều thức ăn lắm. Chúng ta phải kiếm thứ gì đó mang theo, bánh mì và hoa quả hay gì đó. Thế nên đầu tiên tớ sẽ tìm một thế giới mà chúng ta có thể lấy được đồ ăn, sau đó chúng ta sẽ bắt đầu tìm kiếm một cách hản hoi.”

“Được,” Lyra nói, khá phấn chấn vì lại được di chuyển, cùng với Pan và Will, vẫn còn sống và tỉnh táo.

Họ quay trở lại với các mật thám đang canh gác ngồi cạnh con dao, túi đồ đeo sẵn trên lưng.

“Chúng tôi muốn biết hai cô cậu dự tính làm điều gì,” Salmakia nói.

“À, chẳng nào thì chúng tôi cũng sẽ không tới chỗ Ngài Asriel đâu,” Will đáp. “Chúng tôi có việc khác cần làm trước.”

“Vậy cậu có thể cho chúng tôi biết việc đó là gì không, vì rõ ràng là chúng tôi không thể ngăn cản hai người thực hiện nó mà?”

“Không,” Lyra đáp, “vì mấy người sẽ đi nói với họ thôi. Hai người sẽ phải đi cùng mà không biết chúng ta đang đi đâu. Đương nhiên là các người luôn có thể bỏ cuộc mà quay về với họ.”

“Chắc chắn là không rồi,” Tialys nói.

“Chúng tôi muốn có một sự đảm bảo,” Will nói. “Hai người là mật thám nên chắc chắn là không trung thực rồi, bệnh nghề nghiệp mà. Chúng tôi cần biết mình có thể tin tưởng hai người. Đêm hôm qua cả hai chúng tôi đều quá mệt nên không thể nghĩ tới việc đó, nhưng chẳng có gì ngăn được các người chờ đợi cho tới khi chúng tôi ngủ say rồi chích độc để khiến

chúng tôi bất động, sau đó dùng cái thứ đá nam châm đó gọi Ngài Asriel đến. Các người có thể làm việc đó quá dễ dàng. Vậy nên chúng tôi cần một sự đảm bảo rõ ràng rằng các người sẽ không làm thế. Một lời hứa là không đủ.”

Hai người Gallivespia run lên vì phần nộ khi danh dự của bản thân bị sỉ nhục như thế.

Tialys, cố gắng kiềm chế, lên tiếng: “Chúng tôi không chấp nhận yêu cầu từ một phía. Hai người phải đưa ra một thứ gì đó để trao đổi. Hai cô cậu phải cho chúng tôi biết các dự định của mình, và rồi tôi sẽ đưa cho các người giữ máy cộng hưởng đá nam châm. Hai người phải đưa lại cho tôi khi tôi muốn gửi tin đi, nhưng các người sẽ luôn biết được khi nào việc đó xảy ra, và chúng tôi sẽ không thể sử dụng nó mà không được sự đồng ý của hai người. Đó sẽ là cam kết của chúng tôi. Giờ thì cho chúng tôi biết hai người định đi đâu, và vì sao.”

Will và Lyra liếc nhìn nhau để xác nhận.

“Được rồi,” Lyra nói, “thế cũng phải. Chỗ chúng tôi định đi đây: Chúng tôi sẽ đến thế giới của người chết. Chúng tôi không biết nó ở đâu, nhưng con dao sẽ tìm ra nó. Đó là việc chúng tôi định làm.”

Hai mặt thám nhìn cô bé, mồm há hốc đầy hoài nghi.

Rồi Salmakia chớp mắt và nói: “Chuyện cô nói thật vô nghĩa. Người chết thì đã chết rồi, thế là hết. Làm gì có thế giới nào của người chết chứ.”

“Tôi cũng đã nghĩ như thế,” Will nói. “Nhưng giờ thì tôi không dám chắc. Ít nhất chúng ta có thể tìm hiểu nhờ có con dao.”

“Nhưng *tại sao* chứ?”

Lyra nhìn sang Will và thấy cậu bé gật đầu.

“À,” cô nói, “trước khi gặp Will, rất lâu trước khi tôi bị bỏ thuốc ngủ, tôi đã đẩy một người bạn vào nguy hiểm và cậu ấy đã bị giết. Tôi cứ nghĩ mình đang giải cứu cậu ấy, nhưng hóa ra lại chỉ làm cho mọi việc tồi tệ hơn. Và trong lúc ngủ tôi đã mơ thấy cậu ấy, tôi nghĩ mình có thể sửa chữa lỗi lầm nếu tới nơi cậu ấy đã đến và nói lời xin lỗi. Will cũng muốn tìm bố của

mình, ông ấy đã chết ngay khi cậu ấy tìm thấy ông. Vậy đó, Ngài Asriel sẽ không nghĩ tới việc đó. Cả Phu nhân Coulter nữa. Nếu đến chỗ ông ấy, chúng tôi sẽ phải làm theo những gì ông ấy muốn, mà ông ấy thì sẽ hoàn toàn không nghĩ tới Roger - đó là người bạn đã mất của tôi - việc đó chẳng quan trọng với ông ấy. Nhưng nó rất quan trọng với tôi. Với chúng tôi. Vậy nên đó là điều chúng tôi muốn làm.”

“Cô bé,” Tialys nói, “khi ta chết, mọi thứ sẽ kết thúc. Không có cuộc sống khác nào hết. Cô đã chứng kiến cái chết. Cô đã thấy những xác chết, và thấy chuyện gì xảy ra với linh thú khi tử thần ập tới. Nó tan biến. Sau đó thì còn có gì để mà tiếp tục sống cơ chứ?”

“Chúng tôi sẽ đi tìm hiểu sự việc,” Lyra đáp. “Còn giờ khi đã kể mọi chuyện với hai người, chúng tôi sẽ lấy cái máy cộng hưởng đá nam châm.”

Cô bé chìa tay ra, con báo gấm Pantalaimon thì đứng đó, đuôi quật qua lại dưới chân, để củng cố thêm yêu cầu của cô. Tialys tháo túi đồ khỏi lưng rồi đặt nó vào lòng bàn tay cô. Túi đồ nặng đến đáng ngạc nhiên; đương nhiên đó không phải là gánh nặng gì cho cô, nhưng nó khiến cô kinh ngạc trước sức mạnh của ông ta.

“Vậy cô nghĩ cuộc thám hiểm này sẽ tốn bao lâu thời gian?” Vị hiệp sĩ hỏi.

“Chúng tôi không biết,” Lyra nói với ông. “Chúng tôi không biết gì về nó cả, không biết gì hơn các vị đâu. Chúng tôi sẽ cứ đến đó xem thế nào thôi.”

“Việc đầu tiên,” Will nói, “chúng ta sẽ phải kiếm chút nước và thêm ít thức ăn, thứ gì đó dễ mang theo. Nên tôi sẽ tìm một thế giới mà ta có thể làm việc đó, rồi chúng ta sẽ lên đường.”

Tialys và Salmakia trèo lên hai con chuồn chuồn của mình, rồi để cho chúng đập cánh là là trên mặt đất. Đám côn trùng khổng lồ đang háo hức muốn bay, nhưng chúng tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của những người cưỡi lên mình. Về phần Lyra, lần đầu tiên nhìn thấy chúng trong ánh sáng ban ngày, cô bé thấy được sự tinh tế khác thường của những sợi cương màu lụa xám, những bàn đạp ánh bạc và bộ yên nhỏ xíu.

Will rút con dao ra, một sự cảm dỗ mạnh mẽ khiến cậu lần tìm sự tồn tại của thế giới của chính mình: Cậu vẫn còn thẻ tín dụng; cậu có thể mua những loại đồ ăn quen thuộc; cậu thậm chí còn có thể gọi điện cho bà Cooper để hỏi tin tức của mẹ mình...

Con dao rít lên một tiếng như tiếng móng tay cào lên phiến đá xù xì, khiến tim cậu suýt ngừng đập. Nếu cậu làm gãy con dao thêm một lần nữa thì mọi chuyện sẽ kết thúc.

Một lúc sau cậu thử lại. Thay vì cố gắng không nghĩ tới mẹ mình, cậu tự nhắc nhở bản thân: *Phải, mình biết mẹ đang ở đó, nhưng trong lúc làm việc này thì mình sẽ tránh đi...*

Và lần này cậu đã thành công. Cậu tìm thấy một thế giới mới và miết lưỡi dao để tạo ra một lối thông. Chỉ một lúc sau, tất cả bọn họ đã đứng trong một nơi giống như khu sân trại gọn gàng và phát đạt tại một đất nước phía bắc nào đó như Hà Lan hay Đan Mạch, nơi khoảnh sân lát đá được quét dọn sạch sẽ và một dãy cửa chuồng đứng mở sẵn. Mặt trời tỏa nắng xuống qua khoảng trời mù sương, trong không khí lan tỏa mùi cháy khét cùng với một thứ gì đó còn khó chịu hơn. Không có âm thanh nào của sự sống con người, dù cho có một tiếng vo vo ồn ào, nhanh và mạnh tới mức nghe như tiếng máy chạy, phát ra từ dãy chuồng.

Lyra đến đó xem xét rồi lập tức quay lại ngay, mặt tái nhợt đi.

“Có bốn...” Cô bé hỗn hển, tay ôm lấy cổ, rồi sau khi hồi phục lại “... bốn con ngựa chết trong đó. Và hàng triệu con ruồi...”

“Nhìn này,” Will nói, nuốt nước miếng, “mà có khi không nên.”

Cậu đang chỉ về phía những bụi mâm xôi mọc bên rìa khu vườn bếp. Cậu vừa thấy một đôi chân người, một bên có giày còn một bên không, thò ra từ phần rậm rạp nhất của các bụi cây.

Lyra không muốn nhìn, nhưng Will thì tới xem liệu người đàn ông có còn sống và cần giúp đỡ gì không. Cậu vừa quay trở lại vừa lắc đầu, trông có vẻ không thoải mái.

Hai mật thám lập tức đã ở trước cánh cửa nhà trại đang mở hé.

Tialys phóng trở lại rồi nói: “Mùi ở bên trong này ngọt hơn,” rồi ông bay trở lại qua ngưỡng cửa trong lúc Salmakia thám thính kĩ hơn quanh khu nhà phụ.

Will theo sau vị hiệp sĩ. Cậu thấy mình đang ở trong một căn bếp lớn vuông vắn, một nơi cổ lỗ sĩ có đồ sứ trắng đặt trên cái tủ chạn bằng gỗ, chiếc bàn gỗ thông đã được lau chùi, và bếp lửa nơi một cái ấm đen đứng trong lạnh lẽo. Phòng bên cạnh có một chạn để đồ ăn, với hai ngăn đựng đầy táo, khiến cả căn phòng tràn ngập mùi thơm. Nơi này im lặng đến ngọt ngào.

Lyra nói khẽ: “Will, liệu đây có phải là thế giới của người chết không?”

Cậu cũng đã nghĩ tới điều đó. Nhưng cậu đáp: “Không, tớ không cho là như vậy. Đây là một nơi chúng ta chưa từng tới trước đây. Coi này, chúng ta sẽ mang theo nhiều nhất có thể. Có thứ giống như bánh mì lúa mạch đen, cái đó khá ổn - nó nhẹ - còn đây là chút pho mát...”

Sau khi đã lấy những thứ mà mình có thể mang theo, Will thả một đồng vàng vào ngăn kéo trong chiếc bàn gỗ thông lớn.

“Sao nào?” Lyra nói khi thấy Tialys nhướn mày. “Cháo múc rồi thì tiền phải trao chứ.”

Đúng lúc đó Salmakia bay vào qua cửa hậu, đáp chuồn chuồn lên bàn trong một vệt sáng màu xanh ánh điện lung linh.

“Có người đang tới,” bà nói, “đi bộ, có vũ khí. Họ chỉ còn cách vài phút đi bộ thôi. Ngoài ra có một ngôi làng đang bị cháy bên kia những cánh đồng.”

Trong lúc bà nói, họ có thể nghe thấy tiếng giày ủng lạo xạo trên sỏi, một giọng nói cất lên ra lệnh, và tiếng kim loại xúng xoảng.

“Vậy thì chúng ta nên đi thôi,” Will nói.

Cậu lần tìm trong không khí bằng đầu mũi dao. Lập tức cậu ý thức được về một loại cảm giác mới. Lưỡi dao dường như đang trượt đi trên một bề mặt rất nhẵn nhụi, như một tấm gương vậy, và rồi nó chậm rãi lún xuống cho tới khi cậu có thể cắt qua được. Nhưng nó cũng có độ bền, giống như một tấm vải nặng, và khi lưỡi thông mở ra cậu chớp chớp mắt vì kinh ngạc và

hoảng hốt: Bởi vì thế giới mà cậu vừa mở vào có cùng mọi chi tiết giống như nơi mà họ đang đứng sẵn.

“Sao thế?” Lyra hỏi.

Hai mật thám đang nhìn qua đây bối rối. Nhưng những gì họ cảm thấy còn vượt xa cả sự bối rối. Cũng giống như không khí cản lưỡi dao lại, có thứ gì đó trong lối thông này cũng ngăn trở không cho họ qua. Will phải đẩy vào một thứ gì đó vô hình rồi giúp kéo Lyra qua theo, còn những người Gallivespia thì gần như chẳng nhích lên được chút nào. Họ phải dựa lưng vào tay của hai đứa trẻ, nhưng kể cả thế thì cũng có cảm giác như đang kéo lùi cơn trùng đi ngược sức ép trong không khí vậy; đôi cánh mỏng manh của chúng bị bẻ ngoặt và xoắn lại, hai người cười chuồn chuồn phải vuốt ve đầu chúng và thì thầm để xoa dịu nỗi sợ của chúng.

Thế nhưng sau vài giây vật lộn, tất cả đã lọt qua. Will tìm thấy mép ô cửa (dù cho không thể nhìn thấy được nó) và đóng lại, cắt đứt tiếng ồn từ đám binh lính trong thế giới của họ.

“Will,” Lyra kêu lên, cậu bé quay lại và thấy rằng có một bóng dáng khác đang ở trong bếp cùng với họ.

Tim cậu giật thót lên. Đó chính là người đàn ông cậu đã thấy chưa đây mười phút trước, nằm chết cứng đờ trong các bụi cây với cổ họng bị cửa đứt.

Ông ta khoảng tầm trung niên, gầy gộc, có vẻ ngoài của một người đàn ông đã dành phần lớn cuộc đời mình ở ngoài trời. Nhưng giờ thì trông ông ta gần như đang loạn trí, hoặc tê liệt, vì kinh hoàng. Đôi mắt ông mở to đến mức để lộ lòng trắng bao xung quanh tròng mắt, ông đang tóm chặt lấy mép bàn bằng bàn tay run lẩy bẩy. Cổ họng của ông, Will mừng khi thấy rằng nó vẫn lành lặn.

Ông há miệng định nói nhưng chẳng có từ ngữ nào phát ra cả. Tất cả những gì ông có thể làm là trở vào Will và Lyra.

Lyra nói: “Xin thứ lỗi cho chúng cháu vì đã vào nhà ông, nhưng chúng cháu phải chạy trốn khỏi đám người đang tiến đến. Cháu rất xin lỗi nếu chúng cháu khiến ông giật mình. Cháu là Lyra, đây là Will, còn đây là các

bạn của chúng cháu, Hiệp sĩ Tialys và Công nương Salmakia. Ông có thể cho chúng cháu biết tên và nơi chúng cháu đang ở không?”

Yêu cầu nghe có vẻ bình thường này dường như đã khiến người đàn ông hoàn hồn, một cơn rung mình chạy qua người ông như thể ông vừa tỉnh dậy từ một giấc mơ dài.

“Tôi đã chết rồi,” ông nói. “Tôi đang nằm ngoài đó, chết cứng rồi. Tôi biết mà. *Mấy đứa* chưa chết. Chuyện gì đang xảy ra thế này? Chúa cứu rồi, chúng đã cắt cổ tôi. Chuyện gì thế này?”

Lyra bước lại gần Will khi người đàn ông kêu lên *Tôi đã chết rồi*, còn Pantalaimon thì lao vào ngực cô bé trong dạng chuột. Còn về những người Gallivespia, họ đang cố gắng kiểm soát lũ chuồn chuồn của mình, vì những con côn trùng khổng lồ này dường như có ác cảm với người đàn ông, chúng cứ lao hết hướng này lại qua hướng kia trong căn bếp, cố gắng tìm đường thoát ra.

Nhưng người đàn ông không để ý tới chúng. Ông ta vẫn đang cố gắng hiểu chuyện gì đang diễn ra.

“Ông là ma à?” Will thận trọng hỏi.

Người đàn ông vươn tay ra và Will thử cầm lấy nó, nhưng những ngón tay của cậu chỉ tóm vào không khí. Một cảm giác lạnh lẽo râm ran là tất cả những gì cậu cảm thấy được.

Khi thấy chuyện xảy ra, người đàn ông nhìn xuống bàn tay mình, kinh hãi. Người ông đã bớt tê liệt, và ông có thể cảm nhận thấy tình trạng đáng thương hại của mình.

“Đúng thật rồi,” ông nói, “*tôi đã chết rồi*... Tôi chết rồi, tôi sắp xuống địa ngục rồi...”

“Thôi nào,” Lyra nói, “chúng ta sẽ đi cùng nhau mà. Tên ông là gì vậy?”

“Tôi từng là Dirk Jansen,” ông đáp, “nhưng giờ thì tôi... Tôi không biết phải làm gì... Không biết phải đi đâu...”

Will mở cửa. Khoảnh sân chẵn nuôi trồng vẫn như vậy, vườn bếp cũng không thay đổi, vẫn là ánh mặt trời lơ mờ chiếu rọi mặt đất. Có cả xác của người đàn ông nữa, không hề suy chuyển.

Một tiếng rên rỉ buột ra từ họng của Dirk Jansen, như thể chẳng còn cách nào để chối bỏ sự thật nữa. Hai con chuồn chuồn lao ra khỏi cửa ra vào, lướt qua mặt đất rồi phóng vọt lên cao, nhanh hơn cả chim. Người đàn ông đang nhìn quanh quất về bất lực, đôi tay giơ lên rồi lại hạ xuống, miệng khẽ thốt ra những tiếng kêu khe khẽ.

“Tôi không thể ở đây được... Không thể ở lại,” ông đang nói. “Nhưng đây không phải là trang trại mà tôi từng biết. Không đúng chút nào. Tôi phải đi thôi...”

“Ông đi đâu vậy, ông Jansen?” Lyra hỏi.

“Xuống dưới đường. Không biết. Phải đi thôi. Không ở lại đây được...”

Salmakia hạ xuống rồi đậu lên bàn tay Lyra. Những cái vuốt nhỏ xíu của con chuồn chuồn cắm vào da cô khi vị công nương lên tiếng: “Có người đang đi ra từ phía làng - những người giống như người đàn ông này - tất cả đều đi về cùng một hướng.”

“Vậy thì chúng ta sẽ đi với họ,” Will nói rồi quăng balô lên vai.

Dirk Jansen đi qua cái xác của mình, cố gắng nhìn đi chỗ khác. Trông ông không khác gì người say, cứ dừng lại rồi lại đi tiếp, thơ thẩn sang trái rồi lại phải, vấp vào ổ gà và sỏi đá trên con đường mà đôi chân thời còn sống của ông đã thuộc nằm lòng.

Lyra bám theo Will, trong khi Pantalaimon biến thành một con chim cắt rồi vút bay lên cao nhất có thể, khiến Lyra sửng sờ vì lo lắng.

“Họ nói đúng,” nó nói khi bay xuống. “Các dòng người đều đang đổ dồn ra từ ngôi làng. Những kẻ đã chết...”

Không lâu sau chính chúng cũng nhìn thấy họ: Khoảng hai mươi người đàn ông, phụ nữ và trẻ nhỏ, tất cả đều đang di chuyển giống như Dirk Jansen, do dự và hoảng hốt. Ngôi làng nằm cách đó nửa dặm, và đoàn người

đang tiến về phía họ, lúu rúu lại với nhau ở giữa con đường. Khi Dirk Jansen nhìn thấy những hồn ma khác, ông loạng choạng lao đi, còn họ thì dang rộng vòng tay chào đón ông.

“Dù không biết mình đang đi đâu nhưng tất cả bọn họ đều đang tới đó cùng nhau,” Lyra nói. “Chúng ta nên đi theo họ.”

“Cậu có nghĩ người ta có linh thú ở thế giới này không?” Will hỏi.

“Tớ chịu. Nếu nhìn thấy một trong số họ tại thế giới của mình, liệu cậu có biết người đó là ma không?”

“Cái đó khó nói lắm. Chính xác thì trông họ không bình thường... Có một người đàn ông tớ thường nhìn thấy ở thị trấn của mình, ông ta hay lờn vờn bên ngoài các cửa hiệu, lúc nào cũng mang theo cùng một cái túi nilon cũ rách, và chẳng bao giờ nói chuyện với ai hay bước vào trong cả. Cũng chẳng có ai buồn nhìn ông ta. Tớ thường coi như ông ta là một hồn ma. Trông họ hơi giống ông ta. Có lẽ thế giới của tớ tràn ngập ma quỷ mà tớ không hề biết.”

“Tớ thì không nghĩ thế giới của mình giống như vậy,” Lyra hoài nghi nói.

“Dù sao thì đây cũng hẳn phải là thế giới của người chết. Những người này vừa mới bị giết - đám binh sĩ hẳn đã làm điều đó - và thế là họ ở đây, và nó giống hệt như thế giới mà họ đã từng sống. Tớ cứ nghĩ nó sẽ khác lắm cơ...”

“À, nó đang mờ dần,” cô bé nói. “Nhìn kia!”

Cô tóm chặt lấy tay cậu. Cậu bé dừng lại nhìn quanh và thấy rằng cô nói đúng. Không lâu trước khi cậu tìm thấy ô cửa tại Oxford và bước qua để vào thế giới của Cittagazze, nhật thực đã xảy ra, và cũng giống như hàng triệu người khác, Will đã ra ngoài đứng giữa ban ngày để nhìn ngắm ánh sáng rực rỡ buổi trưa nhạt dần cho tới khi một thứ ánh chạng vạng ma quái bao phủ lấy những ngôi nhà, cây cối, công viên. Mọi thứ vẫn rõ như ban ngày, nhưng có ít ánh sáng hơn để nhìn, như thể toàn bộ sức lực đã bị rút kiệt khỏi vầng mặt trời đang tàn lụi.

Điều đang diễn ra lúc này cũng giống như vậy, nhưng kì quặc hơn, bởi vì đường viền của mọi vật đang mất dần sự rõ nét và nhòa đi.

“Thậm chí còn không giống như bị mù nữa,” Lyra hoảng sợ nói, “vì không phải là chúng ta không nhìn được mà là mọi thứ cứ tự mờ dần đi...”

Màu sắc dần dần rỉ ra khỏi thế giới. Một màu xanh xám lờ mờ thay thế cho màu lục tươi sáng của cây cỏ, màu cát xám xịt thế chỗ cho sắc vàng rực rỡ của cánh đồng ngô, màu máu xám ngoét thay cho những viên gạch đỏ của căn nhà trại gọn gàng...

Bản thân đoàn người, lúc này đã đến gần hơn, cũng bắt đầu nhận ra, họ đang chỉ trở và bám lấy tay nhau để trấn tĩnh lại.

Những thứ sáng sủa duy nhất trong toàn bộ cảnh vật là màu đỏ vàng tươi tắn và màu xanh ánh điện của hai con chuồn chuồn, những kị sĩ tí hon, Will và Lyra, cùng Pantalaimon trong dạng chim cắt đang lượn bay gần đó.

Giờ họ đang đứng gần với những người đi đầu, rõ ràng tất cả những người này đều là hồn ma. Will và Lyra bước một bước lại gần nhau, nhưng chẳng có gì phải sợ cả, vì những hồn ma còn e sợ chúng hơn nhiều, họ chùn bước, không muốn tới gần.

Will gọi lớn: “Đừng sợ. Chúng tôi không làm hại các vị đâu. Các vị đang đi đâu vậy?”

Họ nhìn sang người đàn ông lớn tuổi nhất trong đoàn, như thể ông ta là người dẫn đường cho họ.

“Chúng tôi đang tới nơi tất cả những người khác hướng đến,” ông trả lời. “Dường như tôi biết điều đó nhưng lại không thể nhớ nổi vì sao. Có vẻ như nó ở trên con đường này. Chúng tôi sẽ nhận ra khi tới được đó thôi.”

“Mẹ ời,” một đứa trẻ kêu lên, “sao giữa ban ngày mà trời lại tối đi vậy?”

“Suyt, con yêu, đừng lo,” người mẹ nói. “Có lo lắng cũng không thay đổi được gì đâu. Chúng ta chết rồi, mẹ nghĩ vậy.”

“Nhưng chúng ta đang đi đâu đây?” Đứa trẻ hỏi. “Con không muốn chết đâu, mẹ!”

“Chúng ta sẽ đi gặp ông,” người mẹ tuyệt vọng nói.

Nhưng câu nói đó không xoa dịu được đứa trẻ, nó ti tê khóc đầy chua xót. Những người khác trong nhóm nhìn người mẹ với vẻ cảm thông hoặc bức mình, nhưng chẳng có gì họ có thể làm để trợ giúp, tất cả đều chán nản bước qua khung cảnh đang nhòa dần trong lúc tiếng khóc yếu ớt của đứa trẻ cứ thế dai dẳng.

Hiệp sĩ Tialys trao đổi với Salmakia trước khi lướt bay đi về phía trước, để cho Will và Lyra dõi theo con chuồn chuồn với ánh mắt thêm khát sự tươi sáng và mãnh liệt của nó khi bóng hình nó trở nên nhỏ, nhỏ dần. Công nương bay xuống rồi đáp con côn trùng của mình lên tay Will.

“Hiệp sĩ đã đi xem có gì ở phía trước,” bà thông báo. “Chúng tôi cho rằng quang cảnh bị mờ đi là bởi những người này đang quên lãng nó. Họ càng đi xa khỏi nhà của mình thì mọi vật càng trở nên tối tăm.”

“Nhưng bà nghĩ tại sao họ lại phải di chuyển?” Lyra hỏi. “Nếu tôi là ma, tôi sẽ muốn ở lại những nơi mà mình biết, chứ không đi lang thang để rồi bị lạc đâu.”

“Ở đó họ cảm thấy không vui,” Will đoán. “Đó là nơi họ vừa mới chết. Họ sợ nó.”

“Không, họ đang bị kéo đi bởi một thứ gì đó,” công nương nói. “Một thứ bản năng nào đó đang kéo họ xuống đường.”

Quả vậy, những hồn ma lúc này đang di chuyển có chủ đích hơn khi ngôi làng của họ đã khuất khỏi tầm mắt. Trời tối sầm như thể một cơn cuồng phong đang chực ập tới, chỉ khác là không có sự phóng điện giống như trước một cơn bão. Những hồn ma bước đi đều đều, con đường chạy thẳng về phía trước qua một quang cảnh gần như vô vị.

Cứ thỉnh thoảng một trong số họ sẽ lại quay sang nhìn Will hay Lyra, hoặc nhìn con chuồn chuồn lộng lẫy và người cưỡi nó, như thể họ kì quặc lắm. Cuối cùng người đàn ông lớn tuổi nhất lên tiếng:

“Các cháu, cậu bé và cô bé. Các cháu chưa chết. Các cháu không phải là ma. Các cháu đi theo đến đây làm gì vậy?”

“Chúng cháu đến đây do tình cờ thôi,” Lyra nói với ông trước khi Will kịp cất tiếng. “Cháu không biết chuyện đó xảy ra thế nào. Chúng cháu đang cố gắng chạy trốn khỏi những kẻ kia thì dùng một cái đã đang ở đây rồi.”

“Làm sao các ông biết được khi nào mình tới được nơi cần phải tới?” Will hỏi.

“Ta đoán là chúng ta sẽ được thông báo,” hồn ma đáp đầy tự tin. “Người ta sẽ tách biệt những kẻ tội đồ và những người chính trực ra, ta dám đảm bảo như vậy. Giờ thì cầu nguyện chẳng có ích gì nữa. Đã quá muộn để làm vậy rồi. Việc đó đáng ra phải làm khi còn sống. Giờ thì vô ích thôi.”

Khá dễ để thấy ông ta kì vọng được vào nhóm nào, và cũng khá rõ ràng rằng ông ta nghĩ nhóm đó sẽ không đông. Những hồn ma khác lắng nghe vẻ bồn chồn, nhưng ông ta là sự dẫn lối duy nhất mà họ có, vậy nên họ cứ đi theo mà không tranh cãi gì.

Cứ như vậy họ bước tiếp, lê chân trong câm lạng dưới một bầu trời cuối cùng cũng sẫm lại thành màu xám sắt mờ xỉn và cứ giữ nguyên như thế mà không tối thêm. Những kẻ còn sống thấy mình nhìn trái nhìn phải, hết trên lại dưới, tìm kiếm bất cứ thứ gì tươi sáng, sinh động và vui vẻ, nhưng họ luôn phải thất vọng cho đến khi một tia sáng nhỏ xíu xuất hiện từ phía trước rồi lao đi trong không khí về phía họ. Đó là vị hiệp sĩ, Salmakia liên thúc con chuồn chuồn của mình lao tới để gặp ông, kèm theo một tiếng kêu đầy vui mừng.

Họ hội ý rồi bay trở lại với lũ trẻ.

“Phía trước có một thị trấn,” Tialys nói. “Trông giống như một trại tị nạn, nhưng rõ ràng là nó đã ở đó ít nhất là vài thế kỉ rồi. Tôi nghĩ bên kia thị trấn có biển hay hồ gì đó, nhưng nó đang bị sương mù che kín. Tôi có thể nghe thấy tiếng chim kêu. Cứ mỗi phút lại có hàng trăm người đến đó, từ đủ mọi hướng, những con người như thế này - những hồn ma...”

Chính những hồn ma cũng lắng nghe ông nói, nhưng không tỏ ra hứng thú lắm. Dường như họ đã yên vị trong một cơn hôn mê dờ dẫm, khiến Lyra muốn lay họ, thúc giục họ đấu tranh để tỉnh dậy mà tìm lấy một con đường thoát.

“Chúng ta làm thế nào để giúp những người này bây giờ, hả Will?” Cô bé hỏi.

Cậu chẳng thể đoán nổi. Trong lúc tiến lên, họ có thể thấy những chuyển động trên đường chân trời về phía trái và phải, còn phía trước mặt, một màn khói mờ xỉn đang chậm rãi dâng lên, càng tăng thêm sự tối tăm cho bầu không khí thê lương. Chuyển động đó là của con người, hoặc là hồn ma: thành hàng, theo đôi hoặc nhóm, hoặc đơn độc, nhưng tất cả đều đi tay không, hàng trăm hàng ngàn người đàn ông, phụ nữ và trẻ em đang dạt lên vùng đồng bằng về nơi màn khói bốc lên.

Mặt đất lúc này đang dốc xuống, càng ngày càng giống một đồng rác thải. Không khí nặng nề đầy ngạt khói, và có mùi khác ngoài những mùi hóa chất cay xè, rau củ thối rữa, nước thải. Càng xuống sâu nó càng trở nên tồi tệ. Trong suốt tầm mắt không hề có lấy một mảng đất sạch nào, và thứ thực vật duy nhất mọc lên ở bất cứ đâu là đám cỏ dại xum xuê và lũ cỏ thô màu xám xịt.

Phía trước mặt họ, trên mặt nước, là sương mù. Sương dựng lên như một vách núi và hòa lẫn vào nền trời u ám, từ đâu đó phía trong vọng lại những tiếng chim kêu mà Tialys đã nhắc tới.

Nằm giữa những đồng rác rưởi và màn sương là thị trấn đầu tiên của người chết.

Lyra và Tử thần của mình

Ta đã giận dữ với bạn mình:

Ta nói ra cơn giận, cơn giận bèn chấm dứt.

William Blake

Đây đó, lửa được thắp lên giữa những đồng đồ nát. Thị trấn là một mớ hỗn độn, không có đường sá, không quảng trường, cũng chẳng có khoảng không rộng nào ngoại trừ nơi một tòa nhà bị sụp xuống. Một vài nhà thờ hoặc tòa nhà công cộng vẫn đang vươn cao trên số còn lại, dầu cho mái của chúng đã thủng hay tường đã nứt, trong một trường hợp thì nguyên cả cái cổng đã móp lại trên cột chống. Giữa những bức tường của các tòa nhà bằng đá, một mớ hỗn tạp rối rắm của nào lều nào chòi được dựng lên từ những thanh rầm mái, thùng dầu hoặc hộp bánh quy được đập bẹp, những miếng nhựa tổng hợp rách nát, các mẫu gỗ dán hoặc bảng ép.

Những hồn ma đi cùng với họ vội vã tiến về phía thị trấn. Thêm nhiều người nữa đang đổ tới từ bốn phương tám hướng, nhiều đến mức trông họ chẳng khác gì những hạt cát đang tuôn về phía lỗ thông của đồng hồ cát. Đám hồn ma bước thẳng vào đồng hỗn tạp dơ dáy của thị trấn như thể họ biết chính xác mình đang đi đâu. Lyra và Will đang định đi theo họ nhưng lại dừng lại.

Một dáng người bước ra từ một khung cửa chớp vá cật tiếng gọi: “Khoan, khoan đã.”

Luồng sáng leo lét tỏa ra sau lưng ông ta khiến các đường nét trên người ông khó mà nhìn thấy được; nhưng chúng biết ông ta không phải là hồn ma. Ông ta cũng giống chúng, vẫn còn sống. Đó là một người đàn ông gầy gò có thể ở bất cứ độ tuổi nào, mặc một bộ vest thô kệch và tả tơi, ông ta đang cầm một cái bút chì và một bó giấy được kẹp lại với nhau bằng kẹp lò xo. Tòa nhà mà ông vừa bước ra có dáng vẻ của một đồn thu thuế trên một vùng biên giới ít người qua lại.

“Nơi này là gì vậy?” Will hỏi. “Và tại sao chúng tôi lại không được vào?”

“Các vị chưa chết,” người đàn ông mệt mỏi đáp. “Các vị sẽ phải đợi trong khu vực chờ. Đi tiếp theo con đường này, ở bên trái, đưa sổ giấy tờ này cho nhân viên công chức tại cổng.”

“Xin ông thứ lỗi,” Lyra nói, “cháu hi vọng ông không phiền khi cháu hỏi, nhưng làm sao chúng cháu có thể đi được tới tận đây dù vẫn chưa chết? Bởi vì đây là thế giới của người chết, đúng không ạ?”

“Đây là vùng ngoại ô thuộc thế giới của người chết. Thỉnh thoảng người sống cũng đi nhầm đến đây, nhưng họ phải đợi trong khu vực chờ trước khi có thể đi tiếp.”

“Đợi bao lâu ạ?”

“Cho đến khi nào chết.”

Will thấy đầu mình quay vòng vòng. Cậu có thể thấy Lyra sắp sửa lên tiếng tranh cãi, nhưng trước khi cô bé kịp nói, cậu đã chen vào: “Vậy ông có thể giải thích chuyện gì đang xảy ra được không? Ý cháu là, những hồn ma tới đây, liệu họ có ở trong thị trấn này mãi mãi không?”

“Không, không,” ông công chức nói. “Đây chỉ là một cảng trung chuyển thôi. Từ đây họ sẽ đi bằng thuyền.”

“Tới đâu vậy?” Will hỏi.

“Đó không phải là thứ tôi có thể nói với các vị,” người đàn ông đáp, một nụ cười cay đắng kéo trĩu hai khóe miệng của ông xuống. “Các vị phải đi thôi, làm ơn. Các vị phải đến khu vực chờ.”

Will nhận lấy số giấy tờ mà người đàn ông đang chìa ra, sau đó cậu nắm lấy tay Lyra và giục cô đi.

Hai con chuồn chuồn đang bay rất lơ lửng. Tialys giải thích rằng chúng cần được nghỉ ngơi; vậy là chúng đậu lên balô của Will, còn Lyra thì để cho hai mật thám ngồi lên vai mình. Pantalaimon trong dạng báo gấm ngược lên nhìn họ đầy ghen tị, nhưng nó không có ý kiến gì. Họ bước theo lối đi, men theo những căn lều tồi tàn và các vũng nước thải, dõng theo dòng hồn ma bất tận đang kéo đến và đi qua mà không hề bị cản trở để vào thị trấn.

“Chúng ta phải đi qua dòng nước, giống như tất cả bọn họ,” Will nói. “Có khi những người trong cái khu chờ này sẽ chỉ cách cho chúng ta. Dù sao thì họ cũng không tỏ ra giận dữ hay nguy hiểm. Kì lạ thật. Còn chỗ giấy tờ này...”

Chúng chỉ đơn thuần là những mẫu giấy được xé ra từ một cuốn sổ tay, với các từ ngữ linh tinh được viết nguệch ngoạc bằng bút chì rồi bị gạch bỏ. Cứ như thể những người này đang chơi một trò chơi, và chờ đợi xem bao giờ các lũ khách sẽ thách thức họ, hay nhượng bộ và cười trừ. Thế nhưng tất cả trông vẫn rất thật.

Không gian đang dần tối lại và lạnh lẽo hơn, thật khó để có thể theo dấu được thời gian. Lyra nghĩ chúng đã đi bộ được nửa giờ đồng hồ rồi, nhưng cũng có thể là dài gấp đôi; quang cảnh xung quanh chẳng hề biến đổi. Cuối cùng, họ cũng tới được một cái lán nhỏ bằng gỗ giống như cái đã dừng lại trước đó, nơi một bóng đèn mờ ảo tỏa sáng trên sợi dây điện để trần phía trên cánh cửa.

Khi họ lại gần, một người đàn ông ăn vận y chang người trước đó bước ra, tay cầm một mẫu bánh mì và bơ, chẳng nói chẳng rằng ông ta xem giấy tờ của họ và gật đầu.

Ông ta trả lại rồi đang định đi vào bên trong thì Will lên tiếng: “Xin lỗi, giờ chúng cháu phải đi đâu đây?”

“Đi kiếm chỗ nào đấy mà ở,” người đàn ông đáp một cách tàn nhẫn. “Cứ hỏi xung quanh. Mọi người đều đang chờ đợi giống mấy đứa đấy.”

Ông ta quay đi rồi đóng cửa lại để ngăn cái lạnh. Các lữ khách quay đi rồi bước xuống trung tâm của cái thị trấn lụp xụp, nơi những người còn sống phải lưu lại.

Trông nó cũng chẳng khác gì thị trấn chính: Những túp lều tồi tàn, đã được sửa đi sửa lại cả chục lần, loang lổ những mẩu nhựa hoặc tôn mui, ọp ẹp dựa vào nhau trên những con hẻm đầy bùn đất. Tại vài nơi, một sợi dây cáp điện vòng xuống từ một thanh rầm chia và cung cấp vừa đủ cho dòng điện yếu ớt để thắp sáng một hay hai bóng đèn trần được mắc bên ngoài những túp lều gần đó. Tuy nhiên, phần lớn lượng ánh sáng ở đây lại phát ra từ những đồng lửa. Luồng sáng mờ khói của chúng chập chờn hắt sặc đỏ lên những miếng và mảnh vật liệu xây dựng, cứ như chúng là những đốm lửa còn sót lại từ một trận hỏa hoạn kinh hoàng, vẫn tiếp tục cháy hoàn toàn vì ác ý.

Nhưng khi Will, Lyra và những người Gallivespia tiến lại gần và thấy rõ các chi tiết hơn, họ nhìn ra một vài - nhiều hơn - rất nhiều đáng người đang ngồi trong bóng tối một mình hoặc dựa vào những bức tường hay tụ tập lại thành các nhóm nhỏ, rì rầm nói chuyện.

“Sao những người đó không vào bên trong?” Lyra hỏi. “Trời lạnh thế này.”

“Họ không phải là con người,” Công nương Salmakia nói. “Thậm chí cũng chẳng phải hồn ma. Họ là một thứ gì đó khác, nhưng tôi không biết là cái gì.”

Các lữ khách tới tổ hợp lều đầu tiên, nơi này được chiếu sáng bởi một trong những cái bóng đèn điện lớn nhưng yếu xìu trên sợi cáp đang khẽ đung đưa trong gió lạnh. Will liền đặt tay lên con dao treo ở thắt lưng. Có một nhóm những thứ dạng người đang khom mình ngồi xõm bên ngoài và lẫn xúc xắc, khi hai đứa trẻ đến gần, họ liền đứng dậy: năm người tất cả, đều là đàn ông, gương mặt phủ bóng còn quần áo thì rách rưới, tất cả đều im lặng.

“Tên của thị trấn này là gì vậy?” Will hỏi.

Không có tiếng trả lời. Vài người trong số họ lùi lại một bước, và cả năm xích lại gần nhau như thể họ đang sợ hãi. Lyra cảm thấy sờn gai ốc, tất cả những sợi lông nhỏ xíu trên cánh tay cô dựng đứng lên, dù cô bé không thể hiểu tại sao. Pantalaimon nằm trong áo cô đang run rẩy và thì thầm: “Không, không, Lyra, không, đi thôi, quay trở lại thôi, đi mà...”

Đám “người” không nhúc nhích, cuối cùng Will nhún vai nói: “Thôi, nói chung là chúc mọi người một buổi tối vui vẻ,” rồi đi tiếp. Cứ mỗi khi bắt chuyện với những người khác họ lại nhận được phản ứng tương tự. Càng ngày nỗi sợ hãi trong họ càng lớn dần.

“Will, họ có phải lũ Quỷ hút hồn không?” Lyra khẽ nói. “Có phải chúng ta đã đủ lớn để nhìn thấy Quỷ hút hồn không?”

“Tớ không nghĩ vậy. Nếu thật sự như vậy thì họ đã tấn công chúng ta rồi, nhưng bản thân họ trông cũng sợ sệt. Tớ không biết họ là gì nữa.”

Một cánh cửa mở ra, để cho ánh sáng tràn lên mặt đất lấm bùn. Một người đàn ông - một con người thật sự - đứng trong khung cửa nhìn họ tiến tới. Đám người đứng quanh cửa lùi lại vài bước như để thể hiện sự kính cẩn, và họ nhìn thấy gương mặt người đàn ông: bình thản, thiện ý và hòa nhã.

“Các vị là ai?” Ông ta cất tiếng.

“Những lũ khách,” Will nói. “Chúng cháu không biết mình đang ở đâu. Thị trấn này là gì vậy?”

“Đây là khu vực chờ,” người đàn ông đáp. “Các vị đi có xa không?”

“Một quãng đường dài, vâng, chúng cháu mệt lử rồi,” Will nói. “Chúng cháu có thể mua chút đồ ăn và trả tiền để ở trọ không ạ?”

Người đàn ông nhìn qua họ vào trong màn đêm, sau đó ông bước ra để nhìn rộng hơn xung quanh, như thể có ai đó đang mất tích vậy. Rồi ông quay sang những bóng người kì lạ đang đứng gần đó và hỏi:

“Các vị có thấy tử thần nào không?”

Họ lắc đầu, và hai đứa trẻ nghe thấy một tiếng rì rầm: “Không, không, không có.”

Người đàn ông quay lại. Đằng sau ông, trong khung cửa, xuất hiện những gương mặt đang nhìn ra ngoài: một người phụ nữ, hai đứa trẻ nhỏ, một người đàn ông khác. Tất cả bọn họ đều có vẻ căng thẳng và sợ sệt.

“Tử thần ư?” Will kêu lên. “Bọn cháu không dẫn theo tử thần nào cả.”

Nhưng dường như đó chính là điều mà họ đang lo lắng, vì khi Will vừa nói vậy thì một tiếng thở hắt đầy kinh ngạc phát ra từ phía những người còn sống, thậm chí cả những bóng dáng bên ngoài cũng hơi chùn bước ra xa.

“Xin thứ lỗi,” Lyra nói rồi bước lên phía trước với cung cách lịch sự nhất có thể, cứ như bà bảo mẫu của Học viện Jordan đang lờm cô bé vậy. “Cháu không thể không nhận ra, nhưng các quý ông ở đây, có phải họ đã chết rồi không? Cháu xin lỗi vì đã hỏi, nếu điều đó là khiếm nhã, nhưng ở chỗ chúng cháu việc này thật bất thường, chúng cháu chưa từng thấy ai giống như họ cả. Nếu cháu có bất lịch sự, xin mọi người bỏ qua cho. Nhưng các vị biết đấy, ở thế giới của cháu có linh thú, mọi người đều có một con, chúng cháu sẽ rất kinh ngạc nếu thấy ai không có linh thú, cũng như các vị kinh ngạc khi thấy bọn cháu. Và giờ khi đang du hành, Will và cháu - đây là Will, còn cháu là Lyra - cháu đã học được rằng có những người dường như không có linh thú, giống như Will, cháu đã rất sợ cho tới khi phát hiện ra rằng thật ra họ cũng bình thường giống như cháu thôi. Nên có lẽ đó là lí do mà một vài người thuộc thế giới của các vị có thể cảm thấy hơi hoảng khi thấy chúng cháu, nếu các vị nghĩ rằng chúng cháu khác biệt.”

Người đàn ông nói: “Lyra? Và Will?”

“Vâng, thưa ông,” cô bé nhún nhường nói.

“Còn đó là linh thú của các cháu à?” Ông nói, chỉ tay về phía hai mặt thám ngồi trên vai cô bé.

“Không,” Lyra đáp, cô bé rất muốn được nói: “Họ là người hầu của chúng cháu,” nhưng lại cảm thấy rằng Will sẽ nghĩ đó là một ý tưởng tồi; nên cô nói: “Họ là bạn của chúng cháu, Hiệp sĩ Tialys và Công nương Salmakia, những người rất ưu tú và thông thái đang đi cùng chúng cháu.Ồ, còn đây là linh thú của cháu,” cô nói rồi lấy con chuột Pantalaimon ra khỏi túi áo. “Các vị thấy đấy, chúng cháu vô hại, chúng cháu hứa sẽ không làm

hại ai cả. Với cả chúng cháu cần thức ăn và nơi ở. Ngày mai chúng cháu sẽ lên đường. Thật đấy.”

Tất cả đều chờ đợi. Sự căng thẳng của người đàn ông đã được xoa dịu đôi chút nhờ giọng điệu khiêm nhường của cô bé, còn hai mật thám rất tinh nhạy khi tỏ ra nhũn nhặn và vô hại. Sau khi ngừng một lát, người đàn ông nói:

“Chà, mặc dù việc này thật lạ lùng, nhưng ta cho rằng chúng ta đang ở trong khoảng thời gian kì lạ... Vào đi nào, cứ tự nhiên nhé...”

Những bóng người bên ngoài gạt đầu, một hay hai trong số bọn họ khẽ cúi chào, rồi họ kính cẩn đứng sang một bên khi Will và Lyra bước vào trong hơi ẩm và ánh sáng. Người đàn ông đóng cửa lại phía sau rồi móc dây lên một cái đinh để chốt nó lại.

Đó là một căn phòng đơn được chiếu đèn dầu đặt trên bàn thấp sáng, sạch sẽ nhưng hơi tồi tàn. Những bức tường gỗ dán được trang hoàng bằng các bức tranh cắt ra từ những tạp chí ngôi sao điện ảnh, với hoa văn tạo ra bằng các dấu vân tay dính bột hóng. Tựa vào tường là một bếp lò bằng sắt, với giá phơi quần áo đặt phía trước, nơi vài cái áo xỉn màu đang bốc hơi, còn trên cái bàn trang điểm là một miếu thờ bằng hoa nhựa, vỏ sò, những chai dầu thơm có màu, thêm các mẫu và mảnh đồ vật lòe loẹt khác, tất cả đều vây quay bức hình một bộ xương vui nhộn đội mũ chóp cao và đeo kính râm.

Phía trong căn lều chật ních người: cùng với người đàn ông, một người phụ nữ và hai đứa trẻ nhỏ còn có một em bé sơ sinh đang nằm cũi, một ông già, còn ở góc nhà, trong đồng chăn nệm, một bà già lụ khụ đang nằm quan sát mọi việc với đôi mắt long lanh trên một khuôn mặt cũng nhàu nhĩ chẳng kém gì đồng chăn. Đang lúc nhìn bà già, Lyra bị sốc khi thấy đồng chăn nhúc nhích, rồi một cánh tay không thể gầy gò hơn trong lớp áo đen thò ra, sau đó là một gương mặt khác, mặt của một người đàn ông, già cỗi tới mức trông không khác một bộ xương là mấy. Trên thực tế, trông ông ta giống với bộ xương trong bức ảnh hơn là một con người còn sống. Đến lúc đó Will và cả những lữ khách khác đều nhận ra rằng ông ta là một trong những bóng

dáng mờ ảo đầy lịch thiệp giống như những người bên ngoài. Lập tức tất cả đều cảm thấy bối rối y như khi người đàn ông lần đầu tiên nhìn thấy họ.

Thật ra, tất cả mọi người trong căn lều nhỏ đông đúc - tất cả trừ đứa bé đang say ngủ - đều đang không nói nổi nên lời. Chính Lyra là người tìm lại được giọng nói của mình đầu tiên.

“Các vị thật tử tế,” cô bé nói, “cảm ơn, chúc một buổi tối vui vẻ, chúng cháu rất vui mừng vì được ở đây. Và như cháu đã nói, chúng cháu rất tiếc vì đã đến mà không đưa theo tử thần nào cả, nếu đó là cách mà mọi thứ vẫn thường diễn ra. Nhưng chúng cháu sẽ không làm phiền mọi người nhiều hơn cần thiết đâu. Các vị thấy đấy chúng cháu đang tìm kiếm vùng đất của người chết, và đó là lí do chúng cháu tình cờ đến được đây. Nhưng chúng cháu không biết nó ở đâu, hay liệu đây có phải một phần của nó, làm thế nào để đến được đó, vân vân. Vậy nên nếu các vị có thể cho chúng cháu biết bất cứ điều gì về nó, chúng cháu sẽ rất biết ơn.”

Mọi người trong căn lều vẫn đang nhìn chòng chọc, nhưng những lời lẽ của Lyra đã làm dịu không khí xuống đôi chút. Người phụ nữ mời họ ngồi xuống bên bàn sau khi kéo chiếc trường kỉ ra. Will và Lyra nâng hai con chuồn chuồn đang ngủ lên một cái giá trong góc tối, nơi Tialys nói rằng chúng sẽ nghỉ ngơi cho tới khi trời sáng, và rồi những người Gallivespia ngồi xuống bàn cùng với họ.

Người phụ nữ đang chuẩn bị món hầm, bà gọt vỏ vài củ khoai tây rồi cắt chúng thả vào nồi để nấu, bà giục ông chồng mang ra vài món khác cho các lữ khách trong lúc chờ đồ ăn chín. Ông liền đem ra một chai đựng thứ rượu trong và cay xè có mùi khiến Lyra nhớ đến rượu jenniver của những người du mục. Hai mặt thám nhận lấy một li rồi dùng bình đựng của riêng mình để múc.

Lyra cứ ngỡ gia đình này sẽ chủ yếu nhìn những người Gallivespia, nhưng sự hiếu kì của họ, cô nghĩ, cũng hướng vào bản thân cô và Will không kém cạnh gì. Cô bé không đợi quá lâu để hỏi lí do.

“Các vị là những người đầu tiên không đi cùng tử thần mà chúng tôi từng thấy,” người đàn ông, họ đã biết được rằng tên ông ta là Peter, nói. “Kể

từ khi chúng tôi tới đây lúc nào cũng vậy. Chúng tôi cũng giống các vị, chúng tôi tới đây trước khi phải chết, vì một sự tình cờ hay ngẫu nhiên nào đó. Chúng tôi phải đợi cho tới khi tử thần của mình nói cho biết rằng đã đến lúc.”

“Tử thần nói cho các vị biết ấy à?” Lyra ngạc nhiên.

“Phải. Chúng tôi phát hiện ra sau khi tới đây, ồ, với đa phần chúng tôi thì đã lâu lắm rồi, chúng tôi phát hiện ra rằng tất cả đều đưa thần chết đến cùng mình. Đây là nơi chúng tôi khám phá ra điều đó. Chúng tôi vẫn luôn có họ ở bên, chỉ là không biết đến thôi. Vậy đấy, mọi người đều có một tử thần. Hẳn đi khắp nơi với họ, xuyên suốt cuộc đời, như hình với bóng. Tử thần của chúng tôi đang ở bên ngoài hít thở không khí; họ sẽ sớm vào thôi. Tử thần của bà chúng tôi đang ở đây cùng với bà ấy, ngay bên cạnh, rất gần.”

“Có thần chết ở bên cạnh suốt như vậy không khiến mọi người sợ sao?” Lyra hỏi.

“Sao lại phải sợ chứ? Nếu hẳn ở đây, ta có thể để mắt tới hẳn. Tôi sẽ lo lắng hơn nhiều nếu không biết hẳn đang ở đâu.”

“Vậy tất cả mọi người đều có tử thần riêng của mình sao?” Will kinh ngạc hỏi.

“Hẳn rồi, ngay vào thời khắc ta sinh ra, tử thần đã xuất hiện trên thế gian này cùng với ta, và chính hẳn sẽ đưa ta ra khỏi đó.”

“Ồ,” Lyra thốt lên, “đó chính là điều chúng cháu cần biết, vì chúng cháu đang cố gắng tìm vùng đất của người chết mà không biết làm thế nào để tới được đó. Vậy thì khi chết ta sẽ đi đâu ạ?”

“Tử thần sẽ gõ lên vai hay cầm lấy tay ta rồi nói: Đi với ta, đến lúc rồi. Việc đó có thể xảy ra khi ta bị sốt, hoặc khi bị nghẹn bởi một mẩu bánh mì khô, hay khi rơi khỏi một tòa nhà cao tầng; giữa những đau đớn và cực nhọc, tử thần sẽ dịu dàng tới bên ta và nói: Thư giãn nào, thư giãn đi con của ta, đi cùng với ta nào; rồi ta sẽ đi cùng họ trên con thuyền băng qua mặt hồ mờ sương. Chuyện gì xảy ra ở đó thì chẳng ai biết được. Chưa từng có ai quay về.”

Người phụ nữ bảo một đứa bé gọi các tử thần vào, nó liền chạy vọt ra cửa nói chuyện với họ. Will và Lyra quan sát trong kinh ngạc, còn hai người Gallivespia thì ngồi sát lại với nhau khi các tử thần - mỗi tên ứng với một người trong gia đình - bước vào qua cánh cửa: những hình bóng nhạt nhòa, tầm thường trong bộ đồ rách rưới, đáng vẻ buồn tẻ, lặng lẽ và dờ dẩn.

“Đây là tử thần của các vị à?” Tialys hỏi.

“Vâng, thưa ông,” Peter đáp.

“Các vị có biết khi nào họ sẽ nói với các vị rằng đã đến lúc không?”

“Không. Nhưng biết được họ ở gần bên cạnh cũng là một niềm an ủi.”

Tialys không nói gì, nhưng rõ ràng ông không hề thấy việc đó có gì an ủi cả. Các tử thần lịch sự đứng dọc theo bức tường. Thật kì lạ khi thấy họ chiếm ít diện tích đến thế nào và ít gây chú ý ra sao. Chẳng mấy chốc Lyra và Will đã hoàn toàn không còn chú ý đến họ nữa, mặc dù Will nghĩ: Những kẻ mình đã giết - tử thần của họ vẫn luôn ở ngay bên cạnh - chỉ là họ không biết, và mình cũng không biết...

Người phụ nữ, Martha, múc món hầm lên những cái đĩa tráng men sứ mẻ, rồi để một ít vào một cái bát cho các tử thần chuyền tay nhau. Họ không ăn, nhưng mùi thơm là đủ khiến họ mãn nguyện. Lập tức cả gia đình và các vị khách đều ngấu nghiến ăn. Peter hỏi lũ trẻ chúng từ đâu tới và thế giới của chúng trông như thế nào.

“Cháu sẽ kể cho ông nghe tất cả,” Lyra nói.

Khi nói điều đó, khi đảm nhận công việc, phần nào trong cô cảm thấy một dòng chảy nhỏ đầy khoan khoái dâng lên trong lồng ngực giống như bong bóng rượu champagne. Cô biết rằng Will đang quan sát, và thấy hạnh phúc khi cậu có thể thấy cô đang làm việc mình giỏi nhất, làm vì cậu và vì tất cả bọn họ.

Cô bé bắt đầu bằng cách kể về cha mẹ mình. Họ là công tước và nữ công tước, rất quan trọng và giàu có, những người đã bị một kẻ thù chính trị lừa đẩy ra khỏi cơ ngơi của chính mình và bị tống vào tù giam. Nhưng hai người đã trốn thoát được nhờ trèo xuống một sợi dây thừng với đứa bé Lyra ẩm trong tay cha, sau đó họ chiếm lại được gia tài của gia đình mình nhưng

lại bị những kẻ ngoài vòng pháp luật tấn công và giết hại. Đáng ra Lyra cũng đã bị giết, bị nướng lên rồi ăn thịt, nếu Will không cứu cô trong gang tấc rồi đem cô về với bầy sói trong khu rừng nơi cậu được nuôi nấng như một thành viên của chúng. Khi còn là một đứa bé đỏ hỏn, cậu đã rơi ra khỏi thành tàu của bố mình rồi bị đánh dạt vào một bờ biển hoang vắng, nơi một con sói cái đã cho cậu bú và nuôi nấng cậu.

Đám người nhẹ dạ nuốt lấy từng lời từ câu chuyện vô nghĩa này, thậm chí cả các tử thần cũng túm tụm lại gần để nghe, ngồi xổm trên trường kỉ hoặc nằm dài ra sàn nhà cạnh đó, nhìn cô bé bằng những gương mặt dịu dàng và nhã nhặn của mình khi cô huyền thiên về sự tích cuộc đời cùng với Will ở trong rừng.

Cậu bé và Lyra lưu lại với bầy sói trong một thời gian rồi chuyển tới Oxford để làm việc trong nhà bếp của Học viện Jordan. Tại đó chúng gặp Roger, rồi khi những kẻ nung gạch sống ở Claybeds tấn công Jordan, chúng đã phải vội vã tháo chạy; vậy là cô bé, Will và Roger đánh cắp một chiếc thuyền dài của người du mục rồi lái nó xuống tới tận sông Thames, suýt nữa thì bị bắt lại tại Abingdon Lock, nhưng sau đó chúng bị lũ hải tặc ở Wapping đánh chìm và phải bơi lánh nạn tới một con tàu cao tốc ba cánh buồm vừa mới rời bến đi Hàng Châu ở Quốc Thái để buôn bán trà.

Trên chiếc tàu cao tốc, chúng đã gặp hai người Gallivespia, họ là những người lạ đến từ Mặt Trăng, bị một cơn gió dữ tợn tới từ Dải Ngân Hà thổi bạt xuống trái đất. Họ sống nương nhờ trong tổ quạ, cô bé, Will và Roger thường thay nhau trèo lên đó để gặp họ, nhưng một ngày Roger bị trượt chân và lao thẳng xuống Rừng của Davy Jones^[2].

Chúng cố gắng thuyết phục thuyền trưởng cho quay tàu lại để tìm cậu bé, nhưng hẳn ta là một kẻ hà khắc và dữ tợn, chỉ hứng thú với lợi nhuận mà mình nhận được khi cập bến Quốc Thái nhanh chóng, vậy là hẳn xích chúng lại. Nhưng những người Gallivespia đã mang tới cho chúng một cái giũa, và...

Cứ như thế. Cứ thỉnh thoảng cô bé lại quay sang Will hay các mật thám để xác nhận, và Salmakia sẽ mắm muối thêm một hai chi tiết, hay Will sẽ

gật gù, thế là câu chuyện tự thối bùng lên thành lũ trẻ và những người bạn đến từ Mặt Trăng của chúng phải tìm đường tới miền đất của người chết để tìm hiểu bí mật về nơi gia tài của gia đình được chôn giấu từ cha mẹ của cô bé.

“Nếu chúng cháu biết về tử thần của mình, tại đất nước của mình,” cô nói, “giống như các vị ở đây, có lẽ mọi việc sẽ dễ dàng hơn; nhưng cháu nghĩ chúng cháu thật sự rất may mắn mới tìm được đường đến đây, nhờ vậy mới có được lời khuyên của các vị. Cảm ơn mọi người rất nhiều vì đã rất tử tế lắng nghe cháu, và vì cho chúng cháu dùng bữa, thật sự rất ngon ạ.

“Nhưng các vị thấy đấy, điều cần thiết bây giờ, hoặc có lẽ là vào buổi sáng, là chúng cháu cần phải tìm lối đi băng qua mặt nước nơi những người chết đi qua, để xem xem liệu mình cũng có thể tới đó hay không. Có con thuyền nào mà chúng cháu có thể kiêu như thuê được không?”

Trông họ có vẻ hồ nghi. Lũ trẻ với gương mặt tỏ rõ sự mệt mỏi, ngái ngủ nhìn hết người lớn này đến người lớn khác, nhưng chẳng ai gợi ý được ra nơi chúng có thể kiếm một con thuyền cả.

Đúng lúc đó vọng lại một giọng nói chưa từng cất lên. Từ sâu dưới đồng chăn mền trong góc nhà phát ra một giọng mũi khô khốc, vỡ vụn - không phải giọng phụ nữ - không phải giọng người sống: Đó là giọng tử thần của bà cụ.

“Cách duy nhất để vượt qua được hồ và tới vùng đất của người chết,” hần nói, hần đang tựa lên cùi chỏ và trở một ngón tay xương xẩu vào Lyra, “là đi cùng với tử thần của mình. Các vị phải gọi thần chết của mình đến. Ta có nghe nói về những người như các vị, những kẻ xưa không cho tử thần đến gần. Các vị không thích họ, và vì phép lịch sự họ cũng tránh mặt đi. Nhưng họ không ở xa đâu. Các vị cứ quay đầu thì các tử thần sẽ né ra sau. Các vị nhìn thì họ sẽ trốn. Họ có thể trốn trong tách trà. Hay trong một giọt sương. Hoặc trong hơi thở của gió. Không giống như tôi và cụ Magda đây,” hần nói rồi nhéo gò má tiêu tụy của bà lão, bà liền gạt tay hần đi. “Chúng tôi sống cùng nhau trong tình thân ái và hữu nghị. Đó là câu trả lời, vậy đấy, đó là

việc các vị phải làm, hãy chào đón, kết bạn, tử tế, mời tử thần của mình lại gần, rồi xem mình có thể thuyết phục họ đồng ý làm điều gì.”

Những lời lẽ của hắn như những tảng đá nặng nề rơi vào tâm trí của Lyra, cả Will cũng cảm thấy sức nặng trĩu của chúng.

“Chúng tôi phải làm việc đó như thế nào?” Cậu bé hỏi.

“Cậu chỉ cần mong muốn điều đó thôi, vậy là xong.”

“Gượm đã,” Tialys kêu lên.

Mọi con mắt đều đổ dồn lên ông ta, những tử thần đang nằm trên sàn ngồi dậy để hướng khuôn mặt hiền hòa vô hồn của mình về phía gương mặt nhỏ xíu đầy nhiệt huyết của ông. Ông ta đang đứng sát với Salmakia, một tay đặt lên vai bà. Lyra có thể đoán được ông đang nghĩ gì: Ông sắp nói rằng chuyện này đã đi quá xa, họ phải quay về, họ đang đẩy sự ngu xuẩn này đến mức độ thiếu trách nhiệm.

Cô bé liền cắt ngang. “Xin thứ lỗi,” cô nói với người đàn ông tên Peter, “nhưng cháu và ông bạn hiệp sĩ phải ra ngoài một chút, vì ông ấy cần trao đổi với bạn bè mình trên Mặt Trăng thông qua thiết bị đặc biệt của cháu, chúng cháu sẽ không đi lâu đâu.”

Nói rồi cô cẩn thận nhắc ông ta lên, tránh chạm vào cửa độc, rồi đưa ông ra ngoài màn đêm, nơi một miếng tôn mũi lỏng lẻo bị gió lạnh quật, tạo ra âm thanh đầy u uất.

“Cô phải dừng lại đi,” ông nói khi được cô bé đặt lên một thùng dầu nằm ngửa, trong ánh sáng tờ mờ của bóng đèn điện đang đu đưa trên dây cáp phía trên đầu. “Đi xa thế này là đủ rồi. Dừng làm quá nữa.”

“Nhưng chúng ta đã thỏa thuận rồi mà,” Lyra nói.

“Không, không. Không đến mức như thế này.”

“Được thôi. Vậy thì đi đi. Hai người bay về đi. Will có thể cắt một ô cửa sổ vào thế giới của các ông, hay bất cứ thế giới nào ông muốn, rồi hai người có thể bay qua và được an toàn, không sao hết, chúng tôi không phiền đâu.”

“Cô có nhận ra mình đang làm gì không?”

“Có chứ.”

“Không đâu. Cô chỉ là một đứa trẻ dối trá vô trách nhiệm và không biết suy nghĩ. Trí tưởng tượng đến quá dễ dàng nên bản tính của cô rối rắm toàn những dối trá, thậm chí cô còn không thừa nhận sự thật ngay cả khi bị nó nhìn thẳng vào mặt. Được rồi, nếu cô không thấy được thì để tôi nói thẳng cho mà nghe: Cô không thể, cô không được liều lĩnh với tử thần. Hai cô cậu phải đi về cùng chúng tôi ngay. Tôi sẽ gọi Ngài Asriel và chỉ vài tiếng sau chúng ta sẽ được an toàn trong pháo đài của ông ấy.”

Lyra cảm thấy một cơn nghẹn vì phần uất đang lớn dần trong lồng ngực, cô giậm chân thành thịch, không thể giữ bình tĩnh.

“Ông *chẳng* biết gì hết,” cô hét lên, “ông đâu có biết trong đầu tôi hay trong tim tôi có gì đúng không? Tôi không biết liệu dân tộc ông có bao giờ có con cái hay không, có khi các người đẻ *trứng* hay gì đấy, tôi sẽ chẳng ngạc nhiên đâu, vì các người chẳng tử tế chút nào, các người không rộng lượng, không ý tứ - các người thậm chí cũng không *tàn nhẫn* - sẽ tốt hơn nhiều nếu các người tàn nhẫn vì như thế có nghĩa là các người coi trọng chúng tôi, các người không phải chỉ đi theo chúng tôi khi thấy tiện cho mình... Ôi, giờ thì tôi hoàn toàn không thể tin tưởng các ông được nữa rồi! Các ông hứa sẽ giúp và chúng ta sẽ cùng làm, nhưng giờ lại muốn ngăn chúng tôi - *ông* mới là người dối trá đó, Tialys ạ!”

“Tôi sẽ không để cho con cái tôi nói với mình bằng cái giọng xấc láo của quyền mà cô đang nói, Lyra ạ - tại sao tôi không trừng phạt các người từ trước nhỉ...”

“Vậy thì làm đi! Trừng phạt tôi đi, vì ông *có thể* mà! Chọc cái cựa chết tiệt của ông mạnh vào, làm đi! Tay tôi đây này - làm đi! Ông *chẳng* biết trong tim tôi có gì, cái đồ ích kỉ kiêu ngạo - ông *chẳng* có tí khái niệm nào về việc tôi cảm thấy đau buồn, xấu xa và tiếc nuối thế nào với người bạn Roger của mình - ông giết người cũng giống *như thế*,” cô búng ngón tay, “họ *chẳng* có ý nghĩa gì với ông - nhưng với tôi, việc không thể nói lời tạm biệt với Roger là một điều dằn vặt và đau đớn, tôi còn muốn nói lời xin lỗi, thành tâm nhất có thể - ông sẽ không bao giờ hiểu được điều đó, vì ông kiêu

hãnh lắm, ông trưởng thành tài giỏi lắm - nếu phải *chết* để làm được điều thích đáng thì tôi sẽ làm, và vui mừng được làm điều đó. Tôi đã chứng kiến những điều còn tồi tệ hơn thế. Nên ông muốn giết tôi, tên hà khắc, hùng mạnh, kẻ mang độc, gã hiệp sĩ, ông làm đi, giết tôi đi. Như thế tôi và Roger có thể chơi đùa tại vùng đất của người chết mãi mãi, và cười vào mặt ông, kẻ đáng thương ạ.”

Việc Tialys có thể đã làm sau đó không khó để đoán được, vì từ đầu đến chân ông ta phùng phùng cơn thịnh nộ mãnh liệt, cả người run lên; nhưng ông ta chưa kịp di chuyển thì một giọng nói vang lên sau lưng Lyra, khiến cả hai cảm thấy một cơn ớn lạnh bao trùm lên người. Lyra quay lại, biết sẵn mình sẽ thấy điều gì nhưng vẫn kinh hãi dù có cố tỏ ra can đảm.

Tên tử thần đứng ngay cạnh đó mỉm cười hiền hòa, gương mặt hân hoan giống hệt những tên khác mà cô đã nhìn thấy; nhưng đó là thần chết của cô, của riêng mình cô, Pantalaimon nằm trong ngực áo tru lên và run rẩy, hình dạng chồn ermine của nó quấn quanh cổ cô bé, cố gắng đẩy cô ra xa khỏi tên tử thần. Làm thế chỉ khiến bản thân nó bị đẩy gần lại, khi nhận ra điều đó, nó lại dúi người vào cô bé, vào cái cổ ấm áp của cô và nhịp đập khỏe mạnh từ trái tim cô.

Lyra ghì chặt lấy con linh thú rồi đối diện trực tiếp với tử thần. Cô bé chẳng thể nhớ nổi hẳn nói gì, qua khóe mắt cô có thể thấy Tialys đang gấp gáp chuẩn bị chiếc máy cộng hưởng đá nam châm.

“Ông là tử thần của tôi đúng không?” Cô hỏi.

“Phải, cô bé yêu quý ạ,” hắn nói.

“Ông chưa định dẫn tôi đi đấy chứ?”

“Cô gọi ta mà. Ta vẫn luôn ở đây.”

“Phải, nhưng... Đúng là tôi có làm vậy, nhưng... Tôi muốn tới vùng đất của người chết, điều đó là thật. Nhưng không phải để chết. Tôi không muốn chết. Tôi muốn sống, tôi yêu linh thú của tôi, mà... Linh thú không xuống dưới đó đúng không? Tôi đã thấy chúng tan biến và tắt phụt đi như ngọn nến khi người ta chết. Ở vùng đất của người chết có linh thú không?”

“Không,” hắn đáp. “Linh thú của cô tan biến vào không khí, còn cô thì biến mất xuống lòng đất.”

“Vậy thì tôi muốn đem linh thú của mình đi cùng khi tới vùng đất của người chết,” cô kiên quyết nói. “Sau đó tôi muốn quay lại. Đã từng có ai làm như vậy chưa?”

“Chưa từng có ai trong rất nhiều, rất nhiều năm rồi. Cô bé ạ, rốt cuộc thì cô cũng sẽ đến được vùng đất của người chết mà chẳng tốn chút công sức nào, không cần mạo hiểm, một cuộc hành trình an toàn và êm đềm, với tử thần bầu bạn, người bạn đặc biệt luôn hết lòng tận tâm của cô, người vẫn luôn bên cạnh cô trong từng khoảnh khắc của cuộc đời, người biết cô rõ hơn cả bản thân cô...”

“Nhưng *Pantalaimon* mới chính là người bạn đặc biệt và tận tụy của tôi! Tôi không biết ông, Tử thần ạ, tôi biết Pan và tôi yêu Pan, nếu cậu ấy có bao giờ - nếu chúng tôi có bao giờ...”

Tử thần gật đầu. Hắn tỏ ra quan tâm và thân mật, nhưng không giây phút nào cô có thể quên được bản chất của hắn: Tử thần của chính cô, hắn đang ở rất gần.

“Tôi biết nếu đi bây giờ sẽ cần nỗ lực rất lớn,” cô bé nói bình tĩnh hơn, “lại nguy hiểm nữa, nhưng tôi muốn, Tử thần ạ, tôi thật sự muốn đi. Cả Will cũng vậy. Cả hai chúng tôi đều có người thân yêu bị đưa đi quá sớm, và chúng tôi cần phải sửa lỗi, ít nhất là tôi.”

“Tất cả mọi người đều ước họ có thể lại được nói chuyện với những người đã bước sang mảnh đất của người chết. Tại sao lại phải có ngoại lệ cho cô chứ?”

“Bởi vì,” cô nói dối, “bởi vì có một việc tôi cần phải làm ở đó, không chỉ là để gặp Roger bạn tôi, một việc khác. Đó là một nhiệm vụ tôi được một thiên thần giao cho, không ai có thể làm việc đó ngoại trừ tôi. Nó quá quan trọng để có thể đợi đến khi tôi chết theo cách tự nhiên, nó cần phải được thực hiện ngay bây giờ. Vậy đấy, thiên thần đã *ra lệnh* cho tôi. Đó là lí do chúng tôi tới đây, tôi và Will. Chúng tôi buộc phải làm vậy.”

Phía sau lưng cô, Tialys đã cất chiếc máy của mình đi và đang ngồi quan sát đứa trẻ nài xin tử thần của chính mình để được đưa tới nơi không ai nên tới.

Tử thần gãi đầu rồi giơ hai tay lên, nhưng chẳng điều gì có thể ngăn nổi những câu nói của Lyra, không gì có thể làm chệch hướng khao khát của cô, thậm chí cả nỗi sợ: Cô đã chứng kiến những điều còn tồi tệ hơn cái chết, cô quả quyết như vậy, và quả thật là như vậy.

Vậy nên cuối cùng tử thần của cô bé cũng nói:

“Nếu không có gì có thể khuyên ngăn cô thì tất cả những gì ta có thể nói là: Đi với ta, ta sẽ đưa cô tới đó, vào vùng đất của người chết. Ta sẽ là người dẫn đường cho cô. Ta sẽ chỉ cho cô lối vào, nhưng còn để đi ra thì cô sẽ phải tự tìm cách.”

“Cả các bạn của tôi nữa,” Lyra nói. “Will bạn tôi và những người khác.”

“Lyra,” Tialys nói, “bất chấp mọi bản năng của mình, chúng tôi vẫn sẽ đi với hai cô cậu. Vài phút trước tôi đã rất bực mình với cô. Nhưng cô khiến mọi việc thật khó khăn...”

Lyra biết rằng đã đến lúc cần giảng hòa, và cô sẵn sàng làm vậy vì đã có được thứ mình muốn.

“Vâng,” cô nói, “tôi xin lỗi, Tialys, nhưng nếu ông không nổi giận thì chúng ta đã chẳng bao giờ tìm được quý ông này để dẫn đường cho mình. Nên tôi rất mừng vì các ông đã ở đây, ông và công nương, tôi thật sự rất biết ơn vì hai người đã ở bên chúng tôi.”

Vậy là Lyra đã thuyết phục tử thần của mình dẫn đường cho cô và những người khác vào miền đất nơi Roger đã đến, cả bố của Will, Tony Makarios, và rất nhiều người khác. Tử thần của cô bé dặn cô xuống cầu tàu khi tia sáng đầu tiên chạm vào bầu trời và chuẩn bị lên đường.

Nhưng Pantalaimon vẫn đang run lấy bầy, chẳng có gì Lyra làm có thể xoa dịu được cơn run rẩy hay làm lặng những tiếng rên rỉ khe khẽ mà con linh thú không thể ngăn mình thốt lên. Do vậy giấc ngủ của cô trở nên chập

chờn không sâu, trên sàn căn lều cùng với tất cả những người khác, cùng với
tử thần của mình ngồi thao thức bên cạnh.

20

Leo

*Tôi đạt được nó,
Bằng cách leo chậm,
Bám những cành non mọc rậm
Giữa Hạnh phúc - và tôi.
Emily Dickinson*

Người mulefa làm ra rất nhiều loại dây thừng và dây chèo, Mary đã dành nguyên một buổi sáng để xem xét và kiểm tra những cuộn mà gia đình Atal có sẵn trong kho trước khi chọn được cái mình muốn. Nguyên lí xoắn vặn và cuộn lại không phổ biến ở thế giới của họ nên tất cả các sợi dây thừng và chèo đều được tết; nhưng chúng rất khỏe và linh hoạt, nhờ vậy mà Mary không tốn nhiều thời gian để tìm được chính xác loại mà mình cần.

Bà đang làm gì vậy? Atal hỏi.

Người mulefa không có từ nào chỉ việc *leo trèo*, vì vậy Mary phải làm đủ kiểu động tác và giải thích lòng vòng. Atal sợ chết khiếp.

Đi lên phần phía trên cao của cây á?

Tôi phải thấy được chuyện gì đang xảy ra, Mary giải thích. Giờ cô có thể giúp tôi chuẩn bị dây thừng.

Có lần ở California, Mary đã gặp một nhà toán học dành mọi cuối tuần để leo lên giữa các thân cây. Mary đã có chút kinh nghiệm leo vách đá, bà

thèm khát lắng nghe ông kể về các kĩ thuật và trang thiết bị, và quyết định sẽ tự mình thử làm ngay khi có cơ hội. Đương nhiên, bà không bao giờ nghĩ mình lại sẽ trèo cây ở một vũ trụ khác, mà việc leo một mình cũng không hấp dẫn lắm, nhưng chẳng còn cách nào khác cả. Điều bà có thể làm là chuẩn bị sao cho việc đó được diễn ra an toàn nhất có thể.

Bà lấy một cuộn đủ dài để với qua một trong những cành cây của một thân cây cao và chạm xuống đến mặt đất, lại đủ khỏe để chịu vài lần sức nặng của mình. Sau đó bà cắt lấy một số lượng lớn những mẫu ngắn của sợi dây chao nhỏ hơn nhưng rất bền và tạo ra các dây đeo từ chúng: những cái vòng ngắn được thắt bằng nút nối dây câu, có thể làm chỗ bám tay và giữ chân khi buộc vào sợi dây chính.

Tiếp đó là đến vấn đề làm sao đưa được sợi dây lên qua cành cây. Sau một hoặc hai tiếng đồng hồ thử nghiệm với vài sợi dây tốt chắc chắn và một đoạn cành cây đàn hồi, bà đã làm ra được một cây cung; con dao xếp Thụy Sĩ gọt lấy vài mũi tên, lá cứng thay thế cho lông vũ để giúp tên bay ổn định; và cuối cùng, sau một ngày làm việc, Mary đã sẵn sàng bắt đầu công việc. Nhưng mặt trời đã gần lặn còn đôi tay bà đã mỏi rã rời, bà ăn rồi ngủ trong lo lắng, trong lúc những người mulefa thảo luận không ngừng về bà trong tiếng thì thầm du dương.

Vừa sáng ra, bà đã lên đường đi bắn mũi tên lên một cành cây. Một vài người mulefa tụ tập lại, vừa xem vừa lo lắng cho sự an toàn của bà. Việc leo trèo thật quá xa lạ với những sinh vật gắn bánh xe, đến mức cứ nghĩ tới nó là họ sợ phát khiếp.

Sâu trong thâm tâm, Mary cũng hiểu cảm giác của họ. Bà nuốt chửng sự lo lắng của mình rồi buộc một đầu của sợi dây mảnh nhất, nhẹ nhất vào tên của mình, sau đó dùng cung phóng nó bay lên trên.

Bà để mất mũi tên đầu tiên: Nó cắm vào lớp vỏ cây ở lưng chừng mà không chịu rời ra. Bà cũng làm mất mũi tên thứ hai, vì mặc dù nó đã bay qua được cành cây nhưng lại không rơi xuống đủ xa để chạm tới mặt đất ở phía bên kia, và trong lúc kéo ngược trở lại, bà đã làm mắc và khiến nó gãy đôi.

Sợi dây dài rơi ngược trở lại với cán mũi tên gãy. Bà bèn thử lại với mũi tên thứ ba và cũng là cuối cùng, lần này bà đã thành công.

Vừa cẩn thận và đều đặn kéo để không làm toạc sợi dây, bà kéo sợi thừng đã chuẩn bị sẵn lên qua cành cây cho tới khi cả hai đầu đều nằm trên mặt đất. Rồi bà buộc thật chặt cả hai đầu vào một nhánh rẽ cây khổng lồ, dày không kém gì eo mình, và nghĩ vậy là khá chắc chắn rồi. Tốt hơn hết là nên như thế. Đương nhiên, điều mà bà không thể đoán được từ dưới mặt đất là mọi thứ, bao gồm cả bà, sẽ phụ thuộc vào loại cành cây như thế nào. Không giống như leo lên đá khi mà cứ vài mét ta lại có thể buộc dây vào những cái chốt trên bề mặt vách núi, nên nếu có cũng chỉ bị rơi trong một khoảng ngắn, công việc này lại dùng một sợi dây rất dài không cố định, nên nếu có trục trặc thì sẽ bị rơi rất xa. Để củng cố thêm cho mình đôi chút, bà bện ba sợi dây thừng nhỏ lại với nhau thành một bộ yên cương rồi thông nó qua cả hai đầu tự do của sợi dây chính bằng một nút thắt lỏng, như vậy bà có thể thắt chặt lại khi nào bắt đầu bị trượt.

Mary đặt chân vào vòng dây đeo đầu tiên rồi bắt đầu leo.

Bà lên tới vòm cây trong khoảng thời gian ngắn hơn dự tính. Quá trình leo rất suôn sẻ, sợi dây trên tay không hề làm bà đau, và mặc dù vẫn chưa muốn nghĩ tới việc đứng lên cành cây đầu tiên, bà nhận ra rằng các rãnh sâu trên vỏ cây đã tạo ra điểm tựa vững vàng và khiến bà thấy an tâm. Trên thực tế, chỉ mười lăm phút sau khi rời khỏi mặt đất, bà đã đứng trên cành cây đầu tiên và tính toán lộ trình cho cành tiếp theo.

Bà mang theo hai cuộn dây thừng khác bên mình, dự định tạo ra một mạng lưới những sợi dây cố định để thay thế cho chốt, mấu neo, “bạn bè” và các dụng cụ bằng sắt cần thiết khác khi leo lên bề mặt đá. Buộc chúng vào đúng nơi ngấn của bà thêm vài phút, sau khi đã buộc cơ thể cố định, bà chọn lấy một cành trông có vẻ triển vọng nhất, cuộn lại sợi dây còn dư rồi bắt đầu leo.

Sau mười phút cẩn thận leo, bà thấy mình đã vào đúng phần rậm rạp nhất của vòm cây. Bà có thể với tới những chiếc lá dài và miết chúng qua

bàn tay; bà thấy hoa ở khắp nơi, trắng nhờ và nhỏ đến mức kì quặc, mỗi bông lại nuôi dưỡng một thứ nhỏ xíu cỡ đồng xu mà sau đó sẽ trở thành một trong những cái vỏ hạt vĩ đại cứng như sắt.

Bà tới một vị trí thoải mái nơi chạc ba nhánh cây chụm lại, buộc chặt dây, thít lại bộ cương, rồi nghỉ ngơi.

Qua những khe hở của tán lá, bà có thể thấy mặt biển xanh trong, lấp lánh đến tận chân trời; còn ở hướng còn lại qua vai phải, bà có thể thấy những đồi cỏ thấp màu nâu vàng nối nhau trùng điệp, với những dải đường cao tốc nằm vắt ngang qua.

Một cơn gió nhẹ lan tỏa hương thơm thoang thoảng từ những bông hoa và lung lay tán lá cứng, Marry tưởng tượng ra một tấm lòng cao cả mơ hồ nhưng lớn lao, giống như một đôi tay khổng lồ, nâng đỡ lấy bà. Trong lúc nằm trên chạc ba của những cành cây khổng lồ, bà cảm thấy một niềm sung sướng mà trước đó mới chỉ biết tới đúng một lần; và đó không phải là khi bà thề nguyện trước bốn phận của một nữ tu.

Cuối cùng, bà bị kéo trở lại trạng thái tinh thần bình thường bởi một cơn chuột rút tại mắt cá chân bên phải, cái chân đang tựa một cách khó nhọc trong khúc ngoặt của chạc ba. Bà duỗi chân cho đỡ đau rồi hướng sự chú ý vào công việc, vẫn còn choáng váng vì cảm giác lâng lâng vui sướng đang bao lấy mình.

Bà đã giải thích với những người mulefa rằng mình phải giữ cho những tấm sơn nhựa cây sao cho chúng cách nhau một gang bàn tay thì mới có thể nhìn được sraf; lập tức họ hiểu ra vấn đề và chế ra một ống tre ngắn, cố định hai tấm nhựa màu hổ phách vào mỗi đầu giống như một cái kính viễn vọng. Chiếc ống nhòm này được cho vào túi trên ngực áo của bà và giờ thì bà đã lấy nó ra. Khi nhìn qua đó, bà thấy những hạt vàng lấp lánh trôi nổi đó, sraf, Bóng, Bụi của Lyra, tựa như đám mây miên man những sinh vật tí hon đang lơ lửng trong gió. Phần lớn chúng bồng bềnh một cách ngẫu nhiên như những hạt bụi trong một vệt nắng chiếu, hay những phần tử trong một cốc nước.

Phần lớn.

Nhưng càng nhìn bà lại bắt đầu thấy được một dạng vận động khác. Bên dưới sự trôi dạt ngẫu nhiên là một chuyển động sâu lắng hơn, chậm rãi hơn, toàn diện hơn, từ đất liền hướng ra biển cả.

Ồ, thật là thú vị. Sau khi buộc chặt người vào một trong những sợi dây cố định, bà bò ra ngoài trên một cành cây nằm ngang, quan sát thật kĩ tất cả những chóp hoa mà mình có thể nhìn thấy. Chẳng mấy chốc bà đã bắt đầu hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Bà quan sát và chờ đợi cho tới khi hoàn toàn chắc chắn, rồi bắt đầu quá trình trèo xuống đây thận trọng, lâu la, và căng thẳng.

Mary thấy những người mulefa trong trạng thái hoảng sợ sau khi đã phải chịu đựng hàng ngàn mối lo cho người bạn đang ở quá xa mặt đất.

Atal đặc biệt cảm thấy nhẹ nhõm, cô dùng vôi sờ khắp người bạn mình, phát ra những tiếng rít khe khẽ vì vui sướng khi thấy bà an toàn, rồi nhanh chóng chở bà xuống khu định cư cùng với hơn một chục người khác.

Ngay khi họ vừa vượt qua đỉnh đồi, lệnh triệu tập đã được phát ra cho những người ở trong làng, rồi đến lúc họ tới được khu đất diễn thuyết, đám đông đã dày đặc đến mức Mary đoán trong đó có nhiều vị khách từ những nơi khác, đến để nghe bà phát biểu. Bà ước gì mình có tin tức tốt hơn cho họ.

Vị zalif già, Sattamax, bước lên bục rồi nồng nhiệt chào đón bà, bà đáp lại bằng toàn bộ phép lịch sự theo kiểu mulefa mà mình có thể nhớ được. Sau khi việc chào hỏi kết thúc, bà bắt đầu cất tiếng.

Vừa ngắc ngứ vừa diễn đạt dài dòng, bà nói:

Các bạn yêu quý của tôi, tôi đã ở trong vòm lá cao tại rừng cây của các bạn để quan sát kĩ càng những chiếc lá đang phát triển, những bông hoa mới chớm với các vỏ hạt.

Tôi thấy được rằng có một dòng chảy sraf ở cao trên những ngọn cây, bà nói tiếp, nó di chuyển ngược gió. Không khí đang thổi vào đất liền từ

phía biển, nhưng sraf lại chậm rãi di chuyển ngược chiều với nó. Các bạn có thấy được điều đó từ mặt đất không? Vì tôi thì không thể.

Không, Sattamax đáp. Đây là lần đầu tiên chúng tôi nghe nói về điều đó.

Vâng, bà tiếp tục, rừng cây đang lọc những hạt sraf khi chúng đi qua đó, một số bị những bông hoa thu hút. Tôi có thể thấy việc đó xảy ra: Những bông hoa nở hướng lên trên, nếu sraf rơi thẳng xuống, nó sẽ chui vào các cánh hoa và thụ phấn cho chúng giống như phấn hoa từ những ngôi sao vậy.

Nhưng sraf lại không rơi xuống, nó đang trôi ra phía biển. Khi một bông hoa tình cờ hướng vào đất liền, sraf có thể chui vào đó. Đó là lí do vẫn có một số vỏ hạt đang phát triển. Nhưng phần lớn trong số chúng lại hướng lên trên, và sraf cứ thế trôi qua mà không chui vào được. Những bông hoa hẳn đã tiến hóa theo cách đó bởi vì trong quá khứ, tất cả sraf đều rơi thẳng xuống. Có điều gì đó đã xảy ra với những hạt sraf chứ không phải với đám cây. Ta chỉ có thể nhìn thấy dòng chảy đó từ trên cao, đó là lí do các bạn chưa từng biết về nó.

Vậy nên nếu muốn cứu những cái cây, và sự sống của người mulefa, chúng ta phải tìm ra lí do vì sao sraf lại hoạt động như vậy. Tôi vẫn chưa nghĩ ra cách nào, nhưng tôi sẽ cố gắng.

Bà thấy nhiều người trong số họ rướn cổ nhìn lên dòng vận động của Bụi. Nhưng từ dưới mặt đất thì chẳng nhìn thấy được gì: Bà cũng tự nhìn qua ống nhòm nhưng tất cả những gì thấy được chỉ là một màu xanh tuyệt đối của bầu trời.

Họ trao đổi trong một lúc lâu, cố gắng nhớ lại bất cứ lần nào luồng gió sraf được nhắc đến trong các truyền thuyết và lịch sử của mình, nhưng chẳng có gì. Tất cả những gì họ biết được là sraf tới từ những ngôi sao, vẫn luôn như vậy từ trước tới giờ.

Cuối cùng họ hỏi xem liệu bà có ý tưởng nào nữa không, và bà đáp:

Tôi cần phải quan sát nhiều hơn. Tôi phải tìm ra liệu luồng gió có luôn đi theo hướng đó hay nó thay đổi giống như các dòng khí lưu giữa ngày và đêm. Thế nên tôi cần thêm thời gian trên những ngọn cây, phải ngủ trên đó

để quan sát vào ban đêm nữa. Tôi sẽ cần đến sự trợ giúp của các bạn để dựng một kiểu thềm nghỉ, như vậy mới có thể an toàn mà ngủ được. Nhưng chúng ta thật sự phải quan sát nhiều hơn nữa.

Những người mulefa, rất thực tế và nôn nóng muốn tìm hiểu, lập tức đề nghị giúp bà xây bất cứ thứ gì bà cần. Họ biết các kĩ thuật sử dụng ròng rọc và dây kéo, ngay lập tức một người đã gợi ý một cách dễ dàng nâng Mary lên vòm cây để bà không phải leo lên leo xuống mỗi lần.

Mừng rỡ vì có việc gì đó để làm, họ tức thì bắt tay vào việc thu thập vật liệu, bện rồi thắt rồi buộc các thanh xà, dây thừng, dây thép dưới sự chỉ đạo của bà, và tập hợp mọi thứ bà cần cho một thềm quan sát trên ngọn cây.

Sau khi nói chuyện với cặp đôi lưỡng tuổi bên rừng cây olive, Cha Gomez đã để mất dấu. Hắn ta mất vài ngày tìm kiếm và hỏi han khắp mọi phương hướng, nhưng người phụ nữ dường như đã hoàn toàn biến mất.

Hắn sẽ không bao giờ bỏ cuộc, dù cho tình hình thật khiến người ta nản lòng; thập tự giá trên cổ và khẩu súng trường sau lưng là bằng chứng kếp về sự quyết tâm tuyệt đối của hắn trong việc hoàn thành nhiệm vụ.

Nhưng đáng ra hắn đã phải mất thời gian hơn nhiều, nếu không nhờ có sự khác biệt về thời tiết. Thế giới mà hắn đang ở nóng nực và khô ráo, khiến hắn ngày càng cảm thấy khát nước; khi thấy một mảng ướt trên tảng đá ở đỉnh một sườn núi, hắn đã leo lên để xem liệu trên đó có dòng suối nào không. Chẳng có dòng suối nào cả, nhưng tại thế giới của loài cây vỏ bánh xe vừa diễn ra một trận mưa rào; nhờ vậy mà hắn ta khám phá ra ô cửa sổ, và tìm ra nơi Mary đã tới.

21

Nhân điều^[8]

Tôi ghét những thứ hoàn toàn là hư cấu... Một nền tảng

dựa trên sự thật luôn luôn là cần thiết.

Byron

Cả Lyra và Will đều tỉnh giấc với một nỗi kinh hoàng đè nặng: Cảm giác giống như một tên tù bị buộc tội vào buổi sáng ngày hành quyết vậy. Tialys và Salmakia đang chăm sóc hai con chuồn chuồn của mình, mang đến cho chúng nào là bướm đêm bị buộc dây gần bóng đèn mạch trên thùng dầu phía bên ngoài, ruồi cắt ra từ mạng nhện, rồi đến nước trong một cái đĩa thiếc. Khi thấy biểu hiện trên gương mặt của Lyra và cái cách mà Pantalaimon trong dạng chuột ép sát vào ngực áo cô, Công nương Salmakia bỏ dở công việc mình đang làm để tới nói chuyện với cô bé. Trong lúc đó, Will rời khỏi căn lều để đi lang thang ngoài trời.

“Cô vẫn còn có thể quyết định khác đi mà,” Salmakia nói.

“Không, chúng tôi không thể. Chúng tôi đã quyết rồi,” Lyra nói, cùng lúc vừa bưng bình vừa sợ hãi.

“Nếu chúng ta không trở về được thì sao?”

“Các vị không cần phải đi mà,” Lyra nhấn mạnh.

“Chúng tôi sẽ không bỏ rơi hai người đâu.”

“Vậy nếu các vị không trở về được thì sao?”

“Vậy thì chúng tôi đã hi sinh vì một điều gì đó quan trọng.”

Lyra không nói gì. Cô bé chưa từng thực sự để ý đến vị công nương; nhưng giờ thì cô có thể thấy bà rất rõ trong ánh sáng ám khói của cây đèn dầu đặt trên chiếc bàn cách đó chỉ một sai tay. Gương mặt bà điềm đạm và hiền hòa, không xinh đẹp, nhưng lại chính là gương mặt mà ta sẽ mừng rỡ khi được thấy nếu đang bị ốm hay bất hạnh hoặc sợ hãi. Giọng bà trầm ấm và đầy biểu cảm, với dòng chảy cười vui và hạnh phúc bên dưới bề mặt trong trẻo. Trong suốt cả cuộc đời mà cô có thể nhớ được, Lyra chưa từng được đọc truyện cho trước khi đi ngủ; chưa từng có ai kể chuyện cho cô hay hát cho cô nghe những khúc hát ru trước khi hôn cô rồi tắt đèn đi. Nhưng lúc này, cô đột nhiên nghĩ rằng, nếu có một giọng nói nào có thể bao bọc ta trong an yên và sưởi ấm ta bằng tình yêu, đó sẽ là một giọng nói giống như của Công nương Salmakia, và cô thấy tim mình thầm ước có được một đứa trẻ của riêng mình, để rồi một ngày nào đó được ru, được dỗ dành, được hát cho nó nghe bằng một chất giọng như thế.

“Vâng,” Lyra nói, thấy cổ mình như nghẹn lại, nên cô nuốt nước miếng rồi nhún vai.

“Rồi ta sẽ biết,” công nương nói rồi quay lại với công việc.

Sau khi đã ăn xong lát bánh mì khô mỏng dính và uống thứ trà đắng ngắt vốn là tất cả những gì người ta có để cung cấp, họ cảm ơn các vị chủ nhà, lấy hành lí rồi lên đường băng qua thị trấn tồi tàn để đến bờ hồ. Lyra nhìn quanh tìm tử thần của mình, và quả thật, ông ta đang ở đó, lịch sự bước đi trước đó không xa; ông ta không muốn lại gần, nhưng vẫn luôn quay lại nhìn để xem họ có đi theo hay không.

Ngày hôm đó bị bao phủ bởi một màn sương u ám. Trông nó giống lúc sấm tối hơn là ban ngày, những bóng ma và cột sáng của sương mù dâng lên đầy u sầu từ những vũng nước nhỏ trên đường đi, hay bám riết lấy những sợi cáp mạch lơ lửng trên đầu như những kẻ si tình tuyệt vọng. Họ không thấy một bóng người nào, có vài tử thần, nhưng những con chuồn chuồn bay lướt qua bầu không khí ẩm ướt như thể đang khâu mọi thứ lại với nhau bằng

những sợi chỉ vô hình, và ngắm nhìn những sắc màu tươi sáng của chúng vụt qua vụt lại cũng trở thành một niềm vui thích.

Không lâu sau họ đã tới rìa của khu định cư, rồi men theo một dòng suối chảy lờ đờ qua những bụi cây cần cỗi trơ ra toàn cảnh non. Thình thoảng họ sẽ nghe thấy một tiếng ồm ộp gay gắt, hay một tiếng té nước khi loài lưỡng cư nào đó bị làm phiền, nhưng sinh vật duy nhất mà họ thấy được là một con cóc to bằng bàn chân Will, con vật chỉ có thể lạch bạch nhảy theo từng đợt nghiêng ngả đầy đau đớn, như thể đang bị thương chí mạng. Nó nằm giữa lối đi, cố gắng tránh đường trong lúc nhìn họ như thể họ muốn làm hại nó vậy.

“Sẽ nhân từ hơn nếu hóa kiếp cho nó,” Tialys nói.

“Làm sao ông biết được?” Lyra hỏi. “Có khi nó vẫn muốn sống bất chấp mọi thứ.”

“Nếu giết nó, chúng ta sẽ phải đưa nó đi cùng mình,” Will nói. “Nó muốn ở lại đây. Tôi đã giết quá đủ những sinh vật sống rồi. Đến cả một cái ao tù đọng có khi cũng còn tốt hơn là bị chết.”

“Nhưng nếu nó đang phải chịu đau đớn thì sao?” Tialys nói.

“Nếu nó có thể nói thì chúng ta sẽ biết. Nhưng bởi vì nó không thể nên tôi sẽ không giết nó đâu. Như thế sẽ là suy nghĩ cho cảm xúc của chúng ta hơn là cảm xúc của con cóc.”

Họ tiếp tục lên đường. Không lâu sau, âm thanh biến đổi từ những bước chân cho họ biết rằng gần đó có một khoảng trống, dấu cho sương mù ngày một dày thêm. Pantalaimon đã biến thành một con vượn cáo, với đôi mắt lớn nhất mà nó có thể biến ra, bấu lấy vai của Lyra, ép mình vào mái tóc lấm tấm sương của cô, nhòm ngó khắp xung quanh nhưng chẳng thấy gì nhiều hơn cô bé cả. Và nó vẫn không ngừng run rẩy.

Đột nhiên cả nhóm đều nghe thấy một tiếng sóng xô, rất khẽ, nhưng lại rất gần. Hai con chuồn chuồn cùng với người cưỡi quay lại với đám trẻ, Pantalaimon luồn vào ngực áo Lyra trong lúc cô bé và Will đứng sát lại với nhau, thận trọng bước đi theo con đường lầy lội.

Và rồi họ đã đến bờ hồ. Thứ nước nổi đầy vằng dầu nằm lặng im trước mặt họ, một gợn sóng hiếm hoi uể oải xô lên lớp đá cuội.

Con đường ngoặt sang bên trái. Sau đó một đoạn, giống sương mù cô đặc hơn là một vật thể rắn chắc, có một cầu tàu bằng gỗ xiêu vẹo đứng trên làn nước. Các cột chống đã mục ruỗng còn ván lắp thì xanh lét đầy nhớt nhầy, ngoài ra chẳng có gì cả; chẳng có gì phía sau nó; con đường kết thúc nơi cầu tàu bắt đầu, và khi cầu tàu kết thúc thì đến sự khởi đầu của màn sương. Sau khi đã dẫn họ tới đó, tử thần của Lyra cúi chào cô bé rồi bước vào màn sương và biến mất trước khi cô kịp hỏi hẵn phải làm gì tiếp theo.

“Nghe kìa,” Will nói.

Một âm thanh trầm trầm vọng lại từ phía mặt nước vô hình: Tiếng gõ kê cọt kệt và tiếng nước bắn khe khẽ, đều đặn. Will đặt tay lên con dao ở thắt lưng rồi thận trọng tiến về phía trước, lên những tấm ván mục nát. Lyra theo sát phía sau. Hai con chuồn chuồn đậu lên hai cột neo thuyền bị cỏ dại che phủ, trông như các hộ vệ trên một tấm phù hiệu, còn hai đứa trẻ đứng cuối cầu tàu, mắt mở to, dí sát vào màn sương, phải gạt đi những hạt nước đọng trên lông mi. Âm thanh duy nhất là tiếng cọt kệt chầm chậm và tiếng sóng đánh đang ngày một tiến lại gần hơn.

“Đừng đi mà!” Pantalaimon thì thào.

“Phải đi chứ,” Lyra thì thầm đáp lại.

Cô quay sang nhìn Will. Nét mặt cậu đầy cứng rắn, quyết liệt và thiết tha: Cậu sẽ không đổi ý đâu. Còn về những người Gallivespia, Tialys trên vai Will, Salmakia trên vai Lyra, họ rất điềm tĩnh và cảnh giác. Cánh của hai con chuồn chuồn lăm lăm những hạt sương, giống như mạng nhện, cứ thỉnh thoảng chúng lại đập cánh thật nhanh để giữ sương, vì những hạt nước hắt đang đè nặng lên người chúng, Lyra nghĩ. Cô hi vọng ở vùng đất của người chết sẽ có thức ăn cho chúng.

Rồi đột nhiên xuất hiện một con thuyền.

Đó là một con thuyền chèo cổ lỗ sĩ, nát bươm, chắp vá, mục ruỗng; hình dáng đang lúi nó còn già cỗi hơn cả thời gian, lủng thủng trong chiếc áo choàng làm từ bao tải được buộc lại bằng dây, tàn tật và gù cong, đôi tay

xương xẩu ôm chắc lấy tay cầm mái chèo, còn đôi mắt ươn ướt nhạt màu nằm sâu hoắm giữa những nếp gấp nhăn nheo của lớp da xám ngoét.

Hắn thả một mái chèo ra rồi vươn bàn tay co quắp của mình lên vòng tròn sắt tại cột neo ở góc cầu tàu. Với bàn tay còn lại, hắn quạt mái chèo để đưa con thuyền lên thẳng lớp ván ghép.

Chẳng cần phải nói gì. Will đi vào trước, rồi đến Lyra cũng tiến tới để bước xuống.

Nhưng người lái thuyền lại giơ tay lên.

“Nó thì không,” hắn nói bằng một giọng thì thào gay gắt.

“Nó nào?”

“Nó.”

Hắn vươn một ngón tay xám vàng, chỉ thẳng vào Pantalaimon, từ dạng chồn ermine màu nâu đỏ, nó lập tức chuyển sang màu trắng.

“Nhưng cậu ấy là tôi mà!” Lyra nói.

“Nếu cô đi thì nó phải ở lại.”

“Nhưng chúng tôi không thể! Chúng tôi sẽ chết mất.”

“Chẳng phải đó là điều cô muốn sao?”

Đó là lần đầu tiên Lyra thực sự nhận ra việc mình đang làm. Đây là hậu quả thật sự. Cô bé đứng đó kinh hãi, run rẩy, ghì chặt lấy con linh thú thân thương đến mức khiến nó phải rên lên vì đau đớn.

“Họ..” Lyra tuyệt vọng nói, rồi ngừng lại: Thật không công bằng khi chỉ ra rằng ba người còn lại không phải từ bỏ thứ gì cả.

Will đang lo lắng nhìn cô. Cô nhìn khắp xung quanh, về phía hồ, phía cầu tàu, phía con đường gập ghềnh, phía những vũng nước tù đọng, những bụi cây ngập nước đã chết từ lâu... Pan của cô, ở đây một mình: Làm sao nó có thể sống nổi mà không có cô cơ chứ? Nó đang run rẩy trong ngực áo, trên lớp da trần của cô, bộ lông tìm kiếm hơi ấm của cô. Không thể được! Không bao giờ!

“Nó phải ở đây nếu cô muốn đi,” người lái thuyền nhắc lại.

Phu nhân Salmakia quát cường, con chuồn chuồn của bà lập tức rời khỏi vai Lyra để đậu lên mép thuyền, Tialys cũng bay xuống bên cạnh bà. Họ nói gì đó với người lái thuyền. Lyra quan sát như một kẻ tù tội quan sát sự huyền ảo ở phía cuối phòng xử án mà có thể là một người đưa tin mang theo lệnh ân xá.

Người lái thuyền cúi xuống để lắng nghe, rồi lắc đầu.

“Không,” hắn nói. “Nếu đứa bé đi thì con vật phải ở lại.”

Will nói: “Như thế không được. Chúng tôi đâu có phải bỏ lại một phần của bản thân mình phía sau. Tại sao Lyra thì phải thế?”

“Ồ, vậy mà có đấy,” người lái thuyền nói. “Đứa trẻ không may vì có thể thấy và nói chuyện được với phần mà nó phải bỏ lại. Các vị sẽ không nhận ra cho tới khi rời bến, mà lúc đấy thì đã quá muộn rồi. Nhưng tất cả đều sẽ phải bỏ lại phần đó của bản thân ở đây. Không có lối đi nào đến vùng đất của người chết cho những kiểu như nó cả.”

Không, Lyra nghĩ, và Pantalaimon nghĩ cùng với cô: Chúng ta không vượt qua Bolvangar để nhận lấy điều này, không; làm sao chúng ta có thể tìm lại được nhau đây?

Khi cô quay lại nhìn bờ nước bắn thiu và đáng ghê sợ, hoang vắng và bị nguyên rửa bởi bệnh tật và độc chất, rồi nghĩ đến việc Pan yêu quý của cô phải đợi ở đó một mình, người bạn đồng hành của trái tim cô, nhìn cô biến mất vào màn sương, những điều ấy khiến cô khóc nức nở không ngừng. Những tiếng thốn thức mãnh liệt của cô không vang vọng nổi vì bị sương mù bóp nghẹt, nhưng suốt dọc bờ hồ, trong vô vàn những ao và vũng nước cạn, trong những gốc cây tan tác thảm hại, những sinh vật bị tổn thương ẩn náu ở đó khi nghe thấy tiếng khóc thảm thiết của cô bèn thu người sát thêm xuống đất một chút, kinh sợ trước nguồn cảm xúc mạnh mẽ đó.

“Nếu cậu ấy có thể đi...” Will hét lên, tha thiết muốn chấm dứt nỗi đau buồn của cô, nhưng người lái thuyền lắc đầu.

“Nó có thể vào trong thuyền, nhưng nếu làm thế thì con thuyền sẽ ở lại đây,” hắn nói.

“Nhưng làm sao hai bọn họ tìm lại nhau được?”

“Ta không biết.”

“Khi rời khỏi, liệu chúng tôi có quay lại hướng này không?”

“Rời khỏi?”

“Chúng tôi sẽ quay lại. Chúng tôi sẽ đến vùng đất của người chết và chúng tôi sẽ trở về.”

“Không phải đường này.”

“Vậy thì một đường nào đó khác, nhưng chúng tôi sẽ về!”

“Ta đã chở hàng triệu người rồi, nhưng không có ai quay lại cả.”

“Vậy thì chúng tôi sẽ là những người đầu tiên, chúng tôi sẽ tìm cách ra khỏi đó. Và bởi vì chúng tôi sẽ làm thế, nên hãy làm ơn đi, người lái thuyền, hãy rủ lòng thương, cho cô ấy đem theo linh thú của mình đi!”

“Không,” hăn nói rồi lắc cái đầu già cỗi của mình. “Đó không phải luật mà cậu có thể phá được. Luật đó cũng giống như thế này...” Hăn ngả người sang bên rồi móc lấy một tay đầy nước, sau đó nghiêng bàn tay để nó chảy ra. “Luật khiến cho nước chảy trở lại vào hồ, đó là một quy luật như thế. Ta không thể nào nghiêng bàn tay và khiến nước bay lên trên. Ta không thể đưa linh thú của cô bé đi xa hơn vào vùng đất của người chết. Dù cô bé có đi hay không thì nó cũng phải ở lại.”

Lyra không nhìn thấy gì: Khuôn mặt cô đang vùi vào bộ lông mèo của Pantalaimon. Nhưng Will thấy Tialys đã xuống khỏi con chuồn chuồn và chuẩn bị lao vào chích người lái thuyền, cậu cũng có phần đồng ý với ý định của viên mật thám: Nhưng lão già đã nhìn thấy ông ta, và quay cái đầu nhăn nheo lại nói:

“Ông nghĩ ta đã chở người sang vùng đất chết bao nhiêu thế kỉ rồi? Ông có nghĩ nếu thứ gì đó có thể làm hại được ta thì nó hăn đã xảy ra rồi không? Ông có cho là những người ta đưa đi cũng vui vẻ đi với ta không? Họ vật vã khóc lóc, họ thử hối lộ ta, họ đe dọa và gây sự với ta; nhưng chẳng có gì hiệu quả cả. Các người không thể làm đau ta dù có chích đến cả đời đi nữa. Tốt hơn là nên an ủi đứa bé đi; nó sẽ đi; đừng bận tâm đến ta.”

Will không thể tiếp tục theo dõi. Lyra đang làm điều tàn nhẫn nhất từ trước đến giờ, ghét bỏ bản thân, ghét bỏ việc mình làm, chịu đau đớn vì Pan, với Pan và bởi Pan; cố gắng đặt con linh thú xuống con đường lạnh lẽo, gỡ những cái vuốt mèo của nó ra khỏi quần áo, rồi khóc và khóc mãi. Will bật tai lại: Âm thanh đó bất hạnh quá sức chịu đựng. Cô bé liên tục đẩy con linh thú đi, nhưng nó vẫn gào khóc và cố gắng bám lại.

Cô có thể quay lại.

Cô có thể nói không, đây là một ý tưởng tồi tệ, chúng ta không nên làm thế.

Cô có thể thành thật với mỗi ràng buộc sâu thẳm trong lòng, xuyên suốt cả cuộc đời, gắn kết cô và Pantalaimon, cô có thể đặt nó lên trước nhất, có thể đẩy tất cả những thứ còn lại ra khỏi đầu...

Nhưng cô không thể.

“Pan, trước đây chưa từng có ai thực hiện điều này,” cô bé run rẩy thì thầm, “nhưng Will nói chúng tớ sẽ quay trở lại và tớ *thề*, Pan ạ, tớ yêu cậu, tớ *thề* chúng tớ sẽ quay lại - tớ sẽ - bảo trọng nhé, bạn yêu quý - cậu sẽ an toàn thôi - chúng tớ sẽ quay lại, và nếu có phải dành từng giây từng phút cuộc đời mình để tìm lại cậu, tớ cũng sẽ làm, tớ sẽ không dừng lại, sẽ không ngơi nghỉ, tớ sẽ không - ôi Pan - Pan yêu dấu - tớ phải, tớ phải...”

Rồi cô đẩy con linh thú đi, khiến nó nép mình đầy cay đắng, lạnh lẽo và hoảng sợ trên mặt đất lấm bùn.

Lúc này nó đang có dạng động vật gì thì Will khó có thể đoán được. Nó có vẻ như còn quá nhỏ, một con thú con, một con cún, một thứ bất lực và kiệt quệ, một sinh vật chìm sâu trong khổ đau đến mức nó là chính sự khổ đau nhiều hơn là một sinh vật. Đôi mắt nó không hề rời khỏi gương mặt của Lyra. Will có thể thấy cô bé ép mình không được nhìn đi chỗ khác, không được né tránh cảm giác tội lỗi, cậu vừa nể phục sự trung thực và dũng cảm của cô, vừa đau đớn trước cú sốc của việc chúng phải chia lìa. Có quá nhiều luồng cảm xúc mạnh mẽ tuôn chảy giữa chúng, khiến Will thấy như chính không khí cũng đang tích điện.

Pantalaïmon đã không hỏi “Tại sao?” bởi vì nó hiểu; nó cũng không hỏi liệu có phải Lyra yêu mến Roger hơn nó, vì nó biết câu trả lời thực sự. Nó cũng hiểu rằng nếu nó lên tiếng, cô bé sẽ không thể cưỡng lại được; vậy là con linh thú buộc mình phải giữ im lặng để không làm con người đang bỏ rơi nó phải khổ sở, và giờ thì cả hai đang giả vờ như điều này không đau đớn, sẽ không lâu trước khi chúng lại có thể ở bên nhau, đây là cách tốt nhất. Nhưng Will biết rằng cô gái nhỏ đang giằng xé trái tim ra khỏi lồng ngực mình.

Rồi cô bước xuống thuyền. Cô bé nhẹ đến mức gần như không làm thuyền lung lay. Cô ngồi xuống cạnh Will, đôi mắt không hề rời khỏi Pantalaïmon, sinh vật đang đứng run rẩy trên bờ phía cuối cầu tàu; nhưng khi người lái thuyền thả tay khỏi vòng tròn sắt rồi quạt chèo ra phía ngoài để kéo thuyền đi, con linh thú chó nhỏ xiu bắt lực lao ra tới tận cuối cầu, móng khê gõ lạch cạch trên lớp ván mềm, rồi đứng nhìn, chỉ nhìn thôi, trong lúc con thuyền rời xa còn cầu tàu thì mờ dần rồi biến mất trong màn sương.

Rồi Lyra thốt lên một tiếng khóc dữ dội tới mức ngay cả trong cái thế giới ngọt ngào đầy sương giăng đó cũng dâng lên một tiếng vọng, nhưng đương nhiên đó chẳng phải là tiếng vọng, đó là phần còn lại trong cô đang kêu khóc từ miền đất của người sống khi Lyra rời xa vào vùng đất của kẻ đã chết.

“*Tim tớ, Will...*” Cô rên rỉ rồi bám chặt vào cậu, gương mặt ướt đầm méo mó vì đau đớn.

Như vậy là lời tiên tri mà Hiệu trưởng Học viện Jordan đã nói với viên Thủ thư, rằng Lyra sẽ thực hiện một sự phản bội khủng khiếp và điều đó sẽ khiến cô đau đớn khôn cùng, đã linh ứng.

Nhưng bản thân Will cũng cảm thấy một cơn quặn thắt đang dâng lên trong người mình. Trong cơn đau, cậu thấy hai người Gallivespia, đang ghì chặt lấy nhau hết như cậu và Lyra đang làm, cũng bị cùng một nỗi thống khổ làm cho lay động.

Một phần trong đó là về thể xác. Cảm giác như thể một bàn tay sắt đã tóm chặt lấy trái tim cậu rồi kéo nó ra ngoài qua các giẻ xương sườn, cậu

bền đè hai tay lên vị trí đó và cố gắng trong vô ích để giữ nó lại. Nó sâu hoắm và tồi tệ hơn nhiều so với cơn đau khi bị mất những ngón tay của cậu. Nhưng nó còn liên quan đến tinh thần nữa: Vài thứ bí mật và riêng tư đang bị kéo ra ngoài, nơi chúng không hề muốn đến, và Will đã gần như bị khuất phục bởi một mớ hỗn độn của nỗi đau, tủi hổ, sợ hãi và tự trách cứ bản thân, vì chính cậu đã gây ra điều này.

Nhưng còn tồi tệ hơn thế. Cứ như thể cậu đã nói: “Không, đừng giết tôi, tôi sợ lắm; hãy giết mẹ tôi ấy; bà ấy chẳng quan trọng, tôi không yêu bà ấy,” như thể bà đã nghe thấy cậu nói vậy và vờ như không biết để không làm tổn thương đến cảm xúc của cậu, và tự thể mình vào chỗ cậu bởi tình yêu của bà dành cho cậu. Cậu cảm thấy tội lỗi như vậy. Chẳng có cảm xúc nào tồi tệ hơn thế.

Vậy là Will hiểu ra rằng toàn bộ những thứ đó là một phần của việc có linh thú, và rằng dù cho linh thú của cậu có là gì thì nó cũng đã bị bỏ lại phía sau, cùng với Pantalaimon, trên cái bến bờ độc hại và tan hoang đó. Ý nghĩ đó đến với Will và Lyra vào cùng một lúc, khiến chúng liếc nhìn nhau bằng đôi mắt đầy ục nước. Lần thứ hai trong cuộc đời của chúng, nhưng không phải lần cuối, mỗi đứa lại thấy biểu cảm của chính mình trên gương mặt của người còn lại.

Chỉ riêng người lái thuyền và hai con chuồn chuồn là có vẻ dừng dừng với cuộc hành trình mà họ đang thực hiện. Hai con côn trùng khổng lồ vẫn hoàn toàn sống động và rực rỡ sắc đẹp kể cả trong sương mù dày đặc, vẫy đôi cánh mỏng để hất những hạt nước đọng đi; còn ông già trong bộ áo choàng vải lanh cứ ngả tới trước rồi lại về sau, tới trước rồi về sau, chống đôi chân trần lên sàn thuyền lông bông chất nhầy.

Cuộc hành trình kéo dài hơn thời gian mà Lyra muốn đo đếm. Dù cho một phần trong cô đang nhức nhối vì đau khổ, tưởng tượng ra cảnh Pantalaimon bị bỏ rơi trên bờ hồ, phần khác lại đang điều chỉnh để chịu đựng cơn đau, tính toán sức lực của bản thân, tò mò muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra và họ sẽ cập bến vào đâu.

Cánh tay vững chắc của Will đang ôm lấy cô, nhưng cậu cũng đang nhìn về phía trước, cố gắng nhòm qua màn xám u ám ướt rượt và nghe ngóng bất cứ tiếng động nào ngoài tiếng ì oạp nặng nề của những cái mái chèo. Ngay lập tức, có thứ gì đó đã thay đổi: Một vách núi hoặc một hòn đảo đang nằm trước mặt họ. Họ nghe thấy những âm thanh bủa vây trước khi nhìn thấy sương mù trở nên tối sầm lại.

Người lái thuyền quạt một bên mái chèo để xoay thuyền sang trái đôi chút.

“Chúng tôi đang ở đâu đây?” Giọng của Hiệp sĩ Tialys vang lên, nhỏ nhưng vẫn khỏe khoắn như mọi khi, dù cho nó có vẻ gì đó gay gắt như thể ông cũng đang phải chịu đau đớn vậy.

“Gần hòn đảo,” người lái thuyền đáp. “Còn năm phút nữa, chúng ta sẽ đến bực cập bến.”

“Đảo gì vậy?” Will hỏi. Cậu thấy rằng giọng mình cũng đang gượng ép, nghe căng thẳng tới mức chẳng giống giọng cậu chút nào.

“Cánh cổng vào vùng đất của người chết nằm trên hòn đảo này,” người lái thuyền nói. “Tất cả mọi người đều đến đây, vua, hoàng hậu, kẻ sát nhân, nhà thơ, trẻ con; mọi người đều đi theo lối này, và không có ai trở lại cả.”

“*Chúng tôi sẽ trở lại,*” Lyra gằn giọng thì thào.

Hắn không nói không rằng, nhưng đôi mắt già nua tràn ngập sự thương hại.

Khi tiến lại gần hơn, họ có thể thấy những cành cây bách và thủy tùng rủ là là trên mặt nước, xanh thẫm, rậm rạp và u uất. Mặt đất dốc lên khá gấp, cây cối mọc dày đến mức một con chồn sương cũng khó lòng luồn nổi qua giữa chúng. Khi nghĩ như vậy, Lyra kêu lên một tiếng nửa nấc nửa thốn thức, vì Pan hẳn sẽ cho cô thấy nó có thể làm tốt đến thế nào; nhưng không phải bây giờ, có khi là chẳng bao giờ nữa.

“Giờ chúng tôi đã chết rồi à?” Will hỏi người lái thuyền.

“Chẳng có gì khác cả,” hắn đáp. “Có những kẻ tới đây mà chẳng chịu tin mình đã chết. Chúng cứ một mực khẳng định rằng chúng vẫn còn sống,

đây là một sự nhầm lẫn, một kẻ nào đó sẽ phải trả giá; chẳng khác gì. Những kẻ khác thì lại thèm khát được chết khi vẫn còn sống, những linh hồn tội nghiệp; sống cuộc đời đầy rẫy đau đớn và buồn khổ; tự sát cho một cơ hội được nghỉ ngơi trong hạnh phúc, và nhận ra rằng chẳng có gì thay đổi, chỉ có tội tệ hơn, và lần này thì không có đường thoát nữa rồi; các vị sẽ chẳng thể làm mình sống lại được nữa. Ngoài ra còn có những kẻ yếu ớt và bệnh tật, đôi khi là những đứa trẻ sơ sinh, khi vừa mới được sinh ra vào thế giới của người sống thì đã bị đẩy xuống với người chết rồi. Ta chèo con thuyền này cùng với một đứa bé sơ sinh gào khóc trong lòng mình đã nhiều, nhiều lần lắm, những kẻ không bao giờ biết được sự khác biệt giữa trên đó và dưới này. Và cả người già nữa, lũ giàu có là những kẻ tội tệ nhất, chúng cầu nhau, cúi kính, nguyện rửa ta, chửi bới, gào thét với ta: Ta nghĩ mình là ai? Chúng đã kịp tập hợp và cất giữ toàn bộ số vàng có thể lưu kho chưa? Liệu ta có chịu nhận lấy một ít rồi chở chúng lại vào bờ không? Chúng sẽ kiện ta, chúng có những người bạn quyền lực, chúng quen biết Giáo hoàng, Vua chỗ này rồi Công tước chỗ kia, chúng ở vị thế của kẻ sẽ đánh đập, trừng phạt ta... Nhưng chúng biết rõ cuộc thì sự thật là gì: Vị thế duy nhất mà chúng có được là trên con thuyền của ta hướng về vùng đất của người chết. Còn về đám vua với giáo hoàng kia, rồi cũng sẽ đến lượt chúng ở đây thôi, sớm hơn là chúng muốn. Ta cứ để chúng gào thét, giận dữ; chúng chẳng thể làm hại ta; rốt cuộc chúng cũng phải câm miệng.

“Vậy nên nếu các người không biết liệu mình đã chết hay chưa, còn cô gái nhỏ thì thề thốt một cách mù quáng rằng mình sẽ thoát ra để trở lại thế giới của người sống, thì ta sẽ không nói gì để phủ định. Bản thân là gì thì các người sẽ sớm tìm ra thôi.”

Suốt thời gian đó, hắc vẫn đều đặn chèo dọc theo bờ hồ. Giờ thì hắc lấp mái chèo lên thành, đẩy hai tay cầm vào trong thuyền rồi vươn người sang bên phải để với lấy cái cọc gỗ đầu tiên mọc chồi lên mặt hồ.

Hắc kéo con thuyền đi dọc theo bến tàu hẹp rồi giữ nó đứng yên cho họ. Lyra không muốn rời khỏi đó: Chừng nào cô vẫn còn ở gần con thuyền, Pantalaimon vẫn sẽ có thể nghĩ về cô một cách rõ ràng, bởi vì lần cuối Pan

đã thấy cô như thế, nhưng một khi cô đã rời xa khỏi nó, con linh thú sẽ không biết phải hình dung ra cô thế nào. Vậy là cô bé lưỡng lự, nhưng hai con chuồn chuồn đã bay lên, Will cũng đã bước ra, mặt tái mét, tay ôm lấy ngực; nên cô cũng phải làm theo.

“Cảm ơn ông,” cô bé nói với người lái thuyền. “Khi quay về, nếu ông thấy linh thú của tôi, hãy nói với cậu ấy rằng tôi yêu cậu ấy hơn tất cả mọi thứ tại vùng đất của người sống hay là người chết, và tôi thề sẽ trở lại với cậu ấy, kể cả chưa từng có ai làm việc đó trước đây, tôi thề mình sẽ làm.”

“Được, ta sẽ nói với nó điều đó,” người lái thuyền già nua nói.

Hắn đẩy thuyền đi, những tiếng quạt chèo chậm chậm chìm dần vào màn sương.

Hai người Gallivespia quay trở lại sau khi đã bay trước một đoạn rồi đậu lên vai hai đứa trẻ giống như trước đó, công nương trên vai Lyra, hiệp sĩ trên vai Will. Vậy là họ, những lữ khách, đứng bên rìa vùng đất của người chết, chẳng có gì trước mặt ngoài sương mù, dù họ có thể nhìn thấy từ mảnh tối một bức tường khổng lồ dựng lên trước mặt.

Lyra rùng mình. Cô có cảm giác như da mình đã biến thành đăng-ten nên không khí ẩm ướt và rét buốt có thể thổi ra thổi vào tận lồng ngực, lạnh đến tê tái trên vết thương chưa lành nơi Pantalaimon đã từng ở. Vậy nhưng, cô nghĩ, Roger hẳn cũng cảm thấy như vậy khi cậu lao mình xuống sườn núi, cố gắng bấu víu vào những ngón tay tuyệt vọng của cô bé.

Họ đứng yên nghe ngóng. Âm thanh duy nhất là tiếng tong-tong-tong không ngắt của nước nhỏ xuống từ lá cây rồi khi nhìn lên, họ cảm thấy vài giọt nước lạnh toát đập vào má mình.

“Không thể ở đây được,” Lyra nói.

Họ rời khỏi bến tàu, đi sát bên nhau, rồi tiến về phía bức tường. Những khối đá vĩ đại, xanh rì một màu bùn nhớt cổ xưa, đâm sâu vào màn sương hơn họ có thể thấy. Giờ khi đã tới gần hơn, họ có thể nghe thấy tiếng kêu khóc phía sau, dù cho không thể đoán được liệu đó có phải tiếng khóc của con người hay không: Những tiếng rít chói tai đầy tang tóc và tiếng khóc

than lững lờ trong không khí như những sợi tua trôi dạt của một con sữa, cứ chạm vào đâu là gây đau đớn ở đó.

“Có một cánh cửa kia,” Will nói bằng giọng khàn đặc đầy căng thẳng.

Đó là một cánh cửa hậu méo mó bằng gỗ bên dưới một phiến đá mỏng. Trước khi Will có thể nhắc tay lên để mở nó ra, một trong những tiếng khóc cao vút chói tai kia vọng lại từ rất gần, khiến tai họ đau nhức và hoảng loạn.

Ngay lập tức những người Gallivespia lao lên không trung, lũ chuồn chuồn như những con ngựa chiến nhỏ xíu hào hứng muốn xung trận. Nhưng cái thứ đó đã bay xuống gạt chúng sang một bên bằng một cú đập cánh tàn bạo, rồi nặng nề đáp lên gờ tường ngay phía trên đầu hai đứa trẻ. Tialys và Salmakia trấn tĩnh lại rồi vỗ về hai con vật cưỡi đang run rẩy.

Thứ đó là một con chim khổng lồ lớn cỡ kền kền, với khuôn mặt và bộ ngực của một người đàn bà. Will đã từng thấy ảnh chụp những sinh vật giống như vậy, và từ *nhân điều* lập tức hiện ra khi cậu nhìn rõ được ả. Gương mặt ả mịn màng, không hề có nếp nhăn, nhưng lại già hơn cả tuổi của các phù thủy: ả đã chứng kiến hàng ngàn năm trôi qua, sự tàn nhẫn và khổ đau của toàn bộ những năm tháng đó đã hình thành nên biểu cảm đầy căm hờn trên nét mặt ả. Nhưng khi các lũ khách nhìn được rõ hơn, ả còn trở nên gớm guốc bội phần. Hai hố mắt của ả vón đầy thứ nhớt cáu bẩn, còn màu đỏ trên môi đóng dày cứng như thể ả đã ói ra thứ máu cổ xưa của mình cả nghìn tỉ lần. Mái tóc đen bù xù, bẩn thỉu của ả rủ xuống hai vai; bộ vuốt nhọn hoắt bầu chặt lên mặt đá; đôi cánh đen hùng mạnh được gấp lại dọc theo lưng, và một mùi hôi thối kinh tởm cứ xộc tới mỗi khi ả cử động.

Cả Will và Lyra đều mệt mỏi và đau nhức khắp người, nhưng vẫn cố đứng thẳng để đối diện với ả.

“Các người vẫn còn sống kia!” Ả nhân điều lên tiếng, thứ giọng khàn đặc mĩa mai họ.

Will thấy mình căm ghét và kinh sợ ả hơn bất cứ con người nào mà cậu từng biết tới.

“Bà là ai?” Lyra, cũng ghê tởm ả không kém gì Will, cất tiếng hỏi.

Để trả lời, ả nhân điều bèn hét lên. Ả mở miệng rồi hướng chùm tiếng ồn thẳng vào mặt chúng, khiến đầu chúng ong lên và suýt nữa ngã ngửa ra phía sau. Will ôm chặt Lyra, cả hai bám lấy nhau khi tiếng hét chuyển thành những tràng cười mỉa mai hoang dại, âm thanh được những giọng nhân điều khác đáp lại trong sương mù trải dài trên bờ. Thứ âm thanh nhạo báng đầy căm hờn gợi cho Will nhớ lại sự tàn nhẫn vô nhân đạo của đám trẻ trong sân chơi, nhưng ở đây chẳng có giáo viên nào để chinh đốn chúng, không có ai để nhờ cậy, chẳng có chỗ nào để trốn.

Cậu đặt tay lên con dao ở thắt lưng rồi nhìn vào mắt cô, dù cho đầu cậu đang ong lên và chỉ cần áp lực từ tiếng hét của ả đã đủ khiến cậu xây xẩm mặt mày.

“Nếu định ngăn chúng tôi,” cậu nói, “bà nên sẵn sàng chiến đấu thay vì chỉ gào thét thôi. Bởi vì chúng tôi sẽ đi qua cánh cửa đó.”

Cái mồm đỏ đến phát khiếp của con nhân điều lại cử động, nhưng lần này là để chu môi thành một nụ hôn nhạo báng.

Rồi ả nói: “Mẹ của người đang ở một mình. Chúng ta sẽ gửi ác mộng đến cho mẹ ta. Chúng ta sẽ gào thét khi mẹ ta đang ngủ!”

Will không cử động, vì từ khước mắt cậu có thể thấy Phu nhân Salmakia đang nhẹ nhàng di chuyển dọc theo cành cây nơi ả nhân điều đang đậu. Con chuồn chuồn của bà, cánh rung lên, đang được Tialys giữ lại dưới mặt đất, và rồi xảy ra hai việc: Công nương nhảy tới con nhân điều rồi quay người để cắm sâu cựa vào cái chân cẩu bần của sinh vật đó, còn Tialys thì cho con chuồn chuồn phóng vọt lên trên. Chỉ trong chưa đầy một giây, Salmakia đã quay đi và nhảy ra khỏi cành cây, rơi thẳng lên lưng con vật cười màu xanh ánh điện của mình rồi lao vào không trung.

Ảnh hưởng lên con nhân điều xảy ra ngay tức khắc. Thêm một tiếng hét nữa phá vỡ sự im lặng, to hơn trước rất nhiều, ả đập đôi cánh đen cuồn cuộn tới mức cả Will và Lyra đều cảm nhận được luồng gió khiến chúng lao đảo. Nhưng ả vẫn quặp chặt móng vào đá, gương mặt tím tái lại vì giận dữ, mái tóc dựng đứng lên như một cái mào đầy rắn rết.

Will kéo tay Lyra rồi cả hai cố gắng chạy về phía cánh cửa, nhưng con nhân điều đã đâm bổ vào chúng trong cơn cuồng nộ, và chỉ chịu ngừng lại khi Will xoay người, đẩy Lyra ra sau lưng rồi giờ con dao lên.

Hai người Gallivespia lập tức lao vào con nhân điều, phóng sát mặt ả rồi lại vụt bay đi, không đánh trúng được cái nào nhưng cũng làm ả mất tập trung, khiến ả đập cánh vụng về rồi chới với ngã xuống mặt đất.

Lyra gọi lớn: “Tialys! Salmakia! Dừng lại, dừng lại!”

Hai mật thám ghì cương chuồn chuồn của mình rồi lượn cao trên đầu bọn trẻ. Những hình dáng đen thẫm khác đang túm tụm lại trong sương mù, những tiếng hét giễu cợt của cả trăm con nhân điều khác vọng lại từ xa tít trên bờ. Con đầu tiên đang giữ cánh, lắc đầu, đuổi từng bên chân một rồi gập móng lại. ả không hề bị thương, đó là điều Lyra đã để ý thấy.

Hai người Gallivespia lượn lơ rồi chúi xuống bay về phía Lyra, cô bé đang chìa cả hai tay ra để họ đáp lên. Salmakia nhận ra điều Lyra ám chỉ, và nói với Tialys: “Cô bé nói đúng. Chúng ta không thể làm đau ả, vì một lí do nào đó.”

Lyra nói: “Này tên bà là gì?”

Con nhân điều dang rộng cánh ra giữ, khiến các lữ khách suýt ngã vì những thứ mùi mục ruỗng, thối rữa ghê tởm tỏa ra từ ả.

“Vô Danh!” ả hét lên.

“Bà muốn gì ở chúng tôi?” Lyra hỏi.

“Các người có thể cho ta thứ gì?”

“Chúng tôi có thể kể cho bà nghe về nơi mình đã ở, có lẽ bà sẽ thấy hứng thú, tôi không biết nữa. Chúng tôi đã chứng kiến đủ thứ điều kì quặc trên đường tới đây.”

“Ồ, người đề nghị được kể chuyện cho ta nghe sao?”

“Nếu bà muốn.”

“Có lẽ. Rồi sau đó thì sao?”

“Bà có thể cho chúng tôi đi qua cánh cửa đó để tìm hồn ma mà chúng tôi tới đây để gặp, dù sao tôi cũng hi vọng bà sẽ làm vậy. Nếu bà có thể tốt

bụng, làm ơn.”

“VẬY thì thử đi,” Vô Danh nói.

Ngay cả trong cơn ốm yếu và đau đớn, Lyra vẫn cảm thấy rằng mình vừa mới được chia cho quân át chủ bài.

“Ôi, cẩn thận đấy,” Salmakia thì thầm, nhưng tâm trí Lyra đã lao thẳng tới câu chuyện mà cô kể đêm trước đó, định hình, cắt bỏ, cải tiến và thêm thắt: *cha mẹ chết; báu vật gia đình; tàu đắm; chạy trốn...*

“Ồm,” cô nói, chuyển tâm trí sang trạng thái kể chuyện, “mọi việc bắt đầu khi tôi còn là một đứa trẻ sơ sinh, thật đấy. Cha mẹ tôi là Công tước và Nữ công tước xứ Abingdon, vậy đấy, họ giàu có không kém ai cả. Cha tôi là một trong những cố vấn của đức vua, bản thân đức vua cũng thường tới ở lại với chúng tôi, ôi, suốt ngày ấy mà. Họ sẽ đi săn bắn trong cánh rừng của nhà tôi. Dinh thự ở đó, nơi tôi đã sinh ra, nó là căn nhà lớn nhất trong toàn bộ vùng phía nam nước Anh. Nó có tên...”

Không buồn hét lên cảnh báo, con nhân điều lao bổ vào Lyra, móng vuốt xòe ra. Lyra vừa đủ thời gian để né, nhưng một trong những cái móng vẫn sượt qua đầu cô và kéo đứt một búi tóc.

“Điêu trá! Điêu trá!” Con nhân điều gào thét. “Điêu trá!”

Ả lại bay vòng tới, nhắm thẳng vào mặt Lyra; nhưng Will đã rút con dao ra rồi nhảy bổ vào ngang đường. Vô Danh vừa kịp đổi hướng ra ngoài tầm với của cậu, Will vội đẩy Lyra về phía cánh cửa, do cô bé đang đỡ người vì sốc và mờ mắt vì máu tuôn chảy xuống mặt. Will không biết những người Gallivespia đang ở đâu, nhưng con nhân điều lại đang lao về phía chúng, liên mồm hét lên đầy giận dữ và căm phẫn:

“*Điêu trá! Điêu trá! Điêu trá!*”

Nghe như thế giọng của ả đang vọng tới từ khắp nơi, âm thanh bị dội lại từ bức tường sừng sững ẩn trong sương, bị bóp nghẹt và biến đổi, khiến cho ả dường như đang hét lên tên của Lyra, thế là *Lyra* và *điêu trá* trở thành một.

Will ép sát người cô bé vào ngực mình, khum vai lại để bảo vệ cô. Cậu cảm thấy cô đang run lên và thổn thức khóc trên người mình; nhưng rồi cậu thọc dao vào lớp gỗ đã mục ruỗng của cánh cửa và cắt cái khóa ra bằng một cú rạch chớp nhoáng.

Rồi cậu và Lyra, cùng với hai mật thám bay trên hai con chuồn chuồn bên cạnh, đổ nhào vào vương quốc của các hồn ma khi tiếng gào của con nhân điều được nhân lên gấp đôi, rồi lại gấp đôi nữa bởi những con khác trên bờ hồ phủ sương phía sau lưng họ.

Những kẻ thì thầm

Dày như Lá Thu vương trên những Dòng Suối

Tại Vallombrosa, nơi bóng đổ từ Etruria

Vòm cao rộng phía trên

John Milton

Việc đầu tiên Will làm là đỡ Lyra ngồi xuống, rồi cậu lấy lọ thuốc mỡ nhỏ từ rêu cầm máu ra và kiểm tra vết thương trên đầu cô. Nó đang chảy máu ồ ạt, những vết thương trên da đầu luôn như vậy, nhưng nó không sâu. Cậu xé lấy một dải từ mép áo của mình rồi lau sạch vết thương, bôi một chút thuốc mỡ lên vết rạch, cố gắng không nghĩ đến tình trạng bẩn thỉu của cái móng đã gây ra nó.

Mắt Lyra đang nhìn đờ đẫn, da cô xám ngoét lại.

“Lyra! Lyra!” Cậu gọi và khẽ lắc người cô. “Cố lên nào, chúng ta phải đi thôi.”

Cô bé giật mình rồi hít lấy một hơi dài run rẩy, rồi đôi mắt cô tập trung vào cậu, chan chứa một nỗi tuyệt vọng khủng khiếp.

“Will - tớ không thể làm việc này nữa - tớ không thể! Tớ không thể nói dối! Tớ cứ nghĩ việc đó dễ lắm - nhưng vô dụng rồi - đó là tất cả những gì tớ có thể làm, nhưng nó không có tác dụng!”

“Đó không phải là tất cả những gì cậu có thể làm. Cậu có thể đọc Chân Kế, không phải sao? Thôi nào, đi xem chúng ta đang ở đâu thôi. Đi tìm Roger thôi.”

Cậu dìu cô bé dậy, và chỉ đến lúc đó chúng mới nhìn quanh quang cảnh vùng đất của những hồn ma.

Chúng thấy mình ở tại một vùng đồng bằng rộng mênh mông trải dài rất xa vào trong màn sương. Ánh sáng mà chúng thấy được là một dạng tự phát sáng lơ lửng dường như tồn tại ở khắp mọi nơi một cách đều đặn, khiến cho không có bóng râm hay nguồn sáng thực sự nào, mọi thứ đều mang một màu sắc xám xịt như nhau.

Đứng trên sàn của khoảng không mênh mông này là người lớn và trẻ nhỏ - những người ma - nhiều đến mức Lyra không thể đoán nổi số lượng. Ít nhất thì hầu hết bọn họ đều đang đứng, mặc dù một số vẫn ngồi và số khác thì nằm lơ đãng hoặc ngái ngủ. Chẳng có ai đi loanh quanh, chạy nhảy hay chơi đùa, mặc dù rất nhiều người quay ra nhìn những người mới đến bằng một sự hiếu kì đầy sợ sệt trong đôi mắt mở to.

“Những hồn ma,” cô bé thì thầm. “Đây là nơi tất cả bọn họ tụ tập, tất cả những người đã chết...”

Rõ ràng là vì không còn có Pantalaimon ở bên, cô bé đành ôm lấy tay Will, và cậu mừng vì cô đã làm vậy. Hai người Gallivespia đã bay đi trước, cậu có thể thấy những bóng hình nhỏ bé rục rờ của họ đang lao vút đi rồi lướt trên đầu các hồn ma, những người ngược nhìn và dõi theo họ trong kinh ngạc. Nhưng sự im lặng trải dài vô tận và ngọt ngào, ánh sáng xám xịt khiến cho cậu hoảng sợ, và sự hiện diện ấm áp của Lyra ở bên cạnh là thứ duy nhất mang cảm giác về sự sống.

Đằng sau chúng, phía bên ngoài bức tường, tiếng kêu thét của lũ nhân điều vẫn đang vang vọng trên dưới bờ hồ. Vài người ma hoảng hốt nhìn lên, nhưng phần lớn bọn họ vẫn đang nhìn Will và Lyra, rồi họ bắt đầu túm tụm lại phía trước. Lyra lùi lại; cô vẫn chưa có sức lực để đối mặt với họ như bản thân sẽ muốn làm, và Will là người phải lên tiếng trước.

“Các vị có nói tiếng của chúng tôi không?” Cậu hỏi. “Các vị có thể nói không?”

Vì tất cả những người chết đều đang run rẩy, hoảng hốt và đầy đau khổ nên cậu và Lyra có uy quyền nhiều hơn cả đám bọn họ cộng lại. Những hồn ma đáng thương này có rất ít quyền năng của chính họ, nên khi nghe thấy giọng của Will, giọng nói trong trẻo đầu tiên vang lên tại đó trong suốt kí ức của những người chết, rất nhiều trong số họ bước tới trước, háo hức muốn được đáp lại.

Nhưng họ chỉ có thể thì thào. Một âm thanh yếu ớt mờ nhạt, không lớn hơn một tiếng thở nhẹ, là tất cả những gì họ có thể thốt ra. Khi họ chen lấn nhau, hừng hực tiến về phía trước, những người Gallivespia bay xuống rồi lướt qua lướt lại trước mặt, ngăn không cho họ tụ tập lại quá gần. Đám hồn ma trẻ con ngược nhìn với vẻ khao khát cháy bỏng, và Lyra lập tức nhận ra tại sao: Chúng nghĩ rằng những con chuồn chuồn là linh thú; chúng đang ao ước bằng cả trái tim để có thể lại được ôm lấy linh thú của chính mình.

“Ồ, chúng *không phải* linh thú đâu,” Lyra buột ra, đầy thương cảm, “mà nếu linh thú của tôi đang ở đây thì tất cả các cậu đều có thể vuốt ve và chạm vào cậu ấy, tôi hứa đấy...”

Nói rồi cô chìa hai tay về phía lũ trẻ. Những hồn ma người lớn lưỡng lự, thờ ơ hoặc sợ sệt, nhưng lũ trẻ đều đang ùn ùn kéo về phía trước. Chúng có thực thể không hơn gì sương mù, tội nghiệp làm sao, nên hai tay của Lyra cứ thế xuyên qua người chúng, cả Will cũng vậy. Chúng xúm về phía trước, nhẹ bẫng và không có sinh lực, để làm ấm bản thân nhờ dòng máu đang chảy và trái tim đập mạnh mẽ của hai lũ khách. Cả Will và Lyra đều nhận thấy một cảm giác lạnh lẽo nhẹ lướt khi những linh hồn xuyên qua cơ thể chúng và làm ấm bản thân trên đường đi. Hai đứa trẻ đang sống cảm thấy rằng từng chút một, chúng cũng đang chết dần; chúng không có một lượng sinh lực và hơi ấm vô tận để cho đi, bản thân vốn lại đang bị lạnh, trong khi những đám đông bất tận đang dồn về phía trước trông như thể sẽ không bao giờ ngừng lại vậy.

Cuối cùng Lyra phải cầu xin chúng dừng lại.

Cô giơ hai tay lên rồi nói: “Làm ơn - giá mà chúng tôi có thể chạm vào tất cả các bạn, nhưng chúng tôi xuống dưới này để tìm người, và tôi cần các bạn chỉ cho biết cậu ấy đang ở đâu và làm thế nào để tìm được cậu ấy. Ôi, Will ơi,” cô bé nói, tựa đầu mình vào đầu cậu, “giá mà tớ biết phải làm gì!”

Những hồn ma đang say sưa nhìn vết máu trên trán Lyra. Nó phát sáng rực rỡ như một quả nhựa ruồi trong ánh sáng tờ mờ, vài đứa thậm chí còn lướt qua đó, khao khát được chạm vào một thứ tràn trề sức sống đến vậy. Một hồn ma bé gái, mà khi còn sống hẳn là vào khoảng chín hay mười tuổi, ngượng ngùng với tay lên thử chạm vào, nhưng rồi lại rút lại vì sợ hãi. Lyra liền nói: “Đừng sợ - chúng tôi không đến đây để làm hại các bạn đâu - nói chuyện với chúng tôi đi, nếu các bạn có thể!”

Hồn ma đứa con gái lên tiếng, nhưng giọng nói mỏng manh yếu ớt của nó chỉ phát ra như một tiếng thì thầm.

“Có phải lũ nhân điều đã làm vậy không? Chúng cố tình làm đau cậu à?”

“Phải,” Lyra đáp, “nhưng nếu đó là tất cả những gì chúng có thể làm thì tớ chẳng cần bận tâm.”

“Ôi, không đâu - chúng còn làm những điều tồi tệ hơn...”

“Gì cơ? Chúng làm gì cơ?”

Nhưng lũ trẻ do dự không muốn nói. Chúng lắc đầu rồi giữ im lặng, cho tới khi một thằng bé lên tiếng: “Cũng không quá tồi tệ cho chúng khi đã ở đây hàng trăm năm, vì sau ngàn ấy thời gian ai cũng sẽ cảm thấy mệt mỏi, chúng không thể dọa các cậu quá nhiều...”

“Chúng thích nói chuyện với những người mới nhất,” đứa con gái đầu tiên nói. “Chỉ là... Ôi, cái đó thật sự là đầy cảm hờn. Chúng... Tôi không thể nói với các cậu được.”

Giọng của chúng không lớn hơn tiếng lá khô rơi. Và chỉ có đám trẻ con lên tiếng; người lớn dường như đều đang đắm chìm trong một cơn mê cổ xưa đến mức có lẽ họ sẽ không bao giờ cử động hay nói lại nữa.

“Nghe này,” Lyra nói, “làm ơn hãy lắng nghe. Chúng tôi tới đây, tôi và những người bạn của mình, vì chúng tôi cần phải tìm một cậu bé có tên Roger. Cậu ấy ở đây chưa lâu đâu, mới khoảng vài tuần thôi, nên cậu ấy sẽ không quen biết nhiều người, nhưng nếu các cậu biết cậu ấy ở đâu...”

Nhưng ngay cả khi nói vậy, cô bé vẫn biết rằng chúng có thể ở lại đây cho đến già, tìm kiếm mọi nơi, kiểm tra mọi khuôn mặt, nhưng vẫn chẳng thể gặp được nhiều hơn một phần rất nhỏ của những người chết. Cô cảm thấy nỗi tuyệt vọng đang ngồi trên hai vai mình, nặng nề không kém gì chính ả nhân điều đang đậu trên đó.

Thế nhưng, cô bé nghiêng rằng, cố gắng giữ cho cảm ngãng cao. Chúng ta đã tới được đây rồi, cô nghĩ; dù sao đây cũng là một phần của việc đó.

Hồn ma đưa con gái đầu tiên đang nói gì đó bằng thứ giọng thì thào bé xíu của nó.

“Tại sao chúng tôi lại muốn tìm cậu ấy à?” Will nói. “Lyra muốn nói chuyện với cậu ấy. Nhưng có một người khác mà tôi cũng muốn tìm. Tôi muốn tìm bố mình, John Parry. Ông ấy cũng đang ở đâu đó quanh đây, và tôi muốn nói chuyện với ông trước khi trở lại thế giới của mình. Nên nếu có thể, làm ơn hãy yêu cầu, yêu cầu Roger và John Parry tới nói chuyện với Lyra và Will. Nói họ...”

Nhưng đột nhiên tất cả các hồn ma đều quay đầu bỏ chạy kể cả người lớn, như lá khô bị rắc tung bởi một luồng gió mạnh đột ngột thổi. Chỉ trong một thoáng, khoảng không quanh hai đứa trẻ đã trở nên rỗng không, rồi chúng nghe thấy lí do: Những tiếng hét, gào, rít vọng tới từ không khí phía trên, và bầy nhân điều xuất hiện, cùng những luồng gió hôi thối mục nát, những đôi cánh đập phành phạch, với tiếng gào thét, giễu cợt, nhạo báng, mỉa mai, và tròng cười khanh khách.

Lyra lập tức ngồi sụp xuống đất, che tai lại, còn Will khum người che cho cô, với con dao trong tay. Cậu có thể thấy Tialys và Salmakia đang lướt về phía mình, nhưng họ vẫn còn ở khá xa, nên cậu có một chút thời gian để quan sát lũ nhân điều lượn vòng và ngụp lặn. Cậu thấy những khuôn mặt con người của chúng tộp lấy tộp để vào không khí như thể đang ăn côn

trùng, và nghe thấy những từ ngữ chúng đang hét - những từ ngữ giễu cợt, bẩn thỉu, tất cả đều về mẹ cậu, những ngôn từ khiến tim cậu run lên; nhưng một phần trí não cậu vẫn khá lạnh lẽo và biệt lập, suy nghĩ, tính toán, quan sát. Chẳng ai trong số chúng muốn tới gần con dao thêm chút nào.

Cậu đứng dậy để thấy chuyện gì sẽ xảy đến. Một trong số chúng - có thể là chính Vô Danh - phải vất vả bay chệch khỏi đường, vì ả đang lao xuống thấp, định bụng lướt ngay phía trên đầu cậu. Đôi cánh nặng nề của ả vung về đập, chỉ vừa đủ để thực hiện cú ngoặt trên không. Cậu đáng lẽ đã có thể vươn người chém đứt đầu ả bằng con dao.

Vào lúc đó, những người Gallivespia đã đến nơi, cả hai người đang định tấn công, nhưng Will liền gọi: “Tialys! Tới đây! Salmakia, đến tay tôi đi!”

Họ đáp lên vai cậu, rồi cậu nói: “Nhìn đi. Quan sát những gì chúng làm. Chúng chỉ tới gào thét thôi. Tôi nghĩ việc đánh trúng Lyra là một sai lầm. Tôi không nghĩ chúng muốn chạm vào chúng ta đâu. Chúng ta có thể lờ chúng đi cũng được.”

Lyra ngược lên nhìn, mắt mở to. Đám sinh vật bay quanh đầu Will, đôi khi chỉ cách chưa đầy nửa mét, nhưng chúng luôn rẽ sang ngang hoặc lên trên vào phút cuối. Cậu có thể cảm thấy hai mật thám đang thiết tha được chiến đấu, cánh của hai con chuồn chuồn rung lên với ham muốn được lao vút qua không khí với các chủ nhân nguy hiểm chết người của mình, nhưng tất cả đều dừng lại: Họ có thể thấy rằng cậu nói đúng.

Điều đó cũng có ảnh hưởng lên các hồn ma nữa: Khi thấy Will đứng đó không sợ hãi và cũng không bị làm hại, họ bắt đầu dạt trở lại về phía các lữ khách. Họ thận trọng quan sát lũ nhân diều, nhưng so với tất cả những điều đó, sự cuốn hút từ máu thịt ấm áp, những nhịp tim nồng nàn, vẫn quá mạnh mẽ để có thể cưỡng lại.

Lyra đứng dậy bên cạnh Will. Vết thương của cô lại há miệng, khiến máu tươi rỉ xuống cổ, nhưng cô bé chỉ đơn thuần gạt nó đi.

“Will,” cô nói, “tớ rất mừng vì chúng mình đã xuống đây cùng với nhau...”

Cậu nghe thấy một âm điệu trong giọng nói và nhìn thấy biểu hiện trên gương mặt cô, một biểu cảm mà cậu biết và thích hơn bất cứ thứ gì mình từng biết tới: Nó thể hiện rằng cô đang nghĩ tới một điều táo bạo, nhưng vẫn chưa sẵn sàng để nói ra.

Cậu gật đầu để thể hiện rằng mình đã hiểu.

Hồn ma đưa con gái nói: “Lối này - đi với chúng tôi - chúng tôi sẽ tìm ra họ!”

Rồi cả hai đứa nhận thấy một cảm giác cực kì khó tả, như thể những bàn tay ma nhỏ xíu đang với vào bên trong, kéo lấy xương sườn chúng để chúng đi theo.

Vậy là chúng tiến bước qua nền của vùng đất hoang vắng rộng lớn đó. Đám nhân điều lượn lờ ngày càng cao trên đầu, không ngừng gào thét, nhưng chúng vẫn giữ khoảng cách. Trong lúc đó, những người Gallivespia bay phía trên để cảnh giới.

Trong lúc đi cùng nhau, các hồn ma nói chuyện với chúng.

“Xin lỗi,” một hồn ma con gái lên tiếng, “nhưng linh thú của các cậu đâu rồi? Thứ lỗi cho tôi vì đã hỏi. Nhưng...”

Không có giây phút nào mà Lyra không nghĩ tới Pantalaimon yêu quý đang bị bỏ rơi. Cô không thể nói chuyện thoải mái được nên Will trả lời thay.

“Chúng tôi để linh thú của mình lại bên ngoài,” cậu nói, “nơi họ được an toàn. Chúng tôi sẽ đón họ sau. Cậu có linh thú không?”

“Có,” con ma nói, “tên cậu ấy là Sandling... ôi, tôi yêu cậu ấy lắm...”

“Cậu ấy đã định hình chưa?” Lyra hỏi.

“Chưa, chưa đâu. Cậu ấy thường nghĩ mình sẽ là chim, nhưng tôi hi vọng là không phải thế, vì tôi muốn có cậu ấy bông xù ấm áp trên giường vào buổi đêm cơ. Nhưng càng ngày cậu ấy càng biến thành chim nhiều hơn. Linh thú của cậu tên là gì?”

Lyra nói cho cô bé biết, và đám hồn ma lại hăm hở dồn về phía trước. Tất cả đều muốn nói về linh thú của mình, từng đứa một.

“Linh thú của tôi có tên Matapan...”

“Chúng tôi thường chơi trốn tìm, cậu ấy sẽ biến đổi như một con tắc kè khiến tôi chịu chết không tìm nổi, cậu ấy giỏi món đó lắm...”

“Có lần tôi bị đau mắt nên không thấy gì, cậu ấy đã dẫn đường cho tôi suốt tận khi về đến nhà...”

“Cậu ấy không hề muốn định hình, nhưng tôi lại muốn trưởng thành, nên chúng tôi thường hay tranh cãi...”

“Cậu ấy thường cuộn tròn trong vòng tay tôi và ngủ...”

“Bọn họ liệu có đang ở đâu đó quanh đây không? Liệu chúng tôi có gặp lại họ không?”

“Không. Khi ta chết đi, linh thú sẽ phụt tắt như một ánh nến vậy. Tôi đã từng thấy chuyện đó xảy ra rồi. Nhưng tôi chưa từng thấy Castor của mình - tôi vẫn chưa nói lời tạm biệt...”

“Họ không thể nào *không ở đâu* được! Họ phải ở *đâu đó*! Linh thú của tôi vẫn ở đâu đó quanh đây thôi, tôi biết mà!”

Đám hồn ma đang chen lấn xô đẩy trở nên sôi nổi và háo hức, mắt chúng lấp lánh còn gò má ửng lên như thể đang vay mượn sức sống từ các lữ khách.

Will nói: “Có ai ở đây đến từ thế giới của tôi, nơi không có linh thú không?”

Một hồn ma bé trai gầy gộc cùng tuổi với cậu gật đầu, Will liền quay sang nó.

“Có đây,” câu trả lời vọng tới. “Chúng tôi đã không hiểu linh thú là gì, nhưng chúng tôi biết cảm giác như thế nào khi không có họ. Mọi người ở đây đến từ đủ mọi kiểu thế giới.”

“Tôi biết tử thần của mình,” một đứa con gái nói, “tôi biết ông ấy suốt quãng thời gian trưởng thành. Khi nghe họ nói về các linh thú, tôi cứ nghĩ họ ám chỉ một thứ gì đó giống như tử thần của chúng tôi cơ. Tôi nhớ ông ấy lắm. Tôi sẽ không bao giờ gặp lại được ông ấy. *Tôi đã xong nhiệm vụ rồi*, đó là điều cuối cùng ông ấy nói với tôi, rồi sau đó bỏ đi mãi mãi. Khi ông ấy

còn ở bên tôi, tôi luôn biết rằng có một người mình có thể tin tưởng, một người biết chúng tôi sẽ đi đâu và cần phải làm gì. Nhưng tôi không còn có ông ấy ở bên nữa rồi. Tôi không biết liệu chuyện gì sẽ lại xảy đến nữa.”

“*Chẳng có chuyện gì xảy ra hết!*” Có ai đó nói. “Chẳng có gì, vĩnh viễn là như vậy!”

“*Cậu thì biết gì,*” một đứa khác nói. “*Họ đã đến, không phải sao? Chẳng ai biết được chuyện đó sẽ xảy ra.*”

Cô bé ám chỉ Will và Lyra.

“*Đây là điều đầu tiên từng xảy ra ở đây,*” một hồn ma con trai nói. “*Có khi từ giờ trở đi mọi thứ sẽ thay đổi.*”

“*Nếu có thể thì cậu muốn làm gì?*” Lyra hỏi.

“*Đi lên để trở lại thế giới của mình!*”

“*Kể cả nếu điều đó có nghĩa là cậu chỉ có thể nhìn thấy nó một lần, cậu vẫn sẽ muốn làm thế chứ?*”

“*Có! Có! Có chứ!*”

“Ừ, dù sao thì tôi cũng vẫn phải tìm Roger,” Lyra nói, sôi sục với ý tưởng mới của mình; nhưng Will phải là người được biết đầu tiên.

Trên nền của vùng đất bằng bất tận đang diễn ra một chuyển động chậm chạp nhưng rộng lớn giữa vô vàn những bóng ma. Hai đứa trẻ không nhìn thấy được, nhưng Tialys và Salmakia, đang bay phía trên, quan sát những hình dáng nhỏ bé nhạt nhòa di chuyển không khác gì một cuộc di trú của những bầy chim hay đàn tuần lộc khổng lồ. Ở trung tâm của chuyển động là hai đứa trẻ không phải hồn ma, đang đều đều bước tới; không dẫn đường, cũng không đi theo, nhưng bằng cách nào đó lại tập trung chuyển động đó thành mục đích của toàn bộ đoàn người chết.

Hai mật thám, với suy nghĩ di chuyển còn nhanh nhạy hơn tốc độ của hai con vật cưỡi, liếc mắt nhìn nhau rồi cho hai con chuồn chuồn nghỉ ngơi bên nhau trên một cành cây đã khô héo.

“*Chúng ta có linh thú không, Tialys?*” Công nương hỏi.

“Kể từ khi bước lên con thuyền đó, tôi cảm thấy như tim mình đã bị xé nát và ném lên bờ trong lúc vẫn còn đập,” ông đáp. “Nhưng không phải như vậy; nó vẫn đang đập trong ngực tôi. Vậy nên có thứ gì đó trong tôi đang ở ngoài đó cùng với con linh thú của cô bé, một thứ gì đó của cả bà nữa, Salmakia ạ, bởi nét mặt bà đang chau lại còn bàn tay thì tái nhợt và căng thẳng. Phải, chúng ta có linh thú, dù cho chúng có là gì đi nữa. Có lẽ những người ở thế giới của Lyra là những sinh vật sống duy nhất biết được rằng mình có linh thú. Có lẽ đó chính là lí do một người trong số họ đã nổi dậy khởi nghĩa.”

Ông tuột xuống khỏi lưng con chuồn chuồn rồi buộc nó lại thật chắc chắn, sau đó lấy chiếc máy cộng hưởng đá nam châm ra. Nhưng khi chỉ vừa chạm vào nó, ông đã dừng lại.

“Không có hồi đáp,” ông ủ rũ nói.

“Vậy là chúng ta đang ở ngoài tầm với à?”

“Ngoài tầm với của nguồn trợ giúp, cái đó là chắc chắn. Nhưng chúng ta đã biết mình sẽ đến vùng đất của người chết mà.”

“Cậu bé sẽ đi cùng cô nhóc đến nơi tận cùng thế giới.”

“Bà có nghĩ con dao của nó mở được ra đường về không?”

“Tôi dám chắc là nó nghĩ thế. Nhưng ôi, Tialys ạ, tôi không biết nữa.”

“Nó còn nhỏ quá. Chắc, cả hai đứa đều còn nhỏ. Bà biết đấy, nếu con bé không sống sót qua được chuyện này, vấn đề liệu nó có lựa chọn đúng đắn khi bị cám dỗ hay không sẽ không xảy ra nữa. Sẽ không còn quan trọng nữa.”

“Ông có nghĩ cô bé đã chọn rồi không? Khi lựa chọn bỏ lại linh thú của mình trên bờ hồ ấy? Đó liệu có phải lựa chọn mà nó phải thực hiện không?”

Vị hiệp sĩ nhìn xuống hàng triệu cá thể đang chầm chậm di chuyển trên nền vùng đất của người chết, tất cả đều dạt theo đốm sáng rực rỡ và sinh động Lyra Silvertongue đó. Ông chỉ lơ mơ nhìn ra mái tóc của cô bé, thứ sáng màu nhất trong không gian u ám, và đầu của thằng bé bên cạnh đó, tóc đen, cứng cáp và mạnh mẽ.

“Không,” ông nói, “chưa đâu. Dù cho có là gì thì nó vẫn còn ở phía trước.”

“Vậy thì chúng ta phải đưa cô bé đến với nó một cách an toàn.”

“Đưa cả hai đứa đến. Giờ chúng đã gắn kết với nhau rồi.”

Công nương Salmakia quất sợi cương nhẹ như tơ nhện, con chuồn chuồn lập tức phóng vọt ra khỏi cành cây và lao xuống về phía hai đứa trẻ còn sống, cùng với hiệp sĩ bám sát theo sau.

Nhưng họ không dừng lại với chúng; sau khi đã lướt xuống thấp để đảm bảo chúng vẫn an toàn, họ bay tiếp lên trước, một phần vì lũ chuồn chuồn đang thấy bồn chồn, còn phần khác là vì họ muốn tìm hiểu xem cái nơi kinh khủng này kéo dài bao xa.

Nhìn thấy họ lóe lên phía trước mặt, Lyra cảm thấy nhói lên sự nhẹ nhõm vì vẫn còn có thứ bay lượn và tỏa sáng đẹp đẽ đến vậy. Rồi, không thể giữ ý tưởng cho riêng mình được nữa, cô bé quay sang Will; nhưng cô phải nói nhỏ. Cô ghé môi vào tai cậu, và trong một luồng hơi ấm ồn ào, cậu nghe thấy cô nói:

“Will, tớ muốn chúng ta đưa *tất cả* những hồn ma trẻ con tội nghiệp này ra ngoài - cả những người lớn nữa - chúng ta có thể trả tự do cho họ! Chúng ta sẽ tìm Roger và bố cậu, rồi mở đường đến thế giới bên ngoài và trả tự do cho tất cả!”

Cậu bé quay sang mỉm cười rạng rỡ với cô, nụ cười ấm áp và hạnh phúc đến mức cô cảm thấy có thứ gì đó vấp vấp và loạng choạng phía trong người; ít nhất thì cảm giác về nó là như vậy, nhưng không có Pantalaimon, cô chẳng thể tự hỏi bản thân điều đó có nghĩa là gì. Đó có thể là một cách mới mà trái tim cô đập. Cảm thấy hết sức ngạc nhiên, cô tự nhủ phải đi thật thẳng và ngừng lảo đảo.

Cứ như vậy, cả đoàn tiến lên. Tiếng thì thầm *Roger* lan ra nhanh hơn cả tốc độ đi của chúng; những cụm “Roger - Lyra đến rồi - Roger - Lyra đang ở đây” được truyền từ con ma này sang con ma khác như một thông điệp điện từ được một tế bào trong cơ thể truyền sang tế bào bên cạnh.

Còn về Tialys và Salmakia, trong lúc tuần tra trên lưng những con chuồn chuồn không biết mệt mỏi và quan sát khắp xung quanh khi bay, cuối cùng họ cũng để ý thấy một dạng chuyển động mới. Phía trước đó không xa có một hoạt động xoay tròn nho nhỏ. Lướt xuống thấp hơn, họ thấy mình lần đầu tiên bị lừa đi, vì có một thứ thú vị hơn đang nắm giữ tâm trí của toàn bộ các hồn ma. Họ đang hào hứng trao đổi bằng những tiếng thì thầm gần như im lặng của mình, họ đang chỉ trỏ, hồi thúc một ai đó tiến lên.

Salmakia bay xuống thấp nhưng không thể hạ cánh: Đám đông quá lớn, mà chẳng có bàn tay hay bờ vai nào hỗ trợ bà, kể cả nếu họ có dám thử đi nữa. Khi thấy một thằng bé ma còn nhỏ với gương mặt chất phác đầy bất hạnh, sưng sờ và bối rối trước điều mình đang được bảo, bà liền lên tiếng gọi:

“Roger? Có phải Roger đó không?”

Cậu bé nhìn lên, lúng túng, lo lắng, và gật đầu.

Salmakia bay trở lên về phía người đồng hành của mình, rồi họ cùng nhau phóng về với Lyra. Đó là một chặng đường dài, lại khó định hướng, nhưng nhờ quan sát các hình thái chuyển động, họ cuối cùng cũng tìm được cô bé.

“Cô bé kia rồi,” Tialys thốt lên, rồi gọi: “Lyra! Lyra! Bạn của cô ở đằng kia!”

Lyra nhìn lên rồi vươn tay ra cho con chuồn chuồn. Con côn trùng khổng lồ lập tức đáp xuống, màu đỏ và vàng của nó lóng lánh như tráng men, đôi cánh mỏng vẫn đang rải dài sang hai bên và căng cứng. Tialys giữ thăng bằng khi cô bé đưa ông lên tầm mắt.

“Ở đâu cơ?” Cô hỏi trong lúc thở gấp vì phấn khích. “Cậu ấy có ở xa không?”

“Một tiếng đi bộ,” hiệp sĩ đáp. “Nhưng cậu bé biết là cô đang đến. Những người khác đã báo cho cậu ta, chúng tôi cũng đã chứng thực rằng đó là cậu ta. Cứ tiếp tục đi đi, cô sẽ tìm được cậu bé sớm thôi.”

Tialys thấy Will gắng gượng đứng thẳng dậy và ép bản thân tìm ra thêm chút năng lượng. Lyra thì đã được nạp năng lượng và đang dồn dập hỏi

những người Gallivespia: Trông Roger thế nào? Cậu ấy đã nói chuyện với họ chưa? Trông cậu ấy có vui không? Những đứa trẻ khác có biết đến chuyện đang xảy ra không; và họ đang giúp hay đang chỉ đang ngáng đường?

Liên tục như vậy. Tialys cố gắng trả lời mọi thứ một cách thành thật và kiên nhẫn. Từng bước một, cô gái còn sống tiến gần lại với cậu bé mà mình đã đẩy tới cái chết.

Không lối thoát

Rồi người sẽ biết sự thật, và sự thật sẽ cho người tự do.

Phúc Âm Thánh John

“Will” Lyra gọi, “cậu nghĩ lũ nhân điếu sẽ làm gì khi chúng ta thả các hồn ma ra?”

Vì đám sinh vật kia đang ngày một âm ỉ và bay lại gần hơn, càng lúc càng đông, cứ như không gian u ám đang tự tập hợp lại thành những khối ác tâm nhỏ xíu rồi lấp cánh cho chúng. Những hồn ma không ngừng nhìn lên đầy sợ hãi.

“Chúng ta sắp tới nơi chưa?” Lyra gọi Công nương Salmakia.

“Không còn xa nữa đâu,” bà nói vọng xuống trong lúc bay lượn phía trên. “Nếu trèo lên tảng đá kia cô sẽ thấy được cậu bé.”

Nhưng Lyra không muốn phí thời gian. Cô bé đang cố gắng hết sức để nặn ra một bộ mặt tươi tỉnh cho Roger. Nhưng trước ánh mắt của tâm trí cô, mọi khoảnh khắc đều là hình ảnh khủng khiếp của chú chó Pan nhỏ xíu bị bỏ rơi trên cầu tàu trong lúc sương mù bủa vây xung quanh, cô cố gắng lắm mới ngăn được mình không gào lên khóc. Thế nhưng, cô phải làm vậy, cô phải tỏ ra tràn trề hi vọng vì Roger; cô vẫn luôn như vậy.

Khi hai đứa trẻ tới đối mặt với nhau, chuyện đó xảy ra khá đột ngột. Cậu bé ở đó, giữa đám đông gồm tất cả các hồn ma, những đường nét quen

thuộc của cậu đã mờ nhạt đi, nhưng biểu hiện của cậu là toàn bộ sự vui sướng mà một con ma có thể thể hiện. Cậu lao tới ôm lấy cô.

Nhưng cậu đi xuyên qua như một màn khói lạnh toát trên hai tay cô, dù cô cảm thấy bàn tay nhỏ bé của cậu giữ chặt lấy tim mình, nó không còn chút sức lực nào để bầu vú. Chúng không bao giờ có thể thật sự chạm vào nhau nữa.

Nhưng cậu bé có thể thì thầm, giọng của cậu cất lên: “Lyra, tớ không bao giờ dám nghĩ mình lại có thể gặp lại cậu - tớ cứ nghĩ kể cả có xuống đây sau khi chết đi thì cậu cũng đã già đi rất nhiều, cậu sẽ thành người lớn, và cậu sẽ không muốn nói chuyện với tớ...”

“Tại sao lại không chứ?”

“Bởi vì tớ đã không làm đúng khi Pan đưa linh thú của tớ chạy xa khỏi linh thú của Ngài Asriel! Chúng tớ đáng ra nên bỏ chạy, đáng ra không nên cố gắng chiến đấu với nó! Đáng ra chúng tớ nên chạy đến chỗ cậu! Như thế thì nó sẽ không bắt được linh thú của tớ nữa và khi vách núi lở, cậu ấy vẫn sẽ ở bên tớ!”

“Nhưng đó đâu phải lỗi của *cậu*, đồ ngốc!” Lyra nói. “Ngay từ đầu chính tớ là kẻ đã đưa cậu tới đó, đáng ra tớ nên để cậu trở về cùng với những đứa trẻ khác và những người du mục. Đó là lỗi của *tớ*. Tớ rất xin lỗi, Roger ạ, thật đấy, đó là lỗi của tớ, nếu không cậu đã chẳng phải đến đây...”

“Chà,” cậu nói, “tớ không biết nữa. Có khi tớ lại phải chết theo một cách nào đó khác. Nhưng đó không phải là *lỗi* của cậu, Lyra ạ, vậy đấy.”

Cô cảm thấy mình cũng đang bắt đầu tin vào điều đó; nhưng dù sao vẫn thật đau lòng khi thấy đứa bé lạnh lẽo tội nghiệp, rất gần nhưng lại rất xa. Cô cố gắng nắm lấy cổ tay nó, nhưng những ngón tay lại quặp vào không khí trống rỗng. Cậu bé hiểu ra điều đó và ngồi xuống bên cạnh cô.

Những hồn ma khác lùi lại đôi chút, để cho chúng ở riêng với nhau, cả Will cũng tránh đi rồi ngồi xuống chăm sóc cho bàn tay của mình. Nó lại đang rỉ máu. Trong lúc Tialys bay tới tấp vào những hồn ma để đẩy họ đi, Salmakia giúp Will chăm lo cho vết thương.

Nhưng Lyra và Roger không chú ý đến điều đó.

“Cậu vẫn chưa chết,” cậu bé nói. “Làm sao cậu tới được đây nếu vẫn còn đang sống? Mà Pan đâu rồi?”

“Ôi, Roger - tớ phải để cậu ấy lại bên bờ hồ - đó là điều tồi tệ nhất tớ từng phải làm, đau đớn lắm - cậu biết nó đau đến thế nào rồi đấy - cậu ấy cứ đứng đó nhìn. Ôi, tớ cảm thấy như một kẻ sát nhân vậy, Roger ạ - nhưng *tớ phải làm*, nếu không tớ không thể tới đây được!”

“Tớ vẫn luôn giả vờ nói chuyện với cậu suốt từ khi chết đi,” cậu bé nói. “Tớ cứ khao khát mình có thể, khao khát rất mãnh liệt... Khao khát rằng mình có thể thoát ra, tớ và tất cả những người đã chết khác, bởi vì đây là một nơi tồi tệ, Lyra ạ, không có hi vọng, chẳng có gì thay đổi sau khi chết đi, lại thêm lũ chim chóc kia nữa... Cậu biết chúng làm gì không? Chúng đợi cho tới khi người ta nghỉ ngơi - không bao giờ có thể ngủ hẳn hoi ở đây được, chỉ kiểu như gà gật thôi - rồi chúng sẽ lặng lẽ tới bên cạnh, thì thầm tất cả những điều xấu xa mà ta đã từng làm khi còn sống, để ta không thể quên nổi những điều ấy. Chúng biết tất cả những điều tồi tệ nhất về ta. Chúng biết cách làm người khác cảm thấy kinh khủng, chỉ cần nghĩ đến tất cả những điều ngu ngốc và xấu xa mình từng làm. Tất cả những suy nghĩ tham lam và tàn nhẫn mà ta từng có, chúng biết hết, chúng khiến ta tủi hổ và cảm thấy ghê tởm chính bản thân mình... Nhưng ta không thể thoát khỏi chúng được.”

“Này,” cô nói, “nghe tớ này.”

Hạ giọng và ngả gằm hơn vào hồn ma bé nhỏ, giống hệt như cô vẫn thường làm khi chúng lên kế hoạch cho một trò đùa tinh quái ở Jordan, cô bé nói tiếp:

“Có lẽ cậu không biết, nhưng các phù thủy - cậu nhớ Serafina Pekkala chứ - các phù thủy có một lời tiên tri về tớ. Họ không biết là tớ biết - không ai biết cả. Tớ chưa từng nói với bất cứ ai về nó. Nhưng khi còn ở Trollesund, ông du mục Farder Coram đã dẫn tớ đến gặp viên lãnh sự của các phù thủy, Tiến sĩ Lanselius, ông ấy đã dạng như kiểm tra tớ. Ông ấy bảo tớ phải đi ra ngoài và chọn lấy đúng mẫu thông mây trong số các mẫu khác để thể hiện rằng tớ thật sự có thể đọc được Chân Kế.

“Thì, tớ đã làm theo, sau đó tớ vội quay vào vì trời đang rất lạnh mà công việc đó thì chỉ tốn có một giây, dễ lắm. Ông lãnh sự đang nói chuyện với Farder Coram, họ không biết là tớ có nghe thấy. Ông ấy nói rằng các phù thủy có một lời tiên tri về tớ, rằng tớ sẽ làm một việc vĩ đại và quan trọng, và nó sẽ diễn ra tại một thế giới khác...”

“Chỉ là tớ chưa bao giờ nhắc đến nó, và tớ nghĩ chắc hẳn mình cũng đã quên bằng mất nó, có quá nhiều chuyện khác đã xảy đến nên nó tuột khỏi kí ức của tớ. Tớ thậm chí còn chưa từng nói về nó với Pan, vì cậu ấy chắc chắn sẽ cười, tớ nghĩ thế.

“Nhưng rồi sau đó, Phu nhân Coulter bắt được tớ và khiến tớ hôn mê suốt, tớ đã mơ, mơ về chuyện đó, mơ về cả cậu nữa. Rồi tớ nhớ đến bà mẹ chủ thuyền người du mục, Má Costa - cậu nhớ không - chúng ta đã leo lên con thuyền của họ, ở Jericho, cùng với Simon, Hugh và cả lũ...”

“Có chứ! Suýt nữa thì bọn mình đã lái nó đến Abingdon rồi! Đó là điều tuyệt vời nhất chúng ta từng làm, Lyra ạ! Tớ sẽ không bao giờ quên điều đó, dù cho có chết ở dưới này cả nghìn năm đi nữa...”

“Ừ, nhưng *nghe* này - khi lần đầu tiên chạy trốn khỏi Phu nhân Coulter, phải, tớ đã tìm lại được những người du mục và họ đã chăm sóc tớ... Ôi, Roger ạ, có *quá nhiều* thứ tớ đã khám phá ra, cậu sẽ ngạc nhiên cho xem - nhưng đây là điều quan trọng nhất: Má Costa nói với tớ, bà ấy bảo rằng tớ có dấu phù thủy trong tâm hồn mình, bà ấy nói dân du mục là những con người của sông nước nhưng tớ lại là con người của lửa.

“Tớ cho rằng điều đó có nghĩa là bà ấy kiểu như đang chuẩn bị cho tớ đối mặt với lời tiên tri phù thủy kia. Tớ *biết* mình có việc quan trọng cần làm, vị lãnh sự Tiến sĩ Lanselius nói rằng quan trọng là tớ không bao giờ được biết vận mệnh của mình là gì cho tới khi nó xảy đến, vậy đó - tớ không bao giờ được *hỏi* về nó... Nên tớ chưa từng làm. Thậm chí tớ còn chẳng nghĩ đến liệu nó có thể là gì. Không cả hỏi Chân Kế luôn.

“Nhưng *giờ* thì tớ nghĩ mình đã biết rồi. Và việc tìm lại được cậu cũng là một trong những bằng chứng chứng thực. Việc tớ phải làm, Roger ạ, định mệnh của tớ là, là tớ phải giúp tất cả các hồn ma ra khỏi vùng đất của người

chết mãi mãi. Tớ và Will - chúng tớ phải cứu thoát tất cả các cậu. Tớ dám chắc là chuyện đó. Phải là nó. Và bởi vì Ngài Asriel, vì một thứ cha tớ đã nói... *Cái chết sẽ lui tàn*, ông ấy đã nói vậy. Nhưng tớ không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Cậu chưa được nói với họ đâu đấy, hứa đi. Ý tớ là ở trên đó có khi cậu cũng không *tồn tại* được. Nhưng mà...”

Cậu bé đang háo hức muốn lên tiếng nên cô dừng lại.

“Đó *chính* là thứ tớ muốn nói với cậu!” Cậu nói. “Tớ đã bảo họ rồi, tất cả những người chết khác ấy, tớ *bảo* rằng cậu sẽ tới! Giống như cậu đã tới giải cứu đám trẻ ở Bolvangar! Tớ nói, nếu có ai đó có thể làm được thì sẽ là Lyra. Họ mong điều đó là thật, họ muốn tin tưởng tớ, nhưng lại chưa từng thật sự tin, tớ có thể đoán được.

“Lấy một ví dụ,” cậu nói tiếp, “mọi đứa trẻ từng đến đây, không chừa một đứa nào, đều bắt đầu bằng cách nói tớ dám chắc cha mình sẽ tới đón, hoặc tớ dám chắc ngay khi mẹ biết được tớ đang ở đâu, bà ấy sẽ đến đưa tớ về nhà. Nếu không phải là cha hay mẹ thì sẽ là bạn bè của họ, hoặc ông bà, nhưng sẽ có *ai đó* đến giải cứu cho họ. Chỉ là chẳng có ai đến cả. Vậy nên chẳng ai tin tớ khi tớ nói với họ rằng cậu sẽ đến. Nhưng tớ đã nói đúng!

“Ừ,” cô nói, “nhưng tớ chẳng thể làm được việc đó mà không có Will. Là Will ở đằng kia kìa, còn kia là Hiệp sĩ Tialys và Công nương Salmakia. Có *quá nhiều* chuyện tớ muốn kể với cậu, Roger ạ...”

“Will là ai thế? Cậu ấy từ đâu tới?”

Lyra bắt đầu giải thích, không chú ý lắm đến sự thay đổi trong giọng nói của mình, về việc mình đã ngồi thẳng dậy ra sao, và ánh mắt cô thậm chí cũng đổi khác khi kể lại câu chuyện về cuộc gặp gỡ với Will và cuộc chiến giành lấy con dao kì ảo. Làm sao cô biết được chứ? Nhưng Roger thì nhận ra, trong lòng cậu dấy lên cảm giác ghen tị buồn bã không nên lời của kẻ đã chết, không thể thay đổi.

Trong lúc đó, Will và hai người Gallivespia đang nói chuyện lặng lẽ ở cách đó không xa.

“Hai người định làm gì, cậu và cô bé ấy?” Tialys hỏi.

“Mở thông thế giới này rồi thả các hồn ma ra. Đó là lí do tôi sở hữu con dao.”

Cậu chưa từng thấy vẻ kinh ngạc nào như vậy trên bất cứ khuôn mặt nào, đây còn lại là những người có ý kiến mà cậu coi trọng. Cậu mang lòng kính trọng vô bờ đối với hai con người này. Họ ngồi lặng lẽ trong một lúc, rồi Tialys lên tiếng:

“Việc này sẽ xóa bỏ mọi thứ. Đây là cú đánh khủng khiếp nhất có thể thực hiện. Sau vụ này, Đấng Quyền Năng sẽ mất hoàn toàn quyền lực.”

“Họ làm sao mà nghi ngờ được chứ?” Công nương nói. “Họ sẽ bị một cú bất ngờ!”

“Còn sau đó thì sao?” Tialys hỏi Will.

“Sau đó thì sao ấy à? Thì, bản thân chúng ta cũng sẽ phải thoát ra, rồi tìm linh thú của chúng ta, tôi nghĩ thế. Đừng nghĩ đến *sau đó*. Nghĩ đến lúc này đã đủ rồi. Tôi vẫn chưa nói gì với các hồn ma, phòng trường hợp... phòng trường hợp không thành công. Nên các vị cũng đừng nói gì nhé. Giờ tôi sẽ tìm một thế giới mà mình có thể mở thông, nhưng đám nhân điều đó vẫn đang quan sát. Nên nếu muốn giúp đỡ, các vị có thể đi đánh lạc hướng chúng trong lúc tôi làm việc.”

Hai người Gallivespia lập tức thúc chuồn chuồn bay lên không gian tối phía trên đầu, nơi lũ nhân điều đang bu dày như nhặng. Will nhìn những con côn trùng khổng lồ ngạo nghễ phóng lên phía chúng, chẳng khác nào lũ nhân điều to xác chỉ là đám ruồi nhặng và hai con chuồn chuồn có thể tợp gọn bọn chúng trong bộ hàm của mình. Cậu thoáng nghĩ tới việc những sinh vật rực rỡ này sẽ sung sướng đến nhường nào nếu bầu trời được mở ra và chúng lại có thể được lướt đi trên mặt nước sáng ngời.

Rồi cậu cầm con dao lên. Lập tức, những từ ngữ mà lũ nhân điều đã hét vào cậu lại quay về - những lời quở trách về mẹ cậu - khiến cậu đành ngừng lại. Cậu đặt con dao xuống, cố gắng gột sạch tâm trí.

Cậu thử lại, nhưng kết quả vẫn như cũ. Cậu có thể nghe thấy tiếng chúng la hét phía trên, bất chấp sự dữ tợn của những người Gallivespia; bọn

chúng đông đến nỗi chỉ hai người thì khó có thể làm được gì để ngăn chúng lại.

Mà mọi việc vẫn sẽ diễn ra như thế này thôi. Sẽ chẳng dễ dàng hơn chút nào đâu. Nên Will để thả lỏng đầu óc và không còn vương bận, cậu cứ ngồi đó với con dao nằm hờ cho tới khi cảm thấy sẵn sàng trở lại.

Lần này con dao cắt thẳng vào trong không khí - và gặp đá. Cậu đã mở ra một ô cửa sổ từ thế giới này vào lòng đất của một thế giới khác. Cậu đóng nó lại rồi thử một lần nữa.

Sự việc tương tự lặp lại, dù cậu biết rằng đó là một thế giới khác. Trước đó cậu đã từng mở ra những cánh cửa và thấy mình đang lơ lửng trên mặt đất của một thế giới mới, nên thay vào đó có mở ra dưới lòng đất đi nữa thì đáng lẽ cậu cũng không nên thấy ngạc nhiên, nhưng việc này lại khiến cậu bối rối.

Lần tiếp theo, cậu lần tìm cẩn trọng hơn theo cách mình đã học được, để cho đầu mũi dao tìm kiếm sự cộng hưởng thể hiện một thế giới có mặt đất nằm cùng vị trí. Nhưng dù có lần mò thế nào thì cậu cũng vẫn thất bại. Chẳng có bất cứ thế giới nào, ở bất cứ đâu mà cậu có thể mở ra được; bất cứ chỗ nào cậu chạm vào cũng là đất đá cứng.

Cảm nhận thấy có điều gì không ổn, Lyra nhảy bật dậy từ cuộc trò chuyện gần gũi với hồn ma của Roger để vội vã đến bên Will.

“Sao thế?” Cô khẽ hỏi.

Cậu bé thuật lại rồi nói thêm: “Chúng ta sẽ phải đến một chỗ khác để tớ có thể tìm được một thế giới mà chúng ta có thể mở thông. Nhưng đám nhân điều kia sẽ không cho phép ta làm thế đâu. Cậu đã kể với các hồn ma việc chúng ta đang dự tính chưa?” “Chưa. Chỉ riêng Roger thôi, tớ cũng bảo cậu ấy giữ yên lặng rồi. Cậu ấy sẽ làm theo mọi điều tớ nói. Ôi, Will, tớ sợ, sợ quá. Có khi chúng ta không bao giờ thoát ra được mất. Nếu chúng ta bị kẹt ở đây vĩnh viễn thì sao?”

“Con dao có thể cắt xuyên qua đá. Nếu buộc phải làm, chúng ta chỉ cần cắt thông một đường hầm là được. Sẽ tốn nhiều thời gian và tớ hi vọng mình sẽ không phải làm vậy, nhưng việc đó là khả thi. Đừng lo.”

“Ừ. Cậu nói phải. Đương nhiên là khả thi rồi.”

Nhưng cô nghĩ trông cậu ốm yếu quá, nét mặt chau lại vì đau đớn, những quầng thâm hằn rõ quanh mắt cậu, tay cậu run rẩy còn những ngón tay lại đang rỉ máu; trông cậu cũng tồi tệ y như cảm giác của cô lúc bấy giờ. Chúng không thể tiếp tục được lâu mà thiếu linh thú. Cô bé cảm thấy hồn ma của chính mình đang run sợ bên trong cơ thể, cô liền ôm chặt lấy hai tay, nhức nhối muốn có Pan ở bên.

Nhưng trong lúc đó, các hồn ma vẫn đang xúm lại gần, những linh hồn đáng thương, đặc biệt là lũ trẻ không chịu để cho Lyra yên.

“Làm ơn,” một đứa con gái nói, “các cậu sẽ không quên chúng tôi sau khi trở về chứ?”

“Không đâu,” Lyra đáp, “không bao giờ.”

“Cậu sẽ kể với họ về chúng tôi chứ?”

“Tôi hứa. Tên cậu là gì?”

Nhưng cô bé tội nghiệp tỏ ra lúng túng và ngượng ngập: Cô đã quên mất rồi. Cô quay đi, che lấy mặt, rồi một cậu bé lên tiếng:

“Tôi nghĩ tốt hơn hết là quên đi. Tôi đã quên tên của mình rồi. Có một vài người ở đây chưa lâu nên vẫn biết được mình là ai. Có những đứa trẻ đã ở đây được hàng nghìn năm. Họ không già hơn chúng tôi, và đã quên đi rất nhiều rồi. Trừ ánh nắng. Chẳng ai quên nó cả. Cả gió nữa.”

“Phải,” một đứa khác nói, “đúng đấy!”

Càng ngày càng có nhiều đứa ầm ĩ kêu lên đòi Lyra kể cho chúng nghe về những thứ chúng còn nhớ, về mặt trời, gió và bầu trời, và cả những thứ chúng đã quên, ví dụ như chơi đùa như thế nào. Cô bé bèn quay sang Will thì thầm: “Tớ nên làm gì đây, Will?”

“Nói cho họ biết đi.”

“Tớ sợ lắm. Sau những chuyện xảy ra ở đó - lũ nhân điều...”

“Nói cho họ sự thật đi. Chúng tớ sẽ đuổi lũ nhân điều đi.”

Cô bé ngờ vực nhìn Will. Trên thực tế, nỗi sợ hãi đang khiến cô hoa mắt chóng mặt. Cô quay lại phía những hồn ma đang túm tụm lại ngày càng

gần.

“Làm ơn!” Chúng thì thầm. “Cậu mới đến từ thế giới bên ngoài mà! Hãy kể cho chúng tôi nghe đi! Kể cho chúng tôi về thế giới đi!”

Có một cái cây cách đó không xa - chỉ là một thân cây đã chết với những cành trắng hếu như xương đang thọc vào bầu không khí xám xịt lạnh lẽo - vì Lyra đang cảm thấy yếu đuối, và vì cô không nghĩ mình có thể đi lại và nói chuyện cùng một lúc, cô tiến tới phía cái cây để kiếm chỗ ngồi xuống. Đám đông những hồn ma xô đẩy và xáo trộn sang một bên để tránh đường.

Khi họ đã gần đến chỗ thân cây Tialys đáp lên tay Will và ra hiệu để Will cúi đầu xuống lắng nghe.

“Chúng đang quay lại,” ông nói khẽ, “đám nhân điều đó. Càng ngày càng đông. Chuẩn bị sẵn sàng con dao đi. Công nương và tôi sẽ ngăn chúng lại lâu nhất có thể, nhưng có thể cậu sẽ cần phải chiến đấu đó.”

Vừa không khiến Lyra lo lắng, Will vừa nói lỏng con dao trong bao đựng và đặt tay gần đó. Tialys lại bay lên, sau đó Lyra tới được chỗ cái cây và ngồi lên một trong những cái rễ to bè của nó.

Có quá nhiều người chết tụ tập lại xung quanh, túm tụm trong hi vọng, mắt mở to, đến mức Will khiến họ lùi lại để tạo khoảng không; nhưng cậu để cho Roger đến gần, vì cậu bé đang chăm chú nhìn Lyra, say sưa lắng nghe.

Và Lyra bắt đầu nói về thế giới mà mình biết.

Cô kể cho họ nghe câu chuyện mình và Roger trèo qua mái của Học viện Jordan và tìm thấy một con quạ bị gãy chân ra sao, chúng đã chăm sóc cho tới khi nó sẵn sàng bay trở lại như thế nào; rồi câu chuyện chúng đã khám phá các hầm rượu dày bụi và mạng nhện, uống rượu vang Canary, mà có khi lại là Tokay cũng nên, cô không đoán được, rồi bị say bí tỉ như thế nào. Hồn ma của Roger lắng nghe, tự hào và tha thiết, gật đầu rồi thì thầm: “Phải, phải! Đó chính là chuyện đã xảy ra, đúng vậy, thật đấy!”

Rồi cô kể cho tất cả nghe về trận chiến vĩ đại giữa dân Oxford và đám thợ nung đất sét.

Đầu tiên cô bé miêu tả Claybeds, đảm bảo là mình nhắc đến mọi thứ có thể nhớ được, các hồ rửa lớn màu đất son, dây kéo, lò nung giống như những tổ ong khổng lồ bằng gạch. Cô kể với chúng về hàng liễu dọc bờ sông, với những cái lá có mặt dưới óng ánh bạc; rồi cô kể lại khi nắng chiếu dài hơn vài ngày, đất sét bắt đầu tách ra thành những phiến lớn, với các vết nứt sâu ở giữa, và về cảm giác khi đút ngón tay vào trong vết nứt rồi từ từ kéo lên một miếng bùn khô, cố gắng giữ cho nó lớn nhất có thể mà không làm vỡ. Bên dưới vẫn còn ướt, rất lí tưởng để ném vào người khác.

Rồi cô miêu tả những thứ mùi xung quanh nơi đó: mùi khói bốc ra từ lò nung, mùi đất mùn mục nát từ dòng sông khi gió thổi theo hướng tây nam, thứ mùi ấm áp của các củ khoai tây nướng mà những người thợ nung đất vẫn thường ăn; rồi tiếng nước mượt mà chảy qua các ống máng đổ vào hồ rửa; cảm giác bị hút xuống bởi một thứ chất đặc quánh khi cố gắng rút chân ra lên khỏi nền đất; cú đập nặng nề ướt át trong thứ nước dày đặc đất sét của những cánh cửa đập.

Trong lúc cô nói, tận dụng tất cả các giác quan của chúng, đám hồn ma kéo lại gần hơn, nuốt lấy từng lời của cô bé, nhớ lại cái thời vẫn còn da thịt, dây thần kinh và các giác quan, và muốn cô không bao giờ dừng lại.

Rồi cô kể về việc lũ trẻ của những người thợ nung đất luôn luôn gây chiến với đám trẻ thị trấn, nhưng chúng lại chậm chạp và đần độn, với đất sét nhồi trong não, trong khi đám trẻ thị trấn thì ngược lại, rất thông minh và nhanh nhẹn; rồi việc một ngày tất cả lũ nhóc thị trấn đã gạt bỏ những khác biệt và bày mưu tính kế để tấn công đám Claybeds từ ba phía, dồn đám trẻ của những người thợ nung đất trở lại mép sông rồi ném từng nắm, từng nắm đất nhào nhoẹt vào nhau, đổ xô vào thành trì lầy bùn của chúng để phá sập nó, biến các công sự thành tên lửa cho tới khi không khí, mặt đất và nước đều bị trộn lẫn đến mức không thể gỡ ra nổi, và mọi đứa trẻ đều trông giống hệt nhau, bùn dính từ đầu đến chân, chưa đứa nào từng có một ngày nào vui hơn hôm đó trong suốt cả cuộc đời chúng.

Sau khi nói xong, cô nhìn sang Will, kiệt sức. Nhưng cảnh tượng lại khiến cô choáng váng.

Ngoài những hồn ma, yên lặng trải rộng khắp xung quanh, cùng những người bạn của cô, ở gần bên và vẫn còn sống, còn có các khán giả khác; các cành cây đều đang chật kín những dáng hình chim tối thẫm, những gương mặt phụ nữ của chúng nhìn xuống cô bé, nghiêm trang và say sưa.

Cô đứng bật dậy vì nỗi sợ đột ngột ập tới, nhưng chúng không hề nhúc nhích.

“Các người,” cô bé giận dữ nói, “lúc trước các người đã lao vào tôi khi tôi đang cố gắng kể chuyện. Giờ sao lại đứng yên thế? Tối đi, dùng móng của các người mà xé xác tôi ra rồi biến tôi thành hồn ma đi!”

“Đó là việc tối thiểu mà chúng ta sẽ làm,” ả nhân điều đứng giữa, chính là Vô Danh, lên tiếng. “Nghe ta nói đây. Hàng ngàn năm trước, khi những hồn ma đầu tiên xuống đây, Đấng Quyền Năng đã ban cho chúng ta năng lực nhìn thấy những điều tối tệ nhất trong tất cả mọi người, và kể từ đó chúng ta đã sống nhờ những điều tồi tệ nhất, cho tới khi máu ôi thiu vì chúng còn trái tim trở nên mục ruỗng.

“Nhưng đó vẫn là tất cả những gì chúng ta có để sống sót. Đó là tất cả những gì chúng ta có. Và giờ chúng ta đã biết được rằng các người đang dự tính mở một lối đi lên thế giới phía trên và dẫn tất cả các hồn ma thoát ra...”

Cái giọng the thé của ả bị nhấn chìm bởi cả triệu tiếng thì thầm, khi những hồn ma có thể nghe thấy đều hét lên trong sung sướng và hi vọng; nhưng lũ nhân điều đồng loạt gào lên và đập cánh cho tới khi các hồn ma im lặng trở lại.

“Phải,” Vô Danh gào lên, “để dẫn chúng thoát ra! Chúng ta sẽ làm gì đây? Ta sẽ cho người biết chúng ta sẽ làm gì: Từ giờ trở đi, chúng ta sẽ không kiềm chế gì nữa. Bất cứ hồn ma nào dám đi qua, chúng ta sẽ giày vò, hành hạ, xé xác chúng, chúng ta sẽ khiến chúng phát điên vì sợ hãi, hối hận và căm ghét bản thân. Nơi này hiện đang là vùng đất hoang; chúng ta sẽ biến nó thành địa ngục!”

Tất cả lũ nhân điều đều rút lên đây giễu cợt, nhiều con trong số chúng bay lên khỏi thân cây và lao thẳng vào các hồn ma, khiến họ hốt hoảng tản ra. Lyra ôm chặt lấy cánh tay Will và nói: “Họ đã để lộ mất rồi, giờ thì ta

không thể thực hiện việc đó nữa - họ sẽ ghét chúng ta - họ sẽ nghĩ chúng ta phản bội họ! Chúng ta chỉ khiến mọi việc xấu đi chứ chẳng cải thiện được chút nào!”

“Yên lặng nào,” Tialys nói. “Đừng có thất vọng chứ. Gọi họ lại và khiến họ lắng nghe chúng ta đi.”

Vậy là Will hét lên: “Quay lại! Quay lại đi, tất cả mọi người! Quay lại nghe chúng tôi nói này!”

Từng con một, lũ nhân điều với vẻ mặt hau háu, thêm khát và đầy ham muốn sự khổ đau, quay người bay lại phía thân cây, các hồn ma nhờ vậy cũng dạt trở lại. Hiệp sĩ để con chuồn chuồn của mình lại cho Salmakia chăm sóc, trong lúc hình dáng nhỏ xíu căng tràn của ông, với bộ quần áo màu xanh lá và mái tóc đen, nhảy lên một tảng đá nơi tất cả có thể nhìn thấy.

“Hỡi các nhân điều,” ông cất tiếng, “chúng ta có thể cho các người một thứ còn tốt hơn thế. Hãy thành thật trả lời những câu hỏi của ta và nghe ta nói, rồi hãy phán xét. Khi Lyra nói chuyện với các người bên ngoài bức tường, các người đã lao vào cô bé. Tại sao các người lại làm vậy?”

“Điều trá!” Tất cả lũ nhân điều gào lên. “Điều trá và ảo tưởng!”

“Thế nhưng vừa rồi khi cô bé nói, các người lại lắng nghe, tất cả đều giữ im lặng và đứng yên. Một lần nữa hãy cho ta biết tại sao?”

“Bởi vì đó là sự thật,” Vô Danh đáp. “Bởi vì nó nói sự thật. Bởi vì câu chuyện rất bổ dưỡng. Bởi vì nó nuôi dưỡng chúng ta. Bởi vì chúng ta không thể làm khác được. Bởi vì đó là sự thật. Bởi vì chúng ta không hề biết rằng lại có thứ gì khác ngoài sự độc ác. Bởi vì nó đem đến cho chúng ta tin tức về thế giới, về mặt trời, gió và mưa. Bởi vì nó là thật.”

“Vậy thì,” Tialys nói, “hãy lập một thỏa thuận. Thay vì chứng kiến duy nhất sự độc ác, tàn bạo và tham lam của những hồn ma xuống đây, từ giờ trở đi các người sẽ có quyền yêu cầu mọi hồn ma kể cho nghe câu chuyện về cuộc đời của họ, và họ sẽ phải nói thật về những gì mình đã thấy, đã chạm vào, đã nghe được, đã yêu mến và hiểu biết tại thế giới đó. Mọi hồn ma ở đây đều có một câu chuyện; mọi hồn ma sắp tới trong tương lai cũng sẽ có

những điều trung thực để kể với các người về thế giới. Các người sẽ có quyền được lắng nghe họ, và họ sẽ phải kể cho các người nghe.”

Lyra kinh ngạc trước sự táo bạo của viên mật thám tí hon. Làm sao ông dám nói chuyện với những sinh vật này như thể đang mang trong mình năng lực có thể trao cho chúng các quyền lợi vậy? Bất cứ ả nào trong số chúng đều có thể tộp lấy ông chỉ trong thoáng chốc, dùng móng vuốt giật đứt người ông ra, hoặc đem lên cao rồi lắng xuống đất khiến ông nát tan thành từng mảnh. Thế nhưng ông vẫn đứng đó, kiêu hãnh và táo gan, thương lượng với chúng! Chúng lắng nghe rồi bàn bạc, quay mặt lại với nhau, giọng hạ thấp xuống.

Tất cả đám hồn ma đứng nhìn, im lặng và sợ sệt.

Rồi Vô Danh quay lại.

“Như thế không đủ,” ả nói. “Chúng ta muốn nhiều hơn thế. Chúng ta có một *nhiệm vụ* dưới sự sắp đặt trước đây. Chúng ta có vị trí và nghĩa vụ. Chúng ta cần cù hoàn thành những yêu cầu của Đấng Quyền Năng, và nhờ vậy chúng ta đã được trọng vọng. Bị ghét bỏ và sợ hãi, nhưng cũng được kính trọng nữa. Giờ thì chuyện gì sẽ xảy ra với sự tôn kính đối với chúng ta đây? Tại sao đám hồn ma lại phải để ý đến chúng ta nếu chúng có thể cứ đơn thuần bước ra thế giới trên kia cơ chứ? Chúng ta có lòng kiêu hãnh của bản thân, đừng có lờ nó đi. Chúng ta cần một vị trí danh dự! Chúng ta cần một nghĩa vụ và nhiệm vụ để thực hiện, điều đó đem đến sự tôn trọng mà chúng ta xứng đáng có được!”

Chúng nó ngoáy trên các cành cây, lăm bầm và giương cánh lên. Nhưng một lúc sau Salmakia nhảy lên đứng cạnh hiệp sĩ và gọi lớn:

“Các người nói đúng. Mọi người đều nên có một nhiệm vụ để làm, việc đó rất quan trọng, một nhiệm vụ có thể đem đến danh dự cho người ta, một nhiệm vụ họ có thể thực hiện một cách hãnh diện. Vậy nên đây là nhiệm vụ của các người, một nhiệm vụ mà chỉ các người mới làm được, vì các người là những giám hộ và quản lí của nơi này. Nhiệm vụ của các người sẽ là dẫn lối cho các hồn ma từ điểm cập bến bên hồ, xuyên qua vùng đất của người chết để tới lối thông mới mở vào thế giới. Đổi lại, họ sẽ kể cho các người

nghe câu chuyện của mình như một thù lao công bằng và thích đáng cho sự hướng dẫn này. Như thế có được không?”

Vô Danh nhìn sang các chị em của mình, rồi chúng gật đầu. Ả nói:

“Chúng ta có quyền từ chối dẫn đường nếu chúng nói dối, hoặc nếu chúng giấu giếm bất cứ điều gì, hay không có gì để kể cho chúng ta nghe. Nếu sống trong thế giới đó, chúng *phải* nhìn được, chạm vào, nghe thấy, yêu mến và học hỏi nhiều thứ. Chúng ta sẽ đặt ngoại lệ cho những đứa bé sơ sinh không có thời gian để học hỏi bất cứ điều gì, nhưng ngoài ra, nếu chúng tới đây mà không mang theo gì, chúng ta sẽ không dẫn đường cho chúng thoát ra.”

“Rất công bằng,” Salmakia nói, các lữ khách khác cũng đồng tình.

Vậy là họ lập một thỏa thuận. Để đổi lấy câu chuyện của Lyra mà chúng đã nghe, đám nhân điều đề nghị đưa các lữ khách và con dao của họ tới một nơi trong vùng đất của người chết nằm gần với thế giới bên trên. Đó là một quãng đường dài, qua các đường hầm và hang động, nhưng chúng vẫn một mực dẫn đường, và mọi hồn ma đều có thể đi theo.

Nhưng trước khi họ kịp bắt đầu, một giọng nói vang lên, lớn hết mức một tiếng thì thầm có thể phát ra. Đó là hồn ma của một người đàn ông gây guộc với gương mặt cau có, giận dữ, ông ta hét lên:

“Chuyện gì sẽ xảy ra? Sau khi rời khỏi thế giới của người chết, liệu chúng ta có sống lại không? Hay chúng ta sẽ tan biến như các linh thú của mình? Các anh chị em, chúng ta không nên đi theo đứa trẻ này đến bất cứ đâu chừng nào chưa biết được chuyện gì sẽ xảy đến với mình!”

Những người khác nối tiếp câu hỏi đó: “Phải đấy, cho chúng tôi biết mình sẽ đi đâu đi! Cho chúng tôi biết phải đón chờ điều gì! Chúng tôi sẽ không đi trừ khi biết được chuyện gì sẽ xảy đến!”

Lyra tuyệt vọng nhìn sang Will, nhưng cậu nói: “Cho họ biết sự thật đi. Hỡi Chân Kế rồi cho họ biết nó nói gì.”

“Được rồi,” cô nói.

Cô lấy chiếc máy bằng vàng ra. Câu trả lời tới ngay lập tức. Cô cất nó đi rồi đứng dậy.

“Đây là điều sẽ xảy ra,” cô nói, “và nó là sự thật, hoàn toàn thật. Khi thoát ra khỏi đây, tất cả các hạt vật chất cấu tạo nên các vị sẽ rời ra và trôi đi riêng rẽ, giống như linh thú của các vị vậy. Nếu đã từng thấy người khác chết đi, các vị sẽ biết trông nó như thế nào. Nhưng giờ linh thú của các vị không phải chỉ là *hư vô*; chúng đã hòa vào vạn vật. Tất cả những nguyên tử đã từng là chúng tan ra vào không khí, gió, cây cối, đất đai và toàn bộ các sinh vật sống. Chúng sẽ không bao giờ biến mất. Chỉ là một phần của mọi thứ. Và đó chính xác là điều sẽ xảy đến với các vị, tôi xin thề, tôi xin hứa trên danh dự của mình. Các vị sẽ trôi giạt đi, quả thật là vậy, nhưng các vị sẽ được ở ngoài không gian thoáng đãng, lại trở thành một phần của mạch sống đang tuôn chảy trong vạn vật.”

Không ai nói gì. Những người đã từng thấy linh thú tan biến đang nhớ lại cảnh tượng đó, còn những ai chưa từng thấy thì đang cố tưởng tượng ra, không ai nói gì cho tới khi một phụ nữ trẻ bước tới trước. Cô là một người tử vì đạo đã hi sinh trước đó rất nhiều thế kỉ. Cô nhìn quanh và nói:

“Khi chúng tôi còn sống, người ta nói với chúng tôi rằng khi nào chết đi, chúng tôi sẽ được lên thiên đường. Họ còn nói thiên đường là một chốn bồng lai tiên cảnh tràn ngập niềm vui, chúng tôi sẽ mãi mãi được ở bên các vị thánh và thiên thần, cùng nhau ca tụng Đấng Tối Cao trong hạnh phúc vĩnh hằng. Đó là những gì họ nói. Và đó cũng là thứ khiến cho vài người trong số chúng tôi hiến dâng mạng sống, còn những người khác thì dành hàng năm trời cầu nguyện trong cô độc, trong khi tất cả niềm hân hoan của cuộc sống đang bị lãng phí xung quanh mà chúng tôi không hề hay biết.

“Bởi vì vùng đất của người chết không phải là một nơi để tặng thưởng hay trừng phạt. Nó là một nơi của *hư vô*. Người tốt cũng tới đây như kẻ xấu, tất cả đều héo mòn trong cái sự u ám này mãi mãi, không có chút hi vọng tự do hay niềm vui, không được ngủ, nghỉ ngơi, hay yên bình.

“Nhưng giờ đứa trẻ này đã tới đề nghị giúp chúng ta thoát ra và tôi sẽ đi theo cô bé. Cho dù điều đó đồng nghĩa với sự lãng quên, các bạn ạ, tôi sẽ

đón nhận nó, bởi vì đó không còn là hư vô nữa, chúng ta sẽ lại được sống trong hàng ngàn lưỡi cỏ, hàng triệu chiếc lá, chúng ta sẽ rơi xuống cùng nước mưa và thổi cùng gió mát, chúng ta sẽ lấp lánh trong sương đọng dưới những vì sao và mặt trăng ở ngoài kia, trong thế giới vật chất vẫn luôn là quê hương thật sự của chúng ta.

“Vậy nên tôi xin thúc giục các bạn: Hãy đi cùng với đứa trẻ này ra bầu trời rộng mở ngoài kia!”

Nhưng hồn ma của cô lại bị đẩy sang một bên bởi hồn ma của một người đàn ông trông như một thầy tu: gầy guộc, nhợt nhạt kể cả khi đã chết, với đôi mắt đen đầy nhiệt huyết. Ông ta làm dấu chữ thập rồi lầm rầm đọc kinh, sau đó nói:

“Đây là một thông điệp cay đắng, một trò đùa đáng buồn và tàn nhẫn. Các vị không thấy sự thật sao? Đây không phải là một đứa trẻ. Đây chính là tay sai của Kẻ Quỷ Quyết! Thế giới mà chúng ta từng sống là một nơi tập trung toàn những thối nát và nước mắt. Chẳng có gì ở đó có thể thỏa mãn được chúng ta. Nhưng Đấng Tối Cao đã ban cho chúng ta nơi thiêng liêng này cho sự vĩnh hằng, miền cực lạc này, nơi mà đối với linh hồn tội lỗi có vẻ hoang vắng và căn cỗi, nhưng trong mắt những kẻ trung thực lại hiện ra đúng như nó vốn có, chan chứa sữa mát và mật ngọt, vang vọng những khúc thánh ca du dương của các thiên thần. Đây thật sự là thiên đường! Những điều mà đứa con gái ác quỷ này hứa hẹn chẳng là gì khác ngoài dối trá cả. Nó muốn dẫn mọi người đến địa ngục đấy! Đi với nó là đâm đầu vào nguy hiểm đó. Các bạn của tôi và tôi, những người thực sự chân thật, sẽ ở lại đây trong miền cực linh thiêng này, đời đời hát những khúc ca ngợi Đấng Tối Cao, người đã ban cho chúng tôi khả năng phán xét thật giả.”

Ông ta lại làm dấu thánh giá lần nữa, rồi cùng với bạn bè mình bỏ đi trong căm ghét và ghê tởm.

Lyra cảm thấy hoang mang. Liệu cô đã nhầm chẳng? Có phải cô đã mắc một sai lầm trầm trọng không? Cô nhìn quanh: Sự ảm đạm và tan hoang ở khắp mọi nơi. Nhưng trước đây cô vẫn thường nhầm lẫn khi đánh giá vẻ ngoài của sự vật, tin tưởng Phu nhân Coulter vì nụ cười tuyệt đẹp và sức

quyến rũ đượm mùi hương ngọt ngào của bà. Thật dễ để đánh giá sai lầm một thứ; và khi không có linh thú để dẫn đường, có lẽ lần này cô cũng nhầm chẳng.

Nhưng rồi Will lay tay cô. Cậu đặt hai bàn tay lên mặt cô rồi giữ nó thật chặt.

“Cậu *biết* là không phải vậy mà,” cậu nói, “cũng giống như cậu có thể cảm nhận được điều đó. Đừng để ý! Tất cả *bọn họ* cũng đều thấy được rằng ông ta nói dối. Họ đang dựa vào chúng ta đấy. Đi nào, bắt đầu thôi.”

Cô bé gật đầu. Cô phải tin tưởng cơ thể mình và sự thật về những điều mà các giác quan chỉ bảo cho cô; cô biết Pan hăn cũng sẽ làm thế.

Vậy là họ lên đường, nối theo sau là hàng hà sa số các hồn ma. Phía sau, quá xa nên hai đứa trẻ không thể nhìn thấy được, những cư dân khác thuộc thế giới của người chết đã nghe tin về việc đang xảy ra, và đang đến để gia nhập vào cuộc hành quân khổng lồ. Tialys và Salmakia bay ngược lại để quan sát, họ vui mừng khôn tả khi thấy đồng bào của mình cũng ở đó, và tất cả các giống loài sinh vật có ý thức khác đã từng bị Đấng Quyền Năng trừng phạt bằng đầy ải và tử hình. Trong số họ có những sinh vật trông không giống người chút nào, những sinh vật giống như người mulefa, những người mà Mary Malone hăn sẽ nhận ra, và cả những hồn ma kì lạ nữa.

Nhưng Will và Lyra thì không có sức lực nào mà ngoái lại nhìn; tất cả những gì chúng có thể làm là tiến bước theo sau đám nhân điếu, và hi vọng.

“Có phải chúng ta sắp hoàn thành rồi không, Will?” Lyra thì thầm. “Có phải mọi việc sắp kết thúc không?”

Cậu không đoán nổi. Nhưng chúng đang yếu ớt và mệt mỏi đến mức cậu đành nói: “Phải, gần kết thúc rồi, chúng ta sắp làm xong rồi. Chúng ta sẽ được ra ngoài sớm thôi.”

Phu nhân Coulter tại Geneva

Mẹ nào con nấy.

Ezekiel

Phu nhân Coulter đợi đến lúc trời sẩm tối trước khi tiến tới Học viện Thánh Jerome. Sau khi màn đêm phủ bóng, bà đưa chiếc phi cơ ý lực xuống qua lớp mây rồi chậm rãi di chuyển dọc theo bờ hồ ở độ cao ngang với ngọn cây. Học viện có hình dáng đặc biệt so với các tòa nhà cổ khác của Geneva, bà không mất nhiều thời gian để tìm thấy tòa tháp hình chóp, khoảng hăm tối của các dãy hành lang, tòa tháp to bè nơi Chủ tịch Tòa án Công giáo Kỷ luật sống. Trước đây bà đã từng tới thăm Học viện ba lần; bà biết rằng các chóp nhọn, đầu hồi và ống khói trên mái nhà che giấu vô vàn chỗ trốn, thậm chí cả cho một thứ lớn như chiếc phi cơ ý lực.

Chầm chậm bay trên lớp ngói lóng lánh với cơn mưa vừa dứt, bà lách cổ máy vào một máng nước nhỏ nằm giữa một mái nhà lợp ngói dốc cao và bức tường dựng đứng của tòa tháp. Nơi này chỉ có thể nhìn thấy được từ tháp chuông của Nhà nguyện Sám Thánh gần đó; quả là một nơi lí tưởng.

Bà khéo léo hạ thấp chiếc phi cơ, để cho thân máy dài hai mét tự tìm điểm tựa và tự điều chỉnh để giữ cho buồng lái cân bằng. Bà bắt đầu thấy yêu thích cổ máy này: Ngay khi bà vừa nghĩ về mệnh lệnh, nó đã lập tức thực hiện. Ngoài ra, cổ máy còn rất yên lặng; nó có thể lơ lửng trên đầu ai đó đủ gần để họ có thể chạm vào, nhưng họ lại chẳng hề biết nó đang ở đó.

Chỉ trong khoảng một ngày từ khi lấy cặp cổ máy, Phu nhân Coulter đã làm chủ được bộ phận điều khiển, nhưng bà vẫn không hiểu nổi nó được cấp năng lượng như thế nào, và đó là điều duy nhất bà lo lắng; bà không có cách nào đoán được khi nào nhiên liệu hay pin bị cạn kiệt.

Sau khi chắc chắn rằng chiếc phi cơ đã đứng vững, và rằng mái nhà đủ vững chắc để đỡ lấy nó, bà cởi mũ bảo hiểm ra rồi trèo xuống.

Con linh thú của bà đã đang bay một trong những miếng ngói cũ nặng nề lên. Bà tham gia cùng nó, và chẳng mấy chốc họ đã nhấc ra được nửa tá, sau đó bà bẻ gãy lớp ván lót vốn đang được đóng vào, tạo ra một khoảng hở đủ lớn để chui qua.

“Vào kiểm tra xung quanh đi,” bà thì thầm, con linh thú liền thả người vào bóng tối phía dưới.

Bà có thể nghe thấy tiếng móng chân của con khi nó thận trọng đi lại trên sàn gác mái, và rồi khuôn mặt đen viền vàng của nó xuất hiện ở khoảng trống. Bà hiểu ra ngay lập tức và theo nó chui qua, chờ đợi để mắt điều tiết. Trong ánh sáng lờ mờ, bà dần dần nhìn thấy một gác mái dài nơi những hình dáng tối thẫm của các tủ chạn, bàn, giá sách, đồ đạc đủ loại được lưu giữ.

Việc đầu tiên bà làm là đẩy một cái tủ chạn cao ra trước khoảng trống nơi đã từng có ngói lợp. Rồi bà nhón chân bước tới cánh cửa trên bức tường phía đầu bên kia và thử xoay nắm đấm. Nó đã bị khóa, hẵn rồi, nhưng bà có sẵn một cái kẹp tóc, mà cái khóa lại khá đơn giản. Ba phút sau, bà và con linh thú của mình đang đứng cuối một hành lang dài, nơi một ô cửa sổ mái bụi bặm cho họ thấy một cầu thang hẹp dẫn xuống dưới ở đầu bên kia.

Và sau đó năm phút, họ đã mở được một ô cửa sổ trong phòng đựng thức ăn bên cạnh căn bếp dưới đó hai tầng gác, rồi trèo qua vào con hẻm nhỏ. Nhà gác của Học viện ở ngay cạnh đó. Như bà đã nói với con khi vàng, quan trọng là phải đến bằng cách chính thống, dù cho có định rời đi bằng cách nào đi chăng nữa.

...

“Bỏ tay ra khỏi người ta,” bà điềm tỉnh nói với nhân viên bảo vệ, “và hãy tỏ ra lịch sự chút đi, nếu không ta sẽ lột da người đấy. Nói với Chủ tịch rằng Phu nhân Coulter đã đến, và bà ấy muốn gặp ông ngay bây giờ.”

Người đàn ông giật lùi lại, con linh thú chó Pinscher của ông ta, vốn đang nhe răng về phía con khỉ vàng có vẻ mặt ôn hòa, lập tức co rúm lại và cụp đuôi xuống không thể thấp hơn.

Nhân viên bảo vệ quay tay cầm của chiếc điện thoại. Ngay phút sau, một linh mục trẻ với gương mặt lạnh lợi vội vàng chạy vào nhà gác, chúi hai bàn tay vào áo choàng phòng trường hợp bà muốn bắt tay. Nhưng bà không làm vậy.

“Anh là ai?” Bà hỏi.

“Sư huynh Louis,” người đàn ông vừa nói vừa vỗ về con linh thú thỏ của mình, “nhân viên liên lạc thuộc Ban Bí thư Tòa án Công giáo. Nếu bà có thể...”

“Ta không đến đây để đàm phán với một kẻ quản lí giấy tờ,” bà nói. “Đưa ta đến gặp Cha MacPhail. Làm ngay đi.”

Người đàn ông bất lực cúi đầu rồi dẫn đường cho bà. Người bảo vệ đứng đằng sau liền thở phào nhẹ nhõm.

Sư huynh Louis, sau vài ba lần thử bắt chuyện, đã bỏ cuộc và lặng lẽ dẫn bà tới dãy phòng của Chủ tịch nằm trong tháp. Cha MacPhail đang trong giờ cầu kinh, khiến tay Sư huynh Louis run lên bần bật khi gõ cửa. Họ nghe thấy một tiếng thở dài và lăm bầm, rồi những tiếng bước chân nặng nề trên sàn nhà.

Đôi mắt Chủ tịch mở to khi thấy mặt vị khách, rồi ông nở một nụ cười hung ác.

“Phu nhân Coulter,” ông nói rồi chìa tay ra. “Rất mừng được gặp bà. Ta chỉ có căn phòng lạnh lẽo và lòng hiếu khách đơn sơ, nhưng xin chào mừng bà, mời vào.”

“Xin chào ông,” bà nói rồi theo ông vào trong căn phòng lát đá trống trải, để cho ông cuống quýt đôi chút rồi mời bà ngồi xuống ghế. “Cảm ơn

anh,” bà nói với Sư huynh Louis vẫn đang đi lảng vảng xung quanh. “Ta sẽ dùng một cốc chocolatl.”

Vẫn chưa có thứ gì được đem ra mời, bà cũng biết rằng đối xử với anh ta như một người hầu chẳng khác gì một điều sỉ nhục, nhưng cái điệu bộ thấp hèn kia khiến anh ta xứng đáng với điều đó. Vị Chủ tịch gật đầu, và Sư huynh Louis đành phải đi giải quyết việc đó, dù anh ta đang cảm thấy cực kì tức tối.

“Hẳn nhiên rồi, bà đã bị bắt,” Chủ tịch nói, lấy một cái ghế khác rồi đẩy đèn hắt lên cao.

“Ôi, chúng ta vừa mới bắt đầu mà ông đã phá hỏng không khí rồi,” Phu nhân Coulter nói. “Tôi tự nguyện tới đây ngay sau khi thoát được khỏi pháo đài của Asriel. Sự thật là, cha Chủ tịch ạ, tôi có một lượng lớn thông tin về các lực lượng của ông ta, cả về đứa bé nữa, tôi tới đây để cung cấp cho ông.”

“Vậy thì đứa bé. Bắt đầu với đứa bé đi.”

“Con gái tôi bây giờ đã sang tuổi mười hai. Chẳng mấy nữa mà nó sẽ tới đỉnh điểm của tuổi dậy thì, khi đó sẽ là quá muộn để bất cứ ai trong chúng ta ngăn chặn thảm họa đó; bản tính và thời cơ sẽ đến với nhau như tia lửa gặp bụi nhụi. Nhờ có sự chen ngang của ông, giờ thì sự việc dễ xảy ra hơn rất nhiều rồi. Hi vọng ông thấy thỏa mãn.”

“Nghĩa vụ của bà là phải mang nó đến đây cho chúng ta chăm lo. Nhưng thay vào đó, bà lại chọn lẫn trốn trong một hang núi - mặc dù làm sao một phụ nữ thông minh như bà lại hi vọng có thể ẩn trốn mãi mãi quả thực là một điều bí ẩn đối với ta.”

“Có lẽ sẽ có rất nhiều thứ ông cảm thấy khó hiểu, thưa Ngài Chủ tịch, khởi đầu với những mối quan hệ giữa một người mẹ và con cái của cô ta. Nếu ông có ý nghĩ rằng tôi sẽ để con gái mình dưới sự chăm sóc - sự *chăm sóc!* - của một nhóm đàn ông bị ám ảnh nặng nề với tình dục, những kẻ có móng tay bẩn thỉu, bốc mùi mồ hôi từ tỉ năm trước, những kẻ với trí tưởng tượng lén lút sẽ lần mò lên cơ thể con bé như lũ gián - nếu ông cho rằng tôi sẽ đặt con gái mình vào tình thế đó, Ngài Chủ tịch ạ, thì ông còn ngờ nghệch hơn cả cách mà ông nghĩ về *tôi* đấy.”

Một tiếng gõ cửa vang lên trước khi ông ta kịp đáp lại, rồi Sư huynh Louis bước vào với hai li chocolatl trên một cái khay bằng gỗ. Anh ta đặt cái khay lên bàn rồi căng thẳng cúi đầu, mỉm cười với Chủ tịch với hi vọng sẽ được yêu cầu lưu lại; nhưng Cha MacPhail lại gạt đầu về phía cửa, và người đàn ông trẻ tuổi đành miễn cưỡng rời đi.

“VẬY bà đã dự tính làm gì?” Chủ tịch hỏi.

“Tôi đã định đảm bảo cho nó được an toàn cho tới khi nguy hiểm qua đi.”

“Nguy hiểm đó là gì vậy?” Ông ta nói trong lúc trao cho bà li chocolatl.

“Ồ, tôi nghĩ ông biết ý tôi là gì. Đang có một kẻ cắm đồ ở đâu đó, một con rắn, có thể nói thế, và tôi phải ngăn không cho chúng gặp nhau.”

“CÓ một thằng bé đi cùng với nó.”

“Phải. Nếu ông không xen vào, cả hai đứa bọn chúng đã phải chịu kiểm soát của tôi rồi. Như thế này thì chúng có thể ở bất cứ đâu. Ít nhất thì chúng cũng không ở với Ngài Asriel.

“Ta không nghi ngờ vì việc ông ta sẽ đi tìm bọn chúng. Thằng bé sở hữu một con dao mang sức mạnh phi thường. Chỉ cần cái đó là đã đáng để đuổi theo chúng nó rồi.

“Tôi biết điều đó,” Phu nhân Coulter nói. “Tôi đã làm gãy được nó, nhưng thằng bé lại sửa được rồi.”

Bà đang mỉm cười. Chắc hẳn là bà không tán thành thằng bé đáng ghét này?

“Chúng ta biết,” ông ta nói ngắn gọn.

“Chà chà,” bà thốt lên. “Đan sĩ Pavel quả là đã trở nên nhanh nhẹn hơn rồi. Khi tôi mới quen biết, ông ta cần ít nhất là một tháng để đọc ra tất cả những điều đó.”

Bà nhấp một ngụm đồ uống, chocolatl gì mà vừa loãng vừa nhạt; chẳng khác gì những tu sĩ nhạt nhẽo này, bà nghĩ, khi áp đặt thứ tiết chế mà tự họ cho là đúng đắn lên cả khách khứa của mình.

“Hãy kể cho ta nghe về Ngài Asriel đi,” Chủ tịch nói. “Mọi điều về ông ta.”

Phu nhân Coulter ngả vào ghế một cách khoan khoái rồi bắt đầu kể - không phải mọi thứ, nhưng ông ta không mảy may nghi ngờ gì. Bà nói về pháo đài, về các đồng minh, các thiên thần, hầm mỏ và xương đúc.

Cha MacPhail ngồi không nhúc nhích đến một sợi cơ, con linh thú thần lẫn của ông tiếp thu và ghi nhớ từng chữ một.

“Vậy làm sao bà đến được đây?” Ông hỏi.

“Tôi đã đánh cắp một chiếc xe thăng. Nó bị cạn nhiên liệu nên tôi phải bỏ nó lại tại vùng đồng quê không cách đây xa. Tôi đã đi bộ cả quãng đường còn lại.”

“Ngài Asriel có đang tích cực tìm kiếm đứa con gái và thằng bé không?”

“Có chứ.”

“Ta cho là ông ta đang nhắm vào con dao. Bà có biết nó có tên gọi không? Lũ quỷ vực ở phương bắc gọi nó là Kẻ hủy diệt Chúa,” ông nói tiếp, bước tới bên cửa sổ và nhìn xuống những dãy hành lang nhà nguyện. “Đó là điều Asriel đang nhắm tới đúng không? Hủy diệt Đấng Quyền Năng? Có vài người tự cho là Chúa đã chết rồi. Có thể đoán được rằng Asriel không phải một trong số đó, nếu ông ta vẫn giữ ý định giết Đấng Quyền Năng.”

“Vậy, Chúa ở đâu,” Phu nhân Coulter nói, “nếu ông ta vẫn còn sống? Tại sao ông ta không lên tiếng nữa? Vào thuở khai thiên lập địa, Chúa dạo bước trong vườn, nói chuyện với Adam và Eve. Rồi ông ta bắt đầu rút đi, Moses chỉ còn có thể nghe thấy giọng ông ta. Sau đó, vào thời của Daniel, ông ta đã già đi - ông ta là Đấng Thượng Cổ. Giờ ông ta đang ở đâu? Có phải ông ta vẫn còn sống, ở một độ tuổi không thể tưởng tượng nổi, già yếu và loạn trí, không thể suy nghĩ, hành động, hay nói năng, mà lại chẳng thể chết nổi, một gã to xác vô dụng? Mà nếu đó quả thật là tình cảnh của ông ta, chẳng phải sẽ là từ bi nhất, bằng chứng đích thực nhất của tình yêu mà chúng ta dành cho Chúa, nếu tìm kiếm và trao tặng cho ông ta món quà của tử thần sao?”

Trong lúc nói, Phu nhân Coulter cảm nhận một niềm vui bình lặng trong mình. Bà không biết liệu mình có bao giờ sống sót mà thoát ra được không, nhưng việc nói chuyện theo cách đó với người đàn ông này khiến bà mê mẩn.

“Còn Bụi thì sao?” Ông hỏi. “Từ tận sâu trong tư tưởng dị giáo, quan điểm của bà về Bụi là gì?”

“Tôi không có quan điểm gì về Bụi,” bà nói. “Tôi không biết nó là gì hết. Chẳng ai biết cả.”

“Hiểu rồi. Ta đã bắt đầu bằng cách nhắc nhở bà rằng bà đã bị bắt. Có lẽ đã đến lúc phải tìm cho bà một chỗ để nghỉ ngơi rồi. Bà sẽ được thoải mái; không ai làm hại bà cả; nhưng bà sẽ không được đi đâu hết. Và chúng ta sẽ trao đổi nhiều hơn vào ngày mai.”

Ông rung chuông, Sư huynh Louis bước vào gần như ngay lập tức.

“Dẫn Phu nhân Coulter đến phòng khách đẹp nhất,” Chủ tịch nói. “Rồi khóa bà ấy ở trong.”

Phòng khách đẹp nhất hóa ra lại tồi tàn với vật dụng rẻ tiền, nhưng ít nhất thì nó cũng sạch sẽ. Sau khi ổ khóa xoay lại sau lưng, Phu nhân Coulter lập tức nhìn quanh để tìm máy vi âm, bà thấy một cái trong bộ đèn tinh xảo và một cái khác dưới khung giường. Bà ngắt nguồn của cả hai, rồi sau đó gặp một ngạc nhiên khủng khiếp.

Đang quan sát bà từ trên nóc tủ commode đằng sau cánh cửa là Ngài Roke.

Bà hét lên rồi tì một bàn tay lên tường để đỡ lấy người. Mật thám người Gallivespia đang ngồi vắt chân, hoàn toàn thoải mái, cả bà lẫn con khỉ vàng đều đã không nhìn thấy ông ta. Ngay khi nhịp tim đập dội xuống, và hơi thở cũng chậm lại, bà cất tiếng: “ Bao giờ ông mới định thực hiện phép lịch sự bằng cách cho tôi biết rằng ông đang ở đây vậy, thưa ông? Trước khi tôi thay đồ, hay là sau đó?”

“Trước,” ông ta đáp. “Bảo con linh thú của bà bình tĩnh lại đi, không tôi sẽ cho nó tàn tật luôn đấy.”

Con khỉ vàng đang nhe răng, lông trên người nó dựng đứng hết lên. Vẻ mặt hiểm độc thiêu đốt của nó đủ để khiến bất cứ người bình thường nào run sợ, nhưng Ngài Roke chỉ đơn thuần nở một nụ cười. Bộ cửa của ông ta lấp lánh trong ánh sáng mờ ảo.

Viên mặt thám tí hon đứng dậy vươn người.

“Tôi vừa trao đổi với bộ hạ của mình tại pháo đài của Ngài Asriel,” ông nói tiếp. “Ngài Asriel gửi lời khen ngợi, và yêu cầu bà thông báo cho ông ấy biết ngay khi tìm hiểu được về dự định của những người này.”

Bà cảm thấy khó thở, như thể Ngài Asriel đã ném bà một cú thật mạnh trong lúc đấu vật vậy. Mắt mở to, bà từ từ ngồi xuống giường.

“Ông tới đây để do thám tôi hay để hỗ trợ vậy?” Bà hỏi.

“Cả hai, may cho bà là tôi ở đây đó. Ngay khi bà tới, họ đã thiết lập một hệ thống mạch gì đó bên dưới khu hầm. Tôi không biết nó là gì, nhưng có một đội các nhà khoa học đang lắp đặt vào lúc này. Có vẻ bà đã kích động họ rồi.

“Tôi không biết liệu mình nên thấy hãnh diện hay hoảng sợ nữa. Nhưng thật sự là tôi đã kiệt sức rồi, tôi phải đi ngủ đây. Nếu ông ở đây để giúp tôi thì ông có thể canh gác. Ông có thể bắt đầu bằng việc nhìn đi chỗ khác đấy.”

Ông ta cúi đầu rồi quay mặt vào tường cho tới khi bà đã rửa ráy trong cái bồn rửa bong tróc, lau người bằng một tấm khăn mỏng, cởi đồ và lên giường. Con linh thú của bà đi tuần tra trong phòng, kiểm tra tủ quần áo, giá để ảnh, rèm, quang cảnh khu hành lang tối om bên ngoài cửa sổ. Ngài Roke theo dõi từng bước đi của nó. Cuối cùng con khỉ vàng cũng tới bên Phu nhân Coulter, và họ lập tức thiếp đi.

Ngài Roke vẫn chưa kể hết cho bà những điều ông đã tìm hiểu được từ Ngài Asriel. Hội đồng minh đang theo dấu việc di chuyển của tất cả các sinh vật trong vùng không trung phía trên các biên giới của nước cộng hòa, và đã

phát hiện ra sự tập trung của thứ có thể là các thiên thần, mà cũng có thể là một thứ gì đó hoàn toàn khác, ở hướng tây. Họ đã cử đội tuần vệ đi điều tra, nhưng cho đến giờ vẫn chưa tìm hiểu thêm được gì: Cái thứ đang lơ lửng ở đó đã tự bọc mình lại trong một màn sương bất khả xâm phạm.

Tuy nhiên, viên mật thám nghĩ rằng tốt hơn hết là không khiến Phu nhân Coulter phải lo lắng về điều đó; bà đã quá mệt rồi. Cứ để cho bà ngủ, ông quyết định, rồi ông lặng lẽ đi lại quanh phòng, lắng nghe nơi ngưỡng cửa, nhìn ra ngoài cửa sổ, tỉnh táo và đầy cảnh giác.

Một tiếng sau khi bà vào phòng, ông nghe thấy một tiếng động khe khẽ bên ngoài cửa: một tiếng nạo rất yếu ớt và một tiếng thì thầm. Cùng lúc đó, một luồng sáng mờ mờ chiếu rọi viền khung cửa. Ngài Roke lùi lại góc phòng xa nhất rồi đứng sau một cái chân của chiếc ghế mà bà đã lẳng quăng áo lên.

Một phút trôi đi, rồi chìa khóa xoay rất nhẹ trong ổ. Cánh cửa hé ra một phen, không hơn, và rồi ánh sáng tắt lịm.

Ngài Roke có thể thấy đủ rõ trong ánh chiếu mờ mờ qua những tấm màn mỏng, nhưng kẻ đột nhập thì đang phải chờ cho mắt điều tiết. Cuối cùng cánh cửa cũng mở rộng hơn, rất từ tốn, và vị tu sĩ trẻ, Sư huynh Louis, bước vào.

Anh ta làm dấu thập giá rồi nhón chân đi tới giường. Ngài Roke đã sẵn sàng lao vào, nhưng vị linh mục chỉ đơn thuần lắng nghe tiếng thở đều đều của Phu nhân Coulter, kiểm tra thật kỹ xem bà đã ngủ thật chưa, rồi quay sang chiếc bàn cạnh giường.

Anh ta dùng tay che bóng đèn chạy pin rồi bật nó lên, để cho một tia sáng rất mảnh lọt qua kẽ ngón tay. Anh ta nhòm vào bàn sát tới mức mũi gần như chạm vào bề mặt, nhưng dù có đang tìm thứ gì thì anh ta cũng không thấy nó. Phu nhân Coulter đã đặt vài thứ lên đó trước khi leo vào giường: vài đồng xu, một chiếc nhẫn, đồng hồ đeo tay của bà; nhưng Sư huynh Louis không hứng thú với những thứ đó.

Anh ta quay lại nhìn bà, rồi thấy thứ mà mình đang tìm kiếm nên khẽ rít lên qua kẽ răng. Ngài Roke có thể thấy vẻ nhụt chí của anh ta: Thứ mà

anh ta đang tìm kiếm là một tấm mẽ đay dạng hộp trên sợi dây chuyền vàng quanh cổ Phu nhân Coulter.

Ngài Roke lặng lẽ đi men theo dãy ván chân tường về phía cửa ra vào.

Vị linh mục lại làm dấu thập giá, vì anh ta sắp phải chạm vào người bà. Nín thở, anh ta cúi xuống giường - con khi vàng đột nhiên rung mình.

Người đàn ông trẻ tuổi đóng băng, hai tay vẫn đang chìa ra. Con linh thú thỏ của anh ta run rẩy dưới chân chủ, hoàn toàn vô dụng: Ít nhất nó cũng có thể cảnh giới cho con người tội nghiệp này chứ, Ngài Roke nghĩ. Con khi trở mình trong giấc ngủ rồi lại nằm yên trở lại.

Sau một phút đứng như tượng sáp, Sư huynh Louis hạ thấp đôi tay run rẩy của mình xuống cổ Phu nhân Coulter. Anh ta rờ rẫm lâu đến mức Ngài Roke nghĩ khéo bình minh sẽ lên trước khi công việc lấy cắp này được hoàn thành, nhưng cuối cùng anh ta cũng nhẹ nhàng nâng cái mẽ đay lên và ngồi dậy.

Ngài Roke, nhanh nhạy và lặng lẽ như một con chuột, đã ra khỏi cửa trước khi vị linh mục kịp quay người lại. Ông đứng đợi trong khu hành lang tối thui, và khi người đàn ông trẻ rón rén bước ra rồi vặn khóa cửa, mật thám người Gallivespia liền bám theo sau.

Sư huynh Louis tiến đến tòa tháp. Khi vị Chủ tịch mở cửa phòng mình, Ngài Roke phóng vọt qua rồi hướng tới chiếc ghế cầu kinh nằm trong góc phòng. Rồi ông tìm thấy một gờ tường chìm trong bóng tối, nơi ông thu mình lắng nghe.

Cha MacPhail không chỉ có một mình: Chân Kế gia Đan sĩ Pavel đang bận rộn với đồng sách vở của mình, và một dáng người khác đang căng thẳng đứng bên cửa sổ. Đó là Tiến sĩ Cooper, nhà thần học thực nghiệm đến từ Bolvangar. Cả hai đều ngẩng lên nhìn.

“Làm tốt lắm, Sư huynh Louis,” Chủ tịch nói. “Mang nó lại đây, ngồi xuống, cho ta xem, cho ta xem nào. Tốt lắm!”

Đan sĩ Pavel dịch chuyển vài cuốn sách, vị tu sĩ trẻ liền đặt sợi dây chuyền vàng lên bàn. Những người khác cúi xuống nhìn trong lúc Cha MacPhail hí hoáy với chiến lợi phẩm. Tiến sĩ Cooper đưa cho ông ta một con dao bỏ túi, và rồi một tiếng tách nhỏ vang lên.

“Hà!” Chủ tịch thở phào.

Ngài Roke trèo lên nóc bàn để có thể nhìn rõ. Trong ánh sáng đèn dầu lóe lên một ánh vàng thắm: Đó là một lọn tóc, Chủ tịch đang vôn vê nó giữa các kẽ ngón tay, xoay nó hết hướng này lại sang hướng kia.

“Chúng ta có chắc chắn rằng đây là tóc của đứa bé không?” Ông ta hỏi.

“Tôi xin đảm bảo,” giọng nói mệt mỏi của Đan sĩ Pavel vọng tới.

“Và thế này là đủ chứ, Tiến sĩ Cooper?”

Người đàn ông mặt tái nhợt cúi xuống thấp rồi cầm lấy lọn tóc từ những ngón tay của Cha MacPhail. Ông giơ nó lên ánh sáng.

“Ồ, vâng,” ông đáp. “Một sợi tóc cũng là đủ rồi. Thế này thì dư dả quá.”

“Ta rất vui khi nghe thấy như vậy,” Chủ tịch nói. “Bây giờ, Sư huynh Louis ạ, anh phải trả lại chiếc mề đay lên cổ của vị phu nhân tốt bụng.”

Vị linh mục hơi chùn xuống: Anh ta cứ hi vọng nhiệm vụ thế là đã xong. Chủ tịch đặt lọn tóc của Lyra vào một tấm phong bì rồi đóng chiếc mề đay lại, vừa ngước lên nhìn xung quanh vừa làm vậy, khiến Ngài Roke phải trốn đi.

“Thưa Cha Chủ tịch,” Sư huynh Louis nói, “tôi đương nhiên sẽ làm theo mệnh lệnh của ngài, nhưng liệu tôi có thể biết vì sao ngài lại cần tóc của đứa bé không?”

“Không, Sư huynh Louis ạ, vì điều đó sẽ khiến anh bị xáo trộn. Cứ để những vấn đề này cho chúng ta lo. Đi đi.”

Người đàn ông trẻ tuổi cầm lấy cái mề đay và bỏ đi, cơn phản uất bùng lên âm ỉ trong người. Ngài Roke nghĩ đến việc trở lại cùng với anh ta, rồi đánh thức Phu nhân Coulter dậy ngay khi anh ta định thay thế sợi dây, để

xem bà sẽ làm gì; nhưng việc quan trọng hơn là phải tìm ra xem những người này dự tính làm gì.

Sau khi cửa đóng lại, mật thám người Gallivespia quay trở lại trong bóng tối và lắng nghe.

“Làm sao ông biết được bà ta cất giữ nó ở đâu?” Nhà khoa học hỏi.

“Cứ mỗi lần nhắc đến đứa trẻ,” Chủ tịch giải thích, “bà ta lại đưa tay lên chiếc mề đay. Giờ thì, bao giờ thì nó sẵn sàng được?”

“Chỉ vài giờ thôi,” Tiến sĩ Cooper đáp.

“Còn lộn tóc? Ông sẽ làm gì với nó?”

“Chúng tôi sẽ đặt nó vào buồng cộng hưởng. Ông biết đó, mỗi cá nhân đều rất đặc biệt, và sự sắp xếp của các hạt di truyền cũng rất khác nhau... Vâng, ngay sau khi được phân tích, thông tin sẽ được mã hóa thành một chuỗi xung mạch và được chuyển đến thiết bị đích. Nó sẽ định vị được nguồn gốc của vật liệu, của lộn tóc, dù cho con bé có ở đâu đi nữa. Quá trình này thật ra là tận dụng thuyết dị giáo Barnard-Stokes, ý tưởng về đa thế giới...”

“Đừng tự làm mình lo sợ, Tiến sĩ ạ. Đan sĩ Pavel đã cho ta biết rằng đứa trẻ đang ở trong một thế giới khác. Xin cứ nói tiếp. Sức mạnh của quả bom sẽ được định hướng nhờ những sợi tóc này?”

“Vâng. Từ từng sợi tóc của người mà chúng đã bị cắt rời ra. Đúng vậy.”

“Vậy khi nó nổ, đứa trẻ sẽ bị hủy diệt, dù cho nó có ở đâu đi nữa?”

Một tiếng hít nặng nề phát ra từ nhà khoa học, rồi tới câu trả lời miễn cưỡng “Vâng”. Ông nuốt nước miếng rồi nói tiếp: “Phải cần tới nguồn năng lượng khổng lồ. Năng lượng mạch. Cũng giống như một quả bom nguyên tử cần chất nổ có sức công phá lớn để ép uranium lại với nhau và khởi động chuỗi phản ứng, thiết bị này cần một dòng mạch vĩ đại để giải phóng một năng lượng lớn hơn nhiều của quá trình cắt đứt. Tôi đang tự hỏi...”

“Không quan trọng nó nổ chỗ nào, phải không?”

“Phải. Đó mới là điểm mấu chốt. Bất cứ đâu cũng được.”

“Vậy nó đã hoàn toàn sẵn sàng rồi chứ?”

“Giờ khi đã có lộn tóc, phải. Nhưng nguồn năng lượng, ông thấy đấy...”

“Ta đã cân nhắc điều đó rồi. Trạm phát thủy mạch tại Saint- Jean-les-Eaux đã được trưng dụng cho chúng ta dùng. Họ sản xuất ra đủ năng lượng ở đó, ông không nghĩ vậy sao?”

“Vâng,” nhà khoa học đáp.

“Vậy thì chúng ta nên bắt đầu ngay thôi. Ông hãy đi kiểm tra cỗ máy đi, Tiến sĩ Cooper. Hãy sẵn sàng để vận chuyển nó ngay khi có thể. Thời tiết trên núi thay đổi rất nhanh chóng, có một cơn bão lại đang ập tới nữa.”

Nhà khoa học nhận lấy tấm phong bì nhỏ đựng tóc của Lyra rồi căng thẳng cúi chào trước khi bỏ đi. Ngài Roke cũng đi cùng với ông ta, lặng lẽ như một cái bóng.

Ngay khi đã ra khỏi tầm nghe từ phòng của Chủ tịch, mật thám người Gallivespia liền xông tới. Tiến sĩ Cooper, đứng dưới viên mật thám trên cầu thang, cảm thấy một cú chích đau nhói trên vai mình, ông liền tóm lấy tay vịn: Nhưng với cánh tay yếu ớt đến kì lạ, ông ta trượt chân và lộn nhào xuống tận chân cầu thang, gần như bất tỉnh.

Ngài Roke gặp chút khó khăn khi giật tấm phong bì ra khỏi bàn tay đang co giật của người đàn ông, vì nó to bằng nửa người ông, rồi lẩn vào bóng tối, tiến về phía căn phòng nơi Phu nhân Coulter đang say ngủ.

Khe hở dưới chân cửa đủ rộng để cho ông luồn qua. Sư huynh Louis đã đến và đi, nhưng anh ta không dám thử cài sợi dây chuyền quanh cổ Phu nhân Coulter: Nó được đặt lại trên gối bên cạnh bà.

Ngài Roke ấn vào tay bà để đánh thức bà dậy. Phu nhân Coulter đã hoàn toàn kiệt sức, nhưng mắt bà tập trung vào ông ta ngay lập tức. Bà ngồi dậy và dụi mắt.

Ông giải thích chuyện xảy ra rồi đưa tấm phong bì cho bà.

“Bà nên hủy nó ngay lập tức đi,” ông nói, “một sợi tóc cũng là đủ, người đàn ông đã nói vậy.”

Bà nhìn lộn tóc nhỏ màu vàng thẫm rồi lắc đầu.

“Quá muộn để làm vậy rồi,” bà nói. “Đây chỉ là một nửa lộn tóc tôi cắt từ Lyra. Ông ta hẳn đã giữ lại một ít.”

Ngài Roke liền tức tối rít lên.

“Khi hẳn nhìn xung quanh!” Ông kêu lên. “A - tôi đã phải di chuyển để ra khỏi tầm mắt của hẳn - chắc hẳn lúc đó hẳn đã để nó sang một bên...”

“Mà chẳng có cách nào biết được ông ta đã để nó ở đâu,” Phu nhân Coulter nói. “Nhưng nếu chúng ta có thể tìm thấy quả bom...”

“Suyt!”

Đó là tiếng của con khỉ vàng. Nó đang thu người nghe ngóng bên cửa ra vào, và rồi họ cũng nghe thấy: Những tiếng bước chân nặng nề, vội vã chạy về phía căn phòng.

Phu nhân Coulter dúm chiếc phong bì và lộn tóc cho Ngài Roke, ông ta vội cầm lấy rồi nhảy lên nóc tủ quần áo. Sau đó bà nằm xuống cạnh con linh thú của mình đúng lúc chìa khóa vặn ầm ỉ trên cửa.

“Nó đâu rồi? Bà đã làm gì với nó? Bà đã tấn công Tiến sĩ Cooper như thế nào?” Giọng nói khàn đặc của vị Chủ tịch cất lên khi ánh sáng hắt lên giường.

Phu nhân Coulter hất một cánh tay lên để che mắt rồi vất vả ngồi dậy.

“Ông quả là rất thích giúp cho khách khứa giải trí,” bà ngái ngủ nói. “Đây là một trò chơi mới à? Tôi phải làm gì đây? Mà Tiến sĩ Cooper là ai thế?”

Nhân viên bảo vệ ở nhà gác bước vào cùng với Cha MacPhail, rọi đèn pin vào các góc phòng rồi dưới gầm giường, Chủ tịch cảm thấy hơi bối rối: Mắt Phu nhân Coulter nặng trĩu vì ngái ngủ, bà gần như không thể nhìn nổi trong ánh đèn hắt vào từ ngoài hành lang. Rõ ràng là bà chưa hề rời khỏi giường.

“Bà có đồng phạm,” ông nói. “Có kẻ nào đó đã tấn công một vị khách của học viện. Đó là ai? Ai đã đến đây cùng với bà? Hẳn ta đang ở đâu?”

“Tôi hoàn toàn không hiểu nổi ông đang nói về chuyện gì. Mà cái gì thế này...?”

Bàn tay bà vừa chống xuống để đỡ người ngồi dậy đã đặt trúng vào chiếc ghế nằm trên gối. Bà dừng lại, cầm nó lên, nhìn về phía Chủ tịch với đôi mắt ngái ngủ đang mở to, và Ngài Roke thấy được một màn diễn kịch xuất sắc khi bà nói về bối rối: “Nhưng đây là... sao nó lại ở đây? Cha MacPhail, ai đã ở đây vậy? Có kẻ nào đó đã lấy thứ này từ cổ tôi ra. Mà - *tóc của Lyra đâu rồi?* Có một lọn tóc của con gái tôi ở trong này. Ai đã lấy nó đi? Tại sao? Chuyện gì đang diễn ra thế này?”

Và giờ bà đã đứng dậy, tóc rối bời, giọng nói sôi sục - rõ ràng bà cũng hoang mang không kém gì chính ông Chủ tịch.

Cha MacPhail lùi lại một bước rồi chống tay lên đầu.

“Chắc chắn một kẻ nào khác đã đến cùng với bà. Chắc chắn phải có một kẻ đồng phạm,” ông ta nói bằng một giọng the thé. “Hắn đang trốn ở đâu?”

“Tôi không có đồng phạm nào hết,” bà giận dữ nói. “Nếu có một kẻ ám sát vô hình tại nơi này, tôi chỉ có thể hình dung ra đó chính là Quỷ dữ thôi. Tôi dám chắc rằng hắn đang thấy thoải mái như ở nhà mình vậy.”

Cha MacPhail nói với nhân viên bảo vệ: “Đưa bà ta xuống hầm. Xích bà ta lại. Ta biết chính xác điều chúng ta có thể làm với người đàn bà này; đáng ra ta nên nghĩ tới việc đó ngay khi bà ta xuất hiện.”

Bà điên cuồng nhìn xung quanh và bắt gặp ánh mắt của Ngài Roke, long lanh trong bóng tối gần trần nhà, trong một tích tắc. Ông lập tức bắt được biểu cảm của bà, và hiểu ra chính xác việc bà muốn mình thực hiện.

Saint-Jean-les-Eaux

Chiếc vòng tay làm từ tóc sáng bên khung xương

John Donne

Thác nước lớn của Saint-Jean-les-Eaux đổ xuống giữa những chóp đá nhọn hoắt tại đầu phía đông của một mũi núi thuộc dãy Alps, còn trạm phát thì bám ở sườn núi phía trên đó. Đây là một vùng đất hoang dại, trống trải và méo mó, đáng ra đã chẳng có ai xây dựng bất cứ thứ gì ở đây, nếu không phải vì triển vọng vận hành những cỗ máy phát mạch khổng lồ nhờ sức của hàng ngàn tấn nước đang âm ào chảy qua hẻm núi.

Lúc đó là buổi đêm sau cái ngày Phu nhân Coulter bị bắt, bão tố bắt đầu nổi lên. Gần tảng đá dựng đứng nằm trước trạm phát, một chiếc zeppelin bay chậm dần rồi lơ lửng trong gió táp dữ dội. Những ngọn đèn dò đường bên dưới chiếc phi cơ khiến nó trông như thể đang đứng trên vài cái chân làm từ ánh sáng và đang dần dần hạ thấp người để nằm xuống.

Nhưng viên phi công không cảm thấy thỏa mãn; các sống núi đã biến gió thành lốc xoáy và gió tạt ngang. Bên cạnh đó, các dây cáp, cột tháp, máy biến thế lại ở quá gần: Một chiếc zeppelin chứa đầy khí cháy mà bị tạt vào giữa những thứ đó thì sẽ gây ra thảm họa tức thì. Mưa tuyết đập xiên vào lớp vỏ cứng vĩ đại của chiếc phi cơ, tạo ra tiếng ồn gần như nhấn chìm tiếng lạch cạch gầm rú của các động cơ đang bị quá tải, và che lấp tầm nhìn xuống mặt đất.

“Không phải ở đây,” viên phi công hét lên át tiếng ồn. “Chúng ta sẽ vòng qua mũi núi.”

Cha MacPhail hừng hực quan sát khi viên phi công đẩy van tiết lưu lên trước và điều chỉnh trọng tải của các động cơ. Chiếc zeppelin tròn trành dâng lên rồi bay qua gờ núi. Những cái chân bằng ánh sáng đột ngột kéo dài ra, rồi dường như đang lần tìm đường đi xuống khỏi đỉnh núi, đầu dưới thấp của chúng biến mất trong cơn lốc xoáy của bão tuyết và mưa.

“Ông không thể đến gần trạm hơn thế này à?” Chủ tịch hỏi, ngả người về phía trước để giọng của mình tới được chỗ phi công.

“Không, nếu ông muốn hạ cánh,” viên phi công đáp.

“Phải, chúng tôi muốn hạ cánh. Hiểu rồi, cho chúng tôi xuống chỗ bên dưới đỉnh núi đi.”

Phi công ra lệnh cho phi hành đoàn chuẩn bị dây neo. Do thiết bị mà họ sắp dỡ xuống vừa nặng lại vừa dễ vỡ, việc buộc chắc chiếc phi cơ là rất quan trọng. Chủ tịch ngả người ra sau, gõ gõ các ngón tay lên tay vịn của ghế ngồi, gặm môi, nhưng không nói gì và để yên cho người phi công làm việc.

Từ chỗ trốn của mình trong những vách ngăn nằm ngang ở đằng sau buồng lái, Ngài Roke đứng quan sát. Vài lần trong suốt chuyến bay, hình dạng mờ ảo nhỏ xíu của ông đã chạy qua đằng sau lớp lưới kim loại, hiện rõ mồn một nếu có ai đó đang nhìn, chỉ cần họ quay đầu lại; nhưng để nghe được chuyện gì đang diễn ra, ông phải tới nơi mà họ có thể thấy được ông. Rủi ro là điều không thể tránh khỏi.

Ông lách người lên phía trước, căng tai ra lắng nghe trong tiếng rống của động cơ, tiếng ầm ầm của mưa đá và bão tuyết, tiếng ca chói tai của gió trong các ống dây, và tiếng lạch cạch của những bàn chân đi giày bột trên các cầu ván bằng kim loại. Viên kỹ sư hàng không gọi vài người đến trước phi công, ông ta xác nhận họ, và Ngài Roke lùi lại vào trong bóng tối, bám chặt vào các thanh chống và xà trong lúc chiếc khí cầu lao xuống rồi nghiêng đi.

Cuối cùng, cảm nhận được từ chuyển động của con tàu rằng nó đã gần như được neo chắc, ông trở về qua lớp vỏ của buồng lái để tới dãy ghế bên

phía mạn phải.

Các thành viên của phi hành đoàn, kĩ thuật viên, tu sĩ, tất cả đều đang rầm rập qua lại ở cả hai hướng. Đa phần linh thú của họ đều là chó, vẻ mặt đầy hiếu kì. Ở phía bên kia của lối đi, Phu nhân Coulter ngồi thao thức và im lặng, con khỉ vàng của bà quan sát mọi thứ từ trên lòng chủ nhân, cả người tỏa ra đầy ác tâm.

Ngài Roke chờ đợi thời cơ rồi lao vút sang ghế của Phu nhân Coulter, ông đứng trong bóng tối do vai bà tạo ra trong một lúc.

“Họ đang làm gì vậy?” Bà lầm rầm.

“Đáp khí cầu. Chúng ta đang ở gần trạm phát rồi.”

“Ông có định ở lại với tôi không, hay sẽ tự làm việc của mình?” Bà thì thầm.

“Tôi sẽ ở lại với bà. Tôi sẽ phải trốn dưới áo khoác của bà.”

Bà đang mặc một chiếc áo choàng nặng trĩu bằng da cừu, nóng đến bức bí trong căn buồng bật sưởi, nhưng với đôi tay bị cùm, bà không thể cởi nó ra được.

“Vào luôn đi,” bà nói trong lúc nhìn quanh, ông liền phóng vào trong ngực bà, tìm thấy một cái túi viền lông nơi ông có thể ngồi một cách an toàn. Con khỉ vàng nhét cái cổ áo bằng lụa của Phu nhân Coulter vào phía trong một cách đầy quan tâm, hệt như một nhà thiết kế trang phục khó tính chăm chút cho người mẫu ưa thích của mình, trong suốt lúc đó đảm bảo rằng Ngài Roke đã hoàn toàn được giấu kín giữa những nếp gấp của cái áo khoác.

Nó hành động vừa kịp lúc. Chưa đầy một phút sau, một binh sĩ trang bị súng trường bước tới ra lệnh cho Phu nhân Coulter ra khỏi khí cầu.

“Tôi bắt buộc phải đeo mấy cái cùm tay này à?” Bà hỏi.

“Tôi chưa được lệnh gỡ chúng ra,” anh ta nói. “Làm ơn đứng dậy”

“Nhưng nếu không thể bám vào đâu, tôi sẽ rất khó di chuyển. Cả người tôi cứng đờ rồi - tôi đã ngồi đây gần như cả ngày mà không nhúc nhích - với lại anh cũng biết là tôi không có bất cứ thứ vũ khí nào, vì anh đã khám xét

tôi rồi. Hãy đi hỏi Chủ tịch xem có thật sự cần thiết phải còng tôi lại không. Chẳng lẽ tôi lại thử chạy trốn tại cái nơi khi ho cò gáy này?”

Ngài Roke không chịu tác động bởi sức cuốn hút của bà, nhưng lại hứng thú với ảnh hưởng của nó lên những người khác. Viên vệ binh là một thanh niên trẻ tuổi: đáng ra họ nên cử một chiến binh già tóc hoa râm mới phải.

“Vâng,” viên vệ binh nói, “tôi dám chắc là bà sẽ không làm vậy, thưa bà, nhưng tôi không thể tùy tiện làm khi chưa nhận được mệnh lệnh. Bà thấy đấy, tôi dám chắc là như vậy. Xin hãy đứng dậy, thưa bà, nếu bà có bị sẩy chân, tôi sẽ giữ lấy tay bà.”

Phu nhân Coulter đứng dậy, Ngài Roke cảm nhận được rằng bà đang vụng về tiến về phía trước. Bà là con người thanh nhã nhất mà mật thám người Gallivespia này từng gặp: Sự vụng về chỉ là giả vờ. Khi họ tới đầu cầu tàu, Ngài Roke cảm thấy bà vấp ngã rồi hét lên hoảng hốt, sau đó là chấn động khi viên vệ binh tóm lấy tay bà. Ông cũng nghe thấy sự thay đổi từ những âm thanh quanh họ; tiếng gió hú, tiếng các động cơ đều đều quay để sản sinh năng lượng thấp sáng, những tiếng ra lệnh vọng tới từ đâu đây.

Họ bước xuống cầu tàu, Phu nhân Coulter thì hẫng vào người viên vệ binh. Bà đang nói rất khẽ, và câu trả lời của anh ta cũng vừa đủ to để Ngài Roke nghe được.

“Trung sĩ, thưa bà - ở đằng kia bên cạnh cái thùng gỗ lớn - ông ấy có chìa khóa. Nhưng tôi không dám hỏi ông ấy, thưa bà, tôi rất tiếc.”

“Ồ vậy à,” bà nói rồi thở dài thườn thượt đầy tiếc nuối. “Dù sao cũng cảm ơn anh.”

Ngài Roke nghe thấy tiếng bước chân mang giày boots bỏ đi trên nền đá, và rồi bà thì thầm:

“Ông nghe về chòm chìa khóa rồi chứ?”

“Cho tôi biết viên trung sĩ ở đâu. Tôi cần biết địa điểm và khoảng cách.”

“Cách khoảng mười bước chân của tôi. Bên phải. Một người đàn ông to béo. Tôi có thể thấy đồng chìa khóa được xâu thành chùm ở thắt lưng ông ta.”

“Tôi mà không biết là cái nào thì không được đâu. Bà có thấy lúc họ khóa còng chứ?”

“Có. Một cái chìa khóa ngăn ngùn và dày cộp với băng dính đen quấn quanh.”

Ngài Roke chậm chậm trèo xuống, tay đổi tay, trong lớp lông dày của cái áo choàng, cho tới khi ông đến được viền áo ở tầm đầu gối của bà. Rồi ông bám chắc và nhìn quanh.

Một cây đèn pha đã được lắp đặt và đang phản ánh sáng chói lọi trên những tảng đá ướt. Nhưng khi nhìn xuống, kiểm tra khắp nơi để tìm chỗ bóng đổ, ông thấy ánh đèn bắt đầu bị tắt sang một bên bởi một luồng gió mạnh. Ông nghe thấy một tiếng hét, rồi ánh sáng đột ngột tắt phụt đi.

Ông lập tức nhảy xuống đất rồi lao qua màn mưa tuyết vùn vụt quất, hướng tới chỗ viên trung sĩ, người đang lao đảo ngả về phía trước, cố gắng bắt lấy cây đèn pha đang đổ xuống.

Trong cơn hỗn loạn, Ngài Roke nhảy tới chân của gã đàn ông to lớn vào lúc nó xoay qua người ông, tóm lấy lớp vải bông ngự trang trên quần hần - nặng trĩu đầy nước mưa - rồi thọc một bên cựa vào phần thịt ngay phía trên ống giày.

Viên trung sĩ gầm lên một tiếng rồi vụng về ngã vật xuống, ôm chặt lấy chân, cố gắng thở, cố gắng hét lên. Ngài Roke rút cựa ra rồi nhảy bắn ra khỏi cơ thể đang gục xuống.

Chẳng có ai để ý thấy: Tiếng ồn từ gió, động cơ, tiếng mưa đá đập bồm bộp đã bịt lấy tiếng kêu của người đàn ông, và trong bóng tối, không ai thấy được cơ thể của hắn. Nhưng còn có những người khác đang đứng gần đó nên Ngài Roke phải thực hiện khẩn trương. Ông nhảy lên sườn của gã đàn ông vừa ngã xuống, nơi chùm chìa khóa nằm trong một vũng nước lạnh cóng, rồi lôi sang một bên những tấm sắt lớn, chu vi to bằng cánh tay và dài bằng nửa người ông, cho tới khi tìm thấy cái có bọc băng dính đen. Ngoài

ra, ông còn phải vật lộn với cái móc của vòng đeo chìa khóa và rủi ro không ngừng tới từ mưa đá, một thứ nguy hiểm chết người đối với người Gallivespia: Những khối băng to như hai nắm đấm của ông cộng lại.

Rồi một giọng nói phía trên ông vang lên: “Ông ổn chứ, Trung sĩ?”

Linh thú của người lính đang gầm gừ và sục sạo người viên trung sĩ, giờ đã rơi vào trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Ngài Roke không thể đợi được: Một cú nhảy và một cú đá, rồi người kia đổ xuống bên cạnh viên trung sĩ.

Vừa kéo, vừa bẻ, vừa nâng, Ngài Roke cuối cùng cũng mở được vòng treo chìa khóa ra, rồi ông phải nâng sáu chiếc chìa khác ra trước khi lấy được chiếc có băng dính đen. Họ có thể bật đèn lên lại bất cứ lúc nào, nhưng kể cả trong cảnh tranh tối tranh sáng, họ cũng khó có thể bỏ qua hai người đàn ông đang nằm bất tỉnh...

Trong lúc ông đang nâng chiếc chìa khóa ra thì một tiếng hét vọng tới. Ông bèn dùng hết sức bình sinh kéo miếng sắt đồ sộ lên, giật, lôi, nâng, lết, kéo, rồi trốn vào bên hông một tảng đá nhỏ vừa lúc tiếng bước chân rầm rập kéo tới và tiếng ra lệnh thắp sáng vang lên.

“Bị bắn à?”

“Chẳng nghe thấy gì cả...”

“Họ còn thở không?”

Rồi cây đèn pha, sau khi được cố định lại, liền được bật lên một lần nữa. Ánh sáng rọi thẳng vào chỗ Ngài Roke đang trốn, rõ như một con cáo trước ánh đèn pha xe hơi. Ông đứng im như tượng, mắt đảo hết sang trái rồi lại sang phải, và khi đã biết chắc rằng mọi người đang dồn sự chú ý lên hai người đàn ông vừa ngã xuống một cách bí ẩn, ông nâng chiếc chìa khóa lên vai rồi chạy vòng qua những vũng nước mưa và đá cuội cho tới khi đến được chỗ Phu nhân Coulter.

Chỉ một giây sau, bà đã mở được khóa còng và nhẹ nhàng thả nó xuống mặt đất. Ngài Roke nhảy lên vạt áo khoác rồi chạy lên vai bà.

“Quả bom ở đâu?” Ông hỏi sát ngay tai bà.

“Họ vừa mới bắt đầu dỡ nó xuống. Chính là cái thùng gỗ lớn trên mặt đất đằng kia. Tôi không thể làm gì cho tới khi họ dỡ nó ra, mà ngay cả khi đó...”

“Được rồi,” ông nói, “đi đi. Trốn đi. Tôi sẽ ở lại đây quan sát. Đi đi!”

Ông nhảy xuống đến tay áo bà rồi vụt lao đi. Không gây ra một tiếng động nào, bà lẩn khỏi ánh đèn, ban đầu thật chậm rãi để không gây chú ý đến viên vệ binh, rồi bà thu mình chạy vào bóng tối bị mưa quật phía cao trên con dốc, con khỉ vàng lao đi trước để nhìn đường.

Phía sau, bà vẫn nghe thấy tiếng gầm không ngớt của các động cơ, những tiếng hét đầy lúng túng, giọng nói quyền lực của Chủ tịch đang cố gắng ra chỉ thị ngay tại chỗ. Bà nhớ lại cơn đau và ảo giác dai dẳng khủng khiếp mà mình phải chịu do cựa của Hiệp sĩ Tialys, bà chẳng ham muốn gì quá trình hồi tỉnh của hai người đàn ông đâu.

Nhưng chẳng bao lâu sau bà đã ở trên cao, leo qua những tảng đá ướt đầm, và tất cả những gì bà có thể nhìn thấy phía sau là ánh sáng bập bùng của cây đèn pha phản chiếu ngược trở lại từ cái bụng căng tròn của chiếc zeppelin; nhưng ngay lúc đó nó lại phụt tắt, và tất cả những gì bà có thể nghe thấy là tiếng gầm động cơ, gắng sức một cách vô ích trước gió và thác nước lớn đang âm ào đổ xuống.

Các kĩ sư từ trạm thủy mạch đang vật lộn trên rìa hẻm núi để đem cáp phát động đến chỗ quả bom.

Vấn đề của Phu nhân Coulter không phải là làm thế nào để sống sót thoát ra khỏi tình huống này: Đó chỉ là vấn đề thứ yếu. Vấn đề là làm sao lấy được tóc của Lyra ra khỏi quả bom trước khi người ta khởi động nó. Ngài Roke đã đốt chỗ tóc trong phong bì sau khi bà bị bắt đi, để cho gió mang tàn tro vào bầu trời đêm; sau đó ông tìm đường đến phòng thí nghiệm và quan sát họ đặt phần còn lại của lọn tóc màu vàng sẫm vào buồng cộng hưởng để chuẩn bị. Ông biết chính xác nó ở đâu, và làm cách nào để mở được căn phòng, nhưng thứ ánh sáng rực rỡ và các bề mặt lấp lánh bên trong phòng

thí nghiệm, chưa nói đến việc các kĩ thuật viên cứ liên tục đến và đi, khiến ông không thể can thiệp vào bất cứ việc gì ở đó.

Vì vậy họ sẽ phải gỡ lộn tóc ra sau khi quả bom đã được thiết lập.

Nhưng việc đó sẽ còn khó khăn hơn, vì điều mà Chủ tịch định làm với Phu nhân Coulter. Năng lượng cho quả bom tới từ việc cắt rời mối liên kết giữa con người và linh thú, đồng nghĩa với quá trình cắt đứt đáng ghê tởm: những cái lồng bằng lưới, máy chém bằng bạc. Ông ta định chia tách mối liên kết cả đời giữa bà và con khỉ vàng, rồi sử dụng năng lượng giải phóng ra từ đó để hủy diệt con gái của bà. Bà và Lyra sẽ phải bỏ mạng bằng chính phương pháp mà bà đã sáng chế ra. Ít nhất thì nó cũng nhanh gọn, bà nghĩ.

Hi vọng duy nhất của bà là Ngài Roke. Nhưng trong những lần thì thầm trao đổi trên chiếc zeppelin, ông đã giải thích về sức mạnh của những cái cựa tằm độc của mình: Ông không thể liên tục sử dụng chúng, bởi vì sau mỗi lần chích, nọc độc sẽ bị yếu đi. Phải mất một ngày để hiệu lực được hồi phục đầy đủ. Chẳng mấy chốc, vũ khí chủ chốt của ông sẽ mất tác dụng, và họ sẽ chỉ còn lại trí thông minh của mình.

Bà tìm thấy một tảng đá nhô ra bên cạnh bộ rễ của một cây vân sam bám trên sườn của hẻm núi, rồi ngồi xuống bên dưới để nhìn ra xung quanh.

Ở đằng sau và phía trên bà, qua miệng của khe núi và trong áp lực mãnh liệt của gió, tọa lạc trạm phát mạch. Các kĩ sư đang lắp đặt một loạt đèn chiếu để hỗ trợ việc chuyển dây cáp đến chỗ quả bom: Bà có thể nghe thấy giọng họ ở cách đó không xa, hét lên các mệnh lệnh, và thấy ánh sáng nhấp nháy qua những tán cây. Bản thân sợi dây cáp, dày như cánh tay một người đàn ông, đang được kéo ra từ một ống dây khổng lồ trên chiếc xe tải ở đỉnh dốc. Nếu đi lách xuống qua những tảng đá, họ sẽ tới được chỗ quả bom trong vòng năm phút hoặc ít hơn.

Bên chiếc zeppelin, Cha MacPhail đã tập hợp binh sĩ lại. Vài người đứng gác, phóng tầm mắt ra bóng tối dày đặc mưa tuyết với súng trường sẵn sàng trong tay, trong lúc những người khác mở cái thùng gỗ chứa quả bom và chuẩn bị cho nó sẵn sàng tiếp nhận sợi cáp. Phu nhân Coulter có thể thấy quả bom rõ mồn một trong ánh đèn pha sáng rực, tuôn chảy cùng với mưa,

một đồng máy móc và dây nhợ cồng kềnh nằm hơi nghiêng trên nền đá. Bà nghe thấy tiếng lách tách và o o đầy căng thẳng phát ra từ mấy cây đèn, nơi những sợi cáp đu đưa trong gió, làm tung rắc nước mưa, hắt bóng lên những tảng đá rồi lại hạ xuống, như một sợi dây nhảy kì cục.

Phu nhân Coulter thấy quen thuộc một cách khó chịu với một phần của cấu trúc này: Những cái lồng bằng lưới, với lưới dao bạc treo bên trên, chúng đứng ở một đầu của cỗ máy. Phần còn lại của nó lại xa lạ với bà; bà không thể hiểu nổi chút nguyên lí nào đằng sau những cuộn dây, chai lọ, những đồng chất cách điện, lưới mắt cáo trên hệ thống ống. Dù thế nào thì đầu đó trong toàn bộ sự rối rắm phức tạp này là một lọn tóc nhỏ mà mọi thứ đều dựa vào đó.

Ở bên trái bà, con dốc đâm thẳng xuống bóng tối đen đặc, ở tít sâu bên dưới ánh lên một màu trắng le lói, cùng với tiếng ầm ầm của nước đổ từ ngọn thác của Saint-Jean-les-Eaux.

Có tiếng hét vọng tới. Một binh sĩ thả rơi khẩu súng trường rồi ngã chúi về phía trước, hấn đổ ụp xuống đất, quẫy đạp và rên rỉ vì đau đớn. Thấy vậy, Chủ tịch liền nhìn lên trời, chụm hai tay vào miệng rồi hét lên một tiếng chói tai.

Ông ta đang làm gì vậy?

Một lúc sau, Phu nhân Coulter đã hiểu ra. Trong số tất cả những thứ khó xảy ra nhất, một phù thủy bay tới rồi đáp xuống bên cạnh Chủ tịch trong khi ông ta hét lên át tiếng gió:

“Lục soát xung quanh đi! Có thứ sinh vật nào đó đang giúp đỡ mụ đàn bà. Nó đã tấn công vài người của tôi rồi. Người có thể nhìn xuyên qua màn đêm. Tìm rồi giết nó đi!”

“Có thứ gì đó đang tới,” ả phù thủy nói bằng một chất giọng truyền đi rõ rệt tới nơi trú ẩn của Phu nhân Coulter. “Tôi có thể thấy nó ở hướng bắc.”

“Mặc kệ nó. Tìm sinh vật kia rồi tiêu diệt nó đi,” Chủ tịch kêu lên. “Nó không thể đi xa được. Tìm cả mụ đàn bà nữa. Đi đi!”

Ả phù thủy lại lao lên không trung.

Đột nhiên con khi siết chặt lấy tay Phu nhân Coulter rồi chỉ trở.

Ngài Roke đang ở đó, nằm lơ lửng trên một mảng rêu. Sao họ lại không nhìn thấy ông ta nhỉ? Nhưng có chuyện gì đó đã xảy ra, vì ông không hề cử động.

“Đi mang ông ấy về đây,” bà nói. Con khi liền cúi người thật thấp, lao từ tảng đá này sang tảng đá khác, hướng tới mảng màu xanh nhỏ xíu giữa những khối đá. Bộ lông vàng óng của nó đã nhanh chóng thấm lại vì nước mưa và dính chặt vào người, khiến nó trở nên nhỏ hơn và khó bị phát hiện hơn, nhưng dù sao thì nó vẫn cực kì lộ liễu.

Trong lúc đó, Cha MacPhail quay lại với quả bom. Các kĩ sư từ trạm phát đã đem dây cáp xuống thẳng chỗ nó, còn các kĩ thuật viên thì đang bận rộn đóng các bàn kẹp và chuẩn bị sẵn sàng các cực dẫn.

Phu nhân Coulter thắc mắc không biết ông ta định làm gì khi nạn nhân của mình đã trốn thoát. Rồi Chủ tịch quay lại để nhìn qua vai, và bà thấy được biểu hiện của ông ta. Nhìn bất động và dữ dội tới mức trông ông ta giống một cái mặt nạ hơn là một con người. Môi lăm lăm cầu nguyện, mắt mở to để mặc cho mưa đập vào, tổng thể nhìn ông ta chẳng khác gì một bức họa Tây Ban Nha u ám nào đó về một vị thánh đang mê mẩn trong sự nghiệp tử vì đạo của mình. Phu nhân Coulter đột ngột cảm thấy một nỗi sợ dâng trào, bởi vì bà biết chính xác ông ta dự định làm gì: Ông ta sẽ hi sinh bản thân. Quả bom sẽ vẫn được kích hoạt dù có sự tham gia của bà hay không.

Nhảy từ tảng đá này sang tảng đá kia, con khi vàng tới được chỗ Ngài Roke.

“Chân trái của tôi bị gãy rồi,” mật thám người Gallivespia điềm tĩnh nói. “Tên cuối cùng đã giẫm lên tôi. Nghe cho kĩ này...”

Trong lúc con khi nâng ông ra khỏi vùng sáng, Ngài Roke giải thích chính xác vị trí của buồng cộng hưởng và làm thế nào để mở nó ra. Họ gần như đang ở ngay dưới tầm mắt của các binh sĩ, nhưng từng bước một, từ khoảng tối này sang khoảng tối khác, con linh thú lên đi với gánh nặng nhỏ xíu trên tay.

Phu nhân Coulter, vừa nhìn vừa căn môi, nghe thấy một tiếng gió rít và cảm thấy một cú va chạm mạnh - không phải vào người bà mà là vào thân cây. Một mũi tên rung rinh đang cắm ở đó, cách không đầy một gang tay từ cánh tay trái của bà. Lập tức bà lộn người đi, trước khi ả phù thủy có thể bắn một mũi khác, rồi đổ nhào xuống con dốc về phía con khỉ.

Và rồi mọi thứ xảy đến cùng một lúc, quá nhanh chóng: Một loạt đạn nổ ra, một đám khói cay xè cuộn cuộn bốc qua con dốc, dù bà không thấy có ngọn lửa nào. Con khỉ vàng, thấy rằng Phu nhân Coulter đang bị tấn công, liền đặt Ngài Roke xuống và lao tới bảo vệ bà, ngay khi ả phù thủy lao xuống với con dao cầm sẵn trong tay. Ngài Roke ép mình vào tảng đá gần nhất, trong lúc Phu nhân Coulter tay bo đánh vật với ả phù thủy. Họ điên cuồng vật lộn giữa đám đá lởm chởm, trong lúc con khỉ vàng chạy xung quanh, bẻ gãy tất cả gai trên cành thông mây của ả phù thủy.

Cùng lúc đó, Chủ tịch đẩy con linh thú thằn lằn của mình vào bên lồng bằng lưới bạc nhỏ hơn. Nó oằn người, gào thét, quẫy đạp rồi cắn, nhưng ông ta lấy tay đập nó rồi vội vàng đóng sập cửa lại. Các kĩ thuật viên đang thực hiện những điều chỉnh cuối cùng, kiểm tra đồng hồ và các thước đo.

Không hiểu từ đâu, một con mòng biển lao xuống với một tiếng kêu hoang dại, rồi quặp chặt lấy mặt thám người Gallivespia trong bộ móng của mình. Đó là linh thú của ả phù thủy. Ngài Roke chống cự quyết liệt, nhưng con chim giữ rất chắc, sau đó ả phù thủy giăng thoát khỏi bàn tay của Phu nhân Coulter, vớ lấy cành thông mây tẻ toại, rồi lao lên không trung để nhập hội với con linh thú.

Phu nhân Coulter lao người về phía quả bom, cảm thấy màn khói tấn công mũi và cổ họng mình như những cái vuốt sắc: Hơi cay. Các binh sĩ, phần lớn đều đã gục xuống hoặc ngã ra đất ho hắng (Cái thứ khí này từ đâu tới vậy, bà tự hỏi?) nhưng giờ, khi gió đã phát tán nó đi, họ đang bắt đầu trấn tĩnh lại. Cái bụng lấp gọng khổng lồ của chiếc zeppelin sừng sững phía trên quả bom, kéo căng sợi dây cáp trong gió, hai bên thành màu bạc dầm dề hơi ẩm.

Nhưng đúng lúc đó một âm thanh từ trên cao khiến tai Phu nhân Coulter ong lên: Một tiếng hét chói tai và khiếp đảm đến mức cả con khỉ vàng cũng phải tóm chặt lấy bà vì sợ. Rồi chỉ một giây sau, lao xuống trong vòng xoáy của những cánh tay và cẳng chân trắng muốt, lớp lụa đen, và những cành non xanh biếc, ả phù thủy rơi xuống ngay dưới chân của Cha MacPhail, xương cốt kêu răng rắc trên nền đá.

Phu nhân Coulter lao tới để xem liệu Ngài Roke có sống sót nổi sau cú rơi không. Nhưng mật thám người Gallivespia đã qua đời. Cái cửa phải của ông đang cắm ngập vào cổ của ả phù thủy.

Bản thân ả phù thủy cũng chỉ đang thoi thóp, miệng ả run rẩy kêu lên: “Có thứ gì đó đang tới - một thứ gì đó khác - đang tới...”

Nó chẳng có ý nghĩa gì cả. Chủ tịch đã bước qua người ả để tới cái lồng lớn hơn. Linh thú của ông ta đang chạy lên chạy xuống các thành của cái lồng còn lại, bộ móng nhỏ xíu của nó khiến lớp lưới bạc ngân lên, nó hét lên tìm sự thương hại.

Con khỉ vàng nhảy vọt lên người Cha MacPhail, nhưng không phải để tấn công: Nó trèo lên rồi lao qua vai của người đàn ông để đến được phần trung tâm phức tạp toàn những dây nối và ống dẫn, căn buồng cộng hưởng. Chủ tịch cố gắng bắt lấy nó, nhưng Phu nhân Coulter đã tóm được tay người đàn ông và cố lôi ông ta lại. Bà không thể thấy được gì: Mưa đang chảy xối xả vào mắt bà, và trong không khí vẫn còn vương lại hơi cay.

Khắp nơi xung quanh lại còn có tiếng súng nổ: Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Những cây đèn pha lắc lư trong gió khiến cho dường như chẳng có thứ gì đứng vững, kể cả những tảng đá đen ngòm của sườn núi. Chủ tịch và Phu nhân Coulter đấu tay đôi với nhau, cào, đâm, xé, kéo, cắn, mà bà thì đã mệt trong khi ông ta vẫn còn rất khỏe; nhưng bà cũng rất liêu lĩnh, đáng ra bà có thể đã lôi được ông ta đi, nhưng một phần tâm trí lại đang theo dõi con linh thú của mình khi nó vịn nắm đấm cửa, hai bàn tay màu đen dữ dội bẻ cái máy theo hướng này rồi lại vịn theo hướng kia, vừa kéo vừa xoay, rồi với vào trong...

Đột nhiên bà bị động một cú vào thái dương. Bà ngã xuống choáng váng, để cho Chủ tịch, đã bị thương, vùng thoát rồi lao mình vào lồng, kéo cửa đóng lại phía sau.

Rồi con khi mở được cửa buồng ra - một cánh cửa bằng kính trên bản lề nặng trĩu, rồi với tay vào bên trong - lộn tóc đang ở đó: bị kẹp giữa những miếng cao su trong một cái kẹp bằng sắt! Vẫn còn có thứ phải tháo gỡ. Phu nhân Coulter dựng người dậy bằng đôi tay run rẩy. Bà dùng hết sức bình sinh lắc tấm lưới bạc, nhìn lên lưỡi dao, các cực đang bắn tia lửa, người đàn ông phía trong. Con khi đang nới cái kẹp ra, còn vị Chủ tịch, vẻ mặt như một tấm mặt nạ của niềm hân hoan không gì xoay chuyển được, đang quấn các sợi cáp lại với nhau.

Một tia chớp trắng xóa dữ dội lóe lên, nổi theo bởi một tiếng *rắc*, rồi hình dáng của con khi bị hất tung lên không trung. Cùng với nó là một đám mây màu vàng óng: Là tóc của Lyra chăng? Hay là lông của chính con khi? Dù cho có là cái gì thì nó cũng lập tức bị thổi bạt vào trong bóng đêm. Bàn tay phải của Phu nhân Coulter bị chấn động mạnh đến mức nó dính chặt vào lớp lưới, khiến bà nửa nằm, nửa bị treo, trong khi đầu bà ong lên còn tim đập thình thịch.

Nhưng có một thứ đã xảy đến với tầm nhìn của bà. Một sự rõ nét khủng khiếp đập vào mắt bà, năng lực để nhìn thấy được những chi tiết nhỏ bé nhất, và chúng tập trung vào một chi tiết duy nhất quan trọng trong cả vũ trụ: Bị mắc lại trong một miếng đệm của cái kẹp trong buồng cộng hưởng là một sợi tóc vàng thẫm đơn độc.

Bà rên lên một tiếng đầy đau đớn rồi liên tục lắc cái lồng, cố gắng làm bật sợi tóc ra bằng chút sức lực ít ỏi còn lại. Chủ tịch đưa hai tay lên mặt để vuốt nước mưa đi. Miệng ông ta cử động như đang nói gì đó, nhưng bà chẳng thể nghe được một từ nào. Bà tuyệt vọng giật mạnh lớp lưới, rồi dồn toàn bộ sức nặng cơ thể để lao vào cỗ máy trong khi ông ta chụp hai sợi cáp vào với nhau, làm lóe lên một tia lửa. Trong sự câm lặng tuyệt đối, lưỡi dao bạc sáng loáng lao xuống.

Có thứ gì đó phát nổ, ở đâu đó, nhưng Phu nhân Coulter không còn có thể cảm nhận được nữa.

Một đôi tay đang nâng bà lên: Đôi tay của Ngài Asriel. Chẳng có gì phải ngạc nhiên nữa rồi; chiếc phi cơ ý lực đậu phía sau ông, lơ lửng trên con dốc và thăng bằng một cách hoàn hảo. Ông nâng bà trên tay rồi đưa bà tới chiếc phi cơ, mặc cho súng vẫn nổ, khói vẫn ngùn ngụt bốc, những tiếng kêu thét hoảng loạn và bối rối vẫn vang lên.

“Ông ta chết chưa? Bom phát nổ rồi à?” Bà cố gắng nói.

Ngài Asriel trèo vào bên cạnh bà, rồi con báo tuyết cũng nhảy vào cùng với con khỉ vàng nửa tỉnh nửa mê kẹp trong mõm. Ngài Asriel cầm lấy bộ điều khiển và chiếc phi cơ lập tức phóng lên không trung. Qua đôi mắt mờ đi vì đau, Phu nhân Coulter nhìn xuống sườn núi dốc. Người người chạy tới chạy lui như kiến vỡ tổ; vài kẻ nằm chết lặng, trong khi những kẻ khác lết đi đứt quãng trên những tảng đá; sợi cáp khổng lồ từ trạm phát oằn eo qua đồng hỗn loạn, thứ duy nhất có mục đích trong tầm mắt, chạy xuống quả bom lấp lánh nơi thi thể của Chủ tịch nằm oặt người trong lòng.

“Ngài Roke thế nào?” Ngài Asriel hỏi.

“Chết rồi,” bà thì thầm.

Ông ấn nút, một mũi giáo bằng lửa phóng về phía chiếc zeppelin đang lắc lư, tròng trành. Sau đó một tích tắc, toàn bộ con tàu bung nổ thành một đóa hồng của lửa trắng, nuốt trọn chiếc phi cơ ý lực đang đứng bất động và không chút xây xát giữa quả cầu lửa. Ngài Asriel đứng đỉnh đồi vị trí của chiếc phi cơ, rồi họ ngồi nhìn chiếc zeppelin hừng hực cháy chậm chậm rơi lên trên toàn bộ quang cảnh, quả bom, sợi cáp, các binh sĩ và tất cả những thứ khác, rồi mọi thứ bắt đầu đổ sụp vào một mớ bong bóng đầy khói và lửa dưới sườn núi, nó tăng tốc dần, thiêu cháy những thân cây nhựa trên đường đi, cho tới khi lao vào màn nước trắng xóa của ngọn thác, nơi nó bị xoáy nước cuốn phăng vào trong bóng tối.

Ngài Asriel lại chạm vào bộ điều khiển, và chiếc phi cơ ý lực bắt đầu tăng tốc về hướng bắc. Nhưng Phu nhân Coulter không thể rời mắt khỏi cảnh tượng bên dưới; bà dõi theo phía sau một lúc lâu, chăm chăm nhìn vào

màn lửa với đôi mắt đầy ắp nước, cho tới khi nó chẳng còn gì hơn là một đường màu cam chạy dọc trên nền trời đêm, cuộn cuộn khói và hơi nước, và rồi tan biến vào hư vô.

Vực thẳm

Mặt Trời đã rời bỏ bóng tối của mình và tìm thấy

một buổi sáng tươi mới hơn,

Còn Mặt Trăng xinh đẹp hân hoan trong đêm đen trong vắt

không một gợn mây.

William Blake

Không gian tối đen như mực, bóng tối bủa vây đè lên mắt Lyra nặng đến nỗi cô bé gần như cảm nhận được trọng lực của hàng ngàn tấn đá phía trên đầu. Ánh sáng duy nhất mà họ có được tới từ cái đuôi phát sáng nơi con chuồn chuồn của Công nương Salmakia, mà kể cả nó cũng đang mờ dần; vì những con côn trùng tội nghiệp này chẳng tìm được chút đồ ăn nào trong thế giới của người chết, nên con của hiệp sĩ đã chết trước đó không lâu.

Vì vậy trong lúc Tialys ngồi trên vai của Will, Lyra giữ con chuồn chuồn của công nương trên hai bàn tay mình trong lúc bà vỗ về và thì thầm với con vật đang run lẩy bẩy, cho nó ăn những mẩu vụn bánh quy rồi tiếp đó là máu của chính bà. Nếu Lyra nhìn thấy việc bà đang làm, cô bé hẳn cũng sẽ hiến máu của mình, vì cô có nhiều hơn; nhưng tất cả những gì cô có thể làm là tập trung vào việc đặt chân xuống an toàn và tránh những khu vực đá thấp ở phía trên.

Con nhân điều Vô Danh đã dẫn họ vào một hệ thống hang động sẽ đưa họ, ả nói, tới điểm cao nhất thuộc thế giới của người chết mà từ đó họ có thể mở ô cửa sang một thế giới khác. Sau lưng họ là một hàng hồn ma dài bất tận. Đường hầm đầy những tiếng thì thầm, khi kẻ đi đầu khích lệ kẻ phía sau, người dũng cảm thúc giục kẻ nhút nhát, người già truyền hi vọng cho lớp trẻ.

“Còn xa lắm không, Vô Danh?” Lyra hỏi khẽ. “Vì con chuồn chuồn tội nghiệp này đang chết dần, khi đó ánh sáng của nó sẽ tắt mất.”

Con nhân điều dừng bước rồi quay lại nói:

“Cứ theo ta. Nếu các người không thể thấy thì hãy lắng nghe. Nếu không thể nghe, hãy cảm nhận.”

Đôi mắt ả lóe lên dữ dội trong bóng tối u ám. Lyra gật đầu nói: “Được, tôi sẽ làm theo, nhưng tôi không còn mạnh mẽ như trước đây nữa, mà tôi cũng không quá gan dạ. Làm ơn đừng dừng lại. Tôi sẽ đi theo bà - tất cả chúng tôi sẽ theo. Cứ đi tiếp đi, Vô Danh.”

Con nhân điều quay đầu lại rồi tiếp tục tiến bước. Cứ mỗi phút trôi qua, ánh sáng của con chuồn chuồn lại trở nên yếu dần, Lyra biết rằng chẳng bao lâu nó sẽ hoàn toàn tắt ngấm.

Nhưng khi cô bé vấp chân lao về phía trước, một giọng nói vang lên ngay bên cạnh cô - một chất giọng quen thuộc.

“Lyra - Lyra, cô nhóc...”

Cô mừng rỡ quay lại.

“Ông Scoresby! Ôi, lại được nghe giọng ông cháu mừng quá! Đúng là ông - cháu có thể nhìn thấy, chỉ là - ôi, giá mà cháu có thể chạm vào ông!”

Trong ánh sáng nhạt nhòa, cô lơ mơ nhìn thấy dáng người gầy gò và nụ cười đầy châm biếm của viên phi công khí cầu người Texas, tay cô tự động vươn về phía trước, trong vô vọng.

“Ta cũng thế, cháu yêu ạ. Nhưng nghe ta nói này - người ta đang gây rắc rối ở ngoài kia, và nó nhắm tới cháu - đừng hỏi ta bằng cách nào. Đây có phải cậu bé có con dao không?”

Will vẫn đang nhìn ông, háo hức khi được gặp người bạn cũ của Lyra; nhưng lúc này ánh mắt cậu đã xuyên thẳng qua Lee để nhìn sang con ma bên cạnh đó. Lyra lập tức nhận ra đó là ai, và kinh ngạc trước hình ảnh trường thành này của Will - vẫn cái hàm dô, vẫn cái cách ngẩng cao đầu đó.

Will không thốt nên lời, nhưng bố cậu đã lên tiếng:

“Nghe này - không có thời gian để nói về chuyện này đâu - cứ làm đúng theo như ta nói. Lấy con dao ra rồi tìm chỗ một lọn tóc đã bị cắt khỏi đầu Lyra.”

Giọng ông đầy cấp bách, và Will cũng không tốn thời gian hỏi lí do. Mắt mở to đầy lo sợ, Lyra nâng con chuồn chuồn lên bằng một tay và lần tay còn lại lên tóc.

“Không,” Will nói, “bỏ tay ra - tớ không nhìn được.”

Trong ánh sáng lập lờ, cậu có thể thấy nó: Ngay phía trên thái dương bên trái của cô có một mảng tóc nhỏ ngắn hơn phần còn lại.

“Ai làm việc đó vậy?” Lyra kêu lên. “Mà...”

“Suyt,” Will nói rồi hỏi hồn ma của bố, “con phải làm gì?”

“Cắt phần tóc ngắn xuống đến da đầu cô bé. Thu thập cẩn thận từng sợi một. Đừng để sót sợi nào. Rồi mở một thế giới khác ra - cái nào cũng được - thả lọn tóc qua đó và đóng nó lại. Làm luôn đi.”

Con nhân điều đang quan sát; các hồn ma phía sau đang xúm xít lại gần. Lyra có thể thấy những khuôn mặt nhợt nhạt của họ trong ánh sáng tờ mờ. Sợ sệt và hoang mang, cô bé đứng cấn môi trong lúc Will làm theo những gì bố mình bảo, dí sát mặt vào đầu nhọn của con dao trong ánh sáng chuồn chuồn nhạt nhòa. Cậu cắt rỗng một khoảng nhỏ trong tảng đá thuộc một thế giới khác, đặt tất cả sợi tóc vàng nhỏ xíu vào trong đó, rồi đặt hòn đá trở lại trước khi đóng cửa sổ.

Đúng lúc đó, mặt đất bắt đầu rung lắc. Từ nơi sâu thẳm nào đó phát ra một tiếng rền và nghiêng, như thể toàn bộ trung tâm của trái đất đang tự quay giống như một bánh xe cối xay vĩ đại, và những mẫu đá nhỏ bắt đầu rơi xuống từ trần của đường hầm. Mặt đất đột ngột tròn trành nghiêng về một

bên. Will tóm lấy tay Lyra, chúng ôm chặt lấy nhau khi đất đá dưới chân bắt đầu dịch chuyển và xô xệch, những mảnh đá rời lăn đến đập thâm tím chân chúng...

Hai đứa trẻ vừa che chắn cho những người Gallivespia, vừa thu người với hai tay đưa lên ôm đầu; rồi trong một khoảnh khắc kinh hoàng của đất lở, chúng thấy mình bị cuốn xuống sâu về bên trái. Chúng bám chặt lấy nhau, thở gấp và bàng hoàng tới mức không kịp cả hét lên. Tai chúng chỉ còn nghe được tiếng gầm rống của hàng nghìn tấn đất đá đang sụp đổ và lăn tròn xuống cùng mình.

Cuối cùng chuyển động của chúng cũng ngừng lại, dù khắp nơi xung quanh đó, những hòn đá nhỏ vẫn đang lăn lộn và nảy bật xuống con dốc mà chỉ một phút trước đó vẫn còn chưa hình thành. Lyra đang nằm trên cánh tay trái của Will. Cậu dùng tay phải lần tìm con dao: Nó vẫn ở nguyên trên thắt lưng của cậu.

“Tialys? Salmakia?” Will run rẩy hỏi.

“Đều ở đây, đều còn sống,” giọng của hiệp sĩ vang lên cạnh tai cậu.

Bụi và thứ mùi thuốc nổ cordite của đám đá bị đập tan choán ngợp lấy không khí. Thở đã khó, nhìn thì càng vô vọng: Con chuồn chuồn đã chết.

“Ông Scoresby?” Lyra gọi. “Chúng cháu không nhìn thấy gì cả... Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Ta đây,” Lee đáp, ở gần đó. “Ta nghĩ quả bom đã phát nổ rồi, và ta đoán là nó đã đi trật mục tiêu.”

“Bom ấy ạ?” Lyra hoảng hốt thốt lên; nhưng rồi cô nói: “Roger - cậu có đó không?”

“Có,” tiếng thì thầm nhỏ xíu cất lên. “Ông Parry, ông ấy đã cứu tớ. Tớ suýt ngã thì ông ấy tóm được.”

“Nhìn này,” hồn ma của John Parry nói. “Nhưng nhớ bám chặt vào đá, đừng cử động đó.”

Bụi đang dần tan, từ đâu đó một luồng sáng rọi tới: Một thứ ánh sáng le lói màu vàng kì lạ, giống như một cơn mưa sương mù lấp lánh đang rơi

xuống quanh họ. Ngần đó là đủ để khiến tim họ rộn lên vì hoảng sợ, vì nó thấp sáng những thứ nằm bên trái họ, nơi mà nó đang rơi xuống - hoặc chảy xuống, giống như con sông trên đỉnh của một ngọn thác.

Nơi đó là một sự trống rỗng tối tăm vô tận, tựa như lối thông vào bóng tối sâu thẳm nhất. Ánh sáng vàng óng chảy vào đó rồi tắt lịm. Họ có thể nhìn thấy phía bên kia, nhưng nó nằm xa hơn cả tầm ném đá của Will. Phía bên phải họ, một con dốc lởm chởm đá nằm cân bằng một cách lỏng lẻo và bấp bênh, trời cao lên vào không gian u ám, bụi bặm.

Hai đứa trẻ và các bạn đồng hành của chúng đang bám vào một thứ thậm chí chẳng phải là gờ đá - chỉ là một nơi may mắn đặt được tay và chân - trên mép của cái vực thẳm đó. Chẳng có cách nào thoát ra ngoài trừ tiến lên phía trước, dọc theo con dốc, giữa những hòn đá vỡ vụn và tảng đá mòn nằm bập bênh mà dường như chỉ cần chạm nhẹ vào cũng sẽ khiến nó lao thẳng xuống bên dưới.

Sau lưng họ, khi bụi đã tan đi, càng ngày càng có nhiều hồn ma đăm đăm nhìn vực thẳm trong kinh hoàng. Họ đang co người trên con dốc, quá sợ hãi để có thể di chuyển. Chỉ riêng đám nhân điều là chẳng sợ sệt gì; chúng cất cánh rồi chao liệng phía trên, rà soát cả trước lẫn sau, bay ngược lại để trấn ai những ai còn ở trong đường hầm, rồi lại bay lên trước tìm đường thoát.

Lyra kiểm tra: Ít nhất thì chiếc Chân Kề vẫn an toàn. Cố nén lại nỗi sợ, cô bé nhìn xung quanh, thấy gương mặt nhỏ thó của Roger, rồi nói:

“Đi tiếp nào, tất cả chúng ta vẫn đang ở đây, không có ai bị thương cả. Mà ít nhất thì giờ chúng ta cũng có thể nhìn thấy được. Nên ta cứ phải đi thôi, cứ tiến lên tiếp nào. Chúng ta không thể đi đường nào khác ngoài vòng qua mép của cái thứ này...” Cô chỉ vào các vực đen ngòm. “Nên cứ phải tiếp tục tiến lên phía trước thôi. Tớ hứa rằng Will và tớ sẽ không dừng lại. Cho nên đừng sợ, đừng bỏ cuộc, đừng tụt lại phía sau. Nói với những người khác nữa. Tớ không thể cứ mãi nhìn lại phía sau vì còn phải chú ý xem mình đang đi đâu nữa, nên tớ phải tin tưởng rằng mọi người sẽ kiên định mà tiến bước theo bọn tớ, được chứ?”

Con ma nhỏ gật đầu. Cứ như vậy, trong sự tĩnh lặng đến sững sốt, hàng người chết bắt đầu hành trình men theo rìa của vực thẳm. Sẽ mất bao lâu, cả Lyra lẫn Will đều không thể đoán được; chuyển đi đáng sợ và nguy hiểm đến thế nào, chúng sẽ không bao giờ có thể quên được. Màn đêm phía dưới sâu thẳm tới mức dường như nó hút lấy tầm nhìn xuống dưới đó, và một cảm giác choáng váng đến ghê sợ lơ lửng trong tâm trí khi họ nhìn vào nó. Cứ khi nào có thể, họ lại nhìn chăm chú về phía trước, lên hòn đá này, chỗ đứng nọ, mẩu lõi này, con dốc tới đây sỏi kia, cố gắng không nhìn vào cái hố sâu; nhưng nó hút, nó nhử, và họ không thể không liếc sang nó, để rồi cảm thấy sự cân bằng của mình đang bị nghiêng đi, mắt hoa lên, và một cơn buồn nôn khủng khiếp bầu chặt lấy cổ họng họ.

Cứ thỉnh thoảng những người sống lại ngoái lại nhìn, và thấy hàng người chết vô tận đang rong rảnh đi ra khỏi vết nứt mà họ vừa đi qua: những người mẹ áp mặt con nhỏ vào ngực mình, những người cha già chậm chậm leo, lũ trẻ nhỏ túm lấy váy của người đi trước, thiếu niên, thiếu nữ cùng tuổi Roger cố gắng đi thật vững và cẩn thận, rất rất nhiều người... Tất cả đều đang đi theo Will và Lyra, vậy là họ vẫn còn hi vọng, tới vùng không gian thoáng đãng.

Nhưng một vài người vẫn không tin tưởng chúng. Họ xúm xít lại phía sau, và cả hai đứa trẻ đều cảm nhận được những bàn tay lạnh lẽo trên trái tim và ruột của mình, chúng còn nghe thấy những tiếng thì thầm đầy xấu xa:

“Thế giới bên trên đâu rồi? Còn bao xa nữa?”

“Ở đây chúng tôi sợ quá!”

“Đáng ra chúng ta không bao giờ nên tới đây - ít nhất hồi còn ở thế giới của người chết, chúng ta còn có chút ít ánh sáng và bạn bè - chỗ này tồi tệ hơn nhiều!”

“Các người đã sai lầm khi đến vùng đất của chúng tôi! Đáng ra các người nên ở lại thế giới của mình rồi chờ mà chết trước khi xuống đây quấy nhiễu chúng tôi!”

“Các người có quyền gì mà chỉ đạo chúng tôi? Các người chỉ là trẻ con! Ai cho các người quyền hành đây?”

Will muốn quay lại phản đối, nhưng Lyra đã nắm lấy tay cậu; họ đang không vui và hoảng sợ, cô nói.

Rồi Công nương Salmakia lên tiếng, chất giọng trầm đăm trong trẻo của bà vang xa vào trong sự trống rỗng vô tận.

“Các bạn, hãy dừng cảm lên! Hãy ở bên nhau và tiếp tục đi nào! Chặng đường rất cam go, nhưng Lyra có thể tìm thấy nó. Hãy kiên nhẫn và vui lên, chúng tôi sẽ dẫn các bạn thoát ra, đừng sợ!”

Lyra cảm thấy được tăng thêm sức mạnh khi nghe những lời này, và đó chính xác là ý định của công nương. Và vậy là dù khó nhọc và đau đớn, họ vẫn nỗ lực tiến lên.

“Will,” vài phút sau Lyra gọi, “cậu có nghe thấy tiếng gió không?”

“Có,” Will đáp. “Nhưng tớ không hề *cảm nhận* được nó. Cho cậu biết một điều về cái hố dưới kia. Nó giống như khi tớ cắt mở một ô cửa sổ vậy. Cùng một kiểu viên. Có điều gì đấy rất đặc biệt về loại viên đó; một khi đã cảm nhận nó, ta sẽ không bao giờ quên được. Và tớ có thể thấy nó ở đó, ngay chính nơi đất đá rơi vào bóng tối. Nhưng cái khoảng không lớn dưới đó, nó không phải là một thế giới mới giống như những nơi khác. Nó khác lắm. Tớ không thích nó. Tớ ước gì mình có thể đóng nó lại.”

“Cậu chưa đóng hết tất cả các cửa sổ mà mình đã tạo ra.”

“Chưa, bởi vì tớ không thể đóng một vài cái trong số đó. Nhưng tớ biết là mình *nên* làm vậy. Sẽ rất rắc rối nếu chúng cứ bị bỏ ngỏ như thế. Mà một cái to như thế...” Cậu chỉ xuống dưới, không muốn nhìn. “Thật là sai trái. Một điều tồi tệ rồi sẽ xảy ra.”

Trong lúc chúng nói chuyện với nhau, một cuộc thảo luận khác đang diễn ra ở cách đó không xa: Hiệp sĩ Tialys đang trao đổi khê khàng với hồn ma của Lee Scoresby và John Parry.

“Ông đang nói gì vậy, John?” Lee hỏi. “Ông nói chúng ta *không* được ra ngoài ấy à? Ôi trời, mọi phần cơ thể tôi đang nhức nhối muốn hòa làm một với vũ trụ sống lắm đây!”

“Phải, tôi cũng vậy,” bố của Will nói. “Nhưng tôi tin rằng những người đã quen với chinh chiến như chúng ta có thể tìm bản thân lại, có khi chúng ta lại có thể lao vào cuộc chiến ở phe của Asriel. Nếu xảy ra vào đúng thời điểm, nó có thể tạo ra một sự khác biệt hoàn toàn.”

“Các hồn ma?” Tialys lên tiếng, cố gắng nén lại sự hoài nghi trong giọng nói mình, nhưng vô ích. “Các ông thì chiến đấu kiểu gì cơ?”

“Chúng tôi không thể làm hại đến các sinh vật sống, điều đó thì đúng. Nhưng đội quân của Asriel sẽ phải giao chiến với những loại sinh vật khác nữa.”

“Đám Quỷ hút hồn chẳng hạn,” Lee nói.

“Đúng thứ mà tôi đang nghĩ tới. Chúng nhắm tới linh thú đúng không? Mà linh thú của chúng ta thì đã biến mất từ lâu rồi. Đáng để thử đấy, Lee ạ.”

“Tôi sẽ theo ông, ông bạn ạ.”

“Còn ông, hiệp sĩ ạ,” hồn ma của John Parry nói với Tialys: “Tôi đã nói chuyện với các hồn ma đồng bào của các ông. Các ông sẽ sống đủ lâu để nhìn thấy thế giới thêm một lần nữa, trước khi chết đi và quay lại đây dưới dạng hồn ma chứ?”

“Đúng là cuộc đời của chúng tôi rất ngắn ngủi so với các vị. Tôi còn vài ngày nữa để sống,” Tialys nói, “còn Công nương Salmakia thì có lẽ là lâu hơn chút ít. Nhưng nhờ những việc mà hai đứa trẻ đó đang làm, sự đay đọa làm ma của chúng tôi sẽ không còn là vĩnh viễn nữa. Tôi rất tự hào được giúp họ.”

Họ tiếp tục lên đường. Cái ngọn thác đáng ghê tởm kia cứ liên tục há ngoác ra, và chỉ một cú trượt nhẹ, một bước chân lên tảng đá bấp bênh, một cái chống tay bất cẩn, sẽ đẩy ta xuống dưới vĩnh viễn, Lyra nghĩ, xuống xa đến mức ta sẽ chết vì đói trước khi có thể chạm đến đáy, và rồi hồn ma đáng thương của ta sẽ cứ rơi mãi, rơi mãi vào một hố sâu vô cùng, chẳng ai giúp đỡ, chẳng có bàn tay nào vớt xuống để kéo ta lên, mãi mãi tỉnh táo và mãi mãi rơi...

Ôi, như thế thì sẽ tồi tệ hơn nhiều so với thế giới câm lặng màu xám mà họ đang rời khỏi, không phải sao?

Đúng lúc đó, một điều kì lạ xảy đến với tâm trí cô. Nghĩ đến việc rơi khiến cô cảm thấy chóng mặt, người lảo đảo. Will đang đi phía trước, quá xa để với tới, nếu không cô đã có thể cầm lấy tay cậu rồi; nhưng vào lúc đó cô ý thức được rõ hơn về Roger, một cảm giác kiêu ngạo nhỏ nhoi khẽ bùng lên trong tim cô. Đã từng có lần trên mái nhà của Học viện Jordan, chỉ vì muốn khiến cho cậu bé sợ hãi, Lyra đã bất chấp cơn chóng mặt của mình để đi men theo mép của máng nước bằng đá.

Cô bé quay lại nhìn để nhắc nhở cậu về điều đó. Cô là Lyra của Roger, đầy duyên dáng và táo bạo; cô không cần phải bò như một con côn trùng thấp kém.

Nhưng tiếng thì thầm của cậu nhóc lại nói: “Lyra - *cẩn thận* đấy - nhớ là cậu chưa chết giống như chúng tớ đâu...”

Sự việc xảy ra dường như rất chậm rãi, nhưng chẳng có gì cô bé có thể làm được: Trọng lực của cô bị thay đổi, các hòn đá dịch chuyển dưới chân, và cô bắt đầu trượt đi đầy bất lực. Vào khoảng khắc đầu tiên, cảm giác thật khó chịu, nhưng sau đó nó lại trở nên khôi hài: Cô bé nghĩ *thật ngớ ngẩn làm sao!* Nhưng khi cô hoàn toàn không thể tóm giữ được thứ gì, khi những hòn đá lăn lộn và đổ nhào bên dưới chân, khi cô trượt xuống về phía mép, càng ngày càng nhanh, sự khiếp đảm mới dội tới. Cô sắp rơi. Chẳng có thứ gì có thể ngăn cô lại. Đã quá muộn rồi.

Người cô co rúm lại vì sợ hãi. Cô không nhận thấy những hồn ma đã lao xuống, cố gắng tóm lấy cô, nhưng lại chỉ thấy cô bé lao qua người mình như một viên đá qua sương mù; cô cũng không biết rằng Will đang hét gọi tên mình lớn tới mức vang vọng cả vực thẳm. Thay vào đó, toàn bộ sự tồn tại của cô trở thành một cơn lốc của nỗi sợ đang gào thét. Cô nhào xuống mỗi lúc một nhanh, mỗi lúc một sâu hơn, khiến vài hồn ma không dám nhìn: Họ che mắt lại và khóc âm lên.

Will cảm thấy cả người chộn rộn lên vì hoảng sợ. Cậu khổ sở nhìn Lyra trượt đi mỗi lúc một xa, biết rằng mình chẳng thể làm gì, và cũng biết rằng mình phải nhìn theo. Cũng giống như cô bé, cậu chẳng thể nghe thấy tiếng rên rỉ tuyệt vọng mà mình đang phát ra. Thêm hai giây nữa - lại một giây

nữa - cô đang ở trên mép, cô không thể dừng lại, cô đang ở đó, cô đang rơi...

Rồi từ trong bóng tối sà xuống sinh vật mà trước đó không lâu, móng vuốt của nó đã cào rách da đầu cô, ả nhân điều Vô Danh, mang khuôn mặt phụ nữ và đôi cánh chim; cũng chính những cái móng đó đang ôm chặt lấy cổ tay cô bé. Cả hai cùng nhau lao xuống, sức nặng phụ thêm này gần như quá sức đối với đôi cánh khỏe khoắn của con nhân điều, nhưng chúng vẫn đập, đập và đập, móng vuốt vẫn quặp chặt, rồi chậm chậm, nặng nề, chậm chậm, nặng nề, con nhân điều mang đứa trẻ lên cao, cao nữa, ra khỏi cái hố và đưa cô bé, mềm rũ và lả đi, tới đôi tay đang vươn ra của Will.

Cậu ôm chặt lấy Lyra, ôm cô bé vào ngực, cảm nhận nhịp đập dữ dội của trái tim cô trên lồng ngực mình. Lúc đó, cô không còn là Lyra, và cậu cũng chẳng phải Will; cô không phải một bé gái và cậu cũng không phải một cậu trai. Chúng chỉ là hai con người trong cái hố bất tận của cái chết. Chúng bầu vúi lấy nhau, còn các hồn ma túm tụm xung quanh, thì thầm những lời an ủi, cầu phúc cho con nhân điều. Đứng gần nhất là bố của Will và Lee Scoresby, họ cũng muốn ôm cô đến nhường nào; Tialys và Salmakia đang nói chuyện với Vô Danh, khen ngợi ả, gọi ả là vị cứu tinh của tất cả bọn họ, một kẻ rộng lượng, cầu phúc cho sự tử tế của ả.

Ngay khi có thể cử động, Lyra run rẩy với tới con nhân điều rồi quàng tay ôm lấy cổ ả, hôn lấy hôn để lên gương mặt đã bị tàn phá của ả. Cô không thể thốt nên lời. Tất cả từ ngữ, tất cả sự tự tin, tất cả tính kiêu ngạo đã bị đánh bật ra khỏi cô.

Họ đứng im trong vài phút. Khi nỗi kinh hoàng đã dần lắng xuống, họ lại khởi hành, Will nắm chặt lấy tay Lyra bằng bàn tay lạnh lặn của mình, rồi rón rén tiến lên, kiểm tra từng điểm trước khi dồn trọng lực lên đó, một quá trình chậm chạp và mệt mỏi đến mức chúng nghĩ mình sẽ chết vì mệt mỏi; nhưng chúng không thể nghỉ ngơi, không thể dừng lại. Làm sao có ai lại dám nghỉ trong khi cái hố sâu kinh hoàng kia vẫn ở dưới cơ chứ?

Sau một tiếng vất vả tiến bước, cậu nói với cô:

“Nhìn phía trước kia. Tớ nghĩ có một lối ra...”

Quả vậy: Con dốc đã trở nên thoải hơn, thậm chí việc trèo lên đôi chút để tránh xa khỏi mép vực cũng đã trở nên khả thi. Còn phía trước: Chẳng phải đó là một cái hốc trên vách núi sao? Liệu đó có thật là lối ra không?

Lyra nhìn vào đôi mắt mạnh mẽ sáng rực của Will và mỉm cười.

Chúng trèo lên tiếp, lên cao, cao nữa, mỗi bước lại rời xa khỏi vực thẳm. Càng leo, chúng càng thấy mặt đất trở nên cứng cáp hơn, những chỗ bám tay chắc chắn hơn, nơi đặt chân cũng ít khả năng bị lặn đi và làm trật cổ chân của chúng.

“Chúng ta chắc hẳn đã leo được một quãng kha khá rồi,” Will nói. “Tớ có thể thử dùng con dao để xem mình tìm được gì.”

“Chưa được,” con nhân điếu nói. “Vẫn còn phải đi xa hơn nữa. Đây không phải vị trí tốt để mở ra đâu. Chỗ tốt hơn ở trên cao nữa kìa.”

Chúng lặng lẽ leo lên tiếp, tay, chân, trọng lực, chuyển động, kiểm tra, tay, chân... Những ngón tay chúng trở nên thô ráp, đầu gối và hông run lên vì gắng gượng, đầu đau nhức và ong lên vì kiệt quệ. Chúng trèo vài mét cuối cùng lên tới chân vách đá, nơi một khe núi hẹp dẫn vào trong bóng râm.

Lyra quan sát bằng đôi mắt đau mỏi trong lúc Will lấy con dao ra và bắt đầu lần tìm trong không khí, chạm vào, rút lại, tìm kiếm, rồi lại chạm vào.

“A,” cậu kêu lên.

“Cậu tìm thấy một khoảng trống à?”

“Tớ nghĩ vậy...”

“Will,” hồn ma bố cậu lên tiếng, “dừng lại chút đã. Nghe ta nói này.”

Will đặt con dao xuống rồi quay lại. Vì phải gồng hết mình lên trong suốt thời gian qua, nên cậu chẳng có lúc nào nghĩ tới bố mình được, nhưng thật tốt khi biết ông vẫn đang ở đó. Đột nhiên cậu nhận ra rằng họ sắp phải chia lìa một lần sau cuối.

“Chuyện gì sẽ xảy ra khi bố bước ra ngoài?” Will hỏi. “Bố sẽ cứ thế biến mất sao?”

“Chưa đâu. Ông Scoresby và ta có một ý tưởng. Vài người trong chúng ta sẽ lưu lại đây trong một thời gian ngắn, rồi chúng ta sẽ cần con để vào

được thế giới của Ngài Asriel, vì ông ấy có thể sẽ cần đến sự giúp đỡ của chúng ta. Hơn nữa,” ông nói thêm, vẻ buồn rười rượi, trong lúc nhìn Lyra, “chính các con cũng sẽ phải tới đó, nếu muốn tìm lại linh thú của mình. Bởi vì đó là nơi chúng đã đến.”

“Nhưng bác Parry,” Lyra nói, “làm sao bác biết được linh thú của chúng cháu đã vào thế giới của cha cháu vậy?”

“Khi còn sống, ta là một pháp sư. Ta đã học cách nhìn nhận sự vật. Cứ hỏi Chân Kế của cháu đi - nó sẽ xác nhận điều ta vừa nói. Nhưng hãy nhớ điều này về các linh thú,” ông nói, giọng ông trở nên dữ dội và dứt khoát. “Người đàn ông mà cháu biết dưới cái tên Ngài Charles Latrom cứ định kì lại phải trở về thế giới của mình; ông ta không thể sống vĩnh viễn ở thế giới của ta. Những nhà triết học thuộc Hội Torre degli Angeli, những người du hành giữa các thế giới trong ba trăm năm hoặc hơn, cũng phát hiện ra rằng điều đó là đúng, kết cục là thế giới của họ dần dần trở nên suy yếu và tàn lụi.

“Rồi đến chuyện xảy ra với ta. Ta từng là một người lính; ta là một sĩ quan Hải quân, rồi sau đó ta kiếm sống bằng nghề thám hiểm; ta khỏe mạnh và sung sức không kém bất cứ ai. Rồi ta bước ra khỏi thế giới của mình một cách tình cờ, và không tìm lại được lối về. Ta đã làm nhiều việc, học hỏi được một lượng kiến thức lớn trong thế giới mình đã đến, nhưng mười năm sau khi đến đó, ta đã ốm đến gần chết.

“Đây là lí do cho tất cả những điều trên: Linh thú của một người chỉ có thể sống trọn vẹn trong thế giới mà nó được sinh ra. Ở một nơi khác, rốt cuộc nó sẽ bị bệnh và chết đi. Chúng ta có thể đi lại nếu có những lối thông vào các thế giới khác, nhưng chúng ta chỉ có thể sống trong thế giới của chính mình. Tổ chức vĩ đại của Ngài Asriel cuối cùng cũng sẽ thất bại vì cùng một lí do: Ta phải xây dựng nước cộng hòa thiên đường tại nơi ta sống, vì đối với chúng ta, không có chỗ nào khác cả.

“Will, con trai của ta, con và Lyra có thể đi ngay bây giờ để nghỉ ngơi đôi chút; các con cần điều đó, và các con xứng đáng với nó; nhưng sau đó các con phải quay trở lại bóng tối với ta và ông Scoresby cho một cuộc hành trình cuối cùng.”

Will và Lyra trao đổi ánh nhìn. Cậu cắt lấy một ô cửa sổ, và đó là cảnh tượng êm đềm nhất mà chúng từng được thấy.

Không khí buổi đêm tràn vào phổi chúng, tươi mới, trong lành, và mát lạnh; mắt chúng chứng kiến một vòm trời đầy sao sáng rực rỡ, làn nước lấp lánh đâu đó phía dưới, và đây đó là những khoảnh rừng với cây cối vĩ đại, cao như những tòa lâu đài, điểm tuyết trên trắng cỏ rộng mênh mông.

Will mở rộng ô cửa sổ hết mức có thể, đi ngang qua bãi cỏ từ trái sang phải, làm nó đủ lớn cho sáu, bảy, tám người cùng sóng vai bước qua, ra khỏi vùng đất của người chết.

Những hồn ma đầu tiên run lên vì hi vọng, và sự phấn khích của họ truyền lại hàng người dài phía sau như một gợn sóng lăn tăn, cả trẻ nhỏ lẫn người già đều nhìn lên và ra phía trước với niềm hân hoan pha lẫn kinh ngạc khi những ngôi sao đầu tiên họ từng thấy trong hàng thế kỉ chiếu rọi vào đôi mắt đói khát tội nghiệp của họ.

Hồn ma đầu tiên rời khỏi thế giới của người chết là Roger. Cậu bước tới trước một bước rồi quay lại nhìn Lyra, cậu phá lên cười trong ngạc nhiên khi thấy mình dần hóa thành màn đêm, thành ánh sao, thành không khí... và rồi cậu tan biến, để lại phía sau niềm hạnh phúc vỡ òa, dù nhỏ nhoi nhưng muôn phần mãnh liệt, khiến Will nhớ đến những bong bóng khí trong li champagne.

Các bóng ma khác theo sau cậu bé, còn Will và Lyra kiệt sức nằm vật xuống trên nền cỏ ẩm sương, mọi tế bào thần kinh trong cơ thể chúng đều chúc phúc cho sự ngọt ngào của miền đất tươi tốt, của không khí ban đêm, của những vì sao.

Thêm quan sát

*Tâm hồn tôi rơi vào những cành cây:
Như một chú chim, nó ngồi đó ngân nga,
Rồi mãi, và chải đôi cánh bạc thướt tha*

Andrew Marvell

Khi những người mulefa bắt tay vào xây dựng thêm quan sát cho Mary, họ tiến hành rất nhanh chóng và kỹ lưỡng. Bà thích ngắm nhìn họ, vì họ có thể thảo luận mà không tranh cãi và hợp tác mà không làm ngáng đường nhau, ngoài ra còn vì những kỹ thuật xẻ, cắt, ghép gỗ của họ rất tinh tế và hiệu quả.

Trong vòng hai ngày, thêm quan sát đã được thiết kế, lắp đặt và nâng lên đúng vị trí. Nó rất chắc chắn, rộng rãi và thoải mái. Khi leo lên đó, ở một mức nhất định, bà cảm thấy một niềm hạnh phúc chưa từng có. Cái mức nhất định đó là về vật chất. Trong màu lục dày đặc của vòm cây, với màu lam rực rỡ của bầu trời le lói giữa những tán lá; với làn gió thoảng giữ cho da bà luôn mát rượi, và mùi hoa thơm thoang thoang khiến bà thích thú mỗi khi ngửi thấy; với tiếng xào xạc của lá cây, khúc ca của hàng trăm chú chim, cùng tiếng sóng rì rào xa xăm xô bờ, tất cả các giác quan của bà được xoa dịu và nuôi dưỡng, nếu có thể dừng lại các suy nghĩ, bà sẽ hoàn toàn được bao trọn trong niềm hân hoan vô bờ.

Nhưng đương nhiên, suy nghĩ là việc mà bà đến đó để làm.

Khi nhìn qua cái ống nhòm và thấy dòng chảy không ngừng hướng ra ngoài của sraf, các hạt Bóng, bà có cảm giác như hạnh phúc, sức sống, và hi vọng đang trôi tuột đi cùng với chúng. Bà hoàn toàn không thể tìm được lời giải thích.

Ba trăm năm, người mulefa đã nói: Đó là khoảng thời gian đám cây bắt đầu có vấn đề. Xét rằng các hạt Bóng đi qua tất cả các thế giới giống như nhau, có lẽ sự việc tương tự cũng đã xảy ra tại vũ trụ của bà, và tại mọi vũ trụ khác nữa. Ba trăm năm trước, Hội Hoàng gia được thành lập: Hiệp hội khoa học thực thụ đầu tiên trong thế giới của bà. Newton khi ấy thực hiện những khám phá của mình về thị giác và lực hấp dẫn.

Ba trăm năm trước tại thế giới của Lyra, có ai đó đã phát minh ra Chân Kế.

Cùng khoảng thời gian đó, trong cái thế giới kì lạ mà bà đã đi qua để đến được đây, con dao kì ảo đã được sáng chế.

Bà nằm xuống những tấm ván sàn, cảm nhận bậc thềm cử động theo một nhịp điệu rất nhẹ nhàng, rất chậm rãi khi thân cây khổng lồ đung đưa trong gió biển. Đưa ống nhòm lên mắt, bà ngắm nhìn vô vàn hạt nhỏ lấp lánh trôi qua những kẽ lá, qua cái miệng há mở của những bông hoa, qua những cành cây đồ sộ, di chuyển ngược chiều gió, trong một dòng chảy chậm rãi đầy chủ ý mà trông gần như là có ý thức.

Chuyện gì đã xảy ra vào ba trăm năm trước? Liệu đó có phải nguyên do của dòng Bụi, hay là ngược lại? Hay chúng đều là kết quả của một nguyên nhân hoàn toàn khác? Hay chúng đơn thuần không hề liên quan đến nhau?

Sự trôi giạt đó thật khiến người ta mê mẩn. Thật dễ dàng làm sao để rơi vào trạng thái nhập định và để cho tâm trí cuốn đi cùng với những hạt trôi nổi...

Trước khi bà biết được mình đang làm gì, và bởi vì cơ thể bà đang bị ru ngủ, thì đó chính xác lại là chuyện xảy ra. Bà đột nhiên bừng tỉnh lại và thấy mình đã thoát ra khỏi thể xác. Bà hoảng hốt.

Bà đang lơ lửng phía trên thêm quan sát một quãng không xa, vài mét lên giữa những cành cây. Có điều gì đó đã xảy ra với luồng gió Bụi: Thay vì

trôi chậm chậm, nó đang lao đi như một dòng sông mùa lũ. Liệu nó đã tăng tốc, hay thời gian đang di chuyển khác đi khi bà đã ra khỏi cơ thể? Dù thế nào thì bà cũng ý thức được về mối nguy hiểm kinh hoàng nhất, bởi vì cơn lũ đang đe dọa cuốn phăng bà đi trong dòng chảy hung bạo của nó. Bà vung tay ra để tóm lấy bất cứ thứ gì vững chắc - nhưng lại chẳng có đôi tay nào. Chẳng có gì liên kết cả. Bây giờ bà gần như đã lên quá khỏi độ cao khủng khiếp, cơ thể đang ngủ say như chết bên dưới ngày càng rời xa khỏi tầm với. Bà thử hét lên để đánh thức bản thân dậy, nhưng chẳng có âm thanh nào phát ra. Cơ thể vẫn tiếp tục say ngủ, còn phần ý thức đang quan sát lại bị cuốn đi, hoàn toàn ra khỏi vòm lá và vào bầu trời rộng mở.

Dù có vật lộn đấu tranh đến thế nào, bà cũng không cải thiện được gì. Sức mạnh đã mang bà đi vừa êm đềm vừa uy lực, hết như nước chảy qua một con đập: Các hạt Bụi đang tuôn chảy cùng bà, như thể chúng cũng đang đổ dồn qua một mép vực vô hình nào đó.

Và mang bà rời xa khỏi cơ thể mình.

Bà quăng một sợi dây cứu sinh tưởng tượng về phía cái bản thể vật chất đó rồi cố gắng gợi nhớ cảm giác được ở trong nó: Tất cả các cảm giác làm nên sự sống. Cảm nhận chính xác khi cái vòi có đầu mềm mại của người bạn Atal vuốt ve cổ bà. Mùi vị của thịt hun khói và trứng. Cảm giác căng cứng nhưng đầy hân hoan trong cơ bắp khi bà trèo lên một bề mặt đá. Điều nhảy uuyển chuyển của những ngón tay bà trên bàn phím máy tính. Hương thơm của cà phê rang. Hơi ấm từ chiếc giường của bà trong một đêm mùa đông.

Rồi dần dần bà ngừng chuyển động; sợi dây cứu sinh giữ chắc, và bà cảm thấy trọng lực và sức mạnh của dòng chảy đang xô đẩy vào bà khi bà treo lơ lửng ở đó trên bầu trời.

Rồi một điều kì lạ xảy đến. Dần dần (khi bà tăng cường thêm những kí ức về cảm xúc đó, bổ sung thêm những cái khác: nếm một li Margarita đá ở California, ngồi dưới hàng cây chanh bên ngoài một nhà hàng ở Lisbon, nạo sương giá ra khỏi kính chắn gió xe hơi) bà cảm thấy luồng gió Bụi dịu dần. Áp lực đã nhẹ bớt.

Nhưng chỉ là áp lực lên bà: Khấp xung quanh, cả trên và dưới, cơn lũ vĩ đại vẫn tuôn trào nhanh như trước. Bằng cách nào đó quanh bà hình thành một mảng nhỏ yên tĩnh, nơi những hạt vật chất chống lại dòng chảy.

Chúng có ý thức! Chúng cảm nhận được sự lo lắng của bà, và phản ứng lại điều đó. Và chúng bắt đầu đem bà trở lại cơ thể bị bỏ rơi của mình, rồi khi đã đến đủ gần để nhìn thấy nó một lần nữa, rất nặng nề, rất ấm áp, rất an lành, một tiếng nức nở trong cảm lạnh làm chấn động trái tim bà.

Bà chìm trở lại vào trong thể xác, và bừng tỉnh.

Bà hít một hơi sâu đầy run rẩy. Bà ấn hai tay và hai chân lên những tấm ván thô ráp của bậc thềm, và sau một phút gần như phát điên lên vì hoảng sợ, giờ thì người bà lại tràn ngập một cảm giác ngây ngất sâu lắng và chậm rãi khi được hòa làm một với cơ thể mình, với trái đất và mọi thứ quan trọng khác.

Cuối cùng, bà ngồi dậy, thử cân nhắc lại tình hình. Những ngón tay tìm thấy ống nhòm, bà liền giơ nó lên mắt, dùng một bàn tay đỡ lấy bàn tay run rẩy còn lại. Không còn nghi ngờ gì nữa: Cái dòng chảy chậm rãi hướng lên trời giờ đã chuyển thành một cơn lũ. Chẳng có gì để nghe thấy hay cảm thấy, và nếu không có cái ống nhòm thì cũng chẳng có gì để nhìn thấy, nhưng ngay cả khi đã hạ kính xuống khỏi mắt, cảm giác về cơn lụt dữ dội cảm lạnh kia vẫn đọng lại đầy sống động, cùng với một điều khác mà bà vẫn chưa nhận thấy trong nỗi kinh hoàng bị thoát li khỏi cơ thể: Sự nuối tiếc sâu sắc, bất lực tràn lan khắp nơi trong không khí.

Các hạt Bóng biết được chuyện đang xảy ra, và điều đó khiến chúng âu sầu.

Mà một phần của bản thân bà lại bao gồm vật chất Bóng. Một phần trong bà phụ thuộc vào cơn nước triều đang chảy qua vũ trụ này. Cả những người mulefa, những con người thuộc mọi thế giới, mọi giống loài có ý thức, dù cho có ở bất cứ đâu, tất cả đều như vậy.

Vậy là trừ khi bà tìm hiểu được chuyện gì đang xảy ra, nếu không tất cả sẽ trôi tuột vào hư vô, từng hạt một.

Đột nhiên bà lại thêm được xuống mặt đất. Bà cho ống nhòm vào túi rồi bắt đầu hành trình dài hơi để trèo xuống đất.

...

Cha Gomez bước qua ô cửa sổ khi ánh trời chiều vươn dài và dịu nhẹ hơn. Hắn nhìn thấy những rừng cây bánh xe bạt ngàn và những con đường uốn lượn qua đồng cỏ, hết như những gì Mary đã thấy từ cùng một vị trí trước đó một thời gian. Nhưng không khí không còn mờ mịt khói bụi vì trời vừa mới đổ mưa, và hắn có thể nhìn xa hơn bà; đặc biệt là hắn có thể thấy mặt biển phía xa lóng lánh và những hình dáng màu trắng lấp loáng có thể là thuyền buồm.

Hắn nâng balô lên cao hơn trên vai rồi quay về phía chúng, để xem mình có thể tìm thấy gì. Trong sự êm đềm của buổi chiều kéo dài, thật dễ chịu khi được dạo bộ trên con đường bằng phẳng, với âm thanh của những sinh vật giống như ve sầu trong lớp cỏ mọc cao và vàng mặt trời đang lặn sưởi ấm gương mặt hắn. Không khí cũng thật tươi mát, trong trẻo và ngọt ngào, hoàn toàn không bị vấy bẩn bởi khói dầu mỏ, khói dầu lửa, hay thứ gì đấy, thứ khói dày đặc trong không khí tại một trong những thế giới mà hắn đã đi qua: Thế giới mà mục tiêu của hắn, chính là kẻ căm thù, thuộc về.

Khi hoàng hôn xuống, hắn bước rà mũi đất nhỏ bên cạnh một khu vịnh nông. Nếu vùng biển này có thủy triều thì ắt hẳn nó phải cao lắm, vì phía trên bờ nước chỉ có một vạt cát trắng mịn rất nhỏ.

Còn bồng bênh trong khu vịnh êm đềm là khoảng một tá hoặc hơn... Cha Gomez phải dừng lại để suy nghĩ cẩn thận. Một tá hoặc hơn những con chim khổng lồ màu trắng như tuyết, con nào con nấy to bằng cái thuyền gắp mái chèo, với những đôi cánh dài thẳng băng kéo trên mặt nước phía sau chúng: những đôi cánh rất dài, ít nhất là hai mét. Chúng có phải chim *không*? Chúng có lông vũ, đầu và mỏ cũng không khác thiên nga là mấy, nhưng những đôi cánh kia lại được đặt chồng lên nhau, rõ ràng vậy...

Đột nhiên chúng nhìn thấy hắn. Những cái đầu quay ngoắt lại, rồi lập tức tất cả những cái cánh đều được nâng lên cao, hết như những cánh buồm

của một chiếc du thuyền, chúng ngả theo luồng gió để hướng vào bờ.

Cha Gomez bị ấn tượng bởi vẻ đẹp của những cái buồm cánh đó, bởi cách mà chúng được uốn cong và xoay góc rất hoàn hảo, và bởi tốc độ của bầy chim. Rồi hẳn thấy rằng chúng cũng đang khóa nước: Chúng có chân dưới mặt nước, được xếp không phải trước và sau như đôi cánh mà là sóng đôi cạnh nhau, với cánh và chân cùng phối hợp, chúng tạo ra một tốc độ và vẻ duyên dáng phi thường trên mặt nước.

Khi con đầu tiên cập bến, nó lập bập trèo lên lớp cát khô, hướng thẳng tới chỗ vị linh mục. Nó đang rít lên đầy hiểm độc, đầu đâm bổ về phía trước trong lúc lạch bạch leo lên bờ vẻ nặng nề, mỗ tộp lầy tộp để. Trong cái mỗ cũng có răng, như một dây móc câu sắc nhọn uốn vào phía trong.

Cha Gomez đang đứng cách mép nước khoảng một trăm mét, trên một mũi đất thấp phủ đầy cỏ, hẳn có cả đồng thời gian để đặt balô xuống, lấy khẩu súng trường ra, nạp đạn, ngắm và bắn.

Đầu con chim nổ tung trong một màn sương màu đỏ và trắng. Con vật đã chết vụng về dò dẫm thêm vài bước trước khi sụp xuống tận ngực. Nó không chết trong suốt một phút hoặc hơn; chân quẫy đạp, cánh nâng lên hạ xuống, con chim khổng lồ tự đẩy mình đi vòng quanh thành một hình tròn đầm máu, xối tung lớp cỏ thô lên, cho tới khi một đợt khí dài sủi bọt tuôn ra từ phổi nó kết thúc bằng một cái ho tung bụi nước đỏ quạch, sau đó nó mới nằm im.

Những con khác dừng khựng lại ngay khi con đầu tiên ngã xuống, chúng đứng nhìn, nhìn cả người đàn ông nữa. Mắt chúng lóe lên một sự thông hiểu nhanh chóng và hung tợn. Chúng nhìn từ người đàn ông sang con chim đã chết, từ đó tới khẩu súng trường, từ khẩu súng trường tới mặt hẳn ta.

Hẳn nâng khẩu súng trở lại lên vai và thấy chúng phản ứng, hấp tấp lùi lại phía sau, túm tụm lại một chỗ. Chúng hiểu.

Chúng là những sinh vật khỏe khoắn xinh đẹp, to lớn với tấm lưng rộng; thật ra là giống những con thuyền sống vậy. Nếu chúng biết cái chết là gì, Cha Gomez nghĩ, và nếu chúng có thể thấy mối liên hệ giữa cái chết và

bản thân hấn ta, thì giữa họ tồn tại một nền tảng hiểu biết rất có lợi. Một khi chúng đã thực sự e sợ hấn, chúng sẽ làm theo đúng những gì hấn nói.

28

Nửa đêm

Rất nhiều lần

Tôi gần như đã yêu vị Tử thần dịu dàng

John Keats

Ngài Asriel nói: “Marisa, tỉnh dậy đi. Chúng ta sắp hạ cánh rồi.”

Ánh bình minh độc đoán đang le lói trên pháo đài đá bazan khi chiếc phi cơ ý lực bay vào từ hướng nam. Phu nhân Coulter, đau nhức và chán nản, hé mở mắt; bà không hề ngủ. Bà có thể thấy thiên thần Xaphania đang lướt đi phía trên bãi hạ cánh, rồi bay lên và lượn vòng tới tòa tháp khi chiếc phi cơ hướng về tòa thành.

Ngay khi chiếc phi cơ đáp xuống, Ngài Asriel nhảy bổ ra rồi chạy tới chỗ Quốc vương Ogunwe trên tháp canh phía tây, hoàn toàn không đếm xỉa đến Phu nhân Coulter. Các kỹ thuật viên lập tức đến chăm lo cho cỗ máy biết bay cũng không để ý gì đến bà; không ai dò hỏi bà về sự biến mất của chiếc phi cơ mà bà đã lấy cắp; cứ như thể bà đã trở nên vô hình vậy. Bà buồn bã leo lên căn phòng trên tòa tháp đá kim cương, nơi người phục vụ đề nghị được mang cho bà chút đồ ăn và cà phê.

“Bất cứ thứ gì ông có,” bà nói. “Cảm ơn ông. À, nhân thế,” bà nói tiếp khi người đàn ông quay người chuẩn bị đi: “Chân Kế gia của Ngài Asriel, ông...”

“Ông Basilides?”

“Phải. Liệu ông ấy có rảnh để tới đây trong một lúc không?”

“Hiện giờ ông ấy đang làm việc với những cuốn sách của mình, thưa bà. Tôi sẽ nhờ ông ấy lên đây khi nào có thể.”

Bà tắm rửa rồi thay sang chiếc áo sạch duy nhất còn lại. Cơn gió lạnh đang rung chuyển từng ô cửa sổ và ánh sáng buổi sớm xám xịt khiến bà rùng mình. Bà cho thêm than vào bếp lò bằng sắt, hi vọng nó sẽ giúp bà ngừng run rẩy, nhưng cái lạnh đang ở sâu trong tận xương tủy chứ không phải chỉ da thịt.

Mười phút sau, trên cửa vang lên một tiếng gõ. Vị Chân Kế gia nhợt nhạt với đôi mắt đen, cùng con linh thú chim sơn ca trên vai, bước vào và khẽ cúi chào. Một lúc sau, người phục vụ tới với một khay đựng bánh mì, pho mát và cà phê. Phu nhân Coulter nói:

“Cảm ơn ông đã đến, ông Basilides. Tôi có thể mời ông dùng chút gì không?”

“Tôi sẽ dùng chút cà phê, cảm ơn bà.”

“Làm ơn hãy cho tôi biết,” bà nói ngay khi đã rót xong đồ uống, “bởi vì tôi biết rằng ông vẫn đang theo dõi sự tình: Con gái tôi còn sống không?”

Ông ngập ngừng. Con khỉ vàng tóm chặt lấy tay bà.

“Cô bé vẫn còn sống,” Basilides cẩn trọng nói, “nhưng cũng...”

“Vâng? Ôi, làm ơn, ý ông là gì vậy?”

“Cô bé đang ở trong thế giới của người chết. Trong một khoảng thời gian, tôi đã không thể dịch nổi điều mà cái máy đang nói với mình: Nó có vẻ rất vô lí. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa. Lyra và cậu bé kia đã bước vào thế giới của người chết, và chúng đã khai mở một con đường cho các hồn ma thoát ra. Ngay khi những người chết tới được không gian mở, họ liền tan ra như linh thú của mình đã từng, và dường như đây là kết cục ngọt ngào và đáng mơ ước nhất đối với họ. Chân Kế còn cho tôi biết rằng, cô bé làm việc này do đã nghe lỏm được một lời tiên tri về việc cái chết sẽ chấm dứt, và nó

nghĩ rằng đó là nhiệm vụ mình cần phải hoàn thành. Kết quả là giờ đây đã có một con đường dẫn ra khỏi thế giới của người chết.”

Phu nhân Coulter không nói nên lời. Bà phải quay đi và bước tới bên cửa sổ để che dấu cảm xúc trên gương mặt mình. Cuối cùng bà nói:

“Vậy nó sẽ sống sót mà thoát ra chứ? Mà thôi, tôi biết ông không thể tiên đoán được. Nó - nó thế nào - nó có...”

“Cô bé đang phải chịu khổ, đang đau đớn và sợ hãi. Nhưng cô bé có thằng bé ở bên cạnh, rồi cả hai mật thám người Gallivespia nữa, họ vẫn đều đang ở bên nhau.”

“Còn quả bom?”

“Quả bom đã không làm hại được cô bé.”

Phu nhân Coulter đột nhiên cảm thấy cạn kiệt sức lực. Bà không muốn gì khác hơn là được nằm xuống và thiếp đi hàng tháng, hàng năm trời. Bên ngoài, sợi dây kéo cờ quạt chan chát trong gió, còn lũ quạ cứ kêu quàng quạc trong lúc lượn vòng quanh thành lũy.

“Cảm ơn ông,” bà quay lại với Chân Kế gia và nói. “Tôi rất biết ơn. Xin ông, ông có thể báo cho tôi nếu phát hiện ra thêm bất cứ điều gì về con bé, về nơi nó ở hoặc việc nó đang làm được không?”

Người đàn ông cúi chào rồi bước đi. Phu nhân Coulter tới nằm xuống trên chiếc giường cấm trại, nhưng dù có cố gắng thế nào, bà vẫn không chợp mắt được.

“Ông hiểu thế nào về cái đó, hả Quốc Vương?” Ngài Asriel hỏi.

Ông đang nhìn qua kính viễn vọng trên tháp canh vào một thứ gì đó trên bầu trời phía tây. Nó có hình dạng của một ngọn núi lơ lửng trên không trung, cách đường chân trời một khoảng bằng độ rộng một gan bàn tay, được mây bao phủ. Nó ở cách đó rất xa; trên thực tế là xa đến mức nó không lớn hơn móng tay cái trên một bàn tay duỗi thẳng. Nhưng nó ở đó chưa lâu, và cứ lơ lửng một cách hoàn toàn bất động.

Kính viễn vọng đem nó lại gần hơn, nhưng vẫn chẳng có thêm chi tiết nào: mây trông vẫn như mây, chỉ là được phóng to lên nhiều lần thôi.

“Núi Mây Phủ,” Ogunwe đáp. “Hay là - người ta gọi nó là gì ấy nhỉ? Cổ Chiến xa à?”

“Với tên Nhiếp chính cầm cương. Hắn che giấu bản thân giỏi đấy, cái tên Metatron này. Người ta nhắc tới hắn trong Kinh ngụ ý tác: Hắn đã từng là con người, một người đàn ông mang tên Enoch, con trai của Jared - cách Adam sáu đời. Giờ thì hắn thống trị cả vương quốc. Và hắn còn dự định làm nhiều hơn thế nữa, nếu thiên thần mà người ta tìm thấy bên hồ lưu huỳnh nói đúng - kẻ đã vào trong Núi Mây Phủ để do thám đó. Nếu thắng cuộc chiến này, hắn dự định sẽ trực tiếp can thiệp vào cuộc sống của con người. Cứ tưởng tượng xem, Ogunwe, một Ban Thẩm tra vĩnh cửu, còn tồi tệ hơn bất cứ thứ gì mà Tòa án Công giáo Kỉ luật có thể mơ tới, nhân lực toàn là điệp viên và kẻ phản bội thuộc mọi thế giới, được đích thân chỉ đạo bởi trí óc đang giữ cho quả núi đó treo trên cao... Đấng Quyền Năng già cỗi ít nhất cũng có quyền rút lui; công việc bắn thủ thiêu sống các kẻ dị giáo và treo cổ phù thủy sẽ được dành cho các giáo sĩ của hắn. Cái thứ mới này sẽ tồi tệ hơn rất nhiều.”

“Chà, hắn đã khơi mào bằng cách xâm lược nước cộng hòa ,” Ogunwe nói. “Nhìn kìa - đó là khói à?”

Một dòng chảy màu xám đang rời khỏi Núi Mây Phủ, một vết nhơ đang dần lan rộng trên nền trời xanh. Nhưng nó không thể nào là khói được: Nó trôi *ngược chiều* ngọn gió đang xé toạc mây.

Quốc vương đặt ống nhòm lên mắt và nhìn thấy đó là thứ gì.

“Các thiên thần,” ông kêu lên.

Ngài Asriel rời khỏi kính viễn vọng rồi đứng thẳng dậy, tay che mắt. Hàng trăm, hàng ngàn, rồi hàng chục ngàn, cho tới khi một nửa phần trời đỏ tối sầm lại, những hình dáng nhỏ bé cứ bay tới, bay tới không ngớt. Ngài Asriel đã từng thấy những đàn chim sáo đá xanh biếc đông tới hàng tỉ con lượn vòng trong ánh hoàng hôn quanh cung điện của Hoàng đế K’ang-Po, nhưng cả đời ông chưa từng nhìn thấy một đám đông nào lớn đến cỡ này.

Những sinh vật bay tụ tập lại rồi tủa đi chậm chậm, chậm chậm, tới hướng bắc và hướng nam.

“A! Còn cái kia là gì?” Ngài Asriel chỉ. “Đó không phải là gió.”

Mây đang cuộn xoáy trên sườn phía nam của ngọn núi, những biểu ngữ hơi nước dài, rách rưới, phấp phới trong luồng gió dữ dội. Nhưng Ngài Asriel nói đúng: Chuyển động đó tới từ phía trong chứ không phải từ không khí bên ngoài. Mây khuấy đảo và hỗn loạn, rồi tẽ ra trong giây lát.

Có nhiều hơn là một ngọn núi ở đó, nhưng họ chỉ nhìn thấy được trong thoáng chốc; sau đó đám mây lại xoáy ngược trở lại, như thể được kéo ngang bởi một bàn tay vô hình, để lại che giấu nó đi.

Quốc Vương Ogunwe đặt ống nhòm xuống.

“Đó không phải là một ngọn núi,” ông nói. “Tôi đã nhìn thấy các ụ súng...”

“Tôi cũng vậy. Một khối phức tạp đủ mọi thứ. Không hiểu hẳn có nhìn ra ngoài qua lớp mây được không nhỉ? Ở một vài thế giới, người ta có máy móc để làm việc đó. Nhưng còn đội quân của hẳn, nếu đám thiên thần đó là tất cả những gì chúng có...”

Vị vua khẽ thốt lên một tiếng ngẩn ngẩn, nửa kinh ngạc, nửa tuyệt vọng. Ngài Asriel quay sang siết chặt lấy cánh tay ông bằng những ngón tay gần như khiến ông thâm tím tới tận xương tủy.

“Chúng không có *cái này!*” Ông nói rồi lắc tay Ogunwe một cách thô bạo. “Chúng không có *da thịt!*”

Ông đặt tay lên một bên má thô ráp của bạn mình.

“Ít ỏi như chúng ta,” ông nói tiếp, “chết sớm như chúng ta, và mắt kém như chúng ta - nếu so sánh với chúng, chúng ta vẫn *mạnh hơn*. Chúng *ghen tị* với ta, Ogunwe ạ! Đó là thứ kích động nổi căm hờn của chúng, ta dám chắc như vậy. Chúng thêm khát có được cơ thể quý giá của chúng ta, rắn chắc và mạnh mẽ, thích nghi quá tốt với trái đất tuyệt vời này! Nếu ta *xông tới* bằng sức mạnh và lòng quyết tâm, ta có thể quét sạch số lượng vô hạn đó như gạt tay qua sương mù vậy. Sức mạnh của chúng chỉ đến thế thôi!”

“Asriel, chúng có đồng minh từ hàng ngàn thế giới, những sinh vật sống như chúng ta.”

“Chúng ta sẽ chiến thắng.”

“Vậy giả sử hắc cử đám thiên thần đó đi tìm con gái ông thì sao?”

“Con gái của ta!” Ngài Asriel hét lên đặc chí. “Đem được một đứa trẻ như vậy đến với thế giới chẳng phải là phi thường lắm sao? Ông sẽ cho rằng đã là quá đủ khi một mình tới chỗ vua của loài gấu mặc giáp rồi lừa cho hắc mất cả vương quốc - nhưng còn đi xuống thế giới của người chết và điếm tĩn thả tất cả ra - ! Còn thằng bé đó; tôi muốn gặp thằng bé; tôi muốn bắt tay nó. Chúng ta có biết mình sẽ đảm nhận trọng trách gì khi mới bắt đầu cuộc nổi dậy này không? Không. Nhưng chúng có biết - Đấng Quyền Năng và Nhiếp chính của hắc, tên Metatron - chúng có biết chúng đang lao vào điều gì khi con gái của ta tham gia vào không?”

“Ngài Asriel,” quốc vương nói, “ông có hiểu tầm quan trọng của cô bé cho tương lai không?”

“Nói thẳng ra là không. Đó là lí do tôi muốn gặp Basilides. Ông ta đi đâu rồi?”

“Tới chỗ quý bà Coulter. Nhưng ông ta kiệt sức rồi; nếu không được nghỉ ngơi thì ông ta không làm thêm được gì đâu.”

“Đáng ra ông ta phải nghỉ từ trước rồi. Gọi ông ta đến đây, được chứ? À, còn một việc nữa: Làm ơn hãy nhắn Bà Oxentiel tới tháp ngay khi thuận tiện. Ta phải gửi tới bà ấy lời chia buồn.”

Bà Oxentiel là phó chỉ huy của những người Gallivespia. Giờ bà sẽ phải đảm nhận những trách nhiệm của Ngài Roke. Quốc vương Ogunwe cúi chào rồi để cho chỉ huy của mình rà soát đường chân trời xám xịt.

Suốt ngày hôm đó, quân đội được tập hợp. Các thiên thần trong lực lượng của Ngài Asriel bay cao trên Núi Mây Phủ, tìm kiếm một khe hở, nhưng không thành công. Chẳng có gì thay đổi; không có thêm thiên thần nào bay ra hay bay vào; gió tầng cao xé toạc mây, nhưng mây lại không ngừng tự

làm mới, không để hở ra đến một giây. Mặt trời chạy ngang qua bầu trời xanh lạnh lẽo rồi đi xuống về hướng tây nam, mạ vàng những đám mây và nhuộm lên quãng hơi nước xung quanh ngọn núi bằng đủ thứ sắc độ của kem và đỏ tươi, của mơ và cam. Khi mặt trời lặn, những đám mây phát sáng yếu ớt từ bên trong.

Các chiến binh giờ đã tập hợp lại từ mọi thế giới có người ủng hộ cuộc nổi dậy của Ngài Asriel; các công nhân cơ khí và thợ sửa vũ khí đang nạp nhiên liệu cho máy bay, chất vũ khí lên, định cỡ tầm nhìn và phạm vi. Khi màn đêm buông xuống, vài đội quân tiếp viện được chào đón nồng nhiệt đã đến nơi: Lặng lẽ rảo bước trên nền đất giá lạnh từ phương bắc, tách biệt, đơn độc, là một toán gấu mặc giáp - một toán lớn, đi giữa chúng là quốc vương của mình. Không lâu sau đó là nhóm đầu tiên trong vài bộ tộc phù thủy, tiếng gió rít qua những cành thông của họ thì thầm mài miết trên nền trời đêm.

Dọc theo vùng đồng bằng về hướng nam của pháo đài lấp lánh hàng ngàn đốm sáng, đánh dấu trại đóng quân của những kẻ tới từ phương xa. Xa hơn nữa, tại cả bốn góc của la bàn, những toán thiên thần do thám đi tuần tra không biết mệt mỏi, canh gác cho đoàn quân.

Nửa đêm trên tháp đá kim cương, Ngài Asriel ngồi thảo luận với Quốc vương Ogunwe, thiên thần Xaphania, Bà Oxentiel người Gallivespia, và Teukros Basilides. Ông Chân Kế gia vừa mới kết thúc phần trình bày của mình, Ngài Asriel đứng dậy, bước tới bên cửa sổ và nhìn ra vầng sáng xa xăm của Núi Mây Phủ lơ lửng treo trên bầu trời phương tây. Những người khác không nói gì; họ vừa nghe được một điều đã khiến cho Ngài Asriel tái nhợt và run rẩy, không ai biết nên phản ứng lại thế nào.

Cuối cùng Ngài Asriel lên tiếng.

“Ông Basilides,” ông nói, “ông hẳn đã mệt lắm rồi. Tôi rất biết ơn tất cả những nỗ lực của ông. Hãy dùng chút rượu với chúng tôi.”

“Cảm ơn ngài,” Chân Kế gia nói.

Hai tay ông ta run lấy bầy. Quốc vương Ogunwe rót thứ rượu Tokay vàng óng vào rồi đưa cho ông cái li.

“Điều này sẽ mang ý nghĩa gì hả Ngài Asriel?” Giọng nói trong trẻo của Bà Oxentiel vang lên.

Ngài Asriel quay lại bên bàn.

“À,” ông nói, “nó sẽ có nghĩa là khi tham chiến, chúng ta sẽ có một mục tiêu mới. Con gái tôi và thằng bé này đã bị chia cắt khỏi linh thú của chúng, bằng một cách nào đó, mà vẫn sống sót được; và linh thú của chúng đang ở đâu đó trong thế giới này - hãy sửa lại nếu tôi tóm tắt không đúng nhé, ông Basilides - linh thú của chúng đang ở trong thế giới này, và Metatron có âm mưu bắt giữ hai con linh thú. Nếu hãn tóm được linh thú của chúng, bọn trẻ sẽ phải đi theo; và nếu hãn có thể chi phối được hai đứa trẻ đó, thì tương lai sẽ là của hãn, mãi mãi. Nhiệm vụ của chúng ta rất rõ ràng: Chúng ta phải tìm ra hai con linh thú trước hãn, rồi giữ cho chúng an toàn cho tới khi con bé và thằng nhóc trở lại với chúng.”

Lãnh đạo người Gallivespia cất tiếng: “Hai con linh thú bị mất tích này có dạng gì vậy?”

“Chúng chưa định hình, thưa bà,” Teukros Basilides nói. “Chúng có thể ở bất cứ hình dạng gì.”

“Vậy,” Ngài Asriel nói, “tóm gọn lại: Tất cả chúng ta, nước cộng hòa của chúng ta, tương lai của mọi sinh vật có ý thức - tất cả đều phụ thuộc vào việc con gái của ta còn sống, vào việc giữ cho hai linh thú của nó và của thằng bé không rơi vào tay Metatron?”

“Chính là vậy.”

Ngài Asriel thở dài, gần như thấy thỏa mãn; cứ như ông vừa kết thúc một phép tính dài hơi và phức tạp, và đến được một câu trả lời theo chiều hướng khá bất ngờ.

“Rõ rồi,” ông nói rồi xòe rộng hai bàn tay trên mặt bàn. “Vậy thì đây là việc chúng ta sẽ làm khi cuộc chiến bắt đầu. Quốc vương Ogunwe, ông sẽ đảm nhận quyền chỉ huy của toàn bộ các đội quân bảo vệ pháo đài. Bà Oxentiel, bà sẽ lập tức cử người đi lùng sục mọi phương trời để tìm hai đứa

bé và hai con linh thú. Khi tìm thấy chúng, hãy dùng cả mạng sống để bảo vệ cho tới khi chúng gặp lại được nhau. Vào thời điểm đó, ta hiểu được rằng thằng bé sẽ có thể an toàn mà trốn thoát sang một thế giới khác.”

Quý bà gật đầu. Mái tóc xám cứng quèo của bà bắt lấy ánh sáng đèn và phản chiếu lại như thép không gỉ, còn con điều hâu màu xanh mà bà thừa hưởng lại từ Ngài Roke khẽ dang cánh trên thanh rầm bên cạnh cửa.

“Giờ thì, Xaphania,” Ngài Asriel nói. “Bà biết gì về tên Metatron này? Hẳn đã có thời là con người: Liệu hẳn có còn sức mạnh vật chất của con người không?”

“Rất lâu sau khi tôi bị đẩy ải, hẳn mới nổi danh,” thiên thần nói. “Tôi chưa từng nhìn gần hẳn. Nhưng hẳn sẽ không thể nào thống trị được vương quốc trừ khi phải thật sự rất mạnh, mạnh mẽ ở đủ mọi phương diện. Hầu hết các thiên thần sẽ tránh phải đấu tay đôi. Nhưng Metatron thì sẽ thích thú với trận đấu, và hẳn sẽ thắng.”

Ogunwe có thể đoán được rằng một ý tưởng vừa nảy ra trong đầu Ngài Asriel. Sự chú ý của ông đột nhiên thu lại, đôi mắt mất tập trung trong một thoáng, rồi vụt trở lại hiện thực với sự mãnh liệt tăng lên gấp bội.

“Ra vậy,” ông nói. “Cuối cùng, Xaphania ạ, ông Basilides nói với chúng tôi rằng quả bom của chúng không chỉ mở ra một vực thẳm bên dưới các thế giới, mà còn làm rạn nứt cấu trúc của vạn vật sâu sắc tới mức các vết nứt vỡ xuất hiện khắp nơi. Đâu đó gần đây hẳn phải có một lối xuống tới mép của vực thẳm đó. Ta muốn bà đi tìm nó.”

“Ông định làm gì vậy?” Quốc vương Ogunwe cục cằn hỏi.

“Ta sẽ hủy diệt Metatron. Nhưng phần của ta đã gần đến hồi kết rồi. Con gái ta mới là người phải sống sót, và nhiệm vụ của chúng ta là ngăn không cho các lực lượng của vương quốc lại gần nó để nó có cơ hội tìm đường tới một thế giới an toàn hơn - con bé và thằng nhóc, cả linh thú của chúng nữa.”

“Còn Phu nhân Coulter thì sao?” Quốc vương hỏi.

Ngài Asriel gạt một tay lên quá trán.

“Ta sẽ không bận tâm đến bà ấy,” ông nói. “Cứ để mặc bà ấy, và bảo vệ nếu có thể. Mặc dù... Có lẽ ta đang bắt công với bà ấy. Bà ấy không ngừng làm ta ngạc nhiên dù cho có làm gì đi nữa. Nhưng chúng ta đều biết việc *mình* phải làm, và lí do tại sao chúng ta phải làm thế: Chúng ta phải bảo vệ Lyra cho tới khi con bé tìm thấy được linh thú của mình và trốn thoát. Nước cộng hòa của chúng ta có lẽ được thành lập chỉ vì một mục đích duy nhất là giúp con bé làm việc đó. Hãy làm hết sức có thể.”

Phu nhân Coulter nằm trên giường của Ngài Asriel trong căn phòng bên cạnh. Khi nghe thấy tiếng nói ở phòng kia, bà chợt quậy vì vẫn chưa ngủ sâu. Bà thoát ra khỏi giấc ngủ trần trọc của mình, cảm thấy bất rút và khao khát đè nặng.

Con linh thú của bà ngồi dậy bên cạnh, nhưng bà không muốn tới gần cửa hơn; bà chỉ đơn thuần muốn nghe giọng nói của Ngài Asriel hơn là một từ ngữ cụ thể nào. Bà nghĩ cả hai đều đã tận số rồi. Bà nghĩ tất cả bọn họ đều đã tận số cả rồi.

Cuối cùng, bà nghe thấy tiếng cửa đóng lại ở phòng bên kia, và dựng người đứng dậy.

“Asriel,” bà nói trong lúc bước vào dưới thứ ánh sáng đèn dầu ấm áp.

Con linh thú của ông khẽ gầm gừ: Con khi vàng cúi thấp đầu để xoa dịu nó. Ngài Asriel đang cuộn một tấm bản đồ lớn và không quay lại.

“Asriel, chuyện gì sẽ xảy ra với tất cả chúng ta?” Bà nói rồi lấy một chiếc ghế.

Ông ấn gót bàn tay vào hai mắt. Gương mặt ông bị tàn phá vì kiệt sức. Ông ngồi xuống rồi tì một khuỷu tay lên bàn. Hai con linh thú của họ không nhúc nhích: con khi co người trên lưng ghế, con báo tuyết ngồi thẳng đây cảnh giác bên cạnh Ngài Asriel, nhìn Phu nhân Coulter không chớp mắt.

“Em không nghe à?” Ông hỏi.

“Em có nghe đôi chút. Em không ngủ được, nhưng không chú ý lắng nghe. Lyra đâu rồi, có ai biết không?”

“Không.”

Ông vẫn chưa trả lời câu hỏi đầu tiên của bà, ông không định trả lời, và bà cũng biết vậy.

“Đáng ra chúng ta nên cưới nhau,” bà nói, “rồi cùng nuôi nấng nó.”

Lời nhận xét đó bất ngờ tới mức khiến ông phải chớp mắt. Con linh thú của ông gầm lên một tiếng khê nhất có thể ở thành sau cuống họng, rồi ngồi duỗi chân ra theo kiểu nhân sư. Ông không nói gì.

“Em không thể chịu nổi suy nghĩ về sự quên lãng, Asriel ạ,” bà nói tiếp. “Gì cũng được, nhưng không phải nó. Em vẫn thường cho rằng đau đớn sẽ tồi tệ hơn - bị hành hạ suốt đời - em cứ nghĩ nó chắc chắn sẽ tồi tệ hơn... Nhưng chừng nào vẫn còn có ý thức thì vẫn tốt hơn, đúng không? Tốt hơn là chẳng cảm thấy gì, cứ cắm đầu vào màn đêm, mọi thứ tiêu tan đi mãi mãi?”

Việc của ông chỉ đơn thuần là lắng nghe. Mắt ông không rời khỏi bà, toàn bộ sự chú ý của ông dồn lên bà; việc đáp lại là không cần thiết. Bà nói:

“Hôm trước, khi anh nói về con bé một cách cay đắng, cả về em nữa... em cứ nghĩ anh ghét bỏ nó. Em có thể hiểu việc anh căm ghét em. Em chưa bao giờ ghét anh, nhưng em có thể hiểu được... Em có thể hiểu được tại sao anh lại ghét em. Nhưng em không thấy được lí do khiến anh ghét Lyra.”

Ông từ từ quay đầu đi, sau đó nhìn trở lại phía bà.

“Em còn nhớ anh đã nói một điều kì lạ, ở Svalbard, trên đỉnh núi, ngay trước khi anh rời khỏi thế giới của chúng ta,” bà nói tiếp. “Anh nói: Đi với anh, rồi chúng ta sẽ hủy diệt Bụi mãi mãi. Anh có nhớ đã nói thế không? Nhưng anh không thực sự muốn thế. Anh muốn điều hoàn toàn ngược lại đúng không? Giờ thì em đã hiểu. Sao anh không cho em biết việc mình đang thực sự làm? Sao anh không cho em biết anh thực ra đang cố gắng bảo tồn Bụi? Đáng ra anh có thể cho em biết sự thật.”

“Anh muốn em đi cùng anh,” ông nói, giọng khàn đặc và lặng lẽ, “và anh nghĩ em sẽ thích nghe một lời nói dối hơn.”

“Phải,” bà thì thầm, “đó chính là điều em nghĩ.”

Bà không thể ngồi yên, nhưng cũng không thật sự có sức lực để đứng lên. Trong một lúc, bà cảm thấy muốn lả đi, đầu bà quay cuồng, các âm thanh mờ dần, căn phòng tối sầm lại, nhưng gần như ngay lập tức các giác quan của bà lại được phục hồi, còn tàn nhẫn hơn trước, và tình hình vẫn chẳng có gì thay đổi.

“Asriel...” Bà lẩm nhẩm.

Con khỉ vàng đưa một bàn tay ra ướm thử, tỏ ý muốn chạm vào chân của con báo tuyết. Người đàn ông quan sát mà không nói không rằng, còn Stelmara thì không cử động; đôi mắt nó không rời khỏi Phu nhân Coulter.

“Ôi, Asriel, chuyện gì sẽ xảy ra với chúng ta đây?” Phu nhân Coulter lại thốt lên. “Liệu đây có phải kết cục của mọi thứ không?”

Ông không nói gì.

Cử động như một người đang mơ, bà đứng dậy, nhặt lên cái túi đang nằm trong góc phòng, rồi thọc vào bên trong với lấy khẩu súng lục. Bà định làm gì tiếp theo thì chẳng ai biết, vì đúng lúc đó có tiếng bước chân chạy lên cầu thang.

Cả người đàn ông và người đàn bà, cùng hai con linh thú, đều quay ra nhìn người phục vụ vừa bước vào, vừa thở hổn hển:

“Xin thứ lỗi, thưa ngài - hai con linh thú - người ta đã thấy chúng, không xa cổng phía đông - dưới dạng mèo - người lính gác đã thử bắt chuyện với chúng, đưa chúng vào bên trong, nhưng chúng không chịu lại gần. Chuyện mới xảy ra cách đây khoảng một phút thôi...”

Ngài Asriel ngồi thẳng dậy, mặt mày rạng rỡ. Chỉ trong một thoáng, tất cả mệt nhọc đều đã được gạt sạch khỏi gương mặt ông. Ông đứng bật dậy rồi túm lấy chiếc áo bành tô.

Không buồn để tâm đến Phu nhân Coulter, ông choàng áo qua vai rồi nói với người phục vụ:

“Báo cho Bà Oxentiel ngay lập tức. Báo chỉ thị này: Không được dọa nạt, gây sợ hãi hay ép buộc hai con linh thú dưới bất cứ hình thức nào. Bất cứ ai thấy chúng đầu tiên phải...”

Phu nhân Coulter không còn nghe được những điều ông đang nói, vì ông đã xuống được đến nửa cầu thang rồi. Khi đến cả những tiếng bước chân của ông cũng trở nên mờ nhạt, âm thanh duy nhất là tiếng rít khe khẽ của chiếc đèn dầu, và tiếng rền rĩ của cơn gió điên dại phía bên ngoài.

Đôi mắt bà bắt gặp đôi mắt của con linh thú. Biểu hiện của con khi vàng vắn tinh tế và phức tạp như vốn có, trong suốt quãng đời ba mươi lăm năm của họ.

“Được rồi,” bà nói. “Ta chẳng thể thấy được cách nào khác. Ta nghĩ... Ta nghĩ chúng ta sẽ...”

Nó lập tức hiểu ra bà muốn nói gì. Nó liền nhảy lên ngực bà, và họ ôm lấy nhau. Rồi bà đi tìm chiếc áo khoác viền lông của mình, và rất lặng lẽ, họ rời khỏi căn buồng, bước xuống những bậc cầu thang tối đen như mực.

Cuộc chiến vùng đồng bằng

Mỗi Người đều bị Con ma của mình chi phối

Cho tới lúc thời khắc đó đến

Khi Nhân tính của y thức tỉnh

William Blake

Thật vô cùng khó khăn cho Lyra và Will khi phải rời khỏi cái thế giới dịu ngọt mà chúng đã nghỉ lại đêm hôm trước, nhưng nếu có định đi tìm linh thú của mình, chúng biết mình phải bước vào bóng đêm một lần nữa. Còn bây giờ, sau nhiều giờ đồng hồ mòn mỏi bò qua con hầm lờ mờ sáng, Lyra cúi xuống chiếc Chân Kế lần thứ hai mươi, bất giác khẽ buột ra những tiếng kêu khổ sở - những tiếng khóc thút thít và thở gắt nếu mạnh hơn chút nữa sẽ biến thành tiếng nước nở. Will cũng cảm nhận được nỗi đau nơi linh thú của cậu đã từng tồn tại, một vị trí bồng rập vì quá mỏng manh, nơi mà mỗi hơi thở lại bị xé toạc bằng những cái móc lạnh giá.

Cô vận các núm xoay mới mẻ mỗi làm sao; các suy nghĩ của cô như đang di chuyển trên đôi chân bọc chì. Những nấc thang ý nghĩa bắt nguồn từ toàn bộ ba mươi sáu biểu tượng trên chiếc Chân Kế, xuống nơi cô thường di chuyển rất nhẹ nhàng và tự tin, giờ lại có cảm giác lỏng lẻo và rung lắc. Còn việc duy trì các mối liên kết giữa chúng trong tâm trí... Nó đã từng giống như chạy bộ, ca hát, hay kể chuyện: Một thứ rất tự nhiên. Lúc này cô lại phải làm việc một cách khó nhọc, tay cô cầm cũng không còn chặt, mà cô

thì lại không được phép thất bại, vì nếu không tất cả mọi thứ khác cũng tiêu tan theo...

“Không còn xa nữa,” cuối cùng cô nói. “Và đang có đủ mọi loại hiểm nguy - có một trận chiến, có... Nhưng hiện giờ chúng ta gần như đang ở đúng chỗ. Ngay cuối đường hầm này có một tảng đá lớn, nhẵn nhụi, ướt đẫm nước. Cậu cắt qua đó.”

Những hồn ma sẽ tham chiến háo hức đổ dồn về phía trước, cô bé cảm thấy Lee Scoresby đứng ngay sát cạnh mình.

Ông nói: “Lyra, cô nhóc, không lâu nữa đâu. Khi gặp lão gấu già đó, hãy nói với ông ấy Lee đã chiến đấu tới giây phút cuối cùng. Cuộc chiến mà kết thúc thì sẽ có toàn bộ thời gian trên thế giới này để trôi theo chiều gió và tìm những nguyên tử từng thuộc về Hester, về mẹ của ta trên những vùng đất trống ngái trắng, về những người tình của ta - tất cả bọn họ... Lyra, bé con, cháu phải nghỉ ngơi khi vụ này xong xuôi, nghe chứ? Cuộc đời thật tươi đẹp, còn cái chết thì đã rời xa rồi...”

Giọng ông chìm đi. Cô muốn vòng tay ôm lấy ông, nhưng đương nhiên việc đó là bất khả thi. Vậy nên thay vào đó, cô chỉ nhìn ngắm hình dạng nhợt nhạt của ông, con ma thấy được tình cảm nồng nàn và vẻ rạn rở trong đôi mắt cô, và ông như được tiếp thêm sức mạnh từ đó.

Trên vai của Lyra, và trên vai Will, là hai người Gallivespia. Cuộc sống ngắn ngủi của họ đã sắp kết thúc; cả hai đều cảm thấy chân tay cứng lại, còn trái tim đang lạnh dần. Họ sẽ sớm quay trở lại thế giới của người chết, lần này là dưới dạng hồn ma, nhưng họ bắt được ánh mắt của nhau, và nguyện sẽ ở bên Will và Lyra lâu nhất có thể, không hé một lời về việc mình đang sắp chết.

Hai đứa trẻ cứ leo lên, lên mãi. Chúng không nói năng gì. Chúng nghe thấy tiếng thở khó nhọc của người còn lại, nghe thấy tiếng giậm chân, nghe thấy tiếng những hòn đá nhỏ xíu bị bật ra khỏi chỗ bởi bước chân của chúng. Suốt cả chặng đường trước mặt chúng, con nhân điều nặng nề lê bước, cánh lết đi, móng vuốt loẹt quẹt, im lặng và day nghiệt.

Rồi một âm thanh mới phát ra: Một tiếng tí tách đều đều, vang vọng trong đường hầm. Sau đó là một tiếng nhỏ giọt gấp gấp hơn, một tiếng nước chảy thành dòng.

“Đây rồi!” Lyra kêu lên, với tới phía trước để chạm vào một phiến đá nằm chắn đường, nhẵn mịn, ướt và lạnh. “Nó đây rồi.”

Cô bé quay sang con nhân điểu.

“Tôi vẫn đang suy nghĩ,” cô nói, “về việc bà đã cứu tôi như thế nào, và việc bà hứa sẽ dẫn đường cho tất cả các hồn ma sau này sẽ bước vào thế giới của người chết tới vùng đất mà chúng ta đã nghỉ lại đêm qua. Tôi đã nghĩ là, nếu bà không có tên thì không được, sẽ không ổn trong tương lai. Nên tôi nghĩ tôi sẽ đặt cho bà một cái tên, giống như Quốc vương Iorek Byrnison đã đặt tên cho tôi là Silvertongue. Tôi sẽ gọi bà là Gracious Wings^[9]. Bây giờ nó sẽ là tên bà, và sẽ mãi mãi như vậy: Gracious Wings.”

“Rồi một ngày,” con nhân điểu nói, “ta sẽ gặp lại cô, Lyra Silvertongue ạ.”

“Nếu ngày ấy đến, và tôi biết rằng bà ở đây, tôi sẽ không thấy sợ nữa,” Lyra nói. “Tạm biệt, Gracious Wings, cho tới khi tôi lìa trần.”

Cô ôm lấy con nhân điểu, ghì thật chặt, rồi hôn lên cả hai má ả.

Rồi Hiệp sĩ Tialys nói: “Đây là thế giới của nước cộng hòa của Ngài Asriel à?”

“Phải,” cô đáp, “đó là điều mà Chân Kế đã nói. Nó ở gần pháo đài của ông ấy.”

“Vậy thì để tôi nói chuyện với các hồn ma.”

Cô bé nâng ông lên cao, ông liền nói lớn: “Xin hãy lắng nghe, bởi vì Công nương Salmakia và tôi là những người duy nhất trong số chúng ta đã từng nhìn thấy thế giới này. Có một pháo đài trên đỉnh núi: Đó là thứ mà Ngài Asriel đang bảo vệ. Kẻ thù là ai thì tôi không biết. Bây giờ Lyra và Will chỉ có một nhiệm vụ duy nhất, đó là đi tìm linh thú của mình. Nhiệm vụ của chúng ta là giúp đỡ họ. Tất cả hãy dũng cảm lên và chiến đấu tốt nhé.”

Lyra quay sang Will.

“Được rồi,” cậu nói, “tớ đã sẵn sàng.”

Cậu lấy con dao ra rồi nhìn vào đôi mắt hồn ma của bố mình, người đang đứng gần đó. Họ sẽ không còn được ở bên nhau lâu nữa, và Will nghĩ rằng sẽ thật vui biết bao nếu cậu có thể được thấy mẹ mình bên cạnh nữa, cả ba người bọn họ cùng bên nhau...

“Will,” Lyra lo lắng gọi.

Cậu ngừng lại. Con dao bị mắc trong không khí. Cậu thả tay ra, và nó cứ lơ lửng ở đó, bị đóng chặt trong vật chất của một thế giới vô hình. Cậu thở ra một hơi thật dài.

“Tớ suýt nữa...”

“Tớ có thể thấy điều đó,” cô nói. “Nhìn tớ này, Will.”

Trong ánh sáng ma trơi, cậu nhìn thấy mái tóc sáng màu, đôi môi mím chặt, đôi mắt ngay thẳng của cô: Cậu cảm thấy sự ấm áp từ hơi thở của cô; cậu bắt được hương thơm thân thiện từ da thịt cô.

Con dao rời ra.

“Tớ sẽ thử lại,” cậu nói.

Cậu quay đi. Vừa tập trung cao độ, cậu vừa để cho tâm trí tràn xuống tới mũi dao, chạm vào, rút lại, tìm kiếm, và rồi cậu tìm thấy nó. Vào, men theo, xuống, rồi trở lại: Những hồn ma xúm lại gần đến mức cơ thể của Will và Lyra cảm nhận thấy những cú giật khê vì lạnh chạy dọc từng tế bào thần kinh.

Và cậu thực hiện nhát cắt cuối cùng.

Thứ đầu tiên họ cảm nhận được là *tiếng ồn*. Ánh sáng xuyên vào chói lọi tới mức cả ma lẫn người đều phải che mắt lại, nên họ chẳng thể nhìn được gì trong vài giây; nhưng tiếng nện thùm thụp, tiếng nổ, tiếng súng lạch tạch, tiếng gào thét đều lập tức rõ rệt và đáng sợ khủng khiếp.

Hồn ma của John Parry, cùng hồn ma của Lee Scoresby, hồi phục các giác quan đầu tiên. Bởi vì cả hai đều đã từng là chiến binh, có kinh nghiệm chiến đấu, nên họ không bị tiếng ồn làm mất phương hướng quá nhiều. Will và Lyra thì chỉ đơn thuần quan sát trong sợ hãi và kinh ngạc.

Những quả tên lửa gây nổ đang bùng lên trong không khí phía trên, trút hàng mảnh đất đá và kim loại lên những con dốc của ngọn núi cách đó không xa; còn trên bầu trời, thiên thần đang giao chiến với thiên thần, cả các phù thủy cũng đang nhào xuống rồi lại vút lên, gào thét những tiếng hô của bộ tộc mình trong lúc bắn tên vào kẻ địch. Họ thấy một người Gallivespia, cười trên lưng con chuồn chuồn, đang lao bổ xuống tấn công một cỗ máy biết bay mà phi công con người của nó cố đánh tay đôi với ông ta. Trong lúc con chuồn chuồn lao vút và lướt đi phía trên, người cười nó nhảy xuống để cắm sâu những cái cựa của mình vào cỗ gã phi công; rồi con côn trùng trở lại, sà xuống thấp để cho chủ nhân nhảy lên tấm lưng xanh rực rỡ trong lúc cỗ máy biết bay đâm thẳng vào những tảng đá dưới chân pháo đài.

“Mở rộng ra hơn đi,” Lee Scoresby nói. “Cho chúng tôi ra!”

“Đợi đã, Lee,” John Parry nói. “Có chuyện gì đó đang xảy ra - nhìn đằng kia kìa.”

Will cắt thêm một ô cửa sổ nhỏ nữa theo hướng mà ông chỉ. Khi nhìn ra, họ có thể thấy một sự biến đổi trong tình hình giao chiến. Lực lượng tấn công bắt đầu rút lui: Một toán xe vũ trang đã ngừng tiến về phía trước, dưới làn đạn yểm trợ, chúng khó nhọc quay đi rồi di chuyển ngược trở lại. Một hạm đội máy bay, đang lợi dụng tình hình chiến trận rời rạc cùng với những chiếc xa thăng của Ngài Asriel, lượn vòng trên bầu trời rồi khởi hành về phía tây. Các lực lượng của thiên quốc trên mặt đất - những cột xạ thủ súng trường, những đội quân trang bị máy ném lửa, đại bác phun độc, những loại vũ khí mà chưa có ai trong số những người quan sát từng thấy - bắt đầu tách ra và lùi lại.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Lee hỏi. “Chúng đang rời khỏi chiến trường - nhưng tại sao chứ?”

Dường như chẳng có lí do nào cho điều đó: Quân đồng minh của Ngài Asriel đang bị áp đảo, vũ khí của họ không hiệu lực bằng, và số người gục xuống vì bị thương nhiều hơn rất nhiều.

Rồi Will cảm thấy một chuyển động đột ngột giữa những hồn ma. Họ đang chỉ trở vào một thứ gì đó trôi giạt trong không khí.

“Quý hút hồn!” John Parry nói. “Đó là lí do.”

Vậy là lần đầu tiên, Will và Lyra nghĩ rằng chúng có thể nhìn thấy những thứ đó, giống như những bức màn làm từ vải gạc lỏng lánh, rủ xuống từ bầu trời như núi bông kế. Nhưng chúng rất mờ nhạt, và khi chạm tới mặt đất, trông chúng còn khó nhìn hơn.

“Chúng đang làm gì vậy?” Lyra hỏi.

“Chúng đang nhắm tới trung đội súng trường đó...”

Biết được chuyện gì sẽ xảy ra, cả Will và Lyra cùng hét lên hoảng hốt: “Chạy đi! Trốn đi!”

Vài người lính, nghe thấy giọng của hai đứa trẻ vọng tới từ gần đó, liền giật mình nhìn quanh. Những người khác, nhìn thấy một con Quý hút hồn đang hướng đến phía mình, thật kì lạ, trống rỗng và tham lam, giương súng lên bắn, nhưng đương nhiên là chẳng có tác dụng gì. Và rồi nó tấn công người đầu tiên mà nó với tới.

Đó là một người lính tới từ thế giới của Lyra, một người Phi châu. Linh thú của ông ta là một con mèo hung chân dài có đốm đen, nhe răng ra và sẵn sàng lao tới.

Tất cả bọn họ đều thấy người đàn ông ngấm bắn đầy can đảm, không hề lùi bước - và rồi họ thấy con linh thú bị mắc trong một tấm lưới vô hình, nó gầm ghè và tru lên một cách bất lực, người đàn ông cố gắng với lấy nó, thả súng xuống, hét lên tên nó, rồi bản thân ông cũng sụp xuống và lả đi vì đau đớn và nôn nao tội độ.

“Được rồi, Will,” John Parry nói. “Cho chúng ta ra thôi; chúng ta có thể đánh lại những thứ đó.”

Vậy là Will mở rộng ô cửa rồi chạy ra, dẫn đầu đội quân ma; rồi sau đó cuộc chiến kì lạ nhất mà cậu có thể tưởng tượng ra bắt đầu.

Các hồn ma trèo ra khỏi mặt đất, những hình dáng mờ nhạt trở nên càng nhạt nhòa hơn dưới ánh sáng giữa trưa. Họ không có gì để sợ hãi nữa, họ lao mình vào lũ Quý hút hồn vô hình, vật lộn, cấu xé những thứ mà Will và Lyra hoàn toàn không thể nhìn thấy.

Các xạ thủ súng trường và những đồng minh còn sống khác cũng người: Họ không thể hiểu nổi cái thứ chiến trận toàn ma với quỷ này. Will lao vào giữa trận đánh rồi vung con dao lên, cậu vẫn nhớ lũ Quỷ hút hồn đã từng tháo chạy khỏi nó như thế nào.

Dù cậu có đi đâu thì Lyra cũng đi theo cùng, ước gì mình cũng có thứ gì đó để chiến đấu giống như Will, nhưng cô bé nhìn xung quanh, quan sát ở tầm rộng hơn. Cô nghĩ cứ thỉnh thoảng mình lại thấy được lũ Quỷ hút hồn, trong một mảng lấp loáng như dầu trong không khí; và chính Lyra cảm nhận được cơn rùng mình vì nguy hiểm đầu tiên.

Với Salmakia trên vai, cô thấy mình đang đứng trên một chỗ hơi nhô lên cao, chỉ là một ụ đất mọc đầy những bụi táo gai, từ đó cô có thể phóng tầm mắt ra khắp đất nước những kẻ xâm lăng đang tàn phá.

Mặt trời đã lên quá đầu. Phía trước, trên đường chân trời phía tây, mây dồn thành từng đồng sáng rực rỡ, bị chia cắt bởi những khe nứt sâu đen ngòm, đỉnh của chúng kéo dài ra trong những cơn gió tầng cao. Cả ở hướng kia, trên vùng đồng bằng, các lực lượng mặt đất của kẻ địch đang chờ đợi: những cỗ máy sáng lấp loáng, cờ phướn phấp phới đầy màu sắc, các trung đoàn dàn hàng, chờ đợi.

Đằng sau, phía bên trái cô, là dãy đồi đỉnh nhọn hoắt nhô lên từ pháo đài. Chúng phát ra một màu xám sáng trong ánh xanh nhợt của bầu trời trước cơn bão, còn trên những thành lũy bằng đá bazan đen ở phía xa, cô thậm chí còn thấy được những hình dáng nhỏ xíu đang đi qua đi lại, sửa chữa những bức tường lỗ châu mai bị phá hủy, mang thêm vũ khí để chống đỡ, hoặc chỉ đơn thuần là quan sát.

Chính vào lúc đó, Lyra nhận thấy cảm giác tròng trành xa xăm đầu tiên của sự nôn nao, cơn đau và nỗi sợ, chính là sự tiếp xúc không thể nhầm lẫn của lũ Quỷ hút hồn.

Ngay lập tức cô bé biết nó là thứ gì, dù cô chưa từng cảm nhận điều đó trước đây. Và nó cho cô biết hai điều: Một là, cô chắc chắn đã đủ trưởng thành để có thể bị Quỷ hút hồn tấn công; và hai là, Pan phải ở đâu đó gần đây.

“Will - Will...” Cô bé hét lên.

Cậu nghe thấy tiếng cô và liền quay lại, con dao nằm trong tay, đôi mắt hừng hực cháy.

Nhưng trước khi có thể lên tiếng, cậu đột ngột thở dốc, lảo đảo nghệt thở, rồi ôm chặt lấy ngực. Cô hiểu rằng điều tương tự đang xảy đến với cậu.

“Pan! Pan!” Cô hét lên, rướn người trên mũi bàn chân để nhìn xung quanh.

Will đang cúi gập người, cố gắng để không cảm thấy buồn nôn. Một vài giây sau, cảm giác đó trôi đi, như thể linh thú của chúng đã trốn thoát; nhưng chúng chẳng ở gần thêm chút nào để có thể tìm thấy. Khắp xung quanh, không khí dày đặc những tiếng súng nổ, tiếng hét, tiếng gào thét vì đau đớn hay kinh sợ, tiếng *yâu-yâu-yâu* xa xăm của lũ quỷ vực đang lượn vòng trên đầu, tiếng *vút* và *phập* thi thoảng vang lên từ những mũi tên, và rồi một âm thanh mới: Tiếng gió nổi.

Lyra cảm thấy nó đầu tiên là trên hai má mình, rồi cô thấy cỏ rạp xuống dưới gió, và nghe thấy tiếng gió luồn qua những bụi táo gai. Bầu trời phía trước mặt cuộn cuộn giông bão: Toàn bộ sắc trắng đã biến mất khỏi các đợt sấm sét, chúng lăn vằn và cuộn xoáy với những màu vàng của lưu huỳnh, xanh lục của biển cả, xám của khói, đen của dầu, một chuyển động cuồng nộ đến nôn nao cao hàng dặm và rộng khắp đường chân trời.

Đằng sau cô, mặt trời vẫn đang tỏa sáng, khiến cho mọi khu rừng và từng thân cây giữa cô và cơn bão lóe lên rực rỡ và sống động, những thứ nhỏ xíu, mỏng manh, thách thức bóng tối bằng lá, cành non, quả và hoa.

Xuyên qua tất cả những thứ đó là hai đứa trẻ hầu như không còn là trẻ con nữa, giờ đây đã nhìn thấy Quỷ hút hồn gần như rõ nét. Gió đang đập vào mắt Will và quật tóc của Lyra ra ngang mặt, đáng lẽ nó đã có thể thổi bay những con Quỷ hút hồn; nhưng những thứ này lại lướt thẳng qua nó để hướng tới mặt đất. Cậu bé và cô bé, tay trong tay, luồn lách qua những người đã chết và những kẻ bị thương, Lyra gọi tên Pan, còn Will thì căng mọi giác quan lên để tìm linh thú của cậu.

Giờ thì sét đang chẳng chịt giăng kín cả bầu trời, rồi tiếng nổ vang trời của sấm dội vào màng nhĩ của chúng như tiếng rìu nện. Lyra lấy tay ôm đầu, còn Will suýt nữa vấp ngã, như thể bị âm thanh đó ấn xuống đất. Chúng níu lấy nhau rồi nhìn lên, và thấy một cảnh tượng mà chưa có ai trong cả hàng triệu thế giới từng nhìn thấy trước đây.

Các phù thủy, bộ tộc của Ruta Skadi, của Reina Miti, và nửa tá các bộ tộc khác, mỗi người đều cầm theo một ngọn đuốc bằng gỗ thông mềm nhúng trong nhựa đường hùng hực cháy, đang đổ dồn tới trên pháo đài từ phía đông, từ mảng trời trong cuối cùng còn sót lại, và bay thẳng vào cơn bão.

Những ai trên mặt đất đều có thể nghe thấy tiếng ầm ầm và lách tách của các hợp chất hydrocarbon dễ bay hơi bùng cháy phía trên cao. Vài con Quỷ hút hồn vẫn còn nán lại trong vùng không khí phía trên, một vài phù thủy đã không nhìn thấy mà lao thẳng vào chúng, họ hét lên rồi bổ nhào xuống đất cùng ngọn đuốc rực cháy; nhưng vào lúc này, hầu hết cái đám nhọt nhọt đó đã xuống tới mặt đất, và phi đội phù thủy khổng lồ tuôn chảy như một con sông băng lửa vào trong trung tâm của cơn bão.

Một toán thiên thần, được trang bị thương và kiếm, ló ra từ Núi Mây Phủ để đối đầu với các phù thủy. Với gió thổi từ sau lưng, họ lao tới trước còn nhanh hơn cả tên bắn; nhưng các phù thủy cũng không hề kém cạnh, những người tiên phong bay vút lên cao rồi lao thẳng vào hàng ngũ các thiên thần, chém trái quật phải bằng những ngọn đuốc rực cháy. Thiên thần nối tiếp thiên thần, người rực lửa, cánh cháy phừng phừng, vừa gào thét vừa bổ nhào xuống khỏi không trung.

Và rồi những giọt mưa lớn đầu tiên rơi xuống. Nếu viên chỉ huy trong những đám mây giông định dập tắt lửa phù thủy thì hẳn đã phải thất vọng; cây gỗ thông mềm và lớp nhựa đường vẫn bùng cháy bất chấp cơn mưa, nước càng bắn vào nhiều thì lửa càng phụt và rít lên dữ dội hơn. Những giọt mưa đập xuống mặt đất như thể được quăng đi với ác ý sâu cùng, vỡ òa ra rồi bắn tóe lên không khí. Chỉ trong một phút, cả Lyra và Will đều ướt rượt

đến tận da thịt và run lấy bối vì lạnh, cơn mưa chích vào đầu và tay chúng như những viên đá nhỏ xíu.

Qua tất cả những thứ đó, chúng tập tễnh và vật lộn, vừa gạt nước ra khỏi mắt, vừa gọi lớn: “Pan! Pan!” trong tiếng ồn ào huyền ảo.

Cơn bão phía trước giờ đã gần như liên tục, xé toạc, đè nén và đâm bổ như thể đến cả những nguyên tử cũng bị phanh mở. Giữa những tiếng sấm ì oàng và nỗi sợ day dứt, Will và Lyra vừa chạy vừa la hét, cả hai đứa: “Pan! Pantalaimon của tớ! Pan!” và một tiếng thét không lời từ Will, người biết mình đã đánh mất thứ gì, nhưng lại không biết tên của nó.

Đi cùng với chúng khắp mọi nơi là hai người Gallivespia, nhắc nhở chúng nhìn hướng này, đi hướng kia, cảnh giới những tên Quỷ hút hồn mà bọn trẻ vẫn chưa hoàn toàn nhìn thấy được. Nhưng Lyra phải ôm Salmakia trong hai tay, vì công nương không còn nhiều sức lực để bám vào vai cô nữa. Tialys đang rà soát bốn phương tám hướng của bầu trời, tìm kiếm những người họ hàng của mình và hét lên gọi mỗi khi thấy một cái cửa nhọn sáng loáng lao đi trong không khí phía trên. Nhưng giọng của ông đã mất phần lớn sức mạnh, và dù thế nào thì những người Gallivespia khác cũng đều đang tìm kiếm những màu sắc đại diện cho bộ tộc trên hai con chuồn chuồn của họ, màu xanh ánh điện và màu đỏ vàng; nhưng những màu sắc đó đã phai nhạt từ lâu, còn những cơ thể từng tỏa sáng trong chúng đã nằm lại thế giới của người chết.

Và rồi trên bầu trời xuất hiện một chuyển động khác biệt với mọi thứ khác. Khi hai đứa trẻ nhìn lên, che mắt khỏi những hạt mưa quất tới tấp, chúng thấy một chiếc phi cơ không giống với bất kì chiếc nào chúng từng thấy trước đây: vụng về, có sáu chân, tối sẫm, và hoàn toàn câm lặng. Nó đang bay thấp, rất thấp, từ phía pháo đài. Nó lướt tới phía trước, không cao hơn một mái nhà phía trên chúng, rồi tiến vào trung tâm của cơn bão.

Nhưng lũ trẻ không có thời gian để thắc mắc về nó, vì một cơn choáng váng, nôn nao đến nhức đầu cho Lyra biết rằng Pan lại đang gặp nguy hiểm, và rồi Will cũng cảm thấy nó. Chúng mù quáng lập bập bước qua những

vũng nước, bùn lầy, mớ hỗn độn của những người bị thương và những hồn ma đang giao chiến, bất lực, kinh hoàng, và ghê tởm.

Núi Mây Phủ

Xa khỏi Thiên Cung, mở rộng bát ngát

Thành một vòng, không rõ tròn hay vuông,

Điểm tô những tháp và tường thành đá

Của ngọc sapphire nguyên thủy

John Milton

Phi cơ ý lực được lái bởi Phu nhân Coulter. Chỉ có bà và con linh thú của mình trong buồng lái.

Máy đo độ cao khí áp không có ích nhiều trong cơn bão, nhưng bà có thể đánh giá đại khái độ cao bằng cách quan sát lửa cháy nơi các thiên thần rơi xuống trên mặt đất; bất chấp cơn mưa xối xả, chúng vẫn bốc lên cao. Còn về lộ trình, cũng không khó khăn gì: Chớp lấp loáng quanh ngọn núi đóng vai trò như một cây đèn hiệu rực sáng. Nhưng bà phải né đủ loại sinh vật bay vẫn đang chiến đấu trên không trung, và tránh những ụ đất nhô lên bên dưới.

Bà không dùng đèn, vì bà muốn bay lại gần và tìm chỗ hạ cánh trước khi họ nhìn thấy và bắn hạ bà. Khi bà bay lại gần, các dòng khí bốc cao trở nên dữ dội hơn, gió giạt cũng đột ngột và hung bạo hơn. Một chiếc xa thăng thì sẽ chẳng có chút cơ hội nào: Luồng không khí điên dại hẳn sẽ động nó xuống mặt đất như đập một con ruồi. Trong chiếc phi cơ ý lực, bà có thể di

chuyển nhẹ nhàng cùng với gió, điều chỉnh thăng bằng như một vận động viên lướt sóng trên Hòa Bình Dương.

Thật thận trọng, bà bắt đầu trèo lên, nhòm tới phía trước, phớt lờ các cỗ máy, bay bằng quan sát và bằng bản năng. Linh thú của bà nhảy từ một bên của căn buồng kính nhỏ sang bên còn lại, nhìn hướng về trước, lên trên, sang trái sang phải, liên tục gọi bà. Sét, những tấm và ngọn giáo sáng rực rỡ, lóe lên và nổ giòn bên trên và xung quanh cỗ máy. Xuyên qua tất cả, bà bay trên chiếc phi cơ nhỏ, tăng độ cao từng chút một, liên tục tiến về phía cung điện phủ mây.

Trong lúc tiếp cận, Phu nhân Coulter thấy rằng sự chú ý của mình bị chính đặc tính của ngọn núi làm sững sờ và bối rối.

Nó gợi nhắc bà tới một thứ dị giáo đáng ghê tởm mà tác giả của nó hiện giờ đang héo hon dần trong những hầm ngục của Tòa án Công giáo, thật đáng đời. Y đã giả thuyết rằng có nhiều chiều không gian hơn là ba chiều quen thuộc; rằng trên một phạm vi rất nhỏ cũng có tới bảy hay tám chiều không gian khác nhau, nhưng lại không thể kiểm tra trực tiếp được chúng. Y thậm chí còn dựng nên một mô hình để thể hiện cách chúng có thể hoạt động, Phu nhân Coulter đã thấy vật đó trước khi nó được trừ tà và đốt cháy. Nếp gấp trong nếp gấp, các góc và cạnh đều bao gồm và được bao gồm: Bên trong của nó ở khắp mọi nơi còn bên ngoài thì ở khắp mọi nơi còn lại. Núi Mây Phủ tác động tới bà theo cách tương tự: Nó giống một trường lực hơn là một khối đá, thâm tóm chính không gian để gấp, duỗi, và chõng thành những hành lang và sân hiên, các phòng, hàng cột và tháp canh bằng không khí, ánh sáng và hơi nước.

Bà cảm thấy một niềm hân hoan kì lạ dần dần tuôn ra từ lồng ngực, cùng lúc đó bà cũng thấy cách để đưa chiếc phi cơ an toàn lên tới sân hiên phủ mây trên sườn phía nam. Cỗ máy nhỏ tròn trĩnh và ị ạch bay trong không khí vẫn đục, nhưng bà vẫn bám chắc theo lộ trình, con linh thú hướng dẫn bà hạ thấp để đáp lên sân hiên.

Ánh sáng mà bà nhìn được cho tới lúc này tới từ những tia sét, những vết rạch trên mây thỉnh thoảng xuất hiện để cho ánh nắng lọt qua, lửa từ các

thiên thần bị thiêu, những chùm đèn pha chạy mạch; nhưng ánh sáng ở đây rất khác biệt. Nó tới từ vật chất của chính ngọn núi, tỏa sáng rồi nhạt đi theo một nhịp điệu chậm rãi như nhịp thở, với vẻ rực rỡ như xà cừ.

Người phụ nữ và con linh thú bước xuống từ cỗ máy và nhìn xung quanh để xem mình nên đi đường nào.

Bà có cảm giác rằng các sinh vật khác đang gấp gáp di chuyển bên trên và bên dưới, lao qua vật chất của ngọn núi với nhiều thông điệp, mệnh lệnh, và thông tin. Bà không thể thấy họ; tất cả những gì bà có thể thấy là những hình phối cảnh xếp nếp lộn xộn của hàng cột, cầu thang, sân hiên và tiền sảnh.

Trước khi có thể quyết định nên đi hướng nào, bà nghe thấy có tiếng nói và vội nấp vào sau một cái cột. Những tiếng nói đang ngân nga một bài thánh ca, ngày một tiến gần lại, sau đó bà thấy một đám rước thiên thần vác theo một cái kiệu.

Khi tới gần nơi bà đang trốn, họ thấy chiếc phi cơ ý lực và dừng lại. Tiếng hát trở nên ngập ngừng, một vài người vác kiệu nhìn quanh trong hồ nghi và sợ hãi.

Phu nhân Coulter đứng đủ gần để thấy được sinh vật ngồi trong kiệu: Một thiên thần, bà nghĩ, già đến khó diễn tả. Không dễ gì để thấy được ông ta, vì chiếc kiệu được quây kín xung quanh bằng pha lê lấp lánh, hắt ngược lại ánh sáng đang bao phủ lấy ngọn núi, nhưng bà có ấn tượng về sự già nua khủng khiếp, về một gương mặt lún trong những nếp nhăn, về đôi bàn tay run rẩy, cái miệng lẩm nhẩm và đôi mắt có đờm.

Sinh vật già cỗi run rẩy chỉ về phía chiếc phi cơ ý lực, ông ta khúc khích cười rồi lẩm bẩm nói một mình, không ngừng nhổ râu, rồi hắt đầu lại và tru lên một tiếng đầy thống khổ, khiến cho Phu nhân Coulter phải bịt tai lại.

Nhưng rõ ràng là những người rước kiệu có một nhiệm vụ phải thực hiện, vì họ trấn tĩnh lại và đi tiếp dọc theo sân hiên, phớt lờ những tiếng hò hét và lẩm nhẩm bên trong kiệu. Khi tới được một khoảng trống, họ rải rộng đôi cánh rồi bắt đầu bay theo chỉ thị của người chỉ đạo, mang theo chiếc

kiệu ở giữa, cho tới khi biến mất khỏi tầm mắt của Phu nhân Coulter trong những dòng hơi nước cuộn xoáy.

Nhưng chẳng có lúc nào để nghĩ tới điều đó. Bà và con khỉ vàng vội vã đi tiếp, trèo lên những đợt cầu thang đồ sộ, băng qua những cây cầu, không ngừng di chuyển lên trên. Càng leo lên cao, họ càng cảm thấy có hoạt động vô hình đang diễn ra xung quanh mình, cho tới khi cuối cùng họ cũng rẽ vào một khoảng không rộng rãi như một quảng trường phủ sương, và thấy mình đối mặt với một thiên thần cầm giáo.

“Người là ai? Có việc gì?” Hăn lên tiếng.

Phu nhân Coulter nhìn hăn đầy tò mò. Đây từng là những sinh vật đã đem lòng yêu phụ nữ loài người, con gái của những người trần mắt thịt, rất lâu về trước.

“Không, không,” bà nhẹ nhàng nói, “làm ơn đừng tốn thời gian. Hãy lập tức đưa tôi tới chỗ ngài Nhiếp chính đi. Ngài ấy đang đợi tôi.”

Làm chúng lúng túng, bà nghĩ, khiến chúng rối trí; gã thiên thần này không biết nên làm gì, nên hăn đành làm theo điều bà nói. Bà đi theo hăn trong vài phút, qua những hình phối cảnh rồi rầm từ ánh sáng, cho tới khi họ tới một căn phòng ngoài. Họ đã vào như thế nào thì bà không biết, nhưng họ đang ở đó, và sau một khoảng nghỉ ngắn, thứ trước mặt bà mở ra như một cánh cửa.

Những cái móng sắc lẹm của con linh thú đang ấn vào da thịt trên bắp tay bà, bà liền tóm lấy lông nó để trấn an.

Đối diện với họ là một sinh vật kết từ ánh sáng. Hăn có hình dạng loài người, kích cỡ loài người, bà nghĩ, nhưng bà quá lóa mắt để có thể nhìn thấy. Con khỉ vàng giấu mặt vào vai bà, còn bà hất tay lên để che mắt.

Metatron cất tiếng: “Nó đâu rồi? Con gái của người đâu?”

“Tôi tới để thông báo với ngài đây, Ngài Nhiếp chính,” bà nói.

“Nếu nó nằm trong tay người, hăn người đã đưa nó đến rồi.”

“Nó thì không, nhưng linh thú của nó thì có.”

“Làm sao lại thế được?”

“Tôi xin thề, thưa Metatron, linh thú của nó đang nằm trong tay tôi. Làm ơn, Nhiếp chính vĩ đại, xin hãy giấu mình đi một chút - mắt tôi lóa quá...”

Hắn kéo một tấm rèm mây ra chắn trước mình. Giờ trông như thể bà đang nhìn mặt trời qua một lớp kính mờ khói, đôi mắt bà có thể thấy hắn rõ ràng hơn, dù bà vẫn cố làm ra vẻ đang bị lóa mắt vì gương mặt hắn. Trông hắn chính xác như một người đàn ông đầu trung tuần, cao lớn, hùng mạnh, và uy nghi. Hắn có mặc quần áo không? Hắn có cánh không? Bà không thể đoán nổi, vì ảnh hưởng từ đôi mắt của hắn. Bà không thể nhìn vào bất cứ thứ gì khác.

“Làm ơn, thưa Metatron, xin hãy nghe tôi nói. Tôi vừa tới từ chỗ Ngài Asriel. Ông ta có con linh thú của đứa trẻ, ông ta cũng biết rằng đứa trẻ sẽ sớm tới tìm mình.”

“Hắn muốn làm gì với đứa trẻ?”

“Giữ nó xa khỏi ngài cho tới khi nó trưởng thành. Ông ta không biết tôi đã đi đâu, và tôi sẽ sớm phải quay về. Tôi đang nói với ngài sự thật. Xin hãy nhìn tôi, Nhiếp chính vĩ đại, do tôi không thể dễ dàng nhìn ngài được. Hãy nhìn tôi thật kĩ, và cho tôi biết ngài thấy gì.”

Hoàng tử của các thiên thần quan sát bà. Đó là cuộc khám xét thâm sâu nhất mà Marisa Coulter từng kinh qua. Mọi mảnh che chắn và giả dối đều bị lột trần, và bà đứng trơ trụi, cả thân xác, linh hồn và linh thú cùng nhau, dưới ánh mắt hung tợn của Metatron.

Bà biết rằng bản chất con người bà sẽ phải trả lời cho bà, và bà lo sợ rằng thứ mà hắn thấy trong bà sẽ là không đủ. Lyra đã nói dối Iofur Raknison bằng ngôn từ: Mẹ của cô thì đã nói dối bằng cả cuộc đời mình.

“Có, ta có thấy,” Metatron đáp.

“Ngài thấy gì vậy?”

“Mục nát, ghen tuông và thèm khát quyền lực. Tàn bạo và lạnh lùng. Sự hiếu kì thăm dò đầy xấu xa. Ác tâm thuần túy độc hại. Kể từ những năm đầu đời, người chưa từng thể hiện một li lòng trắc ẩn, sự thương cảm hay lòng tốt mà không tính toán xem nó sẽ có lợi cho người thế nào. Người đã

tra tấn và giết chóc mà không hối hận hay do dự; người đã phản bội, dạn dĩ và hãnh diện vì sự bội bạc của mình. Người là một cái hồ chứa đầy cặn bã đạo đức.”

Giọng nói đó, đem đến sự phán xét đó, gây chấn động sâu sắc tới Phu nhân Coulter. Bà đã đoán trước được, và khiếp sợ nó; thế nhưng bà cũng trông chờ nó, và giờ khi nó đã được nói ra, bà thấy trào dâng một cảm giác đắc thắng.

Bà tiến lại gần hấn ta.

“Vậy nên ngài thấy đấy,” bà nói, “tôi có thể dễ dàng phản bội ông ta. Tôi sẽ dẫn ngài đến nơi ông ta đang giữ linh thú của con gái tôi, ngài có thể tiêu diệt Asriel, và đứa trẻ sẽ tiến thẳng vào vòng tay ngài mà không hề nghi ngờ gì.”

Bà cảm nhận được chuyển động của hơi nước phía trên, và các giác quan của bà trở nên lúng túng: Những từ ngữ tiếp theo của hấn đâm vào da thịt bà như những mũi phi tiêu làm bằng băng ướp hương thơm.

“Khi còn là một con người,” hấn nói, “ta đã có rất nhiều vợ, nhưng chẳng có ai yêu kiều như người.”

“Khi ngài còn là một con người?”

“Khi còn là một con người, ta được biết tới dưới cái tên Enoch, con trai của Jared, con trai của Mahalalel, con trai của Kenan, con trai của Enosh, con trai của Seth, con trai của Adam. Ta sống trên trái đất trong sáu mươi lăm năm, sau đó Đấng Quyền Năng đưa ta tới vương quốc của ngài.”

“Và ngài có rất nhiều vợ.”

“Ta yêu xác thịt của họ. Và ta hiểu được khi những người con trai của thiên đường phải lòng con gái của địa giới, ta đã cầu xin Đấng Quyền Năng chấp nhận lí do của họ. Nhưng trái tim ngài kiên quyết chống lại, và ngài sai ta phải tiên đoán số tận của họ.”

“Vậy ngài chưa từng biết tới một người vợ trong hàng ngàn năm qua...”

“Ta là Nhiếp chính của thiên quốc.”

“VẬY đây chẳng phải lúc ngài cần có một người bên cạnh sao?”

Đó là khoảnh khắc bà cảm thấy lơ lửng nhất, và rủi ro lớn nhất. Nhưng bà tin tưởng vào xác thịt mình, và vào sự thật kì quặc mà bà đã học được về các thiên thần, có lẽ đặc biệt là những thiên thần đã từng có thời gian làm con người: Thiếu đi da thịt, họ thèm khát nó và mong muốn được chạm vào nó. Còn Metatron lúc này đang ở rất gần, đủ gần để ngửi thấy mùi nước hoa từ tóc bà, nhìn ngắm làn da của bà, đủ gần để chạm vào bà bằng đôi tay nóng bỏng.

Một âm thanh kì lạ vang lên, giống như tiếng rì rào và lách tách mà ta nghe thấy trước khi nhận ra rằng thứ mà mình đang nghe chính là tiếng căn nhà đang bốc cháy.

“Cho ta biết Ngài Asriel đang làm gì, và hắn ta ở đâu,” hắn nói.

“Tôi có thể đưa ngài tới chỗ ông ta ngay bây giờ,” bà nói.

Đoàn thiên thần rước kiệu rời khỏi Núi Mây Phủ và bay về phía đông. Mệnh lệnh của Metatron là đưa Đấng Quyền Năng tới một nơi an toàn, rời xa khỏi chiến trường, vì hắn muốn giữ cho ông ta sống sót thêm một thời gian; nhưng thay vì cung cấp cho ông ta nhiều trung đoàn vệ binh, điều mà sẽ chỉ thu hút thêm sự chú ý của kẻ địch, hắn lại trông cậy vào sự mờ mịt của cơn bão, tính toán rằng trong những trường hợp như thế này, một nhóm nhỏ sẽ an toàn hơn là nhóm lớn.

Đáng ra mọi chuyện đã diễn ra như vậy, nếu một con quỷ vực nào đó, đang bận đánh chén một chiến binh đang chết dở sống dở, không nhìn lên ngay đúng lúc một luồng đèn pha ngẫu nhiên rơi trúng cạnh của chiếc kiệu pha lê.

Có thứ gì đó khuấy động trong kí ức của con quỷ vực. Nó ngừng lại, một tay đặt trên buồng gan ấm nóng, và khi anh em nó đập nó sang một bên, kí ức về một con cáo Bắc Cực ba hoa đội trở lại tâm trí nó.

Ngay lập tức, nó dang rộng đôi cánh bằng da rồi nhảy lên cao, một lúc sau phần còn lại của bầy cũng lao theo.

Xaphania và các thiên thần của mình đã cần mẫn tìm kiếm suốt buổi đêm và vài giờ buổi sáng, cuối cùng họ cũng tìm thấy một vết nứt rất nhỏ bên sườn núi phía nam pháo đài, ngày hôm trước nó không hề có ở đó. Họ thăm dò rồi mở rộng vết nứt ra, còn Ngài Asriel lúc này đang trèo vào một tổ hợp các hang lớn và đường hầm kéo dài bên dưới pháo đài.

Nó không hoàn toàn tối đen, như ông đã dự đoán. Có một nguồn sáng rất yếu ớt, như một dòng bao gồm hàng tỉ hạt tí hon lơ lửng tỏa sáng. Chúng đều đặn tuôn xuống đường hầm như một dòng sông ánh sáng.

“Bụi,” ông nói với con linh thú của mình.

Ông chưa từng thấy nó bằng mắt trần, nhưng ông cũng chưa từng thấy nhiều Bụi ở cùng một chỗ đến như vậy. Ông đi tiếp, cho tới khi đường hầm mở ra khá đột ngột, và ông thấy mình ở trên đỉnh của một hang động rộng lớn: Một mái vòm mênh mông tới mức có thể chứa được cả tá nhà thờ lớn. Ở đó không chia tầng; các bên dốc xuống một cách chóng mặt về phía mép của một cái hố khổng lồ dưới đó hàng trăm mét, tối đen hơn cả chính bóng đêm, tuôn chảy vào cái hố là dòng thác Bụi không ngừng rơi. Hàng tỉ hạt vật chất của nó giống như những vì tinh tú của mọi thiên hà trên bầu trời, và mỗi cái trong chúng lại là một mảnh nhỏ của suy nghĩ có ý thức. Thật là một thứ ánh sáng u sầu.

Cùng với con linh thú, ông trèo xuống về phía vực thẳm. Trong lúc leo, họ bắt đầu dần thấy điều gì đang diễn ra dọc theo thành hố phía bên kia, cách xa hàng trăm mét trong không gian u ám. Ông cho rằng có một chuyển động ở đó, ông càng trèo xuống bên dưới, nó càng tự lộ rõ: một đoàn điều hành toàn những hình bóng mờ nhạt chậm chạp bước đi dọc theo con dốc hiểm nghèo, đàn ông, đàn bà, trẻ con, những sinh vật thuộc đủ mọi loài ông đã thấy và rất nhiều ông chưa từng thấy. Chú tâm vào việc giữ thăng bằng, họ hoàn toàn phớt lờ ông. Ngài Asriel cảm thấy tóc phía sau gáy dựng đứng lên khi ông nhận ra rằng họ đều là những hồn ma.

“Lyra đã tới đây,” ông khẽ nói với con báo tuyết.

“Bước đi cẩn thận đây,” là tất cả những gì nó đáp lại.

Vào lúc này, Will và Lyra đều đã ướt như chuột lột, run lẩy bẩy, đau đớn nhức nhối, loạng choạng, mò mẫm bước đi qua bùn, leo lên đá và vào những khe nước nhỏ nơi những dòng suối hình thành từ cơn bão chảy đỏ ối vì máu. Lyra e sợ rằng Công nương Salmakia sắp chết: Bà đã không nói không rằng trong vài phút, nắm yếu ớt và mềm oặt trên tay Lyra.

Trong lúc họ ẩn náu ở một lòng sông nơi nước ít nhất vẫn còn trong trẻo, và mức từng vốc lên cái miệng khát khô của mình, Will cảm thấy Tialys dựng người dậy và nói:

“Will - tôi có thể nghe thấy tiếng vó ngựa đang tới - Ngài Asriel không có kị binh. Đó hẳn phải là quân địch. Băng qua dòng suối rồi trốn đi - tôi thấy vài bụi cây ở hướng kia...”

“Đi nào,” Will nói với Lyra, rồi chúng ì oạp lội qua làn nước buốt đến tận xương tủy rồi trèo lên phía bên kia của khe nước vừa kịp lúc. Những người cưỡi ngựa vượt qua con dốc và lọc cọc đi xuống để uống nước trông không giống những kị binh: Dường như họ thuộc cùng dạng da thịt có lông ngắn như đám ngựa của mình, họ không mặc quần áo hay đóng yên cương gì cả. Dù vậy, họ lại mang theo vũ khí: đinh ba, lưới, mã tấu.

Will và Lyra không dừng lại để nhìn: Chúng cúi người loạng choạng đi trên mặt đất gồ ghề, chỉ tập trung vào việc trốn thoát mà không để bị phát hiện.

Nhưng chúng phải cúi thấp đầu để xem mình đang đặt chân vào đâu và tránh để bị trật mắt cá, hoặc tồ tẹt hơn; sấm bùng nổ phía trước mặt khi chúng chạy, nên chúng không nghe được tiếng rú rít và gầm gừ của lũ quỷ vực cho tới khi đâm bổ vào chúng.

Đám sinh vật đang vây lấy một thứ gì đó lấp lánh nằm trong bùn: Một thứ hơi cao hơn chúng, đang nằm lật sang một bên, một cái chuồng lớn, có lẽ vậy, với thành làm từ pha lê. Chúng đang đập nó túi bụi bằng nắm đấm và sỏi đá, vừa kêu rít vừa gào thét.

Trước khi Will và Lyra kịp dừng lại và chạy theo hướng khác, hai đứa đã sẩy chân rơi vào giữa bầy quỷ vực.

Cái kết của Đấng Quyền Năng

Vì Đế chế không còn, giờ Sư tử và Sói sẽ ngừng bước.

William Blake

Phu nhân Coulter thì thầm với cái bóng bên cạnh mình:

“Xem ông ta trốn thế nào kìa, Metatron! Lén lút qua màn đêm như một con chuột...”

Họ đứng trên một gờ đá dựng cao trong hang động vĩ đại, quan sát Ngài Asriel và con báo tuyết thận trọng bước xuống, cách đó một đoạn xa ở bên dưới.

“Ta có thể hạ hấn ngay bây giờ,” cái bóng thì thầm.

“Vâng, đương nhiên là ngài có thể,” bà thì thầm đáp lại trong lúc dựa sát vào, “nhưng tôi muốn thấy mặt ông ta, Metatron thân mến ạ; tôi muốn ông ta *biết* tôi đã phản bội ông ta. Đi nào, cùng theo sau rồi tóm cổ ông ta thôi...”

Dòng thác Bụi tỏa sáng như một cái cột khổng lồ bằng ánh sáng mờ ảo, tuôn chảy mượt mà và bất tận vào trong cái hố. Phu nhân Coulter không còn tâm trí nào để mà bận tâm tới nó, vì cái bóng bên cạnh bà đang run rẩy vì dục vọng, và bà phải giữ cho hấn ta ở bên mình, dưới mức độ điều khiển mà bà có thể tạo ra.

Họ đi xuống, lặng lẽ, theo sau Ngài Asriel. Càng trèo xuống sâu, bà càng cảm thấy một sự mệt mỏi khủng khiếp bao trùm lên cơ thể.

“Sao? Gì thế?” Cái bóng thì thầm khi nhận thấy những cảm xúc của bà và lập tức thấy nghi ngờ.

“Tôi đang nghĩ,” bà nói với một ác ý đầy ngọt ngào, “thật mừng làm sao khi đứa trẻ đó sẽ không bao giờ trưởng thành để yêu và được yêu. Tôi cứ nghĩ mình yêu nó khi nó còn là một đứa bé sơ sinh; nhưng giờ thì...”

“Có sự *tiếc nuối*,” cái bóng nói, “trong trái tim người có sự *tiếc nuối* rằng mình sẽ không thể chứng kiến nó trưởng thành.”

“Ôi, Metatron, ngài không còn là con người đã bao lâu rồi! Thật sự ngài không thể thấy được tôi đang tiếc nuối điều gì sao? Không phải là *con bé* đến tuổi lớn, mà là tôi. Thật cay đắng làm sao khi tôi không biết đến ngài trong thời con gái của chính mình; tôi hẳn sẽ dâng hiến bản thân cho ngài một cách nồng nhiệt biết bao...”

Bà ngã tới cái bóng, như không thể kiềm chế nổi sự thôi thúc từ chính cơ thể mình, cái bóng liền ngấu nghiến hít ngửi và dường như nuốt nước miếng trước hương thơm từ da thịt bà.

Họ nhọc nhằn di chuyển trên những tảng đá lổn nhổn và vỡ nát về phía chân dốc. Họ càng đi xuống dưới, thứ ánh sáng Bụi càng phả lên mọi thứ vàng hào quang bằng sương vàng lóng lánh. Phu nhân Coulter liên tục với tới vị trí có thể là tay hắt, nếu cái bóng là một đồng sự con người, nhưng rồi dường như bà chợt nhận ra và thì thầm:

“Xin hãy đi sau tôi, Metatron - hãy đợi ở đây - Asriel đang nghi ngờ - hãy để tôi xoa dịu ông ta trước. Khi ông ta mất cảnh giác, tôi sẽ gọi ngài. Nhưng hãy đến dưới dạng bóng, trong hình dáng nhỏ bé này, để ông ta không nhìn thấy được - nếu không ông ta sẽ để cho linh thú của đứa trẻ bay đi mất.”

Nhiếp chính là một nhân vật mà trí tuệ thâm sâu của hắn đã có hàng ngàn năm trau dồi và củng cố, còn kiến thức của hắn trải rộng qua cả triệu vũ trụ. Dầu vậy, vào thời khắc đó, hắn lại mù quáng bởi hai nỗi ám ảnh song hành: tiêu diệt Lyra và sở hữu mẹ cô bé. Hắn gật đầu rồi ở nguyên vị trí,

trong lúc người phụ nữ và con khi tiến về phía trước nhẹ nhàng hết sức có thể.

Ngài Asriel đang đợi đằng sau một khối đá granite khổng lồ, khuất tầm nhìn của Nhiếp chính. Con báo tuyết nghe thấy họ bước tới, và Ngài Asriel đứng dậy khi Phu nhân Coulter rẽ vào góc. Mọi thứ, mọi bề mặt, mọi centimét khối không khí, đều phủ kín những hạt Bụi rơi, thứ tạo ra sự rõ nét nhẹ nhàng lên mọi chi tiết nhỏ nhất; cũng trong ánh sáng Bụi, Ngài Asriel thấy rằng gương mặt bà đang ướt đầm nước mắt, và rằng bà đang nghiêng rằng để không bật ra nước nỡ.

Ông ôm chầm lấy bà, còn con khi vàng ôm lấy cổ con báo tuyết và vùi khuôn mặt đen trũi của nó vào bộ lông con báo.

“Lyra có an toàn không? Nó đã tìm thấy linh thú của mình chưa?” Bà thì thầm.

“Hồn ma ông bố của thằng bé đang bảo vệ cho cả hai đứa.”

“Bụi đẹp quá... Em không hề biết.”

“Em đã nói gì với hắn?”

“Em cứ nói dối, nói dối mãi, Asriel ạ... Đừng chờ đợi quá lâu, em không chịu nổi nữa rồi... Chúng ta sẽ không sống nổi, đúng không? Chúng ta sẽ không sống sót như những hồn ma?”

“Không, nếu chúng ta rơi vào vực thẳm đó. Chúng ta tới đây để cho Lyra thời gian tìm linh thú của mình, sau đó là thời gian để sống và khôn lớn. Nếu chúng ta đẩy Metatron đến chỗ tuyệt diệt, Marisa ạ, con bé sẽ có thời gian đó, kể cả ta có đi theo hắn thì cũng chẳng sao.”

“Và Lyra sẽ được an toàn chứ?”

“Phải, phải,” ông dịu dàng nói.

Ông hôn bà. Bà cảm thấy nhẹ nhàng và êm đềm trong vòng tay ông hệt như khi Lyra được thai nghén mười ba năm về trước.

Bà đang khế nước nỡ khóc. Khi có thể nói thành lời, bà thì thầm:

“Em nói với hắn em sẽ phản bội anh, phản bội Lyra, và hắn tin em vì em là một kẻ mục ruỗng và đầy hiểm độc; hắn nhìn xoáy vào sâu tới mức

em cảm thấy chắc chắn rằng hăn đã thấy sự thật. Nhưng em nói dối quá tài tình. Em nói dối bằng mọi dây thần kinh và sợi cơ, bằng mọi thứ em đã từng làm... Em muốn hăn không tìm ra được một điểm tốt nào trong em, và hăn không tìm thấy thật. Chẳng có điểm tốt nào hết. Nhưng em yêu Lyra. Cái thứ tình yêu này tới từ đâu vậy? Em không biết nữa; nó đến với em như một tên trộm trong đêm tối, và giờ thì em yêu thương nó tới mức tim như vỡ òa ra vì cảm xúc đó. Tất cả những gì em có thể hi vọng là những tội ác của mình quá gớm ghiếc, tới mức tình yêu không lớn hơn một hạt giống mù tạt trong bóng tối của chúng, và em ước mình sẽ phạm phải những tội ác còn khủng khiếp hơn để che giấu nó được sâu hơn nữa... Nhưng hạt giống mù tạt đã đâm rễ và đang lớn dần, chồi non nhỏ bé xanh mơn mơn đang xé toạc trái tim em, em rất sợ rằng hăn sẽ thấy...”

Bà phải dừng lại để tự trấn tĩnh. Ông vuốt ve mái tóc óng ả phủ đầy thứ Bụi vàng của bà và chờ đợi.

“Hăn có thể sẽ mất kiên nhẫn bất cứ lúc nào,” bà thì thầm. “Em đã bảo hăn thu nhỏ người lại. Nhưng dù sao thì hăn cũng chỉ là một thiên thần, kể cả có từng là con người đi nữa. Nên chúng ta có thể vật lộn với hăn rồi đem hăn tới mép vực, và cả hai ta sẽ lao xuống cùng với hăn...”

Ông hôn bà rồi nói: “Phải. Lyra sẽ được an toàn, và thiên quốc sẽ không còn quyền lực gì trước nó. Gọi hăn luôn đi, Marisa, tình yêu của ta.”

Bà hít một hơi thật sâu rồi thả ra thành một hơi thở dài thượt đến rùng cả mình. Sau đó bà phúi phẳng váy xuống quá đùi rồi vén tóc ra sau hai tai.

“Metatron,” bà khẽ gọi. “Đến lúc rồi.”

Hình dạng phủ bóng của Metatron ló ra từ bầu không khí vàng lấp lánh, hăn lập tức hiểu được chuyện gì đang diễn ra: hai con linh thú, thu người đầy cảnh giác, người phụ nữ với vầng hào quang Bụi, và Ngài Asriel...

Ông lập tức lao vào hăn, siết chặt lấy eo hăn, và cố gắng ném hăn xuống đất. Thế nhưng đôi tay của thiên thần vẫn đang tự do, với năm đốt, mu bàn tay, cùi chỏ, khớp đốt, bắp tay, hăn đập liên hồi vào đầu và cơ thể của Ngài Asriel: Những cú táng dữ dội khủng khiếp khiến không khí bật ra

khỏi phổi ông rồi nảy lên từ lồng ngực, làm nứt hộp sọ và chấn động các giác quan của ông.

Tuy nhiên, hai tay ông kẹp chặt đôi cánh của thiên thần, bó chúng vào hông hăn. Rồi một lúc sau, Phu nhân Coulter nhảy vào giữa đôi cánh bị trói chặt đó và tóm lấy tóc của Metatron. Sức mạnh của hăn thật khủng khiếp: Cảm giác cứ như tóm lấy bờm của một con ngựa đang phi nước đại vậy. Trong lúc hăn cuồn cuộn nỗ lực, bà bị quạt hướng này, liệng hướng kia, và bà cảm thấy sức mạnh từ đôi cánh gập khổng lồ khi chúng căng ra và cổ nâng lên trong vòng tay người đàn ông đang khóa chặt xung quanh.

Hai con linh thú cũng ghì chặt lấy hăn. Stelmara cảm chắc bộ răng của nó vào chân hăn ta, còn con khỉ vàng thì đang giằng xé một bên rìa của cái cánh gần nhất, giật lông, bẻ cánh, nhưng điều đó chỉ khiến tên thiên thần càng thêm cuồn cuộn. Với một nỗ lực đột ngột khủng khiếp, hăn hất người sang một bên, giải phóng một bên cánh và đẩy Phu nhân Coulter vào một tảng đá.

Phu nhân Coulter bị choáng váng trong giây lát, hai tay bà rời ra. Lập tức, thiên thần lại chồm lên, đập bên cánh tự do thật lực để hất con khỉ vàng đi; nhưng vòng tay của Ngài Asriel vẫn kẹp chặt quanh người hăn, trên thực tế, ông còn siết được mạnh hơn do không còn có quá nhiều thứ để bao lấy nữa. Ngài Asriel quyết tâm siết Metatron đến tấc thở, ép các xương sườn của hăn lại với nhau, và cố gắng lờ đi những cú thui tàn độc đang dội lên hộp sọ và cổ ông.

Nhưng những cú đòn đó bắt đầu có hiệu quả. Và trong lúc Ngài Asriel cố gắng đứng vững trên nền đá vỡ vụn, có thứ gì đó tan vỡ phía sau đầu ông. Khi hất người sang một bên, Metatron đã vớ lấy một viên đá to cỡ nắm đấm tay rồi giáng nó xuống đỉnh hộp sọ của Ngài Asriel bằng một lực tàn bạo. Người đàn ông cảm thấy xương đầu mình đang va đập vào nhau, và biết rằng chỉ cần một cú đòn như thế nữa là ông sẽ mất mạng ngay lập tức. Choáng váng vì đau - cơn đau còn tồi tệ hơn do áp lực đầu ông phải chịu khi ép vào hông của thiên thần - ông vẫn bám chắc lấy, các ngón của bàn tay

bên phải nghiêng lên xương của bàn tay bên trái, loạng choạng tìm một chỗ đứng giữa những tảng đá nứt vỡ.

Đúng lúc Metatron giơ cao hòn đá đầm máu, một hình dạng phủ lông vàng nhảy lên như ngọn lửa lao tới ngọn cây, và con khi cầm ngập răng vào bàn tay của thiên thần. Hòn đá rời ra rồi lạch cạch rơi xuống về phía mép hố, còn Metatron quạt tay sang trái rồi sang phải, cố gắng đánh bật con linh thú ra; nhưng con khi vàng bám lấy bằng răng, móng, và đuôi, và rồi Phu nhân Coulter ôm lấy cái cánh trắng đồ sộ đang quẫy đập vào người và ghìm cử động của nó lại.

Metatron bị cản trở, nhưng hắn vẫn không hề bị thương. Mà hắn cũng chẳng hề ở gần mép của vực thẳm.

Vào lúc đó, Ngài Asriel đã yếu dần. Ông đang cố bầu vịu lấy thứ ý thức ướm sưng máu của mình, nhưng cứ với mỗi cử động lại có một chút bị mất đi. Ông có thể cảm thấy viền của các mảnh xương đang đè vào nhau trong hộp sọ của mình; ông có thể nghe thấy tiếng chúng. Các giác quan của ông hỗn loạn: Tất cả những gì ông biết là *giữ chặt và kéo xuống*.

Rồi Phu nhân Coulter thấy khuôn mặt của thiên thần nằm dưới bàn tay mình, bà liền thọc sâu các ngón tay vào hai mắt hắn.

Metatron hét lên. Từ xa phía bên kia hang động mênh mông, những tiếng vọng đáp lại, giọng của hắn nảy lên từ vách này sang vách khác, gấp đôi lên rồi lại giảm xuống, khiến những hồn ma ở đằng xa dừng lại trong đoàn diễu hành bất tận của mình để nhìn lên.

Còn con linh thú báo tuyết Stelmara, ý thức đang nhòa dần cùng với Ngài Asriel, gắng gượng một lần cuối cùng và lao tới cổ họng của tên thiên thần.

Metatron quỵ sụp xuống. Phu nhân Coulter, cũng sụp xuống cùng với hắn, nhìn thấy đôi mắt ứa máu của Ngài Asriel đang nhìn mình đăm đăm. Bà liền trèo lên, tay này nối sau tay kia, ép cái cánh đang đập sang một bên, rồi níu lấy tóc thiên thần để giật ngược đầu hắn lại, để lộ cổ họng hắn cho hàm răng của con báo tuyết.

Lúc này Ngài Asriel đang kéo, lôi hẳn lại phía sau, chân vấp và đá rơi, còn con khi vàng đang nhảy xuống cùng với họ, bẻ, cào, xé, và rồi họ đã gần tới đó, gần tới mép hồ; nhưng Metatron lại gồng mình bay lên, bằng một nỗ lực cuối cùng, hẳn rải rộng cả hai bên cánh - một mái vòm trắng khổng lồ đang đập xuống, xuống, và xuống, liên tục, liên tục, liên tục, và rồi Phu nhân Coulter rời ra, còn Metatron đang đứng thẳng, đôi cánh đập ngày càng mạnh hơn, hẳn bay lên - hẳn đang rời khỏi mặt đất, với Ngài Asriel vẫn đang bám chặt lấy, nhưng yếu đi rất nhanh. Những ngón tay của con khi vàng đang quấn trong tóc của thiên thần, nó sẽ không bao giờ thả ra...

Họ đang lơ lửng trên mép vực thăm. Họ đang dâng lên. Nhưng nếu họ bay lên cao hơn, Ngài Asriel sẽ rơi, và Metatron sẽ thoát được.

“Marisa! Marisa!”

Tiếng hét xé toạc ra từ Ngài Asriel. Cùng với con báo tuyết bên cạnh, với một tiếng gầm trong tai, mẹ của Lyra đứng dậy, tìm được điểm tựa và nhảy lên bằng toàn bộ sức lực, lao mình vào thiên thần cùng con linh thú và người tình đang hấp hối của bà. Bà tóm lấy những cái cánh đang đập, rồi lôi tất cả xuống vực sâu thăm thẳm. Nghe thấy tiếng kêu hoảng loạn của Lyra, lũ quỷ vực đồng loạt xoay cái đầu phẳng dẹt của chúng lại.

Will nhảy lên phía trước rồi chém dao vào con quỷ gần nhất. Cậu cảm thấy một cú đập nhẹ trên vai khi Tialys nhảy khỏi đó rồi đập lên má của con to nhất, tóm lấy tóc nó rồi đập thật lực bên dưới hàm trước khi nó có thể hất ông ra. Con vật tru lên rồi quẫy đập trong lúc rơi xuống bùn, con còn lại nhìn một cách ngu độn vào cánh tay cụt của mình, và rồi kinh hoàng nhìn mắt cá chân của mình, nơi bàn tay bị chém đứt của nó đã tóm lấy trong lúc rơi xuống. Một giây sau, con dao đã cắm ngập trong lồng ngực nó: Will cảm thấy chuôi dao nảy lên ba hay bốn lần cùng với nhịp tim đập đang yếu dần, rồi kéo nó ra trước khi con quỷ vực có thể làm méo nó khi ngã xuống.

Cậu nghe thấy tiếng những con khác gào thét và rú rít trong cảm phần khi tháo chạy, và biết rằng Lyra vẫn lạnh lặn bên cạnh mình; nhưng cậu lao xuống bùn với một suy nghĩ duy nhất trong đầu.

“Tialys! Tialys!” Cậu hét lên, vừa né bộ răng đang tớp lấy tớp để, cậu lôi cái đầu của con quỷ vực lớn nhất sang một bên. Tialys đã chết, những cái cựa của ông cắm sâu trong cổ nó. Con vật vẫn đang quẫy đạp và cắn đớp, nên cậu cắt rời đầu nó rồi đạp nó lăn đi trước khi nâng mặt thám người Gallivespia đã chết ra khỏi cái cổ bọc da.

“Will,” Lyra nói từ sau lưng cậu, “Will, nhìn cái này nè...”

Cô bé đang nhìn chăm chú vào chiếc kiệu pha lê. Nó không bị vỡ, dù cho lớp pha lê đã bị đánh bấn, lấm tẩm đầy bùn đất và máu từ thứ mà lũ quỷ vực đã ăn trước khi tìm thấy nó. Nó nằm nghiêng ngả một cách điên rồ giữa những tảng đá, và bên trong đó...

“Ôi, Will, ông ta vẫn còn sống! Nhưng - tội nghiệp quá...”

Will thấy đôi tay cô tì lên lớp pha lê; cố gắng với tới thiên thần và vỗ về ông ta; vì ông ta quá già nua, lại đang kinh sợ, khóc lóc như một đứa trẻ sơ sinh và co rúm người lại trong góc thấp nhất.

“Ông ta hẳn đã già quá rồi - tớ chưa từng thấy ai khổ sở như thế - ôi, Will, chúng ta để ông ấy ra được không?”

Chỉ bằng một nhát, Will cắt xuyên qua lớp pha lê rồi với tay vào trong để đỡ thiên thần bước ra. Loạn trí và bất lực, sinh vật già cỗi chỉ có thể khóc lóc và lăm râm trong sợ hãi, đau đớn và khổ sở, ông chùn lại trước thứ dường như lại là một mối đe dọa khác.

“Không sao đâu,” Will nói, “ít nhất thì chúng tôi cũng có thể giúp ông ẩn trốn. Đi nào, chúng tôi không làm đau ông đâu.”

Bàn tay run lẩy bẩy tóm lấy tay cậu một cách yếu ớt. Ông già cứ liên tục phát ra những tiếng rên rỉ, lăm bầm không nên lời, ông nghiêng rằng, dùng bàn tay còn rảnh tự bầu bản thân một cách dữ dội; nhưng khi Lyra cũng vươn tay vào để giúp ông bước ra, ông cố gắng nở một nụ cười, và cúi chào, đôi mắt già cỗi sâu hoắm trong những nếp nhăn chớp mắt nhìn cô với sự ngạc nhiên đầy ngây thơ.

Cùng nhau, chúng giúp đỡ ông già ra khỏi xà lim pha lê của mình; việc đó không có gì khó khăn, vì ông ta nhẹ như một tờ giấy, và ông sẽ theo chúng đi bất cứ đâu, do không có chút ý chí nào của bản thân, và đáp lại sự

tử tế bình dị như một bông hoa trước vầng thái dương. Nhưng trong bầu không khí rộng mở, chẳng thứ gì có thể ngăn được cơn gió làm tổn hại đến ông, và trước sự đau buồn của chúng, hình hài ông bắt đầu phân rã và tan đi. Chỉ một lúc sau, ông đã hoàn toàn biến mất. Ấn tượng cuối cùng của chúng là về đôi mắt đó, chớp chớp đầy ngạc nhiên, và một tiếng thở dài vì nhẹ nhõm sâu sắc và kiệt quệ.

Rồi ông ta tan biến: Một điều bí ẩn tan biến trong bí ẩn. Toàn bộ sự việc xảy ra trong vòng chưa đầy một phút. Will lập tức quay lại chỗ vị hiệp sĩ đã hi sinh. Cậu nâng cơ thể nhỏ bé lên, đặt nó nằm trong hai lòng bàn tay, và thấy nước mắt mình đang tuôn trào.

Nhưng Lyra đang nói gì đó rất khẩn thiết.

“Will - chúng ta phải đi thôi - chúng ta *phải* đi - công nương có thể nghe thấy tiếng đám ngựa đó đang tới...”

Từ trong bầu trời nhuộm màu chàm, một con điều hâu xanh thẫm lướt xuống thấp, khiến Lyra hét lên rồi né người; nhưng Salmakia dồn toàn bộ sức lực để kêu lên: “Không, Lyra! Không! Đừng thẳng lên, giờ năm đám ra!”

Vậy là Lyra đứng im, đỡ một tay vào tay còn lại, con điều hâu xanh lượn vòng, quay lại và lại cúi xuống, bầu lấy những khớp tay của cô trong bộ móng sắc nhọn.

Trên lưng con điều hâu là một quý bà tóc xám, gương mặt có đôi mắt trong vắt của bà nhìn qua Lyra đầu tiên, rồi sau đó sang Salmakia đang bám lấy cổ áo cô.

“Thưa bà...” Salmakia yếu ớt nói, “chúng tôi đã làm...”

“Các vị đã làm tất cả những việc cần làm. Giờ chúng tôi đã ở đây rồi,” Bà Oxentiel nói rồi giật dây cương.

Ngay lập tức, con điều hâu rít lên ba lần, to đến mức khiến đầu Lyra ong lên. Để đáp lại, từ bầu trời lao xuống người đầu tiên, thêm hai, ba và nhiều người nữa, rồi hàng trăm chiến binh rực rỡ cười chuồn chuồn, tất cả đều lướt đi nhanh tới mức tưởng như họ chắc chắn sẽ lao vào nhau; nhưng phản xạ của đám côn trùng và kỹ năng của những người cười chúng sắc bén

tới mức thay vào đó, họ dường như đang dẹt phía trên và xung quanh hai đứa trẻ một tấm thảm tường bằng màu sắc sáng như kim, mau lẹ và câm lặng.

“Lyra,” quý bà trên con điều hâu nói, “cả Will nữa: đi theo chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa cô cậu tới chỗ linh thú của mình.”

Trong lúc con điều hâu sai cánh và nâng người lên khỏi một bàn tay, Lyra cảm nhận được sức nặng nhỏ nhoi của Salmakia dồn vào bên còn lại, và không mất nhiều thời gian để hiểu ra rằng chỉ có sức mạnh ý chí của công nương mới giúp cho bà sống lâu được đến vậy. Cô bé ôm cơ thể của bà lại gần, rồi chạy cùng với Will dưới đám mây chuồn chuồn, sảy chân và vấp ngã nhiều hơn một lần, nhưng vẫn luôn dịu dàng giữ công nương gần trái tim mình.

“Trái! Trái!” Giọng nói từ con điều hâu xanh kêu lên, và chúng rẽ theo hướng đó trong không gian u ám bị xé toạc bởi sấm sét; bên tay phải của chúng, Will thấy một nhóm người mặc áo giáp xám sáng, đội mũ sắt, bịt mặt, những con linh thú sói xám của họ rào bước bên cạnh. Một dòng chuồn chuồn lập tức lao tới phía họ, khiến đám người chùn bước: Súng ống của họ chẳng có tác dụng gì, rồi chỉ trong một thoáng, những người Gallivespia đã xen giữa bọn họ, từng chiến binh một nhảy bật ra khỏi lưng con côn trùng của mình, tìm một bàn tay, một cánh tay, một cái cổ trần, rồi cắm cựa vào trước khi nhảy trở về con côn trùng khi nó vòng lại và lướt qua chỗ họ. Họ nhanh tới mức gần như không thể theo kịp. Những người lính quay đi và bỏ chạy trong hoảng sợ, chẳng màng đến kỉ luật quân đội.

Nhưng rồi những tiếng vó ngựa rền vang như sấm vọng tới từ phía sau, khiến hai đứa trẻ hoảng hốt quay lại: Đám người ngựa kia đang phi nước đại về phía chúng, một hay hai tên đã cầm sẵn lưới trong tay, quay chúng vòng quanh trên đầu và đánh bầy lũ chuồn chuồn, quật những cái lưới như roi rồi hất đám côn trùng bị thương sang một bên.

“Hướng này!” Giọng của quý bà vang lên, rồi bà nói: “Né đi - cúi xuống thấp!”

Chúng làm theo, và thấy mặt đất rung chuyển dưới chân mình. Liệu đó có thể là do vó ngựa không? Lyra ngẩng đầu lên, gạt mớ tóc ướt ra khỏi mắt và thấy một thứ khá khác biệt với những con ngựa.

“Iorek!” Cô hét lên, nỗi mừng rỡ nhảy nhót trong lồng ngực. “Ôi, Iorek!”

Will lập tức kéo cô xuống trở lại, vì không chỉ Iorek Byrnison mà cả một trung đoàn gấu đang lao thẳng tới chỗ chúng. Lyra cúi đầu xuống vừa kịp lúc, và rồi Iorek nhảy qua người chúng, gầm lên ra lệnh cho bầy gấu của mình sang trái, sang phải, nghiền nát quân thù giữa chúng.

Thật nhẹ nhàng, tưởng như bộ giáp cũng chẳng nặng nề gì hơn bộ lông của mình, vua gấu xoay người lại đối diện với Will và Lyra trong lúc chúng vất vả đứng thẳng dậy.

“Iorek - đằng sau ông - chúng có lưới đấy!” Will hét lên, vì đám người cưỡi ngựa đã gần như lên tới chỗ chúng.

Trước khi con gấu kịp cử động, tấm lưới của kị sĩ đã rít lên trong không khí, ngay lập tức Iorek bị bao bọc trong một lớp mạng khỏe như thép. Nó gầm rú, chồm lên cao, chém tới tấp những bàn chân khổng lồ vào kị sĩ. Nhưng tấm lưới quá khỏe, và mặc dù con ngựa hí lên rồi sợ hãi lùi lại, Iorek cũng không thể thoát ra khỏi sự kìm hãm.

“Iorek!” Will hét lên. “Đứng yên! Đừng cử động!”

Cậu bò tới qua những vũng nước và trên những bụi cỏ trong lúc kị sĩ cố gắng kiểm soát con ngựa. Cậu tới được chỗ Iorek vừa lúc một kị sĩ thứ hai tới và một tấm lưới khác lại vút qua không khí.

Nhưng Will vẫn giữ bình tĩnh: Thay vì chém loạn xạ để rồi bị rối nặng hơn, cậu quan sát chiều hướng của tấm lưới rồi cắt xuyên qua nó chỉ trong giây lát. Cái lưới thứ hai rơi xuống đất một cách vô dụng, sau đó Will nhảy về phía Iorek, lần sờ bằng tay trái, cắt bằng tay phải. Con gấu khổng lồ đứng bất động trong lúc cậu bé lao đi khắp nơi trên cơ thể to lớn của nó, cắt, thả, dọn sạch đường.

“Giờ thì đi đi!” Will hét lên rồi nhảy tránh đường. Iorek dường như bùng lên, lao thẳng vào ngực con ngựa gần nhất.

Kị sĩ đã giơ mã tấu lên để chép xuống cổ con gấu, nhưng Iorek Byrnison trong bộ giáp của mình nặng gần hai tấn, và chẳng có gì trong phạm vi đó có thể chống lại nó. Cả người lẫn ngựa đều bị đập nát, ngã sang một bên, vô hại. Iorek lấy lại thăng bằng, nhìn quanh quất để kiểm tra địa hình, rồi gầm lên với hai đứa trẻ:

“Lên lưng tôi! Ngay!”

Lyra nhảy bật lên, Will liền theo sau. Kẹp lớp sắt lạnh giữa hai chân, chúng cảm nhận sức mạnh vĩ đại tuôn trào khi Iorek bắt đầu di chuyển.

Phía sau lưng chúng, số gấu còn lại đang giao chiến với đội kị binh kì lạ, được trợ lực bởi những người Gallivespia, cú chích của họ khiến lũ ngựa lồng lên. Quý bà trên con điều hâu xanh lướt xuống thấp và gọi: “Giờ thì thẳng tới trước! Giữa đám cây trong thung lũng!”

Iorek lên tới đỉnh của một ụ đất nhỏ rồi dừng lại. Trước mặt họ, mặt đất nứt nẻ dốc xuống về phía một khoảnh rừng cách khoảng một phần tư dặm. Đâu đó phía bên kia khoảnh rừng, một khẩu đội đại bác đang liên tiếp nã đạn lên cao trên đầu. Có ai đó cũng đang bắn pháo sáng, nó nổ ngay dưới tầng mây rồi rơi xuống về phía đám cây, khiến chúng rục lên trong ánh sáng màu lục lạnh lẽo như một mục tiêu thích hợp cho những khẩu súng.

Còn chiến đấu để giành quyền kiểm soát khu rừng là khoảng hai chục hoặc hơn những con Quỷ hút hồn, đang bị ngáng đường bởi một bầy ma rời rạc. Ngay khi thấy đám cây, Lyra và Will đều biết rằng linh thú của chúng đang ở trong đó, và rằng nếu hai đứa không sớm tới bên chúng, chúng sẽ chết. Cứ mỗi phút lại thêm nhiều Quỷ hút hồn hơn kéo đến, phất phơ trên dây đồi từ phía bên phải. Giờ đây Will và Lyra có thể thấy chúng rất rõ ràng.

Một vụ nổ ngay trên dây đồi làm chấn động mặt đất, ném tung đá và đất cục lên cao tít trên không. Lyra hét lên, còn Will phải túm chặt lấy ngực.

“Bám chặt vào,” Iorek gầm lên rồi bắt đầu lao đi.

Một quả pháo sáng nổ tung phía trên cao, rồi một quả khác và một quả khác, chậm chậm rơi xuống với ánh sáng rục rờ từ magie. Một quả đạn nữa bắn ra, lần này thì gần hơn. Họ cảm nhận được chấn động trong không khí, rồi sau đó một hoặc hai giây là cảm giác đau nhói khi đất đá đập lên mặt.

Iorek không hề chùn bước, nhưng lũ trẻ cảm thấy khó mà giữ vững được: Chúng không thể thọc ngón tay vào lông của nó - chúng phải kẹp lấy lớp áo giáp giữa hai đầu gối, mà lưng của nó lại rộng tới mức cả hai cứ liên tục bị trượt đi.

“Nhìn kìa!” Lyra hét lên, chỉ lên một quả đạn pháo nữa đang phát nổ gần đó.

Một tá phù thủy đang lao về phía pháo hiệu, mang theo những cành cây rậm rạp, dày lá, và dùng chúng để gạt những quả pháo sáng chói lọi sang một bên, ném chúng vào bầu trời phía xa. Bóng tối lại bao phủ lấy rừng cây, che dấu nó khỏi những khẩu súng.

Và giờ, khi đám cây chỉ còn cách vài mét, cả Will và Lyra đều cảm thấy bản thể bị mất của mình đang ở gần - một cơn kích động, một niềm hi vọng dữ dội bị lụi đi vì sợ hãi: Vì lũ Quỷ hút hồn đang bu dày đặc quanh đám cây, hai đứa sẽ phải đi thẳng vào giữa chúng, mà chỉ cần thoáng thấy chúng là đủ để gợi lên sự yếu đuối kinh tởm trong tim.

“Chúng sợ con dao,” một giọng nói bên cạnh chúng cất lên, khiến vua gấu dừng khựng lại, làm Will và Lyra ngã bổ nhào ra khỏi lưng.

“Lee!” Iorek kêu lên. “Lee, ông đồng chí, tôi chưa từng thấy chuyện gì như thế này. Ông chết rồi mà - tôi đang nói chuyện với thứ gì đây?”

“Iorek, ông bạn yêu mến, ông không biết đến nửa câu chuyện đâu. Giờ đến lượt chúng tôi tiếp quản - Quỷ hút hồn không sợ loài gấu. Lyra, Will - đi đường này, nhớ giữ con dao đó lên...”

Con điều hâu xanh lại sà xuống nắm tay của Lyra một lần nữa, rồi quý bà tóc xám nói: “Đừng lãng phí một giây nào cả - tiến vào tìm linh thú của hai người rồi chạy trốn đi! Càng ngày càng có thêm nguy hiểm ập đến đó.”

“Cảm ơn bà! Cảm ơn tất cả mọi người!” Lyra nói, và con điều hâu cất cánh.

Will có thể lờ mờ thấy hồn ma của Lee Scoresby bên cạnh, thúc giục chúng vào trong rừng, nhưng chúng phải nói lời từ biệt với Iorek Byrnison.

“Iorek thân mến, chẳng có từ ngữ nào - trời phù hộ cho ông!”

“Cảm ơn ông, Quốc vương Iorek,” Will nói.

“Không có thời gian đâu. Đi. Đi ngay!”

Nó đẩy chúng đi bằng cái đầu bọc giáp của mình.

Will lao theo sau hồn ma của Lee Scoresby vào tầng cây thấp, dùng con dao chém trái chém phải. Ánh sáng ở đây chập chờn và tắt lịm, còn bóng tối thì dày đặc, chẳng chịt và gây mất phương hướng.

“Đi gần lại đây,” cậu gọi Lyra, rồi sau đó hét lên khi bị một bụi gai sượt qua má.

Khắp xung quanh chúng là chuyển động, tiếng ồn, và đấu tranh. Những cái bóng đi tới đi lui như cành cây trong gió lộng. Chúng có thể là những hồn ma; cả hai đứa trẻ đều cảm thấy sự tiếp xúc lạnh lẽo mà chúng đã biết quá rõ, và chúng nghe thấy tiếng nói khắp nơi xung quanh:

“Đường này!”

“Ở đây!”

“Đi tiếp đi - chúng tôi đang cầm chân chúng!”

“Không còn xa nữa!”

Và rồi vọng tới một tiếng kêu mà Lyra đã biết và yêu mến hơn bất kì giọng nói nào khác:

“Ôi, tới nhanh đi! Nhanh lên, Lyra!”

“Pan, Pan yêu quý - tớ đây...”

Cô bé lao người vào bóng tối, nước mắt khóc, người run lên, còn Will thì giật quang những cành cây và dây thường xuân, chém đứt những bụi mâm xôi và cây tầm ma, trong lúc khắp xung quanh chúng, những tiếng nói của hồn ma dâng lên thành tiếng hò hét cổ động và cảnh báo.

Nhưng lũ Quỷ hút hồn cũng đã tìm được mục tiêu của mình, chúng lách qua mớ hỗn độn nào là bụi rậm, cây tầm xuân, rẽ rồi lại cành, chẳng khác nào đi qua một làn khói. Một tá, hai chục con ác ma xanh xao dường như tủa vào về phía trung tâm khu rừng, nơi hồn ma của John Parry điều phối những người khác đánh trả lại chúng.

Cả Will và Lyra đều đang run rẩy và yếu ớt vì sợ hãi, kiệt sức, buồn nôn, và đau đớn, nhưng bỏ cuộc là điều không thể tưởng tượng nổi. Lyra dùng đôi bàn tay trần giật tung những bụi gai, Will rạch rồi chém trái chém phải, bởi xung quanh, cuộc chiến của những sinh vật mờ ảo đang ngày một ác liệt.

“Ở đó!” Lee hét lên. “Thấy chúng chưa? Cạnh tảng đá lớn kia...”

Một con mèo rừng, hai con mèo rừng, đang phun phì phì, rít lên và cào cào. Cả hai đều là linh thú, và Will cảm thấy rằng nếu có thời gian, cậu sẽ dễ dàng đoán được con nào là Pantalaimon; nhưng thời gian thì chẳng còn, vì một con Quỷ hút hồn đang dần thò ra đầy góm ghiếc từ mảng bóng tối gần nhất và lướt về phía chúng.

Will nhảy qua chướng ngại vật cuối cùng, một thân cây đổ, rồi khua dao vào khối ánh sáng lung linh không chống cự trong không khí. Cậu cảm thấy cánh tay tê đi, nhưng cậu nghiêng rằng như đang siết chặt những ngón tay quanh cán dao, và hình dạng nhợt nhạt kia dường như bốc hơi đi và tan chảy trở lại bóng tối.

Gần đến rồi; hai con linh thú đang lồng lên vì sợ hãi, vì đang có thêm nhiều, nhiều hơn nữa những con Quỷ hút hồn luồn lách qua đám cây, mà chỉ có những hồn ma can đảm cầm chân chúng.

“Con cắt qua được không?” Hồn ma John Parry nói.

Will giơ con dao lên, nhưng lại phải dừng lại khi một cơn buồn nôn hành hạ bao trùm khắp cơ thể. Trong bụng cậu chẳng còn gì, khiến cho cơn nôn khan trở nên đau đớn khôn cùng. Lyra bên cạnh cậu cũng vướng vào tình trạng tương tự. Hồn ma của Lee, thấy được lí do, liền lao tới chỗ hai con linh thú và vật lộn với cái thứ nhợt nhạt đang luồn qua tảng đá phía sau chúng.

“Will - làm ơn...” Lyra nói trong lúc thở hổn hển.

Con dao xuyên vào, chạy dọc, xuống, trở lại. Hồn ma của Lee Scoresby nhìn qua và thấy một đồng cỏ tĩnh lặng rộng bát ngát dưới ánh trăng vắng vặc, giống mảnh đất quê hương ông đến nỗi ông nghĩ mình thật sự may mắn.

Will nhảy qua khoảng trống và tóm lấy con linh thú gần nhất trong lúc Lyra bế thốc con còn lại lên.

Ngay cả trong tình huống cấp bách khủng khiếp, ngay cả tại khoảnh khắc hiểm nghèo tột cùng đó, mỗi đứa đều cảm thấy một cú sốc nhẹ đầy kích thích: Vì Lyra đang ôm linh thú của Will, con mèo rừng vô danh, còn Will lại đang bế Pantalaimon.

Chúng miễn cưỡng rời ánh nhìn khỏi mắt nhau.

“Tạm biệt, ông Scoresby!” Lyra hét lên, nhìn quanh để kiểm ông. “Giá mà - ôi, cảm ơn ông, cảm ơn ông - tạm biệt!”

“Tạm biệt, cháu gái yêu quý của ta - tạm biệt, Will - mạnh giỏi nhé!”

Lyra trèo qua, nhưng Will vẫn đứng im và nhìn vào đôi mắt hồn ma của bố mình, lấp lánh sáng trong bóng tối. Trước khi rời khỏi ông, có một điều cậu cần phải nói.

Will nói với hồn ma của bố: “Bố nói con là một chiến binh. Bố bảo rằng đó là bản chất của con, và con không nên tranh cãi với nó. Bố ạ, bố đã nhầm rồi. Con chiến đấu bởi vì con buộc phải làm thế. Con không thể lựa chọn bản chất của mình, nhưng con có thể lựa chọn việc mình làm. Và con sẽ chọn, vì giờ đây con đã tự do.”

Nụ cười của bố cậu tràn đầy tự hào và âu yếm. “Làm tốt lắm, con trai của ta. Thật sự rất tốt,” ông nói.

Will không thể nhìn thấy ông được nữa. Cậu quay đi rồi trèo theo sau Lyra.

Giờ đây khi mục đích đã đạt được, khi lũ trẻ đã tìm thấy linh thú của mình và trốn thoát, sau cùng, các chiếc binh đã khuất cũng cho phép những nguyên tử trong mình thả lỏng và trôi đi.

Ra khỏi khu rừng nhỏ, rời xa khỏi lũ Quỷ hút hồn hỗn loạn, ra khỏi thung lũng, vượt qua thân hình đồ sộ của người bạn gấu mặc giáp yêu quý, mẫu ý thức nhỏ nhoi cuối cùng đã từng là viên phi công Lee Scoresby lơ lửng bay lên, hết như chiếc khí cầu khổng lồ của ông đã làm rất nhiều lần. Chẳng màng đến những quả pháo chối lò và những viên đạn bung xòe, làm

ngơ với tiếng nổ, tiếng la hét, gào thét vì giận dữ, cảnh báo và đau đớn, chỉ chú tâm đến chuyển động hướng lên của mình, phần sau cùng của Lee Scoresby xuyên qua những khối mây nặng nề rồi lộ ra dưới những ngôi sao rực rỡ, nơi những nguyên tử của con linh thú Hester mà ông hết mực yêu thương đang chờ đón.

Bình minh

Bình minh lên, đêm tàn, những người canh gác rời khỏi vị trí

William Blake

Đồng cỏ vàng ruộm bát ngát mà hồn ma của Lee Scoresby thoáng thấy qua ô cửa sổ đang nằm êm đềm dưới những tia nắng mặt trời đầu tiên của buổi sớm.

Màu vàng hoàng kim, nhưng cũng có sắc vàng, nâu, xanh lục, cùng với hàng triệu sắc độ nằm giữa chúng; có đen, tại những vị trí, những đường nét và vết màu sáng; có cả bạc, nơi ánh mặt trời bắt được chớp của một loại cỏ đặc biệt vừa nở thành hoa; và xanh lam, nơi một cái hồ rộng cách đó ít xa và một cái ao nhỏ nằm gần hơn phản chiếu lại màu xanh mênh mang của bầu trời.

Yên tĩnh, nhưng không câm lặng, nhờ một cơn gió thoảng xào xạc lay động hàng tỉ cuống lá nhỏ xíu, cùng với vô vàn con côn trùng và những sinh vật nhỏ khác cọt kẹt, vo ve, và riu rít trong đám cỏ, rồi một con chim ở quá cao trên nền trời xanh để có thể thấy được cũng cất một khúc ca lặp bằng những nốt như chuông ngân, lúc gần, lúc xa, không có hai lần nào giống nhau.

Trong toàn bộ quang cảnh rộng lớn đó, những sinh vật sống duy nhất im lặng và bất động là cậu bé và cô bé đang nằm say ngủ, lưng đối lưng, dưới bóng của một vĩa đá trời ra trên đỉnh một con dốc đứng nhỏ.

Chúng bất động và nhợt nhạt đến mức tường chừng có thể đã chết rồi. Đói khát khiến da trên mặt chúng nhăn lại, đau đớn để lại nếp nhăn trên mắt chúng, cả người chúng phủ đầy bụi bẩn, bùn lầy và không hề ít máu. Từ vẻ thụ động tuyệt đối của tay chân, chúng dường như đang ở trong những giai đoạn cuối cùng của sự kiệt quệ.

Lyra là đứa thức dậy trước tiên. Khi vầng dương lên cao trên bầu trời, nó đi qua vĩa đá phía trên và chạm vào tóc cô, khiến cô bắt đầu cựa quậy, rồi khi ánh nắng chiếu tới mí mắt, cô thấy mình bị kéo lên từ tận sâu cùng của giấc ngủ như một con cá, chậm chạp, nặng nề và miễn cưỡng.

Nhưng tranh cãi với mặt trời thì chẳng ích gì, ngay lập tức cô quay đầu rồi giơ tay lên ngang mắt, lẩm bẩm: “Pan - Pan...”

Dưới bóng đổ của cánh tay, cô mở mắt và tỉnh táo hoàn toàn. Cô nằm yên trong một lúc vì cả tay lẫn chân đều đang đau nhức, mọi bộ phận cơ thể đều chờ đợi vì mệt mỏi; nhưng cô vẫn tỉnh táo, cảm nhận thấy cơn gió khe khẽ và hơi ấm của vầng mặt trời, nghe thấy tiếng côn trùng rả rích và khúc ca thánh thót của chú chim trên trời cao. Tất cả đều thật tuyệt. Cô bé đã quên bằng mất thế giới này tuyệt diệu đến nhường nào.

Lập tức, cô trở mình và thấy Will vẫn đang ngủ say. Tay cậu đã chảy rất nhiều máu; áo cậu rách tả tơi và bẩn thỉu, mái tóc cứng queo vì bụi và mồ hôi. Cô bé ngăm nhìn cậu một lúc lâu, nhìn động mạch nhỏ chạy trên cổ cậu, lồng ngực cậu chậm chậm nâng lên hạ xuống, những cái bóng mảnh mai mà lông mi của cậu tạo ra khi ánh nắng cuối cùng cũng chạm tới.

Cậu lằm bằm gì đó rồi cựa quậy. Không muốn bị bắt quả tang đang nhìn, cô liền quay đi hướng khác, về phía cái huyệt nhỏ mà chúng đã đào đêm hôm trước, chỉ rộng vài gan bàn tay, nơi thi thể của Hiệp sĩ Tialys và Công nương Salmakia giờ đang yên nghỉ. Có một hòn đá phẳng bên cạnh: Cô đứng dậy rồi bẩy nó lên khỏi mặt đất, dựng nó đứng thẳng trên đầu ngôi mộ, rồi ngồi dậy và che mắt để phóng tầm mắt qua vùng đồng bằng.

Khung cảnh dường như trải dài đến vô tận. Đồng bằng này không hề bằng phẳng hoàn toàn; những đường lượn sóng nhẹ nhàng, những dãy đồi và lạch nước nhỏ làm biến đổi bề mặt nơi cô nhìn. Đây đó, cô thấy một khóm

cây cao đến mức đường như chúng được dựng lên chứ không phải là tự lớn: Những cái thân thẳng đứng và vòm lá xanh thẫm của chúng như thể bất chấp khoảng cách khi hiện ra rõ rệt ở tầm xa chắc hẳn phải là nhiều dặm.

Tuy nhiên, ở gần hơn - thật ra là tại chân con dốc đứng, cách đó không đầy một trăm mét - có một cái ao nhỏ được cấp nước từ một dòng suối chảy ra từ đá, và Lyra nhận ra mình đang khát khô cả cổ.

Cô đứng dậy trên đôi chân run rẩy rồi chậm chạp bước xuống phía nó. Con suối kêu lên ồ ồ và róc rách qua những tảng đá rêu phong, cô vục tay vào đó hết lần này đến lần khác, gột sạch bùn đất và cáu ghét trước khi mức nước lên miệng. Nó lạnh đến nhức răng, và cô mừng rỡ nuốt lấy.

Ao nước được bao diềm bởi đám sậy, nơi một con cóc đang kêu lên oàng oạc. Nó nóng và ẩm hơn dòng suối, cô phát hiện ra điều đó khi cởi giày và lội xuống. Cô đứng trong một lúc lâu, để cho nắng chiếu lên đầu và cơ thể, tận hưởng lớp bùn mát dưới chân và dòng chảy lạnh toát của nước suối quanh hai bắp chân.

Cô cúi xuống để vục mặt vào làn nước và làm tóc ướt đầm, để cho nó rửa xuống rồi lại hất ngược trở lại, luồn những ngón tay vào rũ sạch bụi bẩn và cáu ghét ra.

Khi đã cảm thấy mình sạch sẽ hơn, cơn khát cũng đã được thỏa mãn, cô lại nhìn lên con dốc và thấy rằng Will đã tỉnh. Cậu đang ngồi gập đầu gối với hai cánh tay vắt qua chúng, phóng tầm mắt nhìn qua vùng đồng bằng như cô đã làm, và kinh ngạc trước quy mô của nó. Trước cả ánh sáng, hơi ẩm, và sự tĩnh lặng ở đó.

Cô bé từ tốn trèo lên tới chỗ cậu và thấy cậu đang khắc tên hai người Gallivespia lên tấm bia nhỏ; sau đó đặt nó chắc chắn hơn vào nền đất.

“Chúng có...” Cậu nói, và cô biết rằng cậu ám chỉ những con linh thú.

“Không rõ nữa. Tớ vẫn chưa thấy Pan. Tớ có cảm giác cậu ấy không ở xa, nhưng tớ không biết. Cậu có nhớ chuyện đã xảy ra không?”

Cậu bé dụi mắt rồi ngáp sâu tới mức cô nghe thấy những tiếng răng rắc nho nhỏ nơi quai hàm. Rồi cậu chớp mắt và lắc đầu.

“Không nhiều lắm,” cậu nói. “Tớ bế Pantalaimon lên còn cậu bê con còn lại rồi chúng ta chui qua. Ánh trăng tràn ngập mọi nơi, rồi tớ đặt nó xuống để đóng cửa sổ lại.”

“Còn con linh thú của cậu - con còn lại cứ thế nhảy ra khỏi tay tớ,” cô nói. “Tớ đã cố nhìn ông Scoresby qua ô cửa sổ, cả Iorek nữa, rồi xem Pan đã đi đâu, khi tớ nhìn quanh thì chúng đã không còn ở đó nữa rồi.”

“Nhưng cảm giác không giống như khi chúng ta bước vào thế giới của người chết. Như khi chúng ta thật sự bị chia cắt.”

“Ừ,” cô bé đồng ý. “Đúng là chúng đang ở đâu đó gần đây. Tớ nhớ khi còn bé, chúng tớ thường thử chơi trốn tìm, nhưng chẳng bao giờ có hiệu quả cả. Vì tớ thì quá to để trốn khỏi cậu ấy, và tớ lại luôn biết chính xác cậu ấy ở đâu, kể cả cậu ấy có ngụy trang thành bướm đêm hay gì gì đi nữa. Nhưng chuyện này thật kì quặc,” cô nói, bất giác gạt tay lên quá đầu như để xua đi một thứ bùa mê nào đó, “cậu ấy không có ở đây, nhưng tớ lại không có cảm giác bị chia cắt, tớ thấy bình an, và biết rằng cậu ấy cũng vậy.”

“Chúng đang ở bên nhau, tớ nghĩ vậy,” Will nói.

“Ừ. Chắc chắn rồi.”

Đột nhiên cậu bé đứng bật dậy.

“Nhìn kia,” cậu nói, “ở đằng kia...”

Cậu đang che mắt và chỉ trỏ. Cô bé dõi theo hướng nhìn của cậu và thấy một chuyển động rung rinh ở phía xa, khá khác biệt với sự rung động của không khí dưới cái nóng.

“Động vật à?” Cô ngờ vực nói.

“Lắng nghe đi,” cậu nói rồi đặt tay ra sau vành tai.

Giờ khi cậu đã chỉ ra, cô có thể nghe thấy một tiếng âm âm dai dẳng, gần như là tiếng sấm, ở cách đó rất xa.

“Chúng biến mất rồi,” Will vừa chỉ vừa nói.

Mảng không gian nhỏ chứa những cái bóng di động đã tan biến, nhưng tiếng âm âm vẫn tiếp tục thêm một lúc. Rồi đột nhiên mọi thứ trở nên yên ắng, mặc dù nó vốn đã rất yên tĩnh rồi. Hai đứa trẻ vẫn đang nhìn về hướng

đó, và chẳng bao lâu chúng lại thấy chuyển động đó bắt đầu. Một lúc sau thì âm thanh vọng tới.

“Chúng đi ra đằng sau một dãy đồi hay gì đó,” Will nhận xét. “Chúng đã đến gần hơn chưa?”

“Chẳng thấy được rõ lắm. Phải rồi, chúng đang đổi hướng, nhìn kia, chúng đang tiến về phía này.”

“Chà, nếu phải chiến đấu với chúng thì tớ muốn uống nước trước đã,” Will nói rồi cầm balô xuống dòng suối, cậu uống một hơi thật đầy và gột rửa hầu hết bụi bẩn trên người. Vết thương của cậu đã chảy máu khá nhiều. Trông cậu thật khủng khiếp; cậu thèm khát được tắm nước nóng với rất nhiều xà phòng, và một ít quần áo sạch.

Lyra đang quan sát... một thứ gì đó; chúng thật lạ lùng.

“Will,” cô bé gọi, “chúng đang cười trên những cái bánh xe...”

Nhưng cô nói điều đó một cách không chắc chắn. Cậu trèo trở lên con dốc một đoạn ngắn rồi che mắt để nhìn. Bây giờ cậu đã có thể thấy từng cá thể một. Cái nhóm hay đàn hay tốp đó gồm khoảng một tá cá thể, chúng đang di chuyển, như Lyra nói, trên những cái bánh xe. Trông chúng giống như một dạng lai tạp giữa linh dương và xe gắn máy, nhưng thậm chí còn kì quặc hơn: Chúng có vòi như những con voi nhỏ.

Chúng đang nhắm tới chỗ Will và Lyra, với một thái độ rất có mục đích. Will rút con dao ra, nhưng Lyra, ngồi trên nền cỏ bên cạnh cậu, đã đang quay kim Chân Kế.

Cái máy phản hồi lại nhanh chóng trong lúc đám sinh vật kia còn ở cách đó vài trăm mét. Cây kim quay nhanh sang trái rồi phải rồi trái và trái. Lyra lo lắng nhìn vì vài lần đọc gần đây nhất của cô khá khó khăn, tâm trí cô cảm thấy lúng túng và ngập ngừng khi cô bước xuống qua những nhánh của sự thấu hiểu. Thay vì lao đi như một chú chim từ điểm đặt chân này đến điểm kế tiếp, cô lại dùng tay lần từng bước một để đảm bảo; nhưng ý nghĩa vẫn ở đó, vững chắc như vốn có, và chẳng bao lâu sau cô đã hiểu ra nó muốn nói gì.

“Chúng rất thân thiện,” cô nói, “không sao đâu, Will ạ, chúng đang tìm chúng ta, chúng biết chúng ta ở đây... Mà kì lạ lắm, tớ không lí giải được... Tiến sĩ Malone?”

Cô nhắc đến cái tên nửa như với chính mình, vì cô không thể tin nổi Tiến sĩ Malone lại ở trong thế giới này. Thế nhưng Chân Kế lại ám chỉ bà rất rõ ràng, mặc dù đương nhiên là nó không thể nói ra tên bà. Lyra cất cái máy đi rồi từ từ đứng dậy bên cạnh Will.

“Tớ nghĩ chúng mình nên xuống đó gặp chúng,” cô bé nói. “Chúng sẽ không làm hại chúng ta đâu.”

Vài con trong số đó đã dừng lại, chờ đợi. Con đầu đàn tiến tới trước một chút, giương cao vòi, và chúng có thể thấy được nó đẩy người đi như thế nào, với những cú quệt về phía sau đầy uy lực của hai chân mọc hai bên hông. Vài con đã tới ao để uống nước; những con khác chờ đợi, nhưng không phải với sự tò mò ôn hòa và thụ động của những con bò tập trung trước một cánh cổng. Những sinh vật này là từng cá thể riêng biệt, sống động với sự thông thái và mục đích. Họ cũng giống như con người vậy.

Will và Lyra đi xuống dốc cho tới khi đến đủ gần để nói chuyện với họ. Dù đã nghe những gì Lyra nói, Will vẫn đặt tay lên con dao.

“Tôi không biết các vị có hiểu được tôi không,” Lyra thận trọng nói, “nhưng tôi biết là các vị thân thiện. Tôi nghĩ chúng ta nên...”

Con đầu đàn giơ vòi rồi nói: “Tới gặp Mary. Các bạn cười. Chúng tôi chờ. Tới gặp Mary.”

“Ồ!” Cô bé thốt lên rồi quay lại phía Will, mỉm cười mừng rỡ.

Hai trong số những sinh vật này được trang bị cương và bàn đạp bằng dây bện. Nhưng không có yên; tấm lưng hình kim cương của họ hóa ra lại rất thoải mái mà không cần đến yên. Lyra đã từng cưỡi gấu, còn Will từng cưỡi xe đạp, nhưng chưa đứa nào từng cưỡi ngựa, thứ gần nhất để có thể so sánh. Tuy nhiên, những người cưỡi ngựa thường là người điều khiển, còn lũ trẻ sớm nhận ra rằng chúng thì không: Dây cương và bàn đạp ở đó chỉ đơn thuần là để cho chúng thứ gì đó mà bám vào và giữ thăng bằng. Các sinh vật này mới là kẻ quyết định tất cả.

“Chúng ta đang đi đâu...” Will định lên tiếng nhưng phải ngừng lại để lấy thăng bằng khi con vật cử động bên dưới cậu.

Nhóm sinh vật quay vòng rồi lao xuống con dốc thoải, chậm chậm đi qua bãi cỏ. Chuyển động của họ khá mập mờ, nhưng không phải là khó chịu, vì những sinh vật này không có xương sống: Will và Lyra cảm thấy như chúng đang ngồi trên những cái ghế găng lò xo loại xịn.

Chẳng bao lâu sau chúng đã tới chỗ mà mình đã không thể nhìn rõ được từ con dốc: Một trong những mảng đất màu đen và nâu sẫm. Chúng cũng kinh ngạc khi thấy những con đường bằng đá nhẵn mịn uốn lượn qua vùng đồng bằng hệt như Mary Malone đã thấy trước đó ít lâu.

Đám sinh vật lăn tới bề mặt đó và khởi hành, nhanh chóng tăng tốc độ. Con đường giống với một lòng sông hơn là một xa lộ, vì cứ thỉnh thoảng nó lại mở rộng ra thành những khoảng lớn giống như những cái hồ nhỏ, rồi có lúc lại tẽ ra thành những con kênh hẹp chỉ để lại tái hợp một cách khó lường. Khá là khác biệt với những con đường hiểm nghèo ở thế giới của Will khi chúng cắt qua những sườn đồi và nhảy ngang thung lũng trên những cây cầu bằng bê tông. Đường ở đây là một phần của cảnh vật, không phải là ép buộc lên nó.

Họ đang di chuyển ngày càng nhanh. Phải mất một lúc Will và Lyra mới làm quen được với xung lực sống động của các cơ bắp và tiếng rền đến rùng mình của những cái bánh xe cứng trên nền đá cứng. Ban đầu Lyra cảm thấy khó khăn hơn Will, vì cô chưa từng cưỡi xe đạp bao giờ, cô cũng không biết mẹo tì vào góc, nhưng bằng cách nhìn theo cậu làm, cô đã mau chóng cảm thấy tốc độ đó thật phần khích.

Những cái bánh xe quá ồn ào để chúng có thể nói chuyện. Thay vào đó, chúng phải chỉ trỏ: vào những cái cây, kinh ngạc trước kích cỡ và sự lộng lẫy của chúng; vào một đàn chim kì quặc nhất mà chúng từng thấy, những cái cánh phía trước và phía sau tạo cho chúng một chuyển động xoắn vặn trong không khí; vào một con thằn lằn xanh béo quay, dài như một con ngựa nằm phơi nắng ngay chính giữa đường (những sinh vật gầy bánh chia ra để chạy sang hai bên và không buồn bận tâm đến nó).

Mặt trời đã lên cao khi họ bắt đầu giảm tốc. Trong không khí, không thể nhầm lẫn được, là mùi muối của biển. Con đường đang dâng lên về phía một con dốc đứng, ngay lập tức họ chuyển về tốc độ không khác gì đi bộ.

Lyra, người cứng đờ và đau nhức, nói: “Bạn có thể dừng lại được không? Tôi muốn xuống đi bộ.”

Sinh vật của cô cảm nhận được cú giật cương, và dù cho có hiểu được những lời của cô hay không thì nó cũng dừng lại. Sinh vật của Will cũng làm theo, rồi hai đứa trẻ trèo xuống, thấy người cứng đờ và run rẩy sau khi liên tục bị xóc nảy và căng thẳng.

Các sinh vật lăn bánh lại vòng quanh để nói chuyện, vòi của họ cử động thanh nhã đồng thời với những âm thanh mà họ tạo ra. Một phút sau, họ lại lên đường, Will và Lyra vui sướng được bước đi giữa những sinh vật có mùi cỏ khô và ấm như cỏ tươi đang lăn bánh bên cạnh. Một hoặc hai con đã đi trước tới đỉnh dốc, còn lũ trẻ, lúc này không còn phải tập trung vào việc bám chắc, đã có thể thấy được cách họ di chuyển, và khâm phục sự duyên dáng và uy lực mà họ dùng để đẩy người tới trước, nghiêng người và chuyển hướng.

Vừa lên tới đỉnh dốc, họ dừng lại. Will và Lyra nghe thấy con đầu đàn nói: “Mary ở gần. Mary ở đó.”

Chúng nhìn xuống. Trên đường chân trời là một mảng xanh lập lờ của đại dương. Một con sông lớn chậm chậm trôi, uốn mình qua vùng đồng cỏ phì nhiêu ở khoảng giữa, và dưới chân con dốc dài, nằm giữa những bãi cây nhỏ và hàng rau xanh, tọa lạc một ngôi làng lợp tranh. Nhiều sinh vật giống như thế này đang đi qua đi lại giữa những ngôi nhà, chăm sóc mùa vụ, hay làm việc giữa đám cây.

“Giờ cười tiếp nào,” con đầu đàn nói.

Để tới đó không xa. Will và Lyra trèo lên một lần nữa, những sinh vật còn lại quan sát thật kỹ thăng bằng của chúng và kiểm tra bàn đạp bằng vòi, như để đảm bảo cho lũ trẻ được an toàn.

Rồi họ lên đường, nện lên nền đường bằng những cái chân mọc ngang, thúc bản thân đi xuống con dốc cho tới khi đạt một tốc độ kinh hoàng. Will

và Lyra bám chặt bằng tay và đầu gối, cảm thấy không khí quất tới tấp vào mặt, hất tóc chúng ngược trở lại và ép lên cầu mắt chúng. Tiếng rầm rầm của những cái bánh, sự tuôn chảy của đồng cỏ ở hai bên, cú nghiêng người chắc chắn và uy lực vào đường cong rộng phía trước mặt, cảm giác mê mẩn khiến đầu óc trống rỗng mà tốc độ tạo ra - các con vật yêu kiều này, còn Will và Lyra cảm nhận được niềm sung sướng của họ và vui vẻ cười đáp lại.

Họ dừng lại tại trung tâm làng, những con khác khi thấy họ tới bèn tụ tập lại xung quanh, giương cao vòi và nói những lời chào mừng.

Và rồi Lyra hét lên: “Tiến sĩ Malone!”

Mary vừa bước ra từ một trong những căn lều, chiếc áo xanh bạc màu của bà, dáng người chắc nịch của bà, đôi má ấm áp ửng hồng của bà vừa lạ lại vừa thân quen.

Lyra chạy tới ôm chầm lấy bà, người phụ nữ cũng ôm chặt lấy cô trong lúc Will đứng lại, cẩn trọng và hồ nghi.

Mary hôn Lyra đầy nồng ấm rồi bước tới chào mừng Will. Rồi một vũ điệu tưởng tượng kì lạ của sự cảm thông và bối rối diễn ra trong vòng chưa đầy một giây.

Xúc động vì lòng thương cho tình trạng của chúng, ban đầu Mary đã định ôm lấy cả cậu bé lẫn Lyra. Nhưng Mary đã trưởng thành, còn Will cũng gần như đã lớn, bà có thể thấy rằng phản ứng như thế sẽ giống như coi cậu là trẻ con, bởi bà có thể sẽ ôm ấp một đứa trẻ, nhưng sẽ không bao giờ làm điều đó với một người đàn ông không quen; vậy là bà thầm rút lui, mong muốn hơn tất cả là tôn trọng người bạn này của Lyra chứ không phải khiến cậu mất mặt.

Vậy nên thay vào đó, bà chìa tay ra và cậu nắm lấy nó, một dòng thấu hiểu và tôn trọng truyền đi giữa họ, mạnh mẽ tới mức lập tức trở thành yêu quý, và mỗi người bọn họ lại có cảm giác mình vừa gặp được một người bạn trọn đời; và điều đó không hề sai.

“Đây là Will,” Lyra nói, “cậu ấy đến từ thế giới của bà - nhớ không, cháu đã kể với bà về cậu ấy...”

“Ta là Mary Malone,” bà nói, “các cháu đói rồi, cả hai đứa, trông các cháu như gần chết đói vậy.”

Bà quay sang con vật đứng bên cạnh và thốt lên vài âm thanh ngân nga, huyết sáo, vừa nói vừa khua tay.

Lập tức, các sinh vật bỏ đi, vài con mang tới đệm và thảm từ ngôi nhà gần nhất rồi đặt chúng lên nền đất cứng dưới một cái cây gần đó, nơi tán lá rậm rạp và những cành rủ thấp tạo ra một bóng râm mát mẻ và thơm ngát.

Ngay khi họ đã ngồi thoải mái, các vị chủ nhà mang ra những chiếc bát gỗ nhẵn mịn đầy ngập sữa, hơi thoang thoang vị chất làm se hương chanh và khiến cả người khoan khoái; thêm những quả hạch nhỏ như hạt phỉ, nhưng có vị bơ đậm đà hơn; rồi rau tươi vừa nhổ lên từ đất, những chiếc lá hồ tiêu sắc nhọn xen lẫn với những chiếc dày và mềm đang rỉ ra nhựa mịn như kem, và những cái rễ nhỏ cỡ quả anh đào có vị như cà rốt ngọt.

Nhưng chúng không ăn nhiều. Đồ ăn quá ngậy. Will muốn tận hưởng sự hào phóng của họ, nhưng thứ duy nhất mà cậu có thể dễ dàng nuốt trôi, ngoại trừ đồ uống, là một thứ bánh mì phủ bột dẹt, hơi sém giống như chapatti hay tortilla. Nó giản dị và bổ dưỡng, và là tất cả những gì Will có thể chịu được. Lyra thử mỗi thứ một ít, nhưng cũng giống như Will, cô sớm nhận ra rằng chỉ một chút là cũng đã đủ.

Mary cố gắng tránh đặt bất cứ câu hỏi nào. Hai đứa trẻ này đã kinh qua một trải nghiệm hằn sâu lên cơ thể chúng: Chúng chưa muốn nhắc tới nó vội.

Vậy là bà trả lời câu hỏi của chúng về người mulefa, rồi kể ngắn gọn về cách mà bà đã tới thế giới này; sau đó bà để chúng lại dưới bóng cây vì bà có thể thấy mí mắt chúng đang rũ xuống còn đầu thì gà gật.

“Giờ hai cháu không phải làm gì cả, chỉ cần ngủ thôi,” bà nói.

Không khí buổi chiều thật ấm áp và tĩnh lặng, bóng cây rả rích tiếng dế kêu, khiến cơn buồn ngủ ập đến. Chỉ chưa đầy năm phút sau khi nuốt ực chỗ đồ uống còn lại, cả Will và Lyra đã lăn ra ngủ khò.

Chúng thuộc hai giới tính sao? Atal ngạc nhiên hỏi. Nhưng làm sao bà biết được?

Dễ lắm, Mary nói. Cơ thể chúng có hình dạng khác nhau. Chúng di chuyển cũng khác nhau nữa.

Chúng không nhỏ hơn bà quá nhiều. Nhưng lại có ít sraf hơn. Khi nào thì nó sẽ đến với chúng?

Tôi không biết, Mary nói. Tôi đoán là sớm thôi. Tôi không biết nó xảy đến với chúng tôi khi nào.

Không có bánh xe, Atal nói đầy vẻ cảm thông.

Họ đang nhổ cỏ trong vườn rau. Mary đã chế tạo một cái cuốc để khỏi phải cúi người xuống; Atal sử dụng vôi, nên cuộc trò chuyện của họ thỉnh thoảng lại bị gián đoạn.

Nhưng bà đã biết rằng chúng sắp tới, Atal nói.

Phải.

Mấy cái que nói cho bà biết à?

Không, Mary đáp, đỏ mặt. Bà là một nhà khoa học; phải thừa nhận rằng mình tham khảo Kinh Dịch là đã đủ tồi tệ rồi, nhưng việc này còn đáng xấu hổ hơn. Đó là một thước phim đêm, bà thú nhận.

Người mulefa không có từ đơn nào cho giấc mơ. Mặc dù họ mơ rất sinh động, và cực kì coi trọng những giấc mơ của mình.

Bà không thích những thước phim đêm, Atal nói.

Có chứ. Nhưng tôi đã không tin vào chúng cho tới tận bây giờ. Tôi đã thấy cậu bé và cô bé rất rõ rệt, rồi một giọng nói bảo tôi phải chuẩn bị đón chúng.

Giọng nói kiểu gì cơ? Làm sao nó nói được nếu bà không thể nhìn thấy nó?

Thật khó để Atal có thể tưởng tượng ra lời nói mà không có cử động vôi để làm rõ ý. Cô dừng lại giữa một hàng đậu rồi đối diện với Mary bằng vẻ tò mò mê mẩn.

À, tôi có thấy, Mary nói. Đó là một người phụ nữ, hoặc một nhà thông thái nữ giới, như chúng ta, như đồng loại của tôi. Nhưng rất già mà lại không hề già chút nào.

Nhà thông thái là từ mà người mulefa dùng để gọi những người lãnh đạo của mình. Bà thấy rằng Atal đang tỏ ra cực kì hứng thú.

Làm sao mà người đó có thể vừa già lại vừa không già được? Atal hỏi.

Đó chỉ là giả bộ thôi, Mary nói.

Atal vung vẩy vôi, tỏ ra an tâm.

Mary tiếp tục giải thích rõ nhất có thể: Bà ấy nói rằng tôi nên trông đợi bọn trẻ đến, rồi khi nào chúng sẽ xuất hiện, và ở đâu. Nhưng không nói tại sao. Tôi chỉ phải chăm sóc chúng thôi.

Chúng đang bị đau và mệt, Atal nói. Liệu chúng có ngăn được sraf bay đi không?

Mary lo lắng nhìn lên. Không cần kiểm tra bằng ống nhòm bà cũng biết rằng các hạt Bóng đang tuôn đi nhanh hơn bao giờ hết.

Tôi hi vọng vậy, bà nói. Nhưng tôi không biết làm thế nào.

Đầu giờ tối, khi những đồng lửa nấu nướng đã được nhóm và những ngôi sao đầu tiên hé lộ, một toán người lạ xuất hiện. Mary đang tắm rửa; bà nghe thấy tiếng bánh xe của họ nện ầm ầm, tiếng rì rầm nói chuyện đầy lo lắng, nên vừa lau người vừa chạy ra khỏi nhà.

Will và Lyra đã ngủ cả buổi chiều, khi nghe thấy tiếng ồn, chúng mới bắt đầu tỉnh giấc. Lyra chệnh choạng ngồi dậy và thấy Mary đang nói chuyện với năm hay sáu người mulefa vây lấy bà, rõ ràng là đang bị kích động; nhưng họ tức giận hay vui sướng thì cô không thể đoán được.

Khi nhìn thấy cô bé, Mary liền chạy khỏi đó.

“Lyra,” bà nói, “có chuyện vừa xảy ra - họ tìm thấy một thứ không thể lí giải nổi và nó... Ta không biết nó là gì nữa... Ta phải đi xem xem sao. Nó ở cách đây khoảng một giờ đồng hồ. Ta sẽ quay lại sớm nhất có thể. Nếu có

cần bất cứ thứ gì trong nhà ta thì cứ tự nhiên lấy nhé - ta không thể dừng họ được, họ đang rất lo lắng...”

“Được ạ,” Lyra nói, vẫn còn đang đờ đẫn vì giấc ngủ dài.

Mary nhìn xuống dưới tán cây. Will đang dụi mắt.

“Ta thật sự sẽ không đi quá lâu đâu,” bà nói. “Atal sẽ ở lại với các cháu.”

Người thủ lĩnh đang tỏ ra sốt ruột. Mary nhanh chóng lắc dây cương và bàn đạp lên lưng ông ta, xin thứ lỗi vì vụng về, rồi lập tức leo lên. Họ lăn bánh, đổi hướng rồi chạy đi vào ánh chạng vạng.

Họ khởi hành theo một hướng mới, dọc theo dãy đồi trên bờ biển về phía bắc. Mary chưa từng cưỡi mulefa đi trong bóng tối bao giờ, và bà thấy tốc độ lúc này còn đáng sợ hơn cả vào ban ngày. Khi họ leo lên cao, Mary có thể thấy ánh trăng lấp lánh trên mặt biển phía xa bên tay trái, ánh sáng nâu đỏ pha lẫn bạc của nó dường như bao bọc lấy bà trong một sự kinh ngạc hoài nghi đầy tươi mát. Sự kinh ngạc ở trong bà, sự hoài nghi nằm trong thế giới, còn vẻ tươi mát có trong cả hai.

Thình thoảng bà lại nhìn lên và chạm vào chiếc ống nhòm trong túi áo, nhưng bà không thể sử dụng nó cho tới khi họ ngừng di chuyển. Mà những mulefa này lại đang di chuyển đầy gấp gáp, với biểu hiện không muốn dừng lại vì bất cứ điều gì. Sau một giờ chạy thật lực, họ đổi hướng chạy vào trong đất liền, rời khỏi con đường đá và chầm chậm đi dọc theo một lối mòn bằng đất bị cày xới chạy giữa những thân cỏ cao đến đầu gối, qua khóm cây bánh xe và lên phía một rặng đồi. Phong cảnh sáng bừng dưới ánh trăng: Những ngọn đồi trọc rộng lớn điểm xuyết những khe nhỏ nơi suối róc rách chảy xuống giữa những đám cây mọc dày đặc ở đó.

Họ dẫn bà về phía một trong những khe nước đó. Bà đã trèo xuống khi họ rời khỏi con đường và đang đều đều bước theo tốc độ của họ trên đỉnh đồi rồi xuống tới khe nước.

Mary nghe thấy tiếng dòng suối róc rách chảy và tiếng gió đêm lùa trong cỏ. Bà nghe thấy âm thanh lạnh lẽ của bánh xe lạo xạo trên nền đất

nền cứng, và bà nghe thấy những người mulefa phía trước mình lầm rầm nói chuyện với nhau, rồi họ dừng lại.

Bên sườn đồi, chỉ cách đó vài mét, là một trong những lỗ thông được tạo bởi con dao kì ảo. Trông nó giống như một miệng hang, vì ánh trăng chỉ chiếu vào trong đó chút ít, như thể bên trong lỗ thông chính là bên trong của ngọn đồi: nhưng không phải vậy. Và từ đó tuôn ra một đoàn diễu hành của những hồn ma.

Mary cảm thấy như mặt đất đang rời ra dưới tâm trí mình. Bà giật mình bừng tỉnh và tóm lấy cành cây gần nhất để an tâm rằng đây vẫn là thế giới vật chất, và bà vẫn là một phần trong đó.

Bà tiến lại gần hơn. Những người đàn ông và đàn bà già cỗi, trẻ nhỏ, trẻ sơ sinh được ẩm, con người và cả những loài vật khác nữa, càng ngày họ càng tuôn ra dày đặc khỏi bóng tối để bước vào thế giới của ánh trăng thuần nhất - rồi tan biến.

Đó là điều kì quặc nhất. Họ tiến vài bước vào thế giới của cỏ cây, không khí và ánh sáng bạc, rồi nhìn quanh, nét mặt biến đổi với niềm vui hiện hữu - Mary chưa từng thấy niềm vui nào mãnh liệt đến thế - họ dang tay ra như thể đang ôm trọn lấy cả vũ trụ; và rồi, như thể được cấu tạo từ sương hay khói, họ cứ thế trôi đi, trở thành một phần của đất, của sương đọng, và của gió đêm.

Một vài trong số họ tiến về phía Mary như muốn nói với bà điều gì đó. Họ vươn tay ra, và bà cảm thấy sự tiếp xúc của họ như những cơn sốc nhỏ của cái lạnh. Một trong những hồn ma - một bà lão - ra hiệu, giục bà tới gần.

Rồi bà lên tiếng, Mary nghe thấy bà nói:

“Hãy kể chuyện cho họ nghe đi. Đó là những điều chúng tôi đã không biết tới. Suốt cả thời gian qua, chúng tôi không hề biết! Nhưng họ cần được biết sự thật. Đó là thứ nuôi dưỡng họ. Bà phải kể cho họ những câu chuyện thật, rồi mọi thứ sẽ ổn thôi, tất cả mọi thứ. Chỉ cần kể chuyện cho họ thôi.”

Chỉ có vậy, rồi bà biến mất. Đó là một trong những khoảnh khắc khi ta đột nhiên nhớ lại một giấc mơ mà không hiểu sao mình đã quên mất, và trong dòng chảy cuồn cuộn, toàn bộ những cảm xúc ta có trong giấc ngủ đó

dồn về. Đó chính là giấc mơ mà bà đã cố gắng diễn tả cho Atal, thước phim đêm; nhưng khi Mary cố gắng lục tìm lại, nó tan biến rồi trôi đi mất, hết như những sự hiện diện này trong bầu không gian rộng mở. Giấc mơ đã tan biến.

Tất cả những gì còn sót lại là sự ngọt ngào của cảm giác đó, và mệnh lệnh *hãy kể chuyện cho họ*.

Bà nhìn vào bóng đêm. Cho tới tận cuối tầm nhìn của bà vào trong sự tĩnh lặng vô bờ đó, ngày càng có thêm những hồn ma tiến tới, hàng ngàn nối tiếp hàng ngàn, như dân tị nạn trở về với quê hương.

“Hãy kể chuyện cho họ,” bà tự nói với bản thân.

Bánh marzipan

Mùa xuân dịu ngọt, đầy tràn những ngày ngọt ngào và hoa hồng,

Một chiếc hộp chan chứa mật ngọt

George Herbert

Sáng hôm sau, Lyra tỉnh dậy khỏi một giấc mơ mà trong đó Pantalaimon đã trở lại bên cô và bộc lộ hình dạng cuối cùng của nó; cô rất thích hình dạng đó, nhưng giờ lại chẳng biết được đấy là gì.

Mặt trời vừa lên không lâu, không khí thoáng thoảng một hương hoa tươi mới. Cô có thể nhìn thấy ánh nắng qua cánh cửa mở của căn lều nhỏ lợp tranh mà mình ngủ lại, nhà Mary. Cô nằm lại một lúc, lắng nghe. Có tiếng chim chóc phía bên ngoài, cùng một loại dế gì đó, và Mary đang thở khe khẽ trong giấc ngủ bên cạnh.

Lyra ngồi dậy và thấy mình trần truồng. Cô hơi nổi cáu, nhưng sau đó thấy có quần áo sạch được gấp sẵn trên nền nhà cạnh mình: một cái áo của Mary, một mảnh vải dài đính hoa văn, nhẹ và mềm mại, mà cô có thể thắt thành một cái váy. Cô mặc lên, cảm thấy như đang bơi trong cái áo, nhưng ít nhất như thế cũng lịch sự.

Cô rời khỏi căn lều. Pantalaimon đang ở gần đó: Cô biết chắc chắn. Cô gần như có thể nghe thấy tiếng nó cười nói. Điều đó hẳn có nghĩa là nó vẫn an toàn, và chúng vẫn liên kết với nhau bằng một cách nào đó. Rồi khi nó

tha thứ cho cô và trở về - hàng giờ đồng hồ mà chúng sẽ dành chỉ để nói chuyện, chỉ để kể cho nhau nghe về mọi thứ...

Will vẫn đang ngủ dưới tán cây, đúng là đồ lười. Lyra nghĩ tới việc đánh thức cậu dậy, nhưng nếu chỉ có một mình, cô có thể xuống sông bơi. Cô thường sung sướng trần truồng bơi tại sông Cherwell, cùng với tất cả những đứa trẻ Oxford khác, nhưng sẽ khá khác khi với Will, chỉ nghĩ tới điều đó đã khiến cô đỏ cả mặt.

Vậy là cô một mình bước xuống làn nước trong buổi sớm nhuộm màu ngọc trai. Giữa những cây sậy mọc bên rìa là một con chim cao, mảnh khảnh như chim diệc, đứng bất động tuyệt đối trên một chân. Cô bước đi thật nhẹ nhàng và chậm rãi để không quấy rầy nó, nhưng con chim chỉ coi cô như một cành non trên mặt nước và không buồn bận tâm.

“Được thôi,” cô thốt lên.

Cô để lại quần áo trên bờ rồi dầm mình xuống sông. Cô bơi thật lực để giữ ấm, rồi hồi hải leo lên bờ, người run lên cầm cập. Thông thường Pan sẽ giúp cô làm khô người: Liệu có phải nó đang là một con cá và cười giễu cô từ dưới nước? Hay một con bọ cánh cứng, lén vào quần áo để cù cô, hay một con chim? Hoặc nó đang ở đâu đó hoàn toàn khác cùng với con linh thú kia, và Lyra chẳng hề có mặt trong tâm trí nó?

Mặt trời giờ đã trở nên ấm áp hơn, chẳng bao lâu sau người cô đã khô. Cô mặc lại cái áo lụng thụng của Mary rồi, thấy vài viên đá dẹt trên bờ, đi lấy quần áo của mình để giặt chúng. Nhưng cô thấy rằng có ai đó đã làm xong hết cả rồi: Quần áo của cô, cả của Will nữa, được vắt trên những cành non đàn hồi của một bụi cây thơm phức, gần như đã khô.

Will đang cựa quậy. Cô ngồi xuống bên cạnh rồi khẽ gọi.

“Will! Tỉnh dậy đi!”

“Chúng ta đang ở đâu đây?” Cậu lập tức hỏi, rồi ngồi dậy, với lấy con dao.

“An toàn rồi,” cô nói rồi nhìn đi chỗ khác. “Họ cũng đã giặt quần áo cho chúng ta nữa, hoặc là Tiến sĩ Malone làm. Tớ sẽ đi lấy đồ của cậu. Chúng gần khô rồi...”

Cô chuyển chúng vào rồi ngồi quay lưng lại cho tới khi cậu mặc xong đồ.

“Tớ đã bơi dưới sông,” cô nói. “Tớ đã đi tìm Pan, nhưng tớ nghĩ là cậu ấy đang trốn.”

“Ý tưởng hay đấy. Bơi ấy. Tớ cảm thấy như mình đang có tới vài năm bụi bần tích tụ trên người vậy... Tớ đi xuống tắm rửa đây.”

Trong lúc cậu đi, Lyra lang thang quanh làng, không nhìn quá kĩ vào bất cứ thứ gì phòng trường hợp vi phạm một phép lịch sự nào đó, nhưng lại thấy tò mò về mọi thứ mình thấy. Một vài ngôi nhà rất cũ còn một vài lại khá mới, nhưng chúng đều được xây gần như theo cùng một cách từ gỗ, đất sét và tranh. Không hề có gì thô cứng trong đó; mỗi cánh cửa, khung cửa sổ và rầm đỡ đều được phủ lên những hoa văn đầy tinh tế, nhưng những hoa văn đó không phải được khắc vào gỗ: Cứ như thể chúng đã thuyết phục gỗ lớn lên thành hình dạng đó một cách tự nhiên vậy.

Càng nhìn, cô càng thấy đủ kiểu trật tự và lưu tâm trong làng, giống như những lớp nghĩa trong chiếc Chân Kế. Một phần tâm trí cô háo hức muốn giải đáp tất cả, muốn nhẹ bước từ sự tương đồng này sang sự tương đồng khác, từ ý nghĩa này sang ý nghĩa khác như đã làm với cái máy; nhưng một phần khác lại tự hỏi không biết chúng có thể ở lại đây bao lâu trước khi buộc phải tiếp tục lên đường.

Nhưng mình sẽ không đi bất cứ đâu cho tới khi Pan quay trở lại, cô tự nhủ.

Đúng lúc đó Will bước lên từ con sông, rồi đến Mary bước ra khỏi nhà và gọi chúng tới dùng bữa sáng; không lâu sau Atal cũng tới, và ngôi làng bừng tỉnh quanh họ. Hai đứa trẻ người mulefa, không có bánh xe, cứ không ngừng nhòm trộm vào từ bên rìa nhà, và Lyra sẽ đột ngột quay ngoắt lại, nhìn thẳng vào chúng, để khiến chúng giật nảy và cười phá lên vì hoảng hốt.

“Được rồi,” Mary nói khi họ đã dùng chút bánh mì và hoa quả, uống một loại nước pha nóng bóng lười của thứ gì đó như bạc hà. “Hôm qua các cháu đã quá mệt nên tất cả những gì có thể làm là nghỉ ngơi. Nhưng hôm nay trông các cháu hoạt bát hơn rất nhiều rồi, cả hai đứa, ta nghĩ chúng ta

cần kể cho nhau nghe mọi thứ mình tìm hiểu được. Việc đó sẽ tốn khá nhiều thời gian, mà ta cũng nên tạo việc làm cho hai bàn tay trong lúc nói chuyện, nên ta sẽ làm cho bản thân có ích bằng cách sửa vài tấm lưới.”

Họ bê chồng vải màn quét hắc ín cứng quèo đến bờ sông rồi trải rộng nó ra trên nền cỏ. Mary chỉ cho chúng cách kết một sợi dây mới ở chỗ đã bị sòn. Bà đang rất cảnh giác, vì Atal đã kể với bà về các gia đình bên bờ biển phía xa đã thấy một số lượng lớn tualapi, những con chim trắng, tụ tập ngoài biển khơi, và tất cả mọi người đều chuẩn bị sẵn sàng, chỉ cần có cảnh báo là lập tức rời đi; nhưng trong lúc đó thì công việc vẫn phải được tiến hành.

Vậy là họ ngồi làm việc dưới ánh nắng, bên con sông êm đềm trôi. Lyra kể về câu chuyện của mình, từ một khoảnh khắc rất lâu về trước khi cô và Pan quyết định ngó vào Phòng nghỉ tại Học viện Jordan.

Nước triều dâng lên rồi lại hạ xuống, nhưng vẫn không có bóng dáng con tualapi nào. Chiều muộn hôm đó, Mary dẫn Will và Lyra đi dọc theo bờ sông, qua những điểm câu cá nơi những tấm lưới được buộc lại, rồi qua khu đầm lầy nước mặn mênh mông để hướng về phía biển. Sẽ an toàn để đi ra đó khi triều đã rút, vì lũ chim trắng chỉ vào đất liền khi nước dâng cao. Mary dẫn đường men theo một con đường đất cứng bên trên bùn lầy; giống như nhiều thứ mà người mulefa chế tạo, con đường đã có từ rất lâu và được bảo trì hoàn hảo, giống một phần của tự nhiên hơn là một thứ áp đặt lên đó.

“Họ đã xây nên những con đường đá này à?” Will hỏi.

“Không. Ta nghĩ là những con đường đã làm nên họ, theo một cách nào đó,” Mary đáp. “Ý ta là họ đã chẳng bao giờ phát triển việc sử dụng bánh xe nếu không có vô vàn những bề mặt phẳng và cứng để lăn trên đó. Ta nghĩ chúng là các dòng dung nham từ những ngọn núi lửa cổ xưa.

“Vậy nên những con đường giúp họ có thể sử dụng bánh xe. Rồi cả những thứ khác cũng góp phần vào. Ví dụ như bản thân loài cây bánh xe, và cái cách mà cơ thể họ được tạo thành - họ không phải là động vật có xương sống. Do một tình cờ may mắn nào đó tại thế giới của chúng ta rất lâu về trước đã khiến cho những sinh vật có xương sống có cuộc sống dễ dàng hơn

đôi chút, vậy nên tất cả các hình dạng khác phát triển đều dựa trên xương sống trung tâm. Tại thế giới này, cơ hội lại đi theo một hướng khác, và dạng cơ thể kim cương trở nên thành công. Có cả những động vật có xương sống nữa, chắc chắn rồi, nhưng không nhiều. Như rắn chẳng hạn. Ở đây rắn rất quan trọng. Người dân chăm sóc chúng và cố gắng không làm hại đến chúng.

“Dù sao thì, hình dạng của họ, những con đường, và loài cây bánh xe, tất cả hợp lại với nhau để khiến điều đó khả thi. Rất nhiều cơ hội nhỏ xíu cùng hợp lại với nhau. Phần câu chuyện của cháu bắt đầu khi nào vậy, Will?”

“Với cháu cũng là rất nhiều cơ hội nhỏ xíu,” cậu bắt đầu, nghĩ tới con mèo dưới hàng cây duyên mộc. Nếu cậu tới đó sớm hoặc muộn ba mươi giây, cậu sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy con mèo, chẳng bao giờ tìm thấy ô cửa sổ, chẳng bao giờ phát hiện ra Cittagazee và Lyra; chẳng có gì trong câu chuyện này xảy ra cả.

Cậu thuật lại từ đầu, họ vừa đi vừa lắng nghe. Vào lúc họ tới vùng đầm lầy, cậu đã kể tới đoạn cậu và bố mình đang giao đấu trên đỉnh núi.

“Và rồi một phù thủy đã giết ông ấy...”

Cậu vẫn chưa thể hiểu nổi điều đó. Cậu giải thích điều mà cô ta đã nói với mình trước khi tự sát: Cô từng đem lòng yêu John Parry, nhưng ông lại khinh miệt cô.

“Nhưng mà phù thủy hung bạo thật đấy,” Lyra nhận xét.

“Nhưng nếu cô ta yêu ông ấy...”

“À,” Mary nói, “tình yêu cũng tàn bạo lắm.”

“Nhưng ông ấy yêu mẹ cháu,” Will nói. “Tất cả những gì cháu có thể kể cho cô ta là bố chưa từng phản bội mẹ.”

Lyra, nhìn sang Will, nghĩ rằng nếu cậu đem lòng yêu ai đó, cậu cũng sẽ cư xử như vậy.

Khắp nơi xung quanh họ, những tiếng động khe khẽ của buổi chiều lững lờ trong không khí ẩm áp: tiếng tí tách lộp bộp không ngừng của đầm

lầy, tiếng côn trùng rả rích, tiếng mòng biển miên man. Nước triều đã rút hoàn toàn, để lại toàn bộ chiều dài bãi biển thoáng dang và lấp lánh dưới ánh nắng rực rỡ. Hàng tỉ sinh vật sống trong bùn nhỏ xíu sinh sống, ăn uống rồi chết đi trong lớp cát trên cùng, những cái xác lột nhỏ, lỗ thở và những chuyển động vô hình cho thấy toàn bộ cảnh vật đang rung động bởi sự sống.

Không nói với bọn trẻ lí do, Mary nhìn ra mặt biển phía xa, rà soát đường chân trời để tìm những cánh buồm trắng. Nhưng chỉ có ánh sáng lấp lánh mờ ảo nơi màu xanh của bầu trời nhạt dần tại ranh giới của mặt biển, biển cả đón lấy màu sắc nhạt nhòa đó rồi khiến nó lung linh trong không khí rung động.

Bà chỉ cho Will và Lyra cách thu lượm một loại động vật thân mềm đặc biệt nhờ tìm các ống thở của chúng trên mặt cát. Người mulefa rất thích chúng nhưng họ lại khó có thể đi lại trên cát để thu nhặt được chúng. Cứ khi nào ra bờ biển, Mary đều cố gắng thu hoạch nhiều nhất có thể, và giờ khi có ba đôi tay, ba đôi mắt cùng làm việc, họ sẽ có một bữa tiệc linh đình.

Bà đưa cho mỗi đứa một cái túi vải, rồi họ bắt tay vào làm trong lúc lắng nghe phần tiếp theo của câu chuyện. Đều đều, họ nhét đầy các túi, sau đó Mary lặng lẽ dẫn lũ trẻ trở lại rìa đầm lầy, vì nước triều lại đang dâng.

Câu chuyện ngắn khá nhiều thời gian; họ không kể đến được thế giới của người chết ngay ngày hôm đó. Khi họ gần tới làng, Will đang kể với Mary về điều mà cậu và Lyra đã phát hiện ra về bản chất ba phần của loài người.

“Các cháu biết đấy,” Mary nói, “Giáo hội - Giáo hội Công giáo mà ta từng thuộc về - không sử dụng từ linh thú, nhưng Thánh Paul có nói đến linh hồn, tâm hồn và cơ thể. Vậy nên ý tưởng về ba phần trong bản chất con người cũng không phải quá lạ lẫm.”

“Nhưng phần tuyệt vời nhất là cơ thể,” Will nói. “Đó là điều mà Baruch và Balthamos đã nói với cháu. Các thiên thần ước ao có được thể xác. Họ nói rằng các thiên thần không thể hiểu nổi tại sao *chúng ta* không tận hưởng thế giới nhiều hơn. Họ sẽ sung sướng mê mẩn nếu có da thịt và các giác quan của chúng ta. Trong thế giới của người chết...”

“Để tới khi tới đó đã rồi hăng kể,” Lyra nói, rồi cô mỉm cười với cậu, một nụ cười của tri thức và vui sướng ngọt ngào tới mức khiến các giác quan của cậu phải bối rối. Cậu mỉm cười đáp lại, và Mary nghĩ rằng biểu cảm của cậu thể hiện sự tin tưởng toàn vẹn nhất mà bà từng thấy trên mặt một người.

Vào lúc này họ đã tới làng, giờ là lúc phải chuẩn bị bữa tối. Vậy là Mary để hai đứa trẻ lại bên bờ sông, nơi chúng ngồi ngắm nước triều dâng lên, rồi tới giúp Atal bên đồng lửa nấu bếp. Người bạn của cô vui mừng khôn xiết vì vụ thu hoạch động vật thân mềm hai mảnh vỏ.

Nhưng Mary ạ, cô nói, lũ tualapi đã hủy diệt một ngôi làng ở xa phía trên đường bờ biển, và liên tiếp vài ngôi làng nữa. Trước đây chúng chưa từng làm vậy. Thông thường chúng chỉ tấn công một chỗ rồi lại rút về biển. Và lại thêm một cái cây nữa đổ xuống vào ngày hôm nay...

Ôi không! Ở đâu?

Atal nhắc tới một khoảnh rừng không xa từ một suối nước nóng. Mary vừa mới ở đó ba ngày trước, và không có gì tỏ ra bất thường cả. Bà cầm lấy cái ống nhòm rồi nhìn lên trời; quả nhiên, dòng hạt Bóng khổng lồ đang tuôn đi mạnh hơn, với tốc độ và thể tích lớn hơn đến mức không thể so sánh nổi, hơn là dòng triều giờ đang dâng lên giữa hai bờ sông.

Bà có thể làm gì? Atal hỏi.

Mary cảm thấy trọng lượng của trách nhiệm như một bàn tay nặng trĩu đè lên giữa hai xương vai, nhưng bà cố gắng nhẹ nhàng ngồi dậy.

Kể chuyện cho họ, bà nói.

Khi bữa tối kết thúc, ba con người và Atal ngồi trên thảm bên ngoài căn nhà của Mary, dưới những vì sao ấm áp. Họ nằm xuống, no nê và thoải mái trong buổi đêm ngập tràn hương hoa, và lắng nghe Mary kể lại câu chuyện của mình.

Bà bắt đầu ngay trước lần đầu tiên gặp Lyra, kể cho họ nghe về công việc mình đang tiến hành tại nhóm Nghiên cứu Vật chất tối, và vụ khủng

hoảng tiền tài trợ. Bà đã tốn bao nhiêu thời gian để xin tiền, và thời gian còn lại để nghiên cứu ít đến thế nào!

Nhưng chuyến viếng thăm của Lyra đã thay đổi mọi thứ, và rất nhanh chóng: Chỉ trong vòng vài ngày, bà đã hoàn toàn rời khỏi thế giới của mình.

“Ta đã làm như cháu bảo,” bà nói. “Ta đã tạo ra một chương trình - đó là một tổ hợp các chỉ thị - để cho phép các hạt Bóng giao tiếp với ta qua máy tính, chúng đã cho ta biết phải làm gì. Chúng nói chúng là các thiên thần, rồi - à...”

“Nếu bà là một nhà khoa học,” Will nói, “cháu không nghĩ đó lại là điều thích hợp mà chúng nên nói. Bà có thể không tin vào các thiên thần.”

“À, nhưng ta biết về họ. Ta đã từng là một nữ tu mà. Ta đã nghĩ vật lí học có thể được thực hiện để vinh danh Chúa, cho tới khi ta thấy rằng hoàn toàn chẳng có vị Chúa nào cả, và rằng dù sao thì vật lí cũng thú vị hơn. Cơ Đốc giáo là một sai lầm rất hùng mạnh và đầy sức thuyết phục, chỉ vậy thôi.”

“Bà ngừng làm tu sĩ từ bao giờ vậy?” Lyra hỏi.

“Ta vẫn còn nhớ chính xác,” Mary nói, “cho tới tận ngày giờ xảy ra. Bởi vì ta rất giỏi vật lí nên họ cho phép ta tiếp tục sự nghiệp ở trường đại học của mình, các cháu thấy đấy, ta đã hoàn thành học vị tiến sĩ và đang đi dạy. Đó không phải là một trong những hội mà người ta cách li ta khỏi thế giới. Thực tế thì chúng ta còn không mặc áo tu sĩ; chúng ta chỉ cần ăn mặc nhã nhặn và đeo thánh giá. Vậy nên ta đã tới trường đại học để dạy và nghiên cứu về vật lí hạt.

“Rồi có một hội thảo về chủ đề nghiên cứu của ta, người ta đã gọi ta đến và đọc một bài luận. Hội thảo tổ chức tại Lisbon, mà ta lại chưa từng đến đó bao giờ; thật ra ta chưa từng ra khỏi nước Anh. Toàn bộ sự việc - máy bay, khách sạn, ánh nắng rực rỡ, các ngôn ngữ ngoại quốc bủa vây quanh ta, những người nổi tiếng sẽ thuyết trình, rồi ý nghĩ về bài luận của chính mình và tự hỏi liệu sẽ có ai xuất hiện để lắng nghe hay ta liệu có quá căng thẳng để nói được thành lời hay không... Ôi, ta đã quá kích động, ta không thể biết được nữa.

“Và ta còn rất ngây thơ - các cháu phải nhớ điều đó. Ta vẫn luôn là một cô bé ngoan ngoãn, chăm chỉ tới Thánh lễ, ta luôn nghĩ mình có thiên hướng cho cuộc sống tâm linh. Ta muốn phục vụ Chúa bằng cả trái tim mình. Ta muốn dành cả cuộc đời mình và dâng hiến nó như thế này,” bà nói rồi giơ hai bàn tay lên cùng nhau, “rồi đặt nó lên trước mặt Jesus để ngài làm gì tùy ý. Và ta nghĩ mình khá tự hào về bản thân. Quá nhiều. Ta mộ đạo và thông minh. Ha! Chuyện đó kéo dài cho tới, ồ, chín giờ rưỡi tối ngày mùng Mười tháng Tám, bảy năm về trước.”

Lyra ngồi dậy và ôm lấy đầu gối, chăm chú lắng nghe.

“Đó là buổi tối sau khi ta đã thuyết trình bài luận của mình,” Mary nói tiếp, “mọi việc diễn ra khá suôn sẻ, có vài người nổi tiếng đã đến nghe, ta đã xử lí các câu hỏi mà không phá hỏng nó. Nhìn chung, ta thấy rất nhẹ nhõm và vừa lòng... Cả tự hào nữa, chắc chắn rồi.

“Dù sao thì, một vài đồng sự của ta định đến một nhà hàng gần đó dưới bờ biển, và họ hỏi xem ta có muốn đi hay không. Bình thường thì ta đã nghĩ ra vài lí do để từ chối, nhưng lần này ta nghĩ chà, mình đã là một phụ nữ trưởng thành rồi, mình đã trình bày một bài luận về một chủ đề quan trọng, nó đã được đón nhận nồng nhiệt và mình đang ở giữa những người bạn tốt... Không khí thật ấm áp, cuộc trò chuyện toàn về những thứ mà ta quan tâm hàng đầu, và tất cả chúng ta đều rất hăng hái, ta nghĩ mình đã thả lỏng đôi chút. Ta đã khám phá ra một khía cạnh khác của con người mình, các cháu biết đấy, cái khía cạnh thích mùi vị của rượu và cá mòi nướng, cảm giác về không khí ấm áp trên da thịt và nhịp đập của âm nhạc ở phía sau. Ta đã rất thích thú.

“Vậy là chúng ta ngồi xuống dùng bữa trong vườn. Ta ngồi ở cuối một chiếc bàn dài dưới một cây chanh, bên cạnh ta là một lùm cây có hoa lạc tiên, và người ngồi cạnh ta đang nói chuyện với người ở phía bên kia bàn, và... À, ngồi đối diện là một người đàn ông ta đã thấy vài lần tại hội thảo. Ta không biết ông ta để có thể bắt chuyện; ông ta là người Ý, đã thực hiện một vài công trình mà mọi người đang nói tới, và ta nghĩ lắng nghe về nó cũng thú vị.

“Ông ta chỉ hơi lớn tuổi hơn ta một chút, có mái tóc đen mềm mại, nước da tuyệt đẹp màu olive cùng đôi mắt đen láy. Tóc ông ấy cứ rủ xuống trán và ông ấy liên tục gạt nó trở lại như thế này một cách từ tốn...”

Bà cho họ thấy. Will nghĩ trông bà như thể ghi nhớ điều đó rất rõ.

“Ông ấy không đẹp trai,” bà nói tiếp. “Ông không phải là một anh chàng nịnh đầm hay một người quá thu hút. Nếu ông ấy mà như thế thì ta đã ngưỡng tới mức không biết làm thế nào để bắt chuyện rồi. Nhưng ông ấy lại rất tử tế, thông minh, hài hước, và đó là điều dễ dàng nhất trên thế giới khi ngồi đó trong ánh đèn lồng, dưới thân cây chanh cùng hương thơm của các loài hoa, đồ nướng và rượu, cười nói và thấy mình hi vọng rằng ông ấy sẽ nghĩ ta xinh đẹp. Sơ Mary Malone, đang tán tỉnh! Còn những lời thề nguyện của ta thì sao? Còn việc hiến dâng cuộc đời ta cho Jesus và tất cả những thứ đó thì sao?”

“Chà, ta không biết liệu đó là do rượu, do sự xuân ngốc của chính ta, không khí ẩm áp hay cây chanh, hay cái gì đi nữa... Nhưng dần dần, ta cảm giác như mình đã khiến bản thân tin vào một thứ không đúng. Ta đã khiến bản thân tin rằng mình ổn, hạnh phúc và mãn nguyện với riêng mình, không cần đến tình yêu của bất cứ ai khác. Yêu đương cũng giống như Trung Hoa: Ta biết nó ở đó, rõ ràng là nó rất thú vị, và có vài người đã đến đó, nhưng ta thì sẽ không bao giờ đi. Cả đời ta sẽ không bao giờ đến Trung Hoa, nhưng việc đó cũng chẳng quan trọng, vì vẫn còn cả phần còn lại của thế giới để tới thăm mà.

“Và rồi có ai đó đưa cho ta một mẫu của thứ đồ ngọt gì đó và ta đột nhiên nhận ra rằng mình đã đến Trung Hoa. Có thể nói như vậy. Và ta đã quên bằng mất. Chính hương vị của thứ đồ ngọt đã đem nó trở lại - ta nghĩ đó là bánh marzipan - loại bánh hoặc kẹo hạnh nhân ngọt lịm ấy,” bà giải thích với một Lyra đang tỏ ra bối rối.

Lyra thốt lên: “A! Bánh marchpane!” rồi thoải mái ngồi xuống lắng nghe chuyện xảy ra tiếp theo.

“Nói chung...” Mary nói tiếp “... ta vẫn nhớ hương vị đó, và ngay lập tức ta đã quay trở lại, được nếm nó lần đầu tiên khi còn là một cô bé.

“Lúc đó ta mười hai tuổi. Ta đang dự tiệc tại nhà một người bạn của mình, một bữa tiệc sinh nhật, ở đây có một phòng nhảy disco - là nơi người ta chơi nhạc trên một dạng máy ghi âm và mọi người nhảy múa,” bà giải thích khi thấy vẻ lúng túng của Lyra. “Thông thường bọn con gái nhảy với nhau vì đám con trai quá ngượng ngùng để mời họ. Nhưng cậu bé này - ta không biết cậu ấy - đã mời ta nhảy, vậy là chúng ta nhảy điệu đầu tiên, rồi điệu kế tiếp và đến lúc đó thì chúng ta đã nói chuyện... Mà các cháu biết cảm giác khi thích một ai đó thế nào rồi đấy, ta sẽ biết ngay; ừ, ta đã rất thích cậu ấy. chúng ta cứ tiếp tục nói chuyện cho đến khi bánh sinh nhật được mang ra. Cậu ấy lấy một miếng bánh marzipan rồi cứ thế nhẹ nhàng đặt lên miệng ta - ta nhớ mình đã gượng cười trong lúc đỏ chín mặt và cảm thấy thật ngốc nghếch - ta đã phải lòng cậu ấy chỉ vì điều đó, vì cái cách cậu ấy dịu dàng chạm vào môi ta bằng miếng bánh marzipan.”

Khi nghe Mary nói như vậy, Lyra cảm thấy một điều kì lạ xảy ra với cơ thể mình. Cô cảm thấy một sự kích thích tại chân tóc: Cô thấy mình thờ gấp hơn. Cô chưa từng đi tàu lượn cao tốc hay thứ gì tương tự, nhưng nếu đã từng, cô hẳn sẽ nhận ra sự xúc động trong lồng ngực: Nó vừa thích thú vừa đáng sợ, mà cô lại chẳng hề biết tại sao. Sự xúc động đó vẫn tiếp diễn, sâu sắc hơn, rồi thay đổi, khi càng lúc càng có nhiều phần cơ thể cô bị ảnh hưởng. Cô có cảm giác như mình vừa được trao cho chiếc chìa khóa vào một căn nhà vĩ đại mà cô không hề biết nó có ở đó, một căn nhà bằng cách nào đó lại ở bên trong cô, rồi khi xoay chìa, từ tận sâu trong bóng tối của tòa nhà, cô cảm thấy những cánh cửa khác cũng đang mở ra, và ánh sáng tràn vào. Cô ngồi run rẩy, ôm lấy hai đầu gối, gần như không dám thở, khi Mary nói tiếp:

“Ta nghĩ là tại bữa tiệc đó, hoặc có thể là một bữa tiệc khác, chúng ta đã hôn nhau lần đầu tiên. Đó là ở trong vườn, với tiếng nhạc vọng ra từ trong nhà, sự tĩnh lặng và mát mẻ giữa những thân cây, và ta đang *nhức nhối* - cả người ta *nhức nhối* vì cậu ấy, ta có thể đoán được cậu ấy cũng cảm thấy tương tự - cả hai chúng ta dường như quá ngượng ngùng để có thể cử động. Dường như thôi. Nhưng một trong hai chúng ta đã làm được và rồi không hề có khoảng nghỉ nào ở giữa - nó giống như một bước nhảy lượng tử, *đột*

nhiên - chúng ta đang hôn nhau và ôi, còn hơn cả Trung Hoa, đó là thiên đường.

“Chúng ta gặp nhau khoảng năm, sáu lần, không hơn. Sau đó bố mẹ cậu ấy chuyển đi và ta không bao giờ gặp lại cậu ấy nữa. Thật là một khoảng thời gian ngọt ngào, quá ngắn ngủi... Nhưng nó đã tồn tại. Ta đã biết. Ta đã từng đến Trung Hoa.”

Đó là điều kì quặc nhất: Lyra hiểu chính xác điều bà muốn nói, nhưng nửa tiếng trước thì cô hoàn toàn chẳng có chút khái niệm nào. Bên trong cô, căn nhà trắng lệt với tất cả các cánh cửa mở sẵn và tất cả các phòng đã được thấp sáng đang chờ đợi, lặng yên, mong ngóng.

“Và vào chín giờ rưỡi tối tại chiếc bàn trong nhà hàng ở Bồ Đào Nha ấy,” Mary nói tiếp, gần như không để ý đến sự xúc động thầm lặng đang diễn ra bên trong Lyra, “có ai đó đã cho ta một miếng bánh marzipan và mọi thứ lại ủa về. Ta đã nghĩ: Mình thật sự sẽ đi hết phần còn lại của cuộc đời mà không bao giờ cảm nhận lại điều đó nữa sao? Ta nghĩ: Mình *muốn* tới Trung Hoa. Nơi đó tràn ngập những báu vật, sự lạ lùng, bí ẩn và vui thú. Ta nghĩ, liệu có ai được lợi gì nếu mình đi thẳng về khách sạn để cầu nguyện, xưng tội với linh mục và hứa sẽ không bao giờ vướng vào cám dỗ nữa hay không? Liệu có ai được hơn gì khi làm mình khổ sở hay không?

“Và câu trả lời đáp lại - không. Chẳng có ai cả. Chẳng có ai buồn phiền, chẳng có ai kết án, chẳng có ai chúc phúc cho ta vì đã là một cô gái ngoan, chẳng ai trừng phạt ta vì ta xấu xa cả. Thiên đường là một nơi trống rỗng. Ta không biết là Chúa đã chết, hay hoàn toàn chưa từng có một vị Chúa nào tồn tại cả. Dù thế nào thì ta cũng thấy tự do và cô đơn, ta cũng không biết liệu mình đang hạnh phúc hay bất hạnh, nhưng một điều rất lạ lùng đã xảy ra. Và toàn bộ sự biến động to lớn đó đã xảy đến khi ta ngậm miếng bánh trong miệng, thậm chí cả trước khi nuốt nó. Một hương vị - một kí ức - một sự lở đất...

“Sau khi đã nuốt miếng bánh và nhìn người đàn ông phía bên kia bàn, ta có thể nói rằng ông ấy biết có chuyện đã xảy ra. Ta đã không thể nói với ông ấy ngay lúc đó, tại nơi đó; mọi chuyện gần như vẫn còn quá lạ lùng và

riêng tư với ta. Nhưng sau đó chúng ta đi tản bộ trên bờ biển trong bóng đêm, ngọn gió đêm ẩm áp không ngừng vờn lấy tóc ta, Đại Tây Dương lại đang cư xử rất phải phép - những con sóng nhỏ lặng lẽ ôm lấy bàn chân chúng ta...

“Vậy là ta tháo cây thánh giá trên cổ mình ra rồi ném nó xuống biển. Thế là hết. Tất cả đã kết thúc. Xong.

“Đó là cách mà ta đã không làm tu sĩ nữa,” bà nói.

“Người đàn ông đó có phải chính là người đã khám phá về những hộp sọ không?” Lyra hăm hở hỏi.

“Ồ - không. Người tìm hiểu hộp sọ là Tiến sĩ Payne, Oliver Payne. Ông ta xuất hiện sau đó rất lâu. Không, người đàn ông tại hội thảo tên là Alfredo Montale. Ông ấy rất khác biệt.”

“Bà có hôn ông ấy không?”

“À,” Mary mỉm cười, “có, nhưng không phải lúc đó.”

“Rời khỏi Giáo hội có khó khăn không?” Will hỏi.

“Theo một phương diện thì có, vì mọi người đều rất thất vọng. Tất cả mọi người, từ Sơ Bề Trên tới các linh mục và cha mẹ ta - họ đều rất khó chịu và thấy nhục nhã... Ta có cảm giác như một thứ mà tất cả *bọn họ* đều thiết tha tin tưởng phụ thuộc vào việc *ta* tiếp tục với một thứ mà mình không hề tin.

“Nhưng một mặt khác thì cũng khá dễ dàng, vì nó hợp lí. Lần đầu tiên ta từng cảm thấy mình đang làm một việc với toàn bộ bản tính của mình chứ không phải chỉ là một phần trong đó. Vậy nên chuyện đó khiến ta thấy cô đơn trong một thời gian, nhưng rồi ta đã làm quen với nó.”

“Bà có lấy ông ấy không?” Lyra hỏi.

“Không. Ta không lấy ai cả. Ta sống với một người - không phải Alfredo, một người khác. Ta đã sống với ông ấy gần bốn năm. Luân thường đạo lí của gia đình ta đã bị xúc phạm. Nhưng rồi chúng ta quyết định mình sẽ hạnh phúc hơn nếu không sống chung. Nên ta lại ở một mình. Người đàn ông ta đã sống cùng thích leo núi, ông ấy đã dạy ta cách leo, rồi ta bước vào

những ngọn núi và... Và ta có được công việc của mình. À, ta *từng* có được công việc của mình. Vậy là ta đơn độc nhưng hạnh phúc, nếu các cháu hiểu ý ta.”

“Cậu bé kia tên là gì vậy?” Lyra hỏi. “Ở bữa tiệc ấy?”

“Tim.”

“Trông cậu ấy thế nào?”

“Ồ... Dễ nhìn. Đó là tất cả những gì ta nhớ được.”

“Khi cháu lần đầu gặp bà tại Oxford của bà,” Lyra nói, “bà đã nói rằng một trong những lí do bà trở thành nhà khoa học là vì bà sẽ không phải suy nghĩ về thiện và ác. Bà có nghĩ về chúng hồi còn là tu sĩ không?”

“Ừm. Không. Nhưng ta biết mình *nên* suy nghĩ: Đó là thứ mà Giáo hội đã dạy ta phải suy nghĩ. Nhưng khi làm khoa học, ta phải nghĩ về những thứ hoàn toàn khác. Nên ta chưa bao giờ phải tự nghĩ về chúng cả.”

“Nhưng giờ thì sao?” Will hỏi.

“Ta nghĩ mình *buộc* phải làm vậy,” Mary cố gắng nói chính xác.

“Khi bà ngừng tin vào Chúa,” cậu nói tiếp, “bà có ngừng tin vào thiện và ác không?”

“Không. Nhưng ta đã ngừng tin rằng có một sức mạnh của cái thiện và sức mạnh của cái ác nằm ngoài chúng ta. Và ta bắt đầu tin rằng thiện và ác là những cái tên dành cho những gì con người làm, không phải để chỉ bản chất của họ. Tất cả những gì chúng ta có thể nói là đây là việc tốt vì nó giúp đỡ ai đó, hoặc đó là việc xấu vì nó làm tổn hại người ta. Con người quá phức tạp để có thể gán những cái mác giản đơn.”

“Phải,” Lyra nói chắc nịch.

“Bà có nhớ Chúa không?” Will hỏi.

“Có,” Mary đáp, “cực kì. Ta vẫn nhớ lắm. Điều mà ta nhớ nhất là cảm giác được kết nối với toàn bộ vũ trụ. Ta từng cảm thấy mình liên kết với Chúa như vậy, và bởi vì Ngài ở đó nên ta cũng được liên kết với toàn bộ tạo vật của Ngài. Nhưng nếu ngài không có ở đó thì...”

Tít ngoài xa trên vùng đầm lầy, một con chim cất tiếng bằng chuỗi âm trầm dài đầy u sầu. Than hồng sụp xuống trong đồng lửa; cỏ khế rung rinh trong gió đêm. Atal có vẻ như đang gà gât giống một chú mèo, các bánh xe nằm bẹp trên nền cỏ bên cạnh, chân cô gập xuống bên dưới cơ thể, mắt nhắm hờ, sự chú ý nửa ở đó nửa lại ở chỗ khác. Will đang nằm ngửa, mắt mở to đón ánh sao.

Còn về Lyra, cô bé không nhúc nhích lấy một sợi cơ kể từ khi điều lạ lùng đó xảy ra, cô giữ kìm nén về những xúc cảm đó bên trong mình như một bình chứa mỏng manh đầy ngập những kiến thức mới mẻ, thứ mà cô gần như không dám chạm vào vì sợ sẽ làm sánh ra mất. Cô không biết nó là gì, mang ý nghĩa gì, hay nó tới từ đâu: Vì vậy cô ngồi yên, ôm lấy hai đầu gối, cố gắng kìm bản thân run lên vì kích động. *Sớm thôi, cô nghĩ, mình sẽ biết sớm thôi. Sẽ rất sớm thôi.*

Mary đã mệt mỏi: Bà đã kể hết mọi chuyện. Chắc hẳn ngày mai bà sẽ nghĩ được thêm nữa.

Giờ thì có rồi

Cho tất cả chiêm ngưỡng

Thế giới, nơi mọi hạt bụi đều thở ra niềm vui sướng.

William Blake

Mary không ngủ nổi. Cứ mỗi lần bà nhắm mắt, lại có thứ gì đó khiến bà chao đảo như thể đang đứng trên miệng vách đá, và bà bật tỉnh dậy, người căng lên vì sợ.

Chuyện đó xảy ra ba, bốn, năm lần, cho tới khi bà nhận ra rằng giấc ngủ sẽ không đến; vậy là bà đứng dậy, lặng lẽ mặc đồ rồi bước ra khỏi nhà, rời xa khỏi thân cây với các cành đan lại như một cái lều có Will và Lyra đang ngủ dưới đó.

Mặt trăng rực rỡ đã lên cao trên bầu trời. Gió thổi lồng lộng, phong cảnh hùng vĩ lốm đốm những bóng mây, di chuyển, Mary nghĩ, như cuộc di cư của đàn thú khó tưởng tượng nào đó. Nhưng động vật thì di cư có mục đích; khi thấy một đàn tuần lộc đi ngang qua vùng lãnh nguyên, hay linh dương đầu bò đi qua đồng cỏ xavan, ta biết rằng chúng đang di chuyển tới nơi có thức ăn, hoặc tới những địa điểm thuận lợi cho giao phối và sinh con. Chuyển động của chúng có ý nghĩa. Những đám mây này đang di chuyển do kết quả của sự tình cờ thuần túy do hiệu ứng của những sự kiện hoàn toàn ngẫu nhiên tại cấp độ nguyên tử và phân tử; bóng của chúng trải rộng trên miền đồng cỏ chẳng mang một ý nghĩa nào cả.

Thế nhưng trông chúng vẫn như thể là có ý nghĩa vậy. Trông chúng căng thẳng và quyết liệt vì một mục đích nào đó. Cả buổi đêm đều có cảm giác như thế. Mary cũng nhận thấy điều đó, chỉ có điều bà không biết được mục đích đó là gì. Nhưng không như bà, mây trời dường như biết mình đang làm gì và lí do tại sao, gió cũng biết, và cỏ cũng biết. Cả thế giới đang sống và đầy tình tảo.

Mary trèo lên dốc rồi ngoái lại nhìn vùng đầm lầy, nơi đợt nước triều đang dâng viền một dải bạc lộng lẫy qua bóng tối lấp lánh của những thềm bùn và luống sậy. Bóng của những đám mây hiện lên rất rõ dưới đó: Trông chúng như thể đang trốn chạy khỏi một thứ đáng sợ nào đó phía sau, hay vội vã để tới ôm lấy một thứ tuyệt diệu phía trước. Nhưng đó là gì thì Mary sẽ không bao giờ biết.

Bà quay về phía khoảnh rừng nơi có thân cây bà hay trèo lên. Nó ở cách đó hai mươi phút đi bộ; bà có thể thấy nó rõ mồn một, sừng sững vươn cao và hất cái đầu khổng lồ của mình trong cuộc đối thoại với cơn gió hồi hả. Chúng có thứ để nói, nhưng bà lại không thể nghe được.

Bà vội vã tiến về phía nó, xốn xang bởi sự phấn khích của đêm khuya, và khao khát được hòa nhập vào đó. Đây chính là điều mà bà đã nói với Will khi cậu hỏi liệu bà có nhớ Chúa hay không: Chính là cảm giác rằng cả vũ trụ đang sống, và rằng vạn vật được gắn kết với tất cả những thứ khác bởi những sợi chỉ của ý nghĩa. Khi còn là một tín đồ Cơ Đốc, bà cũng đã cảm thấy được gắn kết; nhưng khi rời khỏi Giáo hội, bà lại thấy phóng túng, tự do và nhẹ nhõm, trong một vũ trụ không có mục đích.

Sau đó tới sự khám phá ra các hạt Bóng và cuộc hành trình của bà vào một thế giới khác, rồi bây giờ là buổi đêm sống động này, rõ ràng là mọi thứ đang náo nức với mục đích và ý nghĩa, nhưng bà đã bị chia cắt khỏi nó. Nhưng việc tìm thấy một mối gắn kết là điều không tưởng, vì chẳng có Chúa nào cả.

Nửa hân hoan, nửa tuyệt vọng, bà quyết định trèo lên cái cây của mình và một lần nữa thử chìm đắm trong Bụi.

Nhưng chưa đi được nửa đường tới khoảnh rừng thì bà nghe thấy một âm thanh khác lạ giữa tiếng lá quất vun vút và tiếng gió cuồn cuộn thổi qua cỏ. Có thứ gì đó đang rên rỉ, một nốt trầm trầm, ảm đạm như của đại phong cầm. Nhưng trên đó là tiếng răng rắc - tiếng bẻ, gãy, tiếng la hét của gỗ đè lên gỗ.

Chắc chắn không thể là cái cây của bà đâu nhỉ?

Bà đứng lại tại chỗ giữa vùng đồng cỏ bạt ngàn, để cho gió tạt lên mặt, bóng mây trôi qua vùn vụt, những ngọn cỏ cao quất lên đui, và ngẩng nhìn vòm rừng. Những cành lớn rên rỉ, cành non gãy gập, những thanh xà đồ sộ làm từ gỗ vừa đốn gãy đôi như mấy que củi khô và rơi xuống tít tận dưới đất, rồi đến chính ngọn cây - ngọn của cái cây mà bà đã biết quá rõ - nghiêng ngả rồi dần dần bắt đầu đổ xuống.

Từng thớ gỗ trong thân, vỏ, rễ, dường như đang lần lượt gào lên trước sự ám sát này. Nhưng nó vẫn cứ đổ, đổ mãi, cả chiều dài khổng lồ của nó đập thẳng ra khỏi rừng cây và dường như nghiêng về phía Mary trước khi nện xuống mặt đất như một cơn sóng xô lên đê chắn; thân cây vĩ đại nảy bật lên đôi chút rồi cuối cùng cũng nằm im lìm, với một tiếng rên của gỗ bị nứt toác.

Bà chạy lên để chạm vào đám lá vẫn đang lay động. Kia là cuộn dây của bà; kia là đồng tàn tích vỡ vụn từ bụi quan sát của bà. Tim bà thành thịch đập đầy đau đớn, bà trèo vào giữa những cành đổ, nhảy qua những nhánh cây quen thuộc ở góc độ không hề quen thuộc chút nào, và cố giữ thăng bằng ở trên cao nhất mà bà có thể lên tới.

Bà tì lên một cành cây rồi lấy ống nhòm ra. Qua đó bà thấy hai chuyển động khá khác biệt trên bầu trời.

Một chuyển động là của những đám mây, bị tạt ngang qua mặt trăng về một hướng, và cái còn lại là dòng chảy của Bụi, dường như đang trôi qua đó theo một hướng khá khác biệt.

Trong hai dòng chuyển động đó, Bụi đang trôi đi nhanh hơn và với thể tích lớn hơn nhiều. Trên thực tế, cả bầu trời dường như đang trôi cùng với

nó, một cơn lũ khổng lồ không thể lay chuyển đang đổ dồn ra khỏi thế giới, ra khỏi mọi thế giới, vào một miền trống rỗng tận cùng.

Thật từ tốn, như thể chúng đang tự di chuyển trong tâm trí bà, mọi thứ bắt đầu khớp lại với nhau.

Will và Lyra đã nói rằng con dao kì ảo ít nhất đã ba trăm năm tuổi. Ông già trong tòa tháp đã nói vậy với chúng.

Những người mulefa nói với bà rằng sraf, thứ vẫn đang nuôi dưỡng cuộc sống và thế giới của họ trong ba mươi ba nghìn năm, chỉ mới bắt đầu suy yếu hơn ba trăm năm về trước.

Theo như Will nói, Hội Torre degli Angeli, những người sở hữu con dao kì ảo, đã hành động bất cẩn; không phải lúc nào họ cũng đóng những ô cửa sổ mà mình đã mở ra. Phải, xét cho cùng thì Mary đã tìm thấy một cái, chắc hẳn sẽ còn nhiều cái khác nữa.

Giả sử rằng suốt thời gian qua, từng chút một, Bụi đang rỉ ra từ những vết thương mà con dao kì ảo đã tạo ra trong tự nhiên...

Bà cảm thấy choáng váng, và đó không phải chỉ là sự đung đưa, nâng cao rồi lại hạ thấp của những cành cây mà bà đang đứng kẹp giữa. Bà cẩn thận rút ống nhòm vào túi áo rồi ngoác tay lên cành cây trước mặt, chăm chú nhìn lên bầu trời, mặt trăng, những đám mây kéo dài thẳng tắp.

Con dao kì ảo chịu trách nhiệm về sự rò rỉ ở phạm vi nhỏ, mức độ thấp. Nó tàn phá, vũ trụ đang chịu thiệt hại bởi điều đó, và bà phải nói chuyện với Will và Lyra để tìm ra một cách ngăn chặn.

Nhưng cơn lũ bạt ngàn trên bầu trời lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Nó mới xuất hiện, và là một thảm họa. Và nếu nó không ngừng lại, toàn bộ sự sống có ý thức sẽ đi đến hồi kết. Như người mulefa đã cho bà thấy, Bụi được hình thành khi những sinh vật sống nhận thức được về bản thân; nhưng nó cần một hệ thống phản hồi để củng cố và khiến nó an toàn, giống như người mulefa có được bánh xe và dầu từ đám cây. Thiếu đi những thứ như thế, tất cả sẽ tan biến. Suy nghĩ, tưởng tượng, cảm xúc, đều sẽ héo mòn và tan tác, chẳng để lại thứ gì ngoài một sự máy móc tàn bạo; và cái giai đoạn

ngắn ngủi khi sự sống có ý thức được về bản thân sẽ phụt tắt như một ngọn nến tại toàn bộ hàng tỉ thế giới nơi nó đã từng cháy sáng rực rỡ.

Mary cảm thấy gánh nặng của điều đó một cách dữ dội. Cảm giác như tuổi tác vậy. Bà thấy như mình đã tám mươi tuổi, hao mòn, mệt mỏi và khao khát được chết.

Bà nặng nề trèo khỏi đám cành lá của thân cây đổ khổng lồ. Với gió vẫn cuồn cuộn rít qua đám lá, những ngọn cỏ và mái tóc mình, bà lên đường trở về làng.

Tại đỉnh dốc, bà nhìn lại dòng Bụi lần cuối, với mây và gió thổi ngang qua nó và mặt trăng vầng vàng đứng giữa dòng.

Và rồi cuối cùng bà cũng thấy được chúng đang làm gì: Bà đã thấy cái mục đích khẩn cấp vĩ đại đó là gì.

Chúng đang cố gắng kìm dòng Bụi lại. Chúng đang gồng mình tạo ra những rào chắn trước dòng chảy khủng khiếp: gió, trăng, mây, lá, cỏ, tất cả những thứ đẹp để đó đang gào thét và lao mình vào cuộc đấu tranh để giữ lại các hạt Bóng trong vũ trụ này, nơi chúng đã làm màu mỡ thêm rất nhiều.

Vật chất *yêu* Bụi. Nó không muốn nhìn thấy Bụi bỏ đi. Đó chính là ý nghĩa của đêm hôm nay, và cũng là ý nghĩa của Mary nữa.

Chẳng phải bà đã cho rằng chẳng có ý nghĩa gì trong cuộc sống, chẳng có mục đích gì khi Chúa đã biến mất sao? Phải, bà đã nghĩ vậy.

“Chà, giờ thì có rồi,” bà nói lớn, rồi lại lớn hơn nữa: “Giờ thì có rồi!”

Khi bà nhìn lại lên những áng mây và vầng trăng trong dòng chảy Bụi, trông chúng mỏng manh và bi đát như một con đập làm từ những cành non nhỏ xíu và sỏi đá li ti cố gắng chặn dòng Mississippi lại. Nhưng dù thế nào thì chúng cũng đang cố gắng. Chúng sẽ vẫn tiếp tục gồng mình cho tới tận thế của vạn vật.

Mary không biết mình đã ở ngoài bao lâu rồi. Khi sự dữ dội trong cảm xúc của bà bắt đầu dịu dần, để mặc cho cơn kiệt sức choán chỗ, bà chậm chạp bước xuống đồi về phía ngôi làng.

Khi đã xuống được nửa đường, gần một khoảnh rừng nhỏ của những bụi gỗ mấu, bà thấy một thứ kì lạ trên những thềm bùn. Có thứ gì đó màu trắng phát sáng, chuyển động đều đặn: Một thứ đang lên cùng với nước triều.

Bà đứng yên, chăm chú quan sát. Không thể nào là tualapi được; vì chúng luôn luôn đi thành bầy, còn cái thứ này lại chỉ có một mình; nhưng mọi thứ về nó lại giống hệt - những đôi cánh như buồm giương, cái cổ dài - đó là một trong những con chim, không nghi ngờ gì nữa. Bà chưa từng nghe tới chuyện chúng đi lại lung tung một mình, và lưỡng lự trước khi chạy xuống để cảnh báo cho dân làng, vì dù thế nào thì cái thứ đó cũng đã dừng lại. Nó đang bồng bênh nổi trên mặt nước gần đường đi.

Nó đang tách rời ra... Không, có thứ gì đó đang xuống khỏi lưng nó.

Cái thứ gì đó là một người đàn ông.

Bà có thể thấy hẳn khá rõ dù ở khoảng cách đó; ánh trăng đang chiếu rọi rực rỡ, và mắt bà cũng đã điều tiết được. Bà nhìn qua ống nhòm và mọi thứ rõ rệt đến không thể chối cãi: Đó là một bóng người, lấp lánh đầy Bụi xung quanh.

Hắn đang cầm theo một thứ gì đó, một dạng gậy dài. Hắn bước theo lối đi nhanh chóng và thoải mái, không phải chạy mà là di chuyển như một vận động viên hoặc một thợ săn. Hắn khoác một bộ quần áo tối màu giản dị mà lẽ ra thông thường sẽ che giấu được bản thân khá tốt; nhưng qua ống nhòm, hắn hiện ra như thể đang đứng dưới ánh đèn sân khấu vậy.

Khi hẳn tới gần ngôi làng hơn, bà nhận ra cái gậy đó là gì. Hắn đang cầm theo một khẩu súng trường.

Bà cảm thấy như có ai đó vừa mới đổ nước lạnh lên trái tim mình vậy. Từng sợi lông riêng biệt trên da thịt bà dựng đứng lên.

Bà đang ở quá xa để có thể làm bất cứ điều gì: Kể cả có hét toáng lên thì hẳn cũng sẽ chẳng nghe được. Bà phải đứng nhìn khi hắn bước vào làng, nhìn trái nhìn phải, cứ một lúc lại dừng để nghe ngóng, đi từ nhà này sang nhà kia.

Tâm trí Mary có cảm giác như mặt trăng và những đám mây đang cố gắng kìm lại dòng Bụi khi bà thầm hét lên: *Đừng có nhìn xuống dưới cái cây - tránh xa khỏi cái cây đi...*

Nhưng càng lúc hăn càng tiến lại gần nó, cuối cùng hăn dừng lại bên ngoài ngôi nhà của chính bà. Bà không thể chịu được nữa; bà rút ống nhòm vào lại trong túi rồi bắt đầu chạy xuống dốc. Đang định hét lên, bất cứ thứ gì, một tiếng kêu điên cuồng, thì vừa kịp lúc, bà nhận ra rằng nó có thể sẽ đánh thức Will và Lyra dậy, khiến chúng bị lộ mặt, nên đã cố nén lại.

Rồi, do không thể chịu được việc không biết gã đàn ông định làm gì, bà ngừng chạy và lại sờ soạng tìm chiếc ống nhòm, bà phải đứng im trong lúc nhìn qua.

Hăn đang mở cửa vào nhà bà. Hăn sắp vào bên trong. Hăn biến mất khỏi tầm nhìn, dù cho có một sự khuấy động trong đám Bụi mà hăn để lại phía sau, như một làn khói bị bàn tay gạt ngang qua. Mary chờ đợi trong một phút dài bất tận, và rồi hăn xuất hiện trở lại.

Hăn đứng nơi ngưỡng cửa nhà bà, chậm chậm nhìn quanh từ trái sang phải, rồi ánh nhìn của hăn quét qua thân cây.

Rồi hăn bước khỏi khung cửa và đứng im, gần như đang bối rối. Đột nhiên Mary ý thức được rằng mình đang lộ liễu đến chừng nào trên sườn đồi trơ trọi, chỉ cách một tầm bắn súng dễ dàng, nhưng hăn ta chỉ hứng thú với ngôi làng; rồi khi một phút nữa hay gì đó trôi qua, hăn quay đầu và lặng lẽ bước đi.

Bà dõi theo từng bước hăn đi xuống con đường bên sông, nhìn thấy khá rõ cái cách mà hăn trèo lên lưng con chim rồi ngồi khoanh chân khi nó quay đầu lướt đi. Năm phút sau họ đã khuất khỏi tầm nhìn.

Qua những ngọn đồi và xa hơn thế

Ngày sinh nhật của đời tôi

Đang đến, tình yêu của tôi đang đến với tôi.

Christina Rossetti

“Tiến sĩ Malone,” Lyra nói vào buổi sáng, “Will và cháu phải đi kiểm linh thú của mình đây. Khi tìm thấy chúng, bọn cháu sẽ biết phải làm gì. Nhưng bọn cháu không thể thiếu chúng lâu hơn được nữa. Vậy nên bọn cháu muốn đi tìm.”

“Các cháu sẽ đi đâu?” Mary hỏi, mắt nặng trĩu còn đầu đau nhức sau một đêm không yên. Bà và Lyra đang đứng trên bờ sông, Lyra thì tắm rửa, còn Mary thì nhìn quanh, một cách bí mật, tìm kiếm dấu chân của gã đàn ông. Cho đến giờ bà chưa thấy được cái nào.

“Chẳng rõ nữa,” Lyra nói. “Nhưng chúng đang ở đâu đó ngoài kia. Ngay khi bọn cháu thoát khỏi cuộc chiến, chúng liền chạy biến mất như thể không còn tin tưởng bọn cháu nữa vậy. Mà cháu cũng chẳng thể trách chúng được. Nhưng bọn cháu biết rằng chúng đang ở trong thế giới này, và có lẽ bọn cháu đã thấy chúng vài lần, nên chắc là bọn cháu có thể tìm được chúng thôi.”

“Nghe này,” Mary miễn cưỡng nói, rồi kể cho Lyra nghe điều mình đã chứng kiến vào đêm hôm trước.

Trong lúc bà nói, Will tới nhập hội, rồi cả cậu và Lyra đều lắng nghe, tròn mắt và nghiêm nghị.

“Ông ta có thể chỉ là một lữ khách đã tìm thấy một ô cửa sổ và thơ thần đi qua từ một nơi nào đó khác,” Lyra nhận xét khi Mary nói xong. Một cách riêng tư, cô bé có những thứ khác phải suy nghĩ, và người đàn ông này không thú vị bằng chúng. “Như bố của Will đã làm,” cô nói tiếp. “Bây giờ chắc chắn đã có đủ kiểu lối thông rồi. Dù sao thì, nếu ông ta chỉ xuất hiện rồi bỏ đi, ông ta không thể dự tính làm điều gì xấu xa, đúng không?”

“Ta không biết. Ta không thích điều đó. Ta rất lo về việc hai cháu một mình lên đường - hoặc là ta sẽ lo nếu không biết rằng các cháu đã làm những việc còn nguy hiểm hơn thế nhiều. Ôi, ta không biết nữa. Nhưng hãy cẩn thận nhé. Nhớ quan sát xung quanh. Ít nhất ở trên vùng đồng cỏ, các cháu có thể thấy nếu có ai đó tới từ xa...”

“Nếu thấy, chúng cháu có thể lập tức chạy trốn sang một thế giới khác, nên hẳn sẽ không thể làm hại chúng cháu được,” Will nói.

Chúng đã quyết tâm lên đường, và Mary cũng không muốn tranh cãi.

“Ít nhất,” bà nói, “hãy hứa là các cháu sẽ không đi vào giữa đám cây. Nếu người đàn ông đó vẫn còn lảng vảng quanh đây, hẳn có thể sẽ ẩn náu trong một khu rừng và các cháu sẽ không kịp thời thấy được hẳn để mà chạy trốn đâu.”

“Chúng cháu hứa,” Lyra nói.

“Được rồi, ta sẽ chuẩn bị ít đồ ăn phòng trường hợp các cháu phải đi cả ngày.”

Mary lấy vài miếng bánh mì dẹt, pho mát và các quả đỏ ngọt lịm để giải khát, bọc chúng trong một lớp vải, rồi thắt dây vòng quanh để một trong hai đứa khoác lên vai.

“Đi sẵn thuận lợi nhé,” bà nói khi chúng lên đường. “Cẩn thận đó.”

Bà vẫn đang lo lắng. Bà đứng dõi theo chúng tới tận chân con dốc.

“Không hiểu sao bà ấy buồn thế nhỉ,” Will nói khi cậu và Lyra trèo lên con đường tới dãy đồi.

“Có lẽ bà ấy đang tự hỏi liệu mình có bao giờ được trở về nhà không,” Lyra nói. “Và liệu phòng thí nghiệm có còn là của mình khi bà quay về không. Mà có khi bà ấy buồn vì người đàn ông mình đã yêu.”

“Ừm,” Will nói. “Cậu có nghĩ *bọn mình* sẽ về được nhà không?”

“Chịu. Đẳng nào thì tớ cũng không cho là mình có nhà mà về. Có lẽ người ta chẳng nhận tớ vào Học viện Jordan nữa, mà tớ không thể sống với bầy gấu hay các phù thủy được. Có lẽ tớ có thể sống với những người dân du mục. Nếu họ chịu nhận tớ thì tớ cũng sẽ không phản đối.”

“Vậy còn thế giới của Ngài Asriel thì sao? Cậu không muốn sống ở đó à?”

“Hãy nhớ là nó sẽ sụp đổ đó,” cô nói.

“Tại sao?”

“Vì điều mà hồn ma của bố cậu đã nói ngay trước khi chúng ta thoát ra. Về các linh thú, và về việc chúng chỉ có thể sống thọ nếu ở trong thế giới của chính mình. Nhưng có lẽ Ngài Asriel, ý tớ là cha tớ, chẳng thể nghĩ tới điều đó, vì chẳng có ai biết đủ rõ về các thế giới khác trước khi ông ấy bắt đầu... Toàn bộ điều đó,” cô bé tư lự nói, “toàn bộ sự can đảm và kĩ năng đó... Tất cả đều lãng phí! Tất cả đều vô ích!”

Chúng tiếp tục trèo, thấy cuộc hành trình khá thoải mái trên con đường đá, rồi khi lên tới đỉnh dãy đồi, chúng dừng chân và ngoái lại nhìn.

“Will,” cô nói, “giả sử chúng ta *không* tìm thấy chúng thì sao?”

“Tớ chắc chắn là ta sẽ tìm thấy. Điều tớ đang thắc mắc là linh thú của mình trông như thế nào.”

“Cậu đã thấy nó mà. Tớ còn bế nó nữa,” Lyra nói, đỏ mặt, vì đương nhiên đó là một sự xâm phạm thô bạo về cách cư xử khi chạm vào một thứ riêng tư như linh thú của người khác. Nó bị cấm không chỉ bởi phép lịch sự, mà còn bởi một thứ sâu sắc hơn thế - một thứ như sự nhục nhã. Một cái liếc vội về phía đôi má nóng bừng của Will cho thấy rằng cậu cũng hiểu điều đó rõ như cô vậy. Cô không thể đoán được liệu cậu có nhận thấy cái cảm giác

nửa sợ hãi, nửa phấn khích đó như cô thấy hay không, cái cảm giác đã bao trùm lấy cô vào đêm hôm trước: Giờ nó lại quay trở về.

Chúng tiếp tục đi bên nhau, đột nhiên thấy ngưỡng ngừng với người còn lại. Nhưng Will, không để cho sự ngưỡng ngừng cản đường, lên tiếng: “Khi nào thì linh thú ngừng biến đổi hình dạng?”

“Khoảng... tớ đoán là khoảng cỡ tuổi bọn mình, hoặc là lớn hơn một chút. Hoặc đôi khi lại hơn nữa. Chúng tớ thường nói về việc Pan định hình, cậu ấy và tớ. Chúng tớ thường thắc mắc không biết cậu ấy sẽ biến thành gì...”

“Không ai biết gì sao?”

“Khi còn bé thì không. Khi lớn lên, người ta sẽ bắt đầu suy nghĩ, kiểu như, chúng có thể là thế này hay có thể là thế kia... Và thông thường thì chúng sẽ kết thúc ở một dạng phù hợp. Ý tớ là một thứ như bản chất thật sự của ta vậy. Ví dụ như nếu linh thú của cậu là một chú chó thì điều đó có nghĩa là cậu thích làm những việc mà mình được bảo, biết ai là chủ, tuân theo mệnh lệnh, và làm hài lòng những người phụ trách. Rất nhiều người phục vụ có linh thú là chó. Nên việc đó giúp cho ta biết được mình là người như thế nào và tìm ra mình giỏi việc gì. Những người ở thế giới của cậu làm thế nào để biết được mình là người ra sao?”

“Tớ không biết nữa. Tớ không biết nhiều về thế giới của mình. Tất cả những gì tớ biết là giữ bí mật, yên lặng và ẩn trốn, nên tớ không biết nhiều về... những người lớn, và bạn bè. Hay người yêu. Tớ nghĩ sẽ rất khó khăn khi có một con linh thú vì mọi người sẽ biết được quá nhiều điều về ta chỉ nhờ một cái nhìn. Tớ thích giữ bí mật và không để bị phát hiện.”

“Vậy thì có thể linh thú của cậu sẽ là một loài động vật giỏi ẩn trốn. Hoặc một trong những loài động vật trông giống loài khác - một con bướm trông giống ong bắp cày, để cải trang. Hẳn là phải có những sinh vật như vậy trong thế giới của cậu chứ, vì chúng tớ có, mà chúng ta lại rất giống nhau.”

Chúng tiếp tục bước đi bên nhau trong sự im lặng thân thiện. Khắp nơi xung quanh chúng, buổi sáng mênh mông trong trẻo chiếu rọi rực rỡ giữa những thung lũng lòng chảo và mang màu xanh ngọc trong không khí ẩm áp

phía trên. Xa tí tới tận cùng tầm mắt, vùng đồng cỏ xavan bạt ngàn nhấp nhô, nâu, vàng óng, xanh da bò, lung linh về phía đường chân trời, và trống trải. Chúng có lẽ là những con người duy nhất trên thế giới này.

“Nhưng nó không thật sự trống không,” Lyra nói.

“Ý cậu là gã đàn ông đó?”

“Không. Cậu biết tớ muốn nói gì mà.”

“Ừ, tớ biết. Tớ có thể thấy bóng đổ trong cỏ... có lẽ là chim,” Will nói.

Cậu đang dõi theo những chuyển động vun vút hiện ra đây đó. Cậu nhận thấy rằng sẽ dễ dàng để nhìn thấy bóng hơn nếu cậu không nhìn vào chúng. Chúng sẵn lòng lộ diện tại khóe mắt của cậu hơn, và khi cậu nói vậy với Lyra, cô bèn nói: “Đó là năng lực tiêu cực.”

“Là cái gì thế?”

“Người đầu tiên nhắc tới nó là nhà thơ Keats. Tiến sĩ Malone biết đó. Đó là cách mà tớ đọc Chân Kế. Là cách mà cậu sử dụng con dao, không phải thế sao?”

“Ừ, có lẽ vậy. Nhưng tớ chỉ đang nghĩ chúng có thể là mấy con linh thú.”

“Tớ cũng vậy, nhưng...”

Cô bé đặt tay lên môi. Cậu gật đầu.

“Nhìn kia,” cậu nói, “một trong những thân cây đổ kia.”

Đó là cái cây Mary thường leo lên. Chúng cần trọng đi tới phía cái cây, để mắt tới khu rừng phòng trường hợp một cái cây khác đổ xuống. Trong buổi sáng yên bình, chỉ với một ngọn gió thoảng lay động lá cây, dường như một thứ vĩ đại như thế này không bao giờ có thể đổ được, nhưng nó lại đang ở đây.

Thân cây đồ sộ, được chống đỡ trong khu rừng bởi bộ rễ bị bật tung và vươn ra đồng cỏ nhờ số lượng cành cây khổng lồ, ở cao quá đầu chúng. Một vài cành cây, bị đè nát, có đường kính lớn như những cái cây to nhất mà Will từng nhìn thấy; ngọn cây, dày đặc cành lá và trông vẫn khỏe mạnh, lá

vẫn còn xanh mơn mớn, sừng sững như một cung điện đổ nát trong bầu không khí êm dịu.

Đột nhiên Lyra tóm lấy tay Will.

“Suýt,” cô bé thì thầm. “Đừng nhìn. Tớ dám chắc là chúng ở trên đó. Tớ thấy có thứ gì đó cử động, tớ *thề* rằng đó là Pan...”

Bàn tay cô thật ấm áp. Cậu ý thức được về điều đó nhiều hơn là về khối lượng cành lá khổng lồ phía trên chúng. Giả vờ nhìn mông lung về phía đường chân trời, cậu để cho tâm trí mình lang thang vào đồng hỗn độn màu lục, nâu và lam. Ở đó - cô bé nói đúng! - có một thứ gì đó *không* phải là cây. Và bên cạnh đó là một thứ khác.

“Đi thôi,” Will thì thào. “Chúng ta sẽ đi chỗ khác để xem chúng có đi theo không.”

“Giả sử chúng không... Nhưng mà được, đi thôi,” Lyra thì thầm đáp lại.

Chúng giả vờ nhìn quanh quất; đặt tay lên một trong những cành cây nằm trên mặt đất như thể đang tính trèo lên; chúng giả vờ đổi ý bằng cách lắc đầu rồi rời khỏi đó.

“Ước gì bọn mình có thể ngoái lại nhìn,” Lyra nói khi chúng đã đi được vài trăm mét.

“Cứ đi tiếp đi. Chúng có thể thấy bọn mình nên sẽ không lạc đâu. Chúng sẽ tới khi nào muốn.”

Hai đứa trẻ bước xuống khỏi con đường màu đen để vào bãi cỏ ngập đến đầu gối, đưa chân qua những nhánh cỏ, nhìn côn trùng lớn vờn đi lại, lao vút đi, rập rờn, bay là là, lắng nghe dàn đồng ca một triệu thứ tiếng riu rít và kèn kẹt kêu.

“Cậu định sẽ làm gì hả Will?” Lyra khẽ nói sau khi chúng đã đi được một đoạn trong im lặng.

“À, tớ phải về nhà,” cậu nói.

Thế nhưng cô lại cho rằng giọng cậu có vẻ không chắc chắn lắm. Cô hi vọng rằng giọng cậu không chắc chắn.

“Nhưng chúng có thể vẫn đuổi theo cậu,” cô nói. “Những gã đàn ông đó ấy.”

“Xét cho cùng thì bọn mình đã chứng kiến những thứ còn tồi tệ hơn chúng mà.”

“Ừ, có lẽ vậy... Nhưng tớ muốn cho cậu thấy Học viện Jordan, cả vùng Fens nữa. Tớ muốn chúng ta...”

“Phải,” cậu nói, “còn tớ muốn... Thậm chí quay trở lại Cittagazze cũng hay. Đó là một nơi xinh đẹp, và nếu lũ Quỷ hút hồn đã đi hết... Nhưng còn mẹ tớ. Tớ phải quay về để chăm sóc mẹ. Tớ đã bỏ mẹ lại với bà Cooper, việc đó chẳng công bằng chút nào với bất cứ ai trong bọn họ.”

“Nhưng sẽ không công bằng với *cậu* nếu cậu buộc phải làm thế.”

“Phải,” cậu nói, “nhưng đó là một kiểu không công bằng khác. Nó chỉ như một trận động đất hay một cơn mưa bão thôi. Có thể là không công bằng, nhưng chẳng trách được ai cả. Nhưng nếu tớ bỏ lại mẹ mình cho một người phụ nữ lớn tuổi mà bản thân bà ấy cũng không được khỏe cho lắm, thì đó lại là một kiểu không công bằng khác. Như thế là sai. Tớ phải về nhà thôi. Nhưng có lẽ sẽ khó mà trở lại như trước đây được. Có lẽ bây giờ bí mật đã bị bại lộ rồi. Tớ không nghĩ bà Cooper sẽ có thể chăm sóc được mẹ nếu mẹ tớ ở vào một trong những thời điểm mà bà sợ hãi mọi thứ. Nên có lẽ bà ấy phải nhờ ai đó giúp đỡ, và khi trở về, tớ sẽ buộc phải vào một kiểu tổ chức nào đó.”

“Ôi không! Kiểu như trại trẻ mồ côi ấy à?”

“Tớ nghĩ họ sẽ làm vậy. Nhưng tớ không biết nữa. Tớ sẽ ghét điều đó.”

“Cậu có thể chạy trốn nhờ con dao, Will ạ! Cậu có thể đến thế giới của tớ!”

“Tớ vẫn thuộc về chỗ đó, nơi tớ có thể ở bên mẹ mình. Khi lớn lên, tớ sẽ có thể chăm sóc bà hằn hoi trong nhà của chính mình. Lúc đó thì không ai có thể can thiệp được.”

“Cậu có nghĩ mình sẽ kết hôn không?”

Cậu im lặng trong một lúc lâu. Nhưng cô bé biết rằng cậu đang suy nghĩ.

“Tớ không nhìn xa được đến thế đâu,” cậu đáp. “Sẽ phải là một người hiểu được về... Tớ không nghĩ lại có bất cứ ai như vậy trong thế giới của mình. Cậu sẽ kết hôn chứ?”

“Tớ cũng thế,” cô đáp, giọng không được vững vàng cho lắm. “Không phải là một ai đó trong thế giới của tớ, tớ nghĩ vậy.”

Chúng chậm chậm tiến bước, đi vẫn vờ về phía đường chân trời. Chúng có toàn bộ thời gian trên thế giới, toàn bộ thời gian mà thế giới có.

Một lúc sau, Lyra lên tiếng: “Cậu sẽ giữ con dao chứ? Như vậy cậu có thể ghé thăm thế giới của tớ?”

“Đương nhiên rồi. Tớ chắc chắn sẽ không bao giờ giao nó cho ai khác đâu.”

“Đừng nhìn...” Cô nói, tốc độ vẫn không đổi. “Chúng lại xuất hiện rồi kìa. Bên trái.”

“Chúng đang đi theo chúng ta,” Will mừng rỡ nói.

“Suýt!”

“Tớ đã nghĩ là chúng sẽ đi theo mà. Được rồi, giờ chúng ta sẽ cứ giả vờ, chúng ta sẽ cứ đi lang thang như thể đang tìm kiếm chúng, và chúng ta sẽ lục tìm đủ mọi loại địa điểm ngu ngốc.”

Nó trở thành một trò chơi. Chúng tìm thấy một ao nước rồi sục sạo giữa đám sậy và trong bùn lầy, nói âm lên rằng lũ linh thú chắc chắn phải có hình dạng kiểu như ếch, bọ nước hay ốc sên; chúng bóc lớp vỏ của một thân cây đã đổ từ lâu bên bìa rừng gỗ dây, giả bộ như đã thấy hai con linh thú bò bên dưới đó trong dạng những con sâu tai; Lyra làm âm lên về một con kiến mà cô tự nhận là đã giẫm lên, thông cảm với những vết bầm trên người nó, nói rằng mặt nó giống hệt mặt Pan, hỏi với sự đau đớn vờ vịt rằng sao nó không chịu nói chuyện với cô.

Nhưng khi cho rằng chúng thật sự ở ngoài tầm nghe, cô nghiêm nghị nói với Will, ngả tới gần để nói khẽ:

“Bọn mình *buộc* phải bỏ lại chúng, đúng không? Bọn mình đã thật sự không có lựa chọn nào cả?”

“Ừ, đúng vậy. Chuyện đó với cậu tồi tệ hơn là tớ, nhưng chúng ta đã hoàn toàn không có lựa chọn nào cả. Bởi vì cậu đã hứa với Roger, và cậu phải giữ lời.”

“Còn cậu thì phải nói chuyện với bố mình thêm lần nữa...”

“Và chúng ta phải đưa tất cả bọn họ ra.”

“Phải, chúng ta đã làm. Tớ rất mừng vì chúng ta đã làm. Một ngày nào đó Pan cũng sẽ thấy mừng, khi tớ chết. Chúng tớ sẽ không bị chia cắt. Thật tốt vì chúng ta đã làm vậy.”

Vào lúc mặt trời dâng lên cao hơn trên bầu trời và không khí trở nên ẩm áp hơn, chúng bắt đầu tìm kiếm bóng râm. Đến trưa, chúng thấy mình đang đứng trên con dốc nhô lên về phía đỉnh một dãy đồi. Khi tới được đó, Lyra ngồi phịch xuống cỏ rồi nói: “Phù! Nếu chúng ta mà không sớm tìm được một chỗ nào có bóng râm...”

Có một thung lũng thoải xuống từ phía còn lại, chỉ chút những bụi cây, nên chúng đoán rằng có thể có một dòng suối ở đó. Chúng vượt qua con dốc của dãy đồi cho tới khi nó đổ nhào xuống phần đầu của thung lũng. Quả vậy, giữa đám dương xỉ và lau sậy, một con suối sủi tăm chảy ra từ đá.

Chúng vực gương mặt nóng bừng của mình vào dòng suối rồi khoan khoái uống nước. Sau đó chúng lần theo dòng nước xuống thấp hơn, thấy con suối tụ lại trong những xoáy nước thu nhỏ và đổ lên những gờ đá bé xiu, càng ngày càng đầy hơn và rộng hơn.

“Nó làm thế nào vậy?” Lyra kinh ngạc. “Làm gì có tí nước nào đổ vào đây từ chỗ khác đâu, thế mà ở đây lại nhiều hơn hẳn so với trên kia.”

Will, quan sát những cái bóng từ khóm mắt, thấy chúng đã lên về phía trước, nhảy qua đám dương xỉ để biến mất vào trong những bụi cây dưới thấp hơn. Cậu lặng lẽ chỉ.

“Nó chỉ chảy chậm hơn thôi,” cậu nói. “Nó không chảy nhanh như suối đổ, nên mới tập hợp lại trong những cái ao này... Chúng vừa vào kia,” cậu

thì thầm, ám chỉ một nhóm cây nhỏ dưới chân dốc.

Tim Lyra đang đập nhanh tới mức cô cảm thấy được cả nhịp mạch trong cổ họng mình. Cô và Will nhìn nhau, một cái nhìn trang trọng và nghiêm túc đến kì lạ, trước khi lên đường men theo con suối. Tầng cây thấp trở nên dày đặc hơn khi chúng đi xuống thung lũng; con suối chảy vào những đường hầm màu xanh lá rồi lộ ra trong những khoảng rừng trống lổm đổm, chỉ để bất thành hình nhào qua một miệng đá và lại tự chôn vùi mình trong thứ màu xanh mượt, khiến chúng phải nhờ đến việc nghe ngóng cũng như quan sát để có thể lần theo được.

Tại chân đồi, dòng nước chảy vào một khu rừng nhỏ của những thân cây vỏ bạc.

Cha Gomez quan sát từ đỉnh rặng đồi. Không khó để theo đuôi chúng. Bất chấp sự tự tin của Mary trong vùng đồng cỏ xavan thoáng đãng, có rất nhiều chỗ ẩn náu trong lớp cỏ, những bụi gỗ dây và bụi sơn nhựa cây mọc rải rác. Trước đó, hai con người trẻ tuổi đã dành rất nhiều thời gian để quan sát xung quanh, như thể chúng nghĩ rằng mình đang bị theo dõi, khiến cho Cha Gomez phải giữ khoảng cách xa. Nhưng khi buổi sáng trôi qua, chúng ngày càng mê mải với nhau và ít chú ý tới quang cảnh hơn.

Có một điều hăn không muốn làm, đó là làm hại đến thằng bé. Hăn ghê sợ việc làm hại một người vô tội. Cách duy nhất để đảm bảo về mục tiêu của mình là đến đủ gần để có thể thấy rõ cô bé, và điều đó có nghĩa là theo chân chúng vào trong rừng.

Lặng lẽ và cẩn trọng, hăn bước xuống dòng chảy của con sông. Linh thú của hăn là một con bộ lông xanh lá đang bay phía trên đầu, nhắm nháp không khí; thị lực của nó không tốt bằng của hăn, nhưng cảm giác về mùi của nó lại rất sắc bén, nó bắt được mùi da thịt của người trẻ rất rõ. Nó sẽ đi trước một chút, đậu lên một nhánh cỏ rồi đợi hăn, sau đó lại đi tiếp; và khi nó bắt được dấu vết trong không khí mà cơ thể lũ trẻ đã để lại, Cha Gomez ca ngợi Chúa vì sứ mệnh của mình, vì việc thằng bé và đứa con gái đang bước vào trọng tội chưa bao giờ từng rõ rệt đến thế.

Kia rồi: Thứ chuyển động màu vàng sẫm vốn là mái tóc của đứa con gái. Hắn tiến lại gần hơn một chút rồi rút khẩu súng trường ra. Trên súng có một bộ phận ngấm tằm xa: Độ phóng không lớn nhưng được làm rất tinh xảo, nên khi nhìn qua đó có cảm giác như sức nhìn vừa được khuếch đại, vừa trở nên rõ rệt hơn. Phải, cô bé kia rồi, cô dừng chân và nhìn ngoái lại, nhờ vậy hắn thấy được biểu hiện trên gương mặt cô, và hắn không thể hiểu nổi làm sao mà một kẻ chìm sâu trong tội ác lại có thể rực rỡ đầy hi vọng và hạnh phúc đến vậy.

Sự hoang mang trước điều đó khiến hắn lưỡng lự, và rồi khoảnh khắc đấy qua đi, cả hai đứa trẻ đã tiến vào giữa những thân cây và biến mất khỏi tầm mắt. Mà chúng cũng chẳng đi xa được đâu. Hắn bám theo chúng xuống dòng suối, vừa cúi thấp vừa đi, một tay cầm khẩu súng, tay còn lại để giữ thăng bằng.

Giờ đây hắn đã tiến gần tới thành công đến mức lần đầu tiên hắn thấy mình phỏng đoán về việc sẽ làm sau đó, và liệu hắn sẽ làm vui lòng vương quốc thiên đường nhiều hơn bằng cách trở lại Geneva hay ở lại để truyền bá Phúc Âm cho thế giới này. Việc đầu tiên phải làm ở đây sẽ là thuyết phục những sinh vật bốn chân, những kẻ dường như có nguyên tắc cơ sở về lẽ phải, rằng thói quen cười trên bánh xe của chúng là đáng ghê tởm, là việc làm của quỷ Satan, đối ngược với ý chí của Chúa. Sửa cho chúng cái thói quen đó, và rồi sự cứu rỗi sẽ đến.

Hắn tới chân dốc, nơi rừng cây bắt đầu, rồi nhẹ nhàng đặt khẩu súng xuống.

Hắn chăm chú nhìn vào những cái bóng bạc - xanh lá - vàng óng, lắng nghe với hai tay khum sau vành tai để bắt được và tập trung bất kì giọng nói khê khàng nào qua tiếng côn trùng rả rích và tiếng suối róc rách. Phải, chúng kia rồi. Chúng đã dừng lại.

Hắn cúi người để nhặt khẩu súng lên...

Và thấy bản thân thốt lên một tiếng kêu khàn đục và bị bóp nghẹt khi có thứ gì đó chộp lấy con linh thú rồi kéo nó ra xa khỏi hắn.

Nhưng chẳng có gì ở đó cả! Nó đâu rồi? Cơn đau thật tàn bạo. Hẳn nghe thấy nó gào thét nên điên cuồng nhìn quanh hết trái lại sang phải, tìm kiếm nó.

“Đứng im,” một giọng nói từ không trung vọng tới, “và yên lặng. Ta tóm được linh thú của người trong tay rồi.”

“Nhưng - người đang ở đâu? Người là ai?”

“Tên ta là Balthamos,” giọng nói đáp.

Will và Lyra men theo con sông vào trong rừng, thận trọng bước đi, nói rất ít, cho tới khi chúng đến được trung tâm khu rừng.

Chính giữa khoảnh rừng là một khoảng trống nhỏ với nền trải cỏ mềm và những tảng đá phủ rêu. Những cành cây đan xen nhau phía trên đầu, gần như che lấp cả bầu trời, chỉ để lọt qua những đốm sáng nhỏ lay động như kim sa hay mảnh bạc dát, khiến mọi thứ đều lốm đốm vàng bạc lấp lánh.

Không gian thật tĩnh lặng. Chỉ có tiếng suối róc rách và tiếng lá đôi lúc xào xạc phía trên cao trong một luồng gió cuộn mới phá vỡ sự yên lặng.

Will đặt gói đồ ăn xuống; Lyra đặt cái balô nhỏ xuống. Chẳng có dấu hiệu nào của những cái bóng linh thú ở bất cứ đâu. Chúng hoàn toàn đơn độc.

Chúng cởi giày và tắt rồi ngồi xuống trên những tảng đá rêu phong bên mép dòng suối, nhúng chân vào dòng nước lạnh toát và cảm nhận cú sốc từ đó tiếp thêm sinh lực cho dòng máu chảy trong mình.

“Tớ đói quá,” Will nói.

“Tớ cũng thế,” Lyra nói, mặc dù cô đang cảm thấy nhiều hơn thế, một thứ gì đó vừa êm dịu vừa cấp bách, nửa vui sướng nửa đau đớn, khiến cô không chắc hẳn nó là gì.

Chúng gỡ tấm vải ra rồi ăn chút bánh mì và pho mát. Vì lí do nào đó, đôi tay chúng đã trở nên chậm chạp và lóng ngóng, chúng cũng gần như chẳng nếm được mùi vị của đồ ăn, dù cho bánh mì căng đầy và giòn tan từ

những miếng đá nướng nóng rực, còn pho mát thì bông xốp, đậm đà và rất tươi ngon.

Sau đó Lyra lấy một trong những quả đỏ nhỏ xíu. Với trái tim đập rộn ràng, cô bé quay sang cậu và nói: “Will..”

Rồi cô dịu dàng đưa thứ ngọt quả lên miệng cậu.

Cô có thể thấy từ ánh mắt cậu rằng cậu đã hiểu ngay ý cô là gì, và rằng cậu quá vui sướng để có thể thốt nên lời. Những ngón tay của cô vẫn đặt trên môi cậu, và cậu cảm thấy chúng run rẩy, cậu đưa tay lên để giữ lấy tay cô ở đó, và rồi không ai trong chúng có thể nhìn nhau; chúng đang quá bối rối; chúng đang tràn ngập hạnh phúc.

Tựa như hai con bướm đêm vụng về va vào nhau, với trọng lượng không lớn hơn thế, đôi môi chúng khẽ chạm. Rồi trước khi biết được chuyện đó xảy ra như thế nào, chúng đã ôm chặt lấy nhau, mặt ép vào nhau một cách mù quáng.

“Như Mary đã nói...” Cậu thì thầm “... ta sẽ biết ngay lập tức khi ta thích một ai đó - lúc cậu đang ngủ trên núi, trước khi bà ta đưa cậu đi, tớ đã nói với Pan...”

“Tớ có nghe,” cô thì thầm, “tớ vẫn thức, tớ cũng đã muốn nói với cậu điều đó. Giờ tớ đã biết điều mà mình hẳn đã cảm nhận được suốt thời gian qua: Tớ yêu cậu, Will ạ, tớ yêu cậu...”

Một chữ *yêu* đã khiến tâm trí cậu rực cháy. Cả người cậu rộn lên, và cậu đáp lại cô bằng cũng những từ ngữ đó, không ngừng hôn lên gương mặt nóng bừng của cô, say sưa tận hưởng mùi hương từ cơ thể cô, mái tóc ấm áp có mùi mật ong và đôi môi ẩm ngọt ngào mang vị của loại quả đỏ nhỏ xíu.

Chẳng có gì xung quanh chúng ngoài sự tĩnh lặng, như thể cả thế giới đang nín thở.

Balthamos đang hoảng sợ.

Ông leo ngược lên dòng suối, tránh xa khỏi khu rừng, giữ chặt lấy con linh thú côn trùng đang cào cấu, đốt, cắn, và cố gắng ẩn mình hết mức có thể

khỏi gã đàn ông đang lập bập đuổi theo.

Ông không được phép để hắn theo kịp. Ông biết rằng Cha Gomez sẽ giết mình chỉ trong một nốt nhạc. Một thiên thần ở cấp độ của ông chẳng thể nào đấu nổi với con người, dù cho thiên thần đó có khỏe mạnh đi nữa, trong khi Balthamos thì lại chẳng hề như thế; hơn nữa, ông còn đang dờ dẩn vì nỗi tiếc thương Baruch và sự tủi nhục vì đã bỏ rơi Will trước đó. Ông thậm chí còn không còn sức để bay nữa.

“Khoan, khoan,” Cha Gomez kêu lên. “Làm ơn hãy đứng yên. Tôi không thể thấy ông được - từ từ nói chuyện đã, xin ông - đừng làm đau linh thú của tôi, tôi xin ông...”

Trên thực tế, con linh thú lại đang làm Balthamos đau. Vị thiên thần có thể lơ mơ thấy cái thứ màu xanh nhỏ xíu qua mu bàn tay đang ụp vào của mình, còn nó thì đang liên tiếp cắm ngập bộ hàm mạnh mẽ vào lòng bàn tay ông. Ông chỉ cần hé tay ra một chút là nó sẽ bay mất ngay. Balthamos giữ cho tay thật khít.

“Lối này,” ông nói, “đi theo ta. Rồi xa khỏi khu rừng đi. Ta muốn nói chuyện với người nhưng chỗ này lại không phù hợp.”

“Nhưng ông là ai? Tôi không nhìn thấy được ông. Lại gần đây - nếu không thấy ông thì sao tôi biết được ông là thứ gì chứ? Yên nào, đừng có đi nhanh thế!”

Nhưng đi nhanh là biện pháp phòng vệ duy nhất mà Balthamos có. Vừa cố lơ đi con linh thú đang đâm chích, ông vừa thận trọng leo lên khe núi nhỏ nơi con suối chảy ra, bước từ hòn đá này sang hòn đá khác.

Rồi ông phạm một sai lầm: Trong lúc cố ngoái nhìn phía sau, ông đã bị trượt và cắm một bàn chân xuống nước.

“A,” một tiếng thì thầm mãn nguyện phát ra khi Cha Gomez thấy nước bắn tóe lên.

Balthamos lập tức rút chân lên rồi vội vàng đi tiếp - nhưng giờ đây một dấu chân ướt xuất hiện trên những hòn đá khô mỗi khi ông đặt chân xuống. Tên linh mục nhìn thấy thế liền lao tới trước, tay lướt thấy lông vũ.

Hắn dừng khựng lại vì kinh ngạc: Từ *thiên thần* dội tới trí não hắn. Balthamos nắm lấy thời cơ để lại chật vật tiến về phía trước. Tên linh mục thấy mình bị lôi theo sau ông khi một cơn đau nhói tàn khốc khác siết lấy tim hắn.

Balthamos nói vọng lại qua vai: “Xa hơn một chút nữa, chỉ tới đỉnh đồi thôi, rồi chúng ta sẽ nói chuyện, ta hứa đấy.”

“Nói ở đây đi! Dừng lại ngay chỗ đó, tôi thề sẽ không động tới ông đâu!”

Thiên thần không trả lời: Quá khó để có thể tập trung. Ông phải chia sự chú ý thành ba hướng: phía sau để tránh gã đàn ông, phía trước để xem mình đang đi đâu, và lên con linh thú đang cuồn nộ, dẫn vật đôi tay ông.

Còn về tên linh mục, trí óc hắn đang nhanh chóng làm việc. Một đối thủ thực sự nguy hiểm sẽ giết chết linh thú của hắn ngay lập tức và kết thúc vấn đề tại đó: Tên địch này sợ phải ra đòn.

Với suy nghĩ đó trong đầu, hắn để cho mình sẩy chân, rồi thốt lên những tiếng rên đau đớn khe khẽ, cầu xin người kia dừng lại một hay hai lần - trong suốt lúc đó lại kĩ càng quan sát, tiến lại gần hơn, ước lượng xem kẻ kia to lớn ngần nào, hắn có thể di chuyển nhanh ra sao, hắn đang nhìn hướng nào.

“Làm ơn,” hắn yếu ớt nói, “ông không biết điều này đau đớn thế nào đâu - tôi đâu thể làm hại ông được - làm ơn, chúng ta có thể dừng lại nói chuyện được không?”

Hắn không muốn rời khỏi tầm nhìn tới khu rừng. Giờ họ đã lên tới điểm khởi nguồn của dòng suối, và hắn có thể thấy hình dạng bàn chân của Balthamos chạm xuống cỏ rất khẽ. Tên linh mục đã quan sát từng chút một trên đường, và giờ hắn biết chắc được nơi thiên thần đang đứng.

Balthamos quay lại. Tên linh mục nhướn mắt nhìn nơi mà hắn cho rằng sẽ là khuôn mặt của thiên thần, và lần đầu tiên nhìn thấy ông: Chỉ là một khối sáng lung linh trong không khí, nhưng không thể nhầm lẫn được.

Nhưng hắn đang không ở đủ gần để lao tới chỉ bằng một bước, và trên thực tế, sức kéo lên con linh thú của hắn khiến hắn đau đớn và yếu dần. Có

lẽ hăn nên tiến thêm một hoặc hai bước...

“Ngồi xuống,” Balthamos nói. “Ngồi xuống ngay tại đó. Không được tiến thêm bước nào.”

“Ông muốn gì?” Cha Gomez hỏi, không nhúc nhích.

“Ta muốn gì à? Ta muốn giết người, nhưng ta không có đủ sức.”

“Nhưng ông là thiên thần sao?”

“Quan trọng gì chứ?”

“Có thể ông đã phạm sai lầm đó. Có khi chúng ta thuộc cùng một phe.”

“Không đâu. Ta đã theo dõi người lâu rồi. Ta biết người thuộc phe nào - không, không, đừng có cử động. Ở yên đó.”

“Giờ ăn năn cũng chưa quá muộn đâu. Kể cả thiên thần cũng được phép làm điều đó. Hãy để tôi nghe lời thú tội của ông.”

“Ôi, Baruch, giúp tôi với!” Balthamos tuyệt vọng hét lên rồi quay đi.

Đúng lúc ông hét lên, Cha Gomez liền lao tới. Vai hăn đập vào vai thiên thần, khiến Balthamos mất thăng bằng; và trong lúc hất tay để tự cứu lấy bản thân, thiên thần đã thả con linh thú côn trùng ra. Con bọ lập tức bay thoát, Cha Gomez cảm thấy một sự nhẹ nhõm và sức lực trào dâng. Nhưng thực ra, hăn không thể ngờ rằng đó lại chính là thứ giết chết mình. Hăn lao người thật lực vào hình dạng mờ ảo của thiên thần, hăn ước tính rằng phản lực ngược trở lại sẽ lớn hơn nhiều nên đã không thể giữ được thăng bằng. Hăn trượt chân theo đà lao thẳng xuống dòng suối; còn Balthamos, nghĩ tới việc Baruch sẽ làm, đập bàn tay của tên linh mục sang một bên khi hăn vung ra tìm điểm tựa.

Cha Gomez nặng nề rơi xuống. Đầu đập mạnh vào một hòn đá, hăn ngã lăn ra bất tỉnh với khuôn mặt chìm trong nước. Cái lạnh đột ngột lập tức đánh thức hăn, nhưng trong lúc hăn ngạt thở, cố gắng vùng dậy một cách yếu ớt, Balthamos, trong tuyệt vọng, mặc kệ con linh thú đốt vào mặt, vào mắt, vào mồm, và dùng toàn bộ sức nặng nhỏ nhoi của mình để ấn đầu gã đàn ông xuống nước. Ông giữ hăn ở đó, tiếp tục giữ, tiếp tục giữ ở đó.

Khi con linh thú đột nhiên biến mất, Balthamos thả gã đàn ông ra. Hắn đã chết. Ngay khi đã chắc chắn, Balthamos lôi cái xác ra khỏi dòng suối rồi cẩn thận đặt nó lên cỏ, khoanh hai tay linh mục lên ngực và khép mắt hắn lại.

Sau đó Balthamos đứng dậy, nôn nao, mệt mỏi và đầy đau đớn.

“Baruch,” ông kêu lên, “ôi Baruch thân yêu, tôi không thể cố được nữa rồi. Will và đứa con gái đã được an toàn, và mọi thứ sẽ ổn thôi, nhưng tôi đến hồi kết rồi, mặc dù tôi đã thật sự chết khi anh tan biến, Baruch thương mến của tôi.”

Một lúc sau, ông đã ra đi.

Trong cánh đồng đậu, gà gặt trong sức nóng của buổi chiều muộn, Mary nghe thấy giọng Atal, bà không đoán được đó là sự phấn khích hay hoảng hốt nữa: Lại một cái cây nữa đổ xuống sao? Gã đàn ông với khẩu súng trường xuất hiện rồi à?

Nhìn đi! Nhìn đi! Atal đang nói, dùng vôi thúc vào túi Mary nên bà lấy cái ống nhòm ra và làm như bạn bảo, chĩa nó lên trời.

Cho tôi biết nó đang làm gì đi! Atal nói. *Tôi có thể cảm thấy sự khác biệt, nhưng tôi không nhìn được.*

Dòng lũ khủng khiếp của những hạt Bụi trên bầu trời đã ngừng trôi. Đương nhiên là nó không đứng yên. Mary rà soát cả bầu trời với những lăng kính hổ phách, nhìn thấy một dòng chảy ở đây, một vòng xoáy ở kia, một cơn lốc ở xa hơn; chúng đang chuyển động không ngừng, nhưng không còn trôi đi nữa. Trên thực tế, có chăng là nó đang rơi xuống như những bông tuyết.

Bà nghĩ tới đám cây bánh xe: Những bông hoa nở hướng lên trời sẽ uống lấy cơn mưa vàng óng ánh này. Mary gần như có thể cảm thấy chúng đang chào đón cơn mưa chảy vào cổ họng khô khốc tội nghiệp của mình, một cấu trúc được tạo hình hoàn toàn vì nó, một nơi đã bị bỏ đói quá lâu.

Những đứa trẻ, Atal nói.

Mary quay lại, tay cầm ống nhòm, để thấy Will và Lyra đang quay về. Chúng vẫn còn cách đó một đoạn, và không hề tỏ ra vội vàng. Chúng đang nắm tay nhau, nói chuyện với nhau, đầu tựa sát, lãng quên mọi thứ khác; thậm chí từ xa bà cũng có thể nhận ra điều đó.

Suýt chút nữa bà đã đưa ống nhòm lên mắt, nhưng bà đã kịp kìm lại và trả nó lại về túi áo. Không cần đến cái kính; bà biết mình sẽ nhìn thấy điều gì; trông chúng sẽ như được làm từ vàng tuôn chảy. Trông chúng sẽ như hình ảnh thực sự về thứ mà con người luôn luôn có thể trở thành, một khi đã được thừa hưởng từ chúng.

Bụi tuôn chảy xuống từ những vì sao đã lại tìm được một ngôi nhà để sinh sống, và những đứa trẻ không còn là trẻ con này, với tình yêu chan chứa, là nguyên nhân của tất cả.

Mũi tên gãy

Nhưng Số phận lại thọc những mũi sắt,

Và luôn luôn len mình vào giữa.

Andrew Marvell

Hai con linh thú đi qua ngôi làng yên ắng, vào rồi lại ra khỏi những bóng râm, bước đi trong dạng mèò ngang qua bãi tập trung ngập tràn ánh trăng, dừng lại bên ngoài cánh cửa nhà Mary đang mở.

Chúng thận trọng nhòm vào bên trong. Do chỉ thấy người phụ nữ đang say ngủ, chúng lui ra rồi lại bước đi trong ánh trăng, về phía thân cây.

Những cái cành dài rủ đám lá xoắn vặn thơm nức xuống sát mặt đất. Rất từ tốn, rất cẩn thận không để quệt vào một cái lá hay làm gãy một cành rụng nào, hai hình bóng luồn vào trong qua bức màn lá và thấy thứ mà mình đang tìm kiếm: cậu bé và cô bé, say ngủ trong vòng tay nhau.

Hai con linh thú tiến lại gần trên nền cỏ và khẽ chạm vào những kẻ say ngủ bằng mũi, chân, râu, dầm mình trong hơi ấm của sự sống mà chúng tỏa ra, nhưng lại hết sức cẩn thận để không đánh thức chúng.

Trong lúc chúng đang kiểm tra hai bản thể người của mình (dịu dàng liếm sạch vết thương đang chóng lành của Will, nâng lọn tóc ra khỏi mặt Lyra), có một tiếng động khe khẽ phát ra từ phía sau lưng.

Lập tức, trong im lặng tuyệt đối, cả hai con linh thú nhảy bật người lại, biến thành sói: những đôi mắt sáng rực điên loạn, hàm răng trắng ớn nhe ra, từng đường nét đều tỏa ra sự đe dọa.

Một người phụ nữ đứng đó, viền sáng trong ánh trăng. Đó không phải là Mary, khi cô lên tiếng, chúng nghe thấy rất rõ dù cho giọng cô không tạo ra âm thanh nào.

“Đi với ta,” cô nói.

Trái tim linh thú của Pantalaimon nảy lên trong lồng ngực, nhưng nó không nói gì cho tới khi đã đi xa khỏi những kẻ say ngủ dưới gốc cây để chào đón cô.

“Serafina Pekkala!” Nó mừng rỡ kêu lên. “Cô đã ở đâu vậy? Cô có biết chuyện gì đã xảy ra không?”

“Suyt. Cùng bay đến một nơi mà chúng ta có thể nói chuyện nào,” cô nói, lưu tâm đến các dân làng đang ngủ.

Cảnh thông mây của cô nằm bên cánh cửa nhà Mary. Trong lúc cô cầm nó lên, hai con linh thú hóa thành chim - một con chim sơn ca và một con cú - rồi bay cùng với cô qua những mái nhà lợp tranh, trên vùng đồng cỏ, qua dãy đồi, về phía khoảnh rừng cây bánh xe gần nhất, to lớn như một tòa lâu đài, đỉnh của nó trông giống như bạc kết tụ dưới ánh trăng.

Tại đó, Serafina Pekkala đáp xuống cành cây cao nhất mà vẫn có thể đứng thoải mái, giữa những bông hoa nở đang nuốt lấy Bụi, rồi hai con chim đậu xuống gần đó.

“Các người sẽ không còn làm chim lâu đâu,” cô nói. “Chẳng mấy chốc hình dạng của các người sẽ được ổn định. Hãy nhìn quanh và ghi nhớ cảnh tượng này vào trong kí ức.”

“Chúng tôi sẽ biến thành gì?” Pantalaimon hỏi.

“Các người sẽ biết sớm hơn mình nghĩ đấy. Nghe này,” Serafina Pekkala nói, “ta sẽ kể cho các người nghe vài câu chuyện dân gian của phù thủy mà không ai ngoài các phù thủy biết tới. Lí do mà ta có thể làm việc đó

là vì các người đang ở đây với ta, còn những con người của các người lại ở dưới đó, say ngủ. Những người duy nhất có thể làm được điều đó là ai?”

“Các phù thủy,” Pantalaimon đáp, “và pháp sư. Nên...”

“Bằng cách để lại cả hai người trên bờ của thế giới của người chết, Lyra và Will đã làm một điều, dù bản thân chúng không hề biết, mà các phù thủy đã làm từ khi phù thủy lần đầu xuất hiện. Có một vùng thuộc miền đất phía bắc của chúng ta, một nơi tan hoang tồi tệ, nơi một thảm họa khủng khiếp đã xảy đến vào thuở ấu thơ của thế giới, nơi mà kể từ đó chẳng còn thứ gì sinh sống. Không linh thú nào có thể vào đó. Để trở thành phù thủy, một cô gái phải một mình băng qua nó và để linh thú của mình lại. Các người biết họ hẳn phải trải qua cảm giác đau đớn đến thế nào. Nhưng sau khi đã thực hiện điều đó, họ thấy rằng linh thú của mình không bị cắt đứt như ở Bolvangar; họ vẫn là một thể toàn vẹn; nhưng giờ họ có thể đi lại thoải mái, tới những nơi xa xôi, chứng kiến những điều lạ lùng và đem kiến thức về.

“Các người cũng không bị cắt rời đúng không?”

“Không,” Pantalaimon nói. “Chúng tôi vẫn là một. Nhưng chuyện đó thật đau đớn, và chúng tôi đã rất sợ hãi...”

“Ừ,” Serafina nói, “hai người bọn chúng sẽ không bay được như phù thủy, chúng cũng sẽ không sống thọ được như chúng ta; nhưng nhờ vào việc mình đã làm, các người và họ là phù thủy ở tất cả mọi mặt trừ những điều đó.”

Hai con linh thú cân nhắc sự lạ lùng của thứ kiến thức này.

“Thế nghĩa là chúng tôi có thể làm chim, giống như linh thú của phù thủy sao?” Pantalaimon hỏi.

“Cứ bình tĩnh đã.”

“Mà Will làm sao làm phù thủy được? Tôi cứ nghĩ phù thủy toàn là nữ chứ.”

“Hai đứa trẻ đó đã làm biến đổi nhiều thứ. Tất cả chúng ta đều học hỏi những cách thức mới, kể cả phù thủy đi nữa. Nhưng có một điều không hề thay đổi: Các người sẽ phải giúp đỡ con người của mình chứ không phải làm

cản đường chúng. Các người phải giúp chúng, dẫn lối cho chúng và khuyến khích chúng tiến tới tri thức. Đó là lí do linh thú tồn tại.”

Hai con linh thú im lặng. Serafina quay sang con chim sơn ca và hỏi: “Tên người là gì?”

“Tôi không có tên. Tôi không biết mình đã được sinh ra cho tới khi bị giăng ra khỏi trái tim của cậu ấy.”

“Vậy thì ta sẽ đặt tên người là Kirjava.”

“Kirjava,” Pantalaimon thử phát âm. “Nó có nghĩa là gì vậy?”

“Các người sẽ sớm hiểu được ý nghĩa của nó thôi. Nhưng bây giờ,” Serafina nói tiếp, “các người phải lắng nghe thật kĩ, vì ta sắp nói cho các người biết mình nên làm gì.”

“Không,” Kirjava quả quyết nói.

Serafina dịu dàng nói: “Ta có thể đoán được từ giọng của người rằng người biết ta định nói gì.”

“Chúng tôi không muốn nghe điều đó!” Pantalaimon nói.

“Còn quá sớm,” con chim sơn ca nói. “Quá quá sớm.”

Serafina trở nên im lìm, vì cô đồng tình với chúng, và cô cảm thấy âu sầu. Nhưng cô vẫn là nhân vật thông thái nhất ở đó, cô phải dẫn chúng đến với điều đúng đắn; nhưng cô để cho sự kích động của chúng dịu xuống trước khi nói tiếp.

“Trong lúc đi lang thang, các người đã đi những đâu?” Cô hỏi.

“Qua nhiều thế giới,” Pantalaimon đáp. “Cứ chỗ nào tìm thấy một ô cửa sổ là chúng tôi lại đi qua. Có nhiều cửa sổ hơn chúng tôi nghĩ.”

“Và các người đã thấy...”

“Phải,” Kirjava đáp, “chúng tôi đã nhìn rất kĩ, và thấy chuyện đang diễn ra.”

“Chúng tôi còn thấy nhiều thứ khác nữa,” Pantalaimon vội nói. “Chúng tôi thấy thiên thần và nói chuyện với họ. Chúng tôi thấy thế giới của những người tí hon, những người Gallivespia. Ở đó có cả người cỡ lớn nữa, chúng đang cố giết họ.”

Chúng kể với cô phù thủy nhiều hơn về những gì mình đã thấy, chúng đang cố làm cô xao nhãng, cô biết vậy; nhưng cô cứ để chúng nói, bởi tình yêu mà chúng cảm thấy đối với tiếng nói của kẻ còn lại.

Nhưng cuối cùng chúng cũng hết chuyện để kể với cô nên đành trở nên im lặng. Âm thanh duy nhất là tiếng thì thầm dịu dàng bất tận của lá cây, cho tới khi Serafina Pekkala nói:

“Các người đã tránh xa Will và Lyra để trừng phạt chúng. Ta biết tại sao các người lại làm vậy; Kaisa của ta đã làm điều y hệt sau khi ta ra khỏi vùng đất căn cỗi tan hoang kia. Nhưng cuối cùng ông ấy cũng đến với ta, vì chúng ta vẫn yêu thương nhau. Hai đứa trẻ sẽ sớm cần đến các người để giúp chúng thực hiện việc cần làm tiếp theo. Bởi vì các người cần phải kể cho chúng những gì mình biết.”

Pantalaimon hét toáng lên, một tiếng hét lạnh lẽo thuần khiết của loài cú, một âm thanh chưa từng được nghe thấy trong thế giới này. Trong các hang và tổ đó một quãng xa, hay bất cứ nơi nào một sinh vật ăn đêm nhỏ xíu đang săn mồi, gặm cỏ, hay ăn xác thối, một nỗi sợ mới mẻ và khó quên vừa bùng lên.

Serafina đứng nhìn từ gần đó, không cảm thấy gì ngoài lòng thương hại cho tới khi quay sang nhìn linh thú của Will, con chim sơn ca Kirjava. Cô nhớ lại lần nói chuyện với phù thủy Ruta Skadi, người đã hỏi sau khi mới gặp Will một lần rằng liệu Serafina đã nhìn vào mắt cậu bé chưa; và Serafina đã trả lời rằng cô không dám nhìn. Con chim nhỏ màu nâu này đang tỏa ra sự hung bạo khôn nguôi, rõ rệt như một luồng hơi nóng, khiến Serafina phải e sợ.

Cuối cùng tiếng hét hoang dại của Pantalaimon cũng tắt, Kirjava liền nói:

“Chúng tôi phải nói cho họ biết.”

“Phải,” cô phù thủy nhẹ nhàng nói.

Dần dần vẻ hung bạo rời khỏi ánh nhìn của con chim nâu nhỏ, và Serafina lại có thể nhìn vào nó. Thay vào đó, cô thấy một nỗi buồn tang thương.

“Có một con tàu đang đến,” Serafina nói. “Ta đã rời khỏi nó để bay đến đây tìm các người. Ta đến cùng với những người du mục, tít từ thế giới của chúng ta. Thêm khoảng một ngày nữa là họ sẽ tới nơi.”

Hai con chim đậu sát gần nhau, và một lúc sau, chúng đã biến hình, trở thành hai con chim câu.

Serafina nói tiếp:

“Đây có lẽ là lần cuối cùng các người được bay. Ta có thể thấy trước đôi chút; ta thấy được rằng cả hai người sẽ có thể trèo lên được độ cao này miễn là có những cái cây lớn cỡ này; nhưng ta nghĩ các người sẽ không phải là chim khi hình dạng được ấn định. Hãy tiếp nhận mọi thứ có thể, và nhớ kỹ lấy. Ta biết rằng các người, Lyra và Will sẽ phải suy nghĩ rất vất vả và đau đớn, nhưng ta biết các người sẽ có được lựa chọn tốt nhất. Lựa chọn đó là của các người chứ không ai khác.”

Chúng không nói gì. Cô cầm lấy cành thông mây rồi bay lên khỏi những ngọn cây đứng sừng sững, lượn vòng tít trên cao, cảm nhận trên làn da mình sự mát lạnh của gió nhẹ, sự râm ran của ánh sao và thứ Bụi đang hào phóng rơi lắt rắc mà cô chưa từng bao giờ nhìn thấy.

Serafina bay xuống dưới làng một lần nữa rồi lặng lẽ bước vào trong nhà của người phụ nữ. Cô không biết gì về Mary ngoại trừ việc bà tới từ chính thế giới của Will, và rằng đóng góp của bà vào những sự kiện này mang tính chất quyết định. Liệu bà dữ tợn hay thân thiện, Serafina không có cách nào để biết được; nhưng cô phải đánh thức Mary dậy mà không làm bà giật mình, có một câu thần chú cho việc đó.

Cô ngồi xuống sàn nhà bên cạnh đầu người phụ nữ và nhìn qua đôi mắt nhắm hờ, hít vào thở ra cùng lúc với bà. Ngay lập tức, thị trường phân nửa của cô bắt đầu hiện những hình dáng lơ mơ mà Mary đang nhìn thấy trong giấc mơ của mình, cô liền điều chỉnh tâm trí mình để cộng hưởng với chúng, giống như đang lên dây đàn vậy. Rồi, với một nỗ lực mạnh mẽ hơn, đích thân Serafina bước vào giữa chúng. Một khi đã ở đó, cô có thể nói chuyện

với Mary, và cô làm vậy với một thiện cảm dễ dàng tức khắc mà đôi khi chúng ta nhận thấy với những người mình gặp trong giấc mơ.

Một lúc sau, họ đang nói chuyện với nhau trong một tròng lằm rằm vội vã mà sau đó Mary sẽ không còn nhớ chút gì, rồi bước qua một phong cảnh ngớ ngẩn của những luống sậy và máy biến thế điện năng. Đã đến lúc Serafina đảm nhận trách nhiệm.

“Trong vài phút tới,” cô nói, “bà sẽ tỉnh dậy. Đừng lo sợ. Bà sẽ thấy tôi đang ngồi bên cạnh. Tôi đánh thức bà bằng cách này để bà biết được rằng mọi sự an toàn và không có gì làm hại bà cả. Sau đó chúng ta có thể nói chuyện hăn hoi với nhau.”

Cô rút khỏi, đưa theo Mary trong mơ đi cùng, cho tới khi cô thấy mình lại đang ở trong nhà, ngồi khoanh chân trên nền đất, với đôi mắt Mary lấp lánh khi chúng nhìn vào cô.

“Cô hẳn phải là cô phù thủy đó,” Mary thì thầm.

“Đúng vậy. Tên ta là Serafina Pekkala. Tên bà là gì?”

“Mary Malone. Tôi chưa từng được đánh thức dậy khê khàng đến thế. Tôi *đang* tỉnh đó chứ?”

“Phải. Chúng ta cần phải nói chuyện với nhau, mà nói chuyện trong mơ rất khó để kiểm soát, lại khó nhớ nữa. Tốt nhất là nói chuyện trong lúc tỉnh táo. Bà muốn ở trong nhà hơn, hay sẽ tản bộ với ta trong ánh trăng?”

“Tôi sẽ đi,” Mary nói rồi ngồi dậy vươn vai. “Lyra và Will đâu rồi?”

“Đang ngủ dưới gốc cây.”

Họ rời khỏi nhà và đi qua thân cây với bức màn lá che phủ tất cả, rồi bước xuống con sông.

Mary quan sát Serafina Pekkala với một cảm xúc lẫn lộn giữa cảnh giác và khâm phục: Bà chưa từng thấy một người nào có vóc dáng mảnh khảnh và duyên dáng đến thế. Trông cô dường như còn trẻ hơn cả Mary, dù Lyra đã nói rằng cô đã hàng trăm năm tuổi rồi; dấu vết tuổi tác duy nhất hiện ra trong biểu cảm của cô, một biểu cảm đầy vẻ buồn bã phức tạp.

Họ ngồi bên bờ sông, trên mặt nước đen lấp lánh ánh bạc, Serafina nói với bà rằng cô đã nói chuyện với linh thú của hai đứa trẻ.

“Hôm nay hai đứa đã đi tìm chúng,” Mary nói, “nhưng có một việc khác đã xảy ra. Will chưa được nhìn thấy linh thú của mình một cách hẳn hoi, trừ lúc chúng chạy trốn khỏi cuộc chiến, mà lúc đó chỉ trong có tích tắc. thằng bé còn không biết chắc là mình có linh thú nữa.”

“Nó có đấy. Cả bà cũng thế.”

Mary dăm dăm nhìn cô phù thủy.

“Nếu có thể nhìn thấy nó,” Serafina nói tiếp, “bà sẽ thấy một con chim đen với đôi chân đỏ và một cái mỏ vàng sáng, hơi cong. Một con chim của vùng núi.”

“Quạ mỏ vàng núi Alps... Làm sao cô *thấy* được nó?”

“Chỉ cần nhắm hờ mắt, ta có thể nhìn thấy nó. Nếu chúng ta có thời gian, ta có thể dạy bà cách nhìn thấy nó, và thấy linh thú của những người khác trong thế giới của bà nữa. Thật kì lạ đối với chúng ta khi nghĩ rằng bà không thể thấy chúng.”

Rồi cô kể với Mary những gì mình đã nói với đám linh thú, và nó có ý nghĩa gì.

“Vậy hai con linh thú sẽ phải nói cho chúng nghe à?” Mary hỏi.

“Ta đã nghĩ đến việc đánh thức chúng để tự mình nói cho chúng nghe. Ta nghĩ tới việc kể cho bà và giao phó lại trách nhiệm cho bà. Nhưng khi nhìn thấy linh thú của chúng; ta biết rằng đó là lựa chọn tốt nhất.”

“Chúng đang yêu.”

“Ta biết.”

“Chúng mới chỉ vừa khám phá ra điều đó...”

Mary cố gắng hấp thu mọi ngụ ý mà Serafina đã nói cho bà nghe, nhưng việc đó quá khó.

Sau khoảng một phút, Mary nói: “Cô có thấy được Bụi không?”

“Không, ta chưa từng nhìn thấy nó. Cho tới khi cuộc chiến nổ ra, chúng ta chưa bao giờ nghe nói về nó.”

Mary lấy cái ống nhòm từ túi áo ra rồi đưa nó cho cô phù thủy. Serafina đặt nó lên mắt, rồi há hốc miệng kinh ngạc.

“Đó là Bụi sao... Đẹp quá!”

“Hãy quay lại nhìn cái cây ăn náu đi.”

Serafina làm theo, và lại kêu lên. “Chúng làm điều này à?” Cô hỏi.

“Có chuyện gì đó đã xảy ra vào hôm nay, hoặc hôm qua, nếu lúc đó là sau nửa đêm,” Mary nói, cố gắng tìm từ ngữ để giải thích và nhớ lại cảnh tượng dòng Bụi tuôn chảy không khác gì một con sông khổng lồ như Mississippi. “Một điều gì đó nhỏ nhoi nhưng có tính cốt yếu... Nếu muốn đổi hướng một con sông lớn vào một lộ trình khác mà tất cả những gì ta có chỉ là một hòn đá cuội đơn độc, ta vẫn có thể làm được, miễn là phải đặt viên đá vào đúng chỗ để đẩy tia nước đầu tiên theo hướng đó chứ không phải hướng này. Một thứ giống như thế đã xảy ra ngày hôm qua. Tôi không biết nó là gì. Chúng đã nhìn nhận nhau khác đi hay gì đó... Cho tới lúc đó chúng không cảm thấy như vậy, nhưng rồi đột nhiên chuyện đó xảy ra. Và rồi Bụi bị chúng thu hút, một cách mãnh liệt, khiến nó ngừng trôi đi theo hướng khác.”

“Thì ra mọi thứ diễn ra như vậy!” Serafina ngạc nhiên thốt lên. “Giờ thì an toàn rồi, hoặc sẽ an toàn khi các thiên thần lấp đầy khe nứt khổng lồ dưới địa ngục.”

Bà kể cho Mary nghe về vực thăm, và về việc bản thân cô đã tìm ra như thế nào.

“Ta đang bay cao,” cô giải thích, “tìm kiếm một dải đất liền, thì gặp một thiên thần, một nữ thiên thần. Bà ta rất kì lạ; vừa già lại vừa trẻ,” cô nói tiếp, quên mất rằng chính cô cũng như vậy đối với Mary. “Tên bà ta là Xaphania. Bà ta đã kể cho ta nghe rất nhiều chuyện... Bà nói rằng toàn bộ lịch sử của loài người vẫn luôn là một cuộc đấu tranh giữa thông tuệ và xuẩn ngốc. Bà và các thiên thần chống đối, những người theo đuổi thông tuệ, vẫn luôn cố gắng khai mở trí óc; Đấng Quyền Năng và các Giáo hội của ông ta lại luôn cố gắng đóng nó lại. Bà ta đã cho ta rất nhiều ví dụ từ thế giới của ta.”

“Tôi có thể nghĩ ra rất nhiều trường hợp từ thế giới của mình.”

“Vậy nên trong phần lớn thời gian, trí tuệ đã phải hoạt động bí mật, thì thầm những từ ngữ của mình, di chuyển như một mật thám qua những nơi xoàng xĩnh trên thế giới trong lúc các tòa án và cung điện lại bị kẻ thù của nó chiếm đóng.”

“Phải,” Mary nói, “tôi cũng nhận ra điều đó.”

“Đến giờ cuộc đấu tranh đó vẫn chưa ngã ngũ, dù cho các lực lượng của vương quốc đã đến hồi thoái trào. Rồi họ sẽ tập hợp lại dưới một chỉ huy mới và trở lại đầy mạnh mẽ, chúng ta phải sẵn sàng để chống lại.”

“Nhưng chuyện gì đã xảy ra với Ngài Asriel vậy?” Mary hỏi.

“Ông ấy đã tìm thấy Nhiếp chính của thiên đường, thiên thần Metatron, và vắn hăn ta rơi vào vực thẳm. Metatron đã biến mất vĩnh viễn. Cả Ngài Asriel nữa.”

Mary nín thở. “Còn Phu nhân Coulter thì sao?” Bà hỏi.

Để trả lời, cô phù thủy lấy một mũi tên từ bao đựng ra. Cô từ tốn lựa chọn nó: mũi tên tốt nhất, thẳng nhất, thẳng bằng hoàn hảo nhất.

Rồi cô bẻ mũi tên làm đôi.

“Có một lần ở thế giới của mình,” cô nói, “ta đã chứng kiến một người đàn bà tra tấn một phù thủy, và ta đã thề với bản thân rằng mình sẽ bắn mũi tên đó thẳng vào họng bà ta. Giờ thì ta sẽ không bao giờ làm điều đó. Bà ta đã hi sinh bản thân cùng với Ngài Asriel để chiến đấu với thiên thần kia, và khiến thế giới an toàn cho Lyra. Họ không thể thực hiện được điều đó một mình, nhưng họ đã làm được vì có nhau.”

Mary đau buồn nói: “Chúng ta nói với Lyra thế nào bây giờ?”

“Hãy đợi cho tới khi con bé hỏi,” Serafina nói. “Mà có thể nó sẽ không hỏi đâu. Dù sao nó cũng có cái máy đọc biểu tượng của mình; cái máy sẽ cho con bé biết mọi thứ nó muốn.”

Họ ngồi im lặng một cách thoải mái trong một lúc, dưới những vì sao đang chậm chậm quay trên bầu trời.

“Cô có thể nhìn thấy tương lai, và đoán được chúng sẽ lựa chọn làm gì không?” Mary hỏi.

“Không, nhưng nếu Lyra trở về thế giới của chính mình, ta sẽ làm chị của con bé cho đến hết đời nó. Bà sẽ làm gì?”

“Tôi...” Mary bắt đầu, rồi thấy rằng mình chưa hề nghĩ tới điều đó. “Tôi nghĩ mình thuộc về thế giới của bản thân. Mặc dù tôi sẽ rất buồn phải rời khỏi nơi đây; tôi đang sống rất hạnh phúc ở đây. Hạnh phúc nhất từ trước tới giờ, tôi nghĩ vậy.”

“Nếu bà thật sự trở về nhà, ta sẽ lại có một người chị em ở một thế giới khác,” Serafina nói, “và ta cũng vậy. Chúng ta sẽ gặp lại nhau trong một ngày hay tầm đấy, khi con tàu cập bến, rồi chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn trên hành trình về nhà; sau đó sẽ chia tay mãi mãi. Hãy ôm ta đi, người chị em.”

Mary làm theo, rồi Serafina Pekkala bay đi trên cánh thông mây, qua bãi sậy, qua vùng đầm lầy, qua thềm bùn và bãi biển rồi qua biển cả, cho tới khi Mary không còn có thể nhìn thấy cô nữa.

Vào khoảng cùng thời gian đó, một trong những con thằn lằn xanh to lớn bắt gặp xác của Cha Gomez. Will và Lyra đã trở về làng vào chiều ngày hôm đó theo một lộ trình khác, nên không nhìn thấy cái xác; tên linh mục nằm im lìm nơi Balthamos đã đặt hẩn xuống. Thằn lằn là lũ ăn xác thối, nhưng chúng là những sinh vật hiền hòa và vô hại. Bằng một thỏa thuận từ xa xưa với người mulefa, chúng có quyền ăn bất cứ sinh vật nào bị bỏ mặc cho chết sau khi trời tối.

Con thằn lằn lôi xác tên linh mục về tổ của mình, các con của nó đã được ăn uống thỏa thuê. Còn về khẩu súng trường, nó nằm lẫn trong cỏ nơi Cha Gomez đã đặt xuống, lặng lẽ hóa dần thành gỉ sắt.

Những cồn cát

*Tâm hồn tôi, không tìm kiếm cuộc sống vĩnh hằng,
mà bòn rút vương quốc của những khả năng.*

Pindar

Ngày hôm sau Will và Lyra lại tự mình rời làng, chúng nói rất ít, háo hức được ở riêng với nhau. Trông chúng ngây ngất như thể vừa bị một tai nạn may mắn nào đó đánh cắp mất trí khôn; chúng đi chậm chậm; mắt không tập trung lên thứ mà chúng đang nhìn vào.

Chúng dành cả ngày trên những ngọn đồi rộng lớn, rồi trong cái nóng của buổi chiều, chúng vào khu rừng vàng và bạc của mình. Chúng chuyện trò, chúng tắm rửa, chúng ăn, chúng hôn, chúng nằm trong sự mê mẩn vì hạnh phúc, rì rầm những câu từ có âm thanh cũng mơ hồ như ý nghĩa vậy, và chúng cảm thấy mình đang tan ra vì yêu.

Đến tối, chúng dùng bữa cùng với Mary và Atal, không trò chuyện nhiều, và bởi không khí rất nóng nên chúng nghĩ mình sẽ đi xuống biển, nơi chúng cho rằng có thể có gió mát thổi. Chúng vẫn vờ bước dọc theo con sông cho tới khi đến được bờ biển trải rộng, bừng sáng dưới ánh trăng, nơi triều thấp đang thay đổi.

Chúng nằm xuống lớp cát mịn màng dưới chân những cồn cát, và rồi chúng nghe thấy tiếng hót của con chim đầu tiên.

Cả hai lập tức quay đầu lại, bởi vì đó là một tiếng chim không giống với bất cứ sinh vật nào thuộc về thế giới mà chúng đang ở. Từ đâu đó phía trên, trong bóng tối, vang lên một khúc ca thánh thót rung động, và rồi một khúc nữa đáp lại từ hướng khác. Mừng rỡ, Will và Lyra bật dậy, cố gắng nhìn thấy các ca sĩ, nhưng tất cả những gì chúng có thể thấy được là một cặp hình dạng đen ngòm lúc thì bay thấp, lúc lại vút lên cao, không ngừng hót và hót bằng chất giọng chuông ngân trong trẻo và lộng lẫy một khúc ca biến đổi không ngừng.

Và rồi, với một cú đập cánh làm bắn lên một dòng thác cát nhỏ trước mặt mình, con chim lúc đầu đáp xuống cách đó vài mét.

Lyra nói: “Pan...?”

Nó có hình dạng giống như một con chim câu, nhưng màu sắc lại tối thẫm và khó nhận biết dưới ánh trăng; dù thế nào thì nó cũng đã hiện ra rõ mồn một trên nền cát trắng. Con chim còn lại vẫn đang lượn vòng trên đầu, vẫn đang hót, và rồi nó bay xuống bên cạnh con kia: lại một con bồ câu nữa, nhưng có màu trắng ngọc, với một cái mỏ bằng lông đỏ thẫm.

Lúc đó Will biết được cảm giác khi nhìn thấy linh thú của mình là như thế nào. Khi nó bay xuống nền cát, cậu cảm thấy tim mình thắt lại rồi lại giãn ra theo cái cách không bao giờ cậu có thể quên. Sáu mươi năm và nhiều hơn nữa sẽ trôi qua, khi là một ông già, cậu vẫn sẽ cảm thấy những sự xúc động rạo ngời và tươi mới như thuở nào: những ngón tay của Lyra đặt quả ngọt lên môi cậu dưới vòm cây vàng và bạc; cái miệng ấm áp của cô ép vào miệng cậu; linh thú của cậu không may mắn nghi ngờ bị xé toạc khỏi cái lồng ngực cậu khi chúng bước vào thế giới của người chết; và cảm giác đúng đắn ngọt ngào biết bao khi nó trở lại với cậu bên rìa của những cơn cát ngập ánh trăng.

Lyra đang định tiến về phía chúng thì Pantalaimon lên tiếng.

“Lyra,” nó nói, “Serafina Pekkala đã tới gặp bọn tớ vào đêm qua. Cô ấy kể cho chúng tớ nghe đủ mọi thứ chuyện. Cô ấy đã quay về để dẫn đường cho đoàn người du mục tới đây. Farder Coram đang đến, cả Ngài Faa nữa, họ sẽ tới đây...”

“Pan,” cô bé lo lắng nói, “ôi, Pan, cậu đang không vui - chuyện gì vậy? Có chuyện gì thế?”

Đến đó, nó biến hình rồi lao trên nền cát về phía cô trong dạng một con chồn ermine màu trắng tuyết. Con linh thú còn lại cũng biến đổi - Will cảm thấy điều đó xảy ra giống như một cú siết nhẹ vào tim cậu - và trở thành một con mèo.

Trước khi tiến tới phía cậu, nó cất tiếng. Nó nói: “Cô phù thủy đã cho tớ một cái tên. Trước đó thì tớ không cần đến tên. Cô ấy gọi tớ là Kirjava. Nhưng nghe này, nghe bọn tớ nói đây này...”

“Phải, các cậu phải lắng nghe,” Pantalaimon nói. “Chuyện này khó giải thích lắm.”

Giữa cả bọn, hai con linh thú đã kể lại được cho chúng mọi thứ mà Serafina nói tới, bắt đầu với sự khám phá ra bản chất của hai đứa trẻ: về cách mà, dù không hề chủ ý, chúng trở nên giống như các phù thủy trong năng lực chia cắt nhưng lại vẫn là một thể thống nhất.

“Nhưng đó không phải tất cả,” Kirjava nói.

Pantalaimon lên tiếng: “Ôi, Lyra, tha lỗi cho bọn tớ, nhưng bọn tớ phải kể cho cậu điều mình đã phát hiện ra...”

Lyra thấy hoang mang. Từ khi nào mà Pan lại cần đến sự tha thứ vậy? Cô quay sang nhìn Will và thấy vẻ bối rối của cậu cũng rõ rệt chẳng kém gì mình.

“Cho chúng tớ biết đi,” cậu nói. “Đừng ngại.”

“Đó là về Bụi,” con linh thú mèo nói, Will kinh ngạc khi nghe một phần bản thể của chính mình lại đang nói cho mình nghe một chuyện mà cậu không biết. “Tất cả đã tuôn chảy đi, tất cả số Bụi tồn tại, xuống cái vực thăm mà các cậu đã thấy. Có một điều đã ngăn nó chảy xuống đó, nhưng...”

“Will, chính là thứ ánh sáng vàng đó!” Lyra thốt lên. “Thứ ánh sáng đã đổ dồn xuống vực thăm rồi biến mất... Đó là Bụi sao? Là nó thật à?”

“Phải. Nhưng vẫn luôn có thêm nhiều Bụi rò rỉ ra,” Pantalaimon nói tiếp. “Mà như thế là không được. Việc nó không rò rỉ đi toàn bộ là chuyện

sống còn. Nó phải ở lại thế giới này và không biến mất, bởi nếu không mọi thứ tốt đẹp sẽ tàn phai.”

“Nhưng số còn lại thất thoát đi từ đâu chứ?” Lyra hỏi.

Cả hai con linh thú đều quay sang nhìn Will, rồi nhìn vào con dao.

“Mỗi khi chúng tớ tạo ra một lỗ thông,” Kirjava nói, và một lần nữa Will lại nhận thấy cảm giác hồi hộp khe khẽ đó: *Cậu ấy là mình, và mình là cậu ấy* - “mỗi khi có ai đó tạo ra một lỗ thông giữa các thế giới, chúng tớ hay mấy ông già của Hội, bất cứ ai, con dao sẽ cắt xuyên vào hư không ở bên ngoài. Chính là sự trống rỗng dưới vực thẳm, chúng tớ không hề biết. Chẳng ai biết cả, bởi vì viền của lỗ thông quá tinh vi để có thể nhìn thấy. Nhưng nó lại đủ lớn để Bụi lọt ra ngoài. Nếu ô cửa được đóng lại ngay lập tức, sẽ không có thời gian cho nhiều Bụi rỉ ra, nhưng có hàng nghìn cái mà người ta không bao giờ đóng lại. Vậy nên suốt thời gian đó, Bụi vẫn rỉ ra khỏi các thế giới vào hư vô.”

Sự thấu hiểu bắt đầu bừng lên nơi Will và Lyra. Chúng chống lại nó, chúng đẩy nó đi, nhưng nó giống hệt như thứ ánh sáng u ám thấm vào bầu trời và làm lu mờ những vì sao: Nó luồn qua mọi rào chắn mà chúng có thể dựng nên, dưới mọi màn che và quanh viền của mọi tấm màn chúng có thể kéo xuống ngăn.

“Mọi lỗ thông,” Lyra nói trong tiếng thì thầm.

“Tất cả mọi chỗ - tất cả đều phải được đóng lại?” Will hỏi.

“Tất cả mọi chỗ,” Pantalaimon nói, cũng thì thầm như Lyra.

“Ôi không,” Lyra kêu lên. “Không, không thể là thật được...”

“Vậy nên chúng tớ phải rời khỏi thế giới của mình để sống trong thế giới của Lyra,” Kirjava nói, “hoặc Pan và Lyra phải rời khỏi chỗ của họ để đến ở với chúng tớ. Không có lựa chọn nào khác.”

Rồi ánh bình minh ảm đạm rọi tới.

Và Lyra khóc ầm lên. Tiếng cú kêu của Pantalaimon vào đêm hôm trước đã khiến mọi sinh vật bé nhỏ nghe thấy đều hoảng sợ, nhưng nó chẳng là gì so với tiếng khóc than dữ dội mà Lyra đang thốt lên lúc này. Hai con

linh thú kinh ngạc, còn Will, khi thấy phản ứng của chúng, hiểu tại sao: Chúng không biết phần còn lại của sự thật; chúng không biết những gì bản thân Will và Lyra đã tìm hiểu được.

Cả người Lyra run lên vì giận dữ và đau buồn, cô đi tới đi lui với hai nắm tay nghiến chặt, quay gương mặt giàn giụa nước mắt hết hướng này lại sang hướng kia như thể đang tìm kiếm một câu trả lời. Will lao tới ghì chặt lấy vai cô, nhận thấy người cô đang căng lên và run rẩy.

“Nghe này,” cậu nói, “Lyra, nghe tớ này: Bố tớ đã nói gì?”

“Ôi,” cô khóc, lắc đầu quây quậy, “ông ấy nói - cậu biết ông ấy nói gì mà - cậu cũng ở đó mà Will, cậu cũng đã nghe thấy!”

Cậu bé nghĩ cô sẽ chết vì đau khổ ngay lúc đó. Cô lao vào vòng tay cậu rồi khóc nức nở, ôm ghì lấy hai vai cậu, ấn móng tay vào lưng cậu và mặt vào cổ cậu, tất cả những gì cậu có thể nghe được là: “Không - không - không...”

“Nghe này,” cậu lại nói, “Lyra, hãy cố nhớ lại chính xác xem. Có thể có một cách nào đó. Có thể có một lối thoát.”

Cậu dịu dàng gỡ tay cô ra và để cô ngồi xuống. Lập tức, Pantalaimon đang hoảng sợ lao thẳng vào lòng cô, còn con linh thú mèo ngập ngừng tới gần bên Will. Chúng vẫn chưa chạm vào nhau, nhưng giờ khi cậu giơ tay ra cho nó, nó liền cọ gương mặt mèo của mình vào những ngón tay cậu rồi thanh thoát bước lên lòng cậu.

“Ông ấy nói...” Lyra vừa nói vừa nuốt nước miếng “... ông ấy nói rằng người ta có thể ở trong các thế giới khác trong một thời gian ngắn mà không bị ảnh hưởng. Họ có thể. Chúng ta cũng đã làm vậy, không phải sao? Ngoài việc bọn mình phải làm để vào thế giới của người chết, bọn mình vẫn khỏe mạnh mà, không phải sao?”

“Họ có thể ở lại trong một thời gian ngắn, nhưng không phải một thời gian dài,” Will nói. “Bố tớ đã rời khỏi thế giới của ông ấy, thế giới của tớ, trong mười năm. Và bố đã gần chết khi tớ tìm thấy ông. Mười năm, chỉ vậy thôi.”

“Nhưng còn Ngài Boreal thì sao? Ngài Charles ấy? Ông ta vẫn khỏe mạnh mà, đúng không?”

“Phải, nhưng hãy nhớ rằng ông ta có thể quay về thế giới của mình bất cứ khi nào ông ta muốn và khỏe mạnh trở lại. Dù sao thì đó cũng là nơi cậu gặp ông ta lần đầu tiên, ở thế giới của cậu ấy. Ông ta hẳn đã tìm thấy một ô cửa sổ bí mật nào đó mà không ai khác biết tới.”

“Thì, chúng ta cũng có thể làm thế!”

“Chúng ta có thể, có điều...”

“Tất cả các cửa sổ cần phải được đóng lại,” Pantalaimon nói. “Tất cả.”

“Nhưng làm sao cậu *biết* được?” Lyra gắng hỏi.

“Một thiên thần đã nói cho chúng tớ biết,” Kirjava đáp. “Chúng tớ đã gặp một thiên thần. Bà ấy đã kể cho chúng tớ tất cả về chuyện đó, và cả những chuyện khác nữa. Là thật đấy, Lyra.”

“Bà ấy à?” Lyra sôi sục, vẻ đầy ngờ vực.

“Đó là một nữ thiên thần,” Kirjava nói.

“Tớ chưa từng nghe nói tới một nữ thiên thần nào cả. Có khi bà ta nói dối đấy.”

Will đang suy nghĩ qua một khả năng khác. “Giả sử người ta đóng tất cả những ô cửa sổ khác vào,” cậu nói, “và chúng ta sẽ tạo ra một cái khi cần thiết, đi qua nhanh nhất có thể rồi đóng nó lại ngay lập tức - như thế chắc hẳn sẽ an toàn chứ? Nếu chúng ta không cho Bụi quá nhiều thời gian để lọt ra ngoài ấy?”

“Đúng rồi!”

“Chúng ta sẽ tạo ra nó ở nơi không ai có thể tìm thấy được,” cậu nói tiếp, “chỉ có hai người bọn mình biết...”

“Ôi, như thế sẽ ổn thôi! Tớ dám chắc là thế!” Cô nói.

“Và chúng ta có thể đi từ thế giới này sang thế giới khác, sức khỏe vẫn được duy trì...”

Nhưng hai con linh thú đang đầy lo âu, Kirjava đang lầm bầm: “Không, không,” còn Pantalaimon nói: “Lũ Quỷ hút hồn... Bà ấy cũng kể cho chúng

tớ về bọn Quỷ hút hồn nữa.”

“Quỷ hút hồn à?” Will hỏi. “Bọn tớ đã thấy chúng trong cuộc chiến, lần đầu tiên đấy. Chúng thì sao?”

“À, chúng tớ đã phát hiện ra khởi nguồn của chúng,” Kirjava nói. “Và đây là điều tồi tệ nhất: Chúng giống như những đứa con của vực thẳm vậy. Mỗi lần chúng ta mở một ô cửa bằng con dao, nó sẽ tạo ra một con Quỷ hút hồn. Nó giống như một mẫu nhỏ của vực thẳm lơ lửng trôi ra khỏi đó và lọt vào thế giới này. Đó là lí do mà thế giới của Cittagazze lại đầy chật chúng đến thế, bởi toàn bộ những ô cửa mà người ta đã để mở ở đó.”

“Chúng sinh trưởng nhờ ăn Bụi,” Pantalaimon nói. “Và ăn linh thú nữa. Bởi vì Bụi và linh thú khá giống nhau; chỉ linh thú trưởng thành thôi. Như vậy bọn Quỷ hút hồn sẽ to lên và mạnh lên...”

Will cảm thấy một nỗi kinh hoàng âm ỉ trong tim, Kirjava nép người vào ngực cậu, nó cũng cảm thấy điều đó và cố gắng trấn an cậu.

“Có nghĩa là mỗi lần tớ dùng con dao trước đây,” cậu nói, “tất cả mọi lần, tớ đã khiến một con Quỷ hút hồn sống dậy?”

Cậu nhớ lại điều Iorek Byrninson nói khi ở trong hang động, nơi nó rèn lại con dao. *Điều mà cậu không biết là những gì con dao tự làm theo ý nó. Ý định của cậu có thể là tốt, nhưng bản thân con dao cũng có ý muốn riêng của mình.*

Đôi mắt Lyra đang nhìn cậu, mở to với vẻ đầy khố sở.

“Ôi, chúng ta *không thể*, Will ời!” Cô thốt lên. “Chúng ta không thể làm vậy với mọi người - không để cho những con Quỷ hút hồn khác lọt ra, bởi vì giờ chúng ta đã thấy được việc mà chúng làm!”

“Được rồi,” cậu nói rồi đứng dậy, ôm chặt lấy con linh thú của mình trong ngực. “Vậy thì chúng ta sẽ phải - một trong hai ta sẽ phải - tớ sẽ đến thế giới của cậu và...”

Cô bé biết cậu định nói gì, và cô thấy cậu ôm con linh thú khỏe mạnh xinh đẹp mà cậu thậm chí còn chưa biết gì về nó; cô nghĩ tới mẹ cậu, và cô biết rằng cậu cũng đang nghĩ tới bà. Bỏ mặc bà để sống với Lyra, dù chỉ

trong vài năm mà chúng sẽ có với nhau - liệu cậu có thể làm thế không? Cậu có thể sẽ sống với Lyra, nhưng cô bé biết rằng cậu sẽ không thể sống được với chính bản thân mình.

“Không,” cô hét lên, nhảy tới bên cạnh cậu, Kirjava tới chỗ Pantalaimon đang đứng trên nền cát khi cậu bé và cô bé ôm ghì lấy nhau: “Tớ sẽ làm việc đó, Will ạ! Chúng tớ sẽ tới thế giới của cậu và sống ở đó! Tớ và Pan, kể cả chúng tớ có ốm đau đi nữa cũng chẳng sao - chúng tớ mạnh mẽ lắm, tớ dám cá chúng tớ sẽ sống được rất lâu - mà ở thế giới của cậu có thể có những bác sĩ tốt - Tiến sĩ Malone chắc sẽ biết! Quyết định vậy nhé!”

Cậu đang lắc đầu, và cô thấy những giọt nước mắt lấp lánh trên má cậu.

“Cậu nghĩ tớ có thể chịu đựng được điều đó sao, Lyra?” Cậu nói. “Cậu nghĩ tớ có thể sống hạnh phúc khi nhìn cậu trở nên ốm yếu, héo mòn dần rồi chết đi, trong khi tớ thì mạnh mẽ và trưởng thành hơn từng ngày một sao? Mười năm... Chẳng là gì cả. Nó sẽ trôi qua chỉ trong một chớp mắt. Chúng ta sẽ ở vào độ tuổi đôi mươi. Đâu có được lâu. Nghĩ về điều đó đi, Lyra, cậu và tớ cùng lớn lên, đang chuẩn bị làm tất cả những việc mình muốn - và rồi... tất cả kết thúc. Cậu nghĩ tớ có thể chịu đựng mà sống tiếp sau khi cậu chết đi sao? Ôi, Lyra, tớ sẽ không cần suy tính mà theo cậu xuống thế giới của người chết, giống như cậu đã theo Roger; và vậy là hai cuộc sống sẽ tan biến một cách vô ích, cuộc sống của tớ cũng bị vứt bỏ như cuộc sống của cậu vậy. Không, chúng ta nên dành cả đời bên nhau, một cuộc đời bận rộn và lâu dài, còn nếu không thể sống cùng bên nhau, chúng ta... chúng ta sẽ phải sống tách biệt thôi.”

Vừa căn môi, cô vừa nhìn Will trong lúc cậu đi lên đi xuống trong nỗi thống khổ điên cuồng.

Cậu dừng bước rồi quay lại, nói tiếp: “Cậu có nhớ một điều khác mà ông ấy nói không, bố tớ ấy? Ông ấy nói chúng ta phải xây dựng nước cộng hòa thiên đường ở nơi mà ta sống. Ông ấy nói rằng đối với chúng ta, không có một chỗ nào khác cả. Giờ thì tớ có thể hiểu được rằng đó là điều ông đã ám chỉ. Ôi, chuyện này quá cay đắng. Tớ cứ nghĩ bố chỉ muốn nói đến Ngài

Asriel và thế giới mới của ông ấy, nhưng bố tớ lại ám chỉ chúng ta, ám chỉ cậu và tớ. Chúng ta phải sống trong thế giới của chính mình...”

“Tớ sẽ hỏi Chân Kế,” Lyra nói. “Nó sẽ biết. Không hiểu sao tớ lại không nghĩ tới nó sớm hơn.”

Cô ngồi xuống, dùng một bên mu bàn tay lau má rồi dùng tay còn lại với lấy cái balô. Cô mang nó theo tới mọi nơi: Khi Will nghĩ tới cô bé vào những năm sau này, kí ức đó thường gắn liền với chiếc túi nhỏ trên vai cô. Cô vuốt tóc ra sau hai tai trong một cử động lanh lẹ mà cậu rất mực yêu thích, rồi lấy ra cái bọc nhung đen.

“Cậu có nhìn được không?” Cậu nói, vì mặc dù ánh trăng rất sáng nhưng những biểu tượng quanh mặt đồng hồ lại nhỏ xíu.

“Tớ biết vị trí của tất cả các biểu tượng,” cô nói, “tớ đã nhớ nằm lòng rồi. Giờ thì yên lặng nào...”

Cô ngồi khoanh chân, kéo váy che lên để tạo một lòng chảo. Will nằm tựa lên một bên khuỷu tay và quan sát. Ánh trăng vắng vặc, phản chiếu từ nền cát trắng, thấp sáng gương mặt cô với vẻ rực rỡ dường như lại làm bật ra một sự rực rỡ khác từ bên trong; đôi mắt cô lấp lánh, biểu cảm của cô nghiêm túc và chăm chú đến mức Will có thể đã lại phải lòng cô một lần nữa nếu tình yêu chưa chiếm trọn lấy từng sợi cơ trên cơ thể cậu.

Lyra hít một hơi thật sâu rồi bắt đầu vặn núm xoay. Nhưng chỉ một lúc sau, cô ngừng tay rồi xoay cái máy lại.

“Nhầm chỗ rồi,” cô nói cụt lủn rồi thử lại.

Will, đang quan sát, thấy rõ được gương mặt thân thương của cô. Và bởi vì cậu đã biết nó quá rõ, đã nghiên cứu biểu hiện của cô khi hạnh phúc, đau khổ, hi vọng và buồn thương, cậu có thể thấy được rằng có điều gì đó không ổn; bởi vì không còn dấu hiệu về sự tập trung toàn vẹn mà cô thường chìm vào rất nhanh chóng. Thay vào đó, một nỗi hoang mang đầy bất hạnh dần xâm chiếm lấy cô: Cô cắn môi dưới, cô chớp mắt ngày một nhiều, và đôi mắt cô chậm chạp di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, gần như là bừa bãi, thay vì lướt đi một cách nhanh chóng và chắc chắn.

“Tớ không biết,” cô nói rồi lắc đầu, “tớ không biết chuyện gì đang diễn ra... Tớ biết nó rất rõ nhưng dường như lại không thể thấy được nó muốn nói gì...”

Cô hít một hơi sâu đầy run rẩy rồi xoay lại cái máy. Trông nó thật lạ lùng và ngượng nghịu trong tay cô. Pantalaimon, trong dạng chuột, bò vào lòng cô rồi đặt hai bàn chân màu đen lên lớp pha lê, nhòm vào từng biểu tượng một. Lyra vặn một cái núm, rồi lại vặn một cái khác, xoay cả cái máy lại, rồi nhìn lên phía Will, choáng váng.

“Ôi, Will,” cô khóc, “tớ không thể làm được! Nó đã rời bỏ tớ rồi!”

“Thôi nào,” cậu nói, “đừng buồn. Nó vẫn ở đó bên trong cậu, toàn bộ số kiến thức đó. Chỉ cần cậu bình tĩnh lại và để cho bản thân tìm thấy nó. Đừng cố ép. Chỉ dạng như nhẹ nhàng trôi xuống và chạm vào nó thôi...”

Cô nuốt nước miếng, gật đầu rồi giậm dừ dùng cổ tay gạt ngang qua mắt, rồi hít vài hơi thật sâu; nhưng cậu có thể thấy rằng cô bé vẫn đang quá căng thẳng, cậu đặt tay lên hai vai cô, cảm thấy người cô đang run lên và ôm chặt lấy cô. Cô bé lùi ra rồi thử lại. Một lần nữa cô chăm chú nhìn vào các biểu tượng, một lần nữa cô vặn các núm xoay, nhưng những cái thang ý nghĩa vô hình mà cô từng bước xuống đầy thoải mái và tự tin kia hoàn toàn không ở đó. Cô không thể hiểu nổi ý nghĩa của bất cứ biểu tượng nào.

Cô quay đi, bám lấy Will rồi tuyệt vọng nói:

“Không được rồi - tớ biết - nó đã biến mất mãi mãi rồi - nó chỉ tới khi tớ cần, vì tất cả những việc tớ đã phải làm - vì việc giải cứu Roger, và rồi vì hai chúng ta - còn giờ đây khi nó đã kết thúc, mọi chuyện đã xong xuôi, nó cứ thế rời bỏ tớ... Tớ đã sợ điều đó, bởi vì mọi thứ khó khăn quá - tớ cứ nghĩ mình không thể nhìn rõ nó, hay các ngón tay bị cứng hay gì đó, nhưng hoàn toàn không phải như vậy; năng lực đó đã rời khỏi tớ rồi, nó đã tan biến rồi... Ôi, nó biến mất rồi, Will ạ! Tớ đã đánh mất nó! Nó sẽ không bao giờ trở lại nữa!”

Cô bé khóc nức nở vì sự ruồng bỏ khủng khiếp đó. Tất cả những gì cậu có thể làm là ôm lấy cô. Cậu không biết phải làm sao để an ủi cô bé, bởi vì rõ ràng là cô nói đúng.

Đúng lúc đó, cả hai con linh thú dựng đứng lông và nhìn lên trên. Will và Lyra cũng cảm nhận được điều đó, đôi mắt dõi theo lên bầu trời. Một khối sáng đang di chuyển về phía chúng: Một khối sáng có cánh.

“Đó là thiên thần mà chúng tớ đã thấy,” Pantalaimon đoán.

Nó đoán chính xác. Trong lúc cậu bé, cô bé và hai con linh thú nhìn bà tới gần, Xaphania rải rộng đôi cánh rồi lượn xuống bãi cát. Will, dù với tất cả thời gian dài đi cùng Balthamos, không sẵn sàng cho sự kì lạ của cuộc gặp mặt này. Cậu và Lyra siết chặt lấy tay nhau trong lúc thiên thần bước tới phía chúng, với ánh sáng của một thế giới khác chiếu rọi lên mình. Bà ta không mặc quần áo, nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả: Xét cho cùng thì một thiên thần có thể mặc quần áo kiểu gì chứ, Lyra nghĩ? Không thể đoán được bà ta đã già hay còn trẻ, nhưng biểu cảm của bà vừa nghiêm khắc vừa đầy lòng trắc ẩn, cả Will và Lyra đều cảm thấy như thể bà biết rõ chúng tới tận tim gan.

“Will,” bà cất tiếng, “ta tới để xin cậu giúp đỡ.”

“Giúp đỡ à? Tôi giúp bà thế nào được?”

“Ta muốn cậu chỉ cho ta biết cách đóng các lỗ thông mà con dao tạo ra.”

Will nuốt nước bọt. “Tôi sẽ chỉ cho bà,” cậu nói, “đổi lại, bà có thể giúp chúng tôi không?”

“Không phải theo cách mà cậu muốn. Ta có thể thấy những gì hai cô cậu đang nói tới. Nỗi phiền muộn của hai người đã để lại dấu vết trong không khí. Đây không phải là một lời an ủi, nhưng hãy tin ta, tất cả những sinh vật biết tới tình thế tiến thoái lưỡng nan của hai người đều ước ao rằng mọi thứ có thể khác đi: Nhưng vẫn có định mệnh và kể cả những kẻ quyền lực nhất cũng sẽ phải phục tùng nó. Chẳng có gì ta có thể làm để giúp các cậu thay đổi cách mà mọi thứ đang diễn ra cả.”

“Tại sao...” Lyra lên tiếng, rồi nhận ra rằng giọng nói của mình thật yếu ớt và run rẩy “... tại sao tôi không còn có thể đọc được Chân Kế nữa? Tại sao tôi còn không thể làm được điều đấy? Đây là thứ duy nhất mà tôi có

thể làm thật sự tốt, nhưng nó không còn ở đó nữa - nó cứ thế biến đi như thể chưa từng xuất hiện vậy...”

“Cô đọc được nó nhờ một đặc ân,” Xaphania nói, nhìn sang cô bé, “và cô có thể lấy lại được nó nhờ nỗ lực.”

“Sẽ mất bao lâu?”

“Một đời người.”

“Lâu vậy sao...”

“Nhưng khả năng đọc của cô lúc đó sẽ còn tốt hơn cả bây giờ, sau cả một đời người suy nghĩ và nỗ lực, bởi vì nó sẽ tới từ sự thấu hiểu một cách có ý thức. Đặc ân đạt được như vậy sẽ sâu sắc và trọn vẹn hơn đặc ân tới một cách tự do. Hơn nữa, một khi đã đạt được, nó sẽ không bao giờ rời bỏ cô.”

“Ý bà là *nguyên* một đời người phải không?” Lyra thì thầm. “Cả một cuộc đời dài đằng đằng? Không... không phải chỉ... một vài năm...”

“Phải,” thiên thần đáp.

“Và tất cả các ô cửa sổ đều *phải* đóng?” Will hỏi. “Tất cả mọi cái?”

“Hãy hiểu lấy điều này,” Xaphania nói: “Bụi không phải là bất biến. Không có một số lượng cố định nào luôn được duy trì. Các sinh vật có ý thức tạo ra Bụi - họ liên tục làm mới nó, bằng cách suy nghĩ, cảm nhận và rút kinh nghiệm, bằng cách thu vén tri thức và truyền nó đi.

“Nếu hai người giúp những người khác trong thế giới của mình làm điều đó, bằng cách giúp họ học hỏi, hiểu biết về chính bản thân mình, những người khác và cách mà mọi thứ tiến hành, bằng việc chỉ cho họ thấy làm thế nào để trở nên tốt bụng thay vì tàn nhẫn, kiên nhẫn thay vì hấp tấp, vui tươi thay vì cáu kỉnh, và trên hết, làm thế nào để tâm trí được khoáng đạt, tự do và ham hiểu biết... Khi đó họ sẽ làm mới đủ để thay thế cho những gì bị thất thoát qua một ô cửa sổ. Như vậy có thể có một ô được để ngỏ.”

Người Will run lên vì phấn khích, tâm trí cậu nhảy tới một điểm đơn độc: Tới một ô cửa sổ mới trong không trung nằm giữa thế giới của cậu và Lyra. Nó sẽ là bí mật của chúng, chúng có thể đi qua bất cứ khi nào chúng

chọn, và sống một thời gian trong thế giới của nhau, không hoàn toàn sống trong bất cứ cái nào, như vậy linh thú của chúng sẽ giữ được sức khỏe; chúng có thể lớn lên cùng nhau và có khi, sau đó rất lâu, chúng có thể có những đứa con sẽ là các công dân bí mật của cả hai thế giới; và chúng có thể đem toàn bộ những hiểu biết của một thế giới vào thế giới kia, chúng có thể làm đủ việc tốt...

Nhưng Lyra đang lắc đầu.

“Không,” cô nói, trong một tiếng rền rĩ khe khẽ, “chúng ta không thể, Will ạ...”

Và cậu đột nhiên hiểu được suy nghĩ của cô. Bằng một giọng đau khổ không kém, cậu nói: “Không - những người chết...”

“Chúng ta phải để mở cửa cho họ! Bắt buộc đấy!”

“Phải, nếu không...”

“Và chúng ta phải tạo ra đủ Bụi cho họ, Will ạ, và duy trì cho ô cửa luôn mở...”

Cô bé đang run rẩy. Cô cảm thấy thật bé nhỏ khi được cậu ôm sát bên mình.

“Mà nếu chúng ta làm,” cậu run rẩy nói, “nếu chúng ta sống cuộc đời mình một cách thích đáng trong lúc nghĩ tới họ, chúng ta cũng sẽ có thứ để kể với các nhân điếu. Chúng ta phải kể với mọi người về điều đó, Lyra ạ.”

“Vì những câu chuyện có thật, phải,” cô nói, “những câu chuyện có thật mà các nhân điếu muốn nghe để trao đổi. Phải. Vậy nên nếu người ta sống cả đời mà không có gì để kể lại khi chết đi, họ sẽ không bao giờ rời khỏi thế giới của người chết. Chúng ta phải cho họ biết điều đó, Will ạ.”

“Nhưng phải đi một mình...”

“Ừ,” cô nói, “một mình.”

Trước từ *một mình*, Will cảm thấy một cơn sóng giận dữ và đau khổ khổng lồ đang cuộn ra từ một nơi sâu thẳm bên trong, như thể tâm trí cậu là một đại dương vừa bị một cơn chấn động sâu sắc làm xáo trộn. Cậu đã đơn độc suốt cả cuộc đời mình, và giờ cậu lại phải cô đơn một lần nữa, niềm

hạnh phúc quý giá vô cùng vừa mới tới với cậu lại phải bị cướp đi gần như ngay lập tức. Cậu cảm thấy cơn sóng đang dựng lên ngày càng cao và dốc, khiến bầu trời tối sầm lại, cậu cảm thấy đầu ngọn sóng rung rinh và bắt đầu tràn ra, cậu cảm thấy khối lượng nước khổng lồ lao ầm xuống bằng toàn bộ sức nặng của đại dương phía sau lên bờ biển làm từ thứ nghiêm nhiên phải ở đó. Rồi cậu thấy mình đang thở hỗn hển, run rẩy và khóc lớn với cơn giận dữ và nỗi đau lớn nhất trong đời, cậu thấy Lyra cũng bất lực y hệt trong vòng tay mình. Nhưng khi cơn sóng dùng cạn sức lực, cơn nước đã rút, chỉ còn trơ lại những tảng đá trống rỗng; không thể tranh cãi với định mệnh; nỗi tuyệt vọng của cậu hay Lyra cũng chẳng thể giúp chúng nhúc nhích dù chỉ một phân.

Cơn thịnh nộ của cậu kéo dài được bao lâu, cậu cũng không rõ. Nhưng rốt cuộc nó cũng phải dịu đi, và đại dương đã trở nên bình lặng hơn đôi chút sau cơn biển động. Mặt nước vẫn đang khuấy động, có lẽ nó không bao giờ thật sự bình yên trở lại được, nhưng sức mạnh khủng khiếp đã qua đi.

Chúng quay về phía thiên thần, thấy rằng bà đã hiểu chuyện, và rằng bà cũng cảm thấy sâu nào chẳng khác gì chúng. Nhưng bà có thể nhìn xa hơn chúng, và trong biểu hiện của bà ánh lên một niềm hi vọng bình thản.

Will nuốt nước bọt đánh ực một cái rồi nói: “Được rồi. Tôi sẽ cho bà thấy cách đóng một ô cửa sổ lại. Nhưng tôi sẽ phải mở một cái ra trước đã, và tạo ra một con Quỷ hút hồn. Tôi không hề biết về chúng, nếu không tôi đã cẩn thận hơn rồi.”

“Chúng ta sẽ lo vụ lũ Quỷ hút hồn đó,” Xaphania nói.

Will cầm lấy con dao rồi quay mặt ra biển. Cậu ngạc nhiên khi thấy đôi tay mình khá vững vàng. Cậu cắt một ô cửa sổ vào thế giới của chính mình, và họ thấy mình đang nhìn vào một công xưởng hay một nhà máy hóa chất đồ sộ, nơi hệ thống ống dẫn phức tạp chạy giữa các tòa nhà và thùng chứa, nơi đèn chiếu sáng ở mọi góc ngách, nơi những làn hơi nước dâng lên trong không khí.

“Thật kì lạ khi nghĩ rằng các thiên thần lại không biết cách thực hiện việc này,” Will nói.

“Con dao là phát minh của loài người.”

“Bà sẽ đóng tất cả chúng lại trừ một cái,” Will nói. “Tất cả trừ ô cửa từ thế giới của người chết.”

“Được, đó là một lời hứa. Nhưng có một điều kiện, và cậu biết điều kiện đó là gì rồi đấy.”

“Vâng, chúng tôi biết. Có nhiều ô cửa sổ cần phải đóng lại không?”

“Hàng nghìn cái. Có một vực thẳm khủng khiếp tạo ra bởi quả bom, và còn lối thông khổng lồ mà Ngài Asriel đã tạo ra từ thế giới của chính mình nữa. Cả hai đều cần được đóng lại, và chúng sẽ được như vậy. Nhưng ngoài ra còn có rất nhiều lối thông nhỏ khác, có cái sâu dưới lòng đất, có cái lại cao tí trên không trung, chúng được hình thành theo những cách khác.”

“Baruch và Balthamos nói với tôi rằng họ dùng những lối thông như thế để đi lại giữa các thế giới. Thiên thần sẽ không còn có thể làm việc đó nữa sao? Các vị sẽ bị hạn chế trong một thế giới giống như chúng tôi sao?”

“Không; chúng ta có những phương thức khác để di chuyển.”

“Phương thức của các vị,” Lyra nói, “liệu chúng tôi có thể học được không?”

“Có. Cô có thể học nó, giống như bố của Will đã làm. Nó sử dụng một năng lực mà các vị gọi là trí tưởng tượng. Nhưng nó không có nghĩa là *bịa ra các thứ*. Đó là một dạng nhìn thấu.”

“Vậy thì đó không phải là di chuyển *thật sự* rồi,” Lyra nói. “Chỉ là giả bộ...”

“Không,” Xaphania đáp, “hoàn toàn không phải giả bộ. Giả bộ thì dễ lắm. Cách này có khó khăn, nhưng thật hơn nhiều.”

“Nó có giống với Chân Kế không?” Will hỏi. “Liệu có mất cả đời để học được nó không?”

“Nó yêu cầu một sự luyện tập lâu dài, phải. Cậu sẽ phải tốn công tốn sức. Chẳng lẽ cậu nghĩ mình có thể búng tay một cái là có được nó như một món quà sao? Một thứ đáng có thì cũng sẽ xứng đáng để bỏ sức ra. Nhưng

cậu có một người bạn đã thực hiện những bước đầu tiên, một người có thể giúp cậu.”

Will chẳng đoán nổi người đó có thể là ai, mà trong lúc đó cậu cũng không có tâm trạng để hỏi.

“Tôi hiểu rồi,” cậu thở dài. “Vậy chúng tôi sẽ gặp lại bà chứ? Liệu chúng tôi có còn được nói chuyện với một thiên thần sau khi đã trở về thế giới của mình không?”

“Ta không biết,” Xaphania đáp. “Nhưng cậu không nên dành thời gian chờ đợi làm gì.”

“Và tôi nên bẻ gãy con dao,” Will nói.

“Đúng.”

Trong lúc họ nói chuyện, ô cửa sổ vẫn được mở ra bên cạnh họ. Đèn đang thấp sáng rực rỡ trong công xưởng, công việc đang được tiến hành; máy móc đang chạy, hóa chất đang hòa trộn, người người đang sản xuất ra hàng hóa và kiếm sống. Đó là thế giới nơi Will thuộc về.

“Được rồi, tôi sẽ cho bà thấy phải làm gì,” cậu nói.

Vậy là cậu dạy cho thiên thần cách lần tìm các gờ của ô cửa sổ, giống như Giacomo Paradisi từng chỉ cho cậu, cảm nhận chúng nơi đầu ngón tay rồi kẹp chúng lại với nhau. Từng chút một, ô cửa khép lại, và công xưởng biến mất.

“Những lối thông *không* được tạo ra bởi con dao kì ảo,” Will nói. “Có thật sự cần thiết phải đóng tất cả lại không? Bởi vì chắc chắn là Bụi chỉ thoát ra qua những lối thông mà con dao tạo nên. Những lối khác hẳn phải ở đó hàng nghìn năm rồi, mà Bụi vẫn tồn tại.”

Thiên thần nói: “Chúng ta sẽ đóng tất cả lại, bởi vì nếu cậu nghĩ rằng vẫn còn một lối nào đó sót lại, cậu sẽ dành cả đời tìm kiếm nó, và đó sẽ là một sự lãng phí thời gian. Cậu có việc khác cần phải làm, quan trọng và có giá trị hơn nhiều, ở thế giới của mình. Sẽ không còn việc du hành bên ngoài nó nữa.”

“Vậy việc tôi cần phải làm là gì thế?” Will hỏi, nhưng lại lập tức nói tiếp, “không, tôi nghĩ lại rồi, đừng nói. Tôi sẽ quyết định việc mình làm. Nếu bà nói rằng công việc của tôi là chiến đấu, chữa lành, hay thám hiểm, hoặc bất cứ điều gì, tôi sẽ luôn nghĩ tới nó, và nếu tôi thật sự làm điều đó, tôi sẽ rất bực bội vì sẽ có cảm giác như tôi không có lựa chọn nào cả, còn nếu không làm điều đó, tôi sẽ thấy tội lỗi vì đáng ra tôi nên làm. Dù cho có làm gì thì tôi cũng sẽ là người lựa chọn nó chứ không phải bất cứ ai khác.”

“Vậy thì cậu đã bước những bước đầu tiên về phía tri thức rồi đấy,” Xaphania nói.

“Ngoài biển có ánh sáng kia,” Lyra kêu lên.

“Đó là con tàu chở các bạn của cô để đưa cô về nhà. Ngày mai họ sẽ tới được đây.”

Từ *ngày mai* có cảm giác như một cú thụi nặng nề. Lyra chưa bao giờ nghĩ mình sẽ thấy miễn cưỡng phải gặp Farder Coram, John Faa và Serafina Pekkala.

“Ta phải đi đây,” thiên thần nói. “Ta đã học được điều mình cần biết rồi.”

Bà ôm lấy từng đứa trong vòng tay nhẹ nhàng và mát lạnh của mình, rồi hôn lên trán chúng. Sau đó bà cúi xuống hôn hai con linh thú, chúng hóa thành chim và bay lên cùng với bà trong lúc bà giang cánh và vụt bay lên không trung. Chỉ vài giây sau, bà đã biến mất.

Một lúc sau khi bà đi, Lyra khẽ thở hắt ra.

“Sao thế?” Will hỏi.

“Tớ không hề hỏi về cha mẹ mình - mà giờ thì tớ không thể hỏi Chân Kế nữa rồi... Liệu tớ có bao giờ được biết không nhỉ?”

Cô từ từ ngồi xuống, rồi cậu ngồi xuống bên cạnh

“Ôi, Will,” cô nói, “chúng ta có thể làm gì? Chúng ta có thể làm được gì đây? Tớ muốn sống với cậu mãi mãi. Tớ muốn hôn cậu, nằm xuống cạnh cậu, thức dậy cùng cậu mỗi ngày trong cuộc đời cho tới khi tớ chết, sau đây

nhieu, nhiều, nhiều năm nữa. Tớ không muốn một kí ức, chỉ một kí ức thôi...”

“Không,” cậu nói, “kí ức là một thứ đáng tội nghiệp. Thứ tớ muốn là mái tóc, miệng, cánh tay, mắt, bàn tay thật sự của cậu. Tớ không hề biết rằng mình lại có thể yêu một thứ gì đó đến mức đó. Ôi, Lyra, giá mà đêm nay không bao giờ tàn! Giá mà chúng ta có thể ở lại đây như thế này, thế giới có thể ngừng quay, và tất cả những người khác có thể chìm vào giấc ngủ...”

“Tất cả mọi người trừ chúng ta! Rồi tớ và cậu có thể sống ở đây mãi mãi và chỉ cần yêu thương nhau.”

“Tớ sẽ yêu cậu mãi mãi, dù cho chuyện gì xảy ra đi nữa. Cho tới khi tớ chết và sau khi chết đi, rồi khi tìm được đường ra khỏi vùng đất của người chết, tớ sẽ mãi mãi trôi đi khắp nơi, tất cả những nguyên tử của tớ, cho tới khi tìm lại được cậu...”

“Tớ sẽ đi tìm cậu, Will ạ, mọi lúc, không bao giờ ngừng. Rồi khi thật sự tìm lại được nhau, chúng ta sẽ ôm lấy nhau chặt đến mức không gì, không ai có thể chia lìa hai ta được nữa. Mọi nguyên tử trong cậu và mọi nguyên tử trong tớ... Chúng ta sẽ sống trong chim muông, trong hoa cỏ, trong chuồn chuồn, những cây thông, mây trời và những hạt sáng nhỏ mà ta thấy lơ lửng trong tia nắng... Rồi khi chúng dùng các nguyên tử của chúng ta để tạo ra những sinh linh mới, chúng sẽ không thể chỉ lấy một, chúng sẽ phải lấy cả hai, một của cậu và một của tớ, chúng ta sẽ gắn kết chặt chẽ tới mức...”

Chúng nằm bên nhau, tay trong tay, ngắm nhìn bầu trời.

“Cậu có nhớ,” cô bé thì thầm, “khi cậu lần đầu bước vào quán cà phê ở Ci’gazze, và cậu chưa từng thấy linh thú bao giờ không?”

“Tớ không thể hiểu được cậu ấy là thứ gì. Nhưng khi nhìn thấy cậu, tớ đã thích cậu ngay tức khắc bởi vì cậu rất gan dạ.”

“Không, tớ thích cậu trước mà.”

“Đâu có! Cậu đã đánh nhau với tớ mà!”

“À,” cô nói, “ừ. Nhưng cậu tấn công tớ trước.”

“Đâu phải! Cậu lao ra rồi tấn công tớ mà.”

“Ừ, nhưng tớ đã dừng lại ngay.”

“Ừ, nhưng,” cậu khẽ nhại lại.

Cậu cảm thấy cô run rẩy, và rồi dưới hai bàn tay cậu, những khúc xương mảnh mai trên lưng cô bắt đầu nâng lên, hạ xuống, và cậu nghe thấy tiếng cô khẽ nức nở. Cậu vuốt ve mái tóc ẩm áp, đôi vai mảnh dẻ của cô, cậu hôn lên mặt cô, rồi lại hôn. Lập tức cô bé thở dài một tiếng khiến cả người rung lên rồi nằm im.

Lúc này hai con linh thú đã bay xuống, chúng lại biến hình rồi bước về phía hai đứa trên nền cát mềm. Lyra ngồi dậy để đón chúng, còn Will thì kinh ngạc trước cái cách mà cậu có thể lập tức đoán được con linh thú nào là của ai, dù cho chúng có hình dạng nào đi nữa. Pantalaimon hiện giờ đang là một con thú mà cậu không thể tìm nổi tên: giống như một con chồn sương cỡ lớn và khỏe khoắn, có màu vàng đỏ, uyển chuyển, uốn lượn và đầy duyên dáng. Kirjava đã trở lại làm một con mèo. Nhưng nó là một con mèo có kích cỡ không hề tầm thường, bộ lông nó bóng láng và dày dặn, với cả ngàn tia phản chiếu và sắc độ của đen như mực, xám thẫm, màu xanh của một cái hồ sâu dưới bầu trời buổi trưa, sương mỏng - oải hương - ánh trắng - sương dày... Để hiểu được ý nghĩa của từ *huyền ảo*, ta chỉ cần phải nhìn vào bộ lông của nó.

“Chồn marten,” cậu nói, tìm kiếm tên cho Pantalaimon, “chồn thông.”

“Pan,” Lyra nói khi nó nhảy lên lòng cô, “cậu sẽ không còn biến đổi nhiều nữa đúng không?”

“Không,” nó đáp.

“Buồn cười thật,” cô nói, “cậu có nhớ khi chúng ta còn nhỏ, tớ đã không muốn cậu ngừng biến hình chút nào... Giờ thì tớ chẳng thấy phiền lắm. Nếu cậu cứ như thế này mãi.”

Will đặt tay lên tay cô. Một tâm trạng mới chiếm lĩnh lấy cậu, khiến cậu cảm thấy cương quyết cùng lúc với thanh bình. Biết được chính xác điều mình đang làm và chính xác ý nghĩa của việc đó, cậu chuyển bàn tay từ cổ tay của Lyra tới vuốt bộ lông vàng đỏ trên con linh thú của cô.

Lyra thở mạnh. Nhưng sự bất ngờ của cô xen lẫn với nỗi khoan khoái rất giống với niềm vui sướng tuôn tràn qua người khi cô không thể cưỡng lại được và đã đặt thứ quả lên môi cậu, bởi mọi hơi thở dường như đã rời khỏi cơ thể cô. Với trái tim loạn nhịp, cô đáp lại tương tự: Cô đặt tay mình lên hơi ấm mượt mà như lụa từ con linh thú của Will, khi những ngón tay cô siết lại trên lớp lông, cô biết rằng Will cũng đang cảm nhận y hệt như mình.

Và cô cũng biết rằng từ giờ sẽ không có con linh thú nào biến hình nữa, khi đã cảm thấy đôi tay của người thương yêu đặt lên mình. Đây là hình dạng của chúng cho đến cuối đời: Chúng sẽ không muốn một dạng nào khác.

Cứ như vậy, vừa tự hỏi không biết có cặp tình nhân nào trước chúng khám phá ra được niềm sung sướng này hay chưa, chúng vừa nằm xuống bên nhau trong lúc trái đất chậm chậm quay, còn mặt trăng và những ngôi sao tỏa sáng rực rỡ trên bầu trời.

Vườn Bách thảo

Những người dân du mục cập bến vào buổi chiều ngày hôm sau. Ở đó không có bến cảng, đương nhiên rồi, nên họ phải neo tàu ở ngoài khơi. John Faa, Farder Coram và thuyền trưởng vào bờ trên một con xuồng lớn cùng với Serafina Pekkala làm hoa tiêu.

Mary đã kể cho những người mulefa mọi thứ mà bà biết, và vào lúc những người du mục đặt chân lên bờ biển rộng lớn, một đám đông hiếu kì đã tụ tập lại đó, chờ đợi được chào đón họ. Hẳn nhiên, mỗi bên đều đang sốt ruột vì tò mò về bên còn lại, nhưng John Faa đã học được rất nhiều về phép lịch sự và sự kiên nhẫn trong cuộc đời sống thọ của mình, nên ông quyết tâm để những người kì lạ nhất trái đất này được đón nhận không gì khác ngoài sự trọng đãi và tình hữu nghị từ Vua của những người du mục phía tây.

Vậy là ông đứng khá lâu dưới ánh nắng nóng nực trong lúc zalif già Sattamax nói lời chào mừng được Mary cố gắng dịch lại rõ nhất có thể; rồi John Faa trả lời, đem tới cho họ những lời chào hỏi từ vùng Fens và những sông ngòi trên mảnh đất quê hương ông.

Khi họ bắt đầu tiến lên qua các đầm lầy để tới làng, người mulefa đã thấy Farder Coram phải khó khăn thế nào để có thể bước đi, lập tức họ đề nghị được chở ông. Ông mừng rỡ nhận lời, và cứ như vậy họ tới được khu đất tập trung, nơi Will và Lyra tới gặp họ.

Đã lâu đến vậy rồi Lyra mới được gặp lại những người đàn ông thân thương này! Lần cuối họ nói chuyện với nhau là trong tuyết phủ vùng Cực Bắc, trên đường tới giải cứu lũ trẻ khỏi Những Kẻ háu ăn. Cảm thấy hơi ngượng ngùng, cô bé chìa tay ra bắt, vẻ lưỡng lự; nhưng John Faa đã ôm chầm lấy cô và hôn lên cả hai má cô, rồi Farder Coram cũng làm y hệt, chăm chú nhìn cô trước khi ôm chặt cô vào lồng ngực.

“Con bé đã trưởng thành rồi, John này,” ông thốt lên. “Còn nhớ đứa bé gái mà chúng ta đã đưa tới những vùng đất Phương Bắc không? Nhìn nó bây giờ đi, hê! Lyra, cháu gái yêu quý, dù có cái lưỡi của một thiên thần, ta cũng chẳng thể diễn tả hết mình vui mừng đến thế nào khi lại được nhìn ngắm cháu.”

Nhưng trông cô bé thật tiêu tụy, ông nghĩ, cô trông thật yếu ớt và mệt mỏi. Cả ông lẫn John Faa, không ai lại không nhận thấy cái cách mà cô bé dính chặt lấy Will, và cái cách mà cậu bé với đôi lông mày thẳng đen nhánh từng giây từng phút đều ý thức được cô đang ở đâu, cẩn thận để không rời xa khỏi cô.

Hai ông già chào cậu với vẻ tôn trọng, vì Serafina Pekkala đã kể cho họ vài việc mà Will đã làm. Về phần Will, cậu ngưỡng mộ uy lực khổng lồ trong sự hiện diện của Ngài Faa, một uy lực được tôi luyện nhờ sự lịch thiệp, và cậu nghĩ đó sẽ là một cách tốt để cư xử khi bản thân cậu về già; John Faa là một chỗ dựa và là một nơi nương náu vững chắc.

“Tiến sĩ Malone,” John Faa nói, “chúng tôi cần phải uống nước sạch, và bất cứ thứ gì ăn được mà những người bạn của bà có thể bán cho chúng tôi. Bên cạnh đó, người của chúng tôi đã ở trên tàu trong một thời gian khá dài, chúng tôi lại phải chiến đấu đôi chút, nên sẽ thật sung sướng nếu tất cả bọn họ có thể chạy trên bờ, để có thể hít thở không khí của mảnh đất này và kể với gia đình của họ ở nhà về thế giới xa xôi mà họ đã đặt chân tới.”

“Ngài Faa,” Mary nói, “những người mulefa đã nhờ tôi nói lại rằng họ sẽ cung cấp mọi thứ các vị cần, và rằng họ sẽ rất vinh dự nếu tất cả các vị có thể tới cùng họ dùng bữa tối nay.”

“Chúng tôi rất hân hạnh được đồng ý,” John Faa đáp.

...

Vậy là buổi tối hôm đó, những người tới từ ba thế giới đã ngồi xuống bên nhau, cùng nhau chia sẻ bánh mì, thịt, hoa quả và rượu. Người dân du mục trao tặng các chủ nhà những món quà từ mọi góc ngách của thế giới mình: những chiếc bình gốm sứ, những tác phẩm chạm khắc từ ngà của con moóc, thảm treo tường bằng lụa của người Turk, cốc bạc từ những hầm mỏ xứ Thụy Điển, đĩa tráng men từ Triều Tiên.

Những người mulefa mừng rỡ đón nhận chúng, và để đáp lại, họ đem tặng những vật phẩm từ tài nghệ khéo léo của người dân mình: bình đựng quý hiếm làm từ gỗ nút cổ xưa, các đoạn dây thừng, dây chèo chất lượng tốt nhất, bát sơn mài, cùng lưới đánh cá khỏe và nhẹ tới mức kể cả những người du mục sống tại vùng Fens cũng chưa từng nhìn thấy thứ tương tự.

Sau khi đã cùng nhau dùng yến tiệc, vị thuyền trưởng cảm tạ các chủ nhà và đi để giám sát thủy thủ đoàn trong lúc họ chất hàng dự trữ và nước uống cần thiết lên tàu, bởi vì họ dự tính sẽ ra khơi ngay khi bình minh lên. Trong lúc họ làm vậy, vị zalif già nói với các vị khách của mình:

Một biến động vĩ đại đã bao phủ lên vạn vật. Như một dấu hiệu, chúng tôi đã được giao trọng trách, chúng tôi muốn cho các vị thấy điều này có ý nghĩa gì.

Vậy là John Faa, Farder Coram, Mary và Serafina đi cùng họ tới nơi mà vùng đất của người chết mở ra, nơi những hồn ma đang túa ra, vẫn trong cuộc diễu hành bất tận của mình. Những người mulefa đang trồng một khoảnh rừng quanh đó, bởi vì đó là một nơi linh thiêng, họ nói vậy; họ sẽ bảo tồn nó vĩnh viễn; đó là một nguồn hạnh phúc.

“Đây quả là một điều bí ẩn,” Farder Coram nói, “thật mừng vì tôi đã sống đủ lâu để có thể chứng kiến. Phải bước vào bóng tối của cái chết là một điều mà tất cả chúng tôi đều sợ, dù cho có nói gì đi nữa, chúng tôi cũng sợ nó. Nhưng nếu có một lối thoát cho cái phần của chúng tôi phải đi xuống dưới đó, thật khiến cho trái tim tôi nhẹ nhõm hơn.”

“Ông nói đúng, Coram ạ,” John Faa nói. “Tôi đã chứng kiến rất nhiều người ngã xuống; bản thân tôi cũng đã đẩy nhiều hơn là một vài người xuống vùng tăm tối đó, mặc dù việc đó luôn xảy ra trong cơn thịnh nộ của chiến tranh. Khi biết rằng sau một thời gian ngắn trong tăm tối, ta sẽ lại được tới một mảnh đất ngọt ngào như thế này, được vùng vẫy thỏa thuê trên bầu trời như những chú chim, đó là lời hứa hẹn tuyệt vời nhất mà bất cứ ai có thể ao ước.”

“Chúng ta phải nói chuyện với Lyra về điều này,” Farder Coram nói, “để tìm hiểu nó xảy ra như thế nào, và nó có ý nghĩa gì.”

Mary cảm thấy rất khó khăn để có thể nói lời từ biệt với Atal và những người mulefa khác. Trước khi bà lên tàu, họ tặng cho bà một món quà: một cái lọ sơn mài chứa một ít dầu của cây bánh xe, và quý giá hơn hết là một túi nhỏ đựng hạt.

Chúng có thể sẽ không phát triển ở thế giới của bà, Atal nói, nhưng nếu không thì bà vẫn có tinh dầu. Đừng quên chúng tôi nhé, Mary.

Không bao giờ, Mary đáp. Không bao giờ. Dù có sống lâu như các phù thủy và quên hết mọi thứ khác, tôi vẫn sẽ không quên các bạn và sự tử tế của những người dân ở đây, Atal ạ.

Vậy là cuộc hành trình về quê hương bắt đầu. Gió nhẹ thổi, mặt biển yên bình, và mặc dù họ thấy bóng dáng lấp lánh của những cái cánh khổng lồ trắng như tuyết kia nhiều hơn một lần, lũ chim tỏ ra thận trọng và giữ khoảng cách an toàn. Will và Lyra dành toàn bộ thời gian ở bên nhau, đối với chúng, hai tuần hải trình trôi qua như một cái chớp mắt.

Xaphania đã nói với Serafina Pekkala rằng khi tất cả các lối thông đã được đóng lại, tất cả các thế giới sẽ được khôi phục lại mối quan hệ thích đáng với nhau, Oxford của Lyra và của Will sẽ lại nằm đè lên nhau như những bức ảnh trong suốt trên hai tấm phim đang được dịch lại ngày một gần cho tới khi chúng hòa vào làm một; dù cho chúng sẽ không bao giờ thật sự tiếp xúc.

Tuy nhiên vào lúc đó, hai nơi lại đang cách nhau cả một chặng đường dài - xa như quãng đường mà Lyra đã phải đi từ Oxford của mình đến Cittagazze. Oxford của Will giờ lại đang ở ngay đây, chỉ cách một nhát dao cắt. Trời đã về chiều khi họ tới nơi, và khi mỏ neo rơi tùm xuống nước, mặt trời muộn giờ đang nằm ảm áp trên những ngọn đồi xanh, các mái nhà bằng đất nung, bến tàu thanh nhã đồ sộ và quán cà phê nhỏ của Will và Lyra. Một đợt rà soát dài hơi qua kính viễn vọng của thuyền trưởng không cho thấy bất cứ dấu hiệu nào của sự sống, nhưng John Faa lên kế hoạch đem theo nửa tá lính vũ trang lên bờ phòng trường hợp bất trắc. Họ sẽ không cản đường mà chỉ ở đó khi nào cần thiết.

Họ dùng bữa lần cuối với nhau, ngắm nhìn bóng tối phủ dần. Will nói lời từ biệt với thuyền trưởng và các thuyền viên của ông, với John Faa và Farder Coram. Có vẻ như cậu không ý thức được nhiều về họ, và họ thấy cậu rõ hơn là cậu thấy họ: Họ thấy một người trẻ tuổi nhưng rất mạnh mẽ, và đầy sương gió dậm trường.

Cuối cùng, Will và Lyra cùng hai con linh thú của chúng, Mary và Serafina Pekkala, lên đường đi qua thành phố trống trơn. Nó thật sự trống rỗng; những tiếng bước chân và những cái bóng duy nhất là của chính họ. Lyra và Will đi trước, tay trong tay, tới nơi chúng phải chia lìa, còn hai người phụ nữ nán lại phía sau đôi chút, nói chuyện như những người chị em.

“Lyra muốn đi một đoạn vào Oxford của tôi,” Mary nói. “Cô bé đang dự tính gì đó trong đầu. Sau đó cô bé sẽ trở về ngay lập tức.”

“Bà sẽ làm gì, hả Mary?”

“Tôi à - hẳn nhiên là đi với Will rồi. Chúng tôi sẽ đến căn hộ của tôi - nhà của tôi - vào tối nay, rồi ngày mai chúng tôi sẽ đi tìm nơi mẹ cậu bé đang sống, để xem mình có thể làm gì để giúp bà ấy hồi phục. Có rất nhiều luật lệ và nguyên tắc trong thế giới của tôi, Serafina ạ; người ta sẽ phải làm cho nhà chức trách thỏa mãn và trả lời cả ngàn câu hỏi; tôi sẽ giúp đỡ cậu bé về mảng pháp luật của mọi thứ, các dịch vụ xã hội, nhà ở, vân vân, để cậu bé có thể tập trung vào mẹ của mình. Nó là một cậu bé mạnh mẽ... Nhưng tôi sẽ giúp nó. Hơn nữa, tôi cần nó. Tôi không còn việc làm, không còn nhiều

tiền trong ngân hàng, và tôi sẽ không thấy ngạc nhiên nếu có cảnh sát bám đuôi mình... Cậu bé sẽ là người duy nhất trong cả thế giới của mình mà tôi có thể chia sẻ tất cả những chuyện này.”

Họ dạo bước qua những con phố lạnh như tờ, qua một tòa tháp to bè với khung cửa mở vào bóng tối, qua một quán cà phê nhỏ nơi bàn ghế đứng trên hè đường, rồi ra một đại lộ rộng lớn với hàng cây cọ nằm giữa trung tâm.

“Đây là nơi tôi đã đi qua,” Mary nói.

Ô cửa sổ mà Will đã lần đầu nhìn thấy trong con đường tĩnh lặng vùng ngoại ô Oxford mở ra ở đây, còn tại phía Oxford, nó đang được cảnh sát canh gác - hoặc đã từng như vậy, khi Mary lừa họ để họ cho mình qua. Cô bé nhìn Will bước vào vị trí, khéo léo cử động đôi tay trong không khí, và ô cửa sổ biến mất.

“Lần tới nhìn thấy họ sẽ ngạc nhiên cho mà xem,” cô nói.

Ý định của Lyra là vào Oxford của Mary để cho Will xem một thứ trước khi quay về cùng với Serafina, và rõ ràng là họ phải rất cẩn thận khi cắt xuyên qua; vậy là hai người phụ nữ đi theo phía sau, qua những con phố ngập ánh trăng của Cittagazze. Phía bên phải họ, một khu công viên rộng lớn và thanh nhã dẫn lên một dinh thự đồ sộ với cánh cổng kiểu cổ điển rực rỡ dưới ánh trăng như một khối đường đóng băng.

“Khi nhắc tới hình dạng linh thú của tôi,” Mary nói, “cô nói cô có thể dạy tôi cách nhìn được nó, nếu chúng ta có thời gian... Ước gì chúng ta có nhỉ.”

“À, chúng ta vẫn đang có mà,” Serafina nói, “và chẳng phải chúng ta đang nói chuyện đó sao? Ta đã dạy cho bà vài câu chuyện dân gian của phù thủy, vốn bị cấm dưới những phương cách cũ trong thế giới của ta. Nhưng bà sẽ về lại thế giới của mình, và các phương cách cổ lỗ sĩ đó đã thay đổi. Bản thân ta cũng đã học hỏi được rất nhiều từ bà. Giờ thì: Khi nói chuyện với các hạt Bóng trên máy tính của mình, bà đã phải duy trì một trạng thái tinh thần đặc biệt, đúng không?”

“Phải... giống như cách Lyra làm với Chân Kế. Ý cô là tôi nên thử làm việc đó?”

“Không chỉ việc đó mà cả sự quan sát thông thường vào cùng một lúc nữa. Thử luôn đi.”

Ở thế giới của Mary, người ta có một dạng hình ảnh nhìn qua thì giống như những chấm màu ngẫu nhiên, nhưng nếu được nhìn theo một cách thức đặc biệt thì dường như lại chuyển thành dạng lập thể: Và ở đó, phía trước tấm giấy sẽ là một cái cây, một gương mặt, hay một thứ gì khác chắc chắn đến kinh ngạc mà trước đó đơn thuần là không hề tồn tại.

Những gì Serafina dạy Mary thực hiện vào lúc này cũng tương tự như vậy. Bà phải duy trì cách nhìn thông thường của mình trong khi đồng thời chìm vào sự mơ mộng mở rộng giống như trạng thái nhập định mà bà có thể thấy được các hạt Bóng. Nhưng giờ bà phải duy trì cả hai cách cùng với nhau, cách thường ngày và cách nhập định, giống như bạn phải nhìn về hai hướng cùng một lúc để thấy những bức ảnh 3D giữa các chấm.

Cũng giống như điều xảy ra với những bức ảnh chấm màu, bà đột nhiên nhìn được.

“A!” Bà hét lên rồi với lấy cánh tay của Serafina để đứng vững lại, vì ở đó trên bờ rào sắt quây quanh khu công viên là một chú chim: đen bóng, với đôi chân đỏ và cái mỏ khoằm màu vàng: Một con quạ mỏ vàng núi Alps, đúng như Serafina đã miêu tả. Nó chỉ cách đó một hoặc hai bước chân, quan sát bà với cái đầu hơi nghiêng, cứ như thể nó đang thấy buồn cười lắm vậy.

Nhưng bà bị bất ngờ tới mức sức tập trung trôi tuột đi, và con chim biến mất.

“Bà đã làm được một lần rồi, lần sau sẽ dễ dàng hơn,” Serafina nói. “Khi ở trong thế giới của mình, bà sẽ học được cách nhìn thấy linh thú của cả những người khác nữa, cũng theo cách đó. Dù cho họ sẽ không thấy được linh thú của bà hay của Will, trừ khi bà dạy cho họ như ta đã dạy bà.”

“Vâng... Ôi, thật là phi thường. Vâng!”

Mary nghĩ: Lyra nói chuyện được với linh thú của mình, không phải sao? Liệu bà có nghe được tiếng con chim cũng như nhìn thấy nó không? Bà

đi tiếp, người nóng bừng lên vì hi vọng.

Phía trước họ, Will đang cắt một ô cửa sổ, cậu và Lyra đợi hai người phụ nữ để lại có thể đóng nó lại.

“Bà có biết chúng ta đang ở đâu không?” Will hỏi.

Mary nhìn quanh. Con đường mà lúc này họ đang đứng, trong thế giới của bà, vắng lặng với những hàng cây chạy dọc, những dinh thự lớn theo phong cách Victoria với những khoảnh vườn ngập tràn cây bụi.

“Đâu đó ở phía bắc Oxford,” Mary nói. “Thật ra là không xa căn hộ của ta, mặc dù ta không biết được chính xác đây là con đường nào.”

“Cháu muốn tới Vườn Bách thảo,” Lyra nói.

“Được rồi. Ta đoán là sẽ mất khoảng mười lăm phút đi bộ. Đường này...”

Mary lại thử phương pháp nhìn kếp. Bà thấy lần này việc đó đã trở nên dễ dàng hơn, và kia là con quạ chân đỏ, cùng với bà trong thế giới của chính mình, đậu trên một cành cây rủ thấp trên vỉa hè. Để xem chuyện gì sẽ xảy ra, bà chìa bàn tay, không hề ngần ngại, con chim liền bước lên đó. Bà cảm thấy trọng lượng rất nhẹ, những cái móng quặp chặt lên ngón tay mình, và dịu dàng đưa nó lên vai. Nó đậu vào chỗ như thể nó vẫn luôn ở đó suốt cả cuộc đời bà vậy.

Thì, nó luôn ở đó thật mà, bà nghĩ, rồi đi tiếp.

Không có nhiều xe cộ đi lại trên Phố High, và khi họ rẽ xuống những bậc thang đối diện Học viện Magdalen về phía cổng của Vườn Bách thảo, họ hoàn toàn chỉ còn lại một mình. Có một cánh cổng được trang trí công phu, với những ghế ngồi bằng đá bên trong. Trong lúc Mary và Serafina ngồi đó, Will và Lyra trèo qua hàng rào sắt vào trong vườn. Linh thú của chúng lách người qua những thanh chắn rồi lao đi trước chúng vào trong khu vườn.

“Hướng này,” Lyra nói, kéo tay Will.

Cô bé dẫn cậu đi qua một hồ nước có đài phun dưới tán cây xòe rộng rồi sai bước sang trái giữa những luống cây về phía một cây thông vĩ đại

chia nhiều nhánh. Có một bức tường đá đồ sộ với một cánh cửa trên đó, và trong khu phía xa của khu vườn, cây cối non hơn và cách trồng cũng bớt kiểu cách hơn. Lyra dẫn cậu gần như tới cuối của khu vườn, qua một cây cầu nhỏ, tới một chiếc ghế băng bằng gỗ dưới một thân cây xòe rộng những cành thấp.

“Đây rồi!” Cô reo lên. “Tớ đã hi vọng rất nhiều, nó đây rồi, giống y hệt... Will, tớ thường tới đây trong Oxford *của mình* và ngồi đứng lên cái ghế này mỗi khi muốn ở một mình, chỉ có tớ và Pan. Tớ đã nghĩ là nếu cậu - có lẽ là chỉ một lần mỗi năm - nếu chúng ta có thể tới đây vào cùng một thời điểm, chỉ trong một giờ đồng hồ hay gì đấy, khi đó chúng ta có thể giả vờ như mình lại được ở gần bên nhau - bởi vì chúng ta sẽ ở rất gần, nếu cậu ngồi đây còn tớ ngồi ngay *đây* trong thế giới của tớ...”

“Ừ,” cậu bé nói, “chừng nào còn sống, tớ vẫn sẽ quay lại. Dù cho có ở đâu trên thế giới này, tớ vẫn sẽ quay lại đây...”

“Vào ngày Hạ chí,” cô bé nói. “Giữa trưa. Chừng nào tớ còn sống. Chừng nào tớ còn sống...”

Cậu thấy mình không còn có thể nhìn được nữa, nhưng cậu cứ để cho những giọt nước mắt nóng hổi chảy xuống và ôm chặt lấy cô.

“Và nếu chúng ta - về sau...” Cô đang thì thầm trong lúc run rẩy “... nếu chúng ta gặp một ai đó mà mình thích, và nếu có lấy họ, chúng ta sẽ phải đối xử tốt với họ, không được suốt ngày so sánh và ước gì chúng ta được lấy nhau thay vì họ... Nhưng hãy cứ duy trì việc đến đây mỗi năm một lần, chỉ trong một giờ, chỉ để ở bên cạnh nhau...”

Chúng ôm lấy nhau thật chặt. Nhiều phút trôi qua; một con thủy cầm trên dòng sông bên cạnh chúng động đập và bắt đầu kêu; thi thoảng một chiếc xe lại phóng qua Cầu Magdalen.

Cuối cùng chúng rời nhau ra.

“Ừm,” Lyra khẽ nói.

Mọi thứ thuộc về cô bé trong khoảnh khắc đó thật dịu dàng; sau này, đó là một trong những kí ức yêu thích của cậu - vẻ yêu kiều pha lẫn căng thẳng của cô được ánh sáng mờ ảo làm dịu đi, đôi mắt, bàn tay và đặc biệt là đôi

môi cô, mềm mại khôn xiết. Cậu hôn cô, rồi lại hôn tiếp, mỗi lần lại tiến đến gần hơn với nụ hôn cuối cùng.

Vừa nặng nề lại vừa nhẹ nhàng vì tình yêu, chúng trở lại cổng vào. Mary và Serafina đang đợi.

“Lyra...” Will nói, và cô gọi, “Will.”

Cậu cắt một ô cửa sổ vào Cittàgazze. Chúng đang ở sâu trong khu công viên quanh dinh thự đồ sộ, cách bìa rừng không xa. Chúng bước qua một lần cuối rồi nhìn xuống thành phố im lìm, những mái nhà lợp ngói lấp lánh dưới ánh trăng, tòa tháp phía trên cao, con tàu thắp sáng đang chờ đợi trên mặt biển lặng.

Will quay sang phía Serafina và cố gắng nói giọng vững vàng nhất có thể: “Cảm ơn cô, Serafina Pekkala, vì đã cứu chúng tôi ở vọng lâu, và vì tất cả mọi thứ khác. Hãy đối tốt với Lyra chừng nào cậu ấy còn sống. Tôi yêu cậu ấy hơn bất cứ ai từng được yêu thương.”

Để trả lời, nữ hoàng phù thủy hôn lên cả hai má cậu. Lyra đang thì thầm với Mary, và rồi họ cũng ôm nhau. Sau đó Mary đi trước rồi đến Will bước qua ô cửa sổ cuối cùng, trở lại thế giới của bản thân, trong bóng râm của cây cối trong Vườn Bách thảo.

Will căng đầu ra suy nghĩ hết sức có thể, nhưng việc tỏ ra vui vẻ bắt đầu ngay từ *bây giờ* giống như cố gắng ghìm lại một con sói chiến trong vòng tay khi nó muốn cào lên mặt cậu và rạch toang cổ họng cậu; dù vậy cậu vẫn làm, và cậu nghĩ chẳng ai có thể thấy được nỗ lực mà việc đẩy đòi hỏi ở cậu.

Cậu biết rằng Lyra cũng đang làm điều tương tự, và rằng sự khó khăn cùng gắng gượng trong nụ cười của cô là biểu hiện của việc đó.

Tuy vậy, cô vẫn mỉm cười.

Một nụ hôn cuối cùng, gấp gáp và vụng về đến mức chúng va xương gò má vào nhau, rồi một giọt lệ từ mắt cô truyền sang gương mặt cậu; linh thú của hai đứa hôn từ biệt rồi Pantalaimon lao qua ngưỡng cửa, nhảy vào vòng tay Lyra; sau đó Will bắt đầu đóng ô cửa sổ lại, rồi việc được hoàn thành, con đường đã bị bịt kín, Lyra đã biến mất.

“Giờ...” Cậu bé nói, cố gắng làm giọng thản nhiên, nhưng vẫn phải quay đi khỏi Mary “... cháu phải bẻ gãy con dao.”

Cậu lần tìm trong không khí theo cách quen thuộc cho tới khi tìm thấy một khe hở, và cố gắng nhớ lại chuyện xảy ra trước đây. Cậu đang định cắt một lối đi ra khỏi hang động thì đột nhiên, Phu nhân Coulter không hiểu sao lại nhắc tới mẹ cậu, khiến con dao bị gãy, cậu nghĩ, bởi vì cuối cùng nó đã gặp phải một thứ mà nó không thể cắt được, và đó chính là tình yêu của cậu dành cho mẹ.

Vì vậy lúc này cậu cũng cố gắng gọi lại hình ảnh gương mặt mẹ mình như lần cuối cậu thấy bà, hoảng sợ và quẩn trí trong dãy hành lang nhỏ của bà Cooper.

Nhưng không thành công. Con dao dễ dàng cắt xuyên qua không khí và mở vào một thế giới nơi giông bão đang hoành hành: Những giọt nước nặng nề lao qua, khiến cả hai giật mình. Cậu vội đóng nó lại và đứng bần thần một hồi lâu.

Linh thú của cậu biết cậu nên làm gì, nó chỉ nói đơn giản: “Lyra.”

Hẳn nhiên rồi. Cậu gạt đầu, và với con dao trong bàn tay phải, cậu dùng tay trái ấn vào nơi mà giọt nước mắt của cô vẫn đang nằm trên má cậu.

Và lần này, với một tiếng rắc đầy đau đớn, con dao bị phá hủy, lưỡi sắc rơi thành từng mảnh lên mặt đất, lấp lánh trên những hòn đá vẫn còn ướt vì những hạt mưa của một vũ trụ khác.

Will quỳ xuống để nhặt các mảnh vỡ lên một cách cẩn thận, Kirjava dùng đôi mắt mèo của mình để giúp cậu tìm đủ các mảnh.

Mary đang quàng balô lên vai.

“À,” bà nói, “ừm, nghe này, Will. Chúng ta gần như chưa nói chuyện gì với nhau, ta và cháu... Nên chủ yếu chúng ta vẫn là người lạ. Nhưng Serafina Pekkala và ta đã hứa với nhau, và ta cũng vừa hứa với Lyra, mà kể cả có chưa hứa hẹn gì khác, ta cũng sẽ hứa với cháu một điều, đó là nếu cháu cho phép, ta sẽ làm bạn của cháu trong suốt phần đời còn lại của hai ta. Cả hai chúng ta đều còn lại một mình, và ta nghĩ chúng ta đều sẽ thấy ổn với kiểu... Điều ta muốn nói là, chúng ta chẳng còn ai khác để có thể nói chuyện

về tất cả những thứ này, trừ người còn lại... Cả hai ta đều phải làm quen với việc sống với linh thú của mình nữa... Cả hai ta đều đang gặp rắc rối, và nếu điều đó không cho chúng ta một vài điểm chung thì ta không biết thứ gì sẽ có thể nữa.”

“Bà đang gặp rắc rối sao?” Will hỏi, nhìn sang bà. Gương mặt lạnh lợi, thân thiện và cởi mở của bà nhìn thẳng vào cậu.

“À, ta đã đập vỡ vài tài sản của phòng thí nghiệm trước khi bỏ đi, rồi ta làm giả một tấm thẻ căn cước, rồi... Đó chẳng phải thứ gì mà chúng ta không thể giải quyết được. Cả rắc rối của cháu nữa - chúng ta cũng có thể xử lí nó. Chúng ta có thể tìm lại mẹ cháu và giúp bà ấy được điều trị một cách thích hợp. Còn nếu cháu cần một nơi nào đó để sống, à, nếu cháu không ngại sống với ta, nếu chúng ta có thể sắp xếp điều đó, thì cháu sẽ không phải đến, người ta gọi nó là gì nhỉ, đến chỗ trại chăm sóc. Ý ta là, chúng ta sẽ phải quyết định một câu chuyện và bám lấy nó, nhưng chúng ta có thể làm điều đó đúng không?”

Mary là một người bạn. Cậu có một người bạn. Đó là sự thật. Cậu chưa từng nghĩ tới điều đó.

“Vâng!” Cậu nói.

“Được rồi, quyết định thế nhé. Căn hộ của ta ở cách đây khoảng nửa dặm, và cháu biết ta muốn thứ gì nhất trên thế giới này không? Ta muốn một tách trà. Nào, đi thôi, đi đặt ấm lên bếp thôi.”

Ba tuần sau thời khắc mà Lyra nhìn bàn tay của Will khép thế giới của mình lại mãi mãi, cô một lần nữa lại ngồi bên chiếc bàn ăn tại Học viện Jordan, nơi cô lần đầu tiên thấy ngây ngất trước sức hút của Phu nhân Coulter.

Lần này là một bữa tiệc nhỏ hơn: Chỉ có cô, Hiệu trưởng và Quý bà Hannah Relf, hiệu trưởng trường Thánh Sophia, một trong những học viện dành cho nữ giới. Quý bà Hannah cũng đã có mặt tại bữa tối đầu tiên đó, và nếu Lyra có thấy ngạc nhiên khi lần này lại gặp bà ở đây, cô vẫn chào bà rất lịch sự, và nhận thấy rằng kí ức của mình hoàn toàn sai lầm: Vì Quý bà

Hannah đầy khéo léo hơn, thú vị hơn, và tử tế hơn rất nhiều so với con người mờ nhạt và lồi thoi mà cô nhớ được.

Đủ thứ chuyện đã xảy ra khi Lyra đi vắng - với Học viện Jordan, với nước Anh, với cả thế giới. Có vẻ như quyền lực của Giáo hội đã tăng lên khủng khiếp, và rất nhiều luật lệ tàn bạo đã được thông qua, nhưng quyền lực đó cũng lụi tàn nhanh chóng như khi phát triển: Những biến động đột ngột trong nội bộ Huấn Quyền đã lật đổ những kẻ cuồng tín và đem lại quyền lực cho nhiều phe cánh tự do hơn. Tổng Ủy ban Hiến tế đã bị giải thể; Tòa án Công giáo Kỉ luật trở nên lộn xộn và thiếu người dẫn đầu.

Còn các học viện của Oxford, sau một thời kì chuyển tiếp ngắn nhưng đầy hỗn loạn, đang dần ổn định trở lại sự yên bình của uyên bác và lễ nghi. Vài thứ đã biến mất: bộ sưu tập đồ bạc giá trị của Hiệu trưởng bị cướp mất; vài người phục vụ trong trường bỏ đi. Tuy nhiên, nam phục vụ của Hiệu trưởng, Cousins, vẫn đang giữ vị trí đó, và Lyra đã sẵn sàng đối đầu với sự thù địch của cậu ta bằng vẻ thách thức của mình, vì họ vẫn luôn là kẻ thù trong cả kí ức của cô. Cô thấy hơi giật mình khi được cậu ta nồng nhiệt chào đón và dùng cả hai tay bắt tay cô: Giọng cậu ta đang thể hiện sự quý mến sao? Chà, cậu ta đã thay đổi rồi.

Trong suốt bữa tối, Hiệu trưởng và Quý bà Hannah nói về những chuyện xảy ra khi Lyra vắng mặt, cô lắng nghe trong đau buồn, tiếc nuối, hoặc ngạc nhiên. Khi họ rút vào phòng khách của ông để dùng cà phê, Hiệu trưởng nói:

“Giờ thì, Lyra ạ, chúng ta gần như không nghe được tin tức gì về cháu. Nhưng ta biết cháu đã chứng kiến nhiều việc. Liệu cháu có thể kể cho chúng ta nghe vài việc mình đã trải qua không?”

“Vâng,” cô bé đáp. “Nhưng cháu không kể được tất cả một lúc đâu. Có vài chuyện trong đó cháu không hiểu nổi, một vài vẫn sẽ khiến cháu rùng mình và rơi nước mắt; nhưng cháu sẽ kể cho mọi người, cháu hứa, nhiều nhất có thể. Có điều mọi người cũng phải hứa một việc nữa.”

Hiệu trưởng nhìn sang vị phu nhân có mái tóc hoa râm với con linh thú khi đuôi sóc nằm trong lòng, một ánh nhìn thích thú lóe lên giữa hai người.

“Đó là gì vậy?” Quý bà Hannah hỏi.

“Mọi người phải hứa sẽ tin lời cháu,” Lyra nghiêm túc nói. “Cháu biết không phải lúc nào cháu cũng nói sự thật, và cháu đã chỉ có thể *sống sót* ở một vài nơi nhờ nói dối và bịa chuyện. Nên cháu biết đó là tính cách mà cháu vẫn luôn sở hữu, cháu cũng biết là mọi người biết điều đó, nhưng câu chuyện thật của cháu quá quan trọng để kể nếu mọi người chỉ định tin một nửa của nó. Vậy nên cháu hứa sẽ kể sự thật nếu hai người hứa sẽ tin vào nó.”

“Được, ta hứa,” Quý bà Hannah đáp, rồi Hiệu trưởng nói: “Ta cũng vậy.”

“Nhưng hai người biết điều mà cháu ước ao,” Lyra nói, “gần như - *gần như* hơn tất cả mọi thứ khác không? Cháu ước gì mình không bị mất khả năng đọc Chân Kế. Ôi, chuyện này thật kì quặc, ông Hiệu trưởng ạ, cái cách mà nó đến lúc đầu và rồi cứ thế bỏ đi! Một ngày, cháu biết rất rõ - cháu có thể đi lên đi xuống các tầng ý nghĩa biểu tượng, bước từ cái này sang cái khác và liên kết mọi thứ lại - nó giống như...” Cô bé mỉm cười rồi nói tiếp: “À, cháu giống như một con khỉ trên cây vậy, rất nhanh nhẹn. Rồi đột nhiên - chẳng còn gì cả. Điều này hoàn toàn vô lí; cháu thậm chí còn không nhớ nổi bất cứ thứ gì trừ những ý nghĩa cơ bản như mỏ neo thì mang nghĩa hi vọng, còn đầu lâu có nghĩa là cái chết. Tất cả hàng ngàn ý nghĩa đó... Cứ thế tan biến.”

“Vậy nhưng chúng không tan biến đâu, Lyra ạ,” Quý bà Hannah nói. “Các cuốn sách vẫn nằm trong Thư viện Bodley. Sự uyên bác để nghiên cứu chúng vẫn tồn tại và sung túc.”

Quý bà Hannah đang ngồi đối diện với Hiệu trưởng trên một trong hai chiếc ghế bành bên cạnh lò sưởi, Lyra trên chiếc sofa đặt giữa họ. Cái đèn bên ghế của Hiệu trưởng là toàn bộ ánh sáng trong phòng, nhưng nó soi tỏ biểu cảm của hai người già. Lyra thấy mình đang chăm chú nhìn gương mặt của Quý bà Hannah. Dịu dàng, Lyra nghĩ, sắc sảo, và thông thái; nhưng ý nghĩa của nó thì cô chẳng thể đọc được gì hơn là đọc Chân Kế.

“Giờ thì,” Hiệu trưởng nói tiếp. “Chúng ta phải suy nghĩ về tương lai của cháu, Lyra ạ.”

Những câu từ của ông khiến cô rùng mình. Cô thu người rồi ngồi thẳng dậy.

“Trong suốt thời gian đi xa,” Lyra nói, “cháu chưa từng nghĩ về điều đó. Tất cả những gì cháu nghĩ tới chỉ là thời điểm mà mình đang sống; là hiện tại. Đã có rất nhiều lần cháu nghĩ rằng mình hoàn toàn sẽ chẳng có tương lai nào hết. Còn giờ... À, đột nhiên nhận thấy mình có cả một cuộc đời để sống, nhưng chẳng... nhưng chẳng biết phải làm gì với nó, giống như là sở hữu Chân Kế mà không biết làm thế nào để đọc được vậy. Cháu nghĩ mình sẽ phải làm việc, nhưng lại không biết phải làm gì. Cha mẹ cháu có thể giàu có đấy, nhưng cháu dám cá là họ chưa từng nghĩ tới việc dành riêng ra một khoản tiền cho cháu, mà dù sao thì cháu nghĩ đến giờ họ hẳn đã dùng hết toàn bộ tài sản của mình theo cách này hay cách khác rồi, nên kể cả cháu có quyền thừa kế gì đi chăng nữa thì cũng sẽ chẳng còn gì sót lại. Cháu không biết nữa, Hiệu trưởng ạ. Cháu quay trở lại Jordan vì nơi đây từng là nhà của cháu, cháu cũng chẳng có chỗ nào khác để đi nữa. Cháu nghĩ Quốc vương Iorek Byrnison sẽ cho phép cháu sống tại Svalbard, và cháu nghĩ Serafina Pekkala sẽ cho phép cháu sống cùng với bộ tộc phù thủy của cô ấy; nhưng cháu chẳng phải gấu cũng không phải phù thủy, nên cháu sẽ không thật sự hòa nhập được ở đó, dù có yêu mến họ đến nhường nào. Có khi những người du mục sẽ nhận cháu... Nhưng thật sự cháu không biết phải làm gì nữa rồi. Cháu thật sự thấy lạc lối.”

Họ nhìn cô bé: Đôi mắt cô đang long lanh hơn thường lệ, cằm cô hếch cao với một vẻ mà cô đã học từ Will dù không hề nhận ra. Trông cô vừa ngang ngạnh lại vừa lạc lối, Quý bà Hannah nghĩ, và bà thấy ngưỡng mộ cô bé vì điều đó; Hiệu trưởng thì lại thấy một điều khác - ông thấy sự duyên dáng một cách vô thức của đứa trẻ đã biến mất ra sao, và cô bé thấy lúng túng trong cơ thể đang trưởng thành của mình như thế nào. Nhưng ông yêu thương đứa trẻ này hết mực, và ông cảm thấy nửa tự hào, nửa kinh sợ trước dáng vẻ người lớn xinh đẹp mà cô sẽ trở thành, sớm thôi.

Ông nói: “Chừng nào học viện này còn đứng vững thì cháu sẽ không bao giờ bị lạc lối đâu, Lyra ạ. Đây là nhà của cháu chừng nào cháu còn cần đến nó. Còn về tiền bạc - cha cháu đã để lại một nguồn vốn để chăm lo cho tất cả các nhu cầu của cháu, và chỉ định ta làm người thực hiện; nên cháu không cần phải lo lắng về điều đó.”

Trên thực tế, Ngài Asriel không hề làm việc gì như vậy, nhưng Học viện Jordan rất giàu có, và Hiệu trưởng cũng có ngân sách của riêng mình, kể cả sau những biến động gần đây.

“Không,” ông nói tiếp, “ta đang nghĩ về việc học. Cháu vẫn còn rất nhỏ, mà việc giáo dục cháu cho đến nay vẫn phụ thuộc vào... Ồm, hết sức chân thành mà nói, vào vị học giả nào ít bị cháu đe dọa nhất,” ông nói, nhưng lại đang mỉm cười. “Việc đấy khá ngẫu nhiên. Giờ chuyện hóa ra lại là đến lúc thích hợp, những tài năng của cháu sẽ đưa cháu theo một hướng mà chúng ta hoàn toàn không thể dự đoán được. Nhưng nếu cháu định đặt Chân Kế làm đối tượng của công việc cả đời mình, và bắt đầu học một cách có ý thức những gì mình từng làm được nhờ trực giác...”

“Vâng,” Lyra quả quyết nói.

“... thì chẳng có phương án nào tốt hơn việc cháu đặt mình dưới sự chỉ dạy của người bạn tốt của ta, Quý bà Hannah đây. Không ai sánh nổi sự uyên thâm của bà ấy trong lĩnh vực đó đâu.”

“Hãy để ta gợi ý một việc,” vị phu nhân nói, “cháu không cần phải trả lời ngay đâu. Cứ suy nghĩ về nó đi đã. Học viện của ta không được thâm niên như Jordan, và dù sao đi nữa cháu cũng vẫn còn quá nhỏ để trở thành sinh viên đại học, nhưng một vài năm trước, chúng ta có được một căn nhà lớn ở miền bắc Oxford và quyết định thành lập một trường nội trú. Ta muốn cháu đến gặp Nữ hiệu trưởng và xem liệu mình có muốn trở thành một trong các học sinh của chúng ta hay không. Cháu thấy đấy một điều mà cháu sẽ sớm cần đến, Lyra ạ, là tình bạn với những cô bé cùng trang lứa khác. Có những điều mà chúng ta học hỏi từ nhau khi còn trẻ, và ta không nghĩ Jordan có thể cung cấp tất cả những điều đó. Nữ hiệu trưởng là một người phụ nữ trẻ thông minh, hoạt bát, sáng tạo, và tốt bụng. Chúng ta rất may mắn vì có

được cô ấy. Cháu có thể nói chuyện với cô ấy, và nếu thích ý tưởng đó, cháu có thể tới nhận Thánh Sophia làm trường của mình, cũng như Jordan là nhà của cháu vậy. Còn nếu cháu muốn bắt đầu nghiên cứu Chân Kế một cách có hệ thống, cháu và ta có thể có vài buổi kèm riêng. Nhưng vẫn còn thời gian, cháu yêu ạ, còn rất nhiều thời gian. Đừng trả lời ta ngay bây giờ. Cứ để đó cho tới khi cháu sẵn sàng.”

“Cảm ơn bà,” Lyra nói, “cảm ơn bà, Quý bà Hannah, cháu sẽ làm theo.”

Hiệu trưởng đã giao cho Lyra chìa khóa riêng để mở cửa vào vườn, để cô có thể đến và đi theo ý muốn. Đêm khuya hôm đó, ngay khi người gác cổng đang khóa chòi canh, cô và Pantalaimon liền lên ra ngoài rồi tìm đường qua những con phố tối tăm, lắng nghe tất cả những tiếng chuông của Oxford điểm nửa đêm.

Khi đã vào trong Vườn Bách thảo, Pan chạy đi trên cỏ, dồn một con chuột về phía bức tường rồi để nó đi và lao vọt lên cây thông vĩ đại gần đó. Thật mừng khi thấy nó nhảy nhót qua những cành cây ở cách cô rất xa, nhưng chúng phải cẩn thận không làm điều đó khi có người đang nhìn; năng lực chia tách của phù thủy mà chúng đã đạt được một cách đau đớn phải được giữ bí mật. Trước đây, cô hẳn sẽ hăm dọa khoe khoang với tất cả lũ bạn đường phố của mình, khiến chúng trợn mắt vì kinh sợ, nhưng Will đã dạy cô giá trị của sự im lặng và thận trọng.

Cô ngồi lên ghế, đợi Pan tới chỗ mình. Nó thích khiến cô bất ngờ, nhưng thường thì cô luôn nhìn thấy nó trước khi nó tới nơi, và kia là hình dáng lơ mơ của nó, đang lao đi bên cạnh bờ sông. Cô nhìn đi hướng khác, giả bộ như mình chưa thấy nó, rồi đột ngột tóm lấy con linh thú khi nó nhảy lên ghế.

“Suýt nữa thì thành công rồi,” nó nói.

“Cậu sẽ phải làm tốt hơn thế đấy. Tớ nghe thấy tiếng cậu lao tới suốt từ chỗ cổng vào cơ.”

Nó ngồi trên lưng ghế với hai chân trước đặt lên vai cô.

“Chúng ta sẽ nói gì với bà ấy đây?” Nó hỏi.

“Chúng ta sẽ đồng ý,” cô đáp. “Đăng nào thì cũng chỉ là gặp cô Hiệu trưởng kia thôi mà. Đâu phải là vào trường đâu.”

“Nhưng chúng ta sẽ học ở đó, đúng không?”

“Ừ”, cô nói, “có lẽ vậy.”

“Như thế khéo lại hay.”

Lyra thắc mắc về những học sinh khác, chúng có thể sẽ thông minh hơn cô, hoặc thông thạo hơn, và chắc chắn là chúng biết nhiều hơn cô về mọi thứ quan trọng đối với con gái ở tuổi của mình. Còn cô thì sẽ chẳng thể kể cho chúng nghe cả trăm thứ mà mình biết, chúng sẽ phải nghĩ rằng cô là kẻ đơn giản và chẳng biết gì.

“Cậu có nghĩ Quý bà Hannah thật sự có thể đọc Chân Kế không?” Pantalaimon hỏi.

“Có mấy cuốn sách kia thì tớ dám chắc là bà ấy có thể. Không biết có bao nhiêu cuốn nhỉ? Tớ dám cá là chúng ta có thể học hết đồng đó, và thực hiện mà không cần xem. Cứ tưởng tượng phải bê theo một chồng sách đi khắp nơi mà xem... Pan?”

“Gì?”

“Liệu cậu có bao giờ kể cho tớ nghe những gì mình và linh thú của Will đã làm khi chúng ta tách nhau không?”

“Một ngày nào đó,” nó đáp. “Cậu ấy cũng sẽ kể cho Will nghe, một ngày nào đó. Chúng tớ đã nhất trí rằng mình sẽ biết khi nào là thời điểm thích hợp, nhưng cho đến lúc đó thì chúng tớ sẽ không kể cho bất cứ ai trong số các cậu.”

“Được rồi,” cô bé hòa hoãn nói.

Cô đã kể cho Pantalaimon nghe mọi thứ, nhưng cũng đúng khi nó có vài bí mật với cô, sau khi đã bị cô bỏ mặc như thế.

Cô cũng thấy an ủi khi nghĩ rằng mình và Will lại có thêm một điểm chung nữa. Cô tự hỏi liệu sẽ có một giờ nào đó trong cuộc đời mình mà cô không nghĩ tới cậu; không nói chuyện với cậu trong đầu mình, không sống

lại mọi khoảnh khắc chúng đã ở bên nhau, không khao khát giọng nói của cậu, đôi tay cậu và tình yêu của cậu hay không. Cô chưa từng mơ tới cảm giác yêu thương một ai đó quá mức; giữa tất cả những điều đã khiến cô kinh ngạc trong những chuyến phiêu lưu của mình, đó là điều khiến cô kinh ngạc nhất. Cô nghĩ rằng sự dịu dàng mà nó để lại trong tim cô giống như một vết thâm tím sẽ không bao giờ biến mất, nhưng cô sẽ mãi trân trọng nó.

Pan luôn xuống ghế rồi nằm cuộn tròn trong lòng cô. Chúng cùng được an toàn trong bóng tối, cô bé, linh thú của cô và những bí mật của chúng. Đâu đó trong thành phố say ngủ này là những cuốn sách sẽ cho cô biết cách đọc Chân Kế, người phụ nữ tốt bụng và uyên bác sẽ dạy dỗ cô, và những bạn gái ở trường, những người biết nhiều hơn cô rất nhiều.

Cô nghĩ: Họ chưa biết điều này, nhưng họ sẽ trở thành bạn mình.

Pantalaimon lầm bầm: “Điều mà Will nói...”

“Khi nào cơ?”

“Trên bãi biển, ngay khi cậu thử đọc Chân Kế. Cậu ấy nói không còn bất cứ nơi nào khác. Đó là điều mà bố cậu ấy đã nói với cậu. Nhưng vẫn còn một điều khác.”

“Tớ có nhớ. Ý ông ấy là vương quốc đó, thiên quốc, đã chấm dứt, tất cả đã kết thúc. Chúng ta không nên sống như thế nó quan trọng hơn cuộc sống này trên thế giới này, bởi vì nơi chúng ta ở luôn là nơi quan trọng nhất.”

“Ông ấy nói chúng ta phải xây dựng một thứ gì đó...”

“Đó là lí do chúng ta cần trọn vẹn cuộc đời mình, Pan ạ. Đáng ra chúng ta đã đi cùng Will và Kirjava rồi, không phải sao?”

“Phải. Đương nhiên rồi! Và họ đáng ra cũng đã đi với chúng ta. Nhưng...”

“Nhưng khi đó thì chúng ta sẽ không thể xây dựng được nó nữa. Chẳng ai có thể, nếu họ đặt bản thân lên trên hết. Chúng ta phải làm tất cả những điều khó khăn như là vui vẻ, tốt bụng, tò mò, dũng cảm, kiên nhẫn, chúng ta phải học tập và suy nghĩ, phải làm việc chăm chỉ, tất cả chúng ta, trong tất cả những thế giới khác biệt của mình, và rồi chúng ta sẽ xây nên...”

Hai tay cô đang đặt lên bộ lông bóng mượt của con linh thú. Đâu đó trong khu vườn, một con chim sơn ca đang hát, một ngọn gió thoảng chạm vào mái tóc cô và lay động đám lá phía trên. Tất cả những tiếng chuông khác biệt trong thành phố ngân lên, từng cái một, cái này cao, cái kia thấp, có cái gần, những cái khác lại xa, có cái vỡ vụn và cáu bần, cái khác lại trang nghiêm và âm vang, nhưng đều đồng tình bằng tất cả những tiếng nói khác biệt của mình về thời gian lúc đó, dù cho một vài trong số chúng đến được đó hơi chậm hơn những cái khác. Trong Oxford kia, nơi cô và Will đã hôn từ biệt, chuông cũng sẽ ngân vang, một con sơn ca sẽ cất tiếng hát, và một cơn gió nhẹ sẽ lay động lá trong Vườn Bách thảo.

“Và rồi sao?” Con linh thú của cô ngái ngủ hỏi. “Xây cái gì cơ?”

“Nước cộng hòa thiên đường,” Lyra đáp.

Phụ lục

Tài liệu lưu trữ của Huấn Quyền
Giấy tờ của Mary Malone

TUYỆT MẬT

Rõ ràng là không có điểm dừng cho những tưởng tượng xấu xa về dị giáo và những lí giải báng bổ mà người ta đưa ra về giả thuyết 'các thế giới khác'.

Nhất quyết không thể thoả hiệp với dị giáo. Nó phải được nhổ bỏ tận gốc mỗi khi được tìm thấy, kể cả từ miệng của những đứa bé sơ sinh.

Thời gian gần đây, huấn quyền đã chịu thất bại bởi ganh đua và tranh cãi nội bộ, một vài vụ chẳng khác gì dị giáo, và tất cả đều bất lợi cho công cuộc vĩ đại của chúng ta. Đã đến lúc đồng lòng cho một mục đích linh thiêng và hợp nhất mọi nỗ lực dưới một ngọn cờ. Đã đến lúc thực hiện một cuộc thánh chiến.

William J.

thí nghiệm neutrino đường cơ sở dài tại Chicago/Minnesota. Một chùm hạt dài 730 km nghe có vẻ nhiều nhưng giả sử chúng xuyên thẳng qua trái đất trong khoảng 11.000 km - tới Úc hoặc New Zealand - đường kính là gì ấy nhỉ? Kiểu dạng như vậy - hệ thống DAQ có thể phục vụ các máy dò ở gần và xa hết như cách mà nó làm với dự án MINOS, và quý tha ma bắt nó đi với tất cả mấy cái thứ magma với cái cách chúng chắc chắn sẽ đánh bật thêm một vài hạt neutrino nữa kể cả khi máy con khi con đó vẫn trơn tuột như chúng tỏ ra. Tôi dám cá người ta có thể chuẩn bị nó sẵn sàng nếu họ muốn.

À, nhân tiện, tôi vừa tìm được một căn hộ mới. Chỉ vài bước chân từ phòng thí nghiệm - không thể tuyệt hơn - một bà cụ rất tử tế quản lý tòa nhà - yên tĩnh, gần các công viên. Địa chỉ như trong thư. Có phòng trống. Đến ở đi!

Thân mến,

Mary.

Gửi bà Hopkins,

Tôi rất tiếc phải làm phiền bà
nhưng cái bồn rửa lại bị tắc mất rồi.
Tôi đã gọi thợ hàn nhưng anh ta nói
không thể đến trước chiều muộn,
mà tôi lại phải đi nộp giấy tờ ở London,
đến tối muộn mới về.

Bà có thể mở cửa cho anh ta
vào không?

Cảm ơn bà -
Mary.

BƯU THIẾP

VIẾT ĐỊA CHỈ Ở MẶT NÀY



cần đạt được công suất 100 terawatt - hệ thống
mới tại Rutherford Appleton có thể làm điều đó
nhưng đương nhiên tất cả các chỗ đều đã được đặt trước
hàng tháng trời. Vấn đề là nó cần 20 phút để nguội sau
mỗi đợt xung, nên chỉ có thể bắn được 3 lần một giờ, nên tôi
tự hỏi không biết máy laser của ông và hệ thống làm mát mới
của tôi có thể có chút không gian trong lịch trình không nhỉ?
Tôi biết đó là một sự thiên vị lớn nhưng tôi vừa khám phá
được một thứ rất kỳ lạ ở đây và không muốn để mất nó.

Nên mỗi gửi bưu thiếp chứ không phải email.

- Mary Hoang tướng của ông.

bất khả thi. Cảm giác khi mình rời khỏi tu viện
kì lạ chưa từng thấy, giống như bước hụt khỏi
một vách đá hay gì đó nhưng không rơi mà chỉ
trôi về phía trước giữa không trung; không có
mặt đất, không trọng lực, chẳng có gì để tựa
vào nhưng cũng chẳng phải lo lắng về việc bị
rơi; chỉ đơn thuần là một cảm giác nhẹ bẫng.
Thứ có thể sẽ trở nên tèn tèm thương, thậm chí
đến mức phát khiếp - nhớ Sơ Clare chứ?
Về việc bà ấy đã bỏ đi nhưng lại phải quay lại
mặc dù đã không còn đức tin - bà ấy không
thể hoạt động ở bên ngoài được - phải xưng tội,
đương nhiên rồi, và đi khỏi trong tình trạng
còn tồi tệ hơn trước... Bà ấy cần một kiểu mặt
đất để làm bàn đạp. Mình thì thấy là mình
không cần. Mình thấy khá vui khi được trôi về
phía trước, miễn là thực sự trôi. Cảm giác như
đang tiến triển vậy. Nhưng đương nhiên là có
rất ít thứ để có thể so sánh sự tiến triển đó.
Đã thử làm tình, đánh giá một cách nghiêm vụ.
Giống như tham gia Hội Hướng đạo để lấy
phù hiệu vậy. Học nhồi nhét, luyện tập,
kiểm tra. Nhưng - thế đấy, điều duy nhất
thực sự quá quan trọng là quá trình làm việc.
Cái thứ vật lí hạt/ vật chất tối này đã kẹp
chặt lấy mình như một cơn sốt, mình bị
nhiễm bệnh vì nó, và rồi mình lại ổn.

Rồi mình bắt đầu thực sự

Mình đã đốt thuyền của mình rồi. Hay là cầu
nhỉ? ⁽¹⁾ Đàng nào thì cũng cháy hết cả rồi, mình
đang ở một thế giới khác mà. Có một thế giới khác
và mình đang ở trong đó. Mùi hương trong không
khí rất khác biệt - tươi mát hơn hay gì đó - không
có động cơ đốt trong ở đây nên cũng chẳng có
hàng thế kỉ tích tụ khí thải từ xăng dầu.

Giống như những người thợ thủ
công trung cổ điêu khắc tấm lưng của
bức tượng không kèm phần tỉ mỉ dù
cho sẽ chẳng có ai nhìn thấy nó. Chỉ
trừ cô Chua. Họ làm vậy vì Ngài. Bộ
nào làm thế vì... à, nó chẳng làm vì
bất cứ ai hết. Nó chỉ cứ làm thôi.

Hay mình phát điên rồi nhỉ? Phải
chẳng đây là ảo giác? Đến cả những
giấc mơ cũng đầy thuyết phục nên
chúng liên tiếp diễn ra. Bộ nào tự lập
đầy tất cả những chi tiết mà chẳng ai
sẽ nghĩ tới việc đưa nó vào nên đang
bịa ra nó lúc tỉnh táo.

(1) Đốt thuyền hoặc cầu là để ám chỉ không còn đường thoát.

Mình chỉ viết để bình tĩnh lại thôi.

Mình đang ngồi đây, trên một tảng đá thuộc một thế giới khác. Nếu viết được có nghĩa là mình không thể bị điên. Nhưng những người điên vẫn viết suốt mùa.

Mình không biết đạt hết được.



Sao mình lại không mang
mấy ảnh theo nhỉ?

nghe nó là MUIEF hoặc là MUIEFA

- không thể phiên âm chính xác tiếng

đó được - đương nhiên là vì đây thành quả

khác nhau. Mà cái chân đơ/ với

của họ - biểu cảm hơn rất nhiều nên so

với hai cánh tay khẳng khiu của mình.

Họ phải khua với để làm rõ nghĩa -

giống như âm sắc trong tiếng Trung Quốc

vậy - cùng một âm tiết nhưng nếu nói cao

lên sẽ có một ý nghĩa, nói trầm xuống sẽ mang

ý nghĩa khác, còn nói ngang sẽ lại mang nghĩa

thứ ba, vân vân - vậy làm sao họ nói chuyện được khi

đang đan lưới chẳng hạn? - vì họ cứ suốt ngày

làm việc đó - hẳn phải có một cách khác để

bắt đầu kể cho mình nghe đôi chút về lịch sử của họ. Không có chiến tranh, đề chế hay gì gì đấy, mà lại là ai là người đầu tiên đàn được một cái lười và người đó khám phá ra nguyên lý như thế nào - những câu chuyện dài kì đầy trau chuốt liên quan đến những quá trình khám phá và trau chuốt chậm chạp, nhưng tất cả đều rất kịch tích, đầy căng thẳng và hồi hộp - rồi đến thiên tình sử của họ, Antony & Cleopatra hay Romeo & Juliet của họ - sức truyền cảm đạt dào, sắc điệu cảm xúc phức tạp đến phi thường, tất cả những ai đang lắng nghe và chăm chú theo dõi toàn bộ câu chuyện đều đã nghe về nó vô số lần rồi - không thể diễn tả hết sự phong phú của nền văn hoá này -

Cô bé kinh ngạc - choáng váng, tổn thương, và duyên dáng với một sự ân cần đầy xúc động đổ dồn hết vào cậu bé - và cậu cũng vậy, nhưng vẫn luôn là vẻ dữ dội thẳng thắn đó - thật khó mà nhìn vào cậu mà không nao núng. Nếu có bất cứ ai nhích về phía một trong hai đứa, dù là một bước nhỏ nhất, thì đứa còn lại cũng sẽ lập tức tiến đến để bảo vệ - chúng dành mọi giây phút để ở bên nhau - chúng định làm gì? Chúng định làm gì đây?

Sau đó

Mẹ cậu bé bị bệnh - nghe như một dạng trầm cảm người ta gọi nó là cái gì lưỡng cực ấy nhỉ - cậu bé đã chăm sóc mẹ mà không nói với một ai. Nỗi sợ rằng không có cậu, bà sẽ bị đưa tới trung tâm chăm sóc, bị chia cắt, gì nhỉ - và cậu sẽ phải đi đến chỗ chăm sóc hay gì đấy - không có họ hàng thân thích. Thật không thể tin được cậu bé lại không có họ hàng thân thích gì. Thật ra nếu cậu bé nói thể thì mình sẽ tin. Mình sẽ tin vào mọi thứ cậu bé này nói.

~~Mình có thể~~ Cậu bé sẽ cần một nơi để sống, một người bảo trợ hợp pháp hay gì đấy -
Còn mình sẽ cần cậu bé. Mình có thể giúp. Mình có thể làm vậy. Có vẻ thật bất công - không mấy ảnh hưởng, không cả một bức ảnh của mẹ để cậu có thể giữ -

Nhưng cậu bé sẽ không bao giờ quên

Lời cảm ơn

Vật chất tối của Ngài đã hoàn toàn không thể được hình thành nếu không có sự hỗ trợ và động viên từ những người bạn, gia đình, các cuốn sách và những người lạ.

Tôi nợ những người sau một lời cảm ơn đặc biệt: Liz Cross, vì đã vui vẻ biên tập mọi công đoạn của tác phẩm một cách tỉ mỉ và không mệt mỏi, và vì quan điểm tuyệt vời và chắc chắn liên quan tới những bức hình trong *Con dao kì ảo*; Anne Wallace-Hadrill, vì đã cho phép tôi tham quan con thuyền dài của cô; Richard Osgood, thuộc Viện Khảo cổ Đại học Oxford, vì đã cho tôi biết cách những cuộc thám hiểm khảo cổ được chuẩn bị ra sao; Michael Malleson, thuộc Xưởng rèn Trent, Dorset, vì đã cho tôi thấy cách rèn sắt; Mike Froggatt và Tanaqui Weaver, vì đã đem đến cho tôi thêm loại giấy phù hợp (có hai lỗ trên đó) khi hàng dự trữ của tôi sắp hết. Tôi cũng phải khen tặng quán cà phê tại Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Oxford. Mỗi khi tôi bị bí với một vấn đề trong phần dẫn truyện, một li cà phê của họ và khoảng một giờ làm việc tại căn phòng thân thiện đó sẽ xua tan tất cả, có vẻ như không cần đến nỗ lực của bản thân tôi. Chưa bao giờ thất bại cả.

Tôi đã đánh cắp ý tưởng từ mọi cuốn sách mà mình từng đọc. Nguyên tắc của tôi trong việc nghiên cứu cho một cuốn tiểu thuyết là “Đọc như một chú bướm, viết như một con ong”, và nếu câu chuyện này có chứa đựng chút mật ngọt nào thì đó hoàn toàn là nhờ chất lượng nhụy hoa mà tôi đã tìm thấy trong tác phẩm của những nhà văn tài giỏi hơn. Nhưng có ba món nợ cần được cảm tạ trên hết tất cả số còn lại. Một là bài luận *Về Nhà hát Marionette* của Heinrich von Kleist mà tôi được đọc lần đầu là bản dịch của Idris Parry trong cuốn *Phụ trương Văn học Thời đại* vào năm 1978. Thứ hai là tác phẩm

Thiên đường đã mất của John Milton. Thứ ba là các tác phẩm của William Blake.

Cuối cùng là những món nợ lớn nhất của tôi. David Fielding, với niềm tin và sự khích lệ không mệt mỏi cũng như khả năng phán đoán chắc chắn và mạnh mẽ về cách mà các câu chuyện có thể được tạo ra để đem lại hiệu quả tốt hơn, tôi chịu ơn ông về phần lớn những thành công mà tác phẩm này đã đạt được; Caradoc King, tôi nợ ông một tình bạn và sự ủng hộ không suy chuyển trong hơn nửa cuộc đời mình; Enid Jones, người thầy đã giới thiệu tôi đến với *Thiên đường đã mất* cách đây rất lâu, tôi nợ ông điều tuyệt vời nhất mà giáo dục có thể trao tặng, ý niệm rằng trách nhiệm và niềm vui thích có thể cùng tồn tại; Jude vợ tôi, và các con trai Jamie và Tom, tôi nợ họ mọi thứ khác dưới vầng dương này.

Philip Pullman

Dương bản đèn chiếu

Đôi khi một tác giả có thể quay lại thăm một câu chuyện và chơi đùa với nó, không phải để chuyển thể nó sang một phương tiện truyền đạt khác (với một tác giả gốc, việc thực hiện điều đó không phải lúc nào cũng là một ý tưởng hay), hoặc để chỉnh sửa hay “cải tiến” nó (dù việc đó rất lôi cuốn nhưng giờ thì muộn rồi: Đáng ra anh phải làm thế trước khi câu chuyện được xuất bản, còn giờ công việc của anh là với những cuốn sách mới, chứ không phải những cuốn cũ). Chỉ đơn thuần để chơi đùa thôi.

Trong mỗi câu chuyện kể lại có những khoảng hở: Những nơi mà tại đó, mặc dù có các sự việc xảy ra, các nhân vật nói chuyện, hành động và sống cuộc sống của họ, nhưng câu chuyện lại chẳng hề nhắc gì đến những thứ đó cả. Thật thú vị khi thăm viếng một vài khoảng hở này và suy đoán đôi chút về điều tôi có thể thấy ở đây.

Còn về lí do vì sao tôi lại gọi những mẫu nhỏ này là “dương bản đèn chiếu”, thì đó là do tôi còn nhớ những chiếc hộp gỗ mà ông của tôi từng có, trong mỗi chiếc lại được xếp gọn gàng những tấm dương bản thể hiện các cảnh trong những câu chuyện của Kinh Thánh, những câu chuyện thần tiên, ma quỷ hay những vở kịch hài nho nhỏ với các hình dạng ngớ ngẩn. Cứ thỉnh thoảng ông lại lấy ra chiếc đèn chiếu ma thuật nặng nề và cũ mèm rồi chiếu vài tấm ảnh này lên một bức màn, còn chúng tôi sẽ ngồi trong một căn phòng tối có mùi kim loại bị nung nóng để nhìn ngắm từng khung cảnh nối tiếp nhau, cố gắng hiểu được mạch chuyện và thắc mắc không biết Thánh Paul đang làm gì trong câu chuyện về Cô bé quàng khăn đỏ; bởi vì chúng chẳng bao giờ ra khỏi hộp theo đúng thứ tự cả.

Tôi nghĩ thứ mà Ngài Asriel sử dụng trong chương hai của *Bắc Cực Quang* chính là chiếc đèn chiếu ma thuật của ông tôi. Sau đây là một vài tấm

dương bản đèn chiếu, và chúng có đi theo thứ tự nào thì cũng chẳng quan trọng.

Philip Pullman

Oxford

Tháng Hai năm 2007

Học viện Jordan, giống như một hệ thống máy đồng hồ khổng lồ với mỗi phần lại gắn kết một cách chặt chẽ với tất cả những phần còn lại, tất cả cùng chậm chạp và nặng nề tích tắc bất chấp lớp bụi phủ lên mọi bánh răng, những bức màn mạng nhện bọc lấy mỗi góc ngách, phân chuột, xác côn trùng, những bộ gân lá bị thổi vào mỗi khi gió tới từ hướng đông... Những nghi lễ và thói quen mà chẳng ai nhớ nổi nguồn gốc, nhưng cũng chẳng ai muốn làm nhiều loạn. Những bánh xe khổng lồ và những chiếc nhỏ hơn, những cái trục và đòn bẩy, tất cả đều thực hiện chức năng của mình mặc cho kết cấu gỗ cổ xưa không ngừng rên rỉ đủ thứ tiếng cọt kẹt. Đôi khi các bộ phận riêng lẻ (một người phục vụ hay một Học giả) quên mất chính xác chức năng của mình là gì trong mối tương quan với tổng thể, nhưng không bao giờ quên rằng tổng thể có một chức năng; thế là chỉ việc lặp lại những việc đã làm ngày hôm qua cùng mọi ngày trước đó, và tin tưởng vào tục lệ, vậy là đủ.

Lyra thơ thẩn trong xưởng đóng tàu Castle Mill. Mỗi gia đình du mục lại có những họa tiết đặc thù để trang trí thuyền bè của họ, dựa trên những mẫu thiết kế hoa cách điệu nhưng phức tạp và lộng lẫy hơn nhiều lần. Một ngày nọ, Lyra quan sát ông già Piet van Poppel sơn sửa thuyền của mình và hì hục chép lại mẫu hoa hồng và huệ tây mà ông đang sử dụng, sau đó cô trở lại phòng, cố gắng vẽ nó lên bộ đầm đẹp thứ nhì của mình trước khi nhận ra rằng đáng ra nó nên được thêu. Ngay sau đó, sau khi đã châm kim vào các ngón tay vô số lần, làm đứt chỉ, và mất hết kiên nhẫn với công việc này, cô bực tức vứt bộ đầm đi, để rồi phải giải thích sự vắng mặt của nó với cô Lonsdale.

Lee Scoresby, bị thu hút tới phía bắc bởi số tiền được tạo ra từ cơn sốt vàng nhưng lại chẳng kiếm được gì, thay vào đó ông lại tình cờ giành được một

chiếc khí cầu trong một trận đấu bài. Trong một thời gian ngắn, ông đã từng là người tình của một phù thủy đến từ vùng Karelia, nhưng cô đã bị hạ sát khi giao chiến - “Vì cô ấy mà tôi không bao giờ để mắt đến những phụ nữ trẻ hơn ba trăm tuổi nữa”; nói thế nhưng ông vẫn có cả núi người tình.

Asriel giữa bầy gấu: “Iofur Raknison, ta sẽ hoàn toàn thắng thắn với ông,” nổi tiếp bởi một tràng đối trá đầy tự tin và hống hách - liệu có phải ông đã nhận ra con linh thú búp bê của vua gấu, manh mối thể hiện rằng nó không giống gấu đến mức có thể bị lừa? Hay đó chỉ là may mắn? - nhưng ông hiểu lũ gấu đủ rõ. Ông rất giống con gái mình.

Phu nhân Coulter lựa chọn người tình của mình dựa trên thế lực và tầm ảnh hưởng của họ, nhưng nếu họ có ưa nhìn thì cũng chẳng tổn hại gì. Bà đã từng thực sự yêu mến một người tình nào chưa? Chưa từng. Bà cũng chẳng thể giữ nổi những người phục vụ của mình.

Lyra cảm nắng Dick Orchard, thằng bé lớn tuổi hơn có thể nhổ nước bọt xa hơn bất cứ ai. Cô bé sẽ đi lang thang trong Chợ Mái che, vô vọng nhìn thằng bé, và vụng về hôn lấy hôn để lên cái gối của mình, chỉ để xem cảm giác của nó sẽ như thế nào.

Hằng năm, Thủ quỹ Nội bộ tại Jordan sẽ gọi Lyra tới - hoặc lần theo cô bé rồi tóm gọn - để chụp ảnh. Lyra cam chịu với vẻ thờ ơ, gằm ghè về phía máy ảnh; đó chỉ là một trong những chuyện xảy ra. Cô bé chưa từng nghĩ đến việc hỏi xem những bức ảnh đó sẽ được gửi về đâu. Thật ra tất cả đều sẽ đến chỗ Ngài Asriel, nhưng ông không đời nào lại để cho cô bé biết.

Thợ làm bánh Benny tại Jordan, người có linh thú cũng là đực, đang ngồi trong căn buồng ấm cúng cùng với các anh em họ thuộc gia đình Costa của mình, lắng nghe việc Lyra đã cướp thuyền của họ như thế nào, và việc họ

yêu cầu phải trừng phạt con nhóc hỗn xược, ông không thể kìm nén được trước sự căm phẫn của họ nên đã phá lên cười. Để bù lại, ông kể cho họ nghe về việc cô bé đã cứu thoát một con chim sáo đá khỏi vuốt của con mèo nhà bếp, chỉ để chứng kiến nó chết đi sau đó như thế nào, rồi cô đã vụng về nhổ lông, moi ruột con chim rồi lén nhét nó vào cái lò nướng lớn ra sao, với hi vọng lấy lại được nó sau khi đã nấu chín. Nhưng bếp trưởng lập tức tổng khứ cô bé ra ngoài, và trong sự hồi hải, con sáo đá đã được bưng tới bàn ăn cùng với phần còn lại của yến tiệc, và được Hiệu trưởng dùng với vẻ thích thú. Sự thật lộ ra khi người ta phải gọi bác sĩ đến để chữa trị cho cơn đau của người đàn ông tội nghiệp. Lyra không tỏ ra chút hối hận. “Nó đâu phải để dành cho ông ấy,” cô nói. “Rõ ràng là dạ dày của ông ấy quá yếu. Cháu có thể đã ăn được nó rồi.” Cô bé bị cấm vào Bếp trong một thời gian. “Anh thấy chúng ta đã thoát được một thảm họa rồi đó,” Tony Costa nói.

John Parry và chiếc nhẫn bằng ngọc lam: Làm sao ông lại có được nó? Ta có thể kể một câu chuyện về chiếc nhẫn và mọi điều đã xảy ra với nó kể từ khi nó rời khỏi ngón tay người mẹ của Lee Scoresby; ta cũng có thể kể một câu chuyện về bản thân Lee nữa, thuật lại thật chi tiết toàn bộ lịch sử của ông, từ thuở niên thiếu đến thời điểm ông ngồi bên cạnh căn lều nhỏ trên bờ sông ngập nước của Yenisei, nhìn năm tay của vị pháp sư mở ra, để lộ cái vật được yêu thích vô cùng mà cách đó rất lâu, ông đã xoay nó không ngừng quanh ngón tay của mẹ mình. Các mạch truyện chệch đi, tách khỏi nhau rất xa rồi lại tụ lại, và có chuyện xảy ra khi chúng chạm tới nhau. Cái chuyện đó sẽ dẫn Lee đến với cái chết của mình, nhưng chuyện gì đã xảy ra với cái nhẫn? Nó hẳn vẫn còn ở đâu đó, quanh đây.

Suốt thời gian ở Cittàgazze, ý thức về việc một nơi có thể khác biệt đến nhường nào nếu nó không bị mục nát; sẽ dễ dàng ra sao khi con dao không được tạo ra, nếu người ta thấy được những hậu quả. Một thế giới tràn trề sung túc, thế giới của những bãi biển xinh đẹp và thời tiết ôn hòa, của phồn vinh và hòa bình - vậy mà người ta vẫn muốn nhiều hơn.

Will và mẹ của cậu, tới thăm một đôi vợ chồng có vẻ luống tuổi trong một căn nhà đồ sộ, và được chào đón một cách lạnh nhạt. Cậu bé thấy bối rối: Cậu còn quá nhỏ để hiểu được cuộc nói chuyện, những tiếng nói rì rầm, những giọt nước mắt của mẹ cậu. Sau này, tất cả những gì cậu nhớ được là vẻ khinh bỉ trên gương mặt người đàn bà lớn tuổi, cảm giác rằng hai kẻ này coi người mẹ yêu quý của cậu như cỏ rác, và sự cương quyết mãnh liệt của bản thân không bao giờ để bà phải hứng chịu sự tàn ác đó một lần nữa. Lúc đó cậu sáu tuổi. Nếu có thể giết họ, cậu hẳn sẽ làm. Rất lâu sau đó, cậu nhận ra rằng họ chính là phụ mẫu của bố mình.

Lyra nằm thao thức trên những phiến đá lạnh lẽo, giả vờ đang ngủ, trong lúc Will thì thầm với linh thú của cô. Vào những ngày sau đó, cô không ngừng nghĩ tới điều đấy!

Ô cửa ở Alaska. Hẳn nhiên là những người ở vùng này, nếu họ có biết tới nó, sẽ cho rằng đó là cánh cửa vào thế giới linh hồn; hẳn nhiên là những ô cửa sổ khác dẫn tới thế giới của chúng ta sẽ rất khó tìm, và thường bị bỏ quên. Người ta không thích những thứ kì bí, nên thay vì nhìn thẳng vào một thứ gây khó chịu, họ sẽ né tránh nó bằng được. Căn nhà mà dường như đã không có ai sinh sống trong một thời gian dài, một góc cánh đồng mà nông dân không bao giờ có thể cày bừa nổi, bức tường hỏng mà luôn luôn sắp được sửa, nhưng lại chẳng bao giờ được đụng tới... Có một nơi như thế ở Cader Idris thuộc phía bắc Xứ Wales, và một nơi khác trong một phòng ngủ khách sạn ở Glasgow.

Ngài Charles Latrom hăng sáng đều nhỏ hai giọt tinh dầu hoa vào chính giữa một chiếc khăn tay lớn bằng lụa, sau đó ông sẽ cuộn nó lại rồi cứ thế nhét một cách bất cẩn vào túi áo trên cùng của mình, ông không thể đặt tên cho thứ dầu này được: Ông đã lấy cắp nó từ một khu chợ ở Damascus, nhưng là Damascus thuộc một thế giới khác, nơi những bông hoa này được gây giống vì sự nồng nàn như da thịt tới từ mùi hương của nó. Khi phát triển

qua ngày, mùi thơm của dầu mực thối như một quả sơn trà; Ngài Charles sẽ ngả đầu sang trái rồi hít hà với vẻ mãn nguyện, có lẽ là quá thẳng thắn khiến hầu hết những người ở đó đều thấy khó chịu.

Cittàgazze dưới ánh trăng, hoang vu, tĩnh lặng và thoáng đãng: những dãy cột ướt sũng trong bóng râm dịu nhẹ, các khu vườn sông bạc được cắt tĩa và quét dọn thật hoàn hảo, những con đường rải sỏi... Tất cả các ngôi nhà đều sáng đèn, tất cả những cánh cửa đều mở toang chào đón màn đêm ấm áp. Đó là nơi đầu tiên mà Will từng cảm thấy an toàn trọn vẹn, được chào đón toàn vẹn, và hoàn toàn thoải mái như ở nhà. Cô độc, có chứ, ban đầu thì thế, nhưng cậu bé sống trong điều kiện đó chẳng khác nào cá vẫy vùng trong nước. Cậu sẽ không bao giờ biết được trông mình kì quặc đến không tưởng thế nào khi Lyra lần đầu thấy cậu.

Mary cứ nghĩ rằng người mulefa không có lịch sử, nhưng đó là bởi lịch sử mà bà được dạy trong trường là về chính trị, sự xung đột giữa những thành bang của đất nước, sự hưng thịnh và suy tàn của các đế chế. Trong thời gian sống giữa loài mulefa, bà đã học được về một loại Lịch sử khác. Họ không hề quên bất cứ thứ gì mà mình từng biết tới, những thứ như câu chuyện về trận bão khổng lồ mười lăm nghìn năm về trước, hay sự khám phá ra loài cây sợi chèo, hoặc hành trình dài cả tuần trời của một người sống sót trong vụ động đất ở bờ biển phía nam, vừa chăm sóc cái bánh xe đã bị vỡ của mình, anh ta vừa phải băng qua đất nước để tránh lũ lụt, là toàn bộ chủ đề của câu chuyện kể dài dòng và rối rắm, được thêu dệt và đối âm bởi cả người kể chuyện lẫn các thánh giả. Mary không ở bên họ đủ lâu để khám phá ra liệu họ có khái niệm về giả tưởng - hay liệu thật ra, những câu chuyện đó là được ghi nhớ hay được sáng tác ra.

Bánh bạc hà Kendal, và sự tò mò vừa cảnh vệ vừa tế nhị của Balthamos khi ông nhăm nháp một cạnh của nó. Trong suốt phần còn lại của cuộc đời, hương vị của bạc hà tấm đường luôn gợi lại hình ảnh đó trong tâm trí của

Will, và cậu lại ở đó, bên cạnh đồng lửa nhỏ bốc khói, với dòng nước tung bọt trong bóng đêm gần kề.

Trong thế giới của Lyra: các linh thú, trong thế giới của người mulefa: những cái bánh xe chứa dầu - cả hai cách đều khiến cho hoạt động của Bụi hiện ra rõ ràng. Còn thế giới của chúng ta là gì?

Lại là Will, về sau này: Cảm giác mà bàn tay và trí não cậu đã cùng nhau học được khi chớp nhón của con dao lần tìm trong những hạt vật chất nhỏ bé nhất của không khí, cảm giác của cảm nhận mà không cần đụng chạm, của hiểu biết mà không phá hỏng, của thông suốt mà không tính toán. Cậu không bao giờ để mất nó. Khi là một sinh viên ngành y, thỉnh thoảng cậu lại phải giả bộ chuẩn đoán sai một lần: Thành công khiến cậu có nguy cơ bị coi như có siêu năng lực. Sẽ an toàn hơn khi đã có đủ tư cách để đi thẳng tới đáp án đúng. Và rồi quá trình trọn đời phải học cách giải thích nó được bắt đầu.

Mary, mê mải và sung sướng khi đùa nghịch với sơn mài để tạo ra cái ống nhòm của mình; đùa nghịch là điều mà bà chưa bao giờ có thể giải thích được với người cộng sự Oliver Payne, ông cần phải biết mình đang làm gì trước khi tiến hành. Trở lại Oxford, bà đã đem ba trong số những hạt giống cây bánh xe quý giá của mình tặng cho một nhà khoa học tại Vườn Bách thảo, một người tử tế hiểu được tầm quan trọng của việc đùa bỡn. Đám cây con đang lớn lên khỏe mạnh, nhưng bà từ chối kể cho ông biết chúng tới từ đâu.

Trên bãi biển, chiếc Chân Kế đột ngột trở nên lơ lửng trong đôi tay của Lyra, như thể nó đã bỏ rơi cô bé vậy.

Một miền bất tận của màu lục ánh bạc và màu nâu vàng cát lấp lánh, tiếng thì thầm của cỏ miên man trong làn gió ấm áp. An yên, nắng tràn.

Phu nhân Coulter trong động, quan sát Will, suy đoán; Will quan sát bà, suy đoán. Những từ ngữ của họ giống như những quân cờ, được đặt xuống với sự cẩn trọng tột bậc, mỗi quân lại mang theo vầng hào quang vô hình của ẩn ý, khả năng và đe dọa. Về sau, cả hai đều cảm thấy như thể họ đã thoát chết trong gang tấc.

Lyra năm mười tám tuổi ngồi miệt mài và chăm chú trong Thư viện Công tước Humfrey cùng với Chân Kế và một chồng sách bọc da. Vén tóc ra sau hai tai, miệng ngậm bút chì, ngón tay lần xuống một danh sách các biểu tượng, Pantalaimon giữ những trang giấy cũ cứng đờ mở ra cho cô... “Nhìn này, Pan, có một dạng khuôn mẫu ở đây - thấy không? Đó là lí do tại sao chúng lại đi theo trình tự đó!” Cảm giác lúc đó như mặt trời vừa ló rạng vậy. Đó là điều thứ hai cô kể với Will vào ngày hôm sau trong Vườn Bách thảo.

^[1] Danh hiệu dành cho các vị tái sinh, hóa thân của các Lạt-ma quá cố trong Phật giáo Tây Tạng.

^[2] Loại trực thăng có cánh quạt nâng tự do, là loại máy bay đặc biệt lai tạp giữa máy bay có cánh cố định và trực thăng.

^[3] *Here's the church, and here's the steeple*: Bài đồng dao có kết hợp với những cử động của bàn tay, rất phổ biến với trẻ em Anh Quốc.

^[4] Một dạng canxit trong suốt được dùng để chứng minh sự phân cực của ánh sáng.

^[5] Loại bánh mỏng, đẹp, tròn như chiếc đĩa, được làm từ bột mì nguyên chất của Ấn Độ và một số nước Nam Á khác.

^[6] Loại bánh mì dạng dẹt được làm từ bột ngô hoặc bột mì, có xuất xứ từ Mexico và các nước Nam Mỹ.

^[7] Thuật ngữ chỉ đáy biển.

^[8] Yêu nữ đầu người mình chim trong thần thoại Hy Lạp.

^[9] *Đôi cánh thanh nhã*.

Table of Contents

1. [Start](#)
2. [1 Kẻ say ngủ bị bỏ bùa mê](#)
3. [2 Balthamos và Baruch](#)
4. [3 Động vật ăn xác thối](#)
5. [4 Ama và bảy dơi](#)
6. [5 Tòa tháp đá kim cương](#)
7. [6 Xá tội trước](#)
8. [7 Mary, đơn độc](#)
9. [8 Vodka](#)
10. [9 Lên thượng nguồn](#)
11. [10 Những chiếc bánh xe](#)
12. [11 Những con chuồn chuồn](#)
13. [12 Gãy](#)
14. [13 Tialys và Salmakia](#)
15. [14 Biết đó là gì](#)
16. [15 Rèn](#)
17. [16 Phi cơ ý lực](#)
18. [17 Dầu và sơn mài](#)
19. [18 Khu ngoại ô của người chết](#)
20. [19 Lyra và Tử thần của mình](#)
21. [20 Leo](#)
22. [21 Nhân điếu](#)
23. [22 Những kẻ thì thầm](#)
24. [23 Không lối thoát](#)
25. [24 Phu nhân Coulter tại Geneva](#)
26. [25 Saint-Jean-les-Eaux](#)

27. [26 Vực thăm](#)
28. [27 Thềm quan sát](#)
29. [28 Nửa đêm](#)
30. [29 Cuộc chiến vùng đồng bằng](#)
31. [30 Núi Mây Phủ](#)
32. [31 Cái kết của Đấng Quyền Năng](#)
33. [32 Bình minh](#)
34. [33 Bánh marzipan](#)
35. [34 Giờ thì có rồi](#)
36. [35 Qua những ngọn đồi và xa hơn thế](#)
37. [36 Mũi tên gãy](#)
38. [37 Những cồn cát](#)
39. [38 Vườn Bách thảo](#)
40. [Phụ lục](#)
41. [Lời cảm ơn](#)
42. [Dương bản đèn chiếu](#)

Table of Contents

[Start](#)

[1 Kẻ say ngủ bị bỏ bùa mê](#)

[2 Balthamos và Baruch](#)

[3 Động vật ăn xác thối](#)

[4 Ama và bảy dơi](#)

[5 Tòa tháp đá kim cương](#)

[6 Xá tội trước](#)

[7 Mary, đơn độc](#)

[8 Vodka](#)

[9 Lên thượng nguồn](#)

[10 Những chiếc bánh xe](#)

[11 Những con chuồn chuồn](#)

[12 Gãy](#)

[13 Tialys và Salmakia](#)

[14 Biết đó là gì](#)

[15 Rèn](#)

[16 Phi cơ ý lực](#)

[17 Dầu và sơn mài](#)

[18 Khu ngoại ô của người chết](#)

[19 Lyra và Tử thần của mình](#)

[20 Leo](#)

[21 Nhân điếu](#)

[22 Những kẻ thì thầm](#)

[23 Không lối thoát](#)

[24 Phu nhân Coulter tại Geneva](#)

[25 Saint-Jean-les-Eaux](#)

[26 Vực thăm](#)

[27 Thềm quan sát](#)

[28 Nửa đêm](#)

[29 Cuộc chiến vùng đồng bằng](#)

[30 Núi Mây Phủ](#)

[31 Cái kết của Đấng Quyền Năng](#)

[32 Bình minh](#)

[33 Bánh marzipan](#)

[34 Giờ thì có rồi](#)

[35 Qua những ngọn đồi và xa hơn thế](#)

[36 Mũi tên gãy](#)

[37 Những cồn cát](#)

[38 Vườn Bách thảo](#)

[Phụ lục](#)

[Lời cảm ơn](#)

[Dương bản đèn chiếu](#)